Lưu Cường Luân - Uông Đại Lý

ĐẶNG TIỂU BÌNH

MỘT TRÍ TUỆ SIÊU VIỆT

Huongthuy Bookstore | NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

ĐẶNG TIỂU BÌNH - MỘT TRÍ TUỆ SIÊU VIỆT

Tác giả: **Lưu Cường Luân - Uông Đại Lý**

Thể loại: **Nhân vật**

Cần lưu ý rằng, mặc dù cuốn sách nói về Đặng Tiểu Bình, nhưng chúng ta không thể quên những toan tính địa chính trị bẩn thỉu của Bắc Kinh cũng như vai trò cá nhân của Đặng Tiểu Bình – người được xem là chủ mưu cuộc chiến ngắn ngủi nhưng đẫm máu với Việt Nam.

THƯ VIỆN EBOOK
SÁCHMỚI.NET

NGƯỜI THÀNH CÔNG LỚN TẤT PHẢI CÓ TRÍ TUỆ LỚN

Người thành công tất phải có trí tuệ, người thành công lớn tất phải có trí tuệ lớn.

Mười lăm tuổi, Đặng Tiểu Bình đã bước vào một trào lưu lớn - Trào lưu chủ nghĩa yêu nước được dấy lên từ phong trào Ngũ Tứ năm 1919; 18 tuổi ông đã bước vào nghiệp lớn; 23 tuổi đã là chánh thư ký Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc..., cuối cùng trở thành hạt nhân của tập thể thế hệ lãnh đạo thứ hai của Đảng, một tổng công trình sư, lãnh tụ của sự nghiệp cải cách mở cửa và xây dưng hiện đại hoá Trung Quốc.

Trí tuệ thành công lớn của Đặng Tiểu Bình tuy không quá sâu xa bí ẩn nhưng tràn đầy mưu trí lớn, trí tuệ lớn và nghị lực lớn.

Một cậu bé quê 16 tuổi đã cùng một số bạn xấp xỉ tuổi mình du học ở nước ngoài; một thanh niên 25 tuổi đại biểu cho Trung ương Đảng tới Quảng Tây lãnh đạo cách mạng, một trong những nhân vật thống soái 60 vạn đại quân, tiến công và tiêu diệt 70 hoặc 80 vạn quân địch; một Bí thư Đảng uỷ tiền phương chưa hề được học qua một trường lớp đào tạo quân sự chính quy nào mà vẫn thống lĩnh và chỉ huy "trăm vạn hùng binh vượt sông lớn", một nhân vật chính trị" ba lần lên, ba lần xuống "vẫn không chùn bước lãnh đạo một đất nước đông dân nhất thế giới với nội tình phức tạp nhất khi tiến hành cải cách mở cửa... Tất cả, tất cả những cái đó không thể không đầy những rủi ro, không thể không cần một sự mưu trí lớn, một trí tuệ lớn và một nghị lực kiên cường.

Để phản ánh những điều đó đương nhiên không phải là điều đơn giản. Chúng ta chỉ có thể dùng một câu danh ngôn của ông để nói lên bí quyết đó: "mò đá qua sông". "Mò" ra được điểm nào thì viết điểm đó. Chúng tôi mong bạn đọc xa gần phân tích, lý giải và thành tâm chúc bạn đọc học thêm được nhiều hơn những phương lược và trí tuệ từ bậc vĩ nhân này.

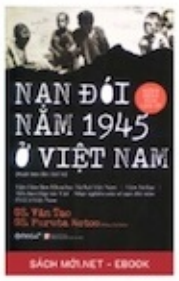

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET

CHƯƠNG 1

LÝ TƯỞNG VÀ HY VỌNG

Ngày 9 tháng 11 năm 1989, cái ngày của Đặng Tiểu Bình về hưu khi bước sang tuổi 85, trong bữa cơm trưa, người trong gia đình phấn khởi hồ hởi bàn nhau nên chúc mừng như thế nào, Đặng Tiểu Bình xúc động nói: "Sau khi nghỉ hưu, nguyện vọng cuối cùng của tôi là có được cuộc sống bình dị thật sự, cuộc sống càng đơn giản hơn, có thể dạo phố, đi đâu đó tham quan một chút". Cháu gái cả cười tít mắt nói: Ông nội đúng là người theo chủ nghĩa lý tưởng!"

Lý tưởng không lặng lẽ xa lánh chúng ta như có người đã từng nói, mà ở mỗi thời đại khác nhau, mỗi hoàn cảnh khác nhau, lý tưởng mang nội dung khác nhau.

Con người ta phải có chút ít lý tưởng, có lý tưởng mới có được hy vọng!

I. Một con rùa bằng đá liệu có bản lĩnh gì?

Không còn nghi ngờ gì nữa, Đặng Tiểu Bình là một trong những nhà chính trị vĩ đại nhất trong thế kỷ XX, ông đã thiết kế bức tranh hùng vĩ cải cách mở cửa của Trung Quốc, đã xây dựng thành công một thời đại, một đất nước. Thời đại này, đất nước này đã làm rạng rỡ cho Đặng Tiểu Bình.

Là một nhà chính trị vĩ đại, bí quyết thành công của ông chính là nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú mà con người mãi mãi phải tìm tòi. Vậy khởi điểm của ông ở đâu?

Đúng như Lỗ Tấn đã nói, tiếng khóc đầu tiên chào đời của thiên tài không phải là một bài thơ. Do vậy, ngày 12 tháng 7 năm 1904, tại Quảng An - Tứ Xuyên, Đặng Tiểu Bình cất tiếng khóc chào đời, cũng giống như một trong hàng ngàn hàng vạn đứa trẻ khác, không hề có chút đặc biệt gì. Bởi sau này, khi Đặng

Tiểu Bình đã trở thành nhân vật nổi tiếng nên những người thân thích và họ hàng trong gia đình họ đã lưu truyền với nhau rằng khi Đặng Tiểu Bình ra đời đã từng xuất hiện điềm lành, nhưng theo Đặng Dung (con gái Đặng Tiểu Bình - ND) thì đây đều là những điều bịa đặt vô căn cứ.

Vậy thì thời niên thiếu của Đặng ra sao? Đặng Dung cho biết thời niên thiếu của cha cô cũng rất bình thường. Quả thật đây là một câu nói thể hiện rõ phong cách của Đặng Tiểu Bình. Tuy nhiên, theo lưu truyền, vẫn có thể thấy một vài dấu vết chứng cứ cho thấy sự nghiệp thành đạt vừa bình thường lại vừa không bình thường của Đặng Tiểu Bình. Cái được gọi là bình thường, những câu chuyện như vậy khó có thể thấy được ở rất nhiều đứa trẻ khác; cái được gọi là không bình thường, qua nhãn quang lịch sử nhìn nhận con người Đặng Tiểu Bình, chúng ta có thể thấy một vài dấu vết chứng cứ trong cuộc đời Đặng Tiểu Bình đã bắt đầu có manh mối ngay từ thời niên thiếu. Những câu chuyện này xem ra có vẻ ngẫu nhiên nhưng thật ra chẳng ngẫu nhiên chút nào.

Cách nhà ở của Đặng Tiểu Bình không xa có 2 tấm bia thần đạo, dân chúng ở đây rất kính nể. Bia được dựng lên để ghi nhớ công ơn của hai ông quan người quê Quảng An là Đặng Thời Mẫn và Trịnh Nhân Khánh thời Thanh triều Gia Khánh. Bia đá này cao 3 mét, rộng hơn 1 mét, bia được đặt trên 2 con rùa đen bằng đá. Dân chúng ở đây cho biết, Đặng Thời Mẫn là vị thần tiên hạ giới xuống trần gian chủ trì chính nghĩa, trừ ác làm việc thiện. Do ảnh hưởng của người lớn, rất nhiều trẻ con không dám đến đây chơi. Có một lần Đặng Tiểu Bình nói với chúng bạn: "Chúng mình trèo lên lưng mà chơi một chút được không?" Lũ chúng bạn đâu dám làm vậy? Chúng nhắc lại câu nói của người lớn: "Đắc tội với thần phật, trong nhà sẽ gặp phải hạn lớn". "một con Rùa đá có bản lĩnh gì mà to như vậy?" Đặng Tiểu Bình không tin nên trèo lên đầu Rùa đen, khua chân múa tay, còn gọi chúng bạn cùng trèo lên chơi. Những đứa trẻ khác vẫn còn sợ hãi gọi Đặng Tiểu Bình xuống và bảo nếu không xuống sẽ rước họa vào thân, chúng còn nói: "Cậu rước lấy hoạ, chúng tớ cũng chẳng thoát được!" Đặng Tiểu Bình không những không nghe mà lại còn trèo từ đầu đến lưng rùa và nói: "Rước hoạ thì rước hoạ, để xem cuối cùng họ có bản lĩnh gì nào?". Lâu dần, bọn trẻ thấy Đặng Tiểu Bình chẳng sao cả, thế rồi chúng đều trèo lên lưng rùa chơi.

Trong tâm linh non trẻ của Đặng Tiểu Bình không tin có thần linh tồn tại.

Lúc 11 tuổi, Đặng Tiểu Bình từ trường tiểu học Hiệp Hưng, được ghép vào học lớp cao đẳng tiểu học huyện Quảng An. Không lâu sau đó, lớp học phát hiện một chuyện lạ làm chấn động toàn trường. Lý Tái Tiêu xuất thân trong một gia đình thương gia giàu có ở Quảng An, vì mẹ bị ốm nặng, Lý vội vàng tìm cách chữa bệnh cho mẹ: lúc bình thường, hai mẹ con tình mẫu tử vẫn sâu đậm. Câu chuyện lý Đồ Trung cắt đùi của mình chữa bệnh cho mẹ đã có ảnh hưởng đến anh ta, và thế là anh ta bắt chước theo và phải làm một người "cắt gan cứu mẹ". Anh ta vừa lấy dao rạch một đường trên ngực thì bị phát hiện và ngăn chặn. Đặng Tiểu Bình rất quan tâm đến việc này và đến hỏi thăm Lý. Tuy tuổi không nhiều, song những lời khuyên của Đặng có lý có tình: "Cậu định cắt gan cứu mẹ, liệu làm như vậy có cứu được mẹ không? Mẹ cậu rất yêu cậu, bây giờ lại mắc bệnh nặng, mẹ cậu chắc sẽ chết vì đau buồn, hậu quả như vậy, cậu có lường trước được không?" Đặng Tiểu Bình còn khuyên bảo Lý Tái Tiêu, cậu là học sinh học những cái hay cái mới, phải tin vào khoa học, từ nay về sau đừng có bao giờ làm cái việc ngốc nghếch ấy nhé. Nếu cậu hiếu thảo với mẹ, chi bằng cậu hãy xin nghỉ lấy mấy ngày, về nhà mời bác sĩ đến chữa bệnh cho mẹ, chăm nom săn sóc mẹ cậu vài ngày. Lý Tái Tiêu nghe theo lời Đặng Tiểu Bình.

Ngày nay chúng ta không cần thiết phải nghiên cứu sâu xem ở các trường cao đẳng, tiểu học, Đặng Tiểu Bình đã học những nội dung gì. Song ở một học sinh tuổi còn nhỏ đã có thể khuyên bảo người khác, hướng dẫn người khác bằng tinh thần khoa học thì rõ ràng đây là một giai thoại về thời niên thiếu đẹp dù của Đặng Tiểu Bình. Bạn hãy thử nghĩ xem, ở một huyện hẻo lánh xa xôi vào đầu thế kỷ, không thiếu gì người lớn, thậm chí cả những người có học hắn hoi đã bị mê muội và bị ảnh hưởng độc hại của mê tín phong kiến hoặc đạo đức luân lý phong kiến, nhưng Đặng Tiểu Bình lại vượt trội hơn những người cùng tuổi, tôn thờ khoa học, những hiểu biết của Đặng Tiểu Bình rõ ràng có nhiều chỗ khác thường.

Sau năm 1911, Trung Quốc không có lấy được giờ phút bình an, làn sóng cách mạng từng đợt, từng đợt xô đến làm chấn động đất nước Trung Quốc già cỗi. Những đợt sóng mạnh này thậm chí còn ảnh hưởng đến vùng nông thôn quê

hương Đặng Tiểu Bình - huyện Quảng An, tỉnh Tứ Xuyên.

Mùa hè năm 1911, Thành Đô, Trùng Khánh đã dấy lên phong trào vận động Bảo Lộ. Ở Tứ Xuyên các thương nhân bãi thị, học sinh bãi khoá. Một số cửa hàng ở Hiệp Hưng nơi quê hương Đặng Tiểu Bình cũng tới tấp đóng cửa.

Ngày 10 tháng 10 năm 1911, nổ ra cách mạng Tân Hợi, toàn quốc hăng hái phấn khởi, đảng viên và một số thành viên ở Đông Bắc Tứ Xuyên cũng khởi nghĩa, và ngày 22 tháng 11 tại Quảng An tuyên bố "chính phủ Đại Hán Thục bắc quân" (Thục là tên gọi khác của tỉnh Tứ Xuyên) độc lập. Cuối năm 1915, để phản đối Viên Thế Khải xưng vua, ở Vân Nam Thái Ngọc tuyên bố độc lập, chống lại Viên, ủng hộ quốc gia và tiến quân vào Tứ Xuyên. Sau đó không lâu, Quảng An thành lập "Tứ Xuyên Bắc Lộ hộ quốc quân" và một lần nữa tuyên bố độc lập.

Hàng loạt rung động xã hội sâu sắc, lớn lao đã xảy ra, lúc đó tuy còn nhỏ tuổi Đặng Tiểu Bình vẫn không thể hiểu nổi ý nghĩa sâu xa và nội hàm sâu sắc của những sự kiện này, nhưng phong trào cách mạng rầm rộ, sức mạnh đập tan xã hội cũ, rõ ràng đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong tâm linh non trẻ của Đặng Tiểu Bình. Để cho đến cuối đời, ông vẫn nhớ được mình đã từng cùng với bố ở trong doanh trại hai buổi tối. Đó còn là những chuyện xảy ra trong thời kỳ cách mạng Tân Hợi. Theo cuốn "Cha Tôi Đặng Tiểu Bình", cha Đặng Tiểu Bình lúc đó mới khoảng 25 tuổi, đang là lúc tuổi trẻ hăng hái, khí huyết còn đang sôi nổi, tư tưởng cách mạng chủ nghĩa dân chủ tư sản hăng hái trong tỉnh Tứ Xuyên hồi đó đã có ảnh hưởng đến cha Đặng Tiểu Bình, do vậy ông đã tham gia bạo động vũ trang của cách mạng Tân Hợi, đã từng làm chức quan nhỏ tương tự như Trung đội trưởng; cũng lúc này, Đặng Tiểu Bình ghi nhớ suốt đời hai đêm ở lại trong doanh trại của bố.

Những ghi nhớ này của Đặng Tiểu Bình cho thấy sức mạnh rung động lớn lao của cuộc cách mạng Tân Hợi.

Có thể nói hai đêm từng trải của Đặng Tiểu Bình chính là khởi điểm cho ông cảm thụ cách mạng.

Mùa hè năm 1915, từ trường tiểu học Hiệp Hưng, Đặng Tiểu Bình học ghép với lớp cao đẳng tiểu học huyện Quảng An cho đến mùa hè năm 1918. Trong

mấy năm học tập ở đây, Đặng Tiểu Bình không chỉ tiếp thu được rất nhiều tri thức mới, mà còn mở rộng tầm nhìn của mình rất nhiều. Cuối cùng trong huyện Quảng An có rất nhiều người thần kinh nhạy bén và lo việc lớn quốc gia gặp nhau.

Mùa hè năm 1918, Đặng Tiểu Bình vào học ở trường Trung học huyện Quảng An, cậu là một thiếu niên tương đối chín chắn và có chủ kiến, đồng thời từng bước hình thành được một vài quan niệm. Có thể nghĩ rằng, nếu như lúc đó Đặng Tiểu Bình hoàn toàn đắm chìm trong học tập tiếp thu cái mới thì sau này ông đã đi theo một con đường khác. Có thể khẳng định, lúc đó Đặng Tiểu Bình đã không thoả mãn với những kiến thức sách vở đã học, ông luôn chú ý theo đuổi, theo dõi những sự kiện to lớn xảy ra trong nước.

Quảng An Tứ Xuyên cách xa Bắc Kinh, sau khi phong trào Ngũ Tứ xảy ra không lâu, cuối tháng 5 thành lập phân hội học sinh yêu nước ở Quảng An, tổ chức điều hành và bãi khoá ảnh hưởng đến phong trào học sinh Bắc Kinh.

Đặng Tiểu Bình là người tham gia phong trào này, tinh thần của chủ nghĩa yêu nước như bão táp trong phong trào Ngũ Tứ đã khuấy động sâu sắc đến trái tim Đặng Tiểu Bình. Bằng hành động thực tế ông đã hưởng ứng nhiệt tình yêu nước của học sinh Bắc Kinh. Năm đó, Đặng Tiểu Bình mới 15 tuổi.

Một người theo chủ nghĩa yêu nước chưa chắc đã là người theo chủ nghĩa cộng sản. Nhưng một người theo chủ nghĩa cộng sản nhất định phải là người yêu nước.

Hơn thế nữa, lý tưởng cộng sản luôn luôn là điểm khởi đầu của chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng cộng sản của rất nhiều người cộng sản được thăng hoa từ chủ nghĩa yêu nước.

Đặng Tiểu Bình là con người như vậy. Phong trào Ngũ Tứ nổ ra đã thúc đẩy phong trào du học ở Pháp, vừa học vừa làm.

Hồi đó, Thành Đô, Trùng Khánh của Tứ Xuyên là căn cứ quan trọng của phong trào này.

Tháng 9 năm 1919, Đặng Tiểu Bình từ Quảng An vào học ở trường dự bị vừa học vừa làm và trở thành hội viên của Hội bạn học trường dự bị du học ở Pháp.

Vào trường học dự bị ở Pháp, Đặng Tiểu Bình đã lao vào học tập cần cù chịu khó. Vì phải học cả tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc, toán học và kiến thức công nghiệp nên việc học hành rất bận rộn và căng thẳng. Lúc này phong trào yêu nước phản đế dưới ảnh hưởng của phong trào Ngũ Tứ ở Tứ Xuyên vẫn chưa chấm dứt. Ở Trùng Khánh đang dấy lên phong trào quần chúng tẩy chay hàng Nhật, lấy học sinh làm chủ thể. Trong nhiệm vụ học tập khẩn trương, Đặng Tiểu Bình không hề quên gánh nặng cứu nước của mình, cậu luôn luôn theo dõi tình hình quốc gia đại sự, cậu bị lôi cuốn bởi nhiệt tình phản đế cứu quốc, tích cực hoà mình vào cuộc đất tranh quần chúng. Tháng 11 năm đó, Trịnh Hiền Thư giám đốc

Sở cảnh sát Trùng Khánh lạm dụng công quỹ hơn 4000 đồng NDT, lấy danh nghĩa là sở cảnh sát đã công khai bán đấu giá hơn 80 thùng hàng Nhật của cửa hàng Tín Phù mua vào với giá thấp. Hành động này đã khiến dân chúng Trùng Khánh xôn xao bàn tán, đồng thời lập tức dấy lên những kháng nghị gay gắt của học sinh Trùng Khánh. Họ kéo nhau đến Bộ Tư lệnh bảo vệ Trùng Khánh biểu tình thị uy kéo dài hai ngày một đêm. Sau khi trở lại trường học, họ dồn tất cả hàng hoá ngoại mang thương hiệu Nhật Bản thành một đống và đốt. Phong trào này đã buộc Trịnh Hiền Thư phải giao nộp hàng Nhật, đồng thời cũng buộc nhà đương cục Tứ Xuyên phải cách chức giám đốc Sở Cảnh sát của Trịnh Hiền Thư. Phong trào tẩy chay hàng Nhật ở Trùng Khánh, thậm chí trong cả nước đã chứng tỏ sự phẫn nộ gay gắt của nhân dân Trung Quốc trước những tội ác của chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản xâm lược Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình là người tích cực tham gia phong trào này. Sự xâm lăng của chủ nghĩa đế quốc khiến Đặng Tiểu Bình tức không chịu nổi, nhiệt tình yêu nước của quần chúng khiến Đặng Tiểu Bình dào dạt phấn khởi, những kết quả đấu tranh đã giúp Đặng Tiểu Bình nhìn nhận được sức mạnh to lớn của đấu tranh phản kháng, Đặng Tiểu Bình đã trải qua rèn luyện thử thách của mấy phong trào, tư tưởng yêu nước từng bước được hình thành.

Ngày 27 tháng 8 năm 1920, trải qua một năm học tập căng thẳng, Đặng Tiểu Bình cùng 84 học sinh của trường dự bị du học Pháp của Trùng Khánh từ biệt Trùng Khánh, nơi họ đã ở và sinh hoạt 1 năm, nơi họ được hun đúc tư tưởng

cách mạng dân chủ và tư tưởng chủ nghĩa yêu nước, hướng về phía đông, sau đó sang Pháp. Lúc này Đặng Tiểu Bình có những suy nghĩ gì, sử sách không ghi chép lại. Nhưng ở người thanh niên thấp và chắc nịch 16 tuổi, với trái tim non trẻ vững vàng bình tĩnh, trong lòng trào lên như những lớp sóng Trường Giang cuồn cuộn, chắc chắn mang theo bao ước vọng của tương lai, vô cùng thương nhớ, quyến luyến quê hương, người thân, dọc theo Trường Giang thẳng hướng phía đông. Khi đi trên Trường Giang, chắc chắn họ sẽ thưởng ngoạn cảnh đẹp của non sông đất nước, những con sông chảy xiết gầm thét, những ngọn núi cao chót vót khiến họ càng thêm phấn chấn trong lòng. Non sông gấm vóc đã đi vào lòng họ và họ đã cất cao tiếng hát: "Chúng ta là những người con của Trung Hoa...", lời ca hùng hồn đã hoà cùng tiếng sóng cuồn cuộn lan toả trên mặt sông Trường Giang.

Sau khi tàu đến Tuyên Xương, có rất nhiều người lần đầu tiên xa Tứ Xuyên đã hăm hở đi dạo chơi ngắm cảnh Tuyên Xương. Có vài người đi đến Tô giới Anh đã bị vặn hỏi và mắng nhiếc nên mọi người không hứng thú đi nữa: Đặng Tiểu Bình cũng có ý định lên bờ đi dạo. Nhìn thấy các bạn nén nhục quay trở về, Đặng Tiểu Bình chẳng còn bụng dạ nào mà đi nữa. Người Trung Quốc đi lại trên lãnh thổ của mình mà lại bị người nước ngoài ức hiếp. Việc này đã kích động sâu sắc Đặng Tiểu Bình. Người nước ngoài tác oai tác quái quá đáng trên đất nước Trung Quốc!

Ngày 5 tháng 9, tàu đến Thượng Hải, đoàn của Đặng Tiểu Bình tạm thời ở lại Thượng Hải, chờ đợi hội giáo dục Hoa - Pháp Thượng Hải mua vé đi Pháp và làm hộ chiếu. Trong mấy ngày ở Thượng Hải, những chuyện họ được nhìn thấy đã khiến họ đau lòng, tàu thuyền quân sự, tàu buôn nước ngoài đi lại hoặc neo đậu trên sông Hoàng Phố đều mang cờ nước ngoài tung bay trong gió. Ở Tô giới đâu đâu cũng thấy người nước ngoài nghênh ngang đi lại. Khi nhìn người Trung Quốc thì người nào người nấy đều tỏ vẻ khinh bỉ, không thèm nhìn người Trung Quốc quần áo lam lũ, rách mướp, tất tả vội vàng làm lụng đầu tắt mặt tối... Tất cả những điều đó đã mang đến cho Đặng Tiểu Bình những cảm nhận và nhận thức sâu đậm về đất nước Trung Quốc nghèo yếu. Thế lực chủ nghĩa đế quốc đã xâm lược và bắt nạt Trung Quốc, đã dấy lên trong lòng họ niềm tin sắt đá vào sự

nghiệp xây dựng đất nước. Đúng như vậy, họ xa Tổ quốc, xa người thân ngàn trùng xa cách tất cả chỉ vì Tổ quốc giàu mạnh.

Ngày 11 tháng 9, Đặng Tiểu Bình cùng 90 thanh niên đến từ Tứ Xuyên, Hồ Nam, Giang Tô xuất phát từ cửa sông Dương Thụ Thượng Hải lên tàu Andre-Lebom đi Pháp, bắt đầu bước vào con đường vừa học vừa làm.

Tạm xa nhé, Tổ quốc thân yêu? Chủ nghĩa yêu nước mãi mãi trong trái tim của Đặng Tiểu Bình. Lý tưởng cộng sản chủ nghĩa vĩ đại sẽ được sinh sôi và phát triển trong hạt giống yêu nước tốt.

"Tôi là người con của nhân dân Trung Quốc. Tôi yêu thiết tha Tổ quốc và nhân dân tôi". Câu nói này đã miêu tả tình cảm suốt đời của Đặng Tiểu Bình với Tổ quốc, với nhân dân. Hơn 60 năm sau, khi nói chuyện với phóng viên tạp chí "Thời đại" ở NewYork, Đặng Tiểu Bình đã nhớ lại nguyên nhân năm đó tham gia lớp vừa học vừa làm ở Pháp: "Chúng tôi thấy Trung Quốc dạo đó là một nước yếu, chúng tôi muốn Trung Quốc phải mạnh lên. Chúng tôi nhận thấy muốn đạt được mục tiêu này, chỉ có đưa Trung Quốc lên con đường hiện đại hoá, do vậy chúng tôi phải đi phương Tây học tập". Chính lý tưởng "Nước mạnh" đã giúp Đặng Tiểu Bình bền bỉ dẻo dai viết lên trang sử oanh liệt cải cách mở cửa của Trung Quốc.

Mạnh Tử nói: "Trời đã giao cho con người nhiệm vụ lớn, tất phải lao tâm khổ tứ, phải mệt mỏi về thể xác, phải vất vả về hành động. Cho nên phải có lòng kiến tài thì mới có thể thu được kết quả. Gian nan vất vả làm cho kẻ yếu bị đánh đổ, cũng làm cho trượng phu thêm kiên cường".

Trong luận văn tốt nghiệp trung cấp của mình, Mác có viết: "Khi lựa chọn nghề nghiệp, nguyên tắc chủ yếu mà chúng ta phải tuân theo: đó là hạnh phúc của loài người và hoàn thiện bản thân chúng ta"... Thiên tính của con người phải là: con người ta chỉ có làm việc vì sự hoàn mỹ và hạnh phúc của những người cùng thời đại, mới có thể đưa mình đến hoàn thiện... Nếu chúng ta lựa chọn nghề nghiệp có thể lao động vì hạnh phúc của loài người thì mọi khó khăn trở ngại không thể đè bẹp được chúng ta vì chúng ta hiến thân cho mọi người; lúc đó chúng ta không cảm thấy mình đáng thương, hạnh phúc của chúng ta thuộc về hàng ngàn hàng vạn người. Sự nghiệp của chúng ta lặng lẽ tồn tại mai sau, mãi

mãi phát huy tác dụng, sau khi chúng ta từ bỏ thế giới này, người cao thượng sẽ nhỏ những giọt nước mắt nóng hổi trên nắm xương của chúng ta".

Mác viết đoạn văn này khi mới 17 tuổi trong luận văn tốt nghiệp trung học, Đặng Tiểu Bình đi Pháp học lúc 16 tuổi. Mác lựa chọn cuộc sống hiến thân cho hạnh phúc của loài người, còn Đặng Tiểu Bình lựa chọn đi học ở phương Tây để Tổ quốc và nhân dân không phải chịu nhục. Tuy có khác nhau về nội dung, song cả hai trái tim đều rộng lượng như nhau, đều cao cả như nhau.

Họ đều không xuất phát từ những đòi hỏi cá nhân hẹp hòi ích kỷ và không vì mục đích mưu cầu hạnh phúc cá nhân. Đương nhiên, khi viết đoạn văn này Mác hơi lý tính một chút, tư tưởng sâu sắc hơn. Chính vì Đặng Tiểu Bình có sự lựa chọn đúng đắn nên như Mác nói, gánh nặng không thể đè bẹp được đau khổ về tâm hồn, mệt mỏi về thể xác, bụng đói, Đặng Tiểu Bình đều đã trải qua trong thời kỳ học ở Pháp, những điều này đã tôi luyện ý chí và tư tưởng của cậu.

Ngày 19 tháng 10 năm 1920 Đặng Tiểu Bình đến Mác xây (Pháp) vượt qua chặng đường từ Thượng Hải đến Mác xây dài hơn 31000 dặm (dặm TQ cũ) với 39 ngày trời. Đi qua Hồng Kông, Sài Gòn, Singapore và các cảng lớn của A, Âu, Phi. Trong hơn 30 ngày, Đặng Tiểu Bình đã am hiểu được thế giới rộng lớn, đặc biệt là các khu vực rộng lớn ở châu Á, châu Phi bị chủ nghĩa dư quốc tranh giành chia cắt, nhân dân bị áp bức bóc lột; cảm nhận sâu sắc những bất công đang tồn tại trong xã hội.

Ở Sài Gòn, họ được thấy người Việt Nam dưới ách cai trị của chủ nghĩa thực dân Pháp, không chỉ bị làm nô lệ cho người Pháp về thân xác mà còn bị đầy đoạ về tinh thần. Phải học tiếng Pháp trong các trường học, đi giầy dép cũng phải nộp thuế. Họ cảm thấy vô cùng tức giận: "Vừa tiêu diệt chữ viết của dân tộc, lại vừa diệt cả chủng tộc giống nòi, chính nghĩa ở chỗ nào? Nhân đạo ở đâu?" Có một người đi cùng chuyến tàu lúc đó đã từng viết trong hồi ký của mình: Có một lần ở Ấn Độ Dương, chúng tôi gặp phải bão, gió cuốn nước biển dâng cao thành từng đợt sóng, tàu khách 4 vạn tấn trong chốc lát bị gió cuốn và chìm trong sóng, ban ngày trời đất mịt mù, tàu to như vậy mà cũng như một chiếc lá, phiêu bạt trong sóng biển, thật kinh khủng và đáng sợ. Chúng tôi không chỉ không ăn được chút gì vào bụng mà còn nôn thốc nôn tháo ra mật xanh mật vàng. Chúng tôi đã

trải qua 3 ngày 3 đêm bão tố như vậy, coi như vận may qua đi. Mặt khác cũng là để mở rộng tầm nhìn. Tàu khách đều neo đậu ở các hải cảng lớn để bốc dỡ hàng hoá. Người có tiền thì lên bờ vào các nhà hàng, mua hàng hoá, người nghèo như chúng tôi thì lên bờ ngắm cảnh, xem triển làm, thăm quan các danh lam thắng cảnh, rất nhiều thành phố có nhà cao tầng, cũng có rất nhiều người mặc âu phục đi giầy đen, nhưng cũng có không ít người quần áo rách rưới, đi theo tàu ăn xin ăn mày. Ở một số cảng, tôi còn nhìn thấy một vài đứa trẻ bơi quanh tàu xin ăn. Cũng có khách ném những đồng xu xuống biển, những đứa trẻ nghèo khó này lên xuống biển vớt những đồng xu lên giữa tiếng reo hò của khách trên tàu. Nhìn những đứa trẻ sống bằng nghề này, lúc đó ai cũng phải xót ruột xót gan. Những điều này đã khiến tôi nhận thức sâu sắc rằng, con người trên thế gian này, cùng sống chung một khoảng trời, nhưng lại có hai cuộc sống cách biệt nhau quá xa, đi đến đâu cũng bất công như vậy. Đương nhiên, lúc đó tôi không thể hiểu nổi đây là do chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa thực dân gây ra.

Cảm nhận của người bạn học này có thể đại diện cho cảm nhận của các bạn trong cùng chuyến tàu đi Pháp.

Nhận thức đúng bản chất tội ác của chế độ tư bản chủ nghĩa để từ đó tôn sùng chủ nghĩa cộng sản là sự bắt đầu của lớp vừa học vừa làm.

Lúc đó nước Pháp được coi là khuôn mẫu của chế độ dân chủ phương Tây, muốn học tập phương tây, nước Pháp là một trong những mục tiêu cụ thể. Đặng Tiểu Bình đi Pháp cũng ôm ấp nguyện vọng rất tốt đẹp. Nhưng thực tế của cần công kiệm học đã giúp Đặng Tiểu Bình nhìn thấu thực chất của chủ nghĩa tư bản Pháp.

Đặng Tiểu Bình cùng các bạn trong lớp cần công kiệm học (vừa học vừa làm) vừa mới đến Pháp đã bước vào cuộc sống khó khăn nghèo khó, được bữa sáng lo bữa tối.

Sau khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, chủ nghĩa tư bản toàn thế giới xảy ra nguy cơ suy thoái kinh tế nặng nề. Từ nửa cuối năm 1920 trở đi, châu Âu không còn viễn cảnh phồn vinh, chỉ là một cảnh tiêu điều. Ở Pháp, do chuyển từ công nghiệp thời chiến sang công nghiệp thời bình, nền kinh tế của họ bộc lộ những bất lợi nghiêm trọng. Thiếu nguyên liệu cho công nghiệp, các nhà máy

ngừng sản xuất toàn bộ hoặc từng phần, một vài xí nghiệp quốc phòng đóng cửa, do đó số người thất nghiệp tăng nhanh. Sau chiến tranh Chính phủ Pháp tăng thuế, vật giá leo thang, đồng Frăng mất giá, mức sống của nhân dân giảm nhanh chóng. Kinh tế Pháp suy sụp, kinh tế Pháp khó khăn không thể không ảnh hưởng đến cuộc sống của học sinh vừa học vừa làm Trung Quốc. Đến cuối năm 1920, trong tổng số hơn 1600 học sinh vừa học vừa làm ở Pháp đã có tới 1/4 học sinh vẫn chưa có việc làm; nhưng đến mùa đông, trong số học sinh làm việc, lại có đến 1/4 mất việc, cũng có thể nói, có đến 8/10 không có việc làm. Cuộc sống của học sinh vừa học vừa làm lâm vào cảnh khốn đốn. Một số học sinh chỉ có thể náu thân ở các nhà dân ở Pari. Số đông học sinh đành phải đến hiệp hội Hoa kiều ở số 39 phố Puăngtơ, dựng những lều vải dài 40 thước, rộng 4 thước ở trong sân để sống tạm qua ngày, mỗi túp lêu vải chứa hơn 40 người.

Sinh hoạt phí của những học sinh không nghề này được hội giáo dục Hoa, Pháp cấp 5 Frăng, đủ để duy trì cuộc sống. Đây là mức sống thấp nhất, thức ăn chính của họ thường là nước trắng và khoai tây luộc. Để tiết kiệm nhiên liệu, khoai tây chỉ luộc nửa chín nửa sống ăn vào rất khó tiêu hoá, phải sống như vậy trong thời gian dài, rất nhiều học sinh mắc bệnh. Bệnh tật không có tiền chữa chạy, đã có người bỏ mạng nơi đất khách quê người. Một số nhân viên làm việc ở Hội giáo dục Hoa - Pháp lại rất thờ ơ trước hoàn cảnh của những học sinh này. Đã có người thống kê cho biết, có đến 2/10 số học sinh vừa học vừa làm bệnh tật, ốm đau, chết vì bệnh do hoàn cảnh sống khó khăn, thiếu thốn.

Đặng Tiểu Bình là học sinh vừa học vừa làm tự lo học phí, trước khi sang Pháp, gia đình đã lo tiền (kinh phí) có thể duy trì được một thời gian, song sinh hoạt ở Pari đắt đỏ hơn chỗ khác. Do đó, cuối tháng 10 năm 1920 Đặng Tiểu Bình cùng hơn 20 học sinh khác chuyển đến Baye của Canvadorl cách Pari hơn 200 km. Đến Baye học tập, mặc dù đã tiết kiệm, song tiền ăn hàng tháng vẫn phải mất hơn 200 Frăng. Gia đình lại không thể có tiền để gửi cho nữa. Năm tháng sau, Đặng Tiểu Bình không thể không đến Hội giáo dục Hoa Pháp ở Pari, hy vọng được trợ cấp và tìm được việc làm gì đó. Không lâu, Đặng và 10 người làm thuê khác vào làm ở nhà máy gang thép Cơrútxô ở miền Nam nước Pháp. Công việc của Đặng Tiểu Bình làm vừa không học được bất kỳ kỹ thuật gì mà cường

độ làm việc lại cao. Mỗi ngày làm các việc vặt vãnh trong phân xưởng, lại còn phải thay phiên làm 3 ca: sáng, tối, đêm. Đặng Tiểu Bình mới 16 tuổi đã phải chở than, vận chuyển thép tấm, đẩy xỉ than, kéo thép cây, không được nghỉ ngơi. Sau một ngày trở về tinh thần rệu rã, sức lực kiệt quệ, không muốn làm gì nữa. Học sinh vừa học vừa làm ở cách nhà máy 20 dặm, 29 người ở trong một phòng lớn. Trong ký túc xá có nhà ăn, bữa sáng sớm và bữa tối ăn ở nhà ăn, bữa trưa tự mang bánh bao vào nhà máy để ăn, khi khát đã có nước máy. Cuộc sống rất khổ sở, lương lại thấp, học sinh Trung Quốc từ 8 tuổi trở lên, lương cố định chỉ từ 12 đến 14 Frăng, Đặng Tiểu Bình chưa đầy 18 tuổi mỗi ngày chỉ có 10 Frăng. Học sinh Trung Quốc khi đi làm còn phải mua quần áo làm việc, mỗi bộ từ 20-30 Frăng. Đồng lương rẻ mạt khiến họ không thể duy trì được cuộc sống hàng ngày. Sau này, Đặng Tiểu Bình nhớ lại, khi ở nhà máy gang thép Cơrútxô lao động vất vả cả tháng trời, ăn không đủ no, còn phải đền hơn 100 Frăng. Học sinh Trung Quốc vốn đến nhà máy để làm thuê, muốn đạt mục đích vừa làm để vừa học. Kết quả sự việc lại ngoài ý muốn của mình, vì vậy ngày 23 tháng 4 năm 1921 Đặng Tiểu Bình liền bỏ không làm ở nhà máy gang thép nữa. Trong cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha tôi", Đặng Dung có viết: "Trong gần một tháng thực tiễn làm việc ở nhà máy của Pháp, cha tôi đã lần đầu tiên tiếp xúc với mặt trái của chủ nghĩa tư bản, tự mình thể nghiệm vai trò bi thảm của giai cấp làm thuê bị áp bức bóc lột. Các nhà tư bản áp bức bóc lột, các ông chủ mắng chửi, cuộc sống đau khổ đã khiến cha tôi trước đây vốn là người rất đơn giản, nay bị những cơn sốc lớn".

Làm việc ở nhà máy gang thép Đặng Tiểu Bình còn có được những thu hoạch lớn, đó là đã kết bạn với hai người nhiều tuổi hơn mình là Triệu Thế Viên và Lý Lập Tam. Triệu Thế Viên lúc đó đã là đảng viên Đảng Cộng sản, Triệu đến nhà máy gang thép có mục đích triển khai công tác trong thanh niên Hoa kiều và trong học sinh vừa học vừa làm, kêu gọi họ giác ngộ giai cấp, bồi dưỡng cốt cán cách mạng. Trong nhà máy gang thép Cơrútxô, Triệu Thế Viên và Lý Lập Tam đã tổ chức được "Ban thư ký tổ hợp công nhân Hoa kiều" và lần lượt thành lập công hội Hoa kiều; lớp học ban tối cho công nhân và câu lạc bộ công nhân Hoa kiều, hội đọc sách và các đoàn thể khác, còn thành lập "Tuần báo Hoa Công". Họ còn lợi dụng những ngày nghỉ hè, nghỉ lễ đến các lều ở của công nhân để giao lưu với công nhân Hoa kiều và học sinh vừa học vừa làm, giới thiệu thời sự

trong và ngoài nước, bóc trần sự áp bức bóc lột của chính quyền phản động đối với công nhân Hoa kiều và học sinh.

Mặc dù lúc đó Đặng Tiểu Bình chưa đến 17 tuổi hoặc có thể chưa gây được sự chú ý đặc biệt của Triệu Thế Viên và những người khác, nhưng rất nhiều hoạt động do họ tổ chức và những tư tưởng họ tuyên truyền đã có ảnh hưởng rất lớn đến người thanh niên Đặng Tiểu Bình vốn có tư tưởng yêu nước sâu sắc.

Từ tháng 4 năm 1921, sau khi rời bỏ nhà máy gang thép Cơrútxô cho đến tháng 2 năm 1922, Đặng Tiểu Bình không có việc làm ổn định ở Pháp, cậu nhiều lần làm công việc tạm thời, nhiều lần thất nghiệp; đã từng làm nhân viên ở các nhà hàng, hoặc vận chuyển hàng hoá ở các nhà ga, bến tàu, vận chuyển gạch, ngói, hành lý, xi măng ở các công trường xây dựng, làm công nhân dọn dẹp quét dọn, quét rác v.v...; thậm chí còn làm cả hoa giấy, mà việc này thông thường là việc của phụ nữ. Vốn đã không có việc làm, số tiền duy trì sinh hoạt 5, 7 Frăng mỗi ngày của chính phủ Pháp sau này lại cũng bị cắt, có lúc, Đặng Tiểu Bình chẳng có lấy nguồn cung cấp sinh hoạt nào, cuộc sống thật quẫn bách. Sinh nhật lần thứ 17 của Đặng Tiểu Bình diễn ra trong khung cảnh bức bách của đói nghèo. Sau này Đặng Tiểu Bình cho rằng, sở dĩ ông ta có thân hình lùn tịt là do lúc trẻ ở Pháp, ông ta thường xuyên không được ăn no.

Những học sinh vừa học vừa làm phải xa cách quê hương, vượt trùng dương, ôm ấp bao hy vọng để đến đây, đã từ thiên đường của ước mơ tốt đẹp rơi xuống địa ngục tàn khốc.

Sau này trong hồi ký của mình, Đặng Tiểu Bình viết: "Vừa mới đến Pháp, được những học sinh vừa học vừa làm đến trước giới thiệu, mới được biết lúc đó chiến tranh thế giới thứ nhất đã kết thúc hai năm, không có nhu cầu sức lao động như thời kỳ đại chiến nữa (tức là thời kỳ sáng lập ra lớp vừa học vừa làm), tìm được việc làm không dễ dàng gì, lương lại thấp, không thể dùng phương pháp vừa làm để vừa học nữa. Những thể nghiệm thiết thân của chúng tôi cũng chứng minh được như vậy, ngay cả việc làm cũng không có thì làm sao có thể bước chân vào trường học được? Thế là những giấc mơ "Công nghiệp cứu quốc" "Học chút bản lĩnh" đều biến thành mây khói.

Cuộc sống ban đầu khi đến Pháp gian khổ như vậy, nên đến vài chục năm

sau, khi nói chuyện với Dương Thượng Côn về cuộc sống lúc đó, Đặng Tiểu Bình còn nói: "Mỗi khi mua được chiếc bánh bao sừng bò và 1 cốc sữa là đã thấy sướng lắm rồi". Mặc dù mục tiêu đi Pháp là để học tập, nhưng vì nguyên nhân kinh tế nên Đặng Tiểu Bình vẫn chưa thể học một thời gian dài ở một trường chính quy, nhưng trong suốt cả cuộc đời Đặng Tiểu Bình, chúng ta không thấy ông có chút gì hối hận về quãng đời dập vùi phiêu bạt của mình.

Ý chí kiên cường của Đặng Tiểu Bình được rèn luyện rất nhiều ở Pháp.

Nhãn quang (tầm nhìn) rộng lớn của Đặng Tiểu Bình bắt đầu được hình thành khi ở Pháp.

Những khám phá là cao cả nhất

Dẫn tôi vào bí mật bên trong

Tôi thành to lớn thần thông

Áo đen tôi khoác giống như của thần

Tôi đi tìm kiếm bao lần

Đại dương tư tưởng trào dâng sóng đầy

Lênh đênh tìm kiếm bao ngày

Những lời chân chính giờ đây bên mình.

Thật rất xác đáng và phù hợp khi dùng một bài thơ Mác đã viết trong những năm trẻ tuổi, để hình dung tâm trạng của Đặng Tiểu Bình khi tiếp thu tuyên truyền tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. Khi tổng kết quá trình từng trải của mình ở Trường Đại học Trung Sơn - Mátxcơva - Liên Xô, Đặng Tiểu Bình viết: "Những đau khổ trong cuộc sống, những tên tay sai của các nhà tư bản - những tiếng chửi mắng, nhục mạ công nhân đã trực tiếp hoặc gián tiếp khiến tôi chịu ảnh hưởng rất lớn, lúc đầu tôi hơi có cảm giác về những tội ác của xã hội tư bản, vì cuộc sống lãng mạn, không thể có giác ngộ sâu sắc. Tiếp theo đó vừa tiếp thu những kiến thức về chủ nghĩa xã hội, nhất là về chủ nghĩa cộng sản, mặt khác lại tiếp thu tuyên truyền của những phần tử đã giác ngộ, đồng thời cộng thêm với những đau khổ mình đã chịu đựng, thế là gia nhập chi bộ (Lữ Âu) đoàn thanh niên xã hội chủ nghĩa Trung Quốc.

Sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, dưới ảnh hưởng của cách mạng Tháng

Mười Nga, phong trào công nhân nước Pháp phát triển rầm rộ. Trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa Mác và các chủ nghĩa xã hội khác lưu hành rộng khắp. Lúc đó trong số học sinh vừa học vừa làm ở Pháp, có rất nhiều người đến Pháp đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác, tuyên truyền lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, truyền bá học thuyết đấu tranh giai cấp trong công nhân Hoa kiều và trong học sinh vừa học vừa làm, qua các cách khác nhau để mở rộng ảnh hưởng chủ nghĩa Mác. Trong số người đi Pháp vừa học vừa làm có một số người trở thành nhà cách mạng có uy tín trong và ngoài nước như: Chu Ân Lai, Triệu Thế Viên, Lý Lập Tam, Thái Hoà Lâm, Thái Sướng, Trần Nghị, Nhiếp Vĩnh Trăn, Lý Duy Hán, Vương Nhược Phi, Hướng Cảnh v.v... Một số người ở Pháp đã tiếp thu lý tưởng cộng sản, có người còn là nhà cách mạng, họ là những người truyền thụ lý luận chủ nghĩa Mác đến Đặng Tiểu Bình và những học sinh vừa học vừa làm ở Pháp, giúp họ trở thành những chiến sĩ cộng sản kiên cường.

Chu Ân Lai, Triệu Thế Viên, Lý Duy Hán, Thái Sướng, Thái Hoà Sâm v.v... đều là những phần tử tiên tiến lúc bấy giờ.

Chu Ân Lai nguyên là người lãnh đạo kiệt xuất của tổ chức cộng sản Lữ Âu. Ngay từ phong trào "Ngũ Tứ", ông đã là người tổ chức, người lãnh đạo của phong trào học sinh Thiên Tân. "Giác ngộ xã", tổ chức học sinh tiến bộ nổi tiếng ở Thiên Tân là do ông đứng ra tổ chức. Tháng 11 năm 1920 Chu Ân Lai đi châu Âu vừa học vừa làm, trước tiên ông Lưu lại Pháp nửa tháng, rồi lại sang Anh chuẩn bị xin học nhưng không thành, lúc đó công nhân Pháp bãi công đã gây ảnh hưởng rất lớn. Chu Ân Lai cẩn thận điều tra phong trào công nhân Anh, đồng thời viết bài và dịch sách cho các báo để lấy tiền duy trì sinh hoạt, học tập hàng ngày. Trong các trào lưu tư tưởng đang thịnh hành ở Pháp lúc đó, Chu Ân Lại đã kiên định chọn lựa niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản. Năm 1921, được Trương Thân Phủ và Lưu Thanh Dương giới thiệu, ông đã gia nhập một trong tám tổ chức của Đảng Cộng sản Trung Quốc - nhóm Cộng sản Pari. Ở trong nước, Trương Thân Phủ đã từng cùng với Lý Đại Chiêu xây dựng chương trình hoạt động của Đảng Cộng sản Trung Quốc; Trần Độc Tú và Lý Đại Thiêu uỷ thác cho Trương Thân Phủ xây dựng tổ chức hải ngoại. Tháng 6 năm đó, Chu Ân Lai lãnh đạo học sinh vừa học vừa làm đấu tranh phản đối chính phủ Trung

Quốc vay tiền của chính phủ Anh mua vũ khí đạn dược, để từ đó ông bước sang địa vị lãnh đạo đấu tranh cách mạng. Sau khi "Đảng Cộng sản thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu" được thành lập, ông được bầu là Uỷ viên BCH Trung ương, phụ trách tuyên truyền. Tháng 2 năm 1923, sau khi "Đảng Cộng sản Trung Quốc thiếu niên du học châu Âu" đổi thành "Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc du học châu Âu", Chu Ân Lai được bầu làm Bí thư. Ông và các đồng sự của ông đã mở đầu con đường cộng sản cho học sinh vừa học vừa làm ở Pháp, có rất nhiều thanh niên cách mạng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo và tiếp thu ảnh hưởng của ông đã xây dựng cho mình lý tưởng cộng sản, nghệ thuật đấu tranh.

Triệu Thế Viên, sinh năm 1901 tại Tứ Xuyên, thời kỳ Trung học đã từng tham gia phong trào Ngũ Tứ ở Bắc Kinh. Tốt nghiệp trung học không lâu, ông tham gia vào "Học hội Trung Quốc thiếu niên" do Lý Đại Chiêu và một vài người khác phát động, là người phụ trách chủ yếu của Học hội và tờ báo của học hội. Về sau là chủ biên tờ bán nguyệt "Vừa học vừa làm". Sau khi đến Pháp. Triệu Thế Viên đã từng làm ở vài nhà máy, cũng đã trải qua thất nghiệp. Những thử thách trong nước và những nhận thức về chủ nghĩa tư bản đã khiến ông nhanh chóng tiếp thu chủ nghĩa Mác. Trong lớp vừa học vừa làm và trong công nhân Hoa kiều, ông và Lý Lập Tam tổ chức "Học hội lao động", dốc lòng đưa phong trào vừa học vừa làm đến cùng mưu cầu lý tưởng và chân lý. Triệu Thế Viên, Lý Lập Tam... Cùng với Thái Hoà Sâm...lãnh đạo phong trào, tranh thủ đưa học sinh vừa học vừa làm đến Pháp học. Triệu Thế Viên là một trong những người lãnh đạo sáng lập đoàn thể cộng sản vừa học vừa làm. Khi ở trong nước, ông có nhiều cuộc tiếp xúc với Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu. Tháng 3 năm 1921, ông liên lạc với Chu Ân Lai và trở thành một trong năm thành viên của nhóm Cộng sản Pari. Năm 1922 lãnh đạo sáng lập tổ chức Cộng sản vừa học vừa làm ở Pháp, ông được bầu làm Bí thư ban chấp hành Trung ương "Đảng cộng sản thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu".

Thái Hoà Sâm - người Trường An, tỉnh Hồ Nam. Năm 1918, Mao Trạch Đông cùng ông tổ chức "Tân dân học hội", hội viên của Tân dân học hội "Vừa đúng tiểu thiếu niên, tài năng đang nở rộ, dáng vẻ thư sinh, tràn trề sức khoẻ, gánh vác việc nước non, nâng cao học thức, từ bùn đen năm đó nay trở thành

quan to giàu có". Họ tự coi mình có trách nhiệm cải tạo Trung Quốc và thế giới. Năm 1920, ông đến Pháp sống ở trường Môngtari. Ông không đi học, nhưng "sục sạo tìm tòi, chọc lọc" những sách vở của Mác và phong trào cách mạng các nước, đi sâu tìm chân lý, nghiên cứu mục tiêu và con đường đi của cách mạng Trung Quốc. Ông lãnh đạo cuộc đấu tranh của học sinh Trung Quốc tại Pháp, đưa yêu sách đòi nhà đương cục nước Pháp giải quyết nguy cơ thất học, thất nghiệp, tham gia lãnh đạo phong trào vào học ở trường đại học Trung - Pháp.

Lý Duy Hán, người Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, là học viên của "Tân dân học hội" tỉnh Hồ Nam do Mao Trạch Đông lãnh đạo, cùng với Thái Hoà Sâm và các hội viên Tân dân học hội đi Pháp. Sau khi sang Pháp, đi tìm chân lý, tích cực tham gia các hoạt động cách mạng của học sinh. Khi "Đảng Cộng sản thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu" thành lập, ông làm Uỷ viên ban chấp hành Trung ương. Lý Phú Xuân, Thái Sướng là người Hồ Nam, đều là hội viên "Tân dân học hội", là phần tử tích cực hoạt động cách mạng trong học sinh ở Pháp.

Trước khi ra nước ngoài, những người này đã được rèn luyện thử thách trong phong trào Ngũ Tứ, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp chịu ảnh hưởng của Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu, nêu chí hướng cách mạng. Sau khi sang châu Âu, được tôi luyện bởi chủ nghĩa Mác, tiếp thu lý tưởng cộng sản. Họ liên tục liên lạc, khơi thông tin tức, giao lưu tư tưởng với những người cộng sản trong nước như Trần Độc Tú, Lý Đại Chiêu, Mao Trạch Đông, mài giùi tư tưởng chỉ đạo, tổ chức cách mạng. Rõ ràng họ trưởng thành hơn rất nhiều so với Đặng Tiểu Bình trẻ tuổi năm đó.

Trong quá trình tiếp xúc với họ, Đặng Tiểu Bình không chỉ bị lôi cuốn bởi nhiệt tình cách mạng của họ, mà còn khao khát tiếp thu tư tưởng cách mạng do họ truyền bá. Chính vì vậy, cũng như những người cộng sản, sau khi đã trải qua suy ngẫm và tìm tòi đau khổ, sau khi đã phân biệt và lựa chọn các trào lưu tư tưởng, Đặng Tiểu Bình trực tiếp tiếp thu chủ nghĩa cộng sản trên tinh thần chủ nghĩa yêu nước đơn thuần và trên cơ sở nhận thức cơ bản tội ác của chủ nghĩa tư bản. Ông nói: "Từ trước tới nay tôi chưa bị tư tưởng nào khác tiêm nhiễm, tôi luôn tin tưởng vào chủ nghĩa cộng sản".

Dưới ảnh hưởng và sự giúp đỡ của Triệu Thế Viên, Đặng Tiểu Bình bắt đầu

tiếp xúc với chủ nghĩa Mác, ông đã đọc các sách nhập môn của chủ nghĩa Mác như "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" "chủ nghĩa cộng sản ABC" v.v..., đồng thời còn đọc và dịch một số báo chí cách mạng trong nước như "Tân Thanh niên", "Hướng đạo"…Trong đó tờ tuần báo "Hướng đạo" có rất nhiều bài đề cập đến vấn đề chính trị hiện thực của Trung Quốc, đã 1ần lượt phanh phui vấn đề quân phiệt hỗn chiến và các kiểu chủ trương chính trị mầu sắc. Có rất nhiều vấn đề đã từng làm đau đầu Đặng Tiểu Bình, nhưng sau khi xem những bài này, ông thấy thanh thản đầu óc. Tư tưởng của ông đã thoát khỏi thất vọng chán nản và lúng túng, đã có bước nhảy vọt về chất. Dưới sự áp bức thống trị của chủ nghĩa đế quốc và phong kiến quân phiệt, thanh niên học sinh Trung Quốc không thể thực hiện được mục đích thông qua "vừa làm" đạt được "vừa học". Muốn thật sự cứu lấy quốc gia, dân tộc thoát khỏi nguy vong, để đất nước và nhân dân khỏi bị người khác ức hiếp và cường thịnh lên chỉ còn cách là đi theo con đường Mác đã chỉ ra, học tập nước Nga, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đặng Tiểu Bình tiếp thu chủ nghĩa Mác và trở thành phần tử tiên tiến trong học sinh vừa học vừa làm.

Bắt đầu từ cuối năm 1921, Triệu Thế Viên, Chu Ân Lai tích cực dốc sức vào công việc đoàn kết các phần tử tiên tiến trong học sinh vừa học vừa làm và chuẩn bị xây dựng tổ chức cộng sản của thanh niên du học châu Âu. Nhờ có kế hoạch chuẩn bị chu đáo tỷ mỷ, tháng 6 năm 1922 tổ chức cộng sản thanh niên du học châu Âu ra đời đó là "Đảng Cộng sản thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu". Bầu BCH Trung ương, Triệu Thế Viên làm Bí thư, Chu Ân Lai phụ trách tuyên truyền, Lý Duy Hán phụ trách tổ chức.

Vào dịp Hạ Thu năm 1922, được Tiêu Quốc Sinh, Nhiệm Trạch Giai giới thiệu, Đặng Tiểu Bình tham gia "Đảng Cộng sản thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu" (sau đổi thành "Đoàn thanh niên Cộng sản Trung Quốc du học châu Âu"). Từ đó Đặng Tiểu Bình bắt đầu sứ mệnh chính trị hoàn toàn mới.

Sau khi tham gia tổ chức Đoàn thanh niên, giác ngộ tư tưởng của Đặng Tiểu Bình được nâng lên rất cao, về mặt tinh thần cũng thay đổi theo. Năm 1922, khi Đặng mới đến nhà máy Kha Kim Sâm, còn là một cậu bé ngây thơ thậm chí còn mang chút bướng bỉnh nghịch ngợm, nhưng sau khi vào Đoàn cậu đã khôn lớn, chín chắn rất nhiều. Năm đó, một học sinh lớp vừa học vừa làm ở Pháp đã nhớ

lại: "Trong số học sinh tôi đã được gặp, người trẻ tuổi nhất phải kể đến Đặng Tiểu Bình. Nửa cuối năm 1922, khi tôi gặp Đặng Tiểu Bình tại quán cơm Bì Lương Ca ở ngoại ô Pari, lúc đó ông ta mới chưa đến 20 tuổi. Ông ta tuy trẻ tuổi nhưng rất lão luyện, tài khí tràn trề, cơ thể khoẻ mạnh, tinh thần dồi dào, nói năng thẳng thắn, cương trực, giọng nói sang sảng, mạnh mẽ. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, song tất cả còn đọng lại trong đầu óc tôi".

Nhiệm vụ cơ bản và nội dung hoạt động của tổ chức đoàn Lữ Âu là học tập lý luận cộng sản chủ nghĩa. Do vậy, phải thành lập Hội nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản, ở cấp dưới phải thành lập các phân hội và các nhóm, còn phải biên tập xuất bản "Tập thông tin nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản" để giao lưu học tập; biên soạn "Giáo trình chủ nghĩa cộng sản", giới thiệu các quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác. Những phần tử ưu tú này còn phải thường xuyên gặp nhau để thảo luận rất nhiều vấn đề quan trọng của cách mạng Trung Quốc. Nhóm người tôn thờ cộng sản này học tập chủ nghĩa Mác trong điều kiện vô cùng khó khăn vì họ còn phải vất vả kiếm sống hàng ngày, cuộc sống sinh hoạt rất gian khổ, thời gian dành cho học tập cũng eo hẹp.

Sau khi gia nhập tổ chức đoàn Lữ Âu, Đặng Tiểu Bình đã kiên trì nỗ lực học tập chân lý cải tạo xã hội, cải tạo thế giới, học tập có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác, nhanh chóng nâng cao trình độ lý luận, tính giác ngộ và tính kiên định cách mạng được tăng cường nhanh chóng.

Cuộc đời của Đặng Tiểu Bình trải qua nhiều cuộc đấu tranh gay go, trải qua nhiều cuộc bão táp chính trị long trời lở đất, bất kỳ trong tình huống khó khăn nào, ông đều thản nhiên bình tĩnh đối mặt một cách thông minh, dũng cảm, vượt qua dễ dàng. Vậy sức mạnh tinh thần của Đặng Tiểu Bình có từ đâu? Đó là lòng tin vào chủ nghĩa cộng sản của ông. Sau khi đã hiểu được những tinh túy của chủ nghĩa Mác, ông đã "Nắm chắc trong tay" không một phút nào rời.

Sau khi gia nhập tổ chức Đoàn, Đặng Tiểu Bình cũng giống như Mác, viết trong một bài thơ:

Ta chẳng thể sống yên

Với tâm hồn trói buộc;

Phải như trận cuồng phong ào lên phía trước

Cớ sao cam chịu sống an nhàn. Ta xông lên bởi thế kiên gan, Không ngừng, không nghỉ.

Đừng nuốt đau, đừng lặng thầm rên rỉ. Đừng tuyệt vọng, chớ bó tay!

Đừng e ngại, loay hoay

Sầu lo, chùn bước

Bởi, ta còn có được!

Chí hành động, niềm hy vọng, lòng khát khao.

Đặng Tiểu Bình đã từng cảm khái nói: "Lúc đó vào Đảng Cộng sản không dễ dàng gì. Vào thời điểm đó vào Đảng Cộng sản là việc rất lớn! Đúng ra phải nói là tất cả đều hiến dâng cho Đảng, cái gì cũng đều hiến dâng hết".

Trong trào lưu cách mạng có rất nhiều người tiếp thu lý tưởng cộng sản, nhưng cũng có không ít người đã quay lưng lại lý tưởng cộng sản khi cách mạng ở vào thoái trào, sinh mạng đang ở vào thế hiểm nguy; cũng có người không chịu đựng nổi khó khăn gian khổ của cách mạng, không chống lại được những cám dỗ, đã từ bỏ lý tưởng cộng sản. Những người thật sự có thể thực hiện: "Giàu sang không thể mua chuộc được, sức mạnh không thể khuất phục nổi, nghèo đói không thể làm đao động, hoang mang" đều phải trải qua tôi luyện trong máu và lửa.

Sau khi tiếp thu lý tưởng cộng sản, Đặng Tiểu Bình không chìm đắm trong nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác, ông từng nói: "Tôi đọc sách không nhiều". Thực tiễn và đấu tranh là phương pháp chủ yếu để ông kiên định lý tưởng cộng sản.

Năm 1922, sau khi tổ chức đoàn thanh niên Lữ Âu được thành lập, Chu Ân Lai chủ trì công tác tuyên truyền để giáo dục đoàn kết đông đảo học sinh vừa học vừa làm. Chu Ân Lai chủ trì biên tập tạp chí lý luận "Thiếu niên", tạp chí "Thiếu niên" ra được tất cả 13 kỳ, có nhiệm vụ chính là "truyền bá nguyên lý khoa học của chủ nghĩa cộng sản". Do vậy, tạp chí đã đăng tải một số tác phẩm của Mác-Ăngheh và Lê-nin, trích đăng các tin và bài có liên quan đến quốc tế cộng sản, thiếu niên cộng sản quốc tế, ngoài ra tạp chí còn phổ cập đến những trí thức cơ bản của chủ nghĩa cộng sản như tính chất, vai trò của Đảng Cộng sản,

các bài tuyên truyền xây dựng Đảng, xây dựng Đoàn, có bài còn phê phán các luận điệu của chủ nghĩa cải lương trong Đảng do Hồ Thích và một vài người khác thổi phồng lên, từ đó luận bàn Trung Quốc phải xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng phương pháp cách mạng.

Đặng Tiểu Bình chịu khó đọc các bài trên tạp chí "Thiếu niên". Qua học tập, ông đã xác định được rõ cách mạng Trung Quốc phải đi theo con đường nào, trong cuộc đấu tranh cách mạng, Đảng đang ở vị trí nào và phải có tác dụng gì? Thông qua học tập, Đặng thấy cần phải lao vào thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Ta ra khơi, tay giương ngọn cờ

Nhấn chìm mọi xích xiềng, cùm gông, roi vọt!

Các thủy thủ chẳng còn bị cai giám sát

Ai nấy làm theo nhiệm vụ của mình

Kết bạn cùng số phận - hãy sôi nổi tâm tình

Cứ để họ cười vui, bàn tán!

Côlômbô, khởi đầu cũng chịu chê bai, nhạo báng

Mà chẳng sợ, chẳng chùn; mở thông ra thế giới bao la

Cuộc chiến đấu mới đang vẫy gọi ta,

Ắt sẽ có thêm nhiều đồng đội mới

Dặm trường chinh bao hiểm nguy đón lối

Nhưng chúng ta cứ vững chí xung phong.

Cũng như Mác đã viết trong bài thơ "Cáo biệt", cuộc chiến đấu mới đang vẫy gọi Đặng Tiểu Bình, ông giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa Mác, gương buồm đón gió hướng về mục tiêu cộng sản.

Để phù hợp với tình hình mới: trong nước Quốc - Cộng hợp tác và cách mạng quốc dân đang phát triển, tháng 2 năm 1924 tạp chí "Thiếu niên" đổi tên thành "Xích quang". So với "Thiếu niên", "Xích quang" coi trọng nghiên cứu các vấn đề cách mạng trong nước hơn, bóc trần sự thật đen tối của các cường quốc đế quốc và phong kiến quân phiệt áp bức nhân dân Trung Quốc, trình bày rõ phương châm và nhiệm vụ của cách mạng Trung Quốc trong giai đoạn hiện tại, thúc đẩy tình thế cách mạng trong nước phát triển. "Xích quang" xuất bản nhanh

chóng, linh hoạt, số lượng phát hành nhiều, phạm vi phát hành và ảnh hưởng của nó hơn hẳn "Thiếu niên".

Ngay số ra đầu tiên, tạp chí "Xích quang" đã có bài tuyên ngôn "Chúng ta không chỉ phải bàn luận tình hình Trung Quốc, mà điều mong muốn hơn là chỉ ra cho mọi người biết nguồn gốc của áp bức và cách thoát khỏi áp bức, chúng ta nguyện thành khẩn và trung thực chỉ ra cho mọi người biết con đường cứu nước duy nhất, còn mọi con đường vòng vèo quanh có khác đều không thể đi theo được". Tóm lại, mục tiêu duy nhất mà chúng ta xác định là: phản đối liên hợp quốc dân của chính phủ quân phiệt, phản đối sự câu kết quốc tế của chủ nghĩa đế quốc.

Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Tiêu Bồi Sinh, Nhiệm Trúc Tuyên, Đặng Tiểu Bình (lúc này lấy bút danh là Đặng Duy Hiền) v.v... đều viết bài cho "Xích quang". Riêng một mình Chu Ân Lại đã viết gần 40 bài.

Sau khi tạp chí "Xích quang" ra đời không lâu, Đặng Tiểu Bình đến ban biên tập và trở thành thành viên trẻ tuổi nhất của Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình phụ trách khắc chữ và in ấn. Lúc đó, ban ngày Đặng còn phải đi làm, đi làm về là đến Ban Biên tập "Xích quang" ngay, cùng ở trong văn phòng chật hẹp số 17 phố Gơđruva với Chu Ân Lai, bài vở sau khi sửa xong Chu Ân Lai đưa cho Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình cẩn thận viết từng nét trên giấy nến sau đó in bằng chiếc máy in sơ sài giản đơn, cuối cùng đóng thành sách. Lúc đó Chu Ân Lại đã là một nhà cách mạng chuyên nghiệp thường triệu tập họp hành ở đây, rất nhiều khi họp cả ban đêm. Nhưng "Xích quang" vẫn phải ra đều dặn đúng kỳ. Thường là sau khi tan họp hoặc đợi khách ra về, Chu Ân Lai mới có thể viết lách, sửa bài: Những lúc như thế này, Đặng Tiểu Bình thường nhẫn nại đứng chờ bên cạnh, được bản nào in khắc bản ấy, có khi hai người làm thâu đêm suốt sáng. Có hôm làm đến khuya, Đặng Tiểu Bình rải chiếu ở luôn với Chu Ân Lai. Lúc đó tuy Chu Ân Lai mới 26 tuổi nhưng đã là một nhà lãnh đạo cách mạng lão luyện, chín chắn và có tài lãnh đạo. Sự tin tưởng kiên định của Chu Ân Lai, khả năng phân tích và nắm vững vấn đề chính xác, cách ăn nói lịch lãm, phong độ thân thiết đã cuốn hút Đặng Tiểu Bình, dưới sự lãnh đạo của Chu Ân Lai, Đặng đã học tập được rất nhiều.

Đặng Tiểu Bình lấy Chu Ân Lai làm tấm gương, chăm chỉ làm việc và đạt được nhiều thành tích xuất sắc.

Tư tưởng của Đặng Tiểu Bình ngày càng kiên định trong rèn luyện công tác hàng ngày.

Nửa cuối năm 1924, tình hình cách mạng quốc dân trong nước phát triển nhanh chóng, Chu Ân Lai và các đồng chí khác cần phải về nước, Đặng Tiểu Bình bắt đầu đảm nhận công việc biên tập của "Xích quang". Lúc này Đặng Tiểu Bình đã gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc. Cũng như Chu Ân Lai, ông đã dùng ngòi bút của mình để phê phán chủ nghĩa đế quốc và lý luận chính trị phản động mang các mầu sắc khác nhau.

Trong số học sinh Lưu học ở Pháp có một Đảng thanh niên đứng đầu là Tăng Kỳ, Úy Hoàng. Họ coi nước Pháp là trung tâm, lấy "Tuần báo tiên thanh" làm trận địa, ra sức tâng bốc "quốc gia trên hết", phủ định đấu tranh giai cấp, đồng thời công kích Đảng Cộng sản Trung Quốc liên hợp với Nga Xô và giai cấp vô sản quốc tế. Họ còn ra sức bêu riếu, nói xấu và chê trách các Đảng viên cộng sản gia nhập Quốc dân Đảng, phá hoại Quốc - Cộng hợp tác, phản đối việc xây dựng mặt trận thống nhất cách mạng phản đế phản phong.

Chu Ân Lai và các nhà lãnh đạo khác đã có hàng loạt bài phát biểu phê phán phản bác những điều xằng bậy về lý luận, phản động về chính trị của "Phái quốc gia chủ nghĩa", khiến oai phong của Tăng Kỳ, Uý Hoàng bị đả kích nặng nề. "Phái quốc gia chủ nghĩa" vẫn còn chỗ đứng nhất định trong người Hoa ở Pháp và trong lưu học sinh ở Pháp nên chúng không cam chịu, lại xuất hiện với bộ mặt cực tả và muốn tiếp tục bưng bít lừa dối một số người. Do vậy phải tiếp tục đấu tranh với "Phái quốc gia chủ nghĩa", đây là một công tác quan trọng để đoàn kết người Hoa và lưu học sinh tại Pháp. Đặng Tiểu Bình tích cực lao vào cuộc đấu tranh, ông viết rất nhiều bài với tên là Đặng Duy Hiền và các bút danh khác. Trong đó có hai bài "Hãy xem những người trong Đảng thanh niên phản cách mạng bịa đặt không ghê tay" và "Hãy xem những tin bịa đặt nhảm nhí của "Tuần báo tiên thanh", đã bóc trần những mánh khoé lừa bịp của Đảng thanh niên tự cho mình là yêu nước.

Trong các bài văn của mình, Đặng Tiểu Bình viết: Đảng thanh niên tự cho

mình có trách nhiệm cứu nước và tự cho mình là lãnh đạo của người Hoa ở Pháp, họ ca ngợi rùm beng "Lễ kỷ niệm quốc khánh" do họ chủ trì, đây là cảnh tượng gì? Là "tấu nhạc" của "âm nhạc du dương", là "vai diễn" tuyệt diệu, "Nhảy múa" của "thân hình sống động", họ nói là lễ "kỷ niệm quốc khánh" của người Hoa ở Pháp, hãy xem họ bịa đặt, họ lừa bịp như thế nào? Đặng Tiểu Bình còn chỉ ra rằng: "Phái chủ nghĩa quốc gia" quen lợi dụng tin tức bịa đặt của "Tuần báo tiên thanh" của họ để lừa dối độc giả. Vì thế Đặng Tiểu Bình đặc biệt nhắc nhở những người thường hay đọc

"Tuần báo tiên thanh" phải biết rằng, phái phản cách mạng đang nghe ngóng xem bạn cần gì để nhào nặn ra những cái bạn cần nhằm lừa bịp các bạn? Ngoài việc bóc trần hành vi xấu xa của Đảng thanh niên ra, Đặng Tiểu Bình còn phê phán tin bịa đặt nhảm nhí của Đảng thanh niên về cái gọi là Nga Xô điều quân đến biên cương áp bức Trung Quốc. Để mọi người nhận rõ được tội ác của chủ nghĩa đế quốc xâm lược Trung Quốc, trên tạp chí "Xích quang" Đặng Tiểu Bình đã có bài viết "Nhận rõ âm mưu của chủ nghĩa đế quốc quốc tế". Lúc này Anh, Mỹ, Nhật, Pháp và các nước đế quốc chủ nghĩa đang chuẩn bị liên hợp với nhau cho chính phủ quân phiệt Bắc Dương của Trung Quốc vay tiền, Đặng chỉ thẳng ra rằng: "đây là âm mưu gần đây của chủ nghĩa đế quốc đối với Trung Quốc! Thật ra Trung Quốc đã có Tứ quốc Ngân hàng, đến Ngân hàng mới vay tiền, thuế quan, thuế muối đã có người quản lý, quyền lợi đường sắt, đường hàng không không bị mất đi... Ngày nay chúng còn dùng kế hoạch Dawes mới để thống trị Trung Quốc, đây rõ ràng là thực dân hoá ngay cả những nơi xa xôi hẻo lánh. Đây rõ ràng là muốn bóc lột đến giọt máu cuối cùng của toàn thể nhân dân Trung Quốc? Toàn thể nhân dân Trung Quốc hãy đứng lên phản kháng, đánh đổ chủ nghĩa đế quốc quốc tế!".

Những bài viết của Đặng Tiểu Bình có sức chiến đấu mạnh mẽ, nói đúng sự thực, không lý luận trống rỗng, trình bày ngắn gọn, đặc biệt giầu tình cảm, tràn đầy tình yêu nước và kiên định lập trường chủ nghĩa Mác. Đương nhiên về khách quan, những bài viết này không có tính lý luận sâu sắc, cũng phải thấy được rằng tác giả lúc này còn là một thanh niên chưa đầy 20 tuổi, trở thành một trong những người lãnh đạo của Đảng đoàn du học châu Âu, ông đã cống hiến

toàn bộ tâm huyết của mình cho sự nghiệp.

Chúng ta có thể thấy Đặng Tiểu Bình tham gia rất nhiều công tác. Nửa năm đầu của năm 1925, được chi bộ du học châu Âu Trung Quốc tín nhiệm, ông đến Lyon, làm đặc phái viên của Đảng ở Lyon, phụ trách lãnh đạo phong trào công nhân Hoa kiều và Đảng đoàn.

Tháng 6 năm 1925, tại Pari Đảng đoàn du học châu Âu đã tổ chức phong trào đấu tranh quần chúng rầm rộ để ủng hộ phong trào công nhân trong nước, tố cáo tội ác tày trời của chủ nghĩa đế quốc xâm lược Trung Quốc và giết hại nhân dân Trung Quốc. Tại cuộc hội họp, biểu tình, phát biểu "kêu gọi đồng bào Hoa kiều" đều do Đặng Tiểu Bình chủ trì. Trong đó có đoạn viết: "... Chúng ta tin tưởng rằng công việc lật đổ chủ nghĩa đế quốc sẽ là thiêng liêng nhất. Bước khởi đầu để giải phóng dân tộc bị áp bức, điểm mấu chốt của bước khởi điểm để giải phóng toàn nhân loại là: "Lật đổ chủ nghĩa đế quốc!". Phong trào quần chúng chi viện năm châu của người Hoa du học ở Pháp làm chấn động cả châu Âu. Do vậy, chính phủ Pháp đã bắt giữ hơn 20 người lãnh đạo tham gia các tổ chức. Sau khi những người phụ trách các chi bộ du học châu Âu bị bắt, công việc của các chi bộ Đảng đoàn bị phá hoại, được một số đồng chí thúc giục, Đặng Tiểu Bình bèn từ Lyon "Nhất quyết bỏ việc để đến Pari làm công tác đoàn thể".

Trở lại Pari, Đặng Tiểu Bình làm Uỷ viên chấp hành lâm thời Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc du học ở châu Âu.

Ngày 24 tháng 10 năm 1925, với cương vị là người phụ trách Đảng, Đặng Tiểu Bình chủ trì một hội nghị bí mật, hội nghị thảo luận: "Tính tất yếu phải tổ chức lại Đảng Cộng sản Trung Quốc du học châu Âu". Nghiên cứu các vấn đề tăng cường tổ chức lực lượng để tiếp tục xúc tiến các mặt công tác.

Ngày 3 tháng 1 năm 1926, trong một hội nghị Người Hoa ở Pháp ủng hộ phong trào phản đế yêu nước ở Thượng Hải, Đặng Tiểu Bình đã có bài phát biểu. Bài phát biểu này cho thấy ông am hiểu rõ tình hình đấu tranh cách mạng trong nước và nắm vững cục diện quốc tế lúc bấy giờ. Do đó, ông chủ trương nên "cố gắng thúc đẩy và ủng hộ Phùng Ngọc Tường hoà giải với Liên Xô, xây dựng mối quan hệ hữu hảo, nhằm ra sức thúc đẩy cuộc đấu tranh chống quân phiệt trong nước và chủ nghĩa đế quốc quốc tế".

Những hoạt động dồn dập của chi bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đoàn thanh niên Lưu học ở châu Âu đã khiến chính phủ Pháp phải chú ý, trong đó Đặng Tiểu Bình là đối tượng mà cảnh sát Pháp đặc biệt chú ý, chúng đi thu thập tình báo khắp mọi nơi, dò tìm nơi ở của họ.

Cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - Cha tôi" và hồ sơ tình báo của cảnh sát Pháp lúc bấy giờ đã tiết lộ: "Có một người trong số họ tên là Đặng Duy Hiền... Ông ta là đại biểu cho phần tử tích cực của Đảng Cộng sản có mặt tại hội nghị, ông ta đều phát biểu trong các hội nghị do Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức, đặc biệt là chủ trương thân cận với chính phủ Liên Xô".

Ngoài ra, Đặng Huy Hiền còn có rất nhiều sổ tay ghi chép và báo chí của Đảng Cộng sản, đồng thời cũng nhận được rất nhiều thư từ Trung Quốc và Liên Xô gửi tới.

"Có hai người Trung Quốc cùng ở với Đặng Huy Hiền, hình như họ cũng đều tán thành quan điểm chính trị của Đặng Huy Hiền".

"Ba người tên là Đặng Duy Hiền, Phụ Chung Hoà và Pìng Suen Yang cùng ở một nhà cho đến tháng bảy năm đó. Hôm qua họ bất ngờ bỏ đi, còn hai người tên là Mon Fi Fian và Chen Kony cũng đồng thời vội vàng ra đi.

Những người Trung Quốc này xem ra đều là những phần tử cộng sản tích cực".

Phán đoán của cảnh sát Pháp không hề sai, Đặng Tiểu Bình và một số người thực sự là như vậy. Nhưng không chỉ có vậy mà Đặng Tiểu Bình đã trở thành nhà chính trị trẻ tuổi xuất sắc, một người Mác xít kiên định. Trong công tác thực tế, ông tích cực học tập lý luận chủ nghĩa cộng sản, xác lập thế giới quan; trong đấu tranh thực tế, ông rất kiên định niềm tin của mình, có tài năng lãnh đạo phát triển. Vì vậy, Đảng đã cử ông sang Mátxcơvà học tập.

Bước vào sự nghiệp chủ nghĩa cộng sản, ông là người thật trung thành.

"Khi tôi công tác trong đoàn thể ở châu Âu, tôi luôn cảm thấy mình không đủ năng lực nên thường xảy ra sai lầm, do vậy, từ lâu tôi đã có quyết tâm muốn sang Nga học".

"Tôi cảm thấy việc nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản của mình còn nông cạn.

Cho nên, được ở lại Nga ngày nào là tôi cố gắng nghiên cứu ngày ấy để cho mình có được một nhận thức tương đối về chủ nghĩa cộng sản".

"Khi tới Mátxcơva tôi đã xác định rõ, kiên quyết hiến dâng mình cho Đảng, cho giai cấp của mình. Từ nay về sau, tôi nguyện tuyệt đối theo sự giáo dục của Đảng, nghe theo sự chỉ huy của Đảng, suốt đời đấu tranh cho lợi ích của giai cấp vô sản".

Trên đây là một số nội dung trong bản tự truyện mà Đặng Tiểu Bình viết ở Mátxcơva. Qua đó chúng ta thấy được ở ông, người Đảng viên cộng sản trẻ mới 22 tuổi, tràn đầy quyết tâm kiên cường, nguyện suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng giai cấp của Đảng và cả yêu cầu bức thiết về việc học tập lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin của ông. Bởi ông hiểu rõ rằng, muốn nâng cao năng lực và tránh sai lầm, tốt nhất là phải nghiên cứu thật sâu sắc chủ nghĩa cộng sản.

Trong mấy năm ở Pháp, ông đã từng được đọc một số tác phẩm viết về chủ nghĩa Mác, đã tiếp xúc với nhiều quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác qua sách báo của Trung Quốc, Pháp và Liên Xô. Hàng tuần, tổ đoàn thanh niên ở Pháp đều tổ chức học tập thảo luận một lần, nhưng việc học tập này không hệ thống và không sâu. Cũng chính vì vậy nên ông cảm thấy vốn liếng lý luận của mình chưa được chắc chắn.

Tổ chức Đảng đã giành cho ông một cơ hội học tập thật thích hợp.

Từ Pari, ông tới Mátxcơvà - thánh địa của cách mạng lúc bấy giờ, là nơi những người hướng tới, là đại bản doanh của Quốc tế cộng sản và cách mạng thế giới. Ông theo học tại Đại học Trung Sơn Mátxcơva.

Tên chính thức của trường này là: "Đại học lao động Tôn Trung Sơn Trung Quốc". Đây là ngôi trường do Đảng Cộng sản và chính phủ Liên Xô xây dựng nên để kỷ niệm Tôn Trung Sơn - Một con người vĩ đại đã có cống hiến rất lớn cho Liên Xô, nhằm giúp Trung Quốc đào tạo cán bộ cách mạng. Trường được sáng lập tháng 9 năm 1925, là trường cán bộ mang tính chất Mặt trận thống nhất. Do tình thế cuộc chiến tranh cách mạng trong nước lần thứ nhất phát triển nhanh chóng, cả hai Đảng (Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản - gọi tắt là hai Đảng Quốc - Cộng) nhận thức được rằng, lực lượng cán bộ cách mạng không đủ nên lãnh đạo hai Đảng đã ủng hộ rất lớn cho việc xây dựng trường này. Hai Đảng

nhanh chóng cử những đảng viên, đoàn viên trẻ và những thanh niên ưu tú sang học ở đây.

Trong mấy năm ở Pháp, trước khi vào học ở trường, Đặng Tiểu Bình đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm đấu tranh chính trị phong phú. Nhưng không giống với người khác, ông đã xác lập được mục tiêu chủ yếu là đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống lý luận chủ nghĩa cộng sản.

Những chương trình bắt buộc phải học trong trường lúc đó là: Kinh tế học, lịch sử, vấn đề thế giới quan hiện đại, lý luận và thực tiễn của cách mạng Nga, vấn đề phát triển của xã hội Trung Quốc và ngôn ngữ học. Nội dung cụ thể bao gồm: Lịch sử phong trào cách mạng Trung Quốc, lịch sử thế giới, lịch sử phát triển xã hội, triết học (chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử), chính trị kinh tế học (chủ yếu học "Tư bản luận"), kinh tế địa lý học, chủ nghĩa Lênin (chủ yếu học "Bàn về cơ sở của chủ nghĩa Lênin" của Stalin). Ngoài ra còn phải học tiếng Nga. Lúc đó, áp lực lớn nhất và khó khăn lớn nhất đối với Đặng Tiểu Bình là tiếng Nga, vì vậy hàng ngày ông phải bỏ ra tới 4 giờ để học tiếng.

Có lúc, nhà trường còn mời một số lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế cộng sản như Stalin, Bugalin, Tônốpsky đến nói chuyện và giảng bài.

Một số người phụ trách đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Mátxcơvà như Cù Thu Bạch, Thái Hoà Lâm... Cũng thường tới thăm và giới thiệu tình hình cách mạng trong nước cho học viên.

Đảng và Chính phủ Liên Xô đã tạo điều kiện học tập và sinh hoạt rất tốt cho học sinh trong trường, có thể nói, so với thời kỳ còn ở Pháp, Đặng Tiểu Bình thấy khác nhau một trời một vực. Ông đã tận dụng điều kiện học tập ưu việt đó để dồn hết tâm trí và học hành, khi lên lớp hết sức chú ý lắng nghe, suy nghĩ, về nhà lao vào đọc rất nhiều sách. Thông qua học tập, trình độ lý luận chủ nghĩa Mác của ông đã nâng cao rất nhiều, đầu óc rộng mở hơn, lòng tin kiên định hơn. Đấu tranh cho đức tin và kiên trì lập trường chủ nghĩa Mác đã trở thành thiên chức của ông.

Cuộc tranh luận chủ yếu về mặt lý luận giữa những đảng viên của hai Đảng trong tổ bảy chính là vấn đề lý giải như thế nào về "Chủ nghĩa Tam dân" do Tôn Trung Sơn đề ra. Chủ nghĩa Tam dân mới chính là cơ sở chính trị để hai Đảng

tiến hành hợp tác với nhau. Nhưng nó có những khác nhau về mặt nguyên tắc với chủ nghĩa cộng sản, bởi vì mục tiêu phấn đấu của chủ nghĩa Tam dân là hoàn thành nhiệm vụ của cách mạng dân chủ; còn mục tiêu phấn đấu cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản là thực hiện chủ nghĩa xã hội và sau đó là xã hội cộng sản chủ nghĩa không có giai cấp, không có bóc lột, mọi người đều bình đẳng, cùng giàu có, làm theo năng lực theo nhu cầu. Những học viên phái hữu Quốc dân Đảng trong trường Trung Sơn đã cố tình làm lẫn lộn sự khác nhau giữa cương lĩnh cao nhất với cương lĩnh thấp nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lúc đó, mục tiêu của Đảng Cộng sản là hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ, nhưng phái hữu Quốc dân Đảng lại nói, trong giai đoạn cách mạng dân chủ, Đảng Cộng sản muốn hoàn thành nhiệm vụ xã hội chủ nghĩa, ý đồ muốn phá hoại mặt trận thống nhất Quốc - Cộng hợp tác cách mạng và đổ trách nhiệm cho Đảng Cộng sản.

Đây là cuộc đấu tranh về đúng sai rất lớn, là cuộc đấu tranh chính nghĩa và cuộc đấu tranh vì niềm tin của những người cộng sản.

Với Đặng Tiểu Bình, việc học tập lý luận chủ nghĩa Mác ra sao rõ ràng là một thử thách rất lớn.

Nhưng kết quả học tập của ông là một câu trả lời tuyệt vời.

Thông qua hình thức báo tường, ông và một số Đảng viên cộng sản đã viết nhiều bài rất có sức thuyết phục, lấy sự thực để nói lý lẽ, trình bày tính tất yếu và cơ sở cần được củng cố của việc Quốc Cộng hợp tác, đồng thời nêu rõ chủ trương của Đảng Cộng sản, nói rõ về mục tiêu cuối cùng của người cộng sản. Họ còn tranh luận công khai tại các hội nghị, chỉ rõ ý đồ chia rẽ Quốc - Cộng hợp tác, phê bình những lời nói sai trái làm tổn hại đến Quốc - Cộng hợp tác của phái hữu Quốc dân Đảng. Đặng Tiểu Bình vận dụng xuất sắc lý luận chủ nghĩa Mác, những phê phán của ông mang màu sắc lý luận rất mạnh mẽ, suy lý rất chặt chẽ, tác phong rất đĩnh đạc, ngôn từ ngắn gọn rất có sức nặng; ông còn rất có tài biện luận, thường mổ xẻ những vấn đề quan trọng, phê bình làm cho đối phương không thể nói lại được. Vì khả năng biện luận của ông rất mạnh mẽ, nên ông còn có một tên khác là "khẩu pháo thép".

Trong một biên bản họp tổ Đảng của chi bộ Đảng trong trường Trung Sơn có ghi lại một số tình hình về ông (trước dấu hai chấm là phạm vi khảo sát Đảng

viên của chi bộ, sau dấu hai chấm là những biểu hiện thực tế của Đảng viên). Nội dung như sau:

"Mọi hành động có phù hợp với tư cách Đảng viên không: Tất cả đều phù hợp, không có khuynh hướng sai trái".

"Tuân thủ kỷ luật Đảng không: Rất tuân thủ"

"Việc tìm hiểu và hứng thú đối với các vấn đề thực tế của Đảng và các vấn đề chính trị ra sao, trong các cuộc họp của tổ Đảng, những vấn đề đưa ra thảo luận có thái độ tích cực hay tiêu cực: Rất chú ý vấn đề kỷ luật trong Đảng, rất quan tâm và có nhận thức tốt về các vấn đề chính trị nói chung; tham gia tích cực việc thảo luận các vấn đề chính trị và biết động viên các đồng chí khác thảo luận".

"Có tham gia đầy đủ các đại hội Đảng và các cuộc họp tổ

Đảng không: Tham gia đầy đủ".

"Có chấp hành công tác do Đảng phân công không: Chấp hành tốt".

"Quan hệ với đồng chí đồng học ra sao: Mật thiết". "Có hứng thú với các bài học không: Rất hứng thú".

"Có làm gương cho người khác không: Có cố gắng học tập và có thể ảnh hưởng tốt tới người khác".

"Về mặt nhận thức Đảng: Nhận thức về Đảng rất có tiến bộ, không có các khuynh hướng sai lầm, tạo dựng được ảnh hưởng của Đảng trong đoàn viên".

"Có làm mất ảnh hưởng của Đảng trong Quốc dân Đảng không: Chưa hề có".

"Có thực hiện ý kiến của Đảng trong Quốc dân Đảng không: Có".

"Làm việc gì thích hợp nhất: Có thể làm công tác tuyên truyền và công tác tổ chức".

Biên bản này để lại cho chúng ta một ấn tượng như sau: Học tập chịu khó chịu khổ; tuân thủ nghiêm khắc kỷ luật, rất mẫn cảm với tình hình chính trị trong nước và quốc tế, trình độ nhận thức và phân tích tương đối cao. Khi thảo luận vấn đề rất biết gợi mở, biết dẫn dắt người khác cùng thảo luận. Sống chan hoà và quan hệ mật thiết với các đồng học. Luôn nhiệt tình học tập sâu sắc đối với các bài học về chủ nghĩa Mác. Có thể đứng vững trên lập trường của người Đảng viên cộng sản, luôn chấp hành tốt chỉ thị của Đảng khi sống chung với những

Đảng viên Quốc dân Đảng. Năng lực công tác tổ chức tuyên truyền tương đối mạnh. Phát huy được tác dụng đầu tàu trong lớp học".

Tóm lại, ông là hình tượng của một Đảng viên cộng sản trẻ, xuất sắc, trình độ lý luận chủ nghĩa Mác tương đối tốt, có lòng tin kiên định vào chủ nghĩa cộng sản và theo đuổi đến cùng.

CHƯƠNG 2

NHÃN QUAN THẾ GIỚI

Trong lịch sử, người Trung Quốc xưa nay đều lấy "Thiên triều thượng quốc" làm chỗ đứng, về cơ bản xem thế giới chẳng ra sao cả, giống như cách nhìn thế giới của rất nhiều người Anh và người Mỹ hiện nay.

Sau cuộc chiến tranh thuốc phiện, người Trung Quốc mới mở mắt nhìn ra thế giới. Một số ít người Trung Quốc tiên tiến cho rằng Trung Quốc cần học tập phương Tây. Nhưng hoặc như lời Mao Trạch Đông nói: "Thầy" luôn đánh "Trò", việc đánh đi đánh lại đó là làm cho Thế giới trong con mắt của đa số người Trung Quốc trở nên biến dạng đi. Lỗ Tấn hình dung rằng: Trong con mắt người Trung Quốc, người nước ngoài hoặc là quỷ hoặc là thần, không ít người Trung Quốc không đối xử với người nước ngoài như đối với người trong nước.

Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập, nhân dân Trung Quốc đứng dậy, không sợ "quỷ" và cũng không sợ "thần" nữa, người nước ngoài đã biến thành hai loại: "Bạn" và "thù". Tuy vậy, nhưng một thời kỳ rất dài, giữa Trung Quốc và nước ngoài, giữa người Trung Quốc và người nước ngoài vẫn còn cách nhau rất xa.

Đặng Tiểu Bình - một vị hào kiệt đã thay đổi lịch sử đó, mở rộng cánh cửa "Trung ương chi quốc" ra, hướng về thế giới. Người Trung Quốc bước ra, người nước ngoài bước vào, lần đầu tiên người nước ngoài biến thành “ông tây”, giống như những "ông Trương", " ông Lý", "ông Vương" của Trung Quốc vậy.

Đặng Tiểu Bình vừa học vừa làm ở Pháp hoàn toàn không phải là hành vi cá nhân cô lập, mà nằm trong bối cảnh của một phong trào có ảnh hưởng sâu sắc đến Trung Quốc hiện đại và là một phong trào nổi tiếng.

Năm Đặng Tiểu Bình đi Pháp, Chu Ân Lai - một thanh niên lúc đó mới 22

tuổi đã viết một bài thơ nói lên lòng nhiệt tình và nguyện vọng của lớp thanh niên tràn đầy nhiệt huyết của Trung Quốc lúc bấy giờ (đương nhiên gồm cả Đặng Tiểu Bình trong đó). Bài thơ viết:

Với tinh thần của bạn. Cộng với lòng quyết tâm, Và cả lòng dũng cảm,

Khí thế quyết vươn lên, Phấn đấu đầy quả cảm. Ra nước ngoài.

Vượt qua bao biển lớn, Bao bão tố gian nan

Đưa bạn tới quê hương của tự do: Nước Pháp. Ở nơi đó

Với công cụ trong tay, Với mồ hôi thấm đẫm,

Tạo nên bao thành tích huy hoàng. Nơi tôi luyện tài năng của bạn,

Cả sự lãng mạn, ngây thơ

Để ngày bạn trở về

Giương cao ngọn cờ tự do, hát vang bài ca độc lập.

So với lớp lưu học sinh hiện nay, số người này không nhiều, lúc đông nhất (từ 17 tháng 3 năm 1919 đến 21 tháng 1 năm 1921), tổng cộng có 20 đợt với hơn 1600 người, trong đó phần lớn là học sinh trung học, nhưng đã xuất hiện một lớp những nhân vật lãnh tụ và cốt cán lãnh đạo của cách mạng Trung Quốc như Chu Ân Lai, Thái Hoà Sâm, Chu Đức, Đặng Tiểu Bình, Trần Nghị, Nhiếp Vĩnh Trăn, Lý Phú Xuân và rất nhiều những nhân tài khoa học khác.

So với Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình ít tuổi hơn, lại sống ở một thị trấn nhỏ của Tứ Xuyên, việc ra nước ngoài học lúc đó cũng giống như các cháu nhỏ ra nước ngoài học bây giờ, đều do cha mẹ sắp xếp .Năm 1918, cha ông nhắn cho ông, lúc đó mới l4 tuổi đang học trung học ở Quảng An lên Trùng Khánh để thi vào trường dự bị cho lưu học sinh sang Pháp vừa học vừa làm. Trường này chiêu sinh hai loại, một loại do nhà nước cấp kinh phí (hỗ trợ một phần) và một loại do gia đình tự lo kinh phí. Sau khi đến Trùng Khánh, Đặng Tiểu Bình thi đậu vào lớp được Nhà nước tài trợ kinh phí. Ông sau này kể lại, lúc ấy, trường học đó là trường cao nhất của Trùng Khánh nên thi vào rất khó. Thế mới biết, thành tích học tập lúc nhỏ của ông thật đáng tự hào.

Tháng 9 năm 1919, trường tổ chức lễ khai giảng, sau hơn một năm học tập, lớp dự bị lưu học sinh tốt nghiệp, chỉ có hơn 80 người đạt yêu cầu, trong đó có

Đặng Tiểu Bình - một học sinh ít tuổi nhất.

Theo cuốn “Đặng Tiểu Bình - cha tôi", Đặng Tiểu Bình đã từng nhắc lại rằng, tư tưởng yêu nước cứu nước thịnh hành trong học sinh lúc đó cũng chỉ là tư tưởng cứu nước bằng con đường công nghiệp. Họ tràn trề hy vọng tới nước Pháp để vừa học vừa làm cố học lấy một nghề để về nước mà thôi. Theo một bài viết đăng vào kỳ 1 năm 1986 trên tờ tuần báo "Thời đại" của Mỹ thì Đặng Tiểu Bình đã từng nói với "Thời báo New York" rằng: "Lúc đó, chúng tôi cảm thấy Trung Quốc rất yếu nên muốn cho nó mạnh lên. Chúng tôi cho rằng, chỉ có thông qua hiện đại hoá mới thể đạt được mục đích đó nên chúng tôi tới phương Tây học. Về sau Đặng Tiểu Bình đi theo con đường cách mạng, trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp, nhưng mục đích của cách mạng vẫn là cứu nước nhằm làm cho Trung Quốc mạnh lên, về điểm này hoàn toàn nhất trí với mục tiêu ra nước ngoài thuở ban đầu. Con người ngày nay ghét chuyện "lên giọng", thường lấy sự lựa chọn của cá nhân để làm lý do ra nước ngoài học tập. Nhưng trên thế giới không có sự nghiệp cá nhân cô lập, sự thành công của bất cứ ai đều được xây dựng trên cơ sở sự nghiệp của hàng trăm triệu con người, cho dù là một việc nhỏ nào đó cũng cần phải làm cho lao động của mình có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của xã hội. Những lý lẽ lớn nói hay không là một chuyện, nhưng muốn thành công thì phải hiểu rõ các đạo lý lớn đó.

Đối với lần ra nước ngoài này và phong trào sang Pháp vừa làm vừa học lúc đó, Đặng Tiểu Bình luôn cho đó là một bước ngoặt quan trọng của một đời người và là một sự kiện trọng đại để đào tạo nên một lớp người mới cho Trung Quốc, biểu hiện rõ nhất là thái độ đối với Uông Vinh Tùng của ông trong thời kỳ đầu mới xây dựng nước Trung Quốc mới.

Trường dự bị du học Pháp ở Trùng Khánh lúc bấy giờ do Uông Vinh Tùng - Hội trưởng Hiệp hội Thương mại Trùng Khánh sáng lập ra và do chính ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Từ việc xây dựng trường đến việc quyên góp tiền bạc, xin giấy phép, đưa học sinh đi sau khi đã tốt nghiệp đều tự tay ông làm rất nhiệt tình. Năm 1949, sau khi Trùng Khánh được giải phóng, Đặng Tiểu Bình lúc đó là chính uỷ Quân khu Tây nam, việc đầu tiên là ông cho người tới thăm trường cũ, sau đó đưa xe đi mời Uông Vinh Tùng tới đơn vị ăn cơm. Ông Uông

rất vui, gặp ai cũng nói: "Đặng Tiểu Bình thật giỏi. Bây giờ tôi mới biết được người cộng sản không bao giờ quên chuyện cũ". Năm 1950, Uông Vinh Tùng nhận lời mời tới dự Hội nghị Hiệp thương chính trị toàn quốc, khi tham dự bữa tiệc chiêu đãi ở Hoài Nhân đường trong Trung Nam Hải, ông cùng ngồi ăn cơm với Đặng Tiểu Bình. Sau bữa tiệc, Trần Nghị dùng xe của mình đưa ông về nơi nghỉ.

Theo quy định, các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc không làm lễ chúc thọ, không nhận lễ, nhưng sau khi thỉnh thị Đặng Tiểu Bình, mặt trận thống nhất Trùng Khánh đã nhận phần quà chúc thọ Mao Trạch Đông của Uông Vinh Tùng, đó là một đôi bình sứ cổ, trên thùng gỗ đựng đôi bình đó có khắc ba chữ "Đông phương hồng". Đặng Tiểu Bình đã từng nói: Uông Vinh Tùng đã đào tạo cho chúng ta hai phó Thủ tướng, một người là Đặng Tiểu Bình và một người là Nhiếp Vĩnh Trăn.

Đối với Đặng Tiểu Bình mà nói, lần du học này thực sự là một bước mang tính quyết định.

Trước tiên, bước này làm cho Đặng Tiểu Bình nhìn thấy một thế giới mới mẻ, đó không phải là một sự kiện nhỏ đối với cả ông và toàn Trung Quốc.

Thế giới bày ra trước mắt ông trước tiên là chiếc tàu biển Andre-Lebom của Pháp dài 150m, rộng 20m, cao 30m, sức chở khoảng năm vạn tấn. Năm 1974, "lũ bốn tên" đã lấy một chiếc tàu sức chở một vạn tấn do Trung Quốc đóng làm tài liệu để ra sức thổi phồng lên khiến cho ông (lúc đó vừa được phục hồi công tác) cảm thấy thật nực cười, nhưng đồng thời ông cũng cảm nhận một sự nguy hại mà các nước bế quan toả cảng gây cho Trung Quốc. Về sau, ông nhiều lần nhắc tới việc này: "Đóng cửa tự thủ là không thể được". Thời kỳ "cách mạng văn hoá", vì chuyện tàu Phong Khánh mà tôi và "lũ bốn tên" đã đấu tranh kịch liệt một trận, con tàu chỉ một vạn tấn mà đã làm rùm beng lên. Năm 1920, chúng tôi đã sang Pháp trên con tàu năm vạn tấn của nước ngoài".

Điều quan trọng hơn là qua lần du học đó, ông bước lên con đường cách mạng. Pari - kinh đô Hoa lệ của thế giới đương nhiên là rất đẹp, càng đẹp hơn đối với những thanh niên sống ở tỉnh 1ẻ của Trung Quốc, nhưng cái đẹp đó lại không thuộc về phần lớn số lưu học sinh vừa học vừa làm. Ba ngày sau khi đến

Pari, Đặng Tiểu Bình cùng hơn 20 bạn học rời Pari - nơi cực kỳ đắt đỏ đến ở một trường trung học cách Pari hơn 200km. Ông ở đó nửa năm nhưng nó chẳng để lại ấn tượng gì cả. Ông đã từng nói với con cái rằng: "Trường đó đối xử với lưu học sinh như đối xử với trẻ con vậy, buổi tối bắt đi ngủ rất sớm. Đây là một trường tư, ở đó mấy tháng mà chẳng học được gì, ăn uống lại rất khổ. Suốt năm năm hai tháng ở Pháp, ông đều ăn uống chẳng ra gì, ông nói: "Mỗi khi tôi mua được một chiếc bánh sừng bò và một cốc sữa là đã cảm thấy vui lắm rồi". Về sau ông cho rằng, người ông thấp bé có liên quan đến việc thời trai trẻ sống ở Pháp thường xuyên không được ăn no". Ông có một người em trai là Đặng Khẩn giống hệt ông, chỉ khác là cao to hơn nhiều. Rõ ràng thời kỳ 16-22 tuổi là thời kỳ phát triển thì cái đói làm ông không phát triển được.

Ngày 2 tháng 4 năm 1921, ông chuyển về một nhà máy và bắt đầu cuộc đời "làm công" trong gần bốn năm trời. Ông làm việc lâu nhất trong nhà máy cao su Hazinsen nổi tiếng nhất ở châu Âu lúc bấy giờ, do một người Mỹ gốc Anh sáng lập ra. Ông còn hai lần (lần một từ 14 tháng 2 năm 1922 đến 17 tháng 10 năm 1922 và lần hai từ 2 tháng 2 năm 1923 đến 17 tháng 3 cùng năm) làm việc tại một nhà máy, mà năm 1988 khi con gái ông đến thăm nơi đó đã thành một nhà máy xây dựng bằng kết cấu thép đầu tiên to lớn và đẹp để trên thế giới. Từ 6 tháng 11 năm 1925 đến 7 tháng 11 năm 1926, ông làm việc trong nhà máy ô tô Reyne nổi tiếng, nhưng lúc ấy, ông đã trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp, nhưng ông vẫn làm thợ nguội ở nhà máy đó.

Trong thời gian đi làm đó, có lúc trong một tháng trời phải làm việc kham khổ, tiền làm ra không đủ ăn, lại phải đền chủ hơn 100 Frăng. Sau khi chuyển về nhà máy cao su, cuộc sống đỡ hơn, hàng tháng ông còn để lại được hơn 200 Frăng nhưng vẫn không đủ tiền đóng học (vì học phí phải mấy trăm Frăng một tháng). Ông nói về chuyện này như sau: "Tiền công kiếm được trang trải cho sinh hoạt còn khó nên đâu còn nghĩ tới chuyện đi học nữa". Vậy là những ý tưởng "Công nghiệp cứu nước, học một chút gì đó"… tan thành mây khói. Trong bối cảnh đó, Đặng Tiểu Bình trở thành một nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Lúc bấy giờ, Pháp là một trong những nước tiên tiến nhất của thế giới vậy mà dân chúng lại khổ như vậy, nhiều thanh niên không thể đi học được, với Đặng

Tiểu Bình mà nói, hơn năm năm trời đó thực sự tạo một cơ sở chắc chắn để ông suốt đời kiên trì bước đi trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Đương nhiên, nước Pháp cũng không phải hoàn toàn để lại cho ông những ký ức thống khổ. Đặng Tiểu Bình - một con người thực sự cầu thị nói: "Hai năm đầu, tuy tội ác của xã hội tư bản có để lại cho ông một số cảm giác", nhưng do sự "lãng mạn của cuộc sống" nên không thể có được sự giác ngộ sâu sắc được. Đối với sự "lãng mạn" này, trong cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - cha của tôi" đã giới thiệu hai đoạn tài liệu như sau:

Thời kỳ làm việc trong nhà máy có một bài về "Tán công khúc" được lưu hành trong học sinh:

Làm việc khổ

Làm việc khổ

Khổ nhất vẫn là “tán công”

Tiền kiếm được không quá 10 đồng (Frăng).

Bài vè này thực ra là những lời nhục mạ con người, những thanh niên làm quần quật suốt ngày mà chỉ kiếm không nổi 10 Frăng.

Đặng Siêu Lân người ở cùng với Đặng Tiểu Bình một nhà trong thời gian đó nhớ lại: Từ lúc ăn cơm tối xong đến khi đi ngủ còn khoảng hai ba giờ. Nhưng lại là lúc náo nhiệt nhất, rất ít người, thậm chí không ai đọc sách cả, mọi người ngồi tán chuyện, cười đùa, cãi cọ nhau, may mà không ai đánh nhau cả.

Có một cậu người Tứ Xuyên thấp bé vừa tròn 18 tuổi chạy lăng quăng khắp nơi, lúc tới chỗ này, lúc tới chỗ khác tìm người tán chuyện".

Lần ra nước ngoài đó có ảnh hưởng sâu sắc tới Đặng Tiểu Bình. Học giả Đới Duy người Mỹ gốc Hoa cho rằng:

"Đặc trưng lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình có thể đến từ bối cảnh như sau: Từ sau những năm 20, ông là người lãnh đạo Trung ương ra nước ngoài tương đối nhiều. Ông đã từng sống vài năm ở nước Pháp tự do dân chủ. Sau năm 1949, ông thường xuyên ra nước ngoài, đặc biệt là thời kỳ "cách mạng văn hoá" (chủ yếu là thời kỳ sau), năm 1974 ông sang châu Âu và Mỹ, phát biểu tại phiên họp đặc biệt của Liên hợp quốc.... Như vậy, giống như Chu Ân Lai, ông đã sớm hiểu

được sự phát triển hiện đại và mức sống ở các nước khác. Sự từng trải này của ông có lẽ đã phát huy tác dụng đối với chính sách cải cách và đặt trọng điểm vào thực hiện bốn hiện đại hoá của ông".

Người viết chúng tôi cho rằng, sự phân tích này của Đới Duy tuy không có chứng cứ trực tiếp, nhưng rõ ràng có lý do nhất định.

Năm 1957, Đặng Tiểu Bình phê bình các xí nghiệp Quốc doanh, đặc biệt là các xí nghiệp lớn của trung ương luôn xuất hiện kiểu hình thức chủ nghĩa và lãng phí nghiêm trọng, nói chung "Biển thì lớn mà làm ăn theo lối các công tử” “không cần tính toán". Ông còn nói: "Liên Xô không làm như vậy, các nước tư bản Mỹ, Pháp cũng không như vậy, thậm chí Quốc dân Đảng cũng không dám làm như vậy". Sự so sánh này chắc chắn có liên quan tới sự từng trải của ông trong thời kỳ làm việc ở Pháp và học tập ở Liên Xô.

Trong một lần nói chuyện vào năm 1978 của Đặng Tiểu Bình, một số bạn nước ngoài nói với chúng tôi, Trung Quốc lạc hậu 20 năm so với các nước tiên tiến trên thế giới. Phán đoán này có lẽ xuất phát từ xã giao nghi lễ mà thôi. Trên thực tế, một số lĩnh vực chúng ta lạc hậu hơn họ tới 30 năm, thậm chí có lĩnh vực tới 50 năm. Tháng 9 năm 1920 Đặng Tiểu Bình ra nước ngoài, cuối năm 1926 trở về nước, thời gian 50 năm kể từ năm 1978 trở về trước cũng tương đương với quãng thời gian ông ở nước ngoài. Đặng Tiểu Bình lãnh đạo cải cách mở cửa, một biện pháp mà ông đã nói tới trong ngày 10 tháng 10 năm 1978 đó là: "Chúng tôi đã cử nhiều người ra nước ngoài, làm cho rất nhiều người biết bộ mặt của thế giới ra sao. Nếu đóng cửa lại tự cố thủ, chỉ tự biết mình thì không thể phát triển được". Một Đặng Tiểu Bình trong thời trai trẻ có hơn sáu năm sống ở nước ngoài hiển nhiên có những thể nghiệm sâu sắc hơn đối với những vấn đề trên so với những người chưa từng trải qua.

Về mặt thành công của lần ra nước ngoài này của ông còn có một nhân tố khác rất quan trọng là ông được sánh vai cùng chiến đấu và kết tình hữu nghị sâu sắc với những nhân vật kiệt xuất như Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân... Điều này rất quan trọng về mọi mặt như học tập lẫn nhau, động viên nhau, tin cậy nhau và giúp đỡ lẫn nhau.

Hiển nhiên, sự thành công của Đặng Tiểu Bình về nhiều mặt đều có quan hệ

với lần ra nước ngoài đó. Đương nhiên, bản thân việc ra nước ngoài không đại biểu cho tất cả, càng không quyết định tất cả, có hơn 1600 người cùng sang Pháp vừa học vừa làm như ông, mặc dù có nhiều nhân tài nhưng phần lớn đều không có tiếng tăm gì. Mặt khác, ngay ở trên đất Trung Quốc vẫn cứ xuất hiện một lớp người ưu tú mà đại biểu cho họ là Mao Trạch Đông. Nhưng không bàn tới việc ra hay không ra nước ngoài, thì việc "Biết được bộ mặt thế giới ra sao", tích cực nhiệt tình bước vào sự nghiệp vĩ đại có liên quan mật thiết tới vận mệnh của hàng trăm triệu con người là điều không thể thiếu được đối với bất kỳ ai có tính cách tốt đẹp và tố chất tâm lý luôn theo đuổi sự thành công. Được sống, làm việc và kết tình hữu nghị với những nhân vật kiệt xuất thật là một vận may vô cùng lớn

II - Chuyên quản ngoại vụ

Tháng 1 năm 1976, Đặng Tiểu Bình thỉnh cầu Mao Trạch Đông giảm cho ông việc "gánh vác trách nhiệm chủ trì công tác hàng ngày của trung ương". Mao Trạch Đông chỉ thị: "ý tôi là có thể giảm bớt công tác nhưng không thể tách rời công tác được" và sắp xếp Hoa Quốc Phong chủ trì công tác hàng ngày của trung ương, để Đặng Tiểu Bình "chuyên quản ngoại vụ". Điều này đương nhiên chủ yếu là giành cho ông một mảnh đất cho sau này, nhưng cũng phản ánh việc lúc đó về mặt ngoại giao, Mao Trạch Đông vẫn gửi gắm hy vọng vào Đặng Tiểu Bình. Công tác ngoại giao của một quốc gia hiện đại là việc ngoại giao của các nguyên thủ và đầu óc ngoại giao, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa cũng như vậy. Trước "Cách mạng văn hoá", công tác này đều do chủ tịch nước "là Mao Chủ tịch, Lưu Thiếu Kỳ và Thủ tướng Chu Ân Lai kiêm nhiệm" trong một thời gian khá dài, mãi tới năm 1958 mới do Bộ trưởng Ngoại giao Trần Nghị đảm trách. Trong "Cách mạng văn hoá" vẫn do Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai tự mình quản. "Tiểu Bình chuyên quản ngoại sự", nếu chỉ thị này thực sự được thực hiện thì hẳn Đặng Tiểu Bình sẽ không bị đánh đổ.

Trước "Cách mạng văn hoá", Đặng Tiểu Bình chủ trì quan hệ Trung - Xô, nhưng đó chủ yếu là thuộc lĩnh vực công tác Đảng. Còn công tác ngoại giao Nhà nước, ông lại chỉ là một trong những thành viên của tập thể lãnh đạo, là một Tổng Bí thư tham dự vào các quyết sách và lãnh đạo mà thôi. Vì sao lần phục

hồi này chỉ chưa đầy ba năm, ông đã trở thành một thành viên chủ trì công tác ngoại giao trong tầng lớp hạt nhân lãnh đạo Trung ương?

Ngày 12 tháng 4 năm 1973, tại Đại lễ đường Nhân dân, Chính phủ Trung Quốc tổ chức lễ đón tiếp nguyên thủ quốc gia Cămpuchia là Xihanúc và phu nhân. Trong buổi lễ này đã xuất hiện một nhân vật, tuy chỉ đứng đằng sau hàng ngũ những người lãnh đạo Trung Quốc nhưng lại rất được mọi người chú ý tới, đó là Đặng Tiểu Bình. Đây chính là lần đầu tiên kể từ sau khi bị đánh đổ, ông xuất hiện công khai với cương vị là một phó Thủ tướng. Điều đó đã thu hút sự chú ý rộng rãi của cả trong nước và ngoài nước.

Báo "Thế giới" của Pháp đăng tin rằng, Đặng Tiểu Bình ngồi trước Từ Hướng Tiền - Phó uỷ viên trưởng Uỷ ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân.

Tối hôm đó, ngồi trước rất nhiều nhân vật mới và nhiều cán bộ già mới được trở lại vũ đài, ông lặng lẽ không nói lời nào. Sau sáu năm vắng bóng, có vẻ như ông còn có chút gì do dự, thậm chí còn hơi nhút nhát bước vào Đại lễ đường.

Một phóng viên Hungari miêu tả lại như sau:

"Một mình ông đơn độc đứng trong đại sảnh. Tuy trông ông, thấp bé nhưng lại tỏ ra là người cương nghị đầy sức mạnh. Ông mặc quần cán bộ thẫm màu như của Mao Trạch Đông, nhưng bít tất lại màu trắng. Lúc đó đương nhiên ông biết rằng, hàng trăm mắt của những người ngồi bên những chiếc bàn tròn và ở các góc xa đều đang hiếu kỳ nhìn ông, bởi ông đột ngột xuất hiện trước mặt mọi người từ trong quên lãng - sau khi đã "biến mất". Bảy năm trước, ông đã bị phong trào chính trị "đại cách mạng văn hoá vô sản vĩ đại" đánh gục, nay lại được phục hồi danh dự và xuất hiện trước mặt mọi người.

"Ông là một người có địa vị cao nhất"

"Trong bữa tiệc chiêu đãi mà mọi người khó quên đó, những người lãnh đạo Trung Quốc đang chờ buổi tiệc bắt đầu đứng thành từng tốp nói chuyện với nhau, riêng ông đứng riêng một mình lặng lẽ không nói gì cả. Nhưng ông quan sát tất cả mọi người bằng cặp mắt to như của người Âu, lại có vẻ như không bối rối chút nào mà cảm tưởng như ông đang quan sát địa thế, đánh giá mọi người để chuẩn bị đón chờ nhiệm vụ mới và cuộc chiến đấu mới".

Điều đó phản ánh ảnh hưởng của ông trong xã hội quốc tế, nhưng nói chung,

sự chú ý của xã hội quốc tế với ông lúc đó chủ yếu vẫn là chú ý tới động thái chính trị của Trung Quốc, bởi vì trong những người bị "cách mạng văn hoá" đánh đổ sau lại được phục hồi và trở lại công tác, ông là "một người có địa vị cao nhất". Với bản thân ông mà nói, do ông chủ trì công tác Đảng trong một thời gian dài nên cộng đồng quốc tế chưa hẳn đã biết ông lắm. Có để dùng câu nói thẳng thắn của Kítxingiơ chứng thực: "Nói thật, tôi không biết ông ấy là ai cả".

Tháng 8 năm 1973, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Đại hội 10, Đặng Tiểu Bình chỉ được bầu làm một uỷ viên Trung ương bình thường, chưa ai có thể biết được ông sẽ trở thành Uỷ viên thường vụ Bộ chính trị Tổng Bí thư Đảng sau khi được phục hồi vào trước "cách mạng văn hoá" cả, lúc đó, ông bị coi là người "không có khả năng thành lãnh tụ của Trung Quốc nhất".

Tháng 11 năm 1973, Kítxingiơ thăm Trung Quốc. Vào ngày cuối cùng chuyến thăm đó, Chu Ân Lại đã nói chuyện với ông ta suốt từ tối hôm đó tới tận sáng hôm sau. Sau khi nghỉ một lát, hai người lại nói chuyện tiếp, rồi ông đưa tiễn Kítxingiơ ra thẳng sân bay. Từ sân bay về lại chuẩn bị báo cáo Mao Trạch Đông ngay, nhưng lúc đó Mao Trạch Đông vẫn đang ngủ. Mao Trạch Đông có vẻ không vui vì ông nghe người khác báo cáo lại những chuyện nói sai của Chu Ân Lai và Kítxingiơ, Mao đã chỉ thị họp Bộ chính trị mở rộng phê bình Chu Ân Lai. "Lũ bốn tên" cho rằng thời cơ đã tới liền viết bài, biến chuyện nhỏ thành chuyện vô cùng lớn, thành "cuộc đấu tranh đường lối lần thứ 11" trong Đảng, kể từ sau sự kiện Lâm Bưu.

Đặng Tiểu Bình có tham gia Hội nghị Bộ chính trị mở rộng đó, lúc đầu ông không phát biểu gì. Nhưng sau khi Mao Trạch Đông nghe Hội nghị báo cáo đã hỏi: "Đặng Tiểu Bình đã phát biểu chưa?" Vậy là đã buộc Đặng Tiểu Bình phải phát biểu. Theo yêu cầu của hội nghị, ông cũng nói vài câu phê bình Chu Ân Lai rồi chuyển đề tài nói về hình thế quốc tế. Ông đã phân tích mối quan hệ chiến lược phức tạp đan xen nhau giữa Trung-Mỹ, Trung-Xô và Mỹ-Xô và cho rằng, việc nhìn nhận mối quan hệ quốc tế và quan hệ giữa hai nước không thể chỉ dựa vào một lần đàm phán và một câu nói để phán đoán được, mấu chốt là phải xem xét trên bình diện lớn. Ông cho rằng, lúc đó muốn chiến tranh nhưng lại chưa có sự chuẩn bị tốt, đặc biệt là bản thân hai nước Mỹ - Xô cũng chưa chuẩn bị tốt.

Muốn đánh ta cũng không sợ, trước kia chúng ta chỉ có hoại súng trường Mútcơtông cổ lỗ mà vẫn đánh bại được giặc Nhật, nay dùng súng đó ta vẫn có thể đánh thắng.

Đó là một lời phát biểu rất không tầm thường, đánh dấu sự manh nha của một loạt các tư tưởng quan trọng sau này như chủ đề hoà bình và phát triển, chiến lược tam giác lớn... Lúc đó nó chính là sự kiến giải rất sâu sắc về ý đồ chiến lược hoà hoãn quan hệ Trung - Mỹ và lý luận "Ba thế giới" của Mao Trạch Đông. Cái không tầm thường là ở chỗ, lúc đó người ta đang nhiệt tình đấu đá lẫn nhau, tư tưởng cấm đoán lại đặc biệt nghiêm trọng, trong số những người lãnh đạo cao đó, người thì chỉ biết im lặng, người nhát gan sợ hãi, người thì chẳng biết gì cả, thậm chí có người biết gây rối.

Số người thực sự hiểu rõ tình hình quốc tế cũng không nhiều, người nói ra được lại càng ít. Đặng Tiểu Bình - một người bị cách ly với thế giới hơn 6 năm trời, vừa được phục hồi công tác mới hơn nửa năm có được những kiến giải rất sâu sắc đối với bản thân và công việc được giao thật đáng kinh ngạc. Đương nhiên, trong thời gian bị giam lỏng, ông vẫn được đọc cách, xem báo, nghe đài, cộng thêm với việc vẫn có quan hệ riêng với Chu Ân Lai, Trần Nghị..., sau khi được phục hồi công tác lại được Chu Ân Lai gửi gắm toàn bộ hy vọng nên việc tìm hiểu và nhận thức về tình hình quốc tế khó có ai có thể sánh được.

Khả năng nhận biết tài năng con người của Mao Trạch Đông rất đặc biệt, sau khi nghe báo cáo ông rất vui mừng và cho người tìm ngay Đặng Tiểu Bình đến. Nhưng có lẽ là do thời gian quá muộn sợ ảnh hưởng đến việc nghỉ ngơi của Mao Trạch Đông; cũng có thể do có người không nhiệt tình hoặc có thể chỉ là cảm hứng nhất thời của Mao Trạch Đông mà tối đó chẳng có ai tìm Đặng Tiểu Bình cả nên hai người không gặp nhau. Nhưng tới ngày 12 tháng 12, Mao Trạch Đông đề nghị Đặng Tiểu Bình làm Uỷ viên Quân uỷ Trung ương và có thể suy nghĩ để đưa vào Bộ chính trị. Ngày 14, Mao đã chính thức đề cử Đặng Tiểu Bình làm Uỷ viên Bộ Chính trị, ông còn nói với Đặng Tiểu Bình: "Tôi muốn Bộ chính trị thêm một chánh thư ký, nếu đồng chí không muốn chức danh này thì có thể làm Tham mưu trưởng!" Ngày 22, Chu Ân Lai đích thân khởi thảo văn kiện Trung ương, tuyên bố Đặng Tiểu Bình đảm nhiệm chức Uỷ viên Bộ chính trị, tham gia

công tác lãnh đạo của trung ương.

Tháng 4 năm 1974, Liên hợp quốc tổ chức Hội nghị đặc biệt lần thứ sáu thảo luận vấn đề "Xây dựng trật tự mới cho kinh tế quốc tế" do nhóm 77 nước đưa ra. Nhóm nước này là tổ chức hợp tác kinh tế lớn nhất của các nước phát triển, về sau mở rộng tới 120 nước và khu vực. Mao Trạch Đông rất coi trọng Hội nghị này, nên đã nâng cao tiêu chuẩn đại biểu đi dự và đề cử Đặng Tiểu Bình làm đoàn trưởng đoàn này. Kể từ ngày 25 tháng 10 năm 1971 - nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa giành lại được địa vị trong Liên hợp quốc, lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc tham dự Hội nghị của Liên hợp quốc đều là Bộ trưởng ngoại giao, điều đó hiển nhiên là không xác đáng vì Liên hợp quốc không phải là tổ chức hội nghị Bộ trưởng. Trung Quốc còn là một trong năm thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc nên Trung Quốc cần phải cử một nguyên thủ quốc gia hoặc một nhân vật tầm cỡ tới Liên hợp quốc để làm rạng rỡ đất nước. Đương nhiên, đó không phải là sự cao ngạo của chính phủ Trung Quốc, mà đó là tình huống bắt buộc. Nếu không chọn được người thích hợp thì thà không cử đi còn tốt hơn, và cũng không cử Bộ trưởng Ngoại giao Kiều Quán Hoa đi.

Một nguyên nhân quan trọng khác làm Mao Trạch Đông rất coi trọng hội nghị này là, muốn nhân cơ hội đó công bố cho thế giới biết học thuyết về "Ba thế giới" do ông sáng tạo ra. Lý luận này đã phá vỡ quan niệm truyền thống "gió đông gió tây", "hai trận tuyến", lấy hình thái ý thức để phân tích tình hình thế giới, tranh thủ hoà bình, đoàn kết hầu hết các nước; có tác dụng thúc đẩy rất quan trọng cho công tác ngoại giao và mở cửa sau này của Trung Quốc, là một trong những cống hiến quan trọng cuối đời của Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông đề nghị Đặng Tiểu Bình tham gia hội nghị để ông thay mặt mình lần đầu tiên phát biểu về học thuyết "Ba thế giới" với toàn thế giới, đó rõ ràng là một sự tín nhiệm rất lớn đối với Đặng Tiểu Bình.

Mặc dù vậy, "lũ bốn tên" cũng biết rõ đó là việc trọng đại nên mạo hiểm đứng ra ngăn trở. Trong mấy ngày liên tục, Chu Ân Lai chủ trì hội nghị Bộ Chính trị thảo luận việc này nhưng không kết luận được. Mao Trạch Đông tức giận nói: "Việc cử Đặng Tiểu Bình đi dự là ý kiến của tôi, nếu Bộ Chính trị không đồng ý thì thôi". Ông còn gửi thư cho Giang Thanh - người cầm đầu nhóm cản trở nói

rất nghiêm khắc: "Việc đồng chí Đặng Tiểu Bình đi dự là ý kiến của tôi, đồng chí không nên phản đối thì tốt hơn. Cần phải cẩn thận, đừng có phản đối đề nghị của tôi".

Ngày 6 tháng 4 năm 1974, Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đoàn bay sang New York tham dự cuộc họp của Liên hợp quốc. Chu Ân Lai phá lệ dẫn đầu các Uỷ viên Bộ Chính trị và các nhà lãnh đạo cùng hơn 4000 người dân Thủ đô tổ chức lễ tiễn đưa rất long trọng. Ngày 10 tháng 4, Đặng Tiểu Bình - người lãnh đạo nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa đĩnh đạc bước lên trước bục phát biểu bài nói quan trọng, lấy lý luận "Ba thế giới" làm cơ sở. Rất nhiều lời đánh giá tốt đẹp, dư luận đều cho rằng, ông là người "thay thế tốt nhất" cho Chu Ân Lai.

Về Hội nghị này, có người bình luận rằng: "Với Đặng Tiểu Bình tới New York có ý nghĩa trọng đại về hai mặt. Thứ nhất, cộng đồng quốc tế biết đến ông nhiều hơn; thứ hai, để ông tận mắt nhìn thế giới phương Tây hiện đại ra sao.

Mãi đến trước năm 1974, ông là người tương đối mơ hồ đối với các nhà chính trị, ngoại giao và phóng viên các nước không cộng sản. Có một vài quân nhân Mỹ trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật và sau kháng chiến có quen biết ông, trong đó có một người thuộc Hải quân tên là Kanson, người đã từng nhiệt tình viết bài giới thiệu về Đặng, ca ngợi ông là người tư duy nhạy bén, năng động. Nhưng trong thời gian ông làm Tổng Bí thư, thì những buổi gặp gỡ ông lại đều là các Đảng viên Cộng sản hoặc là bạn bè của Đảng Cộng sản. Các phóng viên phương Tây đã từng tới Trung Quốc trong những năm 50 và 60 tuy đã viết rất nhiều sách giới thiệu Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng lại rất ít nói tới Đặng Tiểu Bình, vì vậy lần ra nước ngoài này được ông đặc biệt chú ý. Lần này khác hẳn với lần ở Pháp đầu những năm 20 và hai lần ở Nga trong những năm 50 và 60, ông đã tận mắt nhìn thấy những ngôi nhà chọc trời, sự phồn vinh và nhịp sống khẩn trương của New York. Có thể khẳng định rằng, bầu trời Tây của Hamingtơn làm cho ông cảm giác có sức thuyết phục hơn nhiều so với bất kỳ cuốn sách nào, Trung Quốc muốn trở thành một nước hiện đại hoá, con đường còn dài biết bao!

Kítxingiơ - người dẫn đầu đoàn đại biểu Mỹ tham gia hội nghị đã tổ chức bữa tiệc chiêu đãi Đặng Tiểu Bình vào ngày 14 tháng 4. Đây là lần đầu tiên họ gặp

nhau, và hơn 10 năm sau đó, Kítxingiơ trở thành một trong những nhân vật chính trị nước ngoài mà Đặng Tiểu Bình tiếp kiến nhiều nhất. Về sau, Kítxingiơ nói: "Nói thật, lúc đó tôi không biết ông ta là ai. Bởi vì trong "cách mạng văn hoá" của Trung Quốc, ông ta là người bị bức hại, nên chúng tôi cho rằng ông chỉ là một cố vấn của đoàn Trung Quốc, thậm chí còn không biết ông ấy là trưởng đoàn. Nhưng năng lực xử lý công việc rất quyết đoán và khả năng quan sát sự vật của ông ta đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc". Tháng 9 năm 1987, trong lần thứ tám đi thăm Trung Quốc và hội đàm với Đặng Tiểu Bình, Kítxingiơ đã khảng khái nói với Đặng Tiểu Bình: "Trong lần ông dẫn đoàn đại biểu Trung Quốc lần đầu tiên tới New York tham dự khoá họp đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc, các chuyên gia Mỹ đều phỏng đoán không hiểu Đặng Tiểu Bình là con người thế nào? Nay chúng tôi đều đã rõ cả, mỗi lần gặp Ngài chúng tôi đều thấy những việc mà Ngài nói lần trước đều đã làm được cả".

Trên đường trở về nước, Đặng Tiểu Bình có ghé qua Pháp thăm lại nơi ông đã xa cách 48 năm trời. Ở Pari, ông đã uống cà phê ở quán cà phê mà ông đã uống xưa kia, ăn bánh sừng bò mà trước kia ông rất thích ăn và còn mua thêm 200 chiếc mang về nước làm quà cho những người bạn già hồi cùng học với nhau ở Pháp. Ông còn nhờ người tìm một địa chỉ cũ gần quảng trường Italia ở Pari nhưng không tìm thấy. Nhìn ra ngoài cửa sổ, ông cảm khái nói rằng: "Bộ mặt đã thay đổi rồi. Trước kia, Thủ tướng, Lý Phú Xuân và mấy anh em tôi thường uống cà phê ở quán đối diện".

Ngày 19 tháng 4, Đặng Tiểu Bình về nước. Sau khi thỉnh thị Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai lại tổ chức buổi lễ đón đoàn rất long trọng như khi tiễn đưa đoàn đi.

Từ đó về sau, tất cả những người quan tâm đến Trung Quốc trên toàn thế giới đều biết Đặng Tiểu Bình là ai.

Ngày 11 tháng 5 năm 1974, Mao Trạch Đông tiếp Thủ tướng Pakixtan tại thư phòng của mình. Cùng tham dự còn có Chu Ân Lai, Vương Hồng Văn và Đặng Tiểu Bình. Từ đó, Đặng Tiểu Bình thường xuyên xuất hiện trong thư phòng đó cùng tiếp khách nước ngoài với Mao Trạch Đông.

Ngày 18 tháng 4 năm 1975, Kim Nhật Thành sang thăm Trung Quốc, Đặng

Tiểu Bình ra tận nhà ga xe lửa đón và cùng đi với Kim Nhật Thành, vẫy chào quần chúng ra đón tiếp ông. Sau đó đã cùng Kim Nhật Thành vào Trung Nam Hải tiếp kiến Mao Trạch Đông. Trong cuộc hội đàm đó, Mao Trạch Đông nói: "Tôi không nói về chính trị, cái đó sẽ do đồng chí này (tức Đặng Tiểu Bình) nói với đồng chí".

"Chúng tôi đã biết nhau lâu rồi, đồng chí ấy làm rất nhiều việc, là bạn cũ và đồng chí cũ của tôi".

Mao Trạch Đông chỉ Đặng Tiểu Bình nói: "Đồng chí ấy còn biết đánh trận nữa".

Kim Nhật Thành bổ sung thêm: "Chẳng những biết đánh trận mà còn biết làm công tác chính trị, tiến hành đấu tranh tư tưởng".

"Còn biết chống chủ nghĩa xét lại" - Mao Trạch Đông tiếp lời.

Kim Nhật Thành nói đã mười năm chưa gặp Đặng Tiểu Bình. Mao Trạch Đông nói: "Hồng vệ binh chỉnh đồng chí ấy, nay không còn chuyện đó nữa. Lúc ấy bị đánh đổ mất mấy năm, nay đã phục hồi lại rồi. Chúng tôi cần đồng chí đó!". Kim Nhật Thành lập tức biểu thị: "Vậy là tốt quá rồi. Chúng tôi xin hoan nghênh".

Từ ngày 12 đến 17 tháng 5 năm 1975, Đặng Tiểu Bình - nhà lãnh đạo Trung Quốc đầu tiên tới thăm Pháp kể từ khi hai nước có quan hệ ngoại giao vào năm 1964. Pháp đã đón tiếp ông rất long trọng và nhiệt tình theo nghi thức đón tiếp nguyên thủ quốc gia. Tổng thống Pháp đã rất thân mật nói với ông: "Hy vọng lần thăm Pháp này của Ngài sẽ làm Ngài nhớ lại nước Pháp". Lúc đó, trong bầu không khí cái gì cũng đều bị chỉ trích là "sùng ngoại", đương nhiên ông không thể thoải mái như lần thăm Nhật và Mỹ về sau. Nhưng ông cũng đã nói không ít câu rất linh hoạt lại không hề "quan cách" quá, trong đó có một câu: "Trên thực tế, châu Âu và châu Á là một đại lục, các ngài ở phương Tây, chúng tôi ở phương Đông, nhân tố gắn kết chúng ta lại còn nhiều hơn rất nhiều những điều mà người ta tưởng tượng ra được".

Tháng 10 năm 1975, thủ tướng Cộng hoà Liên bang Đức Helmút Kohl thăm Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình chủ trì việc tiếp đón và hội đàm. Đoàn đi thăm rất đông, ngoài Thủ tướng ra còn có hai thành viên trong nội các, ba vị Bộ trưởng và

Thư ký Quốc vụ Khanh, hai vị Chủ tịch Hội đồng quản trị hai tập đoàn lớn, hai vị lãnh đạo công đoàn, hai giáo sư và nhà văn. Trong buổi hội đàm chính thức, hai bên đã thảo luận một loạt vấn đề như chính sách của châu Âu, hội đồng an ninh châu Âu, quan hệ Mỹ - châu Âu, hợp tác Tây Âu, chính sách phương Đông của châu Âu, vấn đề thống nhất nước Đức và kinh tế thế giới trong thời gian 110 phút liên tục. Thủ tướng Đức kinh ngạc trước tài năng của Đặng Tiểu Bình, bởi vì ông không những "hầu như biết mọi thứ", "Bất kỳ vấn đề nào cũng đều nói được, mà còn là một người có lúc không hề khách khí, thẳng thắn phê bình đối thủ đàm phán khi có biểu hiện không tập trung xa rời đề tài đang nói tới hoặc có tư tưởng lảng tránh sự việc". Điều đặc biệt khiến thủ tướng Đức hứng thú là khi Đặng Tiểu Bình nói chuyện vui, ông còn cảm ơn nước Đức đã gạt bỏ sự hạn chế của Liên đoàn bóng đá Quốc tế vẫn cử một đội bóng sang thăm và thi đấu ở Trung Quốc. Ông còn nói: "Trình độ bóng đá của Trung Quốc thấp, chúng tôi chủ yếu mời đội bóng Đức sang giúp đỡ". Giống như bất kỳ người đàn ông Đức nào, Thủ tướng cũng rất yêu bóng đá, hai người có cùng sở thích, hội đàm chắc sẽ tốt đẹp hơn. Sau đó báo chí Đức bình luận rằng: "Xem ra, Thủ tướng Đức rất thích ông già 70 tuổi nhìn bề ngoài không làm người ta chú ý lắm, nhưng lại là người rất có uy quyền". Thủ tướng Đức cũng nói: "Quả không sai. Ngay từ phút đầu tôi đã thích ông ấy rồi".

Với một lãnh tụ của một quốc gia hiện đại, việc cộng đồng quốc tế có hoan nghênh, tôn trọng hay không không phải là một việc không quan trọng. Với một nước lớn như Trung Quốc mà nói, lại càng như vậy hơn. Đương nhiên không nhất định phải "Ngay từ phút đầu đã thích".

Trong lần thứ tám thăm Trung Quốc vào tháng 10 năng 1975, rất có khả năng Kítxingiơ không thích Đặng Tiểu Bình, chỉ thực sự biết Đặng Tiểu Bình là ai, là người như thế nào sau đó. Bởi vì không như những lần trước, lần hội đàm đó không phải do Chu Ân Lai mà do Đặng Tiểu Bình chủ trì và chỉ trong hai ngày, ông ta đã ba lần hội đàm với Đặng Tiểu Bình.

Giống như báo chí lúc đó thường hình dung, các cuộc hội đàm giữa những nhà lãnh đạo Trung Quốc và phương Tây là "thẳng thắn", ba cuộc hội đàm nói trên cũng rất "thẳng thắn". Kítxingiơ nhà ngoại giao nổi tiếng thế giới đã bị

Đặng Tiểu Bình - người mà ông ta cho là "chưa biết nhiều về công việc ngoại giao" làm cho rất bẽ mặt và chính ông ta, giống như Khơrútxốp trước đây, đã cảm thấy con người nhỏ bé kia thật là lợi hại.

Trong hội đàm, Kítxingiơ ngạo mạn nói, "hai nước Trung - Mỹ đều không theo đuổi gì đối phương cả". Đặng Tiểu Bình lập tức nhanh trí phản ứng lại: "Chúng tôi rất hoan nghênh những lời nói của Tổng thống Mỹ Nixon khi hội kiến với Mao Chủ tịch. Ông ấy nói rằng ông đến Trung Quốc xuất phát từ lợi ích của nước Mỹ, phía Trung Quốc rất hoan nghênh bước đi dũng cảm này của Tổng thống Mỹ. Chúng tôi hiểu thực chất của lời nói đó, đó không phải là ngôn ngữ ngoại giao, mà chính là xuất phát từ lợi ích bản thân mà Mỹ quan hệ với Trung Quốc". Ngày thứ hai, khi tiếp kiến Kítxingiơ, Mao Trạch Đông cũng nói: "Nếu cả hai bên cùng không theo đuổi mục đích gì thì vì sao chúng tôi phải tiếp Ngài và Tổng thống của các Ngài". Rõ ràng là Mao Trạch Đông rất khâm phục câu trả lời của Đặng Tiểu Bình.

Do Kítxingiơ cho rằng, trong bảy lần thăm Trung Quốc trước đó ông ta đã tạo dựng được mối quan hệ tương đối thoải mái với Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, nên với ba lần hội đàm cùng Đặng Tiểu Bình, ông ta cảm thấy không thoải mái lắm và cho rằng mối quan hệ giữa bản thân ông ta và Trung Quốc có điều gì đó không bình thường, nhưng cũng vì vậy mà ông ta phát hiện ra Đặng Tiểu Bình là người không đơn giản. Bush - Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Mỹ tại Trung Quốc cùng tham gia hội đàm đã viết: "Trước lúc đó, tôi đã vài lần gặp Đặng Tiểu Bình. Địa vị và quyền lực của ông ta ở Trung Quốc đang lên, rất có thể sẽ nắm quyền lực cao nhất sau khi Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông qua đời".

Bush nói về cảm giác của mình trong ba lần hội đàm: "Ông ta liên tục hút thuốc và uống chè, cử chỉ của ông ta giống như một người dân bình thường sống ở nông thôn. Đây là một đấu sĩ hào hiệp sinh ra từ Tứ Xuyên vùng Tây nam Trung Quốc".

Khi hội kiến với các nhà lãnh đạo nước ngoài, Đặng Tiểu Bình có một tài năng cao siêu, vừa rất cứng rắn lại rất linh hoạt. Nhưng khi hội đàm với Kítxingiơ, ông lại toàn sử dụng sự cứng rắn của mình.

Đó là cuộc giao đấu thực sự, nó đã nói rõ một điều vì sao phải tiến hành hội

đàm dự bị trước khi cấp cao nhất hội đàm chính thức. Cuối cùng, sau khi làm rõ sự khác nhau giữa Mỹ và Trung Quốc, Kítxingiơ nói: "Tôi cho rằng chuyến thăm của Tổng thống Mỹ không thể để lại một ấn tượng cho người khác là hai nước chúng ta đang tranh cãi". Đặng Tiểu Bình đồng ý nói: "Hãy còn đủ thời gian để đi sâu bàn bạc những vấn đề cụ thể".

Điều nằm ngoài dự tính của Kítxingiơ là, năm 1979, khi Đặng Tiểu Bình sang thăm Mỹ, trong bữa tiệc chiêu đãi do Tổng thống Mỹ tổ chức chào mừng đoàn, Tổng thống đã mời cả cựu Tổng thống Nixon và chính ông ta (lúc đó đã nghỉ), trong lời đáp từ, Đặng Tiểu Bình đã đặc biệt nhắc lại những cống hiến to lớn cho việc bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ của hai người. Khi đi thăm Seattle, Đặng Tiểu Bình đã gặp riêng Kítxingiơ. Sau buổi gặp đó, khi tiếp các nhà báo, Kítxingiơ đã hóm hỉnh nói: "Chúng tôi đồng ý để Trung Quốc bình thường hoá quan hệ với cá nhân tôi". Cả hội trường cười ồ lên, thật đúng là không đánh nhau thì không nhận ra nhau. Từ đó Đặng Tiểu Bình và Kítxingiơ thành một đôi bạn tốt.

Do có cuộc "tranh cãi" năm 1975, nên một thời đã có dư luận lan truyền rằng Kítxingiơ nói Đặng Tiểu Bình là "một người nhỏ bé đáng ghét". Về việc này, Kítxingiơ lớn tiếng phủ nhận. Ông ta nói khi trả lời phỏng vấn tuần báo "Thời đại" của Mỹ: "Hiển nhiên ông ta (Đặng) là người rất giỏi, có ý chí và sức hút phi thường. Ông ta cực kỳ tinh thông và có thừa bản lĩnh về chính trị.

Năm 1975, khi gặp ông ta, khả năng ngoại giao của ông ta chưa mạnh lắm, nhưng ông ta học rất nhanh. Tóm lại, Đặng Tiểu Bình là một người khó có thể đoán biết được, ảnh hưởng của ông vô cùng to lớn".

Ngày 30 tháng 9 năm 1982, Đặng Tiểu Bình và Kítxingiơ hội đàm với nhau như những người bạn già. Giữa chừng, Kítxingiơ nói, tôi đã nhìn thấy ông nói chuyện với một nữ phóng viên người Italia. Trong tất cả các nhà lãnh đạo trên thế giới, ông là người duy nhất giành thắng lợi khi nói chuyện với cô nữ phóng viên đó.

Đặng Tiểu Bình cười và hỏi lại: "Cô ta đã nói chuyện với ông chưa?"

Kítxingiơ mỉm cười đáp, cô ta đã hoàn toàn "tiêu diệt" tôi rồi, tôi là người bị hại. Nhìn thấy hai người nói chuyện với nhau tôi rất cảm động.

Chính Kítxingiơ là người đề xướng thành lập "Hiệp hội Mỹ - Trung Quốc" để xúc tiến cho Mỹ - Trung hữu hảo, thúc đẩy sự phát triển không ngừng mối quan hệ Mỹ - Trung. Tháng 9 năm 1987 không rõ là cuộc hội kiến lần thứ bao nhiêu của hai ông, Đặng Tiểu Bình đã khẳng định một cách đầy đủ việc này. Ông nói, đó là một tổ chức vô cùng quan trọng, có mục tiêu rất rõ ràng, tin rằng nó sẽ thúc đẩy tình hữu nghị Trung - Mỹ và có tác dụng ngày càng lớn hơn. Cho tới tận bây giờ, Kítxingiơ vẫn cống hiến hết sức mình cho sự phát triển bình thường mối quan hệ Trung - Mỹ.

Về căn bản mà nói, ngoại giao đương nhiên được quyết định bởi địa vị và sức mạnh của một nước, nhưng nhân tố cá nhân cũng cực kỳ quan trọng. Một vài nhân vật nòng cốt và Lâm Bưu trong thời kỳ cách mạng văn hoá đã từng được dự định là "Người kế tục" ngay trong cương lĩnh của Đảng, "Phó Thống soái" mãi mãi mạnh khoẻ: Trần Bá Đạt người béo tốt, phúc hậu, "Lão Khang" "đức cao vọng trọng" lắm mưu nhiều kế; Vương Hồng Văn tuổi trẻ tuấn tú rất mạnh dạn, tự cảm thấy mình rất giỏi giang và một loạt những con người "tiêu chuẩn" khác. Nhưng nếu để họ chủ trì công tác ngoại giao của Trung Quốc thì đâu còn có "Ngoại giao" nữa. Không rước hoạ từ ngoài vào đã là may lắm rồi. Về việc này, thực tế là Mao Trạch Đông đã có tính toán trước, dù họ ở địa vị cao đến đâu, các mặt công tác khác được tín nhiệm đến đâu chăng nữa, trước sau như một, Mao Trạch Đông cũng không để họ chủ trì ngoại giao, kinh tế và công việc của Quốc vụ viện. Mao Trạch Đông nói Đặng Tiểu Bình là "Nhân tài khó kiếm", trong đó mặt ngoại giao là một mặt quan trọng. Do đó, xét về căn bản mà nói, người theo đuổi thành công vẫn cần phải bỏ nhiều công sức để phát triển tài năng và trí tuệ của mình, đó mới là chiến lược thành công lớn.

Tính quan trọng của việc "chuyên quản ngoại sự" đã được Đặng Tiểu Bình phát huy tác dụng to lớn trong lần ông được phục hồi công tác năm 1977.

Lần đó, ông hăng hái quyết tâm quản lý khoa học kỹ thuật và giáo dục (gọi tắt là khoa giáo). Hoa Quốc Phong nhớ tới chỉ thị của Mao Trạch Đông: "Đặng Tiểu Bình chuyên quản ngoại sự" đã nhanh chóng giao cho ông chủ trì công tác ngoại giao. Đây không phải là thuộc "hai phàm là", càng không phải là sự tín nhiệm cao đối với ông vì về mặt này, bản thân Hoa không có chút kinh nghiệm

nào cả. Lý Tiên Niệm - người làm công tác này sau khi ông bị đánh đổ, nay thấy ông được phục hồi ra làm việc đã chủ động rút lui khỏi vị trí đó, bởi bản thân ông ta cũng có rất ít kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

Tháng 8 năm 1977, tức là một tháng sau kể từ khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi, ông đã hội kiến với Quốc vụ khanh của Mỹ khi ông này sang thăm Trung Quốc. Một chuyên gia về vấn đề Trung Quốc-Mỹ của Mỹ nói: "Lúc đó, quyền uy của ông ấy đã rất dễ nhận ra". "Ông hiểu rất rõ sự tình của đoàn đại biểu Mỹ, ông là người chịu trách nhiệm căn bản việc hoạch định chính sách ngoại giao". Chuyên gia này còn chỉ ra rằng: "Tuy ông đã được trở lại cương vị cũ và phụ trách hoạch định chính sách ngoại giao, nhưng ông vẫn phải suy nghĩ tới việc củng cố địa vị lãnh đạo công tác kinh tế và chính trị của bản thân mình. Do vậy, mặc dù quyền lực của ông ngày một tăng lên, nhưng ông vẫn rất mẫn cảm với những phê bình có thể làm xói mòn địa vị lãnh đạo của ông sau này. Do vậy, trong và sau cuộc viếng thăm của ngài Quốc vụ khanh Mỹ, tính không ổn định và thái độ bảo thủ đối với địa vị của ông được biểu hiện rất rõ ràng.

Lập trường và thái độ đối với quan hệ Trung - Mỹ của ông trước sau như một, không hề xuất hiện sự tồn tại của thái độ bảo thủ hoặc thái độ khác. Nhưng lúc đó, địa vị của ông vẫn chưa được xác định, đó là sự thực. Bởi vì lúc đó, "lãnh tụ anh minh" của Trung Quốc là Hoa Quốc Phong, mà Đặng Tiểu Bình từ khi được phục hồi lần thứ ba đến khi trở thành hạt nhân thế hệ lãnh đạo thứ hai của Đảng Cộng sản Trung Quốc cần phải có một quá trình.

Xác lập địa vị hạt nhân của Đặng Tiểu Bình chính là xác lập lại đường lối tư tưởng thực sự cầu thị và sự nghiệp cải cách mở cửa của Đảng, một nhân tố quan trọng của việc xác lập đường lối và mở ra sự nghiệp lớn chính là Đặng Tiểu Bình cùng toàn Đảng, toàn quốc và nhân dân các dân tộc đã mở cửa nhìn ra thế giới.

Trong thời kỳ được phục hồi sau "cách mạng văn hoá", Đặng Tiểu Bình đi New York tham dự khoá họp của Liên hợp quốc và tới thăm nước Pháp, việc nhìn nhận thế giới vẫn từ góc độ chống bá quyền. Ông khẳng định cũng đã nhìn thấy không ít các thứ khác, ví dụ như sự lạc hậu của Trung Quốc và sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thế giới, nhưng do những nguyên nhân mà mọi người đều biết, rất nhiều thứ nhìn thấy mà không thể nói ra được, không thể thừa

nhận sự lạc hậu của mình, nếu có thừa nhận thì cũng chỉ ở góc độ rất tế nhị là từ những khẩu súng trường Mútcơtông cổ lỗ vẫn đánh bại được "Bọn xét lại Liên Xô" và "Đế quốc Mỹ" mà thôi. Trước cải cách mở cửa, ấn tượng cơ bản của nhân dân Trung Quốc đối với thế giới vẫn là kẻ địch ngày càng thối rữa còn chúng ta thì ngày càng tốt lên, hai phần ba số người sống trong nước sôi lửa bỏng. Điều này vừa không phù hợp với hiện thực khách quan vừa làm cho cải cách mở cửa không có được cơ sở tư tưởng.

Đúng như lời Đặng Tiểu Bình nói khi tiếp một đoàn đại biểu Đức ngày 10 tháng 10 năm 1978 rằng: "Chúng tôi đã cử rất nhiều người ra nước ngoài xem xét, làm cho rất nhiều người biết được bộ mặt thế giới ra sao". Tháng 5 năm 1978, Trung ương Đảng, Quốc vụ Viện đã cử nhiều đoàn đại biểu tới thăm nhiều nước phát triển, yêu cầu họ khảo sát và báo cáo một cách thực sự cầu thị. Đặng Tiểu Bình rất chú ý tới những cuộc khảo sát lớn đó và rất chăm chú nghe những báo cáo đó. Tháng 9 cùng năm, sau khi thăm Triều Tiên trở về, ông đã đi thị sát ba tỉnh Đông bắc và nhấn mạnh, cần phải học tập nước ngoài, học một cách thật thành thực, phải thực sự cầu thị, cái nào không được phải nói là không được, cần phải thừa nhận những khác biệt yếu kém. Tháng 10, ông tuyên bố với khách nước ngoài đến thăm rằng: "Nay chính là lúc chúng ta phải hướng ra thế giới, học tập các quốc gia tiên tiến rồi".

Để làm tốt việc "học tập" này, từ ngày 22 đến 29 tháng 10 năm 1978, Đặng Tiểu Bình đã đi thăm Nhật Bản.

Mục đích chuyến thăm này theo như lời Đặng Tiểu Bình đã nói gồm: Thứ nhất, trao đổi thư phê chuẩn Hiệp ước hữu hảo Trung - Nhật; thứ hai, gặp và cảm ơn những người bạn cũ Nhật Bản và thứ ba, là tìm thuốc "trường sinh bất lão".

Sau khi nghe Đặng Tiểu Bình nói xong, toàn thể quan khách trong hội trường của Nghị viện Nhật vang lên tiếng vỗ tay nhiệt liệt và tiếng cười vui vẻ. Câu chuyện liền chuyển sang vấn đề "thuốc trường sinh bất lão". Chủ tịch Đảng Công Minh Nhật nói rằng phương thuốc "trường sinh bất lão" tốt nhất chẳng phải là Hiệp ước hữu hảo Nhật - Trung đó sao? Tổng thư ký Đảng Dân chủ xã hội Nhật nói, Nhật Bản đang rơi vào tình trạng sợ thuốc, Nhật Bản đánh giá cao loại thuốc đông y của Trung Quốc...

Trước tình hình đó, ông đành phải giải thích rõ rằng, có thể không hề có loại thuốc đó thật, nhưng tôi mong muốn mang những kinh nghiệm tiên tiến về phát triển khoa học kỹ thuật của Nhật Bản thành một món quà trở về nước. Vì vậy, phía Nhật đã có ý sắp xếp cho ông tham quan một số nhà máy xí nghiệp tiên tiến của họ.

Chiều ngày 24 tháng 10, ông đi thăm công ty ô tô Nisan, mức độ tự động hoá trong nhà máy đạt tới 96%, trong đó có một dây chuyền hàn thân xe do 48 người máy phân đoạn thực hiện làm ông vô cùng hứng thú. Trong phân xưởng lắp ráp, trên băng chuyền chạy tốc độ 2,1 m/phút, toàn bộ các cấu kiện được lắp ráp hoàn chỉnh ở công đoạn này. Ông chăm chú quan sát rất kỹ tất cả. Những người Nhật đi cùng ông giới thiệu cho biết, sản lượng bình quân tính theo đầu người trong nhà máy là 94 xe/năm, trong khi đó, ở xí nghiệp hàng đầu của Trung Quốc con số đó chỉ là 1 xe/năm. Sau khi thăm quan, ông nói rằng: tôi đã hiểu thế nào là hiện đại hoá, chúng tôi rất hoan nghênh các bạn ở những nước phát triển, nhất là giới doanh nghiệp Nhật hợp tác trong sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc. Ông còn đề từ tặng nhà máy ô tô Nisan: "Học tập nhân dân Nhật Bản vĩ đại, cần cù, dũng cảm và trí tuệ. Xin kính chúc".

Ngày 26 tháng 10, Đặng Tiểu Bình còn thăm quan một nhà máy cán thép thuộc Công ty gang thép Nhật Bản. Ông nói với người Nhật rằng liệu họ có thể giúp Trung Quốc xây dựng những nhà máy cán thép tốt hơn không. Điều ông muốn nói tới chính là công ty gang thép Bảo Sơn - Thượng Hải, chính công ty đã nhập kỹ thuật mới của nhà máy này. Người Nhật nói đương nhiên là "có thể được". Ông còn nói với Hội trưởng Hiệp hội kinh tế Nhật - Trung rằng, năng lực quản lý của Trung Quốc kém, rất muốn học tập. Nhưng nếu không có người dạy sẽ không thể làm gì được. Chúng ta ký với nhau một hiệp định thật quân tử về mặt quản lý, nếu Thượng Hải làm không tốt thì đó không phải lỗi của học trò mà là lỗi của người thầy. Ông Hội trưởng Nhật tỏ ý nhất định sẽ giúp đỡ Trung Quốc.

Ông còn đi thăm dây chuyền sản xuất máy thu hình màu và mong mỏi rằng sẽ học tập họ và yêu cầu phía Nhật giúp đỡ...

Lần thăm Nhật này đã gây cho ông một chấn động rất lớn. Trên chuyến tàu

trở về Tôkyô, ông đã phát biểu cảm tưởng của mình, đó là cảm tưởng của một người đang bị một người khác ở đằng sau đuổi đánh nên cần phải chạy nhanh bơn. Ông thẳng thắn nói với các phóng viên, chúng tôi vốn là người không được xinh xắn nhưng lại muốn trang điểm như một người đẹp là không thể được. Không thể che đậy cái xấu xí, phải thực sự thừa nhận mình lạc hậu mới có thể có hy vọng được.

Tháng 11 năm 1978, sau khi thăm Nhật trở về, ông lại tiếp tục đi thăm Thái Lan, Malaixia và Xingapo. Cuộc viếng thăm này cũng là một dịp khảo sát thực tế để học hỏi và rút kinh nghiệm ở những nước đang phát triển với tốc độ nhanh.

Tại Xingapo, ông nói, 58 năm trước, trên đường đi Pháp, ông có ghé qua Xingapo và ở đó hai ngày. Nhưng nay những ấn tượng cũ đã không còn gì cả.

Vừa bước xuống máy bay đã nhìn thấy một Xingapo hoàn toàn mới và để lại một ấn tượng rất sâu sắc, sự phát triển của Xingapo thật đáng mừng. Đường đi của đất nước Xingapo là hoàn toàn đúng, sự phát triển thật nhanh chóng.

Trong thời gian ở thăm Xingapo, ông rất quan tâm đến vấn đề thu hút đầu tư và những kinh nghiệm nhập những kỹ thuật tiên tiến của đất nước này. Ông quan sát việc đầu tư xây dựng nhà xưởng làm cho đất nước này được ba cái lợi rất lớn: Một là, 35% lợi nhuận của các xí nghiệp đầu tư nước ngoài dùng để nộp thuế, phần này là thuộc Nhà nước. Hai là, thu nhập qua lao động, tức là công nhân được hưởng. Ba là, các ngành dịch vụ có liên quan cũng là phần thu nhập đáng kể. Những việc Xingapo làm được càng củng cố thêm quyết tâm kiên trì chính sách cơ bản cải cách mở cửa của ông.

Tháng 11 năm 1978, Đặng Tiểu Bình trong một lần nói chuyện với những người bạn Nhật đã nói rằng, tôi có một nguyện vọng muốn thăm thủ đô Washington, không hiểu có thể được không. Người Mỹ luôn nói vì sao tôi lại không đến Washington? Vì ở đó có Đại sứ quán của Đài Loan tôi làm sao mà tới đó được. Chỉ khi nào quan hệ Trung Quốc bình thường hoá tôi mới có thể tới đó được. Trong các công việc quốc tế, tôi chỉ cần hoàn thành được việc này là có thể đi gặp cụ Các Mác được rồi.

Từ năm 1972, khi Nixon sang thăm Trung Quốc, quan hệ Trung - Mỹ phát triển theo chiều hướng bình thường hoá đến nay đã được 6 năm, nhưng thực hiện

bình thường hoá lại rất khó khăn. Phải mất bao lâu mới có thể xây dựng được quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ đây? Đặng Tiểu Bình nói rằng điều đó cần phải xem quyết tâm của chính phủ Mỹ và Tổng thống Carter. Sau khi có quyết tâm ký xây dựng Hiệp nghị hoà bình hữu hảo Trung - Nhật thì chỉ trong một giây là đã giải quyết được. Việc bình thường hoá quan hệ Trung-Mỹ cần phải gấp đôi, có nghĩa là phải cần hai giây là có thể được!

Quá trình bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ rất gập ghềnh khúc khuỷu, tiến triển rất chậm, mấu chốt là ở vấn đề Đài Loan. Phía Mỹ luôn gây khó dễ trong vấn đề này, làm cho các cuộc hội đàm không đạt kết quả.

Tháng 1 năm 1977, tân Tổng thống Mỹ Carter nhậm chức. Ông này có cảm tình nhất định với Trung Quốc. Ông ta đã viết trong hồi ký của mình như sau: "Trong những năm 30, khi tôi còn niên thiếu đã có hứng thú đối với Trung Quốc rồi, tôi đã biết xem Trung Quốc như những người bạn". Tháng 2 năm đó, Carter tiếp Hoàng Trấn - Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Trung Quốc tại Mỹ trong Nhà Trắng, ông ta đã biểu thị: "Trong tương lại không xa, Trung Quốc và Mỹ cần chuẩn bị tốt để bước sang giai đoạn bình thường hoá quan hệ". Tháng 8, Quốc vụ khanh Mỹ thăm Trung Quốc đưa ra phương án xây dựng quan hệ ngoại giao Mỹ-Trung, đại ý là: Trung Quốc đảm bảo không dùng vũ lực đối với Đài Loan, "Đại sứ quán" Mỹ tại Đài Loan sẽ hạ cấp xuống thành Văn phòng liên lạc, còn Văn phòng liên lạc của hai nước sẽ nâng cấp lên thành Đại sứ quán. Ngày 24 tháng 8, Đặng Tiểu Bình hội kiến với Quốc vụ khanh Mỹ. Ngài Quốc vụ khanh nói: Tôi xin nhắc lại một cách ngắn gọn lập trường của Mỹ, nhấn mạnh một lần nữa lấy lập trường mà tôi đưa ra làm khởi điểm để thảo luận... Nhưng bằng phong cách độc đáo của mình, Đặng Tiểu Bình đã chỉ thẳng ra rằng, nếu muốn giải quyết vấn đề, dứt khoát phải làm được ba điều: Mỹ phải cắt đứt quan hệ với Đài Loan. Rút hết quân đội và huỷ bỏ Hiệp ước với Đài Loan. Nhưng để chiếu cố tới hiện thực, chúng tôi có thể cho phép Mỹ và Đài Loan quan hệ với nhau không dưới hình thức nhà nước. Còn vấn đề thống nhất Đài Loan vào Trung Quốc thì để nhân dân Trung Quốc tự giải quyết, người Trung Quốc có đủ khả năng giải quyết vấn đề đó, người Mỹ không cần phải lo lắng thay cho chúng tôi. Ba nguyên tắc này rất rõ ràng và thực sự là mấu chốt cơ bản để giải quyết vấn đề

xây dựng quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Tuy chuyến viếng thăm của ngài Quốc vụ khanh không có kết quả, nhưng cũng giúp cho chính phủ Mỹ hiểu rõ hơn lập trường kiên định của Trung Quốc về vấn đề này, và ở một mức độ nào đó làm tiêu tan ảo tưởng của Mỹ cho rằng Trung Quốc có những nhượng bộ về vấn đề Đài Loan.

Tháng 5 năm 1978, Brêzinsky - Trợ lý an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ thăm Trung Quốc, Tổng thống uỷ quyền cho ông ta chuyển cho phía Trung Quốc ý kiến của phía Mỹ, rằng nước Mỹ tiếp thu ba điều kiện mà Trung Quốc đưa ra ("cắt đứt quan hệ" với Đài Loan. Rút hết quân ra khỏi Đài Loan, huỷ bỏ Hiệp ước phòng ngự chung Mỹ-Đài), nhưng "hy vọng" (mà không phải là điều kiện) khi phía Mỹ biểu thị mong chờ vấn đề Đài Loan thuộc công việc của Trung Quốc được giải quyết hoà bình sẽ không gặp phải sự phản bác của Trung Quốc". Đối với "hy vọng" này của Mỹ, Đặng Tiểu Bình trả lời rằng, hai bên đều có thể biểu đạt ý kiến của mình.

Đặng Tiểu Bình hội đàm với Brêzinsky. Sau này, ông trợ lý an ninh Nhà Trắng nhớ lại:

"Từ 4 giờ 5 phút đến 6 giờ 30 phút chiều ngày 21 tháng 5, tôi hội kiến với Đặng Tiểu Bình trong Đại lễ đường. Sau đó, ông ta mời tôi ăn cơm tại một nhà hàng, chúng tôi vừa ăn vừa tiếp tục thảo luận mà không câu nệ gì cả tới tận khuya. Ông ta người nhỏ nhắn nhưng khí phách lại rất lớn. Ông ấy là người rất có tài năng, tinh thông, nhạy bén, lý giải vấn đề rất nhanh, tương đối hóm hỉnh, cứng rắn mà thẳng thắn. Sau khi nói chuyện với ông ấy, tôi càng hiểu vì sao ông ấy lại có thể trải qua được những đầy ải trong cuộc đời chính trị của mình, nhưng điều quan trọng hơn là tính mục đích và sự cố gắng của ông ấy đã để lại ấn tượng rất sâu sắc cho tôi. Ông là một lãnh tụ biết mình cần gì, có thể quan hệ với ai".

Cuộc hội kiến bắt đầu bằng một câu nói rất quan tâm của Đặng Tiểu Bình. Đặng nói: "Ngài hẳn là rất mệt?". Tôi trả lời: "Tôi cảm thấy rất phấn chấn". Câu nói này hoàn toàn thật lòng. Sau vài câu trò chuyện, Đặng quay trở lại chủ đề chính: "Phía Trung Quốc đã trình bày quan điểm và những kiến giải của mình rất thẳng thắn. Mao Trạch Đông là một quân nhân; Chu Ân Lai cũng là một quân

nhân, tôi cũng vậy". Tôi trả lời: "Quân nhân thường nói thẳng, nhưng người Mỹ cũng nổi tiếng là nói thẳng. Tôi hy vọng Ngài sẽ không phát hiện ra người Mỹ hoặc nước Mỹ có điều gì khó hiểu"...

Trong suốt quá trình đó, chúng tôi muốn thử biến cuộc trao đổi ý kiến thành một cuộc tâm tình giữa bạn bè với nhau.

Sau khi trao đổi thêm một số ý kiến, tôi tiếp tục nói: "Tôi được lệnh chứng thực với Ngài rằng: Nước Mỹ tiếp thu ba điểm cơ bản của Trung Quốc và nhắc lại một lần nữa năm điểm lời hứa của Chính phủ Mỹ khoá trước với các Ngài. Tôi còn muốn nhắc lại những lời mà tôi đã nói hồi tới Bắc Kinh, tức là nước Mỹ đã có quyết tâm giải quyết vấn đề này rồi".

Tiếp sau đó, tôi đề nghị tháng sau, hai bên sẽ thảo luận về vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước (có tính cơ mật cao). Ông ta lập tức thay mặt Trung Quốc tiếp nhận đề nghị đó, nhưng vẫn nói thêm một câu: "Tôi nghĩ, vấn đề này chỉ nói đến đây thôi. Tôi mong chờ ngày Tổng thống Carter hạ quyết tâm".

Trong những lần đàm phán mật sau đó, người Mỹ quen nhìn đối thủ đàm phán Trung Quốc rất dễ từ râu đen biến thành râu trắng, nói dễ thay đổi, lại cũng chẳng thấy dễ chịu gì, đàm phán rất khó khăn, không hề thuận lợi. Cho nên khi hội kiến với Brêzinsky, Đặng Tiểu Bình đã nói với ông một câu nói có vẻ như "làm khổ" ông rằng "chỉ cần hai giây là được". Brêzinsky nói về việc này: "Đặng Tiểu Bình không lãng phí thời gian vào những việc không quan trọng, mà chỉ tập trung vào mục tiêu then chốt, điều này khiến tôi và Carter cảm thấy rất đáng nể và rất thu hút". Trong bối cảnh đó, ngày 1 tháng 1 năm 1979, Trung-Mỹ đã thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ giữa một nước đông dân nhất thế giới với một nước phát triển nhất thế giới đã bắt đầu bình thường hoá.

Sau khi trung-Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao, ngày 29 tháng 1 năm 1979, Đặng Tiểu Bình đi thăm Mỹ trong một tuần. Đây là lần đầu tiên kể từ khi thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, một vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc chính thức đi thăm Mỹ. Đối với lần đi thăm này, Đặng Tiểu Bình đã nói trong bữa tiệc chiêu đãi do Văn phòng liên lạc của Mỹ ở Bắc Kinh tổ chức trong dịp tết Nguyên đán năm 1979 chúc mừng việc thiết lập quan hệ ngoại giao Mỹ - Trung rằng:

"Tôi mong rằng thông qua cuộc gặp gỡ và hội đàm trực tiếp với những người lãnh đạo và nhân dân Mỹ để xúc tiến thêm một bước sự hiểu biết và hữu nghị giữa nhân dân hai nước và mối quan hệ hữu hảo và hợp tác trong nhiều lĩnh vực như khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hoá giữa hai nước".

Ngày 29 tháng 1 năm 1979 là ngày mồng một Tết âm lịch của Trung Quốc, phía Mỹ rất chú ý tới ý nghĩa của ngày này. Trong bài diễn văn chào mừng vào ngày hôm sau, Tổng thống Carter nói: "Hôm qua là ngày đầu năm mới theo âm lịch, cũng là bắt đầu mùa xuân của các ngài, là ngày truyền thống trong lịch trình mới của Trung Quốc. Tôi nghe nói, trong ngày đó, các ngài mở rộng tất cả mọi cánh cửa hướng về thần linh từ thiện. Đó là giờ phút quên đi hết mọi sự cãi cọ trong gia đình, là giờ phút để mọi người đi thăm bạn bè và cũng là giây phút đoàn tụ và hoà giải. Đối với hai nước chúng ta mà nói, ngày hôm nay là giờ phút đoàn tụ và lịch trình mới, là giờ phút hoà giải, giờ phút mở toang cánh cửa đã bị đóng lại quá lâu rồi".

Trong lời đáp từ, Đặng Tiểu Bình nói: "Khi chúng tôi đến Mỹ đúng là dịp mùa xuân của đất nước chúng tôi, là một ngày Tết cổ truyền của nhân dân Trung Quốc, luôn luôn được chúc “Bắt đầu từ ngày mồng một tết, mọi việc đều đổi mới". Thời khắc đó, chúng tôi và những người bạn Mỹ đều có chung một cảm giác: "Trong lịch sử quan hệ Trung - Mỹ, một thời đại mới đã bắt đầu!"

Trong tám ngày thăm Mỹ, tuy đã 75 tuổi, nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn không hề biết tới mệt mỏi, ông đi thăm rất nhiều thành phố nổi tiếng của Mỹ như Washington, Atlanta, Houston, Seattil, đã dự hội đàm với Tổng thống và các quan chức Mỹ, gặp gỡ hàng trăm nhà nghị sĩ, thống đốc bang, thị trưởng, các nhà doanh nghiệp, các nhân sĩ trí thức, trực tiếp phát biểu trước hàng ngàn người trong nhiều trường hợp khác nhau, trả lời hàng loạt câu hỏi của phóng viên. Các quan chức Trung Quốc cùng đi đã ký được với phía Mỹ một loạt hiệp nghị hợp tác trên các lĩnh vực như giáo dục, nông nghiệp, kỹ thuật hàng không, vật lý năng lương cao v.v..., đồng ý sẽ ký kết các hiệp định về mậu dịch, hàng không, vận tải biển và sẽ tiến hành bàn bạc ngay. Hơn 2000 phóng viên theo đoàn đưa tin, "thời gian vàng bạc" của ba mạng truyền hình lớn nhất Mỹ đều biến thành "thời gian Đặng Tiểu Bình". Dư luận thế giới đều cho rằng, sự tiếp đón long

trọng và sự hoan nghênh chưa từng thấy của phía Mỹ đối với ông là chưa từng có trong gần 20 năm nay ở Mỹ.

Carter đã viết lai sự việc đó như sau:

"Chuyến viếng thăm của Đặng Tiểu Bình là một trong những việc vui vẻ trong nhiệm kỳ Tổng thống của tôi.

Đặng để lại một ấn tượng tốt cho tôi. Ông ta người thấp bé tính cách rất kiên cường, có tài, thẳng thắn, dũng cảm, tự tin, hữu hảo. Đàm phán cùng ông ta rất thú vị..."

“Sau khi xen biểu diễn các tiết mục đặc sắc tại trung tâm Kennơđi, Đặng và tôi cùng phu nhân Trác Lâm của ông ta, vợ và con tôi cùng bước lên sàn diễn gặp mặt các diễn viên. Khi họ ôm các diễn viên (nhất là một diễn viên Mỹ nhỏ tuổi hát một bài hát bằng tiếng Trung Quốc) đã làm mọi người cảm động, ông ôm hôn nhiều diễn viên, báo chí về sau đã nói rất nhiều quan khách đã cảm động đến rơi lệ.

Một nghị sĩ luôn kịch liệt phản đối việc thiết lập quan hệ ngoại giao Mỹ - Trung sau khi được xem cảnh tượng đó đã nói, chúng ta đã bị họ đánh bại rồi: Chính các em bé biết hát bằng tiếng Trung Quốc là người bỏ phiếu chống. Hai vợ chồng Đặng xem ra rất yêu quí nhân dân, ông thực sự làm khuynh đảo người xem tại chỗ và cả người xem qua ti vi.

Trong vài lần hội đàm rất vui vẻ mà lại rất kết quả, chúng tôi còn thảo luận một số vấn đề khác, có cả vài vấn đề rất cơ mật. Khi Đặng Tiểu Bình tới thăm Quốc hội Mỹ, ông nói chuyện rất sinh động, hóm hỉnh và để lại ấn tượng rất tốt. Xem ra người Trung Quốc hiểu được việc làm thế nào để biểu hiện lòng tự tin trầm tĩnh và lòng tự hào đối với đất nước mình, mà lại không hề tự cao tự đại”.

Cho đến giờ, Mỹ vẫn là nước phát triển, dẫn đầu các nước phát triển, là trục chính của kinh tế thế giới, là trung tâm khoa học kỹ thuật thế giới. Nếu không thực hiện bình thường hoá quan hệ với Mỹ thì chính là cũng không thể tiến hành giao lưu bình thường với thế giới về các mặt như kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá giáo dục..., cải cách mở cửa cũng không thể tiến hành bình thường được, hoặc có thể nói sự phát triển về kinh tế và khoa học kỹ thuật, giáo dục của Trung Quốc cũng chẳng có ý nghĩa gì lớn. Mà nếu không tiến hành giao lưu bình

thường về các mặt đối với thế giới, việc mở cửa đối ngoại không tiến hành bình thường thì sự phát triển nhanh chóng trong hơn 20 năm gần đây của Trung Quốc là không thể tưởng tượng được.

Ngày 14 tháng 2 năm 1981, Đặng Tiểu Bình đã viết lời nói đầu trong cuốn "Đặng Tiểu Bình văn tập" do Nhà xuất bản Tagatman Anh quốc xuất bản: "Tôi rất vinh hạnh với tư cách là một thành viên của dân tộc Trung Hoa trở thành công dân của thế giới. Tôi là một người con của nhân dân Trung Quốc. Tôi vô cùng yêu mến Tổ quốc và nhân dân tôi... Bằng lao động sáng tạo của mình, nhân dân Trung Quốc đã thay đổi căn bản bộ mặt lạc hậu của mình và được đứng trong hàng ngũ tiên tiến của thế giới với bộ mặt mới và cùng với nhân dân các nước cùng nhau thúc đẩy sự nghiệp chính nghĩa của loài người".

Ngày 1 tháng 10 năm 1983, Đặng Tiểu Bình đã đề từ tặng trường Cảnh Sơn: "Giáo dục cần phải theo hướng hiện đại hoá, hướng tới thế giới, hướng tới tương lai". Nhân dân nhật báo số ra ngày 27 tháng 5 năm 1989 đã đăng một đoạn lời nói của Đặng Tiểu Bình: "Nước ta vẫn là nước nghèo trên thế giới, chúng ta vẫn chưa đủ tư cách làm công dân của thế giới".

Người ta thường chú ý tới tư duy trị quốc của Đặng Tiểu Bình, trong đó có một điểm rất nổi bật là trên hệ tham chiếu tư duy, ông luôn phân tích vấn đề từ góc độ hiện đại hoá, từ thế giới và tương lai và luôn luôn nhằm vào các nước phát triển. Điều này không chỉ làm cho tầm mắt ông được rộng mở, mà không gian tư duy cũng được mở mang, ý thức vượt lên rất mạnh mẽ, đầu óc rất tỉnh táo và tất cả đều xuất phát từ thực tế, độc lập suy nghĩ, độc lập phán đoán, sáng tạo cái mới, cống hiến rất lớn lao cho việc dân tộc Trung Hoa "tự lập đứng trong hàng ngũ tiên tiến của thế giới".

Thực tiễn thành công của hơn 20 năm cải cách mở cửa làm cho Trung Quốc - một nước đang hướng ra thế giới, bước vào thế giới không những đã trở thành khí thế rất to lớn, mà về cơ bản đã được coi là một sự đương nhiên rồi. Cục diện đó không phải dễ dàng có được mà nó vẫn luôn phải đối mặt với những thử thách.

Tuần báo "Thời đại" của Mỹ đã lần lượt phong cho Đặng Tiểu Bình là "Nhân vật làm mưa làm gió của thế giới" trong năm 1978 và năm 1985. Một bài viết

đăng trên kỳ 1 của tờ tuần báo này năm 1979 với đầu đề "Đặng Tiểu Bình - một người mơ mộng của nước Trung Quốc" mới đã mở cánh cửa lớn của "Trung ương chi quốc "hướng ra thế giới" viết rằng:

Đó là khí thế lớn lao trong lịch sử nhân loại, chứ tuyệt nhiên không chỉ là một nghĩa cử? Thử nghĩ, từ khi xã hội loài người có lịch sử đến nay, có vị anh hùng hào kiệt nào đứng ra lãnh đạo một đất nước với dân số hàng tỉ người (chiếm 1/4 dân số thế giới) tiến hành dẹp bạo loạn, chống đối, giải phóng đất nước khỏi tình trạng cấm đoán theo chủ nghĩa giáo điều và từ đó bước vào hoà nhập trong vũ đài thế giới cuối thế kỷ XX? Sau nhiều năm tự đóng cửa vì nỗi sợ bản năng - "sợ bên ngoài khủng bố", cuối cùng vào năm 1978, nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa mới bắt đầu bước một bước lớn vào thế giới, nói theo các nhà tuyên truyền của Bắc Kinh, đó là Trung Quốc bắt đầu một cuộc trường chinh mới.

Trong một năm biết bao thay đổi, có lẽ một số người khác còn quan tâm tới trước hơn cả Đặng Tiểu Bình... Nhưng tất cả những điều trên, nếu so chúng với việc Trung Quốc quyết định bước vào vũ đài lớn của thế giới đều là những chuyện chẳng đáng kể chút nào.

Nhìn vào lịch sử Trung Quốc hành động bắt đầu tự giác tiếp thu thế giới bên ngoài của Trung Quốc làm người ta kinh ngạc. Rất nhiều thế kỷ nay, Trung Quốc hầu như không biết gì đến thế giới bên ngoài cả. Trong quá trình các vương triều phong kiến thay nhau trị vì, người Trung Quốc dần dần hình thành một quan niệm, cho rằng toàn thế giới "đều dưới sự thống trị của trời", mà bản thân họ lại là thiên tử trong thiên triều". "Từ xưa tới nay" - Lỗ Tấn viết: "Người Trung Quốc luôn có hai cách đối xử với người nước ngoài, đó là cách nhìn lên coi họ như "thánh nhân" và cách nhìn xuống coi họ như loài "đã thú". Họ chưa bao giờ coi người nước ngoài là bạn bè đối xử như một con người giống họ cả. Từ trước đến nay họ đóng cửa tự thủ, …trải qua cuộc chiến tranh thuốc phiện lần thứ nhất và sau những năm 50 phục tùng Liên Xô một cách mù quáng, từ trong đau khổ mà họ nếm trải, Trung Quốc mới từng bước chứng minh sự đóng cửa tự thủ của họ là sự thật".

Nhưng người Trung Quốc cũng đã từng ý thức được tầm quan trọng của hiện đại hoá và khoa học kỹ thuật. Năm 1898 vào cuối đời Thanh, được sự ủng hộ

của Hoàng đế Quang Tự, một số người Trung Quốc đã mô phỏng theo "Minh Trị duy tân" của Nhật Bản, thay đổi Trung Quốc. Thời kỳ đầu Trung Hoa dân quốc, Tôn Dật Tiên và một loạt chí sĩ, nhân sĩ đã bị thảm bại. Do vậy, một nhà sử học nổi tiếng đã tổng kết rằng: "Người Trung Quốc cảm thấy thất vọng đối với những giáo chủ giả cứu thế đến từ phương Tây, nên họ đã phải đi tìm một lối thoát khác".

Người phương Tây hẳn cảm thấy rất khó hiểu, vì sao một dân tộc đông người như vậy, chỉ trong một thời gian rất ngắn lại có thể nhanh chóng chuyển hẳn 180 , giống như việc một hàng không mẫu hạm đang chạy trên một đường thẳng lại đột ngột ngoặt lại, làm cho người ta thật khó tin được.

Để lại cho một nước Trung Quốc dân số lớn, bị chèn ép quá lâu đóng cửa trong một thời gian dài thực hiện mở cửa nhanh chóng nhìn ra thế giới, tuy không giống như việc người ta nghĩ đối với sự chuyển hướng của chiếc hàng không mẫu hạm đã nói trên, nhưng những khó khăn của nó người ta hoàn toàn có thể nghĩ tới và biết được rằng muốn làm được phải dũng cảm, có sức mạnh và có trí tuệ.

Đặng Tiểu Bình nhiều lần nhấn mạnh: "Mở cửa hướng ra bên ngoài có ý nghĩa rất quan trọng, bất kỳ nước nào muốn phát triển mà vẫn tự đóng cửa và cô lập đều không thể làm được; không tăng cường giao lưu quốc tế, không học tập kinh nghiệm tiên tiến của các nước phát triển, thu hút các nguồn vốn và khoa học kỹ thuật tiên tiến của họ thì sẽ không thể làm được".

Phải thông qua thực tiễn và thành tựu đạt được trong hơn 20 năm, lý luận đó mới được chứng minh và trở thành nhận thức chung của nhân dân Trung Quốc. Điều đáng để ta tiếp tục suy nghĩ và cách nghĩ "mở mắt nhìn thế giới", "học tập phương Tây" đã sớm xuất hiện ở Trung Quốc từ thời kỳ chiến tranh thuốc phiện, đã có thực tiễn ngay từ những năm 60 đến những năm 90 của thế kỷ XIX với "Phong trào sang Tây làm việc", vậy vì sao hơn 100 năm trước cuộc cải cách mở cửa, những kết quả có được do hướng ra thế giới và học tập phương Tây (trong đó có Liên Xô) lại chỉ làm cho "Trung Quốc từ trong đau khổ chứng minh một bước việc đóng cửa tự thủ của mình là chính xác", vậy mà chỉ trong hơn 20 năm nay lại giành được thành tựu lớn lao vậy?

Trước tiên quyết định bởi nhận thức chính xác đối với thế giới.

Đặng Tiểu Bình từng nói: "Trong thời gian dài kể từ khi dựng nước, chúng ta luôn trong tình trạng cách biệt với thế giới. Điều này trong một thời gian tương đối dài không phải nguyên nhân là do chúng ta, mà là do các thế lực chống Trung Quốc, chống chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc trên thế giới đã buộc chúng ta rơi vào trạng thái cách ly và cô lập".

Hiện tượng này cũng đã tồn tại trong lịch sử, chẳng qua hình thức biểu hiện khác nhau mà thôi; trước chiến tranh thuốc phiện, hình thức biểu hiện cơ bản chính là kiểu cướp biển, buôn lậu thuốc phiện để xâm phạm chủ quyền Trung Quốc, làm tổn hại đến lợi ích của nhân dân Trung Quốc; sau chiến tranh thuốc phiện, hình thức đó là vũ trang xâm lược, xâm lược Trung Quốc bằng các Hiệp ước bất bình đẳng, ép buộc Trung Quốc vào guồng máy kinh tế thế giới để trở thành một kẻ chư hầu. Những hiện tượng này nay vẫn tồn tại, sau này vẫn tiếp tục tồn tại. "Thế lực chống Trung Quốc và chống xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc trên thế giới" tuy không còn áp dụng chính sách phong toả của những năm 50 và 60 của thế kỷ XX để buộc chúng ta rơi vào trạng thái cách ly và cô lập với thế giới nữa, nhưng cũng làm cho nhân dân Trung Quốc rất đau đầu và phẫn nộ. Nửa cuối năm 1989, cục điện mở cửa của Trung Quốc đã bị "xấu hoá", các nước phương Tây đã khiển trách, nhục mạ, chế ngự làm cho Trung Quốc một lần nữa đứng trước nguy cơ rơi vào trạng thái bị cách ly, cô lập. Trong bối cảnh đó, ngày 16 tháng 6 năm 1989, Đặng Tiểu Bình đã chỉ thị rõ: "Cần phải giương cao ngọn cờ mở cửa và cần có thêm dũng khí".

Vì sao trong bối cảnh đó Đặng Tiểu Bình lại ra chỉ thị trên? Bởi ngoài hai yếu tố trên ra, còn bởi vì điều đó có thể làm được.

Ngày 31 tháng 10 năm 1989, khi hội kiến với Tổng thống Mỹ Nixơn, Đặng Tiểu Bình nói: "Tôi rất tán thành cách nhìn nhận của Ngài, suy nghĩ về mối quan hệ giữa hai nước chủ yếu cần xuất phát từ lợi ích chiến lược của quốc gia. Tập trung vào lợi ích chiến lược lâu dài của mình, đồng thời phải tôn trọng lợi ích đối phương mà không nên tính toán so sánh ân oán lịch sử đã qua, sự khác nhau về chế độ xã hội và hình thái ý thức mà phải đối xử bình đẳng và tôn trọng, bất kỳ nước đó lớn bé, yếu mạnh ra sao. Có như vậy, vấn đề nào cũng đều có thể giải

quyết thoả đáng. Xử lý mối quan hệ giữa các nước bằng tư tưởng này, nếu không có dũng khí chiến lược sẽ không thể làm được... Chúng ta bàn bạc và xử lý vấn đề đều tuân theo nguyên tắc chuẩn mực tối cao là xuất phát từ lợi ích của quốc gia. Trong vấn đề này, chúng ta đều thực hiện và tôn trọng đối phương, rất khoáng đạt... Quan hệ Trung - Mỹ có một cơ sở tốt, chính là tác dụng giúp đỡ vẫn nhau trong phương diện phát triển kinh tế và bảo vệ lợi ích kinh tế của hai nước. Thị trường Trung Quốc thực sự chưa được mở cửa đầy đủ, nước Mỹ còn có rất nhiều việc có thể làm được ở thị trường này". Ngày 10 tháng 12 cùng năm, khi hội đàm với ngài Đại sứ của Mỹ, Đặng Tiểu Bình nói: "Nếu Trung Quốc động loạn, vấn đề sẽ trở thành rất lớn, khẳng định còn có ảnh hưởng tới thế giới. Đó không phải là cái phúc của Trung Quốc và cũng không phải cái phúc của Mỹ. Trong 17 năm kể từ năm 1972 tới nay, cục diện thế giới tương đối ổn định, sự phát triển của mối quan hệ Trung- Mỹ là một nguyên nhân tương đối có sức nặng cho việc hình thành cục diện đó".

Ngày 3 tháng 3 năm 1990, khi nói chuyện với các đồng chí có trách nhiệm trong trung ương, Đặng Tiểu Bình nói: "Cần phải tiếp tục quan sát tình hình quốc tế, có một số vấn đề không phải ngay một lúc nhìn rõ được, nhưng không nên nhìn nó thành một đám đen, không nên cho rằng tình thế xấu đi tới mức nghiêm trọng như vậy, không nên nói rằng chúng ta đang ở vào địa vị bất lợi. Thực tế tình hình không hẳn như vậy. Trên thế giới có rất nhiều mâu thuẫn, một số mâu thuẫn rất lớn, rất sâu sắc vừa mới bộc lộ ra. Chúng ta có thể lợi dụng sự tồn tại của mâu thuẫn, sự tồn tại của những điều kiện có lợi đối với chúng ta và sự tồn tại của những cơ hội, nhưng vấn đề là phải nắm chắc được chúng".

Tóm lại, Trung Quốc hướng ra thế giới, bước vào thế giới; trở thành một nước ổn định, giàu mạnh trên thế giới không những phù hợp với lợi ích của Trung Quốc mà còn phù hợp với lợi ích của các nước trên thế giới và cả các nước phương Tây đứng đầu là Mỹ. Do đó có thể hướng ra thế giới, bước vào thế giới được hay không, điều căn bản là Trung Quốc có lòng tin đối với chính mình hay không, có dám bước vào thế giới hay không, có biết bước đi hay không? Đối với vấn đề này, trong lần nói chuyện đầu năm 1991, Đặng Tiểu Bình đã nói, "sẽ có nhiều ý kiến khác nhau đối với cải cách mở cửa, nhưng đó đều xuất phát từ ý

tốt, thứ nhất là chưa quen, thứ hai là sợ, sợ xảy ra vấn đề". Nhưng đồng thời ông cũng chỉ rõ rằng, "mở cửa không kiên quyết không được, nay còn có rất nhiều trở ngại ngáng trở chúng ta. Nói những xí nghiệp ba bên" không phải là kinh tế dân tộc, sợ nó phát triển, điều đó thật không tốt. Phát triển kinh tế mà không mở cửa thì thật khó làm. Sự phát triển kinh tế của các nước trên thế giới đều phải mở cửa, các nước phương Tây vẫn thường xuyên giao lưu trao đổi trên các mặt tiền vốn và kỹ thuật".

Đối với vấn đề rủi ro và mặt trái của mở cửa, đương nhiên Đặng Tiểu Bình nhận thức rất tỉnh táo rằng: "ăn quả đắng" về kinh tế, bị "diễn biến hoà bình" về mặt chính trị, bị "tây hoá" về mặt văn hoá... Nhưng "chỉ cần đầu óc chúng ta tỉnh táo thì sẽ không sợ". "Nếu anh càng sợ thì càng tỏ ra yếu đuối, người khác sẽ mạnh hơn lên. Nhưng không phải vì anh mềm mà người khác đối xử tốt với anh hơn, ngược lại, nếu anh mềm yếu thì người khác sẽ coi thường anh hơn. Chúng ta sợ gì? Trung Quốc đất rộng người đông, Đảng Cộng sản Trung Quốc rất có chí khí, nhân dân Trung Quốc rất có chí khí".

Ngoài việc không sợ và phải có lòng tin ra, chúng ta phải độ lượng, phải có sách lược. Ngày 11 tháng 7 năm 1990, khi hội đàm với Thủ tướng Canađa, Đặng Tiểu Bình đã nói: "Mặc dù Liên Xô và Đông Âu xảy ra vấn đề, mặc dù bảy nước phương Tây đã kiềm chế chúng tôi, chúng tôi vẫn kiên trì phương châm: Tiếp tục quan hệ với Liên Xô và quan hệ tốt; tiếp tục quan hệ với Mỹ, Nhật, các nước châu Âu và đều xây dựng mối quan hệ tốt. Phương châm này mãi mãi không bao giờ dao động. Trung Quốc là nước rất độ lượng, một chút sóng gió nhỏ này không thể quật ngã được chúng tôi". Ngày 24 tháng 12 năm 1990, khi nói chuyện với các đồng chí phụ trách Trung ương. Đặng Tiểu Bình nói: "Có một số nước thuộc thế giới thứ ba mong muốn Trung Quốc ra dẫn đầu. Nhưng chúng ta đừng bao giờ dẫn đầu, đó chính là một quốc sách căn bản. Chúng ta không thể làm việc đó được, sức chúng ta chưa đủ đứng đầu chẳng có lợi gì cả, mà còn mất rất nhiều sự chủ động... Chúng ta không sợ ai, nhưng cũng không để ai đắc tội với chúng ta, cần làm việc theo năm nguyên tắc cùng chung sống hoà bình, phải nắm chắc trên mặt lập trường, nguyên tắc".

Thế giới tuy không đến nỗi đáng sợ, nhưng đúng là cũng chẳng đẹp đẽ. Trung

Quốc đã từng có một thời kỳ dài lịch sử bị áp bức ô nhục, thế giới cũng có những cảnh hỗn loạn khắp nơi. Trong thế kỷ 20 trước đây, số người chết vì chiến tranh trên toàn cầu là trên trăm triệu, trong đó có 70% là dân thường. Những vấn đề đói khát, bệnh tật, ô nhiễm môi trường, tài nguyên cạn kiệt, bùng nổ dân số khiến mọi người phải lo lắng. Tháng 12-1999, 74 cơ quan thông tin đại chúng của 36 quốc gia toàn cầu, trong đó có cả hãng AF bình chọn ra 10 sự kiện lớn năm 1999 đã xếp theo thứ tự là: Chiến tranh Côxôvô, vụ bê bối của Clintơn, động đất lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ bạo loạn ở Đông Timo, chiến tranh Trécxnia, khủng hoảng virút Y2K, cuộc xung đột Ấn Độ - Pakixtan, động đất lớn ở Đài Loan, tăng trưởng kinh tế của Mỹ đã thúc đẩy sự hồi phục kinh tế và thị trường chứng khoán toàn cầu và lãnh tụ người Cuốc là Ôcalan bị phán xử tử hình. 10 sự kiện lớn đó, ngoài việc thị trường chứng khoán và kinh tế thế giới được hồi phục, còn những sự kiện khác đều xấu. Nhưng đến năm 2000, kinh tế toàn cầu tuy vẫn lên nhưng thị trường chứng khoán lại thảm bại. Cho nên, là "công dân thế giới" không hoàn toàn là việc tốt, còn phải chịu rất nhiều thử thách gay go.

Đặng Tiểu Bình và những người thuộc thế hệ đó đã sống trong thời đại cách mạng, chiến tranh, "chiến tranh lạnh" và đối kháng, họ đã chiến đấu anh dũng trong bối cảnh náo loạn rối ren, làm cho dân tộc Trung Hoa đầy thương tích vùng đứng lên và dần đi tới ổn định đoàn kết, phồn vinh giàu mạnh. Trong quá trình đó, họ đã tích luỹ được rất nhiều kinh nghiệm quý báu, một trong những kinh nghiệm đó là điều mà Đặng Tiểu Bình đã nói trong ngày 1-12-1989 "chủ quyền quốc gia, an ninh quốc gia luôn luôn phải đặt lên hàng đầu", trong đó một mặt quan trọng là phải có "quốc cách", phải giữ được sự tôn nghiêm của dân tộc Trung Hoa, "Nếu Trung Quốc không biết tự trọng, Trung Quốc sẽ không thể đứng vững".

Nửa cuối năm 1989, quan hệ giữa Trung Quốc với các nước phương Tây xấu đi nhanh chóng. Trong tuyên ngôn chính trị của hội nghị thượng đỉnh 7 nước phương Tây (Pháp, Mỹ, Anh, Đức, Nhật, Ý, Canađa, còn có cả khối Cộng đồng châu Âu) họp tại Pari. Tháng 7 năm đó đã "lên án" Trung Quốc, và tuyên bố phải liên kết trừng phạt Trung Quốc. Bình luận về việc này, Đặng Tiểu Bình nói: "Tôi là một người Trung Quốc. Hiểu biết lịch sử Trung Quốc bị nước ngoài xâm lược.

Khi tôi nghe tin hội nghị thượng đỉnh 7 nước phương Tây quyết định phải trừng phạt Trung Quốc, lập tức tôi nhớ ngay đến lịch sử năm 1900, khi liên quân 8 nước xâm lược Trung Quốc. Trong 7 nước đó, ngoài Canada, 6 nước kia cộng thêm với nước Nga Sa hoàng và Áo, chính là 8 nước tổ chức Liên quân năm đó". Đương nhiên chúng ta cũng không ngu xuẩn như chính phủ nhà Thanh trước đây. Đặng Tiểu Bình nói: "tôi cho rằng thứ nhất họ không có tư cách để trừng phạt Trung Quốc, thứ hai, thực tiễn chứng minh Trung Quốc có đủ khả năng chống lại sự trừng phạt đó.... Những bản lĩnh khác chúng ta không có, nhưng chống lại sự trừng phạt chúng ta có thừa. Cho nên chúng ta không vội vã, cũng không bi quan, vẫn thản nhiên đối phó".

Níchxơn - nguyên Tổng thống Mỹ, tháng 10 năm đó đến Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã hội kiến với ông ta. Về việc này Ních-xơn có ghi chép: Trước hết tôi nói với Đặng Tiểu Bình: "Tôi đã quan sát kỹ quan hệ Trung - Mỹ 17 năm nay. Trong mối quan hệ đó, chưa bao giờ xuất hiện khủng hoảng nghiêm trọng như hiện nay, bởi vì mối quan tâm lần này không phải là kẻ thù Trung Quốc mà là người bạn Trung Quốc. Trong cuộc hội đàm của chúng ta, chúng ta còn phải nghiên cứu những vấn đề bất đồng và bù đắp cho những người hữu hảo với Trung Quốc ở trong nước Mỹ, vì lòng tôn kính đối với một số người lãnh đạo Trung Quốc mà bị tổn hại".

Tại một số cuộc hội kiến lúc đầu trong chuyến đi này, cách nhìn của Đặng Tiểu Bình đưa ra trước các đồng sự trong bộ máy lãnh đạo rõ ràng là cách nhìn của Đảng hiện nay. Họ viện dẫn một câu ngạn ngữ Trung Quốc "người tháo chuông phải là người buộc chuông", nói quan hệ hai nước chúng ta lạnh nhạt là sai lầm của Mỹ, vì chuyện một số học sinh náo loạn hoàn toàn là việc nội chính, mà Mỹ lại có những phản ứng quá đà. Đặng Tiểu Bình rất già dặn, ông ta nói: "Cách đâu không lâu trước khi kết thúc sự kiện này xảy ra giữa chúng ta nước Mỹ cần phải có thái độ chủ động - Trung Quốc nhỏ yếu, nước Mỹ lớn mạnh. Điều mà tôi quan tâm không chỉ là giữ thể diện. Nếu tôi và các đồng sự của tôi không giữ được sự tôn kính của mọi người đối với Trung Quốc, chúng tôi phải bị hạ bệ. Đó là một nguyên tắc phổ biến".

Một số nội dung trong buổi nói chuyện này đã được viết trong quyển 3 của

"Đặng Tiểu Bình văn tuyển" là:

"Ông đến thăm Trung Quốc trong giờ phút hết sức nghiêm trọng của quan hệ Trung Mỹ.

Rất đáng tiếc, về vấn đề này nước Mỹ đã bị cuốn vào quá sâu, và liên tục công kích Trung Quốc. Trung Quốc thực sự là người bị hại, Trung Quốc không làm bất cứ việc gì không phải đối với Mỹ. Có thể mỗi bên có cách nhìn riêng, nhưng không thể buộc chúng tôi phải chấp nhận những chỉ trích sai lầm của người khác.

Lý lẽ rất giản đơn: người Trung Quốc nhiều như thế, vốn mỏng như thế nếu không có môi trường chính trị đoàn kết ổn định, không có trật tự xã hội ổn định, thì không làm nổi được việc gì cả. Ổn định áp đảo mọi việc.

Mọi người ủng hộ nhân quyền, nhưng không nên quên rằng còn có một "quốc quyền". Nói đến nhân cách, nhưng không nên quên rằng còn có một "quốc cách". Đặc biệt như chúng tôi là quốc gia đang phát triển trong thế giới thứ ba, nếu không có lòng tự tôn dân tộc, không quý trọng nền độc lập dân tộc mình, thì quốc gia không thể đứng vững được.

Xin ông hãy nói với Tổng thống Bush, việc kết thúc quá khứ, nước Mỹ phải chủ động, cũng chỉ có thể do nước Mỹ chủ động. Nước Mỹ có thể có một số hành động chủ động, Trung Quốc không thể chủ động. Bởi vì kẻ mạnh là nước Mỹ, kẻ yếu là Trung Quốc, nước bị hại là Trung Quốc. Muốn Trung Quốc phải van xin ư, đâu có được. Cho dù phải kéo đến 100 năm, người Trung Quốc cũng không cầu xin xoá bỏ trừng phạt. Nếu Trung Quốc không có lòng tự trọng, Trung Quốc sẽ không thể đứng vững, không còn "quốc cách", quan hệ lớn lắm.

Đối với vấn đề này, bất cứ một người lãnh đạo nào của Trung Quốc nếu phạm sai lầm đều sẽ bị hạ bệ. Nhân dân Trung Quốc sẽ không tha thứ. Đó là những lời tôi nói thật".

Về cuộc nói chuyện này. Ních-xơn nói: "Đặng Tiểu Bình dùng khẩu khí của một nhà cách mạng lão thành đưa ra lời kêu gọi, là người lãnh đạo của quốc gia từ mấy đời nay bị nước ngoài thống trị và bóc lột, yêu cầu được thông cảm... Hơn bất cứ lúc nào tôi tin rằng, Đặng Tiểu Bình là một trong những người lãnh đạo quan trọng nhất từ trước tới nay".

Ít lâu sau, xuất phát từ suy nghĩ đến lợi ích của Mỹ, Tổng thống Bush đã bắt đầu "hành động chủ động". Ngày 9-2-1989, đặc sứ của Tổng thống Mỹ Scốtclốt, trợ lý an ninh quốc gia Mỹ đến Trung Quốc. Hôm sau Đặng Tiểu Bình đã tiếp kiến ông ta và nói:

"Cuộc viếng thăm của ông lần này là hành động hết sức quan trọng. Giữa Trung Quốc và Mỹ dù vẫn còn một số rắc rối, có một số vấn đề và bất đồng, nhưng xét đến cùng thì quan hệ Trung - Mỹ phải tốt lên mới đúng.

Tôi đã về hưu rồi, việc này vốn không phải là nhiệm vụ của tôi, nhưng đại sứ của Tổng thống Bush, bạn tôi đến, tôi không gặp e cũng không lịch sự.

Trung Quốc và Mỹ không được đánh nhau, tôi nói đánh nhau không phải là đánh trận, mà là đánh nhau trên ngòi bút và đầu lưỡi, không nên đề xướng điều đó.

Xin ông đặc sứ hãy chuyển lời của tôi tới Tổng thống Bush, ở Trung Quốc phương Đông có một ông già về hưu, quan tâm đến việc cải thiện và phát triển mối quan hệ Trung - Mỹ".

CHƯƠNG 3

NGƯỜI TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO TRONG QUÁ TRÌNH TRƯỞNG THÀNH

Đối với con người ngày nay và mai sau, không còn nghi ngờ gì nữa sự thành công của Đảng Cộng sản Trung Quốc là một kỳ tích khó có thể tưởng tượng. Trong đó có một bí quyết cơ bản, dùng lời nói của Mao Trạch Đông, đó là mấy chữ "tổ chức lại". Lê-nin đã từng nói: "Làm thế nào để có thể khiến cho 100 người phát huy lực lượng của 1000 người. Câu trả lời duy nhất là tổ chức, tổ chức khiến cho một người phát huy được lực lượng gấp mười lần".

Tổ chức cần phải có người tổ chức lãnh đạo ưu tú, tổ chức càng lớn càng cần người tổ chức lãnh đạo ưu tú. Người tổ chức lãnh đạo ưu tú không phải do trời sinh ra, mà là do trưởng thành từng bước, từng bước một. Đặng Tiểu Bình chính là người cất bước từ những bước nhỏ: "tiến sĩ in litô", "chi uỷ viên" mà trưởng thành lên dần dần.

Từng có người nhớ lại, ngày 19-10-1920, Đặng Tiểu Bình vừa đến nước Pháp, đã "hăng hái sôi nổi chạy lên trước, báo cáo với đại biểu của Hội giáo dục Hoa-Pháp đến đón họ ở trên bờ rằng, học sinh Trùng Khánh ở trên tàu đã chia thành 4 tổ, sẵn sàng lên bờ theo từng tổ. Về sự việc này, Đặng Tiểu Bình cười và phủ nhận rằng: "Tôi là người nhỏ nhất trong số tám mươi mấy người đó, làm gì có quyền phát biểu".

Ngày 7-1-1926, cũng là ngày Đặng Tiểu Bình bí mật rời khỏi nước Pháp, cảnh sát nước Pháp nhận được một báo cáo tường tận về Đặng Tiểu Bình, bản báo cáo đã nêu chính xác ngày tháng năm sinh, quê quán, họ tên bố và họ tên mẹ, nơi ở hiện nay, năm đến nước Pháp, lý lịch sơ lược khi sống ở Pháp, công tác đang làm... và nói "anh ta là đại biểu của phần tử tích cực của Đảng Cộng sản tham dự hội nghị, tại các cuộc hội họp do người của Đảng Cộng sản Trung Quốc

tổ chức, hầu như đều phát biểu".

Thời đó Đặng Tiểu Bình còn ít tuổi, vóc người cũng nhỏ, cũng giống như cái tên "Tiểu Bình" do ông tự đổi năm 1926, không thích đứng đầu, vậy tại sao lại nổi trội trong đám đông những người sang Pháp vừa làm vừa học đó? Từ chỗ "làm gì có quyền phát biểu" đến cuối cùng "hầu như các cuộc họp đều phát biểu".

Tháng 6 năm 1922 tổ chức cộng sản trong thanh niên Trung Quốc du học châu Âu được chính thức thành lập ở Pari, lúc đó gọi là "Đảng Cộng sản thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu", người phụ trách là Triệu Thế Viên, Chu Ân Lai, Lý Duy Hán. Đặng Tiểu Bình không tham gia đại hội thành lập, nhưng mùa hè năm đó tham gia vào tổ chức Đảng Cộng sản thiếu niên, và nhanh chóng trở thành một nhân vật hoạt động hăng hái. Từ 17 đến 19-2-1923, Đảng Cộng sản Thiếu niên Trung Quốc du học châu Âu triệu tập hội nghị lâm thời tại Pari, hội nghị quyết định đổi tên tổ chức thành "Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc du học châu Âu", có tất cả 42 đại biểu tham dự hội nghị, trong số đó có Đặng Tiểu Bình.

Sau khi tham gia vào tổ chức, công việc chủ yếu của Đặng Tiểu Bình là viết giấy nến và in li-tô nguyệt san "Thiếu niên", cơ quan của Đảng Cộng sản thiếu niên, nên có được mỹ danh "tiến sĩ in litô". "Nguyệt san Thiếu niên" được ra mắt ngày 1-8-1922, thời kỳ đầu do Triệu Thế Viên phụ trách biên tập, Trần Diên Niên, Trần Kiều Niên... phụ trách các công việc viết giấy nến, in litô, đóng gói và phát hành. Từ tháng 3- 1923 trở đi do Chu Ân Lai phụ trách biên tập, phát hành, Đặng Tiểu Bình và Lý Phú Xuân, Phó Chung, Lý Đại Thương lần lượt tham gia vào công việc của tạp chí. Ngoài ra, Đặng Tiểu Bình còn làm hai khoá cán sự tuyên truyền ở chi bộ Ba-ie, nhận trách nhiệm cùng với Phó Liệt làm tuần báo Công nhân cho công hội người Hoa.

Tháng 7-1924, tại đại hội đại biểu lần thứ V của Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc du học châu Âu. Đặng Tiểu Bình được bầu làm uỷ viên ban chấp hành, cùng với Chu Duy Chân, Dư Tăng Sinh tổ chức thành Cục Bí thư 3 người phụ trách công việc hành chính hàng ngày của Đoàn thanh niên Cộng sản du học châu Âu, Đặng Tiểu Bình được phân công phụ trách tuyên truyền và tài vụ. Có

lẽ đó là chức vụ lãnh đạo đầu tiên của Đặng Tiểu Bình trong tổ chức cách mạng, theo quy định lúc đó Đặng Tiểu Bình được tự động chuyển thành Đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Trong khoảng nửa năm sau khi phụ trách Đoàn thanh niên Cộng sản du học châu Âu, công việc chủ yếu của Đặng Tiểu Bình là phụ trách tờ tạp chí "Xích quang" (ánh sáng đỏ), cơ quan của Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc du học châu Âu. Ngày 1-2-1924 tạp chí "Thiếu niên" đổi tên thành tạp chí này, sau khi đổi tên, tạp chí có một số thay đổi, như từ nguyệt san, nguyệt san không định kỳ đổi thành bán nguyệt san, phong cách của tạp chí cũng từ thiên về lý luận chuyển thành thiên về thực tiễn. Nói theo cách nói thời đó, tức là chuyển tập san "Thiếu niên" lý luận thành tập san "Xích quang" thực tế. Mặt ngoài của "Xích quang" là hình một thiếu niên đang muốn vươn lên, mình trần, tay cầm kèn, giương cao ngọn cờ, phía sau lưng là ánh sáng đỏ chiếu ra bốn phía, chân dẫm lên sông núi mênh mông. Văn phong của tập san, theo cách nói ở tuyên ngôn đăng trong số đầu của tập san là "thành khẩn và trung thực chỉ ra cho mọi người con đường duy nhất để cứu nước", và phản đối "Những con đường khác quanh có vòng vèo".

Tháng 12 năm 1924. Đặng Tiểu Bình trở thành thành viên là phòng giám sát tại đại hội đại biểu lần thứ 6 của Đoàn thanh niên cộng sản Trung Quốc du học châu Âu và uỷ viên hội đồng công hội, phụ trách phong trào công nhân. Sau đó làm đặc phái viên chi bộ du học châu Âu của Đảng Cộng sản Trung Quốc đến công tác ở thành phố Liôn, làm phó chủ nhiệm bộ tuyên truyền kiêm Bí thư tiểu tổ Liôn của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tháng 6 năm 1925, Đảng Cộng sản Trung Quốc và tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản du học châu Âu liên hợp với phái tả Quốc dân Đảng, tổ chức những hoạt động rầm rộ ủng hộ phong trào phản đế "30 tháng 5" trong nước. Từ 22-6-1925, chính phủ Pháp bắt đầu ra tay lùng bắt trục xuất đảng viên cộng sản và đoàn viên thanh niên Cộng sản Trung Quốc du học ở Pháp. Trong mấy ngày đã có hơn 20 người bị bắt, 47 người bị trục xuất khỏi nước Pháp, tổ chức của Đảng Cộng sản và Đoàn thanh niên Cộng sản du học châu Âu bị phá hoại nặng nề, cơ bản là bị tê liệt. Chính trong bối cảnh đó Đặng Tiểu Bình đã đứng ra gánh vác,

trở thành một trong những người phụ trách chủ yếu của tổ chức Đảng, Đoàn du học ở châu Âu.

Lúc đó Đặng Tiểu Bình đang ở Liôn, về quá trình này, Đặng Tiểu Bình đã có ghi chép: "lúc đó, chúng tôi hoàn toàn bị ngăn cách với các tin tức từ Pari, chỉ biết đoàn thể đã không còn tổ chức Trung ương nữa, tiến hành công việc sẽ rất khó khăn. Đồng thời do sự thôi thúc của các đồng chí khác, tôi bèn quyết định thôi việc về Pari để cố gắng làm việc cho đoàn thể. Sau khi về Pari, đồng chí Phác Sinh (tức Tiêu Phác Sinh, là Bí thư Đảng ở Pari lúc đó) còn chưa bị trục xuất, nên cùng bàn bạc tổ chức ra ban chấp hành lâm thời của tổ chức, ít lâu sau đổi thành ban chấp hành đặc biệt, tôi đều được cử làm uỷ viên".

Ngày 30-6-1925, sau khi Đặng Tiểu Bình và các đồng chí khác ở các nơi đến Pari, đã thành lập ra ban chấp hành lâm thời Đoàn thanh niên Cộng sản Trung Quốc du học châu Âu. Phó Chung làm thư ký (tức Bí thư), Đặng Tiểu Bình, Mao Ngộ Thuận là uỷ viên, 3 người này tổ chức thành Cục Bí thư. Ngày 17-8-1925 Đoàn thanh niên Cộng sản Trung Quốc du học châu Âu triệu tập đại hội đại biểu lần thứ 7, chính thức thành lập Cục Bí thư gồm 3 người: Phó Chung, Đặng Tiểu Bình, Thi Khứ Bệnh. Trong thời gian này, Đặng Tiểu Bình còn đồng thời đảm nhiệm chức Bí thư ban giám sát tổng chi bộ Quốc dân Đảng Trung Quốc ở Pháp. Theo những tài liệu trong cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" thì cái tên Đặng Duy Hiền (tên của Đặng Tiểu Bình lúc đó) lần đầu tiên xuất hiện trên báo cáo mật của cảnh sát Pháp là ngày 3-7-1925. Bản báo cáo này ghi là tại hội nghị của uỷ ban hành động Trung Quốc du học Pháp có hơn 70 người tham dự, "có tất cả 8 người phát biểu, trong số đó Đặng Duy Hiền chủ trương muốn chống chủ nghĩa đế quốc phải liên hiệp với chính phủ Liên Xô". Xem ra, Đặng Tiểu Bình đã nổi trội từ trong đám thanh niên cách mạng du học ở Pháp, trở thành người lãnh đạo và người tổ chức được mọi người chú ý của "tổ chức Trung ương" là bắt đầu từ giờ phút đó.

Ngày 15 - 9 - 1925, chi bộ du học châu Âu của Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy danh nghĩa Tổng chi bộ tại Pháp của Quốc dân Đảng Trung Quốc để triệu tập một đại hội Phản đế tại Pari, có hơn một ngàn người Hoa ở Pháp tham gia, ngoài ra có đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Việt Nam, đại biểu

người da đen châu Phi và một nghị sĩ quốc hội Pháp, quy mô tương đương với đại hội ủng hộ "Phong trào 30 tháng 5" vào ngày 7 tháng 6 năm đó.

Đại biểu Quốc dân Đảng phát biểu tại đại hội lần này là Đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc Thi Ích Sinh, đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc là Tiêu Phác Sinh, đại biểu Đoàn thanh niên Cộng sản là Phó Chung. Đặng Tiểu Bình là người lãnh đạo chi bộ của cả hai phía Đảng Cộng sản và Quốc dân Đảng tham gia lãnh đạo và tổ chức đại hội này, nhưng không phát biểu. Cuộc đại hội này một lần nữa lại làm rung động chính phủ Pháp, Thi Ích Sinh bị bắt và bị trục xuất khỏi nước Pháp, những người lãnh đạo khác cũng bị lùng bắt hoặc giám sát chặt chẽ. Trong tin tình báo của cảnh sát Pháp ngày 25 tháng 10 và 16 tháng 11 năm 1925 có ghi hai cuộc hội nghị do Đặng Duy Hiền chủ trì một cuộc hội nghị về việc tổ chức lại tiểu tổ cộng sản Trung Quốc và ra tập san, có 25 người tham dự. Một cuộc hội nghị của Quốc dân Đảng Trung Quốc tưởng nhớ Vương Kinh Kỳ, người phụ trách tổ chức du học châu Âu của Quốc dân Đảng bị chết trên đường trục xuất về nước, có 47 người tham dự. Chính vì những vụ việc này, ngày 7-l-1926 cảnh sát Pháp đã chỉnh lý một tài liệu tỉ mỉ về cá nhân Đặng Tiểu Bình, và trong ngày đó đã ra lệnh trục xuất ông.

Những biểu hiện tuyệt vời của Đặng Tiểu Bình sau khi gia nhập tổ chức, đã tạo được sự chú ý của tổ chức đối với ông. Tháng 5-1925, chi bộ ở châu Âu của Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định cử một số người sang Mátxcơva học tập, trong đó có Đặng Tiểu Bình. Tháng 12-1925, phía Mátxcơva có thư đồng ý 5 người "Đặng Tiểu Bình, Lưu Minh Nghiễm, Phó Chung, Tông Tích Quân, Từ Thụ Bình sau khi nhận được thư cần nhanh chóng lên đường". Như vậy là Đặng Tiểu Bình cùng một số người khi nhận được lệnh trục xuất của cảnh sát Pháp, đang chuẩn bị lên tàu hoả đi Mátxcơva.

Sau khi đến Mátxcơva, Đặng Tiểu Bình trước hết vào Đại học Phương Đông, ít lâu sau chuyển sang Đại học Trung Sơn, chuyên mở cho học sinh Trung Quốc, tháng 11-1925 mới tiếp nhận tốp học sinh đầu tiên. Đặng Tiểu Bình ở lớp 7, bạn đồng học chung lớp về phía Đảng Cộng sản Trung Quốc có Phó Chung, Lý Trác Nhiên...,Phía Quốc dân Đảng có Cốc Chính Cương, Cốc Chính Đình, Đặng Văn Nghị, Khuất Vũ... Đặng Tiểu Bình từng nói, đó là những nhân vật ưu tú của

Đảng Cộng sản và Quốc dân Đảng đều ở trong cùng một lớp, nên lớp đó rất nổi tiếng. Lúc đó Đảng Cộng sản Trung Quốc có thành lập chi bộ ở trường và tổ Đảng ở lớp, Đặng Tiểu Bình là tổ trưởng Đảng lớp 7. Ngày 16-6-1926, chi bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, ở đại học Trung Sơn Mátxcơva có tiến hành nhận xét Đảng viên trên mười mấy mặt, trong đó có một nhận xét đối với Đặng Tiểu Bình ở mục "Làm công tác gì thích hợp nhất: có thể làm công tác tuyên truyền và tổ chức. Có lẽ đó là một đánh giá chung của tổ chức và đồng chí đối với tài năng của Đặng Tiểu Bình lúc đó, còn kém 2 tháng 6 ngày ông mới tròn 22 tuổi".

Ngày 14-9-1983, thành phố Bắc Kinh tổ chức "Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của tướng quân Phùng Ngọc Tường, nhà yêu nước kiệt xuất, chí sĩ dân chủ đáng kính, chiều hôm đó trước khi khai mạc đại hội, Đặng Tiểu Bình đã tiếp kiến thân nhân của Phùng Ngọc Tường.

Đặng Tiểu Bình tươi cười bắt tay từng người thân nhân của Phùng Ngọc Tường và hỏi: "Phất Năng (con gái lớn của Phùng Ngọc Tường) đâu?", "Chị cả đã mất rồi" - Phất Phiệt, con gái thứ hai của Phùng Ngọc Tường trả lời. "Chà!" Đặng Tiểu Bình than một tiếng tỏ vẻ đáng tiếc.

Mọi người ngồi xuống, Đặng Tiểu Bình nói: "Ông Hoán Chương (Phùng Ngọc Tường) là nhân vật rất đáng để chúng ta kỷ niệm, cuộc đời ông có một thời gian khá dài đã làm nhiều việc tốt cho quốc gia và nhân dân, tạo dựng nên nhiều công ích. Ông cũng là người bạn tốt hợp tác lâu dài với Đảng chúng ta. Bà chị Lý Đức Toàn (vợ Phùng Ngọc Tường) là một đồng chí rất tốt, chúng tôi cũng rất nhớ bà". Tiếp đó lại nói đến Phùng Phất Năng. "Phất Năng là bạn học của tôi ở Đại học Phương Đông Liên Xô, chị ấy là người nhỏ tuổi nhất trong lớp chúng tôi, mới mười lăm, mười sáu tuổi. Lúc đó có hai người trẻ tuổi nhất trong lớp, một người là Phùng Phất Năng, một người là Tưởng Kinh Quốc".

Tiếp đó Đặng Tiểu Bình nói đến một số việc giao tiếp giữa ông với Phùng Ngọc Tường. Theo như ghi chép của Phùng Hồng Đạt con trai và Dư Hoa Tân con dâu của Phùng Ngọc Tường có tham dự buổi tiếp:

Đồng chí Tiểu Bình lại nói đến chuyện năm 1926, ông bắt đầu quen biết và giao tiếp với tướng quân Phùng Ngọc Tường, cùng với Phùng Ngọc Tường từ Liên Xô về nước và cảnh tượng tham gia lễ tuyên thệ xuất quân ở Ngũ Nguyên.

Đồng chí Tiểu Bình nói: "Lúc đó ông Hoán Chương yêu cầu Đảng chúng ta cử người vào quân đội Tây Bắc, chúng tôi từ Mátxcơva về hơn 20 người". Đồng chí Đặng Tiểu Bình nhớ lại lúc ông cùng Phùng Ngọc Tường rời Liên Xô, nói: "Lúc đó chúng tôi có 3 người đi tiền trạm, tôi là một trong số người đó, lúc đó tôi mới 23 tuổi". Ông nói: "Còn nhớ năm 1926 cùng với em trai của Lý Đại Chiêu (Pha Phiệt xen vào: là Lý Liên Thành) vượt qua sa mạc lớn, ngồi trên xe tải chở vũ khí, lúc đó giao thông rất không tiện, chúng tôi phải dừng ở Khố Luân hơn một tháng mới về đến Nội Mông".

Đồng chí Tiểu Bình tiếp đó nói: "Sau khi về đến Nội Mông, ông Hoán Chương tuyên thệ xuất quân ở Ngũ Nguyên, Lý Đại Chiêu phái người mang đến kế hoạch tác chiến. Lúc đó còn tổ chức duyệt binh, là bộ đội của Mã Hồng Quỳ. Tôi nhớ chúng tôi còn cùng ăn cơm với ông Hoán Chương tại quảng trường Hồng Thành, gặp bánh hấp màn thầu, ăn với dưa muối, thời đó cuộc sống của quân đội Tây Bắc rất gian khổ".

Đồng chí Tiểu Bình trầm tư một lúc, nói tiếp: "... Năm 1927 khi Tưởng Giới Thạch thanh trừ Đảng, người khác đều giết người của Đảng Cộng sản, còn thái độ của ông (Phùng Ngọc Tường) đối với chúng tôi tương đối ôn hoà, lịch sự đưa ra khỏi khu vực". Đồng chí Tiểu Bình nói đến đây cười và nói rằng: "Ông Hoán Chương với chúng tôi là có duyên với nhau".

Diêm Trĩ Tân là tác giả cuốn sách "Lý Đại Chiêu, Đặng Tiểu Bình với Phùng Ngọc Tường" cho rằng: "Đó là một phần tài liệu lịch sử quý báu mà đồng chí Đặng Tiểu Bình lần đầu tiên công khai nói và bình luận về sự hợp tác và tình bạn giữa Lý Đại Chiêu với Phùng Ngọc Tường, và chuyện ông giúp Phùng Ngọc Tường tuyên thệ xuất quân ở Ngũ Nguyên, chuyển bại thành thắng".

Đối với Đặng Tiểu Bình, đến làm việc ở chỗ Phùng Ngọc Tường, là công tác đầu tiên ông làm khi trở về nước. Đặng Tiểu Bình nhiều lần nói rằng ông là một quân nhân, cuộc đời quân sự của ông là bắt đầu từ đó.

Phùng Ngọc Tường vốn là tổng tư lệnh quân đoàn 3 của bộ đội Ngô Bội Phu quân phiệt Bắc Dương, năm 1924 làm "cuộc đảo chính Bắc Kinh" lật đổ sự thống trị của quân phiệt trực hệ, thành lập Quốc dân quân, giữ chức tổng tư lệnh kiêm quân đoàn trưởng quân đoàn 1, điện thông báo chủ 1 chương nghị hoà

Nam Bắc và gửi điện mời Tôn Trung Sơn lên miền Bắc chủ trì nghiệp lớn. Tháng 1-1926 bị liên quân Trực - Phụng đánh bại, điện thông báo từ chức.

Khi ở Bắc Kinh, Phùng Ngọc Tường được sự quan tâm và giúp đỡ của Lý Đại Chiêu, người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, và được Đảng Cộng sản Trung Quốc thu xếp sang Liên Xô khảo sát học tập từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1926. Sau khi về nước, được sự giúp đỡ của Liên Xô, Đảng Cộng sản Trung Quốc và phái tả Quốc dân Đảng, tháng 9-1926 làm lễ tuyên thệ xuất quân ở Ngũ Nguyên, Tuy Viễn (nay là miền đông của Ba Ngạn Náo Nhĩ Minh khu tự trị Nội Mông), giữ chức Tổng tư lệnh liên quân Quốc dân quân. Bắt tay vào thu tập và cải tạo bộ đội cũ, sau đó ra quân chiếm Thiểm Tây, Cam Túc, khống chế được vùng Thiểm Cam. Sau cuộc tuyên thệ xuất quân ở Ngũ Nguyên, Phùng Ngọc Tường một mặt tiếp nhận viện trợ vũ khí của Liên Xô, mặt khác tiếp nhận Đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc đến công tác trong bộ đội. Đảng viên cộng sản lần lượt đến làm việc trong bộ đội của Phùng Ngọc Tường có khoảng 200 người (có người nói khoảng một trăm bẩy, một trăm tám mươi chục người) họ đến từ Mátxcơva, trường quân sự Hoàng Phố và Cục miền Bắc Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình là một trong số những người được phái từ Mátxcơva đến công tác trong bộ đội của Phùng Ngọc Tường, số này gồm hơn 20 người, sau khi đến Khố Luân (nay là Ulanbato Mông Cổ), Đặng Tiểu Bình dẫn theo 2 đoàn viên thanh niên cộng sản làm tổ đi trước, ngồi trên 3 xe ô tô chở vũ khí xuất phát từ Liên Xô, vất vả hơn một tháng trời mới đến Ngân Xuyên, dọc đường đến mặt cũng không được rửa. Sau khi nghỉ ngơi chút ít tại Ngân Xuyên, liền cưỡi ngựa đến Tây An, quần áo chẳng đủ che thân, hội kiến với Phùng Ngọc Tường. Thời gian vào khoảng tháng 2 năm 1927.

Hoạt động của Đặng Tiểu Bình ở chỗ Phùng Ngọc Tường chủ yếu là mở trường và lãnh đạo trường quân sự Trung Sơn - Tây An. Về việc này, Đặng Tiểu Bình đã từng nhớ lại rằng: "... Các chức vụ chủ yếu của trường này chủ yếu là người của Đảng phái đến. Hiệu trưởng Sử Khả Hiên là Đảng viên (về sau hy sinh), phó hiệu trưởng là đồng chí Lý Lâm từ Liên Xô trở về (chúng tôi đã quen nhau từ hồi ở Pháp, về sau đồng chí Lý Lâm hy sinh tại khu Xô viết Trung ương), tôi làm chủ nhiệm chính trị đồng thời giờ chức Bí thư Đảng nhà trường.

Nhà trường được trù bị trong thời gian ngắn, nhanh chóng mở trường, học sinh có nhiều người là đảng viên, đoàn viên. Ngoài huấn luyện quân sự, chủ yếu là giáo dục chính trị, các mục công tác kiện toàn và phát triển Đảng Đoàn. Giáo dục chính trị chủ yếu là giảng về cách mạng, công khai giảng về chủ nghĩa Mác-Lênin, đây là một trường đỏ ở Tây An.

Trường quân sự Trung Sơn-Tây An đo bộ Tổng tư lệnh đóng tại Thiểm Tây của Liên quân Quốc dân mở, thành lập tháng 2- 1927, ngày 31 tháng 3 làm lễ khai giảng. Ngoài Sử Khả Hiên, Lý Lâm, Đặng Tiểu Bình đã nói ở trên, còn có tổng đội trưởng học viên Hứa Quyền Trung, giáo quan chính trị, Lý Tử Châu, Lưu Chi Đan đều là đảng viên cộng sản. Học viên khoá một có hơn 700 người, biên chế thành 3 đại đội, mỗi đại đội có 3 trung đội, mỗi trung đội có 3 tiểu đội, các đội trưởng đều là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc hoặc đoàn viên thanh niên Cộng sản. Trong trường có tổng chi bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, đại đội có chi bộ. Thực tế là một trường do Đảng Cộng sản nắm vững và trực tiếp lãnh đạo, đồng thời thực tế cũng là một lực lượng vũ trang.

Trường quân sự Trung Sơn-Tây An sau khi làm lễ khai giảng được 12 ngày, Tưởng Giới Thạch tiến hành "cuộc đảo chính 12 tháng 4" ở Thượng Hải, Quốc - Cộng bắt đầu chia rẽ. Tháng 6, Phùng Ngọc Tường phụ hoạ với Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ chống cộng, nhưng không giết Cộng sản như Tưởng Giới Thạch và Uông Thích Vệ, mà "lịch sự đưa ra khỏi khu vực" những đảng viên cộng sản trong quân đội. Đồng thời giải tán trường quân sự Trung Sơn - Tây An, nhưng giáo viên và học viên trường này đã hợp nhất với đội bảo vệ bộ tổng tư lệnh đóng tại Thiểm Tây của Liên quân Quốc dân, biên chế thành lữ đoàn 3 gồm hơn 1000 người, do đảng viên cộng sản Sử Khả Hiên, Cao Khắc Lâm (trưởng ban tổ chức bộ chính trị trường quân sự Tây An), Hứa Quyền Trung phụ trách. Hứa Quyền Trung giữ chức lữ trưởng, và điều bộ đội đi khỏi Tây An. Hạ tuần tháng 4-1928, đơn vị bộ đội này tuyên bố khởi nghĩa, cải biên thành Tây Bắc Công nông cách mạng dân, do Lưu Chí Đan làm chủ tịch uỷ ban quân sự, Đường Chú làm tổng tư lệnh. Tháng 5, đặc uỷ Thiểm Đông Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy đơn vị bộ đội này làm cốt cán tổ chức cuộc khởi nghĩa Vi Hoa nổi tiếng tại khu vực Vi Nam - Hoa Huyện, Thiểm Tây, làm cơ sở cho cuộc cách mạng khu

vực Thiểm Cam sau này. Cho nên Phùng Ngọc Tường tuy phụ họa với Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ chống cộng, nhưng Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đặng Tiểu Bình đối với ông ta vẫn khẳng định. Tất nhiên, một người bạn như Phùng Ngọc Tường, tính cách hào phóng, trọng nghĩa khí, có mối giao tình sâu với Đảng Cộng sản, có tư tưởng yêu nước và dân chủ, lai nhờ có sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Liên Xô mà gây dựng lên được cơ đồ, còn được rất nhiều vũ khí của Liên Xô, nhưng trong giờ phút quyết định vẫn phụ hoạ với Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ chống cộng, không thể không nói đó là một bài học sâu sắc. Cho nên có người nói, cuối tháng 6-1927, khi rời khỏi Tây An, Đặng Tiểu Bình đã từng "tay xách hành lý, ném mũ quân đội của Phùng Ngọc Tường đi, giận dữ rời khỏi Tây An". Trong cuộc cách mạng và xây dựng Trung Quốc sau này, Đảng Cộng sản Trung Quốc gặp rất nhiều bạn bè loại như Phùng Ngọc Tường và các loại khác, bao gồm cả bạn như Tưởng Giới Thạch, còn có bạn như Liên Xô, Mỹ... Đối với họ, không thể để mất quyền độc lập tự chủ, quá ỷ lai họ, càng không thể đóng cửa từ chối hợp tác với họ, còn phải đối xử chân thành, tranh thủ họ trở thành những người bạn tốt. Chàng Đặng Tiểu Bình trẻ tuổi có duyên quen biết với Phùng Ngọc Tường, không những tích lũy được kinh nghiệm xây dựng quân đội, mà cũng tích lũy được kinh nghiệm chính trị, phải nói đó cũng là một việc rất tốt.

Tháng 6-1927 sau khi rời Phùng Ngọc Tường, Đặng Tiểu Bình đến Vũ Hán báo cáo với trung ương, được giao làm công việc thư ký Trung ương. Lúc này Trần Độc Tú muốn làm "Đại trung ương chính quy", dưới thư ký trưởng có 8 đại thư ký, Đặng Tiểu Bình là một trong số đó, là thư ký chính trị. Về sau tình hình có biến động lớn, các thư ký khác đều không đến, nên dưới thư ký trưởng trung ương chỉ có một Đặng Tiểu Bình làm công tác thư ký. Nhưng lúc đó tổ chức của Đảng bị phá hoại nghiêm trọng, Trung ương mất liên lạc với phần lớn tổ chức Đảng trong toàn quốc, lượng công việc của cơ quan Trung ương không nhiều, công việc của thư ký Trung ương có thể nói là "an toàn đặt hàng đầu", phải duy trì sự vận hành của cơ quan Trung ương dưới tiền đề an toàn tuyệt đối. Trong quá trình đó, công tác hết sức quan trọng là tổ chức "hội nghị mồng 7 tháng Tám" của Đảng.

Mùa hè năm 1980, Đặng Tiểu Bình vui vẻ dẫn vợ, con gái, cháu trai, cháu gái đến thăm số nhà 41 phố Tam Giao, Hán Khẩu (nay là phố Bà Dương, số nhà l39) địa chỉ họp "hội nghị mồng 7 tháng Tám". Đó là địa chỉ hội nghị được chọn lựa rất kỹ, lúc đó là nhà ở của vợ chồng Rôdômốp, cố vấn nông nghiệp Liên Xô của chính phủ Quốc dân Vũ Hán, nằm ở chỗ giáp ranh của ba tô giới Nga, Anh, Pháp, mặt trước là dãy phố vắng vẻ, phía sau thông ra ngõ con, sân thượng mái bằng liền kề với sân thượng nhà bên cạnh, nếu có biến cũng dễ có lối thoát. Lúc đó Đặng Tiểu Bình, Lý Duy Hán và vợ chồng Cù Thu Bạch ở tại công quán Đức Lâm (nay là số 12 đường Thiên Tân, Hán Khẩu), Lý Duy Hán lúc đó là thư ký trưởng trung ương, Cù Thu Bạch là lãnh đạo Trung ương, tại hội nghị mùng 7 tháng Tám" thay mặt thường vụ Trung ương báo cáo công tác, và được bầu là uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị Trung ương, xếp thứ nhất, Lý Duy Hán đồng thời cũng được bầu là uỷ viên thường vụ, xếp thứ hai. Lúc đó những người lãnh đạo Trung ương như Chu Ân Lai đều ở trận tuyến, công quán này lúc đó là địa điểm cơ quan Trung ương. Công quán Đức Lâm rất gần nơi họp "hội nghị mùng 7 tháng Tám", như vậy trong thời gian họp đi lại cũng tiện, bản thân việc này cũng chứng tỏ nơi này khi đó là an toàn.

Đặng Tiểu Bình nhớ lại rằng: "Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho hội nghị, đại biểu hội nghị có hơn 20 người, chia làm 3 ngày ba tốp, có giao liên của Đảng dẫn vào. Một số ít người làm việc đến thật sớm và về thật muộn, người phụ trách Trung ương đến cuối cùng, ra về trước tiên. Địa chỉ hội nghị giáp với phòng ăn, cả hai nơi đều có cửa hậu thông ra ngoài, toàn bộ đại biểu hội nghị đều vào bằng lối cửa sau". "Tôi là tốp thứ nhất, cũng không còn nhớ là đi cùng với ai. Tôi ở đây đến 6 ngày, hội nghị họp một ngày một đêm, rất khẩn trương. Tôi là người đi cuối cùng, ra về muộn nhất.

Khi họp hội nghị là lúc thời tiết nóng nhất ở Vũ Hán, lúc đó khi họp không được mở cửa, vào trong phòng là không được ra nữa. Tôi ban đêm mang theo ít hành lý đến đó, chúng tôi đều ngủ dưới đất". Đặng Tiểu Bình từng nói với Cù Thu Bạch: "Hội nghị đã sắp xếp xong, các đại biểu ai biết địa điểm thì tự đến, không biết thì do giao liên hoặc đồng chí biết đường dẫn đến. Đồng chí và đồng chí Lý Duy Hán vào lối cửa sau, lúc đó bà Rôdômôp sẽ canh cửa, tôi cũng ở đó".

Ít lâu sau hội nghị mùng 7 tháng 8, cơ quan Trung ương từ Vũ Hán chuyển về Thượng Hải. Đặng Tiểu Bình cũng theo về Thượng Hải, tháng 12-1927 ông giữ chức thư ký trưởng trung ương. Từ tháng 1-1928, Chu Ân Lai uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị Trung ương phụ trách công việc hàng ngày của trung ương, Đặng Tiểu Bình giúp Chu Ân Lai giải quyết công việc lãnh đạo ở Trung ương.

Trung ương Đảng sau khi chuyển về Thượng Hải, đã khôi phục, chỉnh đốn, xây dựng lại tổ chức Đảng, thay đổi lại tình trạng tán loạn của toàn Đảng do bị khủng bố trắng nặng nề và nhanh chóng xây dựng được hệ thống tổ chức bí mật, xây dựng cơ quan bí mật, tổ chức mạng giao thông bí mật toàn quốc trong điều kiện hết sức khó khăn, nguy hiểm. Như vậy công việc sự vụ của cơ quan Trung ương cũng rất bận rộn. Đồng chí Hoàng Giới Nhiên giữ chức vụ trưởng phòng thư ký Trung ương, mùa hè năm 1928 có nhớ rằng: "Lúc đó số nhà 700 ngõ Bách Đức, đường Đông Phu Thượng Hải có một cái nhà 2 lầu 2 sảnh... thực tế đây và nơi chịu trách nhiệm giải quyết công việc hàng ngày trên cơ quan Trung ương, chúng tôi đều gọi nơi này là Văn phòng Trung ương. Lúc đó đồng chí Chu Ân Lai và đồng chí Đặng Tiểu Bình hàng ngày đều đến đây, các bộ phận ở Trung ương, các đơn vị đều đến xin ý kiến... Tôi lúc đó (1928) đang làm việc ở tập san của Đảng, cũng đến xin ý kiến, lần đầu tiên được gặp đồng chí Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình là ở đây. Các đồng chí ấy rất bận, những người đến xin ý kiến rất nhiều, có khi phải xếp hàng chờ đợi bên ngoài".

Trong tình hình bận rộn công việc, công tác bảo mật lại càng quan trọng, đồng thời cũng rất vất vả. Công tác bảo mật và an ninh, tuy có nhân viên đặc công chuyên môn phụ trách, nhưng có quan hệ rất lớn với thư ký trưởng trung ương.

Trong cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" có viết: "Lúc đó các đồng chí lãnh đạo Trung ương phải luôn luôn thay đổi họ tên và chỗ ở, như đồng chí Chu Ân Lai là nhân vật quan trọng lại nổi tiếng, lại càng phải chú ý che giấu, nửa tháng một tháng lại đổi chỗ ở. Do nhu cầu công tác bí mật, giữa các đồng chí lãnh đạo Trung ương, cũng không biết chỗ ở của nhau. Bố tôi là thư ký trưởng trung ương, phải nắm hết tất cả địa chỉ và địa điểm của tất cả các đồng chí Trung ương và các nơi đặt cơ quan bí mật của trung ương, và chỉ có một mình ông nắm

giữ tình hình tuyệt mật đó".

Hoàng Giới Nhiên là trượng phòng thư ký từ mùa hè năm 1928, tiếp nhận chức thư ký trưởng sau khi Đặng Tiểu Bình đi Quảng Tây tháng 8-1929 nói rằng: "Vì thư ký trưởng phải phụ trách giải quyết công việc theo quyết định của hội nghị Bộ Chính trị, có tác dụng thừa lệnh từ trên đưa xuống, trách nhiệm rất lớn. Thư ký trưởng biết rất nhiều việc, giải quyết rất nhiều việc, nên công việc của ông trực tiếp dính dáng đến sự an nguy của trung ương".

Vừa phải giữ nguyên tắc tuyệt đối bí mật", lại vừa phải triển khai công việc với hiệu suất cao, đó là một việc hết sức khó khăn, phải có tài hoa nhiều mặt.

Lúc đó, trong các cơ quan Trung ương, nơi "Bảo mật nhất và cũng an toàn nhất" là số nhà 447, phía sau Vũ đài Thiên Thiềm, đường Tứ mã (đường Phúc Châu) ở trung tâm Thượng Hải náo nhiệt. Đó là một chỗ ở do Trung ương Đảng thuê mùa đông năm 1927 hoặc đầu năm 1928, do vợ chồng Hùng Cẩn Đinh, Chu Đoàn Thụ ở đó, bề ngoài là "Cửa hàng vải Phúc Hưng" kinh doanh vải vóc.

Đó là một sách lược quan trọng trong công tác bí mật tại khu trắng do đồng chí Chu Ân Lai đề ra lúc đó, gọi là "quần chúng hoá cơ quan". Cơ quan này, một là làm địa điểm hội họp và làm việc của Bộ Chính trị Trung ương, hai là dùng làm nơi giữ kinh phí của Đảng, toàn bộ kinh phí của trung ương đều để ở đây, chi tiêu theo quyết định của Bộ Chính trị, cho nên "rất bí mật", chỉ những người được sự đồng ý của Bộ Chính trị mời được đến đây. Cơ quan này về hệ thống tổ chức là ban kế toán của phòng thư ký Trung ương, nhưng do thư ký trưởng trực tiếp quản lý, và toàn ban kế toán cũng chỉ có một người là Hùng Cẩn Đinh. Đặng Tiểu Bình thường đến đây, thường là nửa ngày, có khi 1, 2 giờ, xong việc lại đi. Công việc hàng ngày không giải quyết ở đây, dù là gặp chớp nhoáng (vào 9 giờ sáng hàng ngày) các đồng chí lãnh đạo Trung ương như Lý Duy Hán, Nhiệm Bật Thời và một số hội nghị Bộ Chính trị cũng không họp ở đây. Do biện pháp tổ chức chặt chẽ, nên từ sau khi thành lập, cơ quan này chưa hề bị phá hoại, cho đến tháng 4-1931, sau khi Cố Thuận Chương, Uỷ viên dự khuyết chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc bị bắt, đầu hàng khai báo, cơ quan mới chủ động rút đi nơi khác.

Ngoài những biện pháp bảo mật cực kỳ nghiêm ngặt, về mặt cá nhân cũng

phải có tài và đặc biệt cảnh giác. Trong cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" có viết: "Bố tôi trong thời gian ở Thượng Hải, luôn làm việc ở cơ quan Trung ương, để che mắt địch, ông đã làm "Chủ cửa hàng tạp hoá, chủ cửa hàng đồ cổ. Là thư ký trưởng trung ương, ông biết tất cả các địa điểm của cơ quan Trung ương và địa điểm gặp gỡ bí mật, đối với đường lớn, đường nhỏ, đường phố, ngõ ngách, đặc biệt là những ngõ ngách có lối thông ra bốn phía, nơi đặt cơ quan bí mật, ông khá thành thạo". Tất nhiên cũng không cần phải có tài cán gì lớn, nhưng lúc đó là mặt cơ bản liên quan đến sống chết an nguy, và sau này trong đấu tranh quân sự, những chi tiết vụn vặt đó cũng rất cần thiết. Bỏ qua một con đường nhỏ, một quả đồi nhỏ, có thể dẫn đến thất bại trong một lần chiến đấu. Trong công tác chính trị và công tác kinh tế, một số nhân vật lớn, thường vẫn có tài năng nhỏ đó, như là nhớ được tên của rất nhiều người, nhớ được rất nhiều số liệu lớn bé, rất nhiều thuật ngữ chuyên môn, v.v...

Khi mà cuộc khủng bố trắng đang bao trùm, cảnh giác là điều hết sức quan trọng. Đặng Tiểu Bình đã từng nhớ lại tình hình khi làm công tác bí mật ở Thượng Hải:

"Chúng tôi làm công tác bí mật ở Thượng Hải rất gian khổ, đúng là treo đầu mình lên để làm cách mạng. Chúng tôi không được chụp ảnh, không vào rạp xem phim. Tôi ở quân đội bấy nhiêu năm không hề bị thương, làm công tác bí mật chưa hề bị bắt, trường hợp này cũng thật hiếm có. Nhưng cũng mấy lần rất nguy hiểm. Nguy hiểm nhất là hai lần:

Một lần là do Hà Gia Hưng phản bội (lúc đó là ngày 15-4-1928), khai báo La Diệc Nông (lúc đó là uỷ viên thường vụ Bộ chính trị Trung ương, chủ nhiệm bộ tổ chức, hy sinh tại Long Hoa Thượng Hải ngày 21-4-1928). Tôi đi gặp La Diệc Nông, làm việc, vừa ra khỏi cửa sau, bọn cảnh sát vào cửa trước, La Diệc Nông bị bắt. Sau khi ra khỏi cửa, tôi nhìn thấy ở cửa trước tên đặc vụ đóng giả thằng đánh giày đang dùng tay chỉ, biết là có chuyện rồi. Chỉ chênh có chưa đến một phút.

Còn một lần nữa, tôi cùng với Chu Ân Lai, chị cả Đặng (Đặng Dĩnh Siêu), Trương Tích Ái ở trong một nhà. Lúc đó công tác của ban đặc công chúng tôi làm tốt. Được tin cảnh sát phát hiện chỗ ở của Chu Ân Lai, chúng đến lùng sục,

họ báo tin cho Chu Ân Lai, lúc đó các đồng chí ở nhà vội chuyển đi ngay. Tôi lúc đó không ở nhà, không nhận được tin báo. Lúc bọn cảnh sát đang khám xét bên trong, tôi về gõ cửa, may có nội tuyến là đặc công của ta lên tiếng ra mở cửa. Tôi nghe trong không đúng, vội bỏ đi ngay, nên không xảy ra việc gì. Mãi nửa năm sau, chúng tôi không dám đến ngõ đó nữa.

Đó là hai lần nguy hiểm lớn nhất mà tôi gặp phải. Lúc đó thật là nguy hiểm? Chỉ chênh nửa phút là nguy rồi!

Do tính cảnh giác, nhanh nhậy, chặt chẽ của Đặng Tiểu Bình, đương nhiên cũng do có sự lãnh đạo của Chu Ân Lai và công tác rất giỏi của ban đặc công Trung ương do ông lãnh đạo, Trần Canh phụ trách cụ thể, trong thời gian dài Đặng Tiểu Bình làm thư ký trưởng trung ương và một thời gian sau đó, tức là đến tháng 4-1931. Khi Cố Thuận Chương, uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và tháng 6 năm đó Hướng Trung Phát Tổng Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần lượt bị bắt rồi đầu hàng khai báo, trước đó tuy cũng có xảy ra một số tình huống xấu, nhưng cơ quan Trung ương ở Thượng Hải và các đồng chí lãnh đạo Trung ương đến Thượng Hải cơ bản là an toàn.

Thư ký trưởng trung ương có quyền phát biểu và thảo luận vấn đề tại hội nghị Bộ Chính trị và hội nghị thường vụ Bộ Chính trị. Trong thời gian đại hội VI Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ tháng 4 đến tháng 9-1928, tuyệt đại đa số lãnh đạo Trung ương đi Liên Xô họp, phụ trách "giữ gôn" trong nước chỉ có hai người là Lý Duy Hán và Nhiệm Bật Thời. Hàng ngày Đặng Tiểu Bình đều có buổi hội ý với Lý Duy Hán và Nhiệm Bật Thời, bàn bạc và giải quyết công việc hàng ngày của trung ương. Những người có liên quan nhớ lại, Đặng Tiểu Bình "thường phát biểu tại cuộc họp. Có một lần ông phát biểu, tôi còn nhớ rất rõ, Lý Lập Tam chủ trương trước hết hãy giành thắng lợi ở một tỉnh, vài tỉnh, Đặng Tiểu Bình phản đối, nói Quốc dân Đảng có mấy triệu quân, chúng ta loại vừa mới tổ chức, không có vũ trang, súng pháo cổ lỗ: đánh thắng thế nào được?" Người khác lại nhớ rằng: "Đặc điểm của đồng chí Tiểu Bình là ít phát biểu, nhưng khi phát biểu và đặt vấn đề đều rất có trọng lượng, ông tuy im lặng ít nói, nhưng đã nói là rõ ràng, dễ hiểu". Điều đó chứng tỏ thời gian ở Thượng Hải,

Đặng Tiểu Bình tuy trẻ tuổi nhưng đã thực tế tham gia vào lãnh đạo của trung ương Đảng.

Điều đặc biệt thú vị và cũng làm mọi người phải suy nghĩ là trong điều kiện nguy hiểm, lại gánh vác trách nhiệm nặng nề, Đặng Tiểu Bình tuổi trẻ vẫn "hăng hái vui vẻ, thích nói, thích cười và cũng rất khôi hài". Ngoài ra, ông còn yêu đương, yêu một cô "Người rất đẹp, tính tình rất tốt, rất sôi nổi", "rất thanh tú, người rất hiền dịu", "rất đáng yêu, cư xử rất khéo", đó là Trương Tích Ái, mùa xuân năm 1928 ít lâu hai người đã lấy nhau. Khi kết hôn, tổ chức còn bày tiệc cho họ ở Tụ Phong Viên, phần lớn các đồng chí Trung ương như Chu Ân Lai, Đặng Dĩnh Siêu, Lý Duy Hán, Vương Nhược Phi... đến dự, tất cả hơn 30 người. Người thế nào là nhân tài? Khi gánh vác trách nhiệm nặng nề, khi gặp nguy hiểm vẫn cười nói như không, không thể không nói đó là một đặc trưng quan trọng.

Tháng 7-1929, thời cuộc chính trị Quảng Tây có biến động, bọn quân phiệt thuộc hệ Quế đứng đầu là Lý Tông Nhân thất bại trong cuộc chiến tranh giữa Tưởng (Giới Thạch) và bọn Quế (Quảng Tây). Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ được Tưởng Giới Thạch bổ nhiệm dẫn quân vào Quảng Tây. Nhưng Dư Tác Bách và Lý Minh Thuỵ lại là nhân vật không thuộc phe Tưởng, họ muốn hợp tác với Đảng Cộng sản, và thông qua Dư Tác Dự là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, em trai của Dư Tác Bách, em họ của Lý Minh Thuỵ để liên hệ với Đảng Cộng sản, yêu cầu Đảng Cộng sản Trung Quốc cử người đến giúp đỡ công tác. Trung ương Đảng và Quân uỷ Trung ương quyết định lợi dụng lấy cơ hội này, theo đề nghị của Chu Ân Lai - bộ trưởng quân sự Trung ương cử Đặng Tiểu Bình mới 25 tuổi, làm đại biểu của Trung ương Đảng, giữa tháng 7, 8 năm 1929 từ Thượng Hải qua Hồng Kông đến Quảng Tây.

Dư Tác Bách là viên tướng thuộc phái nguyên lão của hệ Quế (Quảng Tây) mới của Lý Tông Nhân, năm 1922 là một trong bốn đại thống lĩnh (tương đương với trung đoàn trưởng) khi Lý Tông Nhân thành lập quân tự trị Quảng Tây. Năm 1925, trong cuộc chiến tranh giành chính quyền Quảng Tây, cuối cùng Lý Tông Nhân đã lật đổ được hệ Quế (Quảng Tây) cũ do Lúc Vinh Đình đứng đầu, lính của Dư Tác Bách là quân trung bộ (mũi giữa); hữu lộ (mũi phải) là Trần Tế

Đường lúc đó là lữ trưởng quân Quảng Đông, sau trở thành "Nam Thiên Vương" thống trị Quảng Đông; tả bộ (mũi trái) do bản thân Lý Tông Nhân chỉ huy. Sau khi giành được chiến thắng, Lý Tông Nhân chỉ bổ nhiệm Dư Tác Bách làm lữ trưởng. Dư Tác Bách căm tức không nhận, để chức đó cho Lý Minh Thuỵ là trung đoàn trưởng thuộc lĩnh của em họ hắn. Về sau ra giữ chức uỷ viên ban chấp hành tỉnh Đảng bộ Quảng Tây của Quốc dân Đảng, kiêm bộ trưởng nông dân và trưởng phòng nông công, hiệu trưởng trường quân sự Nam Ninh. Thời kỳ "đảo chính 12 tháng 4" năm 1927 bị Quốc dân Đảng Quảng Tây cho là có quan hệ với Đảng Cộng sản nên bị khai trừ khỏi Đảng, về sau sang Hồng Kông, nhiều lần tiếp xúc với các nhân sĩ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, và tham gia vào "uỷ ban hành động cách mạng Trung Hoa" là tổ chức ngoại vi của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Lý Minh Thuỵ theo về với Dư Tác Bách từ sớm, thời kỳ chiến tranh Bắc Phạt đã từng giữ các chức vụ lữ trưởng, sư trưởng, phó quân trưởng quân đoàn 7 Quân cách mạng quốc dân, là một trong những "Hổ tướng" nổi tiếng thời kỳ chiến tranh Bắc phạt. Sau thắng lợi chiến tranh Bắc phạt, Lý đóng quân ở Vũ Hán với chức vụ phó quân trưởng quân đoàn 7 kiêm sư trưởng sư đoàn 1. Vì vừa là quân khách lại tạp nham nên bị lạnh nhạt và chèn ép, tiền lương của lĩnh mấy tháng không được phát, cuộc sống của lính và quan rất khó khăn.

Từ năm 1927, Tưởng Giới Thạch bắt đầu lôi kéo Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ để phân hoá hệ Quế (Quảng Tây), và Tưởng Giới Thạch tự tay viết thư, hứa sau khi lật đổ bọn Quế (Quảng Tây) thành công sẽ để Dư Tác Bách giữ chức Chủ tịch chính phủ Quảng Tây. Sau khi Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỳ đồng ý quay súng, tháng 3-1928 gây cuộc chiến tranh Tưởng - Quế, bổ nhiệm Lý Minh Thuỵ làm quyền tư lệnh đệ tam lộ quân (nguyên là chức vụ của Lý Tông Nhân).

Sau đến tháng 5, bổ nhiệm Dư Tác Bách làm phó tổng chỉ huy đệ bát lộ quân (tổng chỉ huy là Trần Tế Đường), chỉ huy 2 sư đoàn Lý Minh Thuỵ, Dương Đằng Huy tiến quân vào Quảng Tây. Đầu tháng 7, bọn hệ Quế mới đứng đầu là Lý Tông Nhân bị thua trận, Dư Tác Bách vào Nam Nanh giữ chức Chủ tịch chính phủ tỉnh Quảng Tây, Lý Minh Thuỵ giữ chức chủ nhiệm phân khu biên khiển Quảng Tây, đặc phái viên quân sự kiêm tư lệnh bình định. Đóng quân

trong vùng đất Quảng Tây có 3 sư đoàn và 1 lữ đoàn, ngoài 2 sư đoàn của Lý Minh Thuỵ, Dương Đằng Huy, còn có lính cũ của Quảng Tây biên chế thành 1 sư đoàn và 1 lữ đoàn, do Lữ Hoán Viêm - đặc phái viên biên khiển của Quốc dân Đảng, nguyên là sư trưởng của hệ Quế giũ chức sư trưởng, Lương Triều Cơ nguyên là quan chức của hệ Quế làm lữ trưởng.

Một nhân vật quan trọng giữa Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ với Đảng Cộng sản Trung Quốc là Dư Tác Dự, năm 1920 tốt nghiệp tại giảng võ đường Yến Đường, quân đoàn 2 quân đội bảo vệ phát luật Quảng Châu, từng giữ cái chức vụ trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng quân đội Quế (Quảng Tây). Tháng 10-1927 gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc, tháng 12 năm đó tham gia khởi nghĩa Quảng Châu, sau khi cuộc khởi nghĩa Quảng Châu thất bại, chạy sang Hồng Kông, ít lâu sau được phái về Quảng Tây hoạt động cách mạng, là một chiến sĩ cộng sản kiên trinh, kiên trì đấu tranh anh dũng bất khuất, vào Đảng trong thời kỳ Đảng Cộng sản Trung Quốc gặp khó khăn nhất.

Ngoài bọn Tưởng Giới Thạch, bọn hệ Quế cũ, thế lực mới của Quảng Tây: Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ, Đảng Cộng sản và các thế lực địa phương khác, còn có một lực lượng có ảnh hưởng đến cục diện Quảng Tây, đó là phái cải tổ Quốc dân Đảng, đầu sỏ là Uông Tinh Vệ và phái Quảng Đông chống Tưởng, do Dư Tác Bách vốn là nhân sĩ chống Tưởng thân Uông trong Quốc dân Đảng cầm đầu. Thế lực này lại kết hợp với hệ Quế của Lý Tông Nhân, nên ảnh hưởng của chúng ở Quảng Tây không thể xem thường.

Thế lực có ảnh hưởng nhất đối với Quảng Tây, có thể còn là bọn hệ Quế mới tiêu biểu là Lý Tông Nhân, Hoàng Thiệu Hoành, Bạch Sùng Hi. Thế lực này, tính từ khi Lý Tông Nhân cát cứ 7 huyện khu vực Ngọc Lâm năm 1922, đã làm ăn ở Quảng Tây nhiều năm. Năm 1925 thực hiện thống trị toàn tỉnh Quảng Tây; do Lý Tông Nhân cai quản quân đội khá nghiêm, Hoàng Thiệu Hoành nắm chính quyền tương đối biết điều, nên thống trị khá vững chắc. Năm 1926, Lý Tông Nhân, Bạch Sùng Hi chỉ huy quân đoàn 7 xuất chinh Bắc phạt, chiến đấu ở Hồ Nam, Hồ Bắc, Giang Tây, Triết Giang, Giang Tô, Thượng Hải, mở rộng được thực lực. Quân đội Quế (Quảng Tây) khi ra quân chỉ có một quân đoàn, đã

mở rộng thành 4 quân đoàn, tháng 10-1927 sau khi đánh bại Đường Sinh Trí, thực tế đã nắm được đại quyền ở hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, tháng 8-1927 liên hợp các phe phái hạ bệ Tưởng Giới Thạch, đến tháng 9 lại hạ bệ Uông Tinh Vệ, thành lập ra đặc uỷ trung ương, là bộ máy trung ương mới của Quốc dân Đảng do hệ Quế khống chế. Cho nên, bọn họ tuy tạm thời mất chính quyền ở Quảng Tây, nhưng trong thực tế ảnh hưởng của họ đối với Quảng Tây vẫn hơn các Đảng phái khác.

Trong bối cảnh đó, thật khó tưởng tượng đại biểu của trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc là một chàng trai mới 25 tuổi, làm sao có thể nắm được mọi mặt, mở ra cục diện mới.

Trước hết tất nhiên là phải liên hệ với tổ chức Đảng ở địa phương.

Đến Hồng Kông, Đặng Tiểu Bình bắt liên lạc với Cục Miền Nam Đảng cộng sản Trung Quốc phụ trách khu vực Quảng Đông, Quảng Tây, cùng với Hạ Xương Bí thư Cục Miền Nam và Nhiếp Vĩnh Trăn Bí thư quân uỷ tỉnh Quảng Đông bàn bạc công việc của Quảng Tây. Trước và sau đó Cục Miền Nam đã lần lượt phái mười mấy cán bộ quân chính là Trương Vân Dật, Diệp Quý Tráng, Viên Nhiệm Viễn... bằng nhiều con đường khác nhau vào làm việc trong chính phủ và quân đội tỉnh Quảng Tây.

Trung tuần tháng 9. Đặng Tiểu Bình đến Nam Ninh, bắt liên lạc với Lôi Kinh Thiên Bí thư đặc uỷ Quảng Tây, và chủ trì triệu tập đại hội đại biểu tỉnh Quảng Tây của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sau khi đến Nam Ninh, Đặng Tiểu Bình liên hệ với Dư Tác Bách, lấy danh nghĩa là thư ký chính phủ tỉnh Quảng Tây, làm công tác Mặt trận thống nhất với Dư Tác Bách, và thông qua Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ để bố trí cán bộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc vào những vị trí thích hợp. Ngoài ra, với danh nghĩa là đại diện của trung ương Đảng để nắm toàn bộ cục diện thông qua các tổ chức Đảng. Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ tuy nắm chức vụ quân chính tối cao của Quảng Tây, nhưng thực lực không mạnh. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là phải mở rộng thực lực, xây dựng quân đội của mình. Theo đề nghị của Đặng Tiểu Bình, Lý Minh Thuỵ thành lập tổng đội huấn luyện, để bồi dưỡng huấn luyện sĩ quan sơ cấp. Thông qua phương thức này, Đảng Cộng sản Trung Quốc dựa vào

hơn 100 cán bộ học viên, bồi dưỡng và giáo dục gần một ngàn thanh niên tiến bộ trong quân đội của Lý Minh Thuỵ và phát triển một số đảng viên mới trong số đó. Lý Minh Thuỵ còn biên chế mới hai liên đội là liên đội 4 và liên đội 5 cảnh bị Quảng Tây, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc gồm Trương Vân Dật, Lý Khiêm là chánh phó liên đội trưởng liên đội 4, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc Dư Tác Dự, Sử Cự Nhiên là chánh phó liên đội trưởng liên đội 5. Căn cứ vào chỉ thị của Đặng Tiểu Bình, Trương Vân Dật bố trí hơn 100 đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc giữ chức Trung đội trưởng trong liên đội 4, Dư Tác Dự trước đó đã hoạt động trong phong trào nông dân, tổ chức ra nông dân tự vệ quân, nên đã điều một số phần tử tích cực trong phong trào nông dân vào liên đội 5. Hai liên đội đều thu hút một số lớn công nhân, nông dân và học sinh tiến bộ vào quân đội, quy mô đều tới hơn 2000 người. Như vậy trong một thời gian rất ngắn, Đảng Cộng sản Trung Quốc với hai bàn tay trắng đã có được 3 đơn vị vũ trang cơ bản ở Quảng Tây. Đối với 3 đơn vị vũ trang này, tháng 1-19 khi báo cáo với Quân uỷ Trung ương và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Thượng Hải, nói tổng đội huấn luyện đã mang màu đỏ, có thể kéo ra phát động chiến tranh du kích, nhưng cũng gây cho địch chú ý rồi. Còn hai đơn vị vũ trang đã dùng cách bí mật để bố trí cán bộ và có kế hoạch vận động để nắm chắc binh lính.

Về mặt chính trị, Dư Tác Bách dựa vào sự tiến cử của Đảng cộng sản bổ nhiệm một số đảng viên cộng sản và nhân sĩ tiến bộ làm huyện trưởng, trong số đó có Vi Bạt Quần, lãnh tụ nông dân nổi tiếng của Quảng Tây ra làm huyện trưởng huyện Đông Lam, hơn 20 huyện ở Tả Hữu Giang đều do người của Đảng cộng sản và nhân sĩ tiến bộ nắm giữ.

Đương nhiên mục đích của Tưởng Giới Thạch lợi dụng Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ lật đổ hệ Quế là nhằm kiểm soát được Quảng Tây và đã sắp xếp ngay từ đầu. Tưởng đã phái Trịnh Giới Dân, Lý Quốc Cơ giữ các chức chủ nhiệm chính trị ở hai sư đoàn của Lý Minh Thụy và Dương Đăng Huy. Sau khi lật đổ bọn Quế thành công, Trịnh Giới Dân ra làm uỷ viên chính phủ tỉnh nhưng vẫn kiêm chủ nhiệm chính trị sư đoàn của Lý Minh Thụy; Lý Quốc Cơ thì kiêm cục trưởng Phân cục cấm thuốc phiện Liễu Châu, ngoài ra còn phái người đến

làm giám đốc Hải quan Ngô Châu. Kinh tế Quảng Tây lúc đó hết sức lạc hậu, tài chính và kinh phí chủ yếu là từ thuế thuốc phiện và thuế quan. Đặng Tiểu Bình khi báo cáo tình hình với Quân uỷ Trung ương và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Thượng Hải, đề cập đến biện pháp kinh tế ông đã nói: "Việc trao đổi hàng hoá ở Quảng Tây chủ yếu là thuốc phiện, bây giờ một là phải bắt giữ một số thuốc phiện, hai là phải đánh thuế nặng vào việc mua bán thuốc phiện." Cho nên Tưởng Giới Thạch nhằm vào việc kiểm soát nguồn tài chính của quân đội và chính phủ để khống chế Quảng Tây. Một thủ đoạn chủ yếu khác là mua chuộc bọn tướng lĩnh của quân đội Quảng Tây. Trong số tướng lĩnh ở ba sư đoàn một lữ đoàn của quân đội Quảng Tây, trừ Lý Minh Thuỵ do Đảng cộng sản đã tranh thủ được, ngoài ra Dương Đằng Huy, Lữ Hoán Viêm, Lương Triều Cơ đều bị Tưởng Giới Thạch mua chuộc, ngay cả đến lữ trưởng Hoàng Quyền - một viên tướng lớn dưới trướng Lý Minh Thuỵ cũng bị Tưởng Giới Thạch mua chuộc.

Ngoài Đảng cộng sản và Tưởng Giới Thạch ra, phải cải tổ Quốc dân Đảng do Uông Tinh Vệ đứng đầu và các thế lực chống Tưởng khác, chủ yếu là thế lực chống Tưởng của Quảng Đông cũng đến Quảng Tây hoạt động, hoạt động này của chúng ngấm ngầm phối hợp với hoạt động của bọn Quế do Lý Tông Nhân đứng đầu hòng quay trở lại, cũng có ảnh hưởng rất lớn, lúc đó cũng đặc biệt được Tưởng Giới Thạch quan tâm.

Ngày 25-9-1929 Trương Phát Khuê, sư đoàn trưởng sư đoàn 4 Quảng Đông gửi điện đi các nơi chính thức chống Tưởng. Tưởng Giới Thạch khi có hành động đối với Trương Phát Khuê, đồng thời cũng có hành động đối với Quảng Tây.

Ra mật lệnh cho Trần Tế Đường chuẩn bị tiến công Quảng Tây, và lệnh cho Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ về Nam Kinh "Báo cáo công tác". Trước tình hình đó, lại bị sự đốc thúc của Trần Công Bác đại diện của phái cải tổ đến Quảng Tây, buộc Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ phải tuyên bố chống Tưởng tại cuộc mít tinh lớn ngày 27-4.

Đặng Tiểu Bình sau khi đến Quảng Tây rất ít lộ mặt công khai, chỉ tiếp xúc với một số rất ít người, trong một phạm vi rất hẹp, ngay cả đến Trương Vân Dật

sau khi khởi nghĩa rồi mới gặp Đặng Tiểu Bình, với Dư Tác Bách cũng chỉ gặp có mấy lần. Nhưng khi được tin Uông Tinh Vệ phái người đến Nam Ninh hoạt động, ông đã tự xuất hiện, cố khuyên Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ đừng để bị cuốn vào vòng xoáy cuộc tranh giành quyền lực giữa Tưởng và Uông. Đồng thời cũng chuẩn bị sẵn sàng, một khi Dư Tác Bách, Lý Minh Thụy ra quân chống Tưởng, thì lập tức di chuyển ba đơn vị vũ trang do Đảng Cộng sản Trung Quốc kiểm soát là tổng đội huấn luyện, liên đội 4, liên đội 5 cảnh bị từ Nam Ninh khởi nghĩa ra khu vực Tả Hữu Giang, và yêu cầu khu vực Tả Hữu Giang cũng phải chuẩn bị sẵn sàng.

Sau khi Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ ra quân chống Tưởng, Đặng Tiểu Bình lấy lý do ba đơn vị trên mới thành lập và cần phải phòng thủ Nam Ninh, trước hết giữ ba đơn vị này ở lại Nam Ninh, Trương Vân Dật còn được bổ nhiệm làm tư lệnh cảnh bị Nam Ninh. Sau đó mỗi liên đội phái một tiểu đoàn đến khu vực Hữu Giang và Tả Giang, hiệp đồng với địa phương phát động quần chúng. Bộ đội ở lại phòng thủ Nam Ninh thì hành động gấp, tiếp nhận vũ khí đạn được trong kho quân giới của tỉnh, và chuẩn bị sẵn tàu thuyền, sẵn sàng di chuyển. Do Dư Tác Bách, Lý Minh Thuỵ không thực tế nắm quân đội, nên không lâu sau khi tuyên bố chống Tưởng, nhanh chóng bị chia rẽ và thất bại. Dư Tác Bách một lần nữa lại phải lưu vong sang Hồng Kông. Lý Minh Thuỵ dẫn quân rút khỏi Nam Ninh ngày 13-10, về phòng thủ ở Long Châu, về sau tham gia Cách mạng, năm 1930 gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Sau khi Dư Tác Bách, Lý Minh Thụy chống Tưởng thất bại, lực lượng vũ trang của Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng rút khỏi Nam Ninh, lần lượt khởi nghĩa ở Bách Sắc ngày 11-12- 1929 và khởi nghĩa ở Long Châu ngày 1-2-1930, thành lập quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ và khu căn cứ cách mạng Tả Hữu Giang.

Hai quân đoàn khi mới thành lập có khoảng 2800 người và 2000 người, khu căn cứ có 20 huyện, hơn triệu nhân khẩu. Đặng Tiểu Bình giữ chức Tổng chính ủy hai quân đoàn kiêm Bí thư Đảng ủy tiền phương, Lý Minh Thuỵ giữ chức Tổng chỉ huy quân đoàn, Trương Vân Dật là Quân đoàn trưởng quân đoàn 7 đỏ, Dư Tác Bách là Quân đoàn trưởng quân đoàn 8 đỏ. Đó là một thành quả cực kỳ

nổi bật, khó có thể tưởng tượng, được tờ "Thông tin quân uỷ" ngày 15-3-1930 coi là "một cuộc binh biến có tổ chức nhất, có ý thức nhất trong phạm vi toàn quốc".

V. Người bí thư huyện ủy được lưu danh trong lịch sử Đảng

Tháng 2-1931, Đặng Tiểu Bình rời quân đoàn 7 đỏ, về Thượng Hải báo cáo công tác với trung ương. Lúc đó Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đang do Vương Minh, Bác Cổ nắm quyền, họ có thái độ phủ định hoàn toàn đối với công việc của Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ. Trong bối cảnh đó, Đặng Tiểu Bình tuy không bị thi hành kỷ luật chính thức, nhưng trên thực tế là bị "treo". Trong mấy tháng trời không ai nghe ông báo cáo công tác, không ai xem báo cáo do ông viết, không bố trí công việc cho ông, xin về làm việc ở quân đoàn 7 đỏ cũng không được phê chuẩn. Sau này Đặng Tiểu Bình nói rằng: "Thế là thôi, ở Thượng Hải ngoài việc đến kỳ lĩnh sinh hoạt phí từ Trung ương, còn thì tụ tập mấy ông bạn thân", phát biểu lung tung, và còn nói: "thời kỳ này có thể nói là một thời kỳ rất khó khăn trong cuộc đời chính trị của tôi".

Sau bao cố gắng, cuối cùng Đặng Tiểu Bình cũng được Trung ương phê chuẩn về công tác ở khu Xô viết.

Từ tháng 8-1931 đến tháng 5-1932. Đặng Tiểu Bình về làm Bí thư huyện uỷ Thuỵ Kim, Giang Tây.

Từ tháng 5-1932 đến tháng 3-1933, Đặng Tiểu Bình làm Bí thư huyện uỷ Hội Xương, Giang Tây và Bí thư huyện uỷ trung tâm (dưới gồm 3 huyện: Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn).

Theo cách nhìn hiện nay, đối với Đặng Tiểu Bình, một người đã từng một năm rưỡi giữ chức thư ký trưởng trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, một năm rưỡi là đại diện Trung ương ở Quảng Tây và tổng chính uỷ hai quân đoàn 7 và 8 kiêm Bí thư Đảng uỷ tiền phương, giữ chức Bí thư huyện uỷ là bị giáng mấy cấp, tương đương với từ cấp binh đoàn hoặc quân đoàn bậc trưởng giáng xuống cấp trung đoàn bậc trưởng. Thời đó cấp bậc còn chưa rõ rệt, nhưng vẫn có quy cách nhất định. Sau này Đặng Tiểu Bình nhiều lần nói rằng, khi 23 tuổi đã làm "quan lớn", thư ký trưởng trung ương, nhưng một Bí thư huyện uỷ, dù ở thời đại nào của Trung Quốc, cũng chỉ là một "quan thất phẩm tép riu". Đặng Tiểu

Bình về sau này thường nhấn mạnh dùng người phải mạnh tay, không nên bị gò bó bởi thâm niên công tác, cấp bậc, ông nhiều lần lấy thí dụ khi bổ nhiệm Bí thư huyện uỷ thời kỳ ở Tây Nam, ông nói lúc đó bổ nhiệm Bí thư huyện uỷ, có cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn được bổ nhiệm, nhưng cán bộ đại đội, trung đội cũng có người được bổ nhiệm làm Bí thư huyện uỷ, có năng lực thì làm, không có năng lực thì thay. Huống hồ Đặng Tiểu Bình khi ấy cũng đúng là một người có "vấn đề", theo cách nói của ông là một người mà Trung ương "không thích". Nhưng Đặng Tiểu Bình hết sức coi trọng chức vụ mới của mình, điều mà ông nói "3 xuống 3 lên", không gồm có lần này. Sau này, khi ông chủ trì công việc Trung ương cũng đặc biệt coi trọng cương vị Bí thư huyện uỷ.

Tháng 9, 10-1975 ông đã từng nói: "Đặc biệt phải nắm chắc cấp huyện uỷ, xây dựng một huyện uỷ mạnh là một việc quan trọng! Làm cho tốt một Bí thư huyện uỷ không dễ, phải có kinh nghiệm lãnh đạo toàn diện, mọi việc các mặt đông tây nam bắc, trung, Đảng chính quân dân học, đều phải nắm được". "Làm tốt Bí thư huyện uỷ, đến khi làm công việc địa uỷ, tỉnh uỷ sẽ tương đối dễ tương đối thuận tay hơn. Bây giờ có một số tỉnh, đề bạt Bí thư tỉnh uỷ đều cảm thấy khó khăn, tôi cho rằng làm gì khó đến nỗi thế. Bí thư huyện uỷ, Bí thư địa uỷ cả một đống, tại sao lại tìm không ra một Bí thư tỉnh uỷ".

Có người cho rằng, một con người có tài cán thật hay giả, có thể kiểm nghiệm bằng một phương pháp rất giản đơn, đó là chuyển người ấy từ cơ quan lớn, cương vị cao xuống một cương vị không bắt mắt, nhưng vẫn có thể phát huy tác dụng. Điều đó rất có lý, rất nhiều người một khi không còn địa vị đó, không còn cái mũ đó, thì chẳng làm nổi việc gì cả, có người thì ở đâu cũng làm nổi đình đám. Đặng Tiểu Bình vị Bí thư huyện uỷ, tuy làm thời gian không dài và cũng phạm "sai lầm", nhưng đã để lại một dấu ấn sinh động trong sách sử Đảng Cộng sản Trung Quốc và có mối liên quan chặt chẽ với việc sau này ông được trọng dụng và lặp lại trong "cách mạng văn hoá".

Thuỵ Kim, "Thủ đô đỏ" đầu tiên của Trung Quốc thời kỳ cách mạng dân chủ mới, nơi sinh và đóng đô của Chính phủ Trung ương lâm thời nước Cộng hoà Xô viết Trung Hoa (tháng 11-1931 đến năm 1934). Nhưng tháng 8-1931 khi Đặng Tiểu Bình đến Thuỵ Kim với danh nghĩa đặc phái viên Trung ương, nơi đây sát

khí đằng đằng, tử khí nặng nề. Thì ra ở đây, Bí thư huyện uỷ lúc đó là Lý Thiêm Phú và chủ tịch Xô viết huyện Tạ Tại Quyền cho rằng có tổ chức của "Đảng xã hội dân chủ", mà lúc đó tuyệt đại đa số người Trung Quốc, ngay cả đến cái tên đó cũng chưa hề nghe thấy, từ tháng 5-1931 họ ra tay chém giết. Một số lớn cán bộ và quần chúng như nguyên Bí thư huyện uỷ Đặng Tiểu Bình, chủ tịch Xô viết huyện Tiêu Liên Bân, uỷ viên trưởng tổng công hội huyện bị giết, còn một số lớn cán bộ quần chúng bị bắt giữ, rất nhiều cán bộ quần chúng phải bỏ trốn đi nơi khác. Theo như tài liệu mà Châu Thư Xuân dẫn ra trong cuốn "Ghi chép sự việc Đặng Tiểu Bình ở khu Xô viết Trung ương": "Có 80% cán bộ Xô viết huyện, công hội huyện bị giết, đơn vị bị giải thể", "cán bộ hai khu Thành Thị, Đào Dương bị giết", "toàn huyện có trên hai ba ngàn người bị giết, thật là tàn nhẫn?".

Lúc đó, có thể Trung ương đã tính đến việc chọn Thuỵ Kim làm nơi đóng đô của Chính phủ Trung ương lâm thời, cho nên ngoài Đặng Tiểu Bình là đặc phái viên Trung ương, còn có Bí thư đặc uỷ Cán Đông là Tạ Duy Tuấn, đại diện Trung ương nguyên bộ trưởng tuyên truyền tỉnh uỷ Thuận Trực, Dư Trạch Hồng cũng lần lượt đến Thụy Kiên. Đứng trước tình hình đó, ba người đã mạnh dạn quyết định Đặng Tiểu Bình ra giữ chức Bí thư huyện uỷ Thuỵ Kim. Tình hình nhanh chóng được kiểm soát, sau một tháng đi sâu điều tra, cuối tháng 9, dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình triệu tập đại hội đại biểu công nông binh Thuỵ Kim lần thứ ba, công khai xét xử và bắn Lý Thiêm Phú, Tạ Tại Quyền tội ác tày trời, xây dựng lại tổ chức các cấp Xô viết huyện, công hội, tư pháp toà án huyện. Tổ chức đại hội quần chúng tại huyện lỵ và các thôn xã bị hại chủ yếu, minh oan cho những người bị chết oan, bị bắt, bị đánh đập. "Tình hình toàn huyện có thay đổi lớn" - lời của Đặng Tiểu Bình.

Sau khi ổn định được tình hình: Đặng Tiểu Bình đẩy mạnh việc bồi dưỡng huấn luyện cán bộ. Kiện toàn tổ chức, xây dựng chế độ và tổ chức sản xuất. Trong đó có một trọng điểm công tác là kiểm tra việc phân chia ruộng đất và phân chia lại ruộng, uốn nắn lại hiện tượng khi bọn xấu nắm quyền chia nhiều, chiếm nhiều ruộng tốt cho cán bộ, phú nông, ác bá và các hiện tượng phân chia không công bằng khác, dành ra một số công điền dùng để cung cấp lương thực cho Hồng quân, trợ cấp cho gia đình quân nhân liệt sĩ và cứu đói. Đối với lúc đó

tương đương như là một cuộc cách mạng lần thứ hai. Một số nông dân trung hậu thật thà tay vốc nắm đất trên mảnh ruộng được chia lại cho mình, nước mắt lưng tròng nói rằng: "Lần này chúng mình thật sự vùng lên rồi?" Ngoài ra, Đặng Tiểu Bình còn đẩy mạnh hoạt động tổ chức làm thuỷ lợi, làm công nghiệp và thủ công nghiệp, xây dựng hợp tác xã, đội đổi công, đội đột kích, triển khai phong trào thi đua lao động, tăng gia tiết kiệm, chi viện tiền tuyến, để đạt được ba mục tiêu lớn: bảo đảm nhu cầu của cơ quan Trung ương, bảo đảm cung cấp cho Hồng quân, bảo đảm quần chúng nhân dân đủ ăn, toàn Thuỵ Kim đã xuất hiện một cuộc sống sôi nổi.

Chính trong tình hình đó, đầu tiên là Mao Trạch Đông, Chu Đức cuối tháng 9 năm đó đưa Cục Trung ương Khu Xô viết và cơ quan tổng bộ Hồng quân đến đóng tại Thuỵ Kim, tiếp đó đến tháng 11 thành lập Chính phủ Trung ương đỏ đầu tiên của Trung Quốc ở đây. Đặng Tiểu Bình trị được loạn ở Thuỵ Kim, khiến "tình hình toàn huyện có thay đổi lớn" xứng đáng được gọi là người dựng đô "Thủ đô đỏ" đầu tiên của Trung Quốc.

Trong tình hình đó, con người Đặng Tiểu Bình vốn đã bắt đầu trở nên trầm mặc ít nói, bỗng lại trở thành hoạt bát sôi nổi bông đùa như thời kỳ ở Pháp và Thượng Hải. Cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" có viết:

"Những việc trải qua ở Thuỵ Kim, thời gian tuy ngắn, nhưng bố vẫn thường nhắc lại". Năm 1992 có một ngày cả nhà chúng tôi ăn cơm, thằng cháu 6 tuổi, con em trai tôi rất đói, nó ăn ngốn ngấu. Thấy đứa cháu nội háu ăn, ông cười nói rằng: "Khi công tác ở Thuỵ Kim, làm cách mạng ruộng đất, đề ra chính sách phân chia ruộng đất. Có người nói, không nên chia ruộng cho trẻ con. Ông nói với họ, Tứ Xuyên có câu tục ngữ: trẻ con 3 tuổi, ăn chết ông già. Trẻ con ăn có ít đâu, nên cũng phải được chia ruộng. Về sau họ đã chấp nhận ý kiến của ông. Các con xem, thằng nhỏ không phải trẻ con 3 tuổi ăn chết ông già là gì".

Có người nhớ lại, khi Đặng Tiểu Bình ở Thuỵ Kim, ăn khoai lang không bóc vỏ, còn nói vui rằng: "Vỏ khoai lang có nhiều dinh dưỡng, ăn rồi không sợ mưa bay gió giật, bỏ đi tiếc lắm".

Năm 1972, lúc đó Đặng Tiểu Bình còn là "tên đi theo con đường tư bản chủ nghĩa lớn thứ hai trong Đảng" được phép "điều tra nghiên cứu" trong vùng

Giang Tây, đến Thuỵ Kim đã được đón tiếp nhiệt tình. Các đồng chí Thuỵ Kim đã không kiêng kỵ nói rằng: "Đồng chí là lão Bí thư huyện uỷ của Thuỵ Kim chúng tôi". Con gái Đặng Tiểu Bình nói: "Câu nói đó khiến bố tôi cảm động vô cùng". Đối với Trung Quốc mà nói, niềm an ủi đó không phải là một chuyện nhỏ.

"Làm tốt một Bí thư huyện uỷ", "Xây dựng một huyện uỷ mạnh quan trọng biết bao". Năm 1975, Đặng Tiểu Bình nói: "Làm một người Bí thư huyện uỷ tốt không phải là chuyện dễ". Điều này được biểu hiện rất rõ khi ông làm Bí thư huyện uỷ. Tháng 5-1932, Đặng Tiểu Bình được điều về làm Bí thư huyện uỷ Hội Xương, hai tháng sau thành lập huyện uỷ trung tâm Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn. Đặng Tiểu Bình giữ chức Bí thư huyện uỷ trung tâm kiêm chính uỷ phân khu tác chiến thứ 3.

Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn đều là khu mới, chưa được giải phóng hoàn toàn, lại là biên khu của khu Xô viết Trung ương; huyện lỵ Hội Xương lại ở cách Thuỵ Kim về phía nam chỉ có 50 km. Cho nên làm Bí thư ở đây, công tác quân sự là công tác trung tâm. Do đó huyện uỷ trung tâm không đặt ở huyện lỵ Hội Xương mà đặt ở nơi yếu địa quân sự gọi là Quân Môn Lĩnh. Nơi đây cách huyện lỵ Hội Xương về phía nam 55 km, đại thể cùng với huyện lỵ Tầm Ô, huyện lỵ An Viễn hình thành một tam giác đều, là cửa ngõ lớn phía nam của "Thủ đô đỏ", từ Quảng Đông, Phúc kiến ở phía Đông Nam muốn vào Thuỵ Kim phải qua chỗ này.

Nắm quân sự là mặt mạnh của Đặng Tiểu Bình, nhưng nơi đây có điều khác với Tây An và Quảng Tây là thiếu nhân tài quân sự. Cho nên, khi thảo luận công việc với bộ tổ chức của huyện uỷ, vấn đề nổi bật đầu tiên phải nói đến là thành lập bộ quân sự, và trước hết phải tìm một chỉ huy quân sự có năng lực. Theo giới thiệu, Đặng Tiểu Bình đồng ý để Chung Á Khánh, trung đoàn phó trung đoàn độc lập, thuộc quân đoàn 11 đỏ đang dưỡng thương điều trị tại bệnh viện sư đoàn ba độc lập làm, và lập tức liên hệ với quân đội, để Bộ chính trị quân đội ra lệnh điều động. Bản thân Chung Á Khánh và phía quân đội mới đầu còn trù trừ, Đặng Tiểu Bình phải đích thân gọi điện thoại cho La Quý Ba chủ nhiệm chính trị sư đoàn 3 độc lập, phê bình La Quý Ba có tư tưởng bản vị, nói phải đôn đốc Chung

Á Khánh mau về nhận nhiệm vụ. Sau đó thay mặt huyện uỷ ông lại nhiều lần gọi điện thoại đốc thúc, khiến cho Chung Á Khánh, vốn vẫn muốn tiếp tục công tác ở bộ đội chính quy đành phải về nhận nhiệm vụ. Về tình hình lúc đó, 50 năm sau Chung Á Khánh có nhớ lại, đại khái như sau:

Chung Á Khánh vác ba lô đến nơi cơ quan Xô viết khu Sam Đường, huyện Hội Xương, gặp đúng ngay Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình vừa thấy mặt hỏi ngay:

"Đồng chí này ở đâu, đến đâu? Họ tên là gì?" ông nói tiếng rất to, không hiểu đó là thói quen lúc đó, hay là ông vui mừng khi gặp đồng chí bộ đội.

"Từ Trừng Giang đến, tên là Chung Á Khánh, về Hội Xương",

"Cậu là Chung Á Khánh, tốt! Mình là Đặng Tiểu Bình. Đi" Hai người bước vào văn phòng, Đặng Tiểu Bình nói: "Cậu này quậy quá, cậu ta (La Bình Hán - trưởng ban tổ chức huyện uỷ) mấy lần gọi điện thoại cho cậu, vẫn không chịu đến. Mình phải gọi điện thoại phê bình Chủ nhiệm La Quý Ba, bây giờ cậu mới đến. Cậu xem!" và lấy tay chỉ vào những giấy tờ treo trên vách nói "Cậu làm chỉ huy quân sự huyện Hội Xương, công văn đã gửi đi rồi. Cậu dám không đến hả!" và bảo không đi vội, đợi ở đây cùng về với ông. Khoảng nửa giờ sau, làm xong việc ở khu Sam Đường, lại kéo Chung Á Khánh sang khu La Đường, tối hôm đó họp với lãnh đạo khu uỷ và Xô viết khu, bố trí công việc mở rộng Hồng quân. Sang ngày thứ hai, có phiên chợ La Đường, bữa cơm sáng trên bàn có ít thịt lợn là của hiếm lúc đó. Đặng Tiểu Bình nói với Bí thư khu uỷ: "thịt lợn, ngon thì ngon thật, nhưng còn thiếu một thứ." "Cái gì". Đặng Tiểu Bình nói luôn: "ớt?" Bí thư khu uỷ lập tức chạy đi, và quay về ngay tay cầm một nắm ớt tươi. Đặng Tiểu Bình cầm lên một quả ớt tươi, cắn một miếng, nói: "Không cay lắm, nhưng cũng tạm được" khiến mọi người cười ồ lên, ăn bữa cơm vui vẻ. Xong bữa, Đặng và Chung kẻ trước người sau, đi bộ về huyện uỷ.

Đúng là một Bí thư huyện uỷ trẻ thoải mái, dứt khoát, vui vẻ.

Tháng 7, 8 năm 1932, huyện trung tâm Hội Xương thành lập phân khu tác chiến thứ 3. Đặng Tiểu Bình kiêm chức chính uỷ, Chung Á Khánh là chỉ huy, La Bình Hán kiêm chủ nhiệm chính trị, từ quân khu điều Lữ Xích Thuỷ về làm tham mưu trưởng, Du Đoàn Hiên làm phó tham mưu trưởng và một cán bộ tham

mưu đều đến từ bộ đội chính quy của Hồng quân. Ngoài ra, còn điều một số trong đám thương binh xuất viện giữ các chức vụ cốt cán của lực lượng vũ trang địa phương. Như vậy đến tháng 11-1931, phân khu đã có Xích vệ quân 4970 người, sư đoàn gương mẫu 2529 người, các huyện đều có trung đoàn độc lập 2, 3 trăm người, các khu còn có đội du kích riêng. Đặng Tiểu Bình lãnh đạo lực lượng vũ trang này đánh vào cái ổ phỉ và cứ điểm bọn trắng trong khu vực huyện trung tâm, tiêu diệt phần lớn bọn phỉ bình định phản động Tế Bát Ca, Quách Phát Quý, Đại Đầu Ngũ, quét sạch các đoàn bình định, côn đồ trong ấp ở ba huyện, còn đánh lui mấy lần xâm lấn của lực lượng nhỏ quân đội Quốc dân Đảng, trong đó có một lần tương đối lớn vào tháng 9-1931 ở Đông Lưu tỉnh Phúc Kiến, đánh lui mấy trăm quân của Chung Thiểu Khuê-Quốc dân Đảng. Như vậy là biên khu Hội, Tầm, An được ổn định và củng cố.

Mở rộng lực lượng vũ trang địa phương, tất sẽ gây ra rất nhiều khó khăn. Nổi bật nhất là mâu thuẫn giữa sản xuất và quân sự, giữa kinh tế và quân sự.

Vụ cấy mùa xuân năm 1933, có một số chiến sĩ tự ý bỏ về nhà cầy cấy. Đối với hiện tượng này, một số lãnh đạo chính quyền địa phương rất tức giận, chửi bới ầm ĩ những chiến sĩ ấy là "Bọn mất tư cách", còn dùng thừng trói họ lai để giáo dục. Được tin này Đặng Tiểu Bình vẫn bình tĩnh nhẹ nhàng nói: "Trói không ổn? Họ tự ý bỏ về nhà là không đúng, nhưng cũng chứng tỏ công việc chúng ta làm chưa tốt, gia đình họ có khó khăn, chúng ta không giải quyết, làm sao chiến sĩ có thể an tâm mà chiến đấu?" Đặng Tiểu Bình đã đến từng nơi thăm hỏi gia đình một số chiến sĩ bỏ về nhà, thấy có chiến sĩ người nhà ốm đau, có người trong nhà không có sức lao động. Trước các hiện tượng đó, Đặng Tiểu Bình đã thành lập các uỷ ban sản xuất vụ Xuân ở huyện khu, xã; ở các thôn tổ chức đội đột kích sản xuất, hội phụ nữ lao động, tổ chức già trẻ trai gái tích cực sản xuất. Một hôm Đặng Tiểu Bình thấy đoàn nhi đồng tổ chức cho nhi đồng sản xuất, nhất thời nổi hứng, theo đề nghị của Bí thư Cục nhi đồng đã viết câu vè: "Đoàn nhi đồng cộng sản, lao động ngày thứ bảy, làm tốt nửa ngày công, giúp quân nhân liệt sĩ."

Về mặt kinh tế khó khăn, Đặng Tiểu Bình cũng có nhiều biện pháp giải quyết. Về công nghiệp, tổ chức sản xuất công nghiệp quân sự, làm diêm tiêu,

làm thuốc, dệt vải, nông cụ, thuốc lá, giấy viết, long não, đường, vôi...Về thương nghiệp, đầu năm 1933 thành lập "Cục mậu dịch Xô viết, phá vỡ sự phong tỏa kinh tế của Quốc dân Đảng đối với khu Xô viết; thay mặt cho khu Xô viết trung ương bằng nhiều kênh buôn bán muối, vải, dược liệu, thuốc lá, giấy, lương thực, dầu ăn, chè với khu do Quốc dân Đảng thống trị.

Trong thời đại cực kỳ gian nan đó, Đặng Tiểu Bình còn nắm giáo dục, mở 73 trường tiểu học ở ba huyện, số trẻ con theo học cao tới 90%. Đó cũng là nguyên nhân cơ bản của việc Đặng Tiểu Bình khuyến khích trẻ con tham gia lao động, nhưng lại chỉ yêu cầu chúng mỗi tuần chỉ "làm tốt nửa ngày công".

Với nhiều biện pháp Đặng Tiểu Bình đã nhanh chóng làm thay đổi lớn bộ mặt của khu mới giải phóng Hội - Tầm - An, trở thành một nơi "Phong cảnh nơi đây đẹp nhường nào". Mùa hè năm 1934, khi Mao Trạch Đông đến thị sát Hội Xương đã rất vui viết một bài từ. "Vui thanh bình - Hội Xương").

Vừng trời đông bừng sáng

Bạn lên đường, sớm chi Núi non dạo khắp, người vẫn trẻ Phong cảnh nơi đây đẹp nhường nào Ngoài thành Hội Xương núi non cao Điệp điệp trùng trùng đăng, sáng - tối Bộ đội ngóng trông về hướng Nam Càng thấy tươi xanh rạng ngời sao.

Năm 1934, Hội Xương vẫn giữ được "Phong cảnh nơi đây đẹp nhường nào", nhưng Đặng Tiểu Bình - con người đặt nền móng, mở ra cục diện mới đã gặp tai hoạ lớn.

Năm 1932, dưới sự lãnh đạo theo đường lối của Vương Minh, Hồng quân lại phải khổ chiến "để cách mạng Trung Quốc trước là hết giành được thắng lợi ở một số tỉnh chủ yếu (Tương - Hồ Nam, Ngạc - Hồ Bắc, Cán - Giang Tây, Hoãn - An Huy). Năm đó, Hồng quân các khu căn cứ xuất kích toàn diện, lần lượt mở hàng loạt những chiến dịch lớn Cán Châu, Long Vương Tập, Thương Hoàng, Tô Gia Phụ, Chương Châu, Hàng Quang, Thuỷ Khẩu, Lạc (An) Nghi (Hoàng), Kiến (Ninh) Lê (Duyên), Kim (Khê), Tư (Khê), mỗi chiến dịch đều tung vào binh lực lớn tới 3, 4 sư đoàn. Một số chiến dịch bản thân thắng nhiều thua ít, có được có mất, nhưng chiến lược chiến thuật sai lầm, tổn thương lớn đến lực lượng Hồng quân, tất nhiên dẫn đến sự phản đối của phái thực sự cầu thị mà đại diện là Mao

Trạch Đông.

Tháng 10-1932 sau hội nghị Ninh Đô, Mao Trạch Đông trước hết bị điều về hậu phương, sau đó bị mất chức Tổng chính uỷ hương diện quân 1 đỏ, bị tước quyền chỉ huy quân sự.

Đặng Tiểu Bình lúc này tuy chỉ là một Bí thư huyện uỷ trung tâm kiêm chính uỷ phân khu tác chiến, nhưng bài học đau đớn của quân đoàn 7 đỏ, khiến ông không do dự trong phạm vi quyền hạn của mình, nêu cao ngọn cờ chống chủ nghĩa phiêu lưu tả lãnh, quyết định trong khu vực Hội Xương không cố liều đấu thành luỹ đối thành luỹ, công sự đôi công sự, hầm hào đối hầm hào với địch, mà nhằm vào đấu tranh trường kỳ, dùng chiến tranh du kích và vận động chiến theo kiểu du kích để đánh địch một cách cơ động linh hoạt. Cuối năm 1932, Tưởng Giới Thạch điều quân tập trung hơn 30 sư đoàn mở cuộc "đại vây quét" lần thứ tư vào khu Xô viết Trung ương, biên khu do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo bị đánh trước tiên. Tháng 11-1932, huyện Tầm Ô là nơi giáp giới của Cán (Giang Tây), Việt (Quảng Đông), Mân (Phúc Kiến), phần cực nam của khu Xô viết Trung ương bị quân Việt (Quảng Đông) đánh mạnh. Đặng Tiểu Bình mạnh dạn lãnh đạo cán bộ quần chúng rời bỏ thị trấn, dùng cách vườn không nhà trống, chiến thuật du kích đánh địch. Như thế tuy quân địch nhanh chóng chiếm được Tầm Ô, nhưng bên ta không bị tổn thất gì. Nhưng trận Tầm Ô đó về sau bị coi là "sự kiện Tầm Ô" để truy cứu trách nhiệm.

Tháng 2-1933, sau việc Mao Trạch Đông bị Trung ương tước quân quyền, Cục Trung ương khu Xô viết Đảng Cộng sản Trung Quốc lại bắt đầu phê phán cái gọi là "đường lối La Minh (La Minh là quyền Bí thư tỉnh uỷ Phúc Kiến, đã từng viết thư cho Trung ương phản đối phiêu lưu manh động). Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đàm (Bí thư huyện uỷ trung tâm Vĩnh Phong, Cát An, Thái Hoà), Tạ Duy Tuấn (Bí thư huyện uỷ trung tâm Nghi Hoàng, Lạc An, Sùng Nhân), Cổ Bách (Bí thư huyện uỷ trung tâm Kiến Ninh) bị công khai chỉ tên cáo buộc là "kẻ sáng tạo đường lối La Minh ở Giang Tây", yêu cầu toàn thể các đồng chí tập trung "hoả lực đấu tranh Bôn-sê-vích" nhằm vào họ "đấu tranh khốc liệt, công kích không khoan nhượng". Vị lãnh đạo Trung ương viết một bài dài "Đường lối La Minh ở Giang Tây" đăng trong số 8 tạp chí "Đấu tranh" (xuất bản ngày 15-4-

1933) cơ quan của Cục Trung ương khu Xô viết, chiếm tới 80% số trang tạp chí kỳ đó. Vị lãnh đạo Trung ương này còn tự tổ chức hội nghị Đảng tỉnh Giang Tây ở Ninh Đô từ 16 đến 22-4, chỉ huy việc phê phán Đặng, Mao, Tạ, Cổ. Về vụ việc này, trong khi phê văn kiện ngày 14-8-1972, Mao Trạch Đông đã viết: "Đặng Tiểu Bình ở khu Xô viết Trung ương đã bị đấu, là một trong bốn kẻ có tội là Đặng (Tiểu Bình), Mao (Trạch Đàm), Tạ (Duy Tuấn), Cổ (Bách), là đầu sỏ của cái gọi là phái Mao. Tài liệu đấu Đặng Tiểu Bình xem trong hai cuốn sách: Hai đường lối, Từ Đại hội VI đến nay. Một Bí thư huyện uỷ lại có thể trở thành "đầu sỏ của phái Mao" là một phái trong "hai đường lối" trong Đảng, thật không đơn giản.

Tháng 3-1933, Đặng Tiểu Bình được điều giữ chức Trưởng ban tuyên truyền tỉnh uỷ Giang Tây. Sau đó ngày 5-5-1933 bị tổ chức thi hành kỷ luật cùng với Mao Trạch Đàm, Tạ Duy Tuấn, Cổ Bách. Đặng Tiểu Bình bị cách chức Trưởng ban tuyên truyền tỉnh uỷ, "kỷ luật cảnh cáo nghiêm trọng cuối cùng" trong Đảng, còn bị tước súng trước mặt mọi người. Sau đó đi làm tuần sát ở khu Nam Thôn, huyện Lạc An, chưa được 10 ngày, lại bị đưa đi lao động nông thôn, gần thôn Thất Lý ở Ninh Đô.

Hạ tuần tháng 6 năm 1933, do có sự can thiệp mạnh mẽ kiên định của Vương Gia Tường, Uỷ viên bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, phó chủ tịch quân uỷ Trung ương kiêm chủ nhiệm Tổng bộ chính trị Hồng quân, những người nắm quyền lãnh đạo Trung ương là Bác Cổ... đành nhượng bộ, Đặng Tiểu Bình được điều về làm quyền thư ký trưởng tổng bộ chính trị quân uỷ Trung ương.

Khi Đặng Tiểu Bình từ nơi lao động về đến tỉnh uỷ, Bí thư tỉnh uỷ Giang Tây Đảng Cộng sản Trung Quốc Lý Phú Xuân, chủ tịch chính quyền Xô viết tỉnh Tăng Sơn, tư lệnh quân khu tỉnh Trần Nghị, trưởng ban phụ nữ tỉnh uỷ Thái Xướng cùng nhau tổ chức tiếp đãi Đặng Tiểu Bình. Trần Nghị hào phóng văn vẻ nói: "Tớ bỏ ra hai đồng, kiếm vài cân thịt lợn, mua ít ớt, tỏi, kiếm tí rượu trắng, mời đồng chí Đặng Tiểu Bình ăn bữa cơm". Thế là Trần Nghị bỏ tiền, Tăng Sơn mua hàng, Lý Phú Xuân pha trà. Thái Xướng nấu ăn, mọi người ăn một bữa no nê tại nhà vợ chồng Lý Phú Xuân, Thái Xướng, chuyện trò vui vẻ cả buổi tối.

Trừ Tăng Sơn ra, còn mọi người đều là bạn cũ, bạn học với nhau thời kỳ vừa làm vừa học ở Pháp.

Một Bí thư huyện uỷ, đúng là không đơn giản?

CHƯƠNG 4

VỮNG CHÍ CAO XA CHẲNG CHUYỂN LAY

Đặng Tiểu Bình nhân tài hiếm có, bắt đầu sớm, khởi điểm cao, nhưng cuộc đời gian truân "3 xuống, 3 lên". Nhưng ông "chết cũng không chịu hối cải", lại cứ "phạm sai lầm", khiến ông phải chịu nhiều đau khổ khó có thể tưởng tượng được: khi tuổi gần 70, tự mình khi ngồi xuống phải khó khăn mới đứng lên được, vẫn phải đi trồng rau nuôi gà để nuôi thân, lại còn phải lật mình, lau người, tắm rửa cho con trai bị bức hại đến tàn phế. 72 tuổi, lại bị cảnh vệ bắt đi, phải sinh ly tử biệt với người nhà... Nhưng cũng chính vì thế, cuối cùng ông đã trở thành vĩ nhân của một thời đại lịch sử Trung Quốc.

Rất nhiều người tự xưng là tin theo chủ nghĩa Mác, nhưng không nhất định đã là một người Mác xít chân chính.

Có người lại tin theo chủ nghĩa Mác trên sách vở.

Có người tin theo chủ nghĩa Mác nhưng lại khác biệt rất lớn với chân lý của chủ nghĩa Mác.

Ở Trung Quốc có rất nhiều người đã từng tự xưng là Mác- xít lại không phải là Mác-xít chân chính. Trong số người đó, đặc biệt là số người đã công tác hoặc du học tại Liên Xô, tự cho rằng mình được chân truyền chủ nghĩa Mác tại Liên Xô, là con người Mác- xít chính thống, nên không thừa nhận người khác là Mác-xít, thậm chí châm chọc, chèn ép, đả kích. Thật ra những người đó tin theo không phải chủ nghĩa Mác, mà là sách vở, giáo điều.

Đặng Tiểu Bình tuy có học chủ nghĩa Mác ở Pháp, còn được nhận giáo dục của chủ nghĩa Mác một cách hệ thống tại Liên Xô, nhưng ông nắm được thực chất tinh thần của chủ nghĩa Mác, điều ông học được là lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác do đồng chí Mao Trạch Đông đề xướng. Đặng

Tiểu Bình học chủ nghĩa Mác thực sự đã đạt tới mục đích "có tác dụng hiệu quả". Suốt cuộc đời của Đặng Tiểu Bình có thể nói đối với chủ nghĩa Mác ông không hề giáo điều, cái mà ông tin theo là chủ nghĩa Mác chân chính. Khi những kẻ cơ hội "tả" khuynh phê phán "chủ nghĩa Mác trong khe núi", Đặng Tiểu Bình lại thực hành nó một cách chân thành.

Đảng Cộng sản Trung Quốc sau thất bại của cuộc đại cách mạng, sau chủ nghĩa "tả" khuynh của Cù Thu Bạch và Lý Lập Tam, sau hội nghị toàn thể Trung ương 4 khoá 6 lại gặp phải chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh của Vương Minh. Do những sai lầm của chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh Vương Minh, khiến cho lực lượng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong vùng thống trị của Quốc dân Đảng bị tổn thất rất nặng nề, lực lượng ở khu Xô viết cũng bị tổn thất lớn. Vương Minh và một số người tự cho mình giỏi giang, trong Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ có họ mới hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin. Tháng 4-1929 sau khi trở về nước, Vương Minh đã ngông cuồng nói rằng: "Đảng Cộng sản Trung Quốc từ khi thành lập đến nay vốn rất ấu trĩ, không hiểu được chủ nghĩa Mác-Lênin, người ở khu Xô viết lại càng không hiểu, họ không biết gì hết, xưa nay hữu khuynh, đi theo đường lối phú nông". "Chúng ta phải cải tạo Đảng từ trên xuống dưới". Tại hội nghị toàn thể Trung ương 4 khoá 6, Vương Minh sở dĩ leo lên được vị trí lãnh đạo, vào được Bộ Chính trị, có một nguyên nhân quan trọng là chủ nghĩa giáo điều của Vương Minh đã doạ được một số người, một số đồng chí đã thoả hiệp và ủng hộ họ. Đối với đường lối phiêu lưu "tả" khuynh của Vương Minh, các đồng chí như Lưu Thiếu Kỳ, Lý Thiết Phu... đang công tác ở khu trắng đã chống lại mạnh mẽ, các đồng chí như Mao Trạch Đông ở căn cứ cách mạng nông thôn cũng đấu tranh kiên quyết. Cho dù sau hội nghị Trung ương 4 khoá 6, phương châm sai lầm "tả" khuynh đã bắt đầu ảnh hưởng đến khu căn cứ nông thôn, nhưng do có sự lãnh đạo đúng đắn của đồng chí Mao Trạch Đông, Chu Đức, nên vẫn giành được thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh chống "vây quét" lần đâu tiên. Dù vậy Trung ương chấp hành đường lối "tả" khuynh vẫn chỉ trích các đồng chí phụ trách khu Xô viết là: "… đối với sự đúng đắn của đường lối quốc tế thì thiếu sự hiểu biết sâu sắc toàn diện", cho rằng "sai lầm nghiêm trọng nhất hiện nay của khu Xô viết Trung ương là: thiếu công tác quần chúng và đường lối giai cấp rõ ràng". Ví dụ, không chấp hành chính sách "địa

chủ không chia ruộng, phú nông chia ruộng xấu", "Phạm một số sai lầm theo đường lối phú nông"; Hồng quân "còn chưa hoàn toàn từ bỏ chủ nghĩa du kích và quan niệm đoàn thể nhỏ truyền thống"; "rất ít tiếp xúc với thành thị, coi nhẹ phong trào công nhân v.v... "Còn chủ trương nhất quán về xây dựng khu căn cứ và đấu tranh của Hồng quân do Mao Trạch Đông đề xướng lại trái ngược với phương châm phiêu lưu "tả" khuynh của trung ương. Trong quá trình Trung ương lâm thời cưỡng chế thi hành phương châm phiêu lưu "tả" khuynh, chủ trương đúng đắn của Mao Trạch Đông lại bị phê phán một cách sai lầm, bản thân cũng bị đè nén và đả kích nặng nề. Đặc biệt là tại Đại hội đại biểu lần thứ nhất khu Xô viết Trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đường lối tư tưởng xuất phát từ thực tế, thực sự cầu thị, lý luận liên hệ thực tế và nhất là chủ trương "không điều tra, không có quyền phát biểu" do Mao Trạch Đông đề ra bị coi là "thuyết kinh nghiệm hẹp hòi". Các nghị quyết như "Nghị quyết chính trị" do đoàn Trung ương theo đường lối Vương Minh khởi thảo đã được hội nghị thông qua, chỉ trích "chủ nghĩa sự vụ trong Đảng hết sức nặng nề, và còn tồn tại một thứ tư tưởng lạc hậu, thuyết kinh nghiệm hẹp hòi, phủ nhận lý luận, phủ nhận chính trị".

"Thuyết kinh nghiệm hẹp hòi trong Hồng quân, đã gây ra ảnh hưởng lớn trong công tác thực tế, căn bản đã phủ nhận lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ dựa vào kinh nghiệm manh mún và nhãn quan hẹp hòi để phân tích các vấn đề, đó hoàn toàn là tư tưởng lạc hậu của nông dân, sự thực là đi trên tiền đồ đường lối phi giai cấp rối rắm". Sau đó Trung ương lâm thời và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thi hành đường lối phiêu lưu "tả" khuynh của Vương Minh, cứ dần từng bước tăng cường đấu tranh và phê phán Mao Trạch Đông.

Tại hội nghị Ninh Đô họp tháng 10 năm 1932 "đã triển khai cuộc đấu tranh chống khuynh hướng chưa từng có ở Trung ương", tiến hành phê bình chỉ trích một cách sai lầm đối với Mao Trạch Đông và nguyên tắc chiến lược chiến thuật mà ông thực hiện trong Hồng quân. Hội nghị phê bình các đồng chí ở tiền phương đã dự đoán không đúng thắng lợi cách mạng, đặc biệt là chỉ ra sai lầm của Mao Trạch Đông có quan niệm chờ đợi. Rằng Hồng quân do Mao Trạch

Đông lãnh đạo, trong mấy cuộc chiến tranh chống "vây quét" đối với những cuộc tiến công lớn của địch đã lo sợ dao động mất hết lòng tin, nguy hiểm chủ yếu là hữu khuynh, chuyên chờ đợi kẻ địch tiến công, "Đường lối phát triển sang Cán Đông" do Mao Trạch Đông đề ra bị chỉ trích là tiêu cực đối với phương châm giành lấy thành thị trung tâm.

Tháng 2-1933 tại khu căn cứ đã triển khai cuộc đấu tranh lớn chống "đường lối La Minh" chống "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh".

Tháng 4-1933, tại Ninh Đô - Giang Tây, phát động cuộc đấu tranh đối với Đặng (Tiểu Bình), Mao (Trạch Đàm), Tạ, (Duy Tuấn), Cổ (Bách).

Chống "đường lối La Minh", đấu "Đặng, Mao, Tạ, Cổ", mục tiêu đều nhằm vào Mao Trạch Đông.

Bởi vì với những người đã uống mực Tây Mátxcơvà như Vương Minh, chỉ có họ mới có tư cách đại biểu cho chủ nghĩa Mác-Lênin, mới là Bôn-sê-vích 100%. Điều mà Mao Trạch Đông làm ở khu Xô viết là "chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh" là "kinh nghiệm hẹp hòi", là "đường lối phú nông".

Nhưng điều đặc biệt có ý nghĩa là lại chính Đặng Tiểu Bình cũng đã uống mực Tây của Mátxcơvà lại không giáo điều mê tín chủ nghĩa Mác, cũng không mù quáng tin theo chỉ thị của quốc tế cộng sản, ngược lại ông tích cực ủng hộ chủ nghĩa Mác chân chính được sinh ra từ thực tế, lại có thể chỉ đạo cụ thể cuộc đấu tranh cách mạng của khu Xô viết Trung ương giành được thắng lợi.

Đặng Tiểu Bình lúc đó là bí thư huyện uỷ trung tâm Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn ở Giang Tây; Mao Trạch Đàm đã từng làm thư ký trưởng Cục Trung ương khu Xô viết, Bí thư huyện uỷ trung tâm Vĩnh Phong, Cát An, Thái Hoà; Tạ Duy Tuấn là uỷ viên đặc uỷ Tây Cán Nam, Bí thư đặc uỷ Cán Đông; Cổ Bách từng làm Bí thư huyện uỷ Tầm Ô, chủ tịch chính quyền Xô viết huyện Tầm Ô, thư ký trưởng ban tổng tiền phương Phương diện quân 1 đỏ, thư ký trưởng bộ lao động chính quyền lâm thời trung ương. Sau hội nghị toàn thể Trung ương 4 khoá 6, Đặng Tiểu Bình đã từng tỏ ra bất mãn với lãnh đạo Trung ương thực hiện phương châm "tả" khuynh. Trước và sau hội nghị Cán Nam năm 1931, Mao Trạch Đàm, Tạ Duy Tuấn, Cổ Bách đã từng phê bình lãnh đạo Cục Trung ương kiên trì chủ nghĩa giáo điều là "các ông ở nhà Tây", nhằm vào cách nói không có

chủ nghĩa Mác trong khe núi, họ nói trên núi của khu Xô viết chúng tôi không có chủ nghĩa Mác, trái lại "trong thành phố lớn lại sinh ra đường lối Lập Tam". Tại hội nghị Cán Nam, mấy Bí thư huyện uỷ trung tâm còn công khai tranh luận với đoàn đại biểu Trung ương, không đồng ý với những ý kiến phê bình Mao Trạch Đông. Họ chống lại cách làm sai lầm phiêu lưu "tả" khuynh của Vương Minh, ủng hộ và chấp hành đường lối đúng đắn của Mao Trạch Đông ở khu Xô viết. Họ chủ trương phát triển vào nông thôn rộng lớn là nơi lực lượng địch mỏng yếu, không tán thành "Phát triển vào thành thị trung tâm và những đường giao thông quan trọng"; chủ trương "vườn không, nhà trống", "dử địch vào sâu" để tiêu diệt địch, không tán thành chặn địch từ bên ngoài "quốc môn", lấy cứng chọi cứng; chủ trương vũ trang quần chúng, bộ đội địa phương và Hồng quân trung ương đều phải phát triển, không tán thành dùng biện pháp làm suy yếu bộ đội địa phương và vũ trang quần chúng để mở rộng Hồng quân; cho rằng cần phải phân biệt rõ công tác của khu trung tâm và biên khu căn cứ. Về vấn đề phân chia ruộng đất, họ vẫn kiên trì chính sách "rút nơi nhiều bù nơi ít, bớt chỗ béo bù chỗ gầy vv..."

Mao Trạch Đông từ lâu đã đề xướng và thực tiễn thành công những chủ trương đúng đắn đó, đúng là không có trong sách vở của chủ nghĩa Mác.

Cuộc đấu tranh chống Đặng, Mao, Tạ, Cổ triển khai lúc đó được bắt đầu từ cái gọi là "sự kiện Tầm Ô". Tháng 11-1932 trong cuộc đấu tranh chống "vây quét" lần thứ tư, bọn quân phiệt Quảng Đông thừa lúc phương diện quân 1 đỏ tác chiến ở tuyến phía Bắc, lực lượng ở phía nam khu căn cứ cách mạng Trung ương có sơ hở, nên chúng tổ chức tiến công lớn vào khu Hội Xương, Tầm Ô, An Viễn. Mũi tiến công Tầm Ô của địch đã chiếm được hầu như toàn bộ huyện Tầm Ô, bao gồm cả huyện lỵ Tầm Ô. Đặng Tiểu Bình gặp biến không sợ, nhưng căn cứ vào tình hình lực lượng giữa ta và địch chênh nhau quá lớn, đã kịp thời tổ chức rút lui, tránh cho quần chúng và lực lượng cách mạng khỏi bị tổn thất nặng nề. Nhưng Trung ương Cục cho rằng cách làm đó của Bí thư huyện uỷ trung tâm Hội, Tầm, An là trái với đường lối tiến công của Đảng, phạm sai lầm theo "đường lối phòng thủ thuần tuý", là "chủ nghĩa chạy trốn rút lui hữu khuynh nhục nhã". Và hạ tuần tháng 3, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của trung ương Cục,

đã triệu tập hội nghị những phần tử tích cực trong Đảng của 3 huyện Hội - Tầm - An, để phê phán Đặng Tiểu Bình. Hội nghị nêu lên "Phải kiên quyết đả kích sự lãnh đạo cơ hội chủ nghĩa do Đặng Tiểu Bình đứng đầu".

Trước những cuộc "đấu tranh tàn khốc, đả kích tàn nhẫn" đó, Đặng Tiểu Bình không chịu khuất phục, không chịu lùi bước một chút nào trước những vấn đề nguyên tắc, giương cao ngọn cờ đấu tranh chống bọn bè phái "tả" khuynh. Trong bản "kiểm điểm" của mình, ông nêu rất nhiều sự thực để chứng minh tính đúng đắn các chủ trương của Mao Trạch Đông. Đồng thời ông cũng chỉ thẳng ra rằng trong tình hình trước mắt, cần phải nhận rõ thế nào là chủ nghĩa cơ hội, thế nào là chủ nghĩa phiêu lưu, thế nào là đường lối tiến công của chủ nghĩa Mác. Phải làm rõ những vấn đề đó, phải tìm ra câu trả lời trong thực tiễn, chứ không phải đánh trận trên giấy. Bản "kiểm điểm " như thế, tất sẽ dẫn đến những phê bình nặng nề hơn. Những người theo đường lối "tả" khuynh, đã viết bài đăng trên tạp chí "Đấu tranh" - cơ quan của trung ương Cục, chỉ trích Đặng Tiểu Bình "vẫn đứng trên quan điểm cơ hội", "Đặng Tiểu Bình trong bản kiểm điểm dài, không hề có một chữ nào phê bình bản thân phải chịu trách nhiệm đối với đường lối phòng thủ thuần tuý", lệnh cho Đặng Tiểu Bình phải lập tức viết bản kiểm thảo với Đảng, triệt để thành khẩn nói hết "toàn bộ đường lối cơ hội, quan niệm bè phái thậm chí nêu những hành động bè phái ra".

Đặng Tiểu Bình "thà gãy không chịu cong", vẫn kiên trì quan điểm cũ, viết bản "kiểm điểm" thứ hai.

"Kiểm điểm " như vậy, rõ ràng không làm vừa lòng những người lãnh đạo "tả" khuynh, họ lại lệnh cho Đặng Tiểu Bình phải nộp cho Đảng một bản kiểm thảo "ra trò".

Đặng Tiểu Bình một lần nữa lại trình bày: "Hai bản kiểm điểm mà tôi đã nộp lên hoàn toàn là sự thật. Nhớ lại lịch sử, tôi cho rằng tất cả những việc mà bản thân đã làm, là có trách nhiệm với sự nghiệp của Đảng, có trách nhiệm với cách mạng Trung Quốc..."

Đặng Tiểu Bình cuối cùng đã bị cách chức và bị "kỷ luật cảnh cáo nghiêm trọng".

Đặng Tiểu Bình và một số người khác khi bị đấu tranh phê phán, cuối cùng bị

kỷ luật cách chức, trước sau vẫn kiên trì chân lý, kiên trì chủ trương đúng đắn, không hề khuất phục và chịu nhịn nhục, kiên trì làm việc cho Đảng, là vì nguyên nhân gì?

Đó là do họ kiên định tin theo chủ nghĩa cộng sản, nhưng lòng tin đó của họ khác xa một trời một vực với lòng tin của những kẻ giáo điều đối với chủ nghĩa Mác, tin rằng chủ nghĩa Mác cần phải kết hợp với thực tiễn cách mạng cụ thể mới giải quyết được vấn đề của cách mạng Trung Quốc. Đặc biệt là Đặng Tiểu Bình đã từng học tại Đại học Trung Sơn Mátxcơva, lại không phụ hoạ với đường lối "tả" khuynh của Vương Minh cũng học tại Đại học Trung Sơn Mátxcơva, càng chứng tỏ sự tỉnh táo về nhận thức, kiên định về lập trường của Đặng Tiểu Bình.

Đối với Đặng Tiểu Bình, chủ nghĩa Mác mà ông tin theo "Phải có hiệu quả tác dụng".

Chính vì ông ủng hộ chủ trương đúng đắn của Mao Trạch Đông, nên sau này ông mới được Mao Trạch Đông tin dùng và coi trọng. Mấy chục năm sau, trong "cách mạng văn hoá" ông bị đánh đổ, Mao Trạch Đông vẫn coi ông khác với Lưu Thiếu Kỳ, về sau vẫn sử dụng ông, điều này không tách rời với việc lúc đó ông thuộc "Phái Mao" thi hành đường lối đúng đắn.

II. Bị thiệt hại bởi chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh

Tin vào tư tưởng Mao Trạch Đông, ủng hộ sự lãnh đạo đúng đắn của Mao Trạch Đông, đó là điều mà rất nhiều người đã so sánh suy ngẫm kỹ sau khi thất bại, đổ vỡ mới xác định được. Họ đã tổng kết một cách sâu sắc bài học thất bại, biết rút ra kinh nghiệm từ những bài học thất bại, biết hành xử đúng đắn với những đổ vỡ, đó là cơ sở tư tưởng kiên trì chủ nghĩa Mác chân chính của họ.

Đặng Tiểu Bình nếu không tổng kết sâu sắc bài học của quân đoàn 7 đỏ chiến đấu di chuyển mấy ngàn dặm, nếu bản thân không trải bao đau khổ khi chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh chỉ đạo cách mạng, làm cho cách mạng rơi vào cảnh khó khăn nguy hiểm bị động chịu đòn, thì không thể có thái độ kiên định kiên quyết ủng hộ chủ trương đúng đắn của Mao Trạch Đông trong thời kỳ ở khu Xô viết Trung ương sau này.

Ngày 11-12-1929, Đặng Tiểu Bình được Trung ương Đảng Cộng sản Trung

Quốc phái đến Quảng Tây xây dựng khu căn cứ cách mạng, đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bách Sắc nổi tiếng, thành lập quân đoàn 7 đỏ, Trung ương bổ nhiệm Đặng Tiểu Bình làm chính uỷ quân đoàn 7 đỏ, Trương Vân Dật làm quân đoàn trưởng. Ngày l-2-1930, bùng nổ cuộc khởi nghĩa Long Châu, thành lập quân đoàn 8 đỏ. Đặng Tiểu Bình giữ chức chính uỷ quân đoàn 8 đỏ. Sau cuộc khởi nghĩa Bách Sắc và khởi nghĩa Long Châu, hình thành khu căn cứ cách mạng Tả Hữu Giang gồm hơn 20 huyện, dân số hơn 1 triệu người, là một trong những căn cứ cách mạng được chú ý trong toàn quốc. Căn cứ vào bổ nhiệm của trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình giữ chức tổng chính uỷ quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ. Lúc đó Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc hết sức khẳng định ý nghĩa quan trọng của cuộc khởi nghĩa Tả Hữu Giang - Quảng Tây, cho rằng: "là một cuộc binh biến có tổ chức nhất, có ý thức nhất trong phạm vi toàn quốc". Quân đoàn 7 đỏ tuy xuất hiện nơi Quảng Tây vắng vẻ, nhưng không hề giảm thấp ý nghĩa và tác dụng vĩ đại của nó. Đúng thế, cuộc khởi nghĩa Bách Sắc do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo đã tạo được ảnh hưởng to lớn. Đội ngũ Hồng quân trong quá trình chiến đấu với quân đội Quốc dân Đảng tuy có bị một số thất bại, nhưng về mặt quân sự vẫn giành được một loạt thắng lợi, đồng thời triển khai cách mạng ruộng đất ở khu căn cứ cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, thể hiện một cảnh tượng sôi nổi sống động. Quân đoàn 7 đỏ sau cuộc chỉnh huấn Bình Mã, chất lượng chính trị và chất lượng quân sự được nâng cao rõ rệt. Do cuộc cách mạng ruộng đất ở căn cứ địa trên dải đất Bình Mã cơ bản hoàn thành, quảng đại nông dân nghèo khổ đã vùng lên làm chủ ruộng đất, kích động mạnh tới nhiệt tình cách mạng, nông dân sôi nổi yêu cầu tham gia Hồng quân và đội Xích vệ. Mấy ngàn nông dân ghi tên tham gia quân đội, quân đoàn 7 đỏ từ ba trung đội trước đây mở rộng thành bốn trung đội, toàn quân đoàn phát triển thành hơn 8.000 người, xuất hiện cục diện tốt đẹp chưa từng thấy.

Đương lúc đơn vị bộ đội này phát triển sôi nổi, khí thế hừng hực, rất muốn thử sức một phen, đón chào cuộc chiến đấu mới, mở ra cục diện mới thì cuối tháng 9-1930, Đặng Bạt Kỳ (tức Đặng Cương) được Trung ương "tả" khuynh của Lý Lập Tam phái đến Bình Mã, nơi đóng quân của quân đoàn đỏ Quảng Tây. Ngày 2- 10-1930 triệu tập hội nghị Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ, truyền

đạt nghị quyết "Cao trào cách mạng mới và thắng lợi trước hết ở một tỉnh hoặc mấy tỉnh" của Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc do Lý Lập Tam chủ trì ngày 11 tháng 6-1930, lệnh cho quân đoàn 7 đỏ rời khỏi khu Tả Hữu Giang, phát triển sang phía Đông, đánh chiếm Liễu Châu, Quế Tâm, xây dựng khu căn cứ cách mạng tại vùng tiểu Bắc Giang, ngăn chặn bọn quân phiệt Việt (Quảng Đông), Quế (Quảng Tây), không cho chúng có thể tăng viện được một tên lính lên phía Bắc, bảo đảm cho sự thắng lợi đầu tiên của một tỉnh và vài tỉnh. Vũ Hán làm trung tâm, để hoàn thành cuộc cách mạng Nam Trung Quốc. Chiến thuật thực hiện nhiệm vụ là tập trung đánh công sự vững chắc, dọc đường phải tạo ra những cuộc bạo động ở địa phương. Ngoài việc bố trí công tác quân sự, Đặng Cương còn truyền đạt ý kiến phê phán chính sách ruộng đất ở khu căn cứ Hữu Giang - Quảng Tây của trung ương Lý lập Tam, nói chính sách ruộng đất mà Đặc uỷ Hữu Giang tiến hành là đường lối phú nông hữu khuynh. Nội dung truyền đạt của hội nghị là đường lối phiêu lưu "tả" khuynh Lý Lập Tam. Bố trí công tác cho quân đoàn 7 đỏ là một phần của chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh Lý Lập Tam. Căn cứ vào đường lối phiêu lưu "tả" khuynh đó, Trung ương đề ra một loạt kế hoạch khởi nghĩa vũ trang ở các thành thị trọng tâm toàn quốc với trung tâm là Vũ Hán, và hạ lệnh cho Hồng quân Công nông toàn quốc tiến công các thành thị trọng tâm. Trung ương mệnh lệnh: đại quân đoàn 3 đỏ tiến đánh Vũ Hán; đại quân đoàn 1 đỏ tiến công Nam Xương, Hữu Giang, để chiếm lấy toàn bộ tỉnh Giang Tây; đại quân đoàn 2 đỏ phối hợp tiến công Vũ Hán và Trường Sa; quân đoàn 1 đỏ cắt đứt con đường Nam Kinh - Vũ Hán để tiến công Vũ Hán; quân đoàn 10 đỏ tiến công Hữu Giang; quân đoàn 7 đỏ tiến công Liễu Châu, Quế Lâm; cuối cùng đánh chiếm Quảng Châu. Cuối cùng thực thiện kế hoạch phiêu lưu "Hội quân tại Vũ Hán, cho ngựa uống nước Trường Giang". Để bảo đảm quán triệt chấp hành tổng sách lược phiêu lưu của Lý Lập Tam, Trung ương Đảng còn cử nhiều đặc phái viên đến các khu Xô viết và Hồng quân để chỉ huy và đôn đốc.

Đặng Cương là một đặc phái viên được phái đến lần này.

Hạ tuần tháng 9, trước hội nghị Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ do Đặng Cương triệu tập, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã họp hội nghị

toàn thể Trung ương 3 khoá 6. Hội nghị đã phê phán sai lầm phiêu lưu "tả" khuynh của Lý Lập Tam, kết thúc sự thống trị Trung ương của chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh Lý Lập Tam. Nhưng do nhiều nguyên nhân, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc mất liên lạc với Hồng quân Quảng Tây, nghị quyết của hội nghị Trung ương 3 khoá 6 không truyền đạt tới quân đoàn 7 đỏ. Đặng Cương vẫn truyền đạt tinh thần của nghị quyết Trung ương ngày 11 tháng 6. Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ vẫn thảo luận nghị quyết này.

Căn cứ vào tinh thần truyền đạt của Đặng Cương, Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ quyết định, trừ một sư đoàn để lại khu Hữu Giang giữ vững đấu tranh, còn hai sư đoàn khác tiến lên phía Bắc, hành động theo hướng Hà Trì.

Ngày 4 tháng 10, bộ đội chủ lực của quân đoàn 7 đỏ hơn 7.000 người uy phong, rầm rộ, trang bị đầy đủ kéo lên phía Bắc, bắt đầu chiến đấu di chuyển gian khổ mấy ngàn dặm giữa 3 tỉnh Quế (Quảng Tây), Tương (Hồ Nam), Cán (Giang Tây), nhưng trước mắt họ là biết bao chướng ngại không thể vượt qua, họ sẽ phải đánh một loạt trận chiến đấu không thể giành được thắng lợi, họ sẽ gặp phải những nỗi dày vò thất bại và khó khăn gian khổ hết sức to lớn.

Đối với việc Trung ương bố trí nhiệm vụ cho quân đoàn 7 đỏ, Đặng Tiểu Bình cũng có những ý kiến khác. Ngày 10 tháng 10 tại Đại hội đại biểu đảng viên toàn quân đoàn do Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ chủ trì, Đặng Cương kiên trì tuân theo đường lối Lý Lập Tam, bắt quân đoàn 7 đỏ phải đánh Liễu Châu. Tham mưu trưởng, chủ nhiệm chính trị quân đoàn 7 đỏ đều ủng hộ chủ trương này. Nhưng Đặng Tiểu Bình lại có ý kiến khác.

Đương nhiên, khi nghe thấy đại biểu trung ương truyền đạt tinh thần cách mạng của cách mạng toàn quốc đã tới cao trào, đúng là Đặng Tiểu Bình rất vui mừng là một đảng viên cộng sản đã tham gia cách mạng hơn 10 năm, sao không mong đợi cao trào cách mạng? Nhưng tình hình lực lượng so sánh giữa ta và địch và kinh nghiệm thực tế lãnh đạo quân đoàn 7 đỏ chiến đấu với địch, khiến ông phải đặc biệt tỉnh táo. Quảng Tây lúc đó đã bị bọn Quế Lý Tông Nhân, Bạch Sùng Hy khôi phục sự thống trị, quân đoàn 7 đỏ tuy có mở được khu căn cứ ở vùng Hữu Giang, đội ngũ có lớn lên, nhưng quân lực cũng chỉ có mấy ngàn người, so sánh với lực lượng quân Quốc dân Đảng thì rõ ràng ở vào thế yếu. Cho

dù đánh Bách Sắc cũng đã rất khó, muốn đánh lấy Quế Lâm, Liễu Châu, thậm chí thành phố lớn như Quảng Châu đều không nắm chắc phần thắng. Nhưng kế hoạch tiến công Liễu Châu theo chỉ thị của trung ương phải chấp hành. Vậy phải làm sao đây?

Đặng Tiểu Bình đưa ra một phương án riết trung đánh Quế Lâm trước, sau đó đánh Liễu Châu. Nhưng Đặng Cương vẫn kiên trì đường lối Lý Lập Tam, giữ ý kiến tiến công Liễu Châu trước.

Kết quả đúng là đánh Liễu Châu bị thất bại, trên đường tiến quân Liễu Châu, chủ lực của quân đoàn 7 đỏ đánh vào thị trấn Trường An có công sự vững chắc, hoả lực dày đặc, không chiếm được còn bị thương vong mấy trăm người. Sau đó bỏ kế hoạch đánh Liễu Châu, đổi sang đánh Quế Lâm, trên đường vu hồi qua Hồ Nam tiến công Quế Lâm, quân đoàn 7 đỏ tiến công Vũ Cương Hồ Nam không được, lại quay về Quảng Tây đánh vào Toàn Châu. Lúc này bộ đội đã tổn thất quá nửa, tinh thần thất bại trong binh sĩ rất nặng nề, lính đảo ngũ cũng rất nhiều, thời tiết đã sang đông, bộ đội vẫn không có quần áo lương thực bổ sung, trong hoàn cảnh khó khăn đó, Đặng Tiểu Bình phản đối kế hoạch đánh Quế Lâm, ý kiến này mới được đa số chấp nhận. Lúc này Đặng Cương đã rời quân đoàn 7 đỏ về báo cáo công tác với trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc mới kết thúc được sự chỉ huy của đường lối Lý Lập Tam đối với quân đoàn 7 đỏ.

Đặng Tiểu Bình chỉ huy quân đoàn chuyển sang chiến đấu ở những nơi Đạo Huyện, Giang Hoa, Quế Lĩnh, Liên Huyện, Lạc Xương, Vĩnh Tân, Sùng Nghĩa của Hồ Nam. Ngày 10-2-1931 đánh chiếm được huyện lỵ Sùng Nghĩa. Sau đó tiến về tỉnh Cương Sơn. Tháng 2 năm đó, sau khi sắp xếp công việc, Đặng Tiểu Bình về Trung ương báo cáo công tác của quân đoàn 7 đỏ.

Tháng 9 năm 1930 rời Hữu Giang - Quảng Tây, tháng 7 năm 1931 đến được thị trấn đầu cầu huyện Hưng Quốc, hội hợp với Hồng quân trung ương, trong thời gian 10 tháng đó quân đoàn 7 đỏ đã chiến đấu di chuyển trong 4 tỉnh Quảng Tây, Hồ Nam, Quảng Đông, Giang Tây, anh dũng đập tan các cuộc vây đuổi chặn đánh của địch, chiến thắng bao gian nguy, cuối cùng thực hiện được nguyện vọng hội hợp được với Hồng quân của Chu Đức, Mao Trạch Đông. Nhưng trong khoảng thời gian mấy tháng ngắn ngủi đó từ tháng 9-1930 đến

tháng 1-1931, quân đoàn 7 đỏ phải chiến đấu di chuyển hàng ngàn dặm, không những mất khu căn cứ cách mạng, mà binh lực cũng giảm mất một phần ba. Quân đoàn 7 đỏ đã bị tổn thất nặng nề biết bao. Đường lối "tả" khuynh của Lý Lập Tam một thời nhiễu loạn công tác của đơn vị bộ đội này, nhưng sau khi Đặng Cương đi khỏi, Đặng Tiểu Bình đã lãnh đạo quân đoàn tiến hành đấu tranh gian khổ, tuyệt vời, đúng như đánh giá trong cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - cha tôi": "Lịch sử của quân đoàn

7 đỏ là một lịch sử bi hùng, là một lịch sử chiến đấu oanh liệt".

"Trong đó có những chương chói sáng, có những chương cao khúc khải hoàn, và cũng có những trang thất bại bi thảm hùng tráng".

Đặng Tiểu Bình sau khi về đến Thương Hải đã viết một bản "Báo cáo công tác của quân đoàn 7" dài tới một vạn sáu, bảy ngàn chữ.

Đó là một bản báo cáo đầy tinh thần thực sự cầu thị, trong báo cáo Đặng Tiểu Bình đã tổng kết một cách khách quan những bài học và kinh nghiệm của công tác quân đoàn 7 đỏ.

Viết đến đây chúng tôi vẫn muốn nhắc bạn đọc hãy chú ý đến tuổi tác của Đặng Tiểu Bình, lúc đó ông còn chưa tròn 27 tuổi. Cũng có nghĩa là khi ông nhận sứ mệnh của trung ương đến Quảng Tây công tác, mới có 26 tuổi. 26 tuổi đã trở thành Tổng chính uỷ quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ, 26 tuổi đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bách Sắc được mọi người chú ý, 26 tuổi đã phải đối mặt với cục diện phức tạp khó khăn như thế, 26 tuổi đã phải chịu nhẫn nhục gánh vác nhiệm vụ nặng nề, phải chấp hành đường lối sai lầm của trung ương Lý Lập Tam tiến công các thành thị lớn, lại phải biểu lộ ý kiến không đồng ý của mình.

Chúng tôi còn nghĩ rằng, tuy có rất nhiều nhân tố không thể so sánh được, nhưng vẫn phải hỏi: Lúc đó cũng có hàng ngàn vạn thanh niên 26 tuổi, họ là gì? Và bây giờ hàng ngàn vạn thanh niên 26 tuổi làm gì?

Tuy khi đến Thượng Hải Đặng Tiểu Bình chưa tròn 27 tuổi, nhưng từ báo cáo mà ông gửi lên Trung ương, chúng tôi thấy con người Đặng Tiểu Bình như sau:

Ông dám đối mặt với và vấp, ông suy tính sâu sắc, dám thừa nhận thiếu sót, dám chịu trách nhiệm, không tranh công đổ lỗi.

Hãy thử nghĩ, ông có thể hoàn toàn đổ hết những sai lầm và thất bại từ khi di chuyển khỏi Quảng Tây cho Đặng Cương, những kẻ chấp hành theo chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh, nhưng Đặng Tiểu Bình không làm thế, trên thực tế những kẻ chỉ huy theo đường lối sai lầm "tả" khuynh đúng là đã gây nên những tổn thất và ảnh hưởng to lớn đến quân đoàn 7 đỏ. Nhưng Đặng Tiểu Bình không đặt nó vào vị trí thứ nhất hoặc thứ nhì, mà để vào vị trí thứ ba. Không phải là ông không căm ghét đường lối "tả" khuynh. Ông đã tẩy chay nó. Ngay từ đầu ông đã có ý kiến khác. Nhưng chủ yếu là ông đứng trên góc độ nhận chân kiểm điểm rút kinh nghiệm để nhìn nhận sai lầm. Chúng ta không thể không thán phục thái độ chân thành của nhà lãnh đạo trẻ tuổi đối với sai lầm và thất bại.

Công việc lãnh đạo quân đoàn 7 đỏ đối với Đặng Tiểu Bình là một sự rèn giũa cực lớn, không những làm tăng khả năng lãnh đạo đấu tranh quân sự, nhận thức sâu sắc được vấp váp sai lầm và mối nguy hại to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh, mà tất cả đều trở thành của cải quý báu của cuộc đời ông.

Trong những năm tháng sau này, ông kiên quyết ủng hộ đường lối và chủ trương đúng đắn của Mao Trạch Đông, khiến bị mọi người quy cho là "Phái Mao", đó chính là kết quả ông đã tổng kết đúng đắn những thất bại và bài học kinh nghiệm.

Người con gái đã từng hỏi Đặng Tiểu Bình: "Khi Trường chinh bố đã làm những việc gì?"

Đặng Tiểu Bình chỉ nói: "Cùng đi theo".

Với bài thơ "Trường chinh" 56 chữ, Mao Trạch Đông đã khái quát một cách sâu sắc cuộc Trường trinh đầu tiên ghi trong lịch sử được gọi là "Bản tuyên ngôn", "Đội tuyên truyền", "Máy gieo hạt":

Hồng quân há sợ viễn chinh nan, Trăm núi ngàn sông chỉ là nhàn Ngũ Lĩnh gập ghềnh vùng sóng lặng, Ô Mông hừng hực đất viên tròn.

Kim Sa sóng vỗ vào vách đứng, Đại Độ cầu dây sắt vắt ngang.

Vui sướng Mân Sơn ngàn dặm tuyết, Ba quân vượt hết vẫn cười vang.

Bài thơ đã hết sức ca tụng tinh thần trường chinh anh dũng kiên cường của

Hồng quân công nông Trung Quốc, cũng thể hiện khí phách anh hùng và tình cảm lãng mạn của nhà chính trị, nhà quân sự, nhà chiến lược vĩ đại.

"Đi theo", chỉ mấy chữ đó đã bao hàm nội dung phong phú biết bao. Trong thời gian đầu cuộc Trường chinh của Hồng quân, Đặng Tiểu Bình giữ chức thư ký trưởng Tổng bộ chính trị Hồng quân, chủ biên báo "Sao Đỏ", trước hội nghị Tuân Nghĩa; ông giữ chức thư ký trưởng trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, và tham dự hội nghị Tuân Nghĩa với danh nghĩa này. Sau này ông còn giữ chức Trưởng ban tuyên truyền chính trị đại quân đoàn 1 đỏ. Trong thời kỳ này Đặng Tiểu Bình chưa phải là nhà quyết sách có quyền quyết định. Trước hội nghị Tuân Nghĩa, Đặng Tiểu Bình cũng bị đường lối "tả" khuynh chèn ép, nên lúc đó ông bị động "đi theo", nhưng sau hội nghị Tuân Nghĩa, xác lập được địa vị lãnh đạo của Mao Trạch Đông trong toàn Đảng toàn quân, cho nên Đặng Tiểu Bình tuy vẫn là "đi theo", nhưng không giống với những lần trước bị động "đi theo" mà là chủ động "đi theo", vui vẻ tình nguyện "đi theo", sáng mắt sáng lòng "đi theo", hết sức tin tưởng "đi theo".

Việc "đi theo" lúc này chứng tỏ thái độ chính trị nhất quán của ông là: đối với chủ trương chính trị đúng đắn mà mình tin theo, thì phải kiên định "đi theo".

Nói thế có căn cứ không? Có.

Khi ở khu Xô viết Trung ương, Đặng Tiểu Bình cũng giống như Mao Trạch Đông, bị đường lối "tả" khuynh chèn ép, đồng thời bị coi là đầu sỏ "Phái Mao", từng bị đấu.

Năm 1933, Trung ương theo đường lối sai lầm "tả" khuynh triển khai cuộc đấu tranh chống "đường lối La Minh" ở Phúc Kiến, tiếp theo đó là cuộc đấu tranh chống Đặng (Tiểu Bình), Mao (Trạch Đông), Tạ, (Duy Tuấn), Cổ (Bách) ở Giang Tây, trên thực tế giống như Bác Cổ sau này nói: "Khu Xô viết chống đường lối La Minh, thực tế là chống đường lối, tác phong đúng đắn của Mao, Chủ tịch khu Xô viết. Cuộc đấu tranh này mở rộng ra toàn khu Xô viết Trung ương, có đường lối La Minh của Phúc Kiến, đường lối La Minh của Giang Tây, đường lối La Minh của Mãn Cán, đường lối La Minh của Tương - Cán v.v.... Tình hình lúc đó có thể nói là: "giáo điều có công, khâm sai kẻ xấu nắm quyền; đúng đắn có tội, hữu khuynh khắp mọi nơi.

Trong giờ phút nguy cấp là cuộc: "vây quét" lần thứ năm vào khu Xô viết Trung ương do Tưởng Giới Thạch phát động, Bác Cổ và một số người chiếm địa vị lãnh đạo Trung ương, vẫn thực hiện đường lối sai lầm "tả" khuynh của Vương Minh, chèn ép Mao Trạch Đông ra ngoài cương vị lãnh đạo Trung ương và quân sự.

Bọn Vương Minh tại sao lại phản đối và chèn ép Mao Trạch Đông? Đúng như trong cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" đã viết: "Thứ nhất, vì về mặt những phương châm chính sách lớn, Mao Trạch Đông không tán thành chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh, đặc biệt là về đường lối quân sự và chính sách ruộng đất. Thứ hai vì Hồng quân trung ương và khu Xô viết Trung ương do Mao Trạch Đông lãnh đạo xây dựng, Mao Trạch Đông có uy tín rất cao trong Đảng và quân đội ở khu Xô viết, giới lãnh đạo sai lầm "tả" khuynh muốn thực hiện triệt để chủ nghĩa phiêu lưu của họ, tất phải loại bỏ vật cản đó về mặt tư tưởng và tổ chức; tục ngữ có câu đánh rắn phải đánh dập đầu, nên trước hết họ phải giành lấy quyền của Mao Trạch Đông trong Đảng và trong Hồng quân, khiến Mao Trạch Đông không còn chân đứng, sau đó từng bước kiểm soát được quyền lãnh đạo Đảng, Chính, Quân của khu Xô viết Trung ương".

Khi Mao Trạch Đông bị chèn ép, tình cảnh của Đặng Tiểu Bình cũng rất xấu.

Trước đây đã nói, Trung ương theo đường lối "tả" khuynh - Vương Minh lúc đó đang phê phán đường lối La Minh, phê Đặng, Mao, Tạ, Cổ, nhưng thực ra "ý người say không phải do rượu", mũi nhọn của họ là nhắm vào Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình và một số người vì thực sự tán thành cách làm của Mao Trạch Đông, mà trên những vấn đề đúng hay sai lớn như thế họ lại không chịu nhường bước một tí nào với trung ương "tả" khuynh, lại còn giương cao ngọn cờ tẩy chay và đấu tranh. Sau khi bị phê phán. Đặng Tiểu Bình còn bị xử lý kỷ luật tổ chức nặng nề, bị cách chức, bị tước súng trước mặt quần chúng, bị phái đi Nam Thôn thuộc huyện Lạc An làm tuần tra viên, thực tế là lao động cải tạo.

Thời gian ở đó, cơm ăn không đủ no, thậm chí phải nhờ người nhắn tin với Thái Xướng, gửi cho ít thức ăn, Đặng Tiểu Bình đã từng lừng lẫy một thời, đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bách Sắc, là Tổng chính uỷ quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ, thống lĩnh gần vạn binh sĩ, lại từng làm thư ký trưởng trung ương Đảng

Cộng sản Trung Quốc ở Thượng Hải, đã từng là nhà lãnh đạo tài ba, lăn lộn trong máu lửa mà Trung ương "tả" khuynh lại để ông đi làm tuần tra viên ở một thôn. Ông không hề có một chút ý nghĩ rời bỏ cách mạng, cũng không hề dao động niềm tin của mình, tuy bị đối xử không công bằng, vẫn nhẫn nhục chịu đựng, vẫn trước sau kiên trì chủ trương đúng đắn, kiên trì chân lý, ở lại hàng ngũ cách mạng, không so đo danh dự địa vị, làm việc cách mạng vì Đảng. Điều đó cần phải có một niềm tin sắt đá, một tinh thần ngoan cường biết bao?

Về sau khi đồng chí Vương Gia Tường muốn điều Đặng Tiểu Bình về làm quyền thư ký trưởng tổng bộ chính trị quân uỷ Trung ương vẫn bị cá biệt lãnh đạo Trung ương lâm thời ra sức ngăn cản.

Hiện nay chúng ta không có cách nào biết được diễn biến tâm trạng cụ thể của Đặng Tiểu Bình trước thời kỳ Hồng quân trường chinh và trước hội nghị Tuân Nghĩa . Nhưng có thể khẳng định rằng, là một người đã từng bị hại bởi đường lối sai lầm "tả" khuynh, là người chứng kiến những tổn thất to lớn do đường lối "tả" khuynh gây ra với Đảng, với cách mạng, với Hồng quân với khu Xô viết, nhất định trong lòng ông phản đối sai lầm của đường lối phòng thủ đơn thuần về quân sự và hốt hoảng tháo chạy của Bác Cổ, Lý Đức. Trong cuốn "La Vĩnh Hằng truyện" có ghi chép, thời kỳ Trường chinh Đặng Tiểu Bình và La Vĩnh Hằng rong cương cùng bước, khi nghỉ ngơi cùng ngồi trò chuyện, khi đóng quân chạm chân mà ngủ, thường cùng bàn luận về sự nguy hại do chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh gây ra cho sự nghiệp cách mạng. Do đó có thể khẳng định, trước hội nghị Tuân Nghĩa, đề tài về sự tác hại của đường lối "tả" khuynh cũng nhất định là nội dung bàn luận giữa Đặng Tiểu Bình và những người khác.

Nhưng là một đảng viên Cộng sản, đương nhiên ông phải phục tùng sự sắp xếp của tổ chức, nên dù trong lòng có cách suy nghĩ khác, nhưng vì lòng tin kiên định với sự nghiệp cộng sản, cho dù bị động ông vẫn "đi theo", ông tin rằng sau những quanh co sẽ tới ngày sáng sủa.

Tại hội nghị Tuân Nghĩa , theo đề nghị của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình giữ chức thư ký trưởng trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ông hết lòng ủng hộ tư tưởng, chủ trương đúng đắn của Mao Trạch Đông có thể được thực hiện, Đặng Tiểu Bình nghĩ sẽ có ngày hết mây lại thấy mặt trời. Sau hội nghị

Tuân Nghĩa với chức danh thư ký trưởng trung ương, Đặng Tiểu Bình đã tham dự nhiều hội nghị quan trọng của Bộ chính trị, có dịp tự lĩnh hội những điều thần diệu của nghệ thuật chỉ huy quân sự Mao Trạch Đông. Giữa tháng 4-1935 do cần tăng cường cho tiền phương và vì có tài, Đặng Tiểu Bình được điều ra tiền phương để phát huy tác dụng tốt hơn, ông được giao chức Trưởng ban tuyên truyền của bộ chính trị đại quân đoàn 1 đỏ.

Đặng Tiểu Bình đã dùng các loại hình thức tuyên truyền để tuyên truyền phương châm chính sách của Đảng, tuyên truyền tư tưởng chiến lược chiến thuật quân sự Mao Trạch Đông. Đại quân đoàn 1 đỏ trong thời gian Trường chinh vẫn do Lâm Bưu lãnh đạo. Đại quân đoàn 1 đỏ vốn có hơn 18.000 người, trải qua cuộc Trường chinh chỉ còn loại hai, ba ngàn chiến sĩ. Lúc đó Đặng Tiểu Bình làm nhiệm vụ tuyên truyền cho đường lối đúng đắn của Mao Trạch Đông. Huống hồ, sau hội nghị Tuân Nghĩa, vẫn có một thời Lâm Bưu chống lại sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông đối với Hồng quân.

Sau hội nghị Tuân Nghĩa , Lâm Bưu vẫn oán trách Hồng quân toàn "đi đường cánh cung", chủ trương "đi đường dây cung", đi đường tắt. Lâm Bưu công kích Mao Trạch Đông, nói "Như vậy là làm gục bộ đội, cứ chỉ huy lãnh đạo như Mao Trạch Đông liệu có được không?" Lâm Bưu còn gọi điện thoại cho Bành Đức Hoài: Lãnh đạo bây giờ không ra sao, đồng chí phải đứng ra chỉ huy thôi. Cứ thế này sẽ có ngày thất bại. Chúng tôi phục tùng sự lãnh đạo của đồng chí, đồng chí ra lệnh, chúng tôi đi theo đồng chí." Bành Đức Hoài đã dứt khoát không đồng ý. Lâm Bưu còn viết thư cho đoàn ba người" yêu cầu Chu Đức, Mao Trạch Đông phải hạ bệ.

Ngày 12 tháng 5, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tại Thiết Trường, ngoại ô Hội Lý. Tham dự hội nghị ngoài các uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị, còn có Lâm Bưu, Nhiếp Vĩnh Trăn, Bành Đức Hoài, Dương Thượng Côn, Mao Trạch Đông chủ trì hội nghị này. Tại hội nghị, Mao Trạch Đông đã phê bình gay gắt những hoạt động của Lâm Bưu, đã bác bỏ luận điệu xằng bậy "đi đường cánh cung" của Lâm Bưu, Chu Ân Lai cũng vạch trần một số hoạt động của Lâm Bưu, bảo vệ địa vị lãnh đạo của Mao Trạch Đông. Hội nghị Hội Lý đã phê bình Lâm

Bưu chống lại sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông, phê bình những sai lầm nghiêm trọng chống lại cách tác chiến cơ động, nêu rõ được phương châm tác chiến chỉ có tác chiến cơ động mới thoát được sự bao vây lớn của địch, giữ gìn được sư đoàn kết thống nhất của Đảng và Hồng quân.

Tại hội nghị Hội Lý đương nhiên Lâm Bưu còn tiếp thu sự phê bình của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai. Cho dù như thế, nhiệm vụ tuyên truyền tư tưởng quân sự đúng đắn của Mao Trạch Đông ở đơn vị mà Đặng Tiểu Bình gánh vác cũng không nhẹ nhàng.

Sau hội nghị Tuân Nghĩa , Hồng quân vừa mới vượt qua đồng cỏ, lại nảy sinh tình hình nguy cấp. Trương Quốc Đào công khai chia rẽ Đảng và Hồng quân.

Trương Quế Đào ỷ thế dưới quyền có hơn 8 vạn quân, binh lực lớn gấp mấy Phương diện quân 1 đỏ, đám dựa vào thế binh lực lớn, muốn uy hiếp trung ương, đưa ra ý kiến cải tổ Quân uỷ Trung ương và bộ tổng tư lệnh và yêu cầu được giữ chức Chủ tịch Quân uỷ, muốn chiếm quyền chỉ huy quân sự của trung ương. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã dứt khoát từ chối đòi hỏi vô lý đó, quyết định biên chế hỗn hợp hai Phương diện quân 1 và 4 thành Tả, Hữu lộ quân, tiếp tục tiến lên phía Bắc. Ngày 4 tháng 6, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập hội nghị Trung ương ở Sa Ổ, gần Mao Nhĩ Cái. Hội nghị chỉ rõ, phải tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với Hồng quân và giữ gìn đoàn kết, phải uốn nắn sai lầm hữu khuynh, bi quan thất vọng đối với tiền đồ cách mạng. Ngày 20 tháng 8, Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp tại Mao Nhĩ Cái, một lần nữa nêu lên phương châm tiến lên phía Bắc, phê bình sai lầm của Trương Quốc Đào muốn kéo Hồng quân vượt sông Hoàng Hà sang phía Tây. Nhưng khi vừa mới vượt qua được đồng cỏ. Trương Quốc Đào đã vội muốn công khai chia rẽ Đảng và Hồng quân. Trương Quốc Đào đã từ chối hội hợp với Hữu lộ quân, coi thường những khuyến cáo của trung ương, gửi điện mật cho Trần Xương Hao đang làm chính uỷ Hữu lộ quân, để kéo Hữu lộ quân xuống phía nam, âm mưu chia rẽ và gây nguy hại cho Trung ương, may bị đồng chí Diệp Kiếm Anh phát hiện báo cáo Mao Trạch Đông mới tránh được nguy hiểm.

Ngày 12 tháng 9, Bộ chính trị trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu

tập hội nghị mở rộng tại Nga Giới, ra "quyết định về sai lầm của Trương Quốc Đào", vạch rõ sai lầm chống phương châm tiến lên phía Bắc của Trương Quốc Đào, thực chất là những bất đồng có tính nguyên tắc trong phân tích tình hình chính trị và so sánh lực lượng địch ta, kêu gọi các đồng chí. Phương điện quân 4 đỏ đoàn kết xung quanh trung ương, đấu tranh với những sai lầm của Trương Quốc Đào, buộc hắn phải chấp hành phương châm tiến lên phía Bắc.

Không có gì phải nghi ngờ, Đặng Tiểu Bình đã đứng về phía ủng hộ Mao Trạch Đông để đấu tranh với đường lối sai lầm của Trương Quốc Đào. Cho nên ở đại quân đoàn 1 đỏ, nhiệm vụ truyền đạt và giải thích tinh thần của mỗi cuộc hội nghị bộ chính trị trung ương đều rơi vào Trưởng ban tuyên truyền là Đặng Tiểu Bình, dùng tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông để giáo dục và động viên cán bộ chiến sĩ, khắc phục mọi khó khăn, dũng cảm tiến lên. Nhiều đồng chí già khi nhớ lại cuộc sống trường chinh đều hết sức vui vẻ nói rằng: "chỉ cần cùng đi với Đặng Tiểu Bình là thấy hăng hái hẳn lên".

Bởi sau hội nghị Tuân Nghĩa, tinh thần của Đặng Tiểu Bình rất vui vẻ, hết sức nhiệt tình, đặc biệt hăng hái, lại nữa ông đã từng làm chính uỷ quân đoàn 7 đỏ, quyền thư ký trưởng bộ chính trị quân uỷ trung ương, đã từng giữ chức Bí thư huyện uỷ trung tâm khu Xô viết trung ương, từng làm chủ biên tờ "Báo Sao Đỏ", rất giỏi trong công tác tuyên truyền tư tưởng. Ông luôn lấy thái độ chân thành kiên quyết ủng hộ chủ trương đúng đắn của Mao Trạch Đông và tinh thần lạc quan của mình để lan truyền sang những người xung quanh, khiến họ đi theo đường lối đúng đắn của Mao Trạch Đông.

"Đi theo" đó là thái độ cơ bản của Đặng Tiểu Bình đối với tư tưởng Mao Trạch Đông trong khoảng thời gian mấy chục năm sau đó, cho mãi đến trước "cách mạng văn hoá".

Từ khi tham gia cách mạng, Đặng Tiểu Bình đã bị thiệt thòi vì bọn "tả" quá nhiều, nên nhận thức về sự nguy hại của sai lầm "tả" khuynh đối với Đảng thật hết sức sâu sắc.

Vì sai lầm của đường lối "tả" khuynh mà cuộc cách mạng của chúng ta trải qua biết bao tổn thất vốn có thể tránh được. Trong lịch sử của Đảng, Cù Thu Bạch đã phạm sai lầm "tả" khuynh.

Tiếp đó Lý Lập Tam lại phạm sai lầm phiêu lưu "tả" khuynh. Vương Minh cũng lại phạm sai lầm giáo điều "tả" khuynh.

Ngay cả đến thời kỳ cách mạng Dân chủ mới, người xưa nay vốn kiên quyết chống mấy lần sai lầm "tả" khuynh là Mao Trạch Đông đã đưa Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc từ thất bại đi đến thắng lợi, nhưng sau năm 1957, nhất là trong cuộc "đại cách mạng văn hoá" lại vẫn phạm sai lầm "tả" khuynh.

Mỗi lần sai lầm "tả" khuynh là một lần cá nhân Đặng Tiểu Bình và gia đình lại bị hại nặng và gặp những bất hạnh to lớn. Chưa nói gì đến những tổn hại do "tả" mà ông phải chịu đựng sau "cách mạng văn hoá". Chỉ riêng trong những năm 30 của thế kỷ XX, ông phải chịu đựng những tổn hại của sai lầm "tả" khuynh cũng đủ đau đớn lắm rồi.

Thời kỳ thịnh hành phiêu lưu "tả" khuynh của Lý Lập Tam, ông phải chịu đựng biết bao thất bại đổ vỡ.

Trong thời kỳ phê phán cái gọi là "Đặng, Mao, Tạ, Cổ", vợ ông cũng rời bỏ ông. Ông còn bị đưa đi lao động ở nông thôn.

Trong bộ phim tài liệu lịch sử lớn "Đặng Tiểu Bình" có cảnh Ngụy Tú Anh cán bộ khu Xô viết Trung ương thời đó nói về tình hình lao động của Đặng Tiểu Bình. Ngụy Tú Anh nói: "Tôi không biết là Đặng Tiểu Bình đang phải lao động, tôi đội mũ lá lưng đeo ba-lô, thấy ông lấy tay chỉ chỉ tôi, tôi không biết là ai đang chỉ trỏ. Tôi cứ tưởng là chỉ người phía sau tôi. Khi đến gần nghe thấy nói: Tú Anh, Tú Anh. Tôi chợt nhìn, tôi nói: Sao đồng chí lại ở đây? Ông nói: chị đến ngay tỉnh uỷ nói với chị cả Thái (tức Thái Xướng), nơi tôi đói quá, tôi đang lao động, chị không biết việc gì đến với tôi đâu. Ông nói: "Tôi về nông thôn, về nông thôn lao động mà, lao động đã mấy tháng nay, tôi không biết gì về tình hình của tỉnh uỷ. Ông nói, chị nói với chị cả Thái tôi đói quá, gửi cho tôi ít cơm ăn. Chà chà? Thật đáng thương biết bao".

Đương nhiên khách quan mà nói, sự bức hại của đường lối "tả" khuynh đối với Đặng Tiểu Bình phải chịu là "sự đấu đá tàn khốc, đả kích không thương tiếc", bị cách chức, làm gia đình ly tán, gây nỗi đau cực lớn đối với tâm hồn và thể xác, nhưng vẫn còn may mắn hơn biết bao đảng viên cộng sản và cả cán bộ cao cấp của Đảng bị chết thảm bởi đường lối sai lầm "tả" khuynh.

Chính vì có được nhận thức sâu sắc từ chính bản thân phải trải qua, nên Đặng Tiểu Bình nhiều lần nói rằng, trong lịch sử của Đảng chúng ta, luôn luôn có những thứ "tả" hoặc "hữu" ảnh hưởng đến chúng ta, mà thâm căn cố đế vẫn là cái "tả", cái "tả" trong lịch sử của Đảng chúng ta thật đáng sợ, mọi thứ tốt đẹp bỗng chốc bị chúng làm cho tan nát.

Đặng Tiểu Bình nói "hữu" có thể chôn vùi sự nghiệp của chúng ta, "tả" cũng có thể chôn vùi sự nghiệp của chúng ta. Đúng là câu danh ngôn cảnh tỉnh cho đời.

Đặng Tiểu Bình nói đối với loại vấn đề này, chúng ta phải giữ cho dầu óc tỉnh táo, như thế sẽ không phạm sai lầm lớn, khi xảy vấn đề cũng dễ sửa.

Trong quá trình tin theo chủ nghĩa Mác, Đặng Tiểu Bình lúc nào cũng chú ý ngăn chặn hai luồng tư tưởng "tả" "hữu" xâm nhập vào mình. Đặng Tiểu Bình dù đã trải qua lịch trình cách mạng suốt cả cuộc đời, cũng có phạm những sai lầm, nhưng xét cho kỹ cả cuộc đời ông, đúng là chưa hề phạm phải sai lầm "tả" và "hữu". Cả khi ông chủ trì công việc, tự mình có quyền quyết đoán, lại càng đặc biệt chú ý đề phòng xảy ra sai lầm "tả". Trung thành tin theo chủ nghĩa Mác, không phải là xem người đó đọc bao nhiêu sách của chủ nghĩa Mác, cũng không phải xem miệng người đó nói hay như thế nào. Trong lịch sử Đảng ta, những người như Vương Minh, Trần Bá Đạt là những người đã đọc biết bao sách của chủ nghĩa Mác, nhưng đúng là họ lại không phải là người Mác-xít. Lâm Bưu miệng nói rất hay, là người nói rất dễ nghe, nhưng càng không phải là Mác-xít. Người chân thành tin theo chủ nghĩa Mác phải đem những niềm tin của chủ nghĩa Mác biểu hiện vào thực tế công tác, căn cứ vào điều kiện chung lúc đó, biết dùng quan điểm lập trường của chủ nghĩa Mác đề giải quyết vấn, đề thực tế.

Thời kỳ chiến tranh kháng Nhật, muốn đoàn kết được mọi lực lượng có thể đoàn kết được trong toàn quốc, đánh bại đế quốc Nhật, Đảng ta đã thành lập Mặt trận Thống nhất yêu nước rộng rãi nhất.

Ở Sơn Tây, tháng 9 năm 1937, Bát lộ quân cùng với Diêm Tích Sơn đã thành lập Uỷ ban tổng động viên chiến trận của chiến tranh cách mạng dân tộc chiến khu 2. Khu vực hoạt động của uỷ ban này bao gồm vùng Tấn Bắc và khu địch chiếm của hai tỉnh Hoãn Viễn, Sát Cáp Nhĩ. Theo cương lĩnh công tác, nhiệm vụ

của uỷ ban tổng động viên có bảy mục là: tổ chức đoàn thể dân chúng, tổ chức đội tự vệ nhân dân, triển khai chiến tranh du kích vùng địch hậu, động viên tân binh ra mặt trận, trinh sát tình hình địch và diệt trừ Hán gian v.v... Chủ tịch Uỷ ban tổng động viên là tướng Tục Phạm Đình vị tướng yêu nước có tiếng tăm, dưới uỷ ban có người phụ trách các bộ phận, có chỗ do đảng viên cộng sản đảm nhiệm, có chỗ do Diêm Tích Sơn phái người đến. Đặng Tiểu Bình làm đại diện của Bát lộ quân.

Uỷ ban tổng động viên là một trong những hình thức thực hiện cụ thể "10 đại cương lĩnh kháng Nhật cứu quốc" của Đảng, mà cương lĩnh này là một cương lĩnh thích hợp với chủ nghĩa Mác trong thời kỳ chiến tranh kháng Nhật của Đảng. Uỷ ban tổng động viên là hình thức tốt để phát động quần chúng trong tình hình mới của Bát lộ quân, là một biện pháp tổ chức để thực hiện cương lĩnh của Đảng.

Lúc đó trong Đảng đã có tranh luận rất quyết liệt về vấn đề Uỷ ban tổng động viên triển khai công tác như thế nào. Có người không muốn hợp tác với Diêm Tích Sơn, có người không đồng ý với điều kiện hợp tác với Diêm Tích Sơn, cho rằng chúng ta đã từ bỏ nguyên tắc. Sự tồn tại của tinh thần "tả" khuynh đó, không phù hợp với thực tế của Mặt trận thống nhất dân tộc, cũng trái với điều kiện có hạn đã thoả thuận giữa hai bên hợp tác. Nếu cứ để cho tình hình này phát triển, sẽ làm tổn hại đến Mặt trận thống nhất vừa mới cùng Diêm Tích Sơn xây dựng lên, không có lợi cho việc phát triển mở rộng lực lượng kháng Nhật. Tinh thần "tả" đó đã bị Chu Ân Lai phê bình nghiêm khắc. Ngay từ khi mới thành lập Uỷ ban tổng động viên, trong tình hình ý kiến trong Đảng không thống nhất, Chu Ân Lai đã chỉ định Đặng Tiểu Bình làm đại diện Bát lộ quân tham gia, và lãnh đạo công tác Uỷ ban tổng động viên, những mong Đặng Tiểu Bình loại bỏ được những gây nhiễu "tả", nhanh chóng mở ra cục diện mới của công tác Mặt trận thống nhất tỉnh Sơn Tây.

Có thể nói Chu Ân Lai biết người biết việc. Đặng Tiểu Bình quả là không phụ lòng mong đợi đó.

Vừa mới nhận nhiệm vụ, Đặng Tiểu Bình đã nghiên cứu kĩ các văn kiện có liên quan như tuyên ngôn thành lập, cương lĩnh công tác, cương lĩnh tổ chức của

Uỷ ban tổng động viên, sau đó tiến hành khảo sát và tìm hiểu tình hình thực tế của Sơn Tây, ông đặc biệt nghiên cứu có trọng điểm quan hệ giữa Diêm Tích Sơn và Đảng Cộng sản Trung Quốc và thái độ của Diêm Tích Sơn đối với vấn đề kháng Nhật. Ông cho rằng trong tình hình đế quốc Nhật tiến công lớn vào Sơn Tây, thông qua hoạt động hợp tác công khai với Bát lộ quân, có thể Diêm Tích Sơn sẽ phản công lại bọn xâm lược Nhật Bản; xuất phát từ nghĩa khí dân tộc và tính toán đến tiền đồ, Diêm Tích Sơn có thể sẽ kháng Nhật. Cho nên ở Sơn Tây, Bát lộ quân do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo một mặt liên hợp với quân đội Quốc dân Đảng cùng kháng Nhật, mặt khác tổ chức Uỷ ban tổng động viên để đoàn kết rộng rãi nhân sĩ các giai cấp, tầng lớp, phát động rộng rãi quần chúng, xây dựng chính quyền kháng Nhật, là một phương thức hết sức có hiệu quả. Khi đối mặt với kẻ thù chung của dân tộc, cần phải có chính sách khác với "Đánh thổ hào, của ruộng đất" của thời kỳ chiến tranh cách mạng trong nước, phải huy động được lực lượng dân tộc với mức độ lớn nhất, tuyệt đối không được vin vào bất cứ lý do gì làm chia rẽ Mặt trận thống nhất kháng Nhật. Nhận thức đó của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn phù hợp với tinh thần của trung ương về việc xây dựng Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật. Đặng Tiểu Bình còn hết sức quán triệt phương châm "chỉ động viên quần chúng, không can thiệp vào chính quyền huyện (của Diêm Tích Sơn)", bố trí và lãnh đạo cụ thể công tác xây dựng tổ chức Uỷ ban tổng động viên ở hai cấp khu và thôn, tuyên truyền rộng rãi, phát động tổ chức dân chúng, tiến hành mở rộng quân đội, tổ chức xây dựng đoàn thể quần chúng và đội du kích; công việc triển khai rất có kết quả, làm nền tảng sơ bộ cho việc xây dựng chính quyền dân chủ kháng Nhật.

Khi Bát lộ quân vừa tới tiền tuyến kháng Nhật ở Sơn Tây, Diêm Tích Sơn cho rằng, Hồng quân tuy có nhiều biện pháp công tác, nhưng thực sự muốn triển khai được mọi mặt công việc của Uỷ ban tổng động viên, ít nhất cũng phải mất ba tháng. Do Bát lộ quân có quyết tâm lớn, công tác tổ chức chắc chắn, nên nhanh chóng thành lập được rất nhiều Uỷ ban tổng động viên ở các thôn trấn, tổ chức được nhiều đội du kích, Nghĩa dũng quân, nhiệt tình kháng Nhật của dân chúng lên rất cao, đã cống hiến tích cực, phối hợp hành động quân sự chống giặc Nhật. Trước cục diện rất mới bỗng nhiên xuất hiện trong thời gian có 20 ngày, Diêm Tích Sơn và đám tay chân phải kinh ngạc mà rằng: "Bát lộ quân làm việc nhanh

quá”.

Vì Uỷ ban tổng động viên các cấp là tổ chức Mặt trận thống nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhân sĩ các tầng lớp giai cấp khác, trong quá trình hoạt động khó tránh khỏi có những va chạm và mâu thuẫn, có khi phải thoả hiệp và nhượng bộ, nên tinh thần "tả" đã nảy sinh trong Đảng Cộng sản Trung Quốc ở một số địa phương, gây nhiễu đến việc phát huy tác dụng tích cực của Uỷ ban tổng động viên, có nơi không muốn hợp tác với nhân sĩ ngoài Đảng, ngay cả với nhân sĩ phái tả ngoài Đảng. Có nơi còn muốn làm như trước kia, việc của Đảng Cộng sản Trung Quốc để tự làm. Có nơi không chú ý phát huy vai trò của nhân sĩ ngoài Đảng. Có nơi còn chỉ trích quân đội của Diêm Tích Sơn thế này thế nọ v.v... Về vấn đề Uỷ ban tổng động viên, Diêm Tích Sơn vốn đã có ý nghi ngại, lo rằng phái tả ở Sơn Tây gần gũi với Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ chịu ảnh hưởng, lo dân chúng đi theo Đảng Cộng sản Trung Quốc và Bát lộ quân, nói chung là lo cơ sở thống trị Sơn Tây của hắn bị suy yếu. Sau khi có những vấn đề đó, thái độ của Diêm Tích Sơn đối với uỷ ban tổng động viên càng lạnh nhạt.

Đặng Tiểu Bình cho rằng tinh thần "tả" đó làm tổn hại đến việc quán triệt phương châm chính sách kháng Nhật của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nếu không khắc phục sẽ ảnh hưởng xấu đến công tác của Sơn Tây, cuối cùng sẽ làm suy yếu lực lượng Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật của Sơn Tây.

Để gây được sự chú ý của trung ương, Đặng Tiểu Bình đã báo cáo kịp thời cho Chu Ân Lai về tình hình mới chớm nở tinh thần "tả" khuynh này. Chu Ân Lai đại diện cho các đồng chí lãnh đạo Trung ương là Lạc Phủ, Mao Trạch Đông...

Mao Trạch Đông hết sức coi trọng, lập tức điện trả lời nêu rõ thái độ của trung ương: "Sơn Tây phải kiên trì hợp tác với Diêm, không tham gia vào bất cứ âm mưu nào lật đổ Diêm; phải theo nguyên tắc chính trị nhất định để hợp tác với Diêm và cấp dưới của Diêm, đối với nguyên tắc không được nhượng bộ, phương pháp chấp hành nguyên tắc phải hết sức khéo léo, không được gay gắt, làm chia rẽ quân Tấn (Sơn Tây)". Đặng Tiểu Bình đã kịp thời truyền đạt ý kiến của trung ương đến các Đảng viên trong Uỷ ban tổng động viên, nên đã ngăn chặn có hiệu quả tinh thần "tả" khuynh có chiều hướng lan rộng, giữ được quan hệ hợp tác với

Diêm Tích Sơn.

Cho dù sau này Thái Nguyên bị địch chiếm, Diêm Tích Sơn đã rút cán bộ của y ra khỏi tổng hội Uỷ ban tổng động viên, Đặng Tiểu Bình vẫn vận dụng hình thức của Uỷ ban tổng động viên, phát huy hết tác dụng của uỷ ban tổng động viên các cấp mở rộng thế lực kháng Nhật, tạo ra một cục diện rầm rộ mà vẫn giữ vững nguyên tắc có lý, có lợi, có kiềm chế, đấu tranh vạch trần những hành vi chạy dài, sợ địch như cọp của một số huyện trưởng phản động ở Sơn Tây, giữ vững địa vị chủ động của Đảng về mặt chính trị.

Đặng Tiểu Bình trong thời gian lãnh đạo công tác Uỷ ban tổng động viên ở Sơn Tây đã tỏ rõ được năng lực, khí phách của mình, biểu hiện sự sắc bén về chính trị.

Đương nhiên là sự cảnh giác của ông đối với biểu hiện "tả" và đã ngăn chặn thành công, đó chỉ là một cuộc thử nghiệm nhỏ của con dao mổ trâu trong suốt cuộc đời chống "tả" của ông.

Đặng Tiểu Bình không những từng chịu đựng tác phong gia trưởng của Trần Độc Tú, mà còn chịu nỗi đau xé thịt bởi những nguy hại do chủ nghĩa đầu hàng hữu khuynh của y gây ra cho cuộc đại cách mạng.

Cuộc tiếp xúc trực tiếp của Đặng Tiểu Bình với Trần Độc Tú giữa tháng 6, 7 khi cuộc đại cách mạng đang bị thất bại, khi đó Đặng Tiểu Bình làm công tác thư ký ở Trung ương, tham dự các cuộc họp của trung ương lúc đó. Có một việc Đặng Tiểu Bình nhớ rất rõ một lần Trần Độc Tú chủ trì một cuộc họp bàn về vấn đề Hà Nam. Vì Trần Độc Tú rất độc đoán, chủ trì cuộc họp cũng qua loa giản đơn, họp chưa lâu, Trần Độc Tú nói một câu "Người cày có ruộng" rồi tuyên bố giải tán, tỏ ra rất võ đoán. Sau cuộc họp bảo Đặng Tiểu Bình căn cứ vào ghi chép tại hội nghị để thảo văn kiện gửi cho tỉnh uỷ Hà Nam. Đặng Tiểu Bình lúc này mới đến Trung ương, không hiểu tình hình, không nắm được vấn đề, bản thân hội nghị lại thảo luận rất ít, nên chỉ viết được hơn 300 chữ.

Đặng Tiểu Bình cũng đã trực tiếp ăn phải quả đắng của chủ nghĩa đầu hàng hữu khuynh Trần Độc Tú. Bởi vì ông đã mềm yếu nhượng bộ, cũng vì sự chỉ đạo sai lầm của Quốc tế Cộng sản đối với một loạt vấn đề, không đám đấu tranh kiên quyết với hành vi phản cách mạng chống Cộng của bè lũ phản động Quốc dân

Đảng, Tưởng Giới Thạch, dẫn đến cái chết thê thảm của biết bao đảng viên cộng sản và quần chúng cách mạng dưới lưỡi dao của bọn phản động Tưởng Giới Thạch, khiến cuộc đại cách mạng rầm rộ bị thất bại. Sau khi Tưởng Giới Thạch phản bội, Phùng Ngọc Tường vốn có khuynh hướng tiến bộ, lúc này cũng ngả theo Tưởng Giới Thạch, giết hại Sử Khả Hiên hiệu trưởng trường quân sự Trung Sơn, còn loại bỏ đảng viên cộng sản trong quân đội của y, tập trung về Khai Phong giáo dục, hòng thay đổi tư tưởng của họ. Đối với số đảng viên cộng sản mà y mời đến trong đó có Đặng Tiểu Bình, cuối cùng cũng bị "lịch sử đưa ra khỏi khu vực" tất cả. Đặng Tiểu Bình tuy không bị giết, nhưng máu đào của hàng triệu chiến sĩ cách mạng đã để lại nỗi đau thê thảm trong lòng ông. Có lẽ ông cũng không thể ngờ rằng 10 năm sau, tuổi trẻ của Đặng Tiểu Bình tắm máu trên dãy núi Thái Hàng lại phải đối mặt với một đấu tranh chống chủ nghĩa đầu hàng hữu khuynh.

Vừng hồng chiếu rọi trời đông. Thần tự do cất cao lời ca vang

Hãy xem đây, muôn núi ngàn sông, tường đồng vách sắt Ngọn lửa kháng Nhật bùng cháy trên Thái Hàng Sơn Lửa khói bốc cao ngàn vạn trượng.

Hãy nghe đây, tiếng mẹ gọi con đánh Nhật, vợ tiễn chồng ra chiến trường.

Chúng ta trên núi Thái Hàng, Chúng ta trên núi Thái Hàng, Núi cao rừng thẳm.

Binh hùng ngựa mạnh, dù địch tiến công từ đâu đến

Chúng ta tiêu diệt chúng ngay!

Bài ca kháng Nhật với khí hừng hực đó thực sự đã hát lên niềm tin tất thắng áp đảo kẻ địch của Bát lộ quân và nhân dân núi Thái Hàng. Đảng Cộng sản, Bát lộ quân đúng là "tường đồng vách sắt" chặn đứng giặc Nhật. Nhưng trong chiến tranh kháng Nhật, vị khâm sai đại thần Vương Minh từ Mátxcơva quay về, lại chắp tay dâng quyền lãnh đạo chiến tranh kháng Nhật cho Quốc dân Đảng.

Sở dĩ Bát lộ quân đưa ra lời kêu gọi đó vì ngày 8-11-1937, Thái Nguyên thất thủ, đánh dấu cuộc chiến tranh chính quy với chủ thể là quân đội Quốc dân Đảng Hoa Bắc đã kết thúc, bước vào giai đoạn mới là chiến tranh du kích do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đứng vào thời điểm bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược đó, Đặng Tiểu Bình được phái đến núi Thái Hàng nhận chức mới.

Núi Thái Hàng sừng sững trên vùng Hoa Bắc, từ Bắc xuống Nam kéo dài hơn 700 km, xuyên suốt biên giới 3 tỉnh Tấn (Sơn Tây), Ký (Hà Bắc), Dự (Hà Nam). Mặt phía tây là vùng núi cao nguyên núi đồi ngang dọc của Sơn Tây, mặt phía đông là cánh đồng lớn Hoa Bắc nhìn không thấy bờ, rộng rãi phì nhiêu của Hà Bắc, Hà Nam. Núi Thái Hàng với thế núi cao hiểm trở, dễ thủ khó công, vốn là nơi giành giật của quân sự. Lưu Bá Thừa đã dẫn sư đoàn 129 đến núi Thái Hàng triển khai chiến tranh du kích kháng Nhật, đứng chân vững chắc ở vùng núi, từng bước phát triển xuống đồng bằng.

Cuối năm 1937 trước khi Đặng Tiểu Bình nhận chức mới, Đảng Cộng sản Trung Quốc đương bị luồng tư tưởng sai lầm hữu khuynh gây nhiễu.

Tư tưởng sai lầm hữu khuynh này chủ yếu là từ Vương Minh.

Sau khi bắt đầu cuộc kháng chiến, Quốc dân Đảng đã thay đổi chính sách trước đây đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc và lực lượng cách mạng do Đảng lãnh đạo. Trước đây lấy trấn áp quân sự là chính, bây giờ chuyển thành một mặt là liên cộng, mặt khác là hạn chế cộng, hoà tan cộng, chống cộng, tức là phải lợi dụng, lại phải làm suy yếu và hạn chế. Thậm chí dùng cách thăng quan phát tài, rượu, gái hưởng lạc để hủ hoá cán bộ của Đảng Cộng sản. Một số ít người trong Đảng có nhận thức mơ hồ đối với bản chất của Quốc dân Đảng, có người không muốn tiếp tục cuộc sống đấu tranh gian khổ; sau khi Hồng quân thành Bát lộ quân, có người không muốn ép nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thậm chí lấy làm vinh dự khi nhận sự bổ nhiệm của Quốc dân Đảng; có người trong Mặt trận thống nhất nhân nhượng chiều theo ý Quốc dân Đảng; có người không dám đấu tranh kiên quyết với những hoạt động phá hoại của đặc vụ Quốc dân Đảng tại khu căn cứ v.v... Tóm lại trong Đảng bắt đầu nhen nhóm khuynh hướng hữu khuynh.

Ngày 29-11-1937, Vương Minh với vòng hào quang chói mắt trên đầu "Đại diện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Quốc tế Cộng sản, Uỷ viên chấp hành, Uỷ viên đoàn chủ tịch và Bí thư dự khuyết Quốc tế Cộng sản từ Mátxcơva về tới Diên An, rêu rao nhiệm vụ về nước lần này là truyền đạt chỉ thị của Quốc tế Cộng sản và Xtalin. Tại hội nghị bộ chính trị được triệu tập ngày 9-12-1937, Vương Minh làm một báo cáo rất dài "Làm thế nào để tiếp tục cuộc

kháng chiến toàn quốc và giành kháng chiến thắng lợi?". Trong ngày 10 tháng 9 của cuộc họp lại phát biểu lần thứ hai. Vương Minh đã phát biểu một số ý kiến đúng đắn về vấn đề kiên trì liên hiệp với Quốc dân Đảng kháng chiến, nhưng về vấn đề củng cố và mở rộng Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật lại đưa ra một loạt chủ trương hữu khuynh.

Ông ta chỉ trích hội nghị Lạc Dương, công khai xoá bỏ những bất đồng có tính nguyên tắc giữa đường lối kháng chiến toàn diện của Đảng Cộng sản với đường lối kháng chiến phiến diện của Quốc dân Đảng, hoàn toàn đặt hy vọng kháng chiến thắng lợi vào tay chính phủ và quân đội Quốc dân Đảng.

Ông ta cho rằng Quốc dân Đảng là người lãnh đạo, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật.

Ông ta phủ nhận nguyên tắc độc lập, tự chủ trong Mặt trận thống nhất dân tộc kháng Nhật, chủ trương "mọi việc phải thông qua Mặt trận thống nhất," chủ trương quân đội phải thống nhất chỉ huy, thống nhất kỷ luật, thống nhất vũ trang, thống nhất cung cấp, thống nhất kế hoạch tác chiến.

Ông ta phản đối việc phát động quần chúng và vũ trang quần chúng, nhấn mạnh chiến tranh chính quy, coi nhẹ chiến tranh du kích, ảo tưởng dựa vào quân đội Quốc dân Đảng để chiến thắng quân Nhật.

Còn một điều làm mọi người không thể chịu đựng, là chưa thảo luận thông qua Trung ương, Vương Minh đã tự ý mình phát biểu "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với thời cuộc", trong "tuyên ngôn" đó ông ta tiếp tục đưa ra chủ trương hữu khuynh của ông ta, gây rối loạn trong công tác của Đảng, bởi vì một số quan điểm của Vương Minh lúc đó xuất hiện với dạng chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, càng làm cho nhiều đồng chí như bị nút trong hồ lô. Đặng Tiểu Bình - con người đã từng trải qua thất bại của cuộc đại cách mạng lần thứ nhất thật không thể hiểu nổi và rất không tán thành một loạt quan điểm đó của Vương Minh. Ông cùng Bành Chân tìm đến Lưu Thiếu Kỳ, Uỷ viên bộ chính trị nêu lên thắc mắc đối với chủ trương của Vương Minh. Đặng Tiểu Bình nói, bài học đau đớn nhất của cuộc đại cách mạng bị thất bại năm 1927 là Đảng ta đã từ bỏ quyền lãnh đạo, không có quân của mình, tình hình hiện nay lẽ nào ta lại ngồi nhìn diễn lại bi kịch cách mạng? Ông và Bành Chân mang tâm tư lo lắng đó nói

với Nhiệm Bật Thời quan điểm của mình, được Nhiệm Bật Thời rất ủng hộ. Đến tối, Lưu Bá Thừa, Bành Chân cùng đến nơi ở của Đặng Tiểu Bình, thảo luận vấn đề này, nghiên cứu xem quay về phải làm gì? Đặng Tiểu Bình đã nói quan điểm và cách nghĩ của mình. Ông cho rằng, những ý kiến mà Vương Minh đem từ nước ngoài về không phù hợp với thực tế kháng chiến hiện nay của Trung Quốc, tách rời khỏi tình hình cụ thể, nói suông về Mặt trận Thống nhất, không có lợi cho cuộc kháng chiến, Vương Minh đã đặt hy vọng cuộc kháng chiến chủ yếu dựa vào quân đội Quốc dân Đảng, nhất định sẽ bị thất bại. Tại hội nghị Lạc Xuyên, Mao Trạch Đông đã nói, phải kéo Quốc dân Đảng lên tới mức cao của 10 cương lĩnh lớn kháng Nhật cứu quốc và kháng chiến toàn diện theo chủ trương của Đảng Cộng sản. Cho nên trong kháng chiến Đảng Cộng sản phải có khí phách lao vào không nhường bước, chủ động dũng cảm gánh lấy trách nhiệm lãnh đạo kháng chiến, dùng đường lối kháng chiến toàn diện của chúng ta để ảnh hưởng tới Quốc dân Đảng, kéo Quốc dân Đảng đi theo. Nếu không có dũng khí lao vào không nhường bước, thì không có chỗ đứng chân trong vùng địch hậu, thì cũng không thể độc lập tự chủ triển khai chiến tranh du kích ở vùng địch hậu, tạo ra được khu căn cứ vững chắc. Đó là chủ trương của Đặng Tiểu Bình được đưa ra sau khi đã suy nghĩ rất kỹ, căn cứ vào tư tưởng của Mao Trạch Đông, hợp với tình hình thực tế của khu căn cứ cách mạng núi Thái Bàng. Chủ trương của Đặng Tiểu Bình được Lưu Bá Thừa và Hành Chân hoàn toàn tán thành. Đặng Tiểu Bình khi giữ chức chính uỷ sư đoàn 129 liền dựa vào tinh thần chỉ thị của Mao Trạch Đông và những suy nghĩ của mình trong công tác, bắt tay bố trí trọng điểm công tác mới, lấy công tác thực tế chống chọi lại quan điểm sai lầm hữu khuynh của Vương Minh.

Dưới sự lãnh đạo của Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình, Từ Hướng Tiền, quyết định rứt ba đại đội bộ binh, một đại đội súng máy, và một đại đội kỵ binh từ trung đoàn 769, lữ đoàn 385, thành lập trung đội Đông tiến, tháng 1-1938 tiến vào vùng Ký Nam. Ngày 28 tháng 1 lấy một số cán bộ từ giáo đạo đoàn (trung đoàn huấn luyện) của Sư đoàn làm cốt cán, thành lập Liên đội du kích của Sư đoàn. Ngày 9 tháng 2 lại lấy hơn 30 cán bộ của giáo đạo đoàn phối hợp với Đảng ở địa phương thành lập chi đội phái đi trước của Sư đoàn.

Ngày 17 tháng 2 lấy một đại đội bộ binh của trung đoàn 771 lữ đoàn 386 và một số cán bộ của giáo đạo đoàn làm cơ sở, thành lập chi đội du kích độc lập của sư đoàn 129. Công tác ở vùng Ký Nam đã nhanh chóng tạo ra được cục diện mới.

Vương Minh nói: "Chiến tranh du kích không thể chiến thắng địch".

Mao Trạch Đông nói, sau khi Thượng Hải, Thái Nguyên bị rơi vào tay địch, "ở Hoa Bắc, cuộc chiến tranh chính quy lấy Quốc dân Đảng làm chủ thể đã kết thúc, cuộc chiến tranh du kích với Đảng Cộng sản làm chủ thể đã trở thành địa vị chủ yếu".

Một loạt biện pháp ở Sư đoàn 129 của Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình chính là quán triệt tinh thần chỉ thị của Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình lúc này không còn là Đặng Tiểu Bình của 10 năm trước. Sự hiểu biết về chủ nghĩa Mác của ông đã sâu sắc hơn nhiều, cũng kiên định hơn nhiều. Cho dù lúc đó Vương Minh giương chiêu bài Quốc tế Cộng sản, chiêu bài Xtalin và Đimitơrốp nhưng chiêu bài đó không phải là đại diện thực sự cho lãnh đạo của chủ nghĩa Mác. Còn Đặng Tiểu Bình lại căn cứ vào so sánh lực lượng giữa ta với địch và xu thế phát triển của chiến cuộc, lại kiên quyết quán triệt tư tưởng đúng đắn của Mao Trạch Đông. Cũng chính vì thế ông mới có thể tỉnh táo và kiên quyết chống chọi với các loại tư tưởng sai lầm phi Mác-xít. Như Đặng Tiểu Bình đã nói: cả cuộc đời ông không hề bị sự xâm nhập của những tư tưởng khác lạ nào.

Trong khi mạnh tay phái bộ đội đi hoạt động, triển khai chiến tranh du kích, sư đoàn bộ sư đoàn 129 cùng với tỉnh uỷ triệu tập một loạt hội nghị, căn cứ vào những chỉ thị có liên quan của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Trạch Đông, thống nhất tư tưởng, bố trí toàn diện công tác của vùng núi Thái Hàng. Chủ yếu nhấn mạnh phải nhanh chóng mở ra cục diện công tác mới ở khu vực Tấn (Sơn Tây), Ký (Hà Bắc), Dư (Hà Nam), mạnh dạn phóng tay, phát động quần chúng, xây dựng đội du kích.

Để xây dựng được khu căn cứ cách mạng vững chắc ở núi Thái Hàng, thực sự quán triệt tinh thần hội nghị Lạc Xuyên của trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trung tuần tháng 3-1938, Đặng Tiểu Bình giúp sức Bí thư tỉnh uỷ Hà Bắc lấy danh nghĩa tỉnh uỷ Ký (Hà Bắc), Dư (Hà Nam), Tấn (Sơn Tây) triệu tập hội

nghị cán bộ phụ trách của Đảng từ huyện uỷ viên trở lên của 10 huyện: Liễu Huyện, Tịch Dương, Bình Định, Hình Đài... đã sơ bộ thành lập được khu căn cứ của ba tỉnh. Quân quyền và chính quyền của mười huyện đều đã nắm trong tay Đảng Cộng sản, cho nên cuộc hội nghị này thực tế là hội nghị đầu tiên của Đảng cầm quyền trong khu căn cứ kháng Nhật Thái Hàng.

Trong chiến tranh kháng Nhật, Đặng Tiểu Bình kiên trì nguyên tắc độc lập tự chủ, mạnh mẽ, kiên trì sự lãnh đạo của Đảng, phát động quần chúng rộng rãi, tích cực phát động chiến tranh du kích, khu núi Thái Hàng đã thổi bùng lên ngọn lửa kháng Nhật. Chủ trương sai lầm của Vương Minh bị kiên quyết chặn lại ở đây.

Sự ra đời văn kiện có tính lịch sử "Nghị quyết về những vấn lịch sử từ khi thành lập nước đến nay" chứng tỏ thái độ hết sức thận trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc đánh giá những vấn đề lịch sử.

Thời gian khởi thảo văn kiện này có thể nói là dài chưa từng thấy. Từ tháng 11-1979 thành lập tổ khởi thảo, cho đến tháng 8-Số người được trưng cầu ý kiến tham gia thảo luận cũng nhiều chưa từng thấy: đầu tháng 10-1980, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổ chức 4000 cán bộ cao cấp tiến hành thảo luận bản dự thảo.

Tại đại hội 14 của Đảng, đồng chí Giang Trạch Dân đã đánh giá cao nghị quyết này, ông nói: "Hội nghị toàn thể ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 khoá 11 đã ra nghị quyết về những vấn đề lịch sử từ khi thành lập nước đến nay, đã hoàn toàn phủ định lý luận của "Đại cách mạng văn hoá" và "tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản", đồng thời kiên quyết chặn đứng luồng tư tưởng sai lầm phủ định đồng chí Mao Trạch Đông và tư tưởng Mao Trạch Đông, bảo vệ được địa vị lịch sử của dông chí Mao Trạch Đông, khẳng định vai trò chỉ đạo của tư tưởng Mao Trạch Đông. Cùng với sự phát triển của thời cuộc trong nước và sự đổi thay của thời cuộc quốc tế, ngày càng chứng tỏ dũng khí và tầm nhìn xa của Đảng khi đưa ra quyết sách trọng đại này".

Có thể tỏ rõ được dũng khí và tầm nhìn xa đó hoàn toàn nhờ vào sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình., Đặng Tiểu Bình đã dốc biết bao tâm huyết, tự mình chủ trì khởi thảo nghị quyết lịch sử quan trọng đó, chỉ riêng việc triệu tập tổ khởi thảo

nghị quyết lịch sử đó cũng tới mười mấy lần, cho rất nhiều chỉ thị quan trọng, đã có tác dụng chỉ đạo có tính quyết định để hình thành nghị quyết.

Một loạt những chỉ thị của Đặng Tiểu Bình đều xoay quanh một nội dung trung tâm;

Ngọn cờ tư tưởng của Mao Trạch Đông không thể vứt bỏ được.

Một quyết định như thế do Đặng Tiểu Bình đưa ra đúng là có sức thuyết phục rất lớn, dù rằng Đặng Tiểu Bình đã được Mao Trạch Đông tín nhiệm cao, nhưng Mao Trạch Đông cũng đã từng hai lần hạ bệ ông khỏi vũ đài chính trị, khiến ông bị phê phán và đả kích chưa từng thấy. Tuy không phải là cuộc tranh đấu cá nhân, mà là do những bất đồng về mặt tư tưởng gây nên, nhưng người thường e khó mà thoát khỏi nhân tố tình cảm ân oán cá nhân, chỉ có nhà chính trị vĩ đại như Đặng Tiểu Bình mới có thể có được tấm lòng khoan dung như thế, mới có thể đứng trên tầm cao lịch sử, trong cục diện phức tạp, vẫn kiên định đi theo tư tưởng Mao Trạch Đông.

Tình hình lúc đó là, sau hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá 11, cùng với việc triển khai toàn diện dẹp rối loạn trở lại bình thường, tiến hành trên quy mô lớn công tác sửa án oan, án giả, án sai, và giải quyết từng bước những vấn đề lịch sử để lại, thời cơ tổng kết toàn diện, thật sự những kinh nghiệm lịch sử từ sau khi thành lập nước đã chín muồi. Ngoài ra trong quá trình uốn nắn sai lầm "tả" khuynh, dẹp rối loạn trở lại bình thường những cấm kỵ mê tín cá nhân dần dần được xoá bỏ, vấn đề đánh giá lịch sử và công tội của Mao Trạch Đông đã nảy sinh sự hỗn loạn trong tư tưởng trong một số người. Có người xuất phát từ lòng căm phẫn với những nguy hại sai lầm "tả", mà đem mọi sai lầm quy vào con người Mao Trạch Đông, thậm chí giản đơn quy tội cho phẩm chất cá nhân Mao Trạch Đông. Cách nhìn nhận sai lầm đó lại bị một số rất ít người phản đối "4 nguyên tắc cơ bản" lợi dụng để phủ định sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa 30 năm qua, tạo ra một sự hỗn loạn trong tư tưởng mọi người, thậm đã có người phỉ báng đồng chí Mao Trạch Đông, trương ra những biểu ngữ phản cách mạng lớn... phải "kiên quyết triệt để phê phán Đảng Cộng sản Trung Quốc". Cho nên, đánh giá đúng đắn công tội của Mao Trạch Đông, trình bày một cách khoa học tư tưởng Mao Trạch Đông, tổng kết một cách khoa học, toàn diện

trải nghiệm lịch sử từ khi thành lập nước là công việc có ý nghĩa hiện thực cấp bách, đồng thời cũng là triệt để uốn nắn toàn bộ những sai lầm "tả", là mấu chốt để hoàn thành nhiệm vụ dẹp rối loạn trở lại bình thường.

Trong khi tổ chức cho hơn 4000 cán bộ cao cấp thảo luận bản dự thảo nghị quyết, có một số đồng chí nêu lên những ý kiến không thật chính xác, thậm chí có người còn khá cực đoan. Có người cho rằng phần tư tưởng Mao Trạch Đông dứt khoát không viết vào; có người cho rằng cuộc “đại nhảy vọt" và "cách mạng văn hoá" so với những vấn đề nảy sinh trong bất cứ một quốc gia nào thống trị bởi giai cấp bóc lột còn nghiêm trọng hơn; có người còn đề ý kiến, Mao Trạch Đông thời kỳ trước là người Mác-xít, người cộng sản, thời kỳ sau không phải có người nói sai lầm trước "cách mạng văn hoá" và sai lầm trong "cách mạng văn hoá" tất cả đều do một mình Mao Trạch Đông phải chịu trách nhiệm; có người nói sai lầm của "cách mạng văn hoá" nói đi nói lại nói đều cũng vẫn là phẩm chất của Chủ tịch Mao không tốt. Đối với những ý kiến cực đoan đó, Đặng Tiểu Bình cảm thấy vẫn phải được làm rõ.

Đó chỉ là tình hình của một mặt. Mặt khác, trong cuộc thảo luận tiêu chuẩn chân lý triển khai trong toàn quốc, những người kiên trì quan điểm "Hai phàm là" chỉ trích Đặng Tiểu Bình đã vất dao, chặt cờ, phủ định Mao Trạch Đông và tư tưởng Mao Trạch Đông.

Nước ngoài cũng cực kỳ quan tâm đến việc đánh giá Mao Trạch Đông của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Theo người nước ngoài, "Bè lũ 4 tên" đã bị hạ bệ, "Hai phàm là" đã bị cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý phê cho không còn mảnh giáp, những quan điểm ở cuối đời Mao Trạch Đông bị uốn nắn, những bản án sắt được quyết định cuối đời Mao Trạch Đông được minh oan, những điển hình được dựng lên cuối đời Mao Trạch Đông đều biến mất. Không thể đếm được có bao nhiêu tượng của Mao Trạch Đông ở khắp nơi trong toàn quốc bi dỡ bỏ, những bức tranh Mao Trạch Đông bị tháo xuống, những ngữ lục của Mao Trạch Đông bị quét đè lên. Ngày 30-7-1980 hai bức tranh lớn của Mao Trạch Đông treo tại Đại lễ đường Nhân dân từ lâu nay bị tháo xuống, hai tấm biểu ngữ có tính vĩnh cửu cũng bị dỡ bỏ, do biểu ngữ quá lớn, trong quá trình tháo dỡ phải dùng đến xe cần cẩu, xe

tải. Có nơi trong quá trình tháo dỡ tượng, do tượng được làm cực kỳ kiên cố thậm chí phải dùng đến cả thuốc nổ...

Tất cả những việc đó đương nhiên là người phương Tây và Hồng Kông, Đài Loan đều nhìn thấy.

Người phương Tây nói: Trung Quốc đương "Phi Mao hoá".

Dư luận Hồng Kông, Đài Loan thì đánh giá: "Lục địa phê Mao, thể tất phải thế"

Nếu đánh giá đúng sai công tội của người lãnh đạo tiền nhiệm là một vấn đề hết sức nhạy cảm, cũng là một vấn đề liên quan đến đại cục mà xử lý không thoả đáng, mối họa về sau vô cùng lớn, về việc này đánh giá của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với Xtaiin vẫn là tấm gương không xa.

Năm 1956, Khơrútxốp có một báo cáo bí mật tại đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20 đã làm rung động cả thế giới về việc thanh toán Xtalin. Khơrútxốp với tinh thần kích động đưa ra nhiều sự thật và những số liệu kinh người, chỉ trích Xtalin là bạo chúa, hai bàn tay nhuốm đầy máu.

Báo cáo của Khơrútxốp đã tạo nên một trận động đất chính trị lớn trong lịch sử phong trào cộng sản thế giới. Rất nhiều đảng viên trong Đảng Cộng sản các nước rút khỏi Đảng, Ba Lan xảy ra đổ máu và náo loạn, Hungari lại càng dao động toàn diện, đến khi Liên Xô phải xuất binh can thiệp, phải dùng đến xe tăng và súng mới lập lại được trật tự ở Buđapét. Lúc đó Mao Trạch Đông đã phê bình cách làm quá đáng của Khơrútxốp: "Theo tôi có hai thanh đao, một là Lênin, một là Xtalin. Bây giờ thanh đao Xtalin đã bị người Nga vất đi rồi, một số người Hungari, Gômunca đã nắm lấy thanh đao đó để giết Liên Xô, chống lại cái gọi là chủ nghĩa Xtalin. Đảng Cộng sản của nhiều quốc gia châu Âu cũng phê bình Liên Xô, lãnh tụ đó là Tôgơliátti.

Bọn đế quốc cũng vớ lấy thanh đao đó để giết người, Đa- let cũng đã múa thanh đao đó. Thanh đao đó không phải cho mượn mà là vứt đi. Trung Quốc chúng ta không vứt đi".

Người Trung Quốc đánh giá Mao Trạch Đông như thế nào, khẳng định là đã tổng kết được bài học "Phi Xtalin hóa" của Đảng Cộng sản Liên Xô. Nhà chính trị lớn nhìn xa trông rộng như Đặng Tiểu Bình, tất nhiên là không phạm sai lầm

như Khơrútxốp.

Ông không vì mấy lần bị đánh đổ, bị đấu, bị những đau khổ rất lớn, cũng như không xuất phát từ tình cảm cá nhân mà nhìn vấn đề. Đúng như Thiệu Hoa Trạch là người tham dự vào vụ việc này, sau giữ chức chủ nhiệm "Nhân dân nhật báo" có nói: "Ông xuất phát từ sự nghiệp của Đảng, từ lịch sử của chúng ta, từ thực tế của chúng ta" để nhìn nhận vấn đề này.

Chỉ cần trích một phần trong chỉ thị lúc đầu của ông cũng có thể thấy được công tâm của Đặng Tiểu Bình.

Ngày 19-3-1980, ông nói:

Ý kiến trung tâm phải là ba điều:

Thứ nhất: xác lập vị trí lịch sử của đồng chí Mao Trạch Đông, kiên trì và phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông. Đó là đều cất lõi nhất. Không những hôm nay mà cả mai sau, chúng ta đều phải giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông.

Thứ hai: Những sự kiện lớn trong lịch sử 30 năm thành lập nước, cái gì đúng, cái gì sai, phải phân tích thực sự cầu thị, bao gồm cả công tội đúng sai của một số đồng chí phụ trách, phải được đánh giá công minh.

Thứ ba: thông qua nghị quyết này làm một tổng kết cơ bản về những sự việc trước đây... Bản tổng kết này cần khái lược không cần chi tiết. Tổng kết những việc đã qua là để hướng dẫn mọi người đoàn kết nhất trí nhìn lên phía trước.

Sáng ngày 1-4-1980, Đặng Tiểu Bình còn nhấn mạnh:

Trong nghị quyết vấn đề cốt lõi nhất, căn bản nhất vẫn là kiên trì và phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông.

Ngày 25-10-1980, ông nói:

Đánh giá công tội của đồng chí Mao Trạch Đông và tư tưởng Mao Trạch Đông, có viết vào không, viết như thế nào, đúng là vấn đề hết sức quan trọng. Không nói đến tư tưởng Mao Trạch Đông, đánh giá công tội của đồng chí Mao Trạch Đông không xác định, thì không thông qua được với tầng lớp công nhân già, không thông qua được với bần nông, trung nông lớp dưới thời kỳ cải cách ruộng đất, cũng không thông qua được với đa số cán bộ có mối liên quan với họ. Ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông không thể vứt bỏ được.

Ông còn nói:

Việc đánh giá Mao Trạch Đông, diễn đạt về đồng chí Mao Trạch Đông không chỉ là vấn đề dính đến cá nhân đồng chí Mao Trạch Đông, mà nó không thể tách rời với toàn bộ lịch sử của Đảng ta, nhà nước ta...

Trong dự thảo nghị quyết, phần nói về tư tưởng Mao Trạch Đông không thể bỏ được, đó không chỉ là vấn đề lý luận, mà là vấn đề chính trị, là vấn đề chính trị rất lớn của trong nước và quốc tế.

Ngày 22-6-1981, Đặng Tiểu Bình nói về cách nhìn đối với bản dự thảo nghị quyết.

Ý tưởng của chúng ta là bản nghị quyết phải gương cao ngọn cờ vĩ đại của tư tưởng Mao Trạch Đông... tôi cho rằng bản dự thảo này có thể thực hiện được yêu cầu đó.

Đối với việc đánh giá tư tưởng Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình đã làm được khách quan công minh, vừa loại bỏ được một loạt những quan điểm sai lầm do Mao Trạch Đông đề ra trong năm cuối đời, vừa kiên trì được tư tưởng Mao Trạch Đông.

Muốn cho toàn Đảng có được sự tin theo kiên định, trước hết bản thân phải có được sự tin theo kiên định. Đặng Tiểu Bình tuy đã qua mấy lần bão táp đấu tranh chính trị, lắm nỗi gian nan, nhưng đối với tư tưởng Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình vẫn một lòng son sắt. Sự nghiệp cải cách mở cửa Trung Quốc do ông lãnh đạo, có một điểm gốc là ổn định được lòng tin của toàn Đảng đối với tư tưởng Mao Trạch Đông.

Trong một khoảng thời gian trước kỳ hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá 11 của Đảng, toàn quốc sôi nổi trào dâng làn sóng giải phóng tư tưởng. Các loại tư tưởng bao lâu nay bị đè nén bởi tư tưởng "tả", như núi lửa bùng phát, thiêu đốt con người, diễn ra một cảnh tượng mới sôi động tư tưởng chưa từng thấy.

Có người kêu gọi cần minh oan cho các án oan, án giả, án sai do "đại cách mạng văn hoá" gây ra, có người cho rằng cần phải đánh đổ tư tưởng chỉ đạo "Hai phàm là", tổng kết đúng đắn "đại cách mạng văn hoá", đánh giá và đối xử đúng đắn với những sai lầm cuối đời Mao trạch Đông, hiểu biết một cách hoàn chỉnh

đúng đắn tư tưởng Mao mạch Đông.

Đó là dòng chính trong giới tư tưởng, giới lý luận lúc đó.

Nhưng lúc đó cũng xuất hiện hiện tượng không thể xem thường.

Có người "giải phóng" tư tưởng tới mức không hạn chế, Đảng Cộng sản không phải đã nêu phải dẹp rối loạn trở lại bình thường đó sao? Thế là họ đưa khẩu hiệu đó ra để thổi phồng sai lầm một cách cực đoan, phủ định sự lãnh đạo của Đảng, phủ định chế độ xã hội chủ nghĩa, phủ định vai trò chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, phủ định vị trí lịch sử của Mao Trạch Đông.

Đã xuất hiện một số tổ chức phi pháp, một số người trong bọn họ nêu lên những khẩu hiệu kinh khủng, nào là "chống đói nghèo", "chống bức hại", "đòi nhân quyền", "đòi dân chủ", kích động đập phá cơ quan Đảng, chính quyền, xuất bản ấn phẩm bí mật, móc nối khắp nơi trong toàn quốc, và còn cấu kết với các thế lực thù địch ngoài nước. Có tổ chức phi pháp "Tổ nhân quyền Trung Quốc", dán báo chữ lớn yêu cầu tổng thống Mỹ "quan tâm đến nhân quyền ở Trung Quốc", có một tổ chức gọi là "Giải đống xã" công nhiên nêu lên "Phế bỏ tư tưởng Mao Trạch Đông", "loại bỏ đấu tranh giai cấp, cách mạng bạo lực và chuyên chính dưới mọi hình thức", "xây dựng nhà nước mới lấy học thuyết Tôn Văn làm cất lõi". Ở Thượng Hải có "Hội thảo luận dân chủ" có người lớn tiếng bôi nhọ Mao Trạch Đông, căng những biểu ngữ lớn, nói nguồn gốc của vạn điều ác là chuyên chính vô sản". Có người còn công khai chủ trương "Trung Quốc cần phải thực hiện chủ nghĩa tư bản". "Hội xúc tiếp dân chủ" ở Thượng Hải đã dán biểu ngữ trên đường phố công kích Mao Trạch Đông. Những thế lực này kích động vào quan hệ quần chúng với Đảng, tụ tập đông người gây rối, cản trở giao thông, phá hoại nghiêm trọng trật tự xã hội.

Đối với luồng tư tưởng xuất hiện do sự o ép của trào lưu giải phóng tư tưởng, có người không đủ khả năng phân biệt, không thấy được hậu quả nặng nề nếu cứ buông thả cho nó phát triển, những người lương thiện lại sợ làm tiêu tan mất không khí dân chủ khó có này, có người lại cho rằng đã là giải phóng tư tưởng, thì những hiện tượng này đều có thể không cần quản? Nghiêm trọng hơn nữa là có một số ít đồng chí trong Đảng còn trực tiếp hoặc gián tiếp ủng hộ luồng tư

tưởng phủ định sự lãnh đạo của Đảng, phủ định chủ nghĩa xã hội.

Một số tư tưởng nói trên thậm chí còn có biểu hiện trong một số đồng chí tham dự hội nghị thảo luận về lý luận chính trị. Hội nghị thảo luận lý luận chính trị là một hội nghị quan trọng của trung ương Đảng, họp từ 18 tháng 1 đến 3 tháng 4 năm 1979, hội nghị đã phê bình gay gắt tư tưởng "hai phàm là", thảo luận kỹ về một loạt vấn đề lý luận. Nhưng tại hội nghị này, phát biểu của một số đồng chí lại tỏ ra ngả theo và ủng hộ một số luồng tư tưởng sai lầm trong xã hội.

Có người nói: "Bây giờ cần cảnh giác không phải là khuynh hướng giải phóng tư tưởng quá mức, dân chủ quá mức, càng không phải là một lần chống “hữu” mới". Những thứ "tả" còn phê chưa đủ mức, nếu nêu lên chống “hữu” sẽ làm ảnh hưởng đến phê "tả", ảnh hưởng đến giải phóng tư tưởng, thậm chí có thể còn đi vòng trở lại, cái gọi là "hữu" hiện nay nhất thiết không nên coi như là một khuynh hướng quá đáng mà chống nó, còn cá biệt có một số việc làm quá mức, nên dựa vào công tác thực tế để hướng dẫn là được rồi. Đối với loại vấn đề này, tư tưởng phải giữ được tỉnh táo, nhưng về mặt tuyên truyền lý luận, không cần thiết phải nêu lên như một loại khuynh hướng để phản đối".

Có người nói: "Cho dù trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, dân chủ cũng phải dựa vào nhân dân tự giành lấy, phải dựa vào việc đập tan sự chống đối của những kẻ quan liêu. Những kẻ cơ hội, đập tan sự đè nén của chủ nghĩa quan liêu, tập trung quyền lực quá mức, mới có thể thực hiện được. Vấn đề dân chủ nhất định không thể dựa vào sự ban ơn của ai". "Vấn đề chính hiện nay là dân chủ còn chưa được phát huy đầy đủ, chứ không phải quá nhiều, không phải là phải uốn nắn".

Có người nói: "Bức tường dân chủ ở Tây Đơn là việc tốt, cần phải nói đó là cái mốc dân chủ xã hội". Trung ương cần phải tỏ thái độ ủng hộ bức tường dân chủ?

Thậm chí cá biệt còn kiến nghị, cần mở một mục bức tường dân chủ trên báo, để chọn đăng một số bài báo chữ lớn.

Có người còn nói: Vậy thế nào gọi là hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa, ai có thể giải thích được rõ? Tại sao lại phải dán cái mác giai cấp", "chủ nghĩa" cho hiện đại hoá.

Còn có người cho rằng "Không có Mao Chủ tịch không có Trung Quốc mới". "Đánh giá công tích của Mao Chủ tịch như thế nào cũng không quá lời". Hai câu này nói quá đáng.

Trước tình hình đó có nên mạnh đạn đứng ra phát biểu? Có sợ bị người ta công kích là lại bắt đầu "tả"? Cứ để cho luồng tư tưởng đó phát triển, sẽ xảy ra hậu quả như thế nào, liệu có ảnh hưởng đến việc triển khai sâu rộng phong trào giải phóng tư tưởng? Những nhà chính trị cần phải suy nghĩ thật kỹ trước một loạt vấn đề như thế.

Đối với tình thế lúc đó, Đặng Tiểu Bình hết sức quan tâm, ông nhạy bén phát hiện tính chất nghiêm trọng của vấn đề, nên lập tức phát biểu ý kiến, giương cao ngọn cờ phải kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, trong đó có nguyên tắc thứ tư là kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông.

Trước cục diện phức tạp, ông lại một lần nữa tỏ rõ lòng kiên định tin theo chủ nghĩa Mác của một đảng viên cộng sản già. Còn những người chống chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông, ngoài một số người có dụng ý khác, có người cũng tự xưng là tín đồ của chủ nghĩa Mác cũng đã từng trải qua thử thách trong cuộc đấu tranh, nhưng trong điều kiện lịch sử mới, họ không thể phân biệt được sự khác nhau giữa cái "tả" với chủ nghĩa Mác, tư tưởng Mao Trạch Đông. Đem mọi cái "tả" quy hết tội cho tư tưởng chỉ đạo của Đảng nên sinh ra nhận thức mơ hồ, tư tưởng sai lầm.

Trong bài nói chuyện nổi tiếng "Kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản" của Đặng Tiểu Bình, ông đã chỉ ra có một số rất ít người, họ hoặc công nhiên phản đối nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, hoặc miệng nói ủng hộ chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng lại phản đối tư tưởng Mao Trạch Đông được sinh ra do sự kết hợp giữa chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn của cách mạng Trung Quốc. Chúng ta cần phải phản đối tất cả những luồng tư tưởng sai lầm đó".

Chính vì có một số người nêu lên luận điệu, chỉ ủng hộ "tư tưởng Mao Trạch Đông đúng đắn", không ủng hộ "tư tưởng Mao Trạch Đông sai lầm", Đặng Tiểu Bình đã chỉ rõ "Cách nói đó cũng sai lầm", sau đó nêu lên phải kiên trì nguyên tắc như thế nào, đó là "Chúng ta phải kiên trì và phải coi nguyên tắc cơ bản của

chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông là kim chỉ nam cho hành động của chúng ta, hoặc nói hệ thống khoa học là do những nguyên tắc cơ bản đó tạo nên. Còn với một vài luận đoán cá biệt, thì dù là Mác-Lênin và đồng chí Mao Trạch Đông đều không tránh khỏi có sai sót. Nhưng đó đều không phải là hệ thống khoa học được tạo nên dưới những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông".

Đặng Tiểu Bình chỉ rõ "Tư tưởng Mao Trạch Đông trước kia là ngọn cờ của cách mạng Trung Quốc, sau này sẽ vĩnh viễn là ngọn cờ của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa Trung Quốc và sự nghiệp chống bá quyền, chúng ta sẽ vĩnh viễn giương cao ngọn cờ tư tưởng Mao Trạch Đông tiến lên".

Trên con đường chinh chiến cải cách mở cửa do Đặng Tiểu Bình khai phá, mỗi khi có vấp váp, Đặng Tiểu Bình tất sẽ nói phải kiên định theo chủ nghĩa Mác, tất sẽ nói kiên trì lý tưởng cộng sản.

Trong học tập thực tiễn khoa học của chủ nghĩa Mác, suốt cuộc đời của mình, ông đã rút ra được kết luận đó là không thể vứt bỏ chủ nghĩa Mác, không được vứt bỏ cụ tổ.

Ngày 2-9-1986 ông tiếp phóng viên Mỹ Maicơ Vaiaisơ, Vaiaisơ hỏi: ...Ngài từng nói, ngài phải sống tới 100 tuổi sau đó có thể đi gặp Mác, đến lúc đó, ngồi cạnh Mác có thể là Mao Trạch Đông, họ có thể nói những gì với ngài?

Đặng Tiểu Bình đáp: Tôi là một người mác-xít. Tôi luôn tuân theo nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác, còn một từ nữa là chủ nghĩa cộng sản. Chúng tôi trước kia đi làm cách mạng, giành thiên hạ, thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là vì có được lòng tin ấy, có được lý tưởng ấy. Chúng tôi có lý tưởng đem những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác kết hợp với thực tế Trung Quốc. Chúng tôi bây giờ làm hiện đại hoá, mọi người thường quên mất là hiện đại hoá kiểu gì, là hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa. Đó chính là việc mà chúng tôi làm hiện này.

Cho dù sau này ông đã nghỉ hưu, ông vẫn luôn nhắc nhở mọi người:

"Chúng ta cải cách mở cửa, phải đặt trọng tâm công tác vào việc xây dựng kinh tế, không được vứt bỏ Mác, không vứt bỏ Lênin, cũng không vứt bỏ Mao Trạch Đông, không được vứt cụ tổ đi nhé".

"Không được vứt cụ tổ đi nhé" đó là câu nói theo kinh nghiệm suốt đời của Đặng Tiểu Bình, cũng là cái vốn của thành công suốt cuộc đời của ông.

Ngày 16-5-1989, có buổi hội kiến được cả thế giới chú ý theo dõi giữa Đặng Tiểu Bình với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Chủ tịch đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô, câu nói của Đặng Tiểu Bình nói với Goócbachốp lúc đó là: "thế giới rất quan tâm đến cuộc gặp mặt của chúng ta".

Trong lần gặp mặt này, họ nói đến vấn đề chủ nghĩa xã hội. Goócbachốp nói, trước kia chúng tôi cho rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có một kiểu dạng, hiện thực đã chứng minh không phải như thế. Mấy năm nay chúng tôi phân tích vấn đề này. Chúng tôi tìm cách căn cứ vào điều kiện cụ thể của nước chúng tôi, để quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin vào cuộc sống hiện thực.

Đặng Tiểu Bình tỏ ý tán thành. Ông nói người Mác - xít Lêninnít chân chính phải dựa vào tình hình thực tế để nhận thức, kế thừa, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin. Không thể tồn tại một kiểu dạng xã hội chủ nghĩa cố định. Tình hình thế giới, bao gồm cả sự phát triển khoa học kỹ thuật, luôn luôn đổi mới theo năm tháng, không dùng quan điểm tư tưởng mới để kế thừa, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, thì không phải là chủ nghĩa Mác - Lênin chân chính. Tất cả làm theo khuôn phép cũ, chỉ có thể dẫn đến thất bại.

Lúc đó xem ra cả Goócbachốp và Đặng Tiểu Bình đều cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin phải kết hợp với hiện thực, nhưng nhìn vào kết quả thực tế lại khác nhau một trời một vực.

Sự thực chứng tỏ Goócbachốp không phải là một người Mác- xít chân chính.

Lúc đó "tư duy mới của Goócbachốp đang có tiếng trên thế giới. Thực ra cái gọi là tư duy mới của Goócbachốp chỉ là một sản phẩm của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Trong thời giữ chức, ông đã từ bỏ địa vị chủ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, ông ta đã từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, ông ta đã để mặc cho luồng tư tưởng xã hội dân chủ và luồng tư tưởng theo chủ nghĩa dân tộc phát triển tràn lan, kết quả dẫn đến sự giải thể nhanh chóng của Liên Xô, quốc gia xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới đã có 70 năm lịch sử, thật đúng là thành trì sụp đổ. Cho dù nguyên nhân Liên xô giải thể tương đối phức tạp, nhưng Goócbachốp giữ chức người lãnh đạo tối cao của Đảng và quốc gia Liên Xô, con

người nhiệt tình với chức vụ tổng thống đầu tiên của Liên Xô, cũng là vị tổng thống cuối cùng của Liên Xô, đã mang hết sức ra thực hiện "tư duy mới" phi Mác-xít thì không thể trốn tránh được trách nhiệm.

Còn Đặng Tiểu Bình không những kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, mà còn phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin tư tưởng Mao Trạch Đông, khai phá ra chân trời mới của chủ nghĩa Mác, đó là lý luận Đặng Tiểu Bình.

So sánh với các quốc gia khu vực Liên Xô trước đây, sau khi giải thể, kinh tế thụt lùi, trật tự xã hội hỗn loạn, mức sống nhân dân tụt xuống trong phe xã hội chủ nghĩa trước đây, còn Trung Quốc "Phong cảnh nơi đây vẫn đẹp". Cải cách mở cửa, thể hiện một cảnh tượng sống động sôi nổi. Trong khi phong trào cộng sản thế giới rơi vào cảnh thoái trào, trên lục địa Trung Quốc, một chủ nghĩa xã hội mang mầu sắc riêng Trung Quốc lại đang tiến bước rầm rộ. Trong lúc ở rất nhiều quốc gia xã hội chủ nghĩa, ngọn cờ chủ nghĩa Mác đổ rạp. Trong lúc chủ nghĩa Mác không còn được tôn thờ ở nhiều quốc gia, trong lúc Đảng Cộng sản ở nhiều quốc gia chuyển thành Đảng xã hội dân chủ, thì ngọn cờ vĩ đại của chủ nghĩa Mác ở Trung Quốc vẫn tung bay trước gió.

Chủ nghĩa Mác - đó chính là lý luận Đặng Tiểu Bình.

Chủ nghĩa Mác - đó không phải là chủ nghĩa Mác giáo điều, không phải là chủ nghĩa Mác cứng nhắc mà là chủ nghĩa Mác sống động.

Đặng Tiểu Bình từng nói: "Chúng ta đã nói cả một đời về chủ nghĩa Mác, thực ra chủ nghĩa Mác không có gì huyền bí. Chủ nghĩa Mác là một thứ rất thật, lý lẽ rất thật".

Lý luận Đặng Tiểu Bình rất thật, lý luận của ông công nhân hiểu được, nông dân có thể hiểu được. "Phát triển là lý luận cứng” sao lại không hiểu?" "Một nước hai chế độ" sao lại không hiểu? Lý luận Đặng Tiểu Bình không phải là chủ nghĩa Mác trong phòng đọc, mà là trong đời sống, là chủ nghĩa Mác được nhân dân đại chúng nắm vững.

Đặng Tiểu Bình nói: "Chúng ta phải đặt niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác, nhưng chủ nghĩa Mác phải kết hợp với thực tế Trung Quốc. Chỉ có chủ nghĩa Mác kết hợp với thực tế Trung Quốc mới là chủ nghĩa Mác chân chính mà

chúng ta cần.

Có thể nói rằng, chính vì Đặng Tiểu Bình tin tưởng vững chắc vào chủ nghĩa Mác, ông mới có được ý thức tự giác phát triển chủ nghĩa Mác, ông mới coi việc phát triển chủ nghĩa Mác là trách nhiệm của mình.

Ông đã nhiều lần nói thế này: "Chủ nghĩa Mác phải phát triển, tư tưởng Mao Trạch Đông cũng phải phát triển, nếu không sẽ cứng nhắc?" "Chúng ta phải khôi phục tư tưởng Mao Trạch Đông kiên trì tư tưởng Mao Trạch Đông và còn phải phát triển tư tưởng Mao Trạch Đông..."

Đặng Tiểu Bình có ý tưởng vĩ đại phát triển chủ nghĩa Mác, có trình độ và năng lực phát triển chủ nghĩa Mác, cũng có tư cách phát triển chủ nghĩa Mác.

Bởi vì ông đã làm chủ nghĩa Mác suốt một đời, lại rất hiểu và đặc biệt thông thạo tình hình cụ thể của Trung Quốc, lại là nhà chính trị lớn, đức cao vọng trọng, đặc biệt là ông có ý thức khai thác sáng tạo mạnh mẽ. Trên cơ sở nghiên cứu thấu đáo tình hình mới, những vấn đề mới của Trung Quốc và thế giới, ông đã tổng kết chính xác những kinh nghiệm lịch sử và kinh nghiệm mới, đề ra một loạt tư tưởng mới, quan điểm mới, thực hiện những đột phá và sáng tạo mới về lý luận. Hình thành một loạt tư tưởng mới, quan điểm mới có tính sáng tạo độc đáo. Đó là con người cộng sản Trung Quốc, dốc lòng vì sự nghiệp kết hợp chủ nghĩa Mác với thực tiễn cách mạng Trung Quốc, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm hai mặt đúng sai, thực hiện một cuộc nhảy vọt lần thứ hai sau những sáng tạo gian khổ. Lần nhảy vọt thứ nhất, đã sáng lập tư tưởng Mao Trạch Đông, lần nhảy vọt thứ hai sáng lập ra lý luận Đặng Tiểu Bình.

Rất nhiều người nước ngoài thấy rất rõ Đặng Tiểu Bình đã phát triển chủ nghĩa Mác.

Mác Bơraixốc người Mỹ nói: "Hiện nay trên thế giới có rất nhiều thứ được coi là thiêng liêng, nhưng con người có thể phê phán nhận biết và vận dụng linh hoạt thứ đó lại quá ít, Trung Quốc là một quốc gia xã hội chủ nghĩa lớn nhất phản đối sùng bái cá nhân. Từ đó suy ra thấy phương châm đang sử dụng hiện nay của Trung Quốc là rất có hiệu quả. Trung Quốc tiếp tục những nghiên cứu mới trong những lĩnh vực như nông nghiệp, như vậy yêu cầu các học giả nghiên cứu chủ nghĩa xã hội và cách mạng thực tiễn xã hội chủ nghĩa thấy rõ được tính

chất của nó, tiến hành tư duy có tính sáng tạo mọi khả năng tồn tại trong trường hợp các quy tắc luật lệ cấm đoán trong thực tiễn xã hội chủ nghĩa ngày càng buông lỏng.

Bôritx Goócbachốp (Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Liên Xô lúc đó là Mikhain Goócbachốp) người Nga nói: Cải cách kinh tế của Trung Quốc "là dẫn chứng đầu tiên sáng tạo của Đặng Tiểu Bình trong thực tiễn của chủ nghĩa cộng sản thế giới, đem ý thức hệ cộng sản kết hợp với nền kinh tế thị trường.

Đặng Tiểu Bình không phải là nhà kinh tế học chuyên nghiệp, nhưng tư tưởng kinh tế có tính sáng tạo độc đáo do ông đề ra không những ảnh hưởng đến vận mệnh Trung Quốc, mà còn ảnh hưởng đến thị trường quốc tế hiện đại (bao gồm thị trường phương Tây), những thành tựu về mặt này của ông đặt ông vào hàng ngũ Giôn Keânxư hoặc Mintơn Phơritman, là những người có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của những người lãnh đạo các nước trên thế giới".

Phốp Đixtốp người Nga nói, trong thời gian 10 năm sau tháng 9-1976, là một giai đoạn quan trọng trong diễn tiến lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, chính trong giai đoạn này, đã hình thành phương châm bảo đảm cho quốc gia dần dần thoát khỏi cục điện khủng hoảng và trên cơ bản thực hiện thuận lợi chính sách kinh tế xã hội mới. Bài học trung tâm trong công tác lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn là vấn đề vận dụng lý luận phổ biến của chủ nghĩa Mác vào trong hoàn cảnh cụ thể của Trung Quốc, vẫn là giải quyết có tính sáng tạo vấn đề tiến trình xây dựng xã hội chủ nghĩa của quốc gia này. Một luận điểm quan trọng trong phương pháp luận của Đặng Tiểu Bình là phải khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa sách vở đối với những tác phẩm các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác, và đối với những tác phẩm và tư tưởng của Mao Trạch Đông. Đặng Tiểu Bình cho rằng phải định ra kiểu dạng xã hội chủ nghĩa của dân tộc mình, có suy tính kỹ đến tình hình thực tế của Trung Quốc thời nay. Tư tưởng này là tư tưởng trung tâm, những bài nói của Đặng Tiểu Bình được thâu tóm trong cuốn sách nhỏ "Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc".

Đặng Tiểu Bình luôn kêu gọi phải vận dụng một cách sáng tạo với những di sản của chủ nghĩa Mác, trong đó bao gồm cả việc phát triển chủ nghĩa Mác -

Lênin trong điều kiện lịch sử mới. Ông còn cho rằng "tác phẩm của Đặng Tiểu Bình" là "Nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa xã hội mang màu sắc riêng của Trung Quốc".

Đối với Đặng Tiểu Bình, đối với sự phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, cảm nhận được sâu sắc nhất không phải là người ngoại quốc, mà là những người Trung Quốc chúng ta. Bởi vì trong lý luận của Đặng Tiểu Bình có rất nhiều điểm không có trong lý luận truyền thống mà chúng ta đã nhận được.

Đối với lý luận của Đặng Tiểu Bình, Đại hội Đảng lần thứ 14 và 15 đã khái quát và tổng kết sâu sắc. Ở đây chỉ đưa ra hai ví dụ đủ để chứng tỏ tính sáng tạo của lý luận Đặng Tiểu Bình.

Trong óc chúng ta vốn mơ hồ không rõ thế nào là chủ nghĩa xã hội. Đặng Tiểu Bình nói với chúng ta rằng: "Bản chất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng sức sản xuất, phát triển sức sản xuất, tiêu diệt bóc lột, xoá bỏ phân hoá hai cực, để cuối cùng đạt tới cùng giàu có".

Cách phân định ranh giới bản chất chủ nghĩa xã hội đó chưa hề có trong những tác phẩm của Mác, Lênin, Mác - Lênin, Mao Mạch Đông.

"Chủ nghĩa xã hội cũng có thể làm kinh tế thị trường" lại là một luật điểm làm chấn động, thức tỉnh mọi người. Trước đó, ngày 26-11-1979, trong buổi tiếp chủ tịch ban biên tập Công ty xuất bản Bách khoa toàn thư Bơriten Mỹ là Vi Kibuni và Ămxtơrông cũng đã từng nói chủ nghĩa xã hội cũng có thể làm kinh tế thị trường. Sau đó ông còn nhiều lần nói đến vấn đề này. Cho đến năm 1992 trong cuộc tuần du phía Nam đến Thâm Quyến, ông chỉ rõ "Kế hoạch nhiều một tí hay là thị trường nhiều một tí, không phải khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản". Tư tưởng này của Đặng Tiểu Bình cũng chưa hề được nhắc đến trong các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác. Tư tưởng này đã đặt nền tảng lý luận vững chắc cho Đại hội Đảng lần thứ 14, xác lập mục tiêu kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Xuđixen người Ấn Độ đề nghị trao giải thưởng Nôben cho Đặng Tiểu Bình, ông cho rằng việc tín nhiệm coi Đặng Tiểu Bình là một nhà chính trị kinh tế học đã được xác định. Đặng Tiểu Bình đã đập tan xiềng xích của chủ nghĩa không

tưởng, vận dụng kinh nghiệm và trí tuệ phong phú của mình, xây dựng nên một xã hội kiểu mới ở Trung Quốc - xã hội kiểu dạng này chính là cái mà đại đa số các quốc gia đang phát triển cần có hiện nay. Giải thưởng Nôben sẽ có hiệu quả hơn so với bất cứ các thứ khác làm cho toàn thế giới chú ý đến kiểu xã hội này, sẽ giúp cho nền kinh tế của các quốc gia đang phát triển đi vào quỹ đạo đúng. Nếu trong giải thưởng Nôben có một giải thưởng cho sự phát triển của chủ nghĩa Mác

CHƯƠNG 5

THỐNG SOÁI ĐẠI QUÂN

Ngày 4-5-1977, nguyên soái Diệp Kiếm Anh đại thọ 80 tuổi, lúc này Đặng Tiểu Bình sắp được trở lại làm việc, đã cùng phu nhân đến chúc thọ. Trong số 10 đại nguyên soái Trung Quốc lúc đó đang còn sống, trừ Lưu Bá Thừa do bị bệnh không đến được, hai vị nguyên soái còn mạnh khoẻ là Nhiếp Vĩnh Trăn, Từ Hướng Tiền cũng có mặt, ngoài ra còn có Vương Chấn và một số lão tướng quân cũng đến. Đặng Tiểu Bình vui vẻ nói: Chà! các vị lão soái đều ở đây! Diệp Kiếm Anh vội ra đón, vui vẻ nói: Đồng chí Tiểu Bình, đồng chí cũng là lão soái mà, đồng chí là người đứng đầu trong lão soái chúng tôi!"

Sau cuộc khởi nghĩa Bách Sắc, Long Châu tỉnh Quảng Tây cuối năm 1929 và đầu năm 1930, Lý Minh Thuỵ giữ chức tổng chỉ huy quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ, Đặng Tiểu Bình giữ chức tổng chính uỷ quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ kiêm Bí thư Đảng uỷ tiền phương, còn hai quân đoàn trưởng là Trương Vân Dật và Dư Tác Dự.

Khi thành lập quân đoàn 7 đỏ, quân đoàn 8 đỏ, đã có khu căn cứ tả Hữu Giang, gồm 20 huyện, dân số hơn 10 triệu người. Đối với sự phát triển của đội quân và khu căn cứ này, tháng 1- 1930 khi trở về Thượng Hải báo cáo với trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và quân uỷ Trung ương, Đặng Tiểu Bình nêu lên ý tưởng:

Về mặt chính trị, tiếp tục đi sâu làm cuộc cách mạng ruộng đất, xây dựng chính quyền cách mạng Xô viết do quần chúng trực tiếp bầu ra, xây dựng nông hội do bần nông tổ chức. Ngăn chặn việc chém giết vô mục đích, mọi mặt công tác phải hướng về quần chúng, mở rộng tuyên truyền, phát triển tổ chức công nhân, kiện toàn tổ chức Đảng địa phương.

Về mặt kinh tế, bảo hộ người buôn bán nhỏ, đánh thuế nặng nhà buôn lớn, bãi bỏ các khoản quyên góp tạp thuế, bắt giữ một số thuốc phiện, đánh nặng thuế buôn bán thuốc phiện.

Về mặt quân sự, đẩy mạnh việc nâng cao sức chiến đấu của bộ đội, xây dựng chiến thuật chiến tranh du kích, cải thiện chế độ đãi ngộ, quan binh nhất loạt bình đẳng, cải tạo quân đội, tăng cường công tác chính thị trong quân đội, giữ gìn kỷ luật Đảng, kỷ luật quân đội. Về phương hướng phát triển quân sự, bắt liên lạc với Tả Hữu Giang, phát triển về phía biên giới Hồ Nam - Quảng Đông, tạo tiền đồ hội hợp với Chu Đức, Mao Trạch Đông.

Lúc đó Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bắt đầu "tả", khi chỉ thị công tác đối với Quảng Tây, đã đề ra chủ trương không sát thực tế. "Phải phục vụ cho hai nhiệm vụ lớn của Đảng là vũ trang bảo vệ Liên Xô và chiến tranh chống quân phiệt". Trong khi thảo luận, một số người lãnh đạo Trung ương đề xuất phải phát triển sang hướng Liễu Châu, Quế Lâm, cho rằng tuyệt đối không có "một chút ảo tưởng" nào đối với Lý Minh Thụy, yêu cầu phải tăng cường đấu tranh với Lý Minh Thụy, nếu không sẽ bị Lý Minh Thuỵ bán đứng. Nhưng dưới sự chủ trì của Chu Ân Lai là bộ trưởng quân sự Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, ý tưởng đúng đắn của Đặng Tiểu Bình, đặc biệt ý tưởng về vấn đề phương hướng phát triển quân sự cơ bản là được Trung ương khẳng định. Lý Minh Thuỵ được phê chuẩn gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Ngày 7-2-19 về đến Quảng Tây đến Long Châu là nơi đóng quân của quân đoàn 8 đỏ. Lúc này chủ lực của quân đoàn 8 do quân đoàn trưởng Dư Tác Dự chỉ huy, phối hợp với quân đoàn tiến đánh Nam Ninh, quân đoàn 7 đang kịch chiến với bốn trung đoàn của Quế quân ở Long An.

Lúc này Liên quân Quế-Trương (Trương Phát Khuê) đang đánh nhau to với quân Tưởng Việt (Quảng Đông), cục diện Quảng Tây cực kỳ hỗn loạn. Cho nên ngoài ảnh hưởng của tư tưởng "tả" khuynh tình hình này cũng là một trong những nguyên nhân Hồng quân Quảng Tây quyết định tiến đánh Nam Ninh. Nhưng trong cuộc chiến tranh giữa bọn quân phiệt, binh lực tập kết của địch so với ta vẫn mạnh hơn. Lúc này ở Quảng Tây, liên quân Quế - Trương có ba quân đoàn do Trương Phát Khuê, Dương Đằng Khuy, Hoàng Thiệu Hoành (kiêm) giữ

chức quân đoàn trưởng, và do Lý Tông Nhân, Hoàng Thiệu Hoành, Bạch Sùng Hy thống nhất chỉ huy, binh lực của quân Tưởng Việt (Quảng Đông) còn lớn mạnh hơn, có chín sư đoàn và hai lữ đoàn độc lập.

Trước tình hình đó, Hồng quân vừa mới ra đời, tiến đánh bất cứ một thành phố quan trọng nào cũng đều rất nguy hiểm, huống hồ lại đánh vào tỉnh lỵ Nam Ninh. Cho nên sau khi đến Long Châu, Đặng Tiểu Bình lập tức điện khẩn cho Lý Minh Thuỵ, Trương Vân Dật, Dư Tác Dự, yêu cầu ngừng ngay việc công kích Nam Ninh.

Sau khi nhận được chỉ thị, Dư Tác Dự lập tức dẫn quân trở về Long Châu. Quân đoàn 7 đỏ sau thất bại ở trận chiến đấu Long An, chủ lực đã rút về Hậu Giang, một thời gian bị mất liên lạc.

So với quân đoàn 7 đỏ, thực lực của quân đoàn 8 đỏ yếu hơn, chỉ có hơn 2000 người, hơn 1000 khẩu súng, cơ sở của bộ đội vẫn do sĩ quan cũ nắm, còn xảy ra sự việc phản bội, thượng tuần tháng 2-1930 Hoàng Phi Hổ huyện trưởng huyện Long Tân, tư lệnh du kích chi đội 2 đã theo địch. Trước tình hình đó, Đặng Tiểu Bình một mặt nắm chắc việc cải tạo bộ đội, mặt khác yêu cầu quân đoàn 8 đỏ lập tức hội hợp với quân đoàn 7 đỏ. Và vào thượng tuần tháng 3 tự chỉ huy Trung đội 1 của quân đoàn 8 đỏ đánh chiếm Tĩnh Tây, đánh thông đường tới Tả Hữu Giang. Trong quá trình đánh Tĩnh Tây, Đặng Tiểu Bình được tin quân đoàn 7 đỏ đã mất liên lạc một thời gian vào hạ tuần tháng 3 có sự hộ tống của một đại đội, đi đến vùng đông Lan Vi, Bạt Quần, khoảng 2 tháng sau mới hội hợp được với Lý Minh Thụy, Trương Vân Dật. Sau khi Đặng Tiểu Bình dời đi không lâu, quân đoàn 8 đỏ bị quân địch bao vây tiến đánh. Dư Tác Dự hy sinh anh dũng, số còn lại hơn 300 người do tham mưu trưởng Viên Chấn Vũ chỉ huy, đến tháng 9 hội hợp được với quân đoàn 7 đỏ ở khu vực Hà Trì và nhập vào quân đoàn 7 đỏ từ đó.

Ngày 2-3-1930, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chính thức ra chỉ thị cho Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ, yêu cầu quân đoàn 7 đỏ tiến về vùng biên Tương (Hồ Nam), Việt (Quảng Đông), vào trung tâm Quảng Đông, bắt liên lạc với Hồng Quân Chu (Đức), Mao (Trạch Đông) và cuộc bạo động ở Bắc Giang, để "giành lấy tiền đồ thắng lợi trước ở một tỉnh Quảng Đông hoặc mấy

tỉnh". Do từ tháng 2 đến tháng 9 -1930 Đảng uỷ tiền phương Quảng Tây mất liên lạc với trung ương không nhận được chỉ thị này nên quân đoàn 7 đỏ có được một thời gian quý báu, tạm thời không bị nguy hại bởi đường lối "tả" khuynh.

Cuối tháng 5 đầu tháng 6-1930, sau khi hội hợp được với lãnh đạo chủ yếu và chủ lực của quân đoàn 7 đỏ, Đặng Tiểu Bình triệu tập các cuộc họp riêng với lãnh đạo và đảng viên tại khu vực Hà Trì, truyền đạt tinh thần chỉ thị tháng 1 của trung ương cơ bản đúng đắn, và quyết định đưa quân quay về Hữu Giang, lấy lại Bách Sắc, xây dựng căn cứ cách mạng. Thượng tuần tháng 6, thắng lợi lấy lại được Bách Sắc. Sau đó thừa thắng tiến lên, chiếm lại các huyện thành ven bờ Hữu Giang, khôi phục lại toàn bộ khu Xô viết ở Hữu Giang. Lúc này chủ lực của Quế quân ra khỏi tỉnh tham gia vào đại chiến Trung Nguyên, binh lực trong tỉnh rỗng không. Một thời cuộc cách mạng ở khu Xô viết Hữu Giang tiến hành rầm rộ, hơn 20 vạn quần chúng tham gia vào các tổ chức, đội xích vệ địa phương cũng phát triển tới mấy vạn người, quân đoàn 7 đỏ khi mới khởi nghĩa ở Bách Sắc khoảng 2800 người cũng được mở rộng tới 7000 người.

Trong thời gian đại chiến Trung Nguyên, Tưởng Giới Thạch ra điều kiện cho chính quyền Quảng Tây một khoản kinh phí quân sự lớn, mệnh lệnh cho Điền quân (Vân Nam) nhập Quế (Quảng Tây). Tháng 5-1930 "Lộ quân 10 đội quân dẹp phản loạn do Dư Hán làm tổng chỉ huy tiền phương đã tập kết xong ở Vân Nam, toàn quân hơn 2 vạn binh lực gồm 3 sư đoàn, 15 trung đoàn. Tháng 6, Điền quân tiến vào Quảng Tây, tháng 7 đến Nam Ninh. Quế quân thấy tình hình xấu nên tháng 7, chủ lực cũng quay về Quế Lâm, tháng 8 tập kết ở Liễu Châu. Sau đó tháng 2- 1931 đuổi toàn bộ Điền quân ra khỏi Quảng Tây.

Trước tình hình mới đó, đầu tháng 7 quân đoàn 7 đỏ chủ động rút khỏi Bách Sắc, đến vùng Bình Mã ở phía đông Bách Sắc. Dọc đường Hồng quân phục kích Điền quân trên dải Quả Hoá gần Bình Mã, bắn chết và bị thương Điền quân 5, 600 người, Hồng quân cũng thương vong hơn 200 người. Sau trận này Điền quân không còn giao chiến với Hồng quân nữa, khiến cho Hồng quân có được thời gian khoảng 3 tháng rưỡi nghỉ ngơi chỉnh đốn tại Bình Mã và khu vực Hà Trì - vùng giáp ranh Quảng Tây, Quý Châu. Trong khoảng thời gian này, Hồng quân tiến hành rầm rộ các hoạt động tại vùng đóng quân, đội ngũ từ 3 trung đội

mở rộng thành 4 trung đội, khoảng 7 ngàn đến 1 vạn người. Đặng Tiểu Bình nói, lúc này là "thời kỳ cực thịnh của quân đoàn 7 đỏ". Khi đó tình hình cách mạng trong toàn quốc cũng đã chuyển biến tốt, đến tháng 3-1930, Hồng quân toàn quốc có 13 quân đoàn, 62.000 người, đảng viên 10 vạn người.

Ngày 30-9-1930, đại điện Trung ương, nguyên Bí thư đặc uỷ Quảng Tây là Đặng Cương đến quân đoàn 7 đỏ quán triệt chỉ thị mới của trung ương, chỉ thị đó là: "Kiên quyết tiến công bọn địch Liễu Châu, Quế Lâm, phát triển sang hướng Tây Bắc Giang, Quảng Đông", sau đó đánh chiếm Quảng Châu, cuối cùng "hội quân với Đại quân đoàn 3 đỏ ở Vũ Hán, cho ngựa uống nước Trường Giang". Đúng là một chỉ thị hết sức hoang đường và ấu trĩ nực cười. Đối với quân đoàn 7 đỏ mới thành lập chưa đến một năm, tìm được một địa phương đứng chân đã hết sức khó khăn, làm sao có thể giành được Liễu Châu, Quế Lâm từ tay Quế quân, đến ngay Tưởng Giới Thạch trước sau đã dùng quân Quảng Đông, quân Vân Nam cũng không chiếm nổi?

Đặng Tiểu Bình nói, trong lòng ông lúc đó nghe được tinh thần cao trào cách mạng toàn quốc đã đến do đại diện trung ương truyền đạt, đúng là vừa mừng hết sức. Nhưng ông cũng nghĩ lúc đó quân đoàn 7 đỏ tiến đánh Bách Sắc cũng đã hết sức khó khăn, nếu đánh thành phố lớn như Quế Lâm, Liễu Châu thì không nắm chắc phần thắng. Nhưng Đặng Chương, vị "khâm sai đại thần" trẻ tuổi đang hăng đó có thái độ hết sức ương ngạnh, kiên quyết yêu cầu quân đoàn 7 đỏ "đánh vào Liễu Châu?" "đánh vào Quế Lâm!" "đánh vào Quảng Châu?", còn thành lập ra "Binh uỷ để ủng hộ ông ta, đối kháng với Đảng uỷ tiền phương do Đặng Tiểu Bình đứng đầu, và bãi miễn chức vụ Đảng uỷ viên Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ, Bí thư đặc uỷ Quảng Tây, chủ tịch Xô viết Hữu Giang của Lôi Kinh Thiên, người tỏ rõ thái độ phản đối Đặng Tiểu Bình, Trương Vân Dật cũng vì suy nghĩ phải phục tùng tổ chức để tránh sự chia rẽ trong tầng lớp lãnh đạo, nên đồng ý cho chấp hành chỉ thị của trung ương. Đó là một việc đã rồi, cũng là một loại sách lược, đó cũng là việc không thể được, ai cũng muốn không xảy ra.

Ngày 9-11-1930, đại quân 7000 người của quân đoàn 7 đỏ xuất phát từ Hà Trì đi đánh Liễu Châu, Quế Lâm.

Sang ngày thứ hai, quân đoàn 7 đỏ đánh chiếm được thị trấn nhỏ Hoài Viễn. Mục tiêu phía trước là Khánh Viễn (nay là huyện thành Nghi Sơn), Khánh Viễn là một thị trấn lớn, quân địch có nhiều quân đóng giữ. Do Đặng Tiểu Bình, Lý Minh Thuỵ kiên trì ý kiến, nên quân đoàn 7 đỏ bỏ không đánh Khánh Viễn, chuyển lên hướng Bắc, vào Tam Phòng thuộc vùng núi Đại Miêu. Trong quá trình đó có lúc cầm cự đối đầu với địch, có lúc giao chiến nhỏ với địch, thời gian mấy ngày qua đi. Sau khi đến Tam Phòng vì trời mưa lên nghỉ ngơi chỉnh đốn mấy ngày. Như vậy làm cho Đặng Cương đại diện Trung ương nổi cáu, y liên hợp với Trần Hào Nhân Đảng uỷ viên Đảng uỷ tiền phương, chủ nhiệm chính trị quân đoàn 7 đỏ. Củng Sở tham mưu trưởng quân đoàn 7 đỏ phê bình nghiêm khắc Đặng Tiểu Bình làm trái mệnh lệnh của trung ương, và triệu tập hội nghị cán bộ từ tiểu đoàn trở lên, động viên lập tức tiến đánh Liễu Châu. Tại hội nghị tranh luận rất dữ dội, nhưng phái chủ công chiếm ưu thế tuyệt đối, Đặng Tiểu Bình cảm thấy rất lo lắng. Cũng không tránh khỏi tức giận và đành xin từ chức, để Đặng Cương hoặc người khác thay vào chức vụ của ông nhưng không được chấp nhận.

Sau hội nghị ở Tam Phòng quân đoàn 7 đỏ vội vã tiến về Liễu Châu. đến thị trấn Trường An gặp phải 2 sư đoàn địch chặn đánh. Ngày 15-12-1930, chủ lực quân đoàn 7 đỏ dưới sự chỉ huy trực tiếp của Lý Minh Thuỵ tiến công Trường An, liền trong 5 ngày, làm chấn động cả Quảng Tây, Lý Tông Nhân phái Bạch Sùng Hy đến đốc chiến, và tăng viện binh 1 sư đoàn. Quân đoàn 7 đỏ chủ động rút khỏi chiến trường, thương vong mấy trăm người.

Trận chiến ở Trường An khiến quân đoàn 7 đỏ lại phải huỷ bỏ kế hoạnh đánh Liễu Châu, ngày 21 tháng 12 đánh chiếm Tuy Ninh, Hồ Nam. Lúc đó cho rằng một huyện lỵ nhỏ như Vũ Cương chỉ có bọn Dân đoàn, không có quân chính quy, rất dễ đánh chiếm, nên không bố trí như chiến dịch lớn, không ngờ tiến công liền mấy ngày không chiếm được. Sang ngày thứ tư, chuẩn bị điều chỉnh lại binh lực, thì một sư đoàn quân Hồ Nam đến tăng viện, quân đoàn 7 đỏ phải rút lui. Như vậy quân đoàn 7 đỏ không ngờ bị tử vong hơn 200 người còn hi sinh một trung đoàn trưởng. Cứ quần nhau như vậy cho đến ngày 2-1-1931, khi quân đoàn 7 đỏ tiến đánh Toàn Châu, Quảng Tây, bộ đội chỉ còn 3, 4 ngàn người, tổn

thất khoảng một nửa. Cho dù đã đến tình hình đó, trong quân đoàn 7 đỏ vẫn tranh luận quyết liệt về vấn đề "có đánh Quế Lâm hay không Bài học đau đớn khiến đa số đứng về phía Đặng Tiểu Bình, Lý Minh Thuỵ, Trương Vân Dật, Đặng Cương quay về Thượng Hải hội báo. Trần Hào Nhân sau cuộc chiến tranh cũng lủi mất, cái "Binh uỷ" do họ thành lập cũng bị xoá bỏ. Hai người này về sau vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng, một người hy sinh năm 1931, một người hy sinh năm 1940. Khi hi sinh một người mới 28 tuổi, người kia mới 33 tuổi. Họ đều vì giáo điều, xơ cứng, không hiểu biết, bị kích động nên mù quáng chấp hành đường lối phiêu lưu "tả" khuynh, khiến mọi người thấy đau lòng mà không trách cứ. Ngoài ra, ngày 30 tháng 9 Đặng Cương đến quân đoàn 7 đỏ, đến ngày 9 tháng 11 quân đoàn 7 đỏ mới xuất phát, mãi đến 15 tháng 12 mới đánh trận lớn, đánh công sự vững chắc. Điều này thể hiện nghệ thuật lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, mặt khác cũng chứng tỏ Đặng Cương cũng không thúc ép căng lắm. Nhưng có điều đặc biệt khiến hàng ngàn liệt sĩ của quân đoàn 7 đỏ khó mà nhắm mắt, và cũng là điều làm Đặng Tiểu Bình và những người khác đau đớn vô hạn là đường lối "Hội quân Vũ Hán, cho ngựa uống nước Trường Giang đã được uốn nắn tại hội nghị toàn thể ban chấp hành Trung ương lần thứ 3 khoá 6 từ tháng 9 năm 1930, nhưng vì quân đoàn 7 đỏ mất liên lạc với trung ương, nên sai lầm này phải dùng đến xương máu của mình để uốn nắn lại.

Sau khi Đặng Cương đại diện Trung ương đi rồi, quyền chỉ huy quân đoàn 7 đỏ lại trở về tay những người lãnh đạo kiên trì thực sự cầu thị như Đặng Tiểu Bình, Lý Minh Thuỵ, Trương Vân Dật. Lúc này dù họ vẫn chưa biết được tinh thần mới của trung ương, nhưng đã quyết tâm không làm việc ngu xuẩn "Hội quân Vũ hán, cho ngựa uống nước Trường Giang". Quyết định từ bỏ nhiệm vụ tiến đánh Liễu Châu, Quế Lâm, thay đổi chiến thuật cố đánh công kiên, dùng phương thức phát động quần chúng dọc đường, kết hợp với đấu tranh quân sự, đi qua phía nam Hồ Nam, Bắc Quảng Đông đến biên giới Việt (Quảng Đông), Tương (Hồ Nam), Cán (Giang Tây) hội hợp với Hồng quân Giang Tây. Như vậy trải qua nhiều trận kịch chiến và gian nguy, cuối cùng từ tháng 2-1931 đã lục tục đến được căn cứ cách mạng Giang Tây, tháng 4 hơn 2500 người ở các đơn vị của quân đoàn 7 đỏ đã thắng lợi hội quân tại Vĩnh Tân.

Quân đoàn 7 đỏ lên phía Bắc lần này, trải qua 5 tháng, chiến đấu đã chuyển qua 5 tỉnh Quý Châu, Quảng Tây, Quảng Đông, Hồ Nam, Giang Tây, hành trình một vạn hai ngàn dặm, viết lên trang sử huy hoàng trong lịch sử chiến tranh cách mạng Trung Quốc. Khi họ hội quân thắng lợi ở Vĩnh Tân, toàn quân trên dưới vui mừng hớn hở. Nhưng có điều khiến mọi người khóc dở mếu dở là ngày 14-5-1931, Trung ương do Vương Minh, Bác Cổ nắm giữ đã gửi thư cho Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7 đỏ ở Giang Tây, với lời lẽ cực kỳ nghiêm khắc phê bình Đảng uỷ tiền phương phạm ba sai lầm lớn là "đường lối phiêu lưu manh động của chủ nghĩa Lý Lập Tam", "Bản chất cơ hội hữu khuynh và đường lối phú nông" "rất rõ ràng". Còn phê bình quân đoàn 7 đỏ dọc đường đi không tịch thu ruộng đất của địa chủ, "đặc biệt nhún nhường" với "con buôn và địa chủ", "đầy rẫy tinh thần thua là chạy" v.v... Và cho rằng những sai lầm đó "không thể biểu hiện rõ hơn như lãnh đạo của Đảng uỷ tiền phương quân đoàn 7”. Đặc biệt khiến mọi người căm phẫn là một số người lãnh đạo quân đoàn 7 đỏ như Tổng chỉ huy Lý Minh Thuỵ, chủ nhiệm chính trị Hứa Tiến, và còn có trưởng phòng thư ký bộ chính trị Xa Huệ bị đường lối Vương Minh chụp mũ là "Phái cải tổ", "Bọn AB" (bọn Anh chống Bônsêvich) ra lệnh bắn chết tháng 10 năm 1931.

Khác với đường lối của Vương Minh, tại lễ bế mạc đại hội thành lập chính phủ Trung ương lâm thời Xô viết Trung Hoa tháng 11 năm 1931, Mao Trạch Đông với danh nghĩa là Chủ tịch chính phủ Trung ương lâm thời vừa mới được bầu đã long trọng tự tay trao lá cờ "Chuyển chiến ngàn dặm" cho quân đoàn 7 đỏ. Những năm 70 của thế kỷ XX, Mao Trạch Đông còn 7 lần nói với Đặng Tiểu Bình: "Quân đoàn 7 đỏ đánh khá lắm?". Về sau trong hàng ngũ đội quân này, theo ước tính của Trương Vân Dật, ít nhất cũng sinh ra 50 vị tướng. Trong đó năm 1955 lần đầu tiên phong quân hàm có một đại tướng Trương Vân Dật, hai thượng tướng: Vi Quốc Thanh, Lý Thiên Hựu; bốn trung tướng: Mạc Văn Hoa, Đàm Kiện, Vi Kiệt, Tiểu Hằng Hán và mười hai thiếu tướng. Còn sinh ra những người lãnh đạo Đảng, chính quyền, được giữ chức vụ quan trọng là bộ trưởng tỉnh trưởng như Lôi Kinh Thiên, Diệp Quý Tráng, Trần Mạn Viễn, Củng Ẩm Băng, Viên Nhiệm Viễn. Đương nhiên quan trọng nhất vẫn là sinh ra vị soái tài ba Đặng Tiểu Bình. Từ ý nghĩa đó mà nói, mấy ngàn liệt sĩ hy sinh trong chiến

tranh cách mạng của quân đoàn 7 đỏ và Lý Minh Thụy cùng những người bị đường lối Vương Minh giết hại, cũng có thể ngậm cười nơi chín suối.

“Ngày 18-1-1938, trời trong, Tây Hà Đầu”

“Chủ nhiệm Tổng bộ chính trị Tập đoàn quân 18 Đặng Tiểu Bình đến bộ tham mưu, vóc người không cao, nhìn thấy chúng tôi chỉ cười, mọi người bàn tán nói sư đoàn trưởng Lưu (Bá Thừa) (mới đi Lạc Dương họp hội nghị) thì ông này đến. Không ở bên Bộ Chính trị lại ở bên bộ tham mưu cùng với ông Lưu, có lẽ là thay ông Lưu chăng".

Đó là dòng nhật ký viết ngày hôm đó của Dương Quốc Vũ, công tác tại ban cơ yếu sư đoàn 129 lúc đó.

Khả năng phán đoán của các nhà phân tích nghiệp dư này sai bét, nhưng khả năng quan sát thì rất nhạy bén, từ chi tiết chính uỷ mới "không ở tại bộ chính trị, lại ở tại tham mưu" đã phát hiện sự khác thường của vị chính uỷ này. Bắt đầu từ đó, Lưu - Đặng hiệp tác với nhau 13 năm liền, kết thành mối quan hệ "Lưu - Đặng tức là Lưu Đặng, ngay đến dấu phảy muốn nhét vào giữa cũng không được", hình thành một sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà quân sự lớn với nhà chính trị lớn để sinh ra một uy lực cực lớn, đúng là một kỳ tích trong lịch sử quân sự Trung Quốc và thế giới lại liên tưởng đến những chuyện "hai đầu", "nhiều đầu" từ cổ chí kim, trong, ngoài nước, gây ra biết bao phiền phức, hiệu quả thấp, hỗn loạn, bi kịch và những tranh chấp về "hạt nhân", "trung tâm" tại các xí nghiệp quốc doanh Trung Quốc ở những năm 80 của thế kỷ XX, nên bộ đội do Lưu Đặng lãnh đạo, sao không thành một đội quân lớn được?

Sư đoàn 129 sau này trở thành đại quân Lưu Đặng danh tiếng hiển hách, nhưng tháng 10-1937 khi vượt Hoàng Hà tiến ra tiền tuyến chiến tranh kháng Nhật, lại hết sức thiếu thốn. Binh lực có khoảng 1 vạn, nhưng súng trường có lưỡi lê, tức là song trường kiểu mới một chút, toàn sư đoàn chỉ có 55 khẩu, lựu đạn toàn sư đoàn cũng chỉ có 203 quả. Nhưng Lưu Bá Thừa từng nói, nếu biết đánh trận thì một tiểu đội cũng có thể đánh với một quân đoàn của địch, đánh đằng sau, đánh vào bọn đi lẻ, đánh vào cơ quan hậu cần, thời cơ chiến đấu có rất nhiều, huống hồ là một sư đoàn? Sư đoàn 129 vừa vượt sông Hoàng Hà, đêm 19-10-1937 tập kích vào sân bay Dương Minh Bảo của quân Nhật, một trận đốt

cháy 24 (có người nói 25)máy bay địch, cho nên có đánh được hay không, đánh như thế nào, đầu tiên phải có chiến lược chiến thuật đúng đắn. Chiến lược chiến thuật không đúng đắn, thì chưa đầy một phút một tiểu đội sẽ bị một đại đội tiêu diệt, tập trung lực lượng toàn bộ của Bát lộ quân và Tân tứ quân cũng không đánh được 24 chiếc máy bay. Mà chiến lược chiến thuật đúng đắn lại phải có tiền đề là đường lối chính trị, đường lối tư tưởng đúng đắn. Tiền đề lớn này ở Sư đoàn 129 là phải dựa vào Đặng Tiểu Bình - vị đại chính uỷ. Thời kỳ chiến tranh kháng Nhật, đường lối phương châm cơ bản của Đảng là đúng đắn, nhưng từ đường lối phương châm đúng đắn đến thực hiện vẫn còn có rất nhiều vấn đề. Mà sự gây nhiễu trong Đảng cũng không phải là ít "tả" a! "hữu" a!. Chiến tranh du kích, chiến tranh trận địa nắm không tốt, đều là sai lầm lớn, tai nạn lớn cho Đảng và quân đội, "sự biến Hoãn Nam" là một bài học đau xót.

Lưu Bá Thừa làm một nhà quân sự lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc, trước khi tham gia cách mạng vào Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có tiếng là "thần quân". Đã từng học ở Học đường tướng tá Trùng Khánh, từng chịu sự giáo dục quân sự chính quy ở Học viện quân sự Phơrunde Liên Xô. Sau khi gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc, trước khi giữ chức sư đoàn trưởng sư đoàn 129 đã từng giữ các chức vụ uỷ viên quân uỷ Trùng Khánh của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tổng chỉ huy các lộ quân Tứ Xuyên của quân đội khởi nghĩa, quân đoàn trưởng quân đoàn 15 tạm biên của quân cách mạng quốc dân, tham mưu trưởng đoàn tham mưu của Đảng uỷ tiền phương Đảng Cộng sản Trung Quốc, uỷ viên quân uỷ Trung ương, Bí thư quân uỷ Cục Trường Giang, hiệu trưởng kiêm chính uỷ trường Hồng quân, tổng tham mưu trưởng quân uỷ Trung ương kiêm tư lệnh Trung đội trung ương, là người giữ chức quân đoàn trưởng đầu tiên trong số đảng viên cộng sản. Đương nhiên trong thời kỳ thống trị của đường lối "tả" khuynh cũng đã bị đối xử lạnh nhạt, trước khi làm sư đoàn trưởng sư đoàn 129, không thực nắm quân quyền trong Hồng quân. Đặng Tiểu Bình làm thế nào để có thể lãnh đạo được đội quân lớn của sư đoàn 129, làm thế nào để có thể được những bảo đảm về chính trị cho Lưu Bá Thừa là một điều mấu chốt quan trọng. "Không ở tại bộ chính trị mà ở tại bộ tham mưu cùng với Lưu" xem ra chỉ là một hình thức, một phương thức, nhưng mùi vị của nó thật nồng đượm. Nhân viên công tác ngày đó cũng cảm thấy được, lẽ nào bản thân Lưu Bá Thừa lại không

thấy? Đương nhiên Lưu Bá Thừa không phán đoán sai lầm như nhân viên công tác.

Chính uỷ "ở tại bộ tham mưu", trên thực tế không hoàn toàn là một hình thức, mà là một biểu hiện tác phong công tác của Đặng Tiểu Bình. Trong cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" có nói: Có một lần bố nói với chúng tôi, lúc đó ông ở khu Xô viết, một người, một ngựa, một cảnh vệ kiêm chăn ngựa, người ngựa tuỳ tùng rất nhẹ nhàng, đi về khắp nơi trong một khu vực lớn như thế ở dải đất Thuỳ Kim, Hội Xương... Bố tôi là một con người rất không thích bày vẽ, phản đối cái triết học rối rắm. Thói quen một người, một ngựa, một cảnh vệ, ông vẫn giữ cho đến khi bắt đầu cuộc kháng chiến. Sau này khi ông giữ các chức vụ quan trọng, ông vẫn tôn thờ lối sống giản dị. Suốt thời gian kháng chiến và thời kỳ chiến tranh giải phóng, ông không hề có thư ký riêng. Trong 17 năm sau giải phóng đến trước cách mạng văn hoá, quan trọng là hiệu suất công tác phải cao. Sư đoàn 129 dĩ nhiên phải do sư đoàn trưởng và chính uỷ cùng chỉ huy, phải có hiệu suất, hai người cùng ở một chỗ, tốt biết mấy. Lúc đó tình hình quân sự khẩn cấp, công việc nhiều, thủ trưởng thường ở hai nơi, liên lạc lại không tiện, trừ một số ít những sự việc quan trọng đặc biệt phải cần có thủ trưởng Lưu, Đặng và tham mưu trưởng, chủ nhiệm chính trị cùng nhau bàn bạc, còn những việc khác cần xin chỉ thị thủ trưởng, gặp Lưu thì xin chỉ thị của Lưu, gặp Đặng thì xin chỉ thị của Đặng cũng được cả. Lưu đã nói rồi, thì Đặng sẽ nói "cứ theo ý của Lưu Sư trưởng mà làm". Nếu Đặng đã nói rồi, thì Lưu sẽ nói; "cứ theo ý của Đặng Chính uỷ mà làm". Vì Lưu Bá Thừa là một nhà quân sự lớn, tuổi tác cũng lớn, sức khoẻ cũng không được tốt nên muốn để cho Lưu Bá Thừa tập trung suy nghĩ vào những vấn đề chiến lược chiến thuật trọng đại. Trong thời kỳ hợp tác giữa Lưu và Đặng, căn cứ vào ý kiến nhắc nhở của Đặng, những việc sự vụ của đại quân Lưu Đặng, trong trường hợp thông thường đều do Đặng và tham mưu trưởng Lý Đạt giải quyết, chỉ có việc lớn mới tìm Lưu Bá Thừa. Đặng Tiểu Bình vị chính uỷ là người lãnh đạo tối cao của Đảng trong quân đội, đúng là không tầm thường. Bởi vì ông trẻ, khoẻ, tràn đầy tinh lực, kinh nghiệm phong phú, năng lực toàn diện và đặc biệt tôn trọng Lưu Bá Thừa, nhưng điều quan trọng hơn còn là cách nhìn của ông đối với vấn đề Đảng lãnh đạo quân đội như thế nào. Năm 1941, trong bài viết "Đảng và chính quyền dân chủ kháng Nhật", ông phê bình

một số người "hiểu sai sự lãnh đạo của Đảng, giải thích sự lãnh đạo của Đảng là "quyền Đảng cao trên hết thảy", kết quả có người nói tổ chức Đảng là "Nhà đương cục tối cao". Đặng Tiểu Bình nói: "đó là một sự châm chọc tàn khốc nhất, không may thay có người nghe thấy lại lấy làm thích!". Mọi người đều biết, sau này Đặng Tiểu Bình có một luật điểm nổi tiếng "lãnh đạo tức là phục vụ", nguồn gốc của tư tưởng này có lẽ có từ thời kỳ ông giữ chức chính uỷ sư đoàn 129.

Từ tháng 10-1943 đến tháng 6 -1945, Lưu Bá Thừa đi Diên An học tập và chuẩn bị tham gia đại hội 7 của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời các cán bộ lãnh đạo quân sự chủ yếu là Bành Đức Hoài, Trần Canh, Trần Tái Đạo, Trần Tích Liên, Dương Đắc Chí... Cũng lần lượt đi Diên An, tổng bộ Bát lộ quân hợp nhất với sư đoàn bộ 129. Đặng Tiểu Bình với danh nghĩa quyền Bí thư Cục phương Bắc của Đảng Cộng sản Trung Quốc, thống nhất lãnh đạo công tác Đảng, chính quyền, quân đội của Cục Phương Bắc, tổng bộ Bát lộ quân, sư đoàn 129 và toàn bộ khu Tấn (Sơn Tây), Ký (Hà Bắc), Lỗ (Sơn Đông), Dự (Hà Nam dưới có 5 quân khu là: Thái Hàng, Thái Nhạc, Ký Nam, Ký Lỗ Dự, Hà Nam). Trong thời gian này, đại quân Lưu Đặng do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, lần lượt tiến hành một loạt trận đánh lớn: Cuộc chống càn quét mùa thu năm 1943 ở khu Thái Nhạc, biên khu ký Lỗ Dự, tác chiến tiến công năm 1944 ở Tấn, Ký Lỗ Dự, cuộc tác chiến rộng Dự Đông từ tháng 7 - 1944 đến tháng 5-1945, tác chiến mở khu Dự Tây từ mùa thu 1944 đến mùa xuân 1945, tác chiến tiến công ở khu Tấn Ký Lỗ Dự từ tháng 1 đến tháng 7-1945. Đặng Tiểu Bình vị chính uỷ "ở tại bộ tham mưu" trong khoảng thời gian 1 năm 9 tháng, thực tế đã gánh vác trách nhiệm của một vị tư lệnh.

Tháng 8 năm 1937, tại hội nghị bộ chính trị mở rộng của trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Lạc Xuyên, đã từng có tranh luận kịch liệt về phương châm tác chiến của quân đội Đảng Cộng sản Trung Quốc tham gia chiến tranh kháng Nhật, ý kiến cớ tính chất đại diện là "chiến tranh du kích vùng núi", “chiến tranh du kích vận động", "vận động chiến du kích"... Cuối cùng hội nghị xác định một phương châm hết sức sáng suốt: "Phản đối phương châm tác chiến tiêu cực, phòng ngự đơn thuần, sử dụng phương châm tác chiến tích cực, độc lập tự chủ". Đối với quân đội của Đảng Cộng sản Trung Quốc có ý thức tổ chức đặc

biệt mạnh, kỷ luật đặc biệt nghiêm khắc, thì việc diễn đạt một phương châm tác chiến không phải là trò chơi chữ. Ví dụ, một khi “chiến tranh du kích vùng núi" được xác định chính thức là phương châm tác chiến quân sự của Đảng, tất sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc kháng chiến đồng bằng, kháng chiến địch hậu sau này. Trung ương quyết định "sử dụng phương châm tác chiến độc lập, tự chủ, tích cực" vừa đề ra được yêu cầu đối với quân đội ở tiền phương, vừa giao cho họ quyền tự chủ và tính linh hoạt rất lớn. Trong bối cảnh đó, Lưu Bá Thừa vốn tính khôi hài đã đưa ra câu tục ngữ "mèo vàng, mèo đen...", mà thực chất của "thuyết con mèo", như là Đặng Tiểu Bình đã nói trong những năm chiến tranh: "mọi việc phải xem tình hình, đánh thắng mới tính".

Ngày 18-1-1938 Đặng Tiểu Bình đến sư đoàn 129, tháng 2-1938 quân Nhật huy động 3 vạn đại quân mở cuộc tiến công lớn vào khu vực Tấn Nam. Quân Quốc dân Đảng đóng tại Tấn Nam nghe tin vội bỏ chạy, không đánh mà tan.

Sư đoàn 129 được lệnh xuống phía nam, tìm cơ hội đánh quân Nhật trên con đường lớn Hàm (Đan), Trường (Dã), để kiềm chế quân Nhật đánh vào Hà Phòng, Hoàng Hà. Trong bối cảnh đó, Đặng Tiểu Bình đã hiệp trợ với Lưu Bá Thừa đánh 3 trận phục kích nổi tiếng ở Trường Sinh Khẩu, Thần Đầu Lĩnh và Hưởng Đường Phố, 3 trận 3 lần thắng, diệt mấy ngàn tên địch. Trong đó có chiến dịch Hưởng Đường Phố, Đặng Tiểu Bình với Từ Hướng Tiền - phó sư đoàn trưởng cùng ra tiền tuyến chỉ huy.

Tháng 3-1938, quân Nhật mở thông được con đường lớn Hàm Đan, Trường Dã và đoạn phía nam đường sắt Đồng Bồ, tiếp tục tiến mạnh về các bến đò sông Hoàng Hà ở Tấn Tây. Để làm chậm trễ hành động quân địch, sư đoàn 129 quyết định đánh một trận phục kích lớn vào bộ quân vận tải của địch ở Hưởng Đường Phố. Trận này sư đoàn 129 đã huy động ba trung đoàn 769, 771, 772 và đội trực thuộc sư đoàn. Lúc đó sư đoàn 129 chỉ biên chế có bốn trung đoàn, trong đó trung đoàn 770 được giữ lại phòng thủ liên khu Thiểm, Cam, Ninh. Trận này có thể nói là huy động toàn bộ chủ lực. Đó là một trong những đặc điểm dùng binh của Lưu Đặng, dùng cách nói của Mao Trạch Đông là tập trung ưu thế binh lực đánh tiêu diệt, dùng cách nói của Lưu Bá Thừa là khép chặt các ngón tay "đè bọ nhảy” hoặc tập trung lực lượng "đập vỡ quả hạnh đào". Đối với đại quân Lưu

Đặng, đó không chỉ là một câu tỉ dụ, mà là một tư tưởng chiến thuật, còn có chỉ tiêu lượng hóa. Về đại thể mà nói, trong thời kỳ chiến tranh kháng Nhật, đánh quân Nhật có lô cốt kiên cố do một phân đội đóng giữ, phải dùng một trung đoàn để đánh; một liên đội đóng giữ, phải dùng hai trung đoàn, đại thể là lấy mười đánh một. Sau này đánh quân Tưởng có lô cốt cứ điểm, thì đại thể là ba đánh một. Cho nên huy động toàn bộ chủ lực, không phải là mạo hiểm, mà ưu thế càng lớn, càng ít nguy hiểm. Bởi vì trận đánh này phải trực tiếp đối mặt với một kẻ địch có 180 xe ô tô và một đơn vị hộ tống hơn 170 người, nhưng xung quanh còn có nhiều kẻ địch, quân địch có quân cơ giới hoá ở mặt đất, trên trời còn có máy bay.

Cho nên chiến trường chính phải đánh nhanh giải quyết nhanh, bốn phía phải bố trí bộ đội phục kích, ngăn chặn quân tăng viện của địch v.v..., không bố trí binh lực có ưu thế tuyệt đối không được. Do một trung đoàn của cánh lão Bát lộ quân thường là do binh lực của hơn một quân đoàn Hồng quân biến cải thành sư đoàn 129 là do bốn quân đoàn 4, 29, 30, 31, còn thêm bốn trung đoàn độc lập và một trung đoàn kỵ binh biến cải thành, trong đó có rất nhiều cán bộ cốt cán là các lão chiến sĩ đã trải qua cuộc trường chinh 2 vạn 5 ngàn dặm hoặc tham gia cách mạng từ cuộc đại cách mạng đến nay, là những nhân tài cực kỳ quý báu. Kéo họ ra hết chiến trường, đúng là phải có dũng khí rất lớn, phải hết sức cẩn thận. Nhưng "mọi việc phải nhìn vào tình hình", có đánh thắng mới đánh.

Nửa đêm ngày 30 tháng 3, các đơn vị bộ đội xuất phát, bí mật đến địa điểm dự định. Tiền tuyến do phó sư đoàn trưởng Từ Hướng Tiền làm tổng chỉ huy, Đặng Tiểu Bình dẫn đội trực thuộc sư đoàn đến Phật Đường Câu để tiếp ứng.

Mờ sáng ngày 31 tháng 3, quân Nhật với hơn 300 tên ở Đông Dương Quan tiến hành một cuộc tiến công thăm dò vào một đại đội phụ trách cảnh giới của trung đoàn 772, chiến sĩ của đại đội này đã cảnh giác ứng phó, quân Nhật cảm thấy bình yên vô sự, bắn vu vơ một hồi rồi quay về cứ điểm.

Khoảng 8 giờ, đội vận tải của Nhật bắt đầu tiến vào khu vực phục kích. Mệnh lệnh phát ra, toàn bộ trung đoàn 771 và chủ lực trung đoàn 769 (ngoài ra còn có bốn đại đội đánh chặn đầu) đồng loạt nổ súng bắn mạnh vào hai bên sườn quân địch. Kịch chiến hơn 2 giờ đồng hồ, toàn bộ 180 xe ô tô của địch bị đốt cháy,

hơn 170 tên lính Nhật hộ tống chỉ có khoảng 30 tên chạy thoát.

Quân địch tăng viện cũng bị đánh lui. Tất cả bị bắn chết và bị thương hơn 400 tên địch, thu được hơn 130 khẩu súng các loại, 4 khẩu cối và rất nhiều đạn được. Đến chiều hơn 10 chiếc máy bay địch bay trên bầu trời Hưởng Đường Phố, ném bom bừa bãi, nhưng quân ta đã di chuyển từ lâu. Sư đoàn 129 trong hơn một tháng "3 trận 3 lần thắng", diệt địch mấy ngàn tên, khiến quân Nhật kinh hoàng. Tháng 4, quân Nhật tập trung binh lực hơn 3 vạn quân, dưới sự chỉ huy của tên tư lệnh trưởng quân đoàn 1 là Katsuki Kyotsugu, dùng chiến thuật "Phân tiến hợp kích", chia quân làm chín mũi, tiến hành bao vây khu căn cứ Tấn Ký Dự có lực lượng trung kiên là sư đoàn 129. Trước kia Hồng quân cũng đã từng 5 lần chiến đấu chống "vây quét", tích luỹ được rất nhiều kinh nghiệm, nhưng lần này phải đối mặt với quân Nhật, chứ không phải quân Quốc dân Đảng, vậy phải làm thế nào?

Các kinh nghiệm cũ như phát động quần chúng, vườn không nhà trống, địch đóng ta quấy, chiến tranh du kích... vẫn có hiệu quả. Trong việc bao vây tiến công bằng chín mũi, quân địch tiến vào thành chỉ là một thành trống không, chúng cho rằng bên trong có mai phục, sợ quá vội rút ra; hành quân không tìm được thức ăn, "mang bụng đói mà chạy; trên đường chạy tìm không thấy mục tiêu, "vồ đi vồ lại không hiểu ta đi đâu; đóng quân lại bị đội du kích, đội tư Vệ tập kích quấy nhiễu, đánh trả cũng vô ích, để mặc kệ thì hao binh tổn tướng, mất súng mất pháo. Bị quấy nhiễu mấy ngày trời, quân địch không có cái ăn, chỗ ở, mệt mỏi sợ hãi. Chín mũi quân Nhật chỉ có ba mũi vào được sâu trong căn cứ, các mũi khác không tiến lên được, ba mũi vào được cũng bắt đầu rút. Trước tình hình đó, ngày 15 tháng 4 toàn bộ ba trung đoàn chủ lực của sư đoàn 129, trung đoàn 689 của sư đoàn 115 xuất quân, binh lực chia làm hai mũi, truy kích dọc theo hai bờ sông Trọc Chương nhằm vào hơn 3000 tên địch của liên đoàn 117, sư đoàn l08, là một trong ba mũi đã tiến vào trong khu căn cứ ta. Hành quân cấp tốc 9 giờ, bắt được một nửa sau của quân địch ở khu vực thôn Trường Lạc, là bộ đội xe tải nặng khoảng 1500 tên. Khoảng 7 giờ sáng ngày 16, trung đoàn 772 đuổi kịp quân địch, nắm thời cơ có lợi, không chờ đợi các trung đoàn khác đến hợp vây, lập tức tấn công mạnh vào bọn địch bắt đầu trên đường rút lui. Nổ súng

không lâu, trung đoàn 771 ở phía nam cũng đuổi tới nơi, hai bên hợp kích đánh cho quân địch tan tác. Lúc này Liên đoàn 117 quân Nhật đã qua thôn Trường Lạc, quay lại cứu viện, bị trung đoàn 689 chặn đánh tại Đại Gia Não. Khoảng 2 giờ chiều, quân địch hơn 1.000 tên từ Liêu Huyện đi qua Phiên Long đến tăng viện, cuộc chiến đấu càng quyết liệt. Khoảng 5 giờ chiều lại có một tốp hơn 1.000 tên từ Tiêu Huyện đến. Lúc này trên chiến trường bốn bề súng nổ ầm ầm, nhưng chủ lực của Bát lộ quân đã di chuyển mất tiêu, chỉ còn một số ít binh lực bố trí thành một lưới du kích đánh địch nghi binh. Trận này, tiêu diệt hơn 2.200 tên địch, quân ta thương vong hơn 800 người, trung đoàn trưởng trung đoàn 772 Diệp Thành Hoán hy sinh vì nước.

Sau chiến dịch thôn Trường Lạc, quân địch rút lui toàn diện, Bát lộ quân, đội quyết tử (lực lượng vũ trang địa phương Sơn Tây do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo) và quân đội Quốc dân Đảng thừa thắng truy kích, lại tiêu diệt hơn 1000 tên địch. Cuối tháng 4, cuộc "Bao vây công kích 9 mũi" của địch bị đập tan hoàn toàn. Trận chiến này kéo dài 23 ngày, quân ta diệt địch hơn 4000 tên, thu hồi được 18 huyện thành như Du Xã, Vũ Hương... Tiếp đó quân ta tiến lên mở rộng kết quả chiến đấu, đến cuối tháng 9, tổng cộng tiêu diệt quân Nguỵ hơn 1 vạn tên, giải phóng hơn 20 huyện là Lâm Thanh, Cao Đường... thu nhận mấy chục tốp du kích tạp lớn nhỏ và dân đoàn, bảo an trong vùng mới giải phóng củng cố và mở rộng khu căn cứ Tấn - Ký - Dự, và tạo điều kiện có lợi để phát triển về vùng đồng bằng Ký Nam, Dự Bắc. Trên cơ sở đó, đến tháng 10-1938, sư đoàn 129 từ 3 trung đoàn mở rộng thành 6 trung đoàn và 6 chi đội du kích, tất cả hơn 5 vạn người. Chiến khu chia thành 2 quân khu: quân khu Tấn - Ký - Dự, quân khu Ký Nam, 10 quân phân khu.

So với trận chiến đấu ở Hưởng Đường phố, trận chiến đấu ở Trường Lạc thôn nguy hiểm hơn nhiều, thương vong cũng lớn hơn, cũng chính nhờ đó sư đoàn 129 coi như bước ngoặt sớm thành đại quân. Điều đó cho thấy, đối mặt với kẻ địch mạnh không thể liều đánh, nhưng lại phải dám đánh: "Mọi việc phải xem tình hình, đánh thắng mới tính".

Mọi việc phải xem tình hình, đánh thắng mới tính, có khi là hết sức phức tạp, có đánh hay không khó quyết định, có đánh thắng hay không cũng khó nói, từ

tháng 8 đến 12 năm 1940, vấn đề này biểu hiện rất rõ trong cuộc đại chiến trăm trung đoàn do Bát lộ quân tổ chức.

Trận đánh lớn trăm trung đoàn là do Tổng bộ Bát lộ quân quyết định, người quyết sách chủ yếu là Bành Đức Hoài nhưng những người lãnh đạo sư đoàn như Đặng Tiểu Bình đều tham gia vào quyết sách và là các nhân vật quan trọng.

Tháng 12-1939, quân khu Ký Trung gửi một bức điện mật lên Tổng bộ Bát lộ quân, giới thiệu một số động thái mới của quân địch, điểm quan trọng là quân địch "dùng luỹ cao hào sâu nối các lô cốt với nhau", lại bằng cách, "xây dựng liền với mạng liên lạc đường ô tô ở bên ngoài", khiến cho "căn cứ của ta bị chia cắt ra thành những mảnh nhỏ cô lập". Bức mật điện này được Chu Đức, Bành Đức Hoài rất coi trọng, đặc biệt triệu tập Nhiếp Vĩnh Trăn tư lệnh quân khu Tấn - Sát - Ký Lữ Chính Thao tư lệnh quân khu Ký Trung về họp. Một ngày tháng 3-1940, Chu Đức, Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình, Nhiếp Vĩnh Trăn, Lữ Chính Thao thảo luận đối sách với động thái này tại sư đoàn bộ 129. Sau khi nghe giới thiệu, Lưu Bá thừa buột miệng nói: "Bọn địch thực hiện chính sách “lồng chốt tù". Và chỉ rõ cách làm của địch là lấy "đường sắt làm trụ, đường cái làm xích, cứ điểm làm khoá". Bành Đức Hoài đã phân tích tình hình chung, nói "từ khi quân địch đưa quân trở lại Hoa Bắc, xu thế chung ngày càng bất lợi đối với chúng ta. Các huyện thành trong tay chúng ta năm ngoái còn hơn 100, năm nay chỉ còn có 2". Qua thảo luận, mọi người cho rằng, nếu tình hình này cứ phát triển, cuối cùng Bát lộ quân sẽ bị vây khốn trên mấy ngọn núi cô lập. Do quân địch có khả năng cơ động nhanh, mà việc phá hoại đường sắt, đường bộ của địch rất mất thời gian (theo thống kê sau này, bình quân một tiểu đoàn một ngày chỉ bóc được 3 dặm đường sắt hẹp, không bao gồm phá nền đường), sẽ phải động viên rất nhiều quần chúng tham gia, lên tiền tuyến và di chuyển đều rất khó khăn. Nên mọi người cho rằng, chỉ có làm một cuộc "tổng tập kích phá huỷ" để huỷ "trụ" đập nát "xích", phá "khoá" của địch trong một khu vực rộng lớn, mới có thể có hiệu quả. Ngày 1-4-1940 Chu Đức, Bành Đức Hoài đã ký lệnh "tổng tập kích phá huỷ", yêu cầu các đơn vị bộ đội phải bắt đầu hành động từ ngày 10 tháng 4.

Đúng lúc này, sang ngày thứ hai tức mùng 2-4-1940, Mao Trạch Đông có

lệnh điều gấp chủ lực sư đoàn 120, một lữ đoàn của sư đoàn 115 và một số bộ đội khác tiến xuống phía nam, nên hành động tổng tập kích phá huỷ" bị hoãn lại.

Một ngày cuối tháng 4-1940, phó tổng tham mưu trưởng Bát lộ quân là Tả Quyền thừa uỷ quyền của Bành Đức Hoài đến sư đoàn 129, lại bàn với Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình, Nhiếp Vĩnh Trăn, Lữ Chính Thao, Trần Canh, Trần Tích Liên về hành động "tổng tập kích phá huỷ". Qua thảo luận hành động "tổng tập kích phá huỷ" được đổi thành tiến hành "tập kích phá huỷ lớn" vào đường sắt Chính Thái. Đường sắt Chính Thái phía đông nối với đường sắt Bình-Hán, là "con đường huyết mạch" của quân Nhật ở Sơn Tây. Quân đóng giữ ở đây có ba lữ đoàn hỗn hợp của quân Nhật. Do tháng 5, 6 năm 1940, quân Nhật mở chiến dịch Nghi Xương, phần lớn số lữ đoàn này bị điều xuống phía nam, quân ở lại đóng giữ chỉ có 5 liên đoàn độc lập và một đội trực thuộc, tạo thời cơ chiến đấu cho Bát lộ quân. Do quân Nhật ở Hoa Bắc có tất cả 9 sư đoàn và 12 lữ đoàn hỗn hợp độc lập, muốn bảo đảm cho cuộc "tập kích phá hoại lớn" thành công, Bát lộ quân đã huy động 105 trung đoàn để phát động một hành động quân sự lớn nhất của lực lượng vũ trang Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ chiến tranh kháng Nhật.

Trước khi tổng bộ Bát lộ quân ra mệnh lệnh, Tả Quyền lại đem phương án tác chiến tổng thể đến sư đoàn bộ sư đoàn 129, để thảo luận lần cuối cùng với Lưu, Đặng và tham mưu trưởng sư đoàn Lý Đạt Lưu, Đặng hiển nhiên là đồng ý và nói với tham mưu trưởng Lý Đạt Lưu: "chiến dịch này hết sức quan trọng nước cờ này hay lắm. Bây giờ chúng ta có thể chuẩn bị trước cho chiến dịch . Như vậy là ngày 22 tháng 7, cùng với ngày tổng bộ ra mệnh lệnh chuẩn bị chiến dịch", Lưu, Đặng đã ký mệnh lệnh Sư đoàn ta quyết tập trung đại quân tiến hành "chiến dịch Chính Thái". Về sau trong cuộc "đại chiến trăm trung đoàn", sư đoàn 129 tổng cộng xuất binh 46 trung đoàn, là một nơi xuất binh nhiều nhất. Đáng chú ý là khi tổng bộ Bát lộ quân ra mệnh lệnh, chỉ yêu cầu binh lực trên đường sắt Chính Thái "không ít hơn 22 trung đoàn (về sau thực tế tung vào 30 trung đoàn), những nơi khác "do các khu tự quy định". Về mặt ý nghĩa mà nói, Bành Đức Hoài chỉ phát động "chiến dịch Chiến Thái" "không ít hơn 22 trung đoàn, "chiến dịch Chính Thái" đánh thành "cuộc đại chiến trăm trung đoàn", là do ba hệ thống

lớn - sư đoàn 129 do Lưu Đặng đứng đầu, quân khu Tấn - Sát - Ký đứng đầu là Nhiếp Vĩnh Trăn, sư đoàn 120 đứng đầu là Hạ Long Quan Hưởng ứng, căn cứ vào "sử dụng phương châm tác chiến độc lập tự chủ tích cực" của Đảng và tình hình thực tế của khu vực mình đặt ra. Cho thấy đối với "đại chiến một trăm trung đoàn" Đặng Tiểu Bình không chỉ tán thành mà là tích cực tham gia.

Trong cuộc đại chiến một trăm trung đoàn, một số bộ đội chỉ thích đánh trận, không tích cực phá hoại đường sắt, đường bộ của địch. Sư đoàn 126 hoàn thành nhiệm vụ phá đường tốt nhất, điều này có quan hệ rất lớn đến tư tưởng chỉ đạo và công tác động viên của Lưu, Đặng. Trong quá trình đó sư đoàn 129 nêu lên rất nhiều khẩu hiệu động viên, hình tượng sinh động:

Đường sắt là mạch máu lớn, đường cái là mạch máu nhỏ Đường sắt là ống nước độc lớn, đường cái là ống nước độc nhỏ Phá hoại một dặm đường sắt, bằng tiêu diệt một đại đội địch. Bắt địch phải chạy thi bằng chân với chúng ta.

Bắt địch phải dùng bò, lừa để vận chuyển đạn pháo, bom, máy bay, đại bác.

Thu hồi một thanh ray bằng thu được một khẩu súng máy địch.

Những câu đó, có câu do Lưu Đặng trực tiếp nói, có câu do cán bộ công tác chính trị biên soạn theo tinh thần chỉ thị của thủ trưởng Lưu, Đặng. Ngoài ra về chính sách khen thưởng, trong một số văn kiện có liên quan sư đoàn 129 cũng quy định trước hết khen thưởng những người có hiệu suất cao nhất trong công tác phá hoại, sau mới đến nhân viên tác chiến, sau mới đến nhân viên hậu cần, bảo đảm cho mọi người "không hề bị đói một bữa cơm".

Cho nên "trận đại chiến trăm trung đoàn" đối với Lưu, Đặng là một trận đại chiến tự giác tham gia dựa trên ý thức chiến tranh hiện đại.

Trận đại chiến trăm trung đoàn bắt đầu nổ súng từ đêm 20-8- 1940 cho đến hết ngày 5-12-1940 (một tháng sau đó vẫn còn một số cuộc chiến đấu lẻ tẻ) theo thống kê của Bát lộ quân, có tất cả 1842 trận lớn nhỏ, quân Nhật chết và bị thương 20645 tên, trong số đó có 18 tên là sĩ quan từ cấp liên đoàn trưởng trở lên, quân nguỵ chết và bị thương 5145 tên, quân Nhật bị bắt làm tù binh 281 tên, quân ngụy Trận đại chiến đó tất nhiên là chiến đấu rất gian khổ, trong đó có chiến dịch điển hình là trận Quan Gia Não.

Tháng 10-1940, quân Nhật tập trung 5 sư đoàn và 11 lữ đoàn, tiến hành một

cuộc "chiến tranh huỷ diệt" vào khu căn cứ của ta. Trước đó quân Nhật tiến công vào căn cứ của ta, binh lực sử dụng nhiều nhất là 6 vạn, chỉ có 1 lần; 3 đến 5 vạn là 2 lần; 1 đến 2 vạn là 7 lần; dưới 1 vạn là 109 lần. Lần này gọi là 1 triệu quân, quân sắp xếp vào tổ chức tác chiến là 23 vạn, thực tế xuất kích khoảng 15 vạn. So với binh lực mà quân Nhật huy động trong cuộc hội chiến Tùng Hồ nổi tiếng cũng không kém là mấy, trong trận đại chiến Đài Nhi Trang nổi tiếng, binh lực quân Nhật cũng chỉ có 4, 5 vạn.

Chiến dịch này được gọi là "chiến tranh huỷ diệt", trong trận này bộ tư lệnh Phương diện quân Hoa Bắc quân Nhật ra lệnh: "Mục đích tác chiến lần này, hoàn toàn khác với những lần trước ở chỗ phải tiêu diệt hoàn toàn Bát lộ quân và nhân dân trong vùng căn cứ của Bát lộ quân. Cho nên những người trong vùng địch bất kể nam nữ già trẻ, toàn bộ phải giết sạch, tất cả nhà cửa nhất loạt phải đốt sạch, tất cả lương thực, những thứ không mang đi được phải huỷ hết, nồi niêu bát đĩa nhất loạt đập nát, giếng nhất loạt phải lấp kín hoặc bỏ thuốc độc..." Đó chính là nguồn gốc và là sự diễn đạt chính thức lúc đầu của chính sách "Ba sạch" khét tiếng xấu xa.

"Chiến tranh huỷ diệt" được bắt đầu chính thức ngày 13-10-1940. Sau khi nổ súng, Bành Đức Hoài đã ra tiền tuyến thị sát 10 ngày, tận mắt nhìn thấy cảnh tượng tàn nhẫn ở khắp mọi nơi. Ngày 29 tháng 10 hoặc trước đó một hai ngày, Bành Đức Hoài về đến Tổng bộ Bát lộ quân. Đúng lúc này có một liên đội quân Nhật, binh lực 500 tên, cộng với xe cộ và những nhân viên khác 400 tên luồn đến Quan Gia Não một điểm quân sự trọng yếu, chỉ cách thôn Chuyên Bính, Vũ Hương nơi đóng quân của tổng bộ Bát lộ quân có 10 dặm. Để tiêu diệt "chiến tranh huỷ diệt" của địch, Bành Đức Hoài rất căm tức ra lệnh phải tiêu diệt tốp địch kề bên.

Trận này được giao cho Trần Canh viên đại tướng hàng đầu của sư đoàn 129, thủ trưởng Lưu, Đặng thân chinh ra mặt trận chỉ huy, Bành Đức Hoài, Tả Quyền và Từ Hướng Tiền vẫn giữ chức phó sư đoàn trưởng sư đoàn 129 nhưng đã được điều đi Sơn Đông, cũng ra tiền tuyến. Như vậy là trên một trận địa nhỏ nhoi đó đã tập trung đến 3 nguyên soái và 1 đại tướng của nước Cộng hoà sau này, và còn có Đặng Tiểu Bình con người là hạt nhân lãnh đạo thế hệ thứ hai của Đảng

Cộng sản Trung Quốc.

4 giờ sáng sớm ngày 30 tháng 10 bắt đầu tiến công. Không ngờ quân Nhật vốn rất ít đánh đêm lại ra tay trước, lúc này chúng đã đánh chiếm được trận địa Liễu Thụ Não. Không những làm rối bố trí của quân ta mà còn làm cho Quan Gia Não có được một trận đại tiếp ứng.

Khoảng 9 giờ sáng, máy bay địch đến trợ chiến, mỗi lần 3, 4 chiếc, luận phiên ném bom vào trận địa của ta. Quân Nhật một tốp 2500 tên, một tốp hơn 1000 tên từ Liêu Huyện, Vũ Hương và Lê Thành, Lộ Thành đến tăng viện. Quân ta tuy có 2 lữ đoàn làm binh lực đánh chặn, nhưng vẫn không đủ, lại phải rút một trung đoàn từ chiến trường Quan Gia Não về đánh chặn.

Ngày 30 tháng 10, quân ta lần lượt tổ chức 18 lần tiến công, cuối cùng chỉ chọc thủng được một tuyến phòng thủ của địch. Quan Gia Não đánh mãi không hạ được, quân ta thương vong rất lớn, trung đoàn trưởng trung đoàn 16 Tạ Gia Khánh, năm 1931 tham gia Hồng quân đã hy sinh. Trần Canh bắt đầu do dự, nêu một câu hỏi lớn với Bành Đức Hoài: "Bây giờ đều liều chết cả rồi, sau này làm thế nào? "Bành Đức Hoài vẫn kiên định trả lời: "Bây giờ liều chết cũng phải lấy cho được Quan Gia Não".

Ngày 31 tháng 10, quân ta lại tổ chức tiến công Quan Gia Não. Vị lão chiến binh dũng mãnh Bành Đức Hoài đã ra đến chiến hào chỉ cách trận địa địch 500 mét, dướn người lên dùng ống nhòm quan sát tình hình chiến đấu.

Số thương vong của quân ta vẫn tiếp tục tăng, trong đó có một đại đội của trung đoàn 772 chỉ còn lại có 3 chiến sĩ. Trần Canh hầu như khóc mà báo cáo với Lưu Đặng, tiền tuyến có một số không trụ nổi. Lưu Bá Thừa, con người vốn xưa nay thuần hậu đã nổi nóng, lớn tiếng yêu cầu Trần Canh phải kiên trì. Đặng Tiểu Bình con người xưa nay vốn ít lời đã cầm lấy điện thoại, nói một cách hết sức nghiêm túc: "Đồng chí? Toàn cục! Toàn cục! Phải xuất phát từ toàn cục, bằng mọi giá không tiếc, kiên quyết chiếm lấy? Đánh trận lớn không thể không thương vong, phải tổ chức lại hoả lực hết sức dũng mãnh, giảm bớt thương vong". Trần Canh không chỉ là một vị đại tướng nổi tiếng cơ trí thông minh mà còn là một vị tướng yêu của các lãnh tụ Đảng Cộng sản Trung Quốc, có thể bước lên đài chủ tịch cầm lấy chén trà của Mao Trạch Đông để uống, cũng có thể

bông đùa với Bành Đức Hoài - một con người hết sức nghiêm túc và cũng rất dễ nổi cáu. Sau trận này, cán bộ tham mưu của sư đoàn 129 nói Trần Canh chẳng sợ ai, chỉ sợ Đặng Tiểu Bình.

Cuối cùng đến 4 giờ chiều, Bành Đức Hoài ra lệnh tiến công mạnh, và tung đại đội đặc vụ của Tổng bộ Bát lộ quân vào mặt trận. Người của đại đội này, 90% là lão Hồng quân đều là những anh hùng hảo hán có tuyệt chiêu đánh giáp lá cà với địch. Cuối cùng bọn địch ngoan cố cũng bị tiêu diệt. Về sau, trận đại chiến trăm trung đoàn bị phê phán một cách sai lầm. Bành Đức Hoài con người dám kiên trì chân lý với lời lẽ nghiêm khắc phản bác lại mọi lời phê phán, với thái độ nóng như lứa, văng tục ầm ĩ. Trần Canh con người chẳng sợ ai, tuy trong chiến dịch Quan Gia Não có chút do dự nhưng trước những lời phê phán hết sức bất công đó cũng đập bàn đập ghế. Nếu Bành Đức Hoài có phải kiểm thảo về trận đại chiến trăm trung đoàn, thì sẽ là thừa nhận một số chiến dịch ở thời kỳ cuối "đánh có tương đối gian khổ một chút, thương vong cũng tương đối lớn một chút".

Quân Nhật lần này hung hăng phát động cuộc "chiến tranh huỷ diệt", có một ước đoán cơ bản là quân ta sau trận đại chiến trăm trung đoàn hơn hai tháng trời nhất định rất mệt mỏi, không ngờ quân ta vẫn có khả năng đánh trận, tiêu diệt một liên đội đồng thời đánh chặn một binh lực 3, 4 ngàn người và đánh trả máy bay ném bom liên tục.

Mục tiêu chủ yếu của quân Nhật là thành thị, không thể dùng binh lực lớn trong thời gian kéo dài để bị tiêu hao ở vùng đất hẻo lánh như núi Thái Hằng. Cuộc "chiến tranh huỷ diệt bắt đầu ngày 13 tháng 10, đến ngày 2 tháng 11 đã phải vội vàng kết thúc.

Trong thời kỳ chiến tranh kháng Nhật, Bát lộ quân trong chống "càn quét" đã tổng kết được một ehiếrl thuật, là cần phải tìm thời cơ thích hợp, tập trung ưu thế binh lực tiêu diệt lấy một liên đội quân Nhật, nhiều hơn đánh không nổi, ít hơn thì tác dụng không lớn. Binh lực quân Nhật có hạn, thường là dùng một phân đội để khống chế một huyện, một liên đội có thể khống chế được 3, 4 huyện, khi bị tiêu diệt Trong một trận đánh, sẽ ảnh hưởng rất lớn. Hoặc lập tức kết thúc "càn quét”, hoặc thu nhỏ ngay phạm vi "càn quét". Trong giai đoạn một của trận đại

chiến trăm trung đoàn, được kết thúc sau khi ta tiêu diệt địch một liên đội ở Thuận Song Phong ngày 6 và 7 tháng

9, mà bộ đội tác chiến của quân ta chính là hai trung đoàn do Trần Canh chỉ huy đánh Quan Gia Não lần này. Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình kiên trì phải đánh thắng trận này, chính là đã nắm được tính khí quân Nhật mềm nắn rắn buông, không dám tiêu hao nhiều binh lực, để chỉ huy sớm đập tan "chiến tranh huỷ diệt" của quân Nhật. Cuộc "chiến tranh huỷ diệt" kéo dài thêm một ngày, có nghĩa là hàng trăm hàng ngàn quân dân bị hy sinh, hàng trăm thôn làng bị huỷ diệt. Trận Quan Gian Não tuy quân ta thương vong hơn 600 người, nhưng đã giảm rất lớn tổn thất cho khu căn cứ, đó là đại cục, toàn cục.

Đối với Lưu Bá Thừa con người rất yêu chiến thuật nói rằng, trận đánh này là một tài liệu giảng dạy thực tế chiến đấu rất tốt: Khi thị sát chiến trường ông xem xét rất kỹ và ra lệnh bảo vệ hiện trường, lệnh cho cán bộ tham mưu vẽ công sự của địch lên bản đồ. Không lâu sau đó bố trí cho bộ đội, lại "đánh một trận" ở nơi đây, và tự mình còn lên lớp cho các cán bộ từ tiểu đoàn trở lên trong buổi sư đoàn báo cáo chiến thuật chuyên đề về chiến dịch Quan Gia Não. Trong khi tổng kết bài học kinh nghiệm, nhà quân sự lớn này còn nói: "Học sinh vừa tốt nghiệp đại học Lục quân chỉ huy một trung đoàn, một tiểu đoàn, một đại đội thậm chí một trung đội trên chiến trường, đều không thể triển khai nổi. Còn chúng ta bồi dưỡng ra những cán bộ quân sự trong thực tế chiến tranh, chỉ huy mấy vạn, mười mấy vạn người đều có thể triển khai trên chiến trường, và còn chỉ huy bộ đội phối hợp với nhau rất khớp để tiến công địch, giành thắng lợi". Đó không chỉ nói về chiến dịch Quan Gia Não mà còn là sự đánh giá với toàn bộ trận đại chiến trăm trung đoàn. Kinh nghiệm "chỉ huy mấy vạn, mười mấy vạn người, đánh trận lớn với quân Nhật, kẻ địch mạnh trên thế giới", đều có thể triển khai được, và còn chỉ huy bộ đội phối hợp ăn khớp với nhau để tiến công địch, giành thắng lợi", rất có ý nghĩa để Đảng Cộng sản Trung Quốc giành thắng lợi sau này. Và rất có ích cho Đặng Tiểu Bình đơn độc chủ trì công tác của sư đoàn 129 thời sau này (từ tháng 10-1943 đến tháng 6-1945, Lưu Bá Thừa đi học tập ở Diên An) và chủ trì chiến dịch Hoài Hải. Nhận thức này là biểu hiện cụ thể sinh động của nhãn quan và phong độ của một vị soái tài.

Đặng Tiểu Bình với nhãn quan của nhà chính trị, nhà quân sự đã nói ra cách nhìn của mình đối với trận đại chiến trăm trung đoàn. Tháng 4-1941, trong bài viết "chống tê liệt, mở ra cục diện nghiêm trọng ở khu Thái Hàng" Đặng Tiểu Bình nói: "Trận bài chiến trăm trung đoàn là một thử thách rất lớn với các mặt công tác của biên khu Tấn - Ký - Dự, và cũng là thử thách lớn nhất đối với sư đoàn 129. Trận đại chiến trăm trung đoàn đã chứng tỏ biên khu Tấn - Ký - Dự, dù là về mặt quân sự, chính trị, công tác Đảng và công tác quần chúng, đều có cơ sở khá, đủ làm cho địch và nguỵ phải lo sợ, đủ làm cho toàn thể quân dân có đủ lòng tin đi tới thắng lợi của cuộc kháng chiến. Nhưng trận đại chiến trăm trung đoàn cũng bộc lộ một số nhược điểm trong công tác của chúng ta, khiến cho sau trận đại chiến trăm trung đoàn này, tuy về binh đoàn chủ lực có được bổ sung một ít và nghỉ ngơi chỉnh đốn, nhưng việc củng cố khu căn cứ lại rất nghiêm trọng. Chứng tỏ là: vùng địch chiếm ngày càng mở rộng, vùng kháng chiến ngày càng thu hẹp.

Việc tuyên truyền phiến diện từ bao lâu nay và ý thức tiểu nông, tiểu công, tiểu thương, tiểu sĩ trong tiềm thức của chúng ta, khiến chúng ta chỉ thích thắng lợi nhẹ nhàng, thắng lợi khéo léo không cần phải cố gắng và trả giá lớn lắm, thắng lợi nắm chắc tuyệt đối. Điều này đã ảnh hưởng đến cách nhìn của chúng ta đối với loại sự kiện lịch sử như chiến tranh kháng Nhật và trận đại chiến trăm trung đoàn, hình như cuộc chiến tranh kháng Nhật do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo chỉ là thứ "chiến tranh du hí" "Bắn một phát súng lai chuyển chỗ khác". Nghiêm trọng hơn nữa còn ảnh hưởng đến sự phát triển sau này của chúng ta. Hiện nay dù là xây dựng kinh tế hay phát triển sự nghiệp khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hoá, có một hiện tượng rất phổ biến là làm ăn nhỏ lẻ rất khá; xây dựng lớn với trình độ thấp, chắp vá rời rạc, cũng làm hăng lắm, nhưng phẩm cấp khó mà đọ được với trình độ tiên tiến thế giới, khó mà thắng lớn trong cạnh tranh quốc tế, khó mà tiếp tục phát triển được. Cho nên, đối với "mèo vàng, mèo đen" nếu "chuột" biến thành "Ngưu Ma Vương", thì “mèo vàng, mèo đen" cũng phải tương ứng biến thành "Tôn Đại Thánh". Nếu chỉ biết bắt chuột, dù bản lĩnh có lớn đến mấy, cũng chỉ là một con mèo. Một trong những điều khác nhau chủ yếu giữa đại soái, đại tướng với Tiểu Bình, tiểu tướng là có thể thấy được tình

hình lớn, tình hình phức tạp hay không; liệu có thể nhằm vào những thắng lợi lớn, thắng lợi lâu dài; mà muốn thắng lớn tất phải chịu đựng những thử thách lớn, "thử thách rất lớn".

Lúc mới thành lập, sư 129 có bốn trung đoàn với hơn 13.000 người, trong đó có ba trung đoàn với hơn 9000 quân đã vượt sông Hoàng Hà ra tiền tuyến vào tháng 10 năm 1937. Một năm sau phát triển thành sáu trung đoàn và sáu chi đội du kích tổng cộng hơn 5 vạn người. Tháng 5, 6 năm 1940, trong thời kỳ chỉnh đốn lại mở rộng thành chín lữ đoàn, hơn bốn mươi trung đoàn với hơn 10 vạn người. Đến năm 1945, khi chiến tranh chống Nhật thắng lợi, Sư 129 phát triển lên tới gần 30 vạn người chia làm năm Quân khu gồm Thái Hàng, Thái Nhạc, Ký Lỗ Dự, Ký Nam và Hà Nam đóng trên một vùng rộng 18 vạn km2 với hơn 2,4 triệu người. Đại quân Lưu, Đặng thật danh bất hư truyền.

Lúc đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc không cầm quyền, cũng không nắm chính quyền, toàn bộ khu căn cứ địa đều là những huyện, tỉnh cho đến bây giờ vẫn nghèo. Vậy Đảng Cộng sản dựa vào cái gì để làm cho đội ngũ lớn mạnh được đây? Sư đoàn 129 và toàn bộ Bát lộ quân vì sao lại có thể nhanh chóng lớn mạnh được?

Tham gia Bát lộ quân gồm cả nông dân, các đội vũ trang du kích tự phát, cả "quân địa phương" và quân trung ương của Quốc dân Đảng, có cả số nguy quân đầu hàng, những thanh niên trí thức đầy nhiệt huyết, thanh niên thành phố, "Hồng quân già", “Bát lộ quân già" "Người cách mạng già" chiếm tỉ lệ tương đối ít, chỉ đáp ứng từ cấp trung đoàn trở lên hoặc cán bộ phân Quân khu địa phương mà thôi... Vậy làm sao Đảng Cộng sản lại có thể lãnh đạo đội quân đó được?

Đối với vấn đề này, khi nhận chức Phó Chủ nhiệm chính trị bát lộ quân, Đặng Tiểu Bình đã có những suy nghĩ và nhận thức quí báu, một trong những nhận thức đó là: "Chúng ta không thể đồng ý với quan điểm như vậy, tức là chỉ dùng biện pháp lãnh đạo nghiêm khắc của các chỉ huy là có thể đạt được mục đích. Đương nhiên, kỷ luật nghiêm và sự phối hợp của công tác chính trị nữa". Thông qua công tác chính trị làm cho các chiến sĩ "từ sự giác ngộ của mình mà nảy sinh ra sức mạnh chiến đấu", để "trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào luôn giữ được sự đoàn kết nhất trí để kiên trì cuộc chiến tranh gian khổ này", "Đề xướng sự

lãnh đạo hợp lý, áp dụng nhiều hơn phương thức giáo dục thuyết phục, thúc đẩy chiến sĩ mới tự giác chấp hành kỷ luật, cố gắng học tập.

Lãnh đạo hợp lý, kỷ luật nghiêm minh và công tác chính trị tư tưởng phải nhất trí với nhau.

Ngày 12 tháng 1 năm 1957, khi nhận chức Tổng Bí thư Đảng, Đặng Tiểu Bình đã đến Đại học Thanh Hoa. Trong bài phát biểu của mình, ông nói: "Trước kia, trong bộ đội, có những chiến sĩ không thích nghe báo cáo, luôn nhấp nhổm không ngồi yên, lại còn nói linh tinh: "Không sợ máy bay phá lớn, chỉ sợ Chính uỷ nói chuyện". Hôm nay, tôi là một chính uỷ tới đây nói chuyện liệu các bạn có sợ không?" Cả hội trường vang lên tiếng vỗ tay và tiếng cười vui vẻ.

Tất nhiên, mọi người đều rất quen thuộc với thứ "công tác chính trị tư tưởng" mà người trên bục giảng toàn nói những lời trống rỗng, ba hoa, còn người ngồi dưới nếu không ngủ gật thì cũng nói chuyện phiếm hay cười đùa. Hiện tượng này tồn tại ngay từ thời chiến tranh cách mạng, Đặng Tiểu Bình có ấn tượng rất sâu sắc về chuyện này và biết rõ chiến sĩ rất ghét nó.

Chính uỷ là người lãnh đạo công tác chính trị chuyên trách, Đặng Tiểu Bình sẽ làm công tác chính trị tư tưởng ra sao đây? Đó phải là xoay quanh và bám sát các vấn đề thực tế - những vấn đề thực tế rất quan trọng để làm công tác đó.

Đặng Tiểu Bình nhận chức Chính uỷ sư 129 được ít lâu đã chủ trì một Hội nghị quân nhân và để lại cho mọi người một ấn tượng rất sâu sắc. Đó là Hội nghị xử lý một người chiến sĩ già can tội cưỡng hiếp một phụ nữ.

Thông thường mà nói, Chính uỷ không chủ trì Hội nghị quân nhân mà chỉ chủ trì cuộc họp từ cấp cán bộ trung đoàn trở lên. Đặng Tiểu Bình không nói nhiều, cũng không thích đọc báo cáo và cũng không dễ phá lệ đó. Nhưng do sự việc này rất nghiêm trọng, ngoài bản thân vụ việc rất nghiêm trọng ra, điều nghiêm trọng hơn là rất nhiều người đến để xin cho kẻ phạm tội, cho rằng xử quá nặng, và cả quần chúng cũng đều đồng tình xin cho kẻ đó. Điều đó nói lên rằng, cả quần chúng địa phương và bộ đội đều nhận thức rất mơ hồ về đội quân cách mạng, nhận thức không rõ ràng về sự nghiêm minh của kỷ luật quân đội. Vì vậy, đích thân ông phải đứng ra chủ trì. Ông nghiêm khắc chỉ ra rằng, một trong những điểm khác nhau giữa quân đội cách mạng do Đảng lãnh đạo và đội quân

phiệt là ở kỷ luật nghiêm minh, không cho phép ai xâm phạm tới lợi ích của quần chúng. Chỉ có làm như vậy mới được dân tin yêu, mới có thể tồn tại sau lưng địch được. Quần chúng rất sợ phải vào lính, bọn thống trị ở Sơn Tây trước còn tuyên truyền Hồng quân là một đội quân rất đáng sợ, đáng ghét. Để quần chúng hiểu rõ được sự thật về Hồng quân, về sự khác nhau giữa nó và quân đội cũ cần phải dùng hành động thực tế để thức tỉnh họ. Vụ cưỡng hiếp phụ nữ tuy tội phạm là một chiến sĩ, nhưng nếu nó lan rộng ra sẽ ảnh hưởng xấu tới toàn quân, phá hoại ấn tượng tốt mà quân đội khó khăn lắm mới tạo ra được trong quần chúng, nên phải xử lý nghiêm, không nương tay. Cần phải rút ra được bài học từ vụ này, giữ nghiêm kỷ luật quần chúng, tuân thủ ba điều kỷ luật lớn và tám điều chú ý, xứng đáng là người quân nhân cách mạng.

Thời kỳ ở Đại Biệt Sơn, Đặng Tiểu Bình đã xử lý nghiêm một Đại hội phó thuộc trung đoàn cảnh vệ.

Ngày 11 tháng 11 năm 1947, trên đường đi, Đặng Tiểu Bình phát hiện một quân nhân treo trên lưỡi lê một cuộn vải hoa. Ông chỉ thị phải điều tra rõ sự việc. Hoá ra anh này là Đại đội phó thuộc trung đoàn cảnh vệ đã lấy thứ đó từ một cửa hiệu không có người, bởi lúc đó dân chúng đã chạy đi hết.

Vùng này là căn cứ địa cách mạng cũ, do Hồng quân thường ra ra vào vào nơi đây, mỗi khi tiến vào đều xảy ra các cuộc chiến đấu, khi rút ra, kẻ địch quay lại thường trả thù rất đã man. Quần chúng oán thán quân đội, cho rằng mỗi lần như vậy họ lại bị mất sạch trơn tất cả. Vì vậy, lần đại quân của Lưu Đặng tiến vào này, quần chúng mới nghe tin đã bỏ chạy hết, không tiếp xúc với quân đội. Đặng quyết định dùng kỷ luật nghiêm minh của quân đội để tranh thủ quần chúng, ông ra lệnh: "Tử hình những kẻ nào dùng súng bắn quần chúng, cướp bóc tài sản của quần chúng và cưỡng hiếp phụ nữ. Ông đã thảo luận vụ người Đại đội phó kia với hai Phó chính uỷ là Lưu Bá Thừa và Trương Tế Xuân cùng tham mưu trưởng Lý Đạt. Ông chủ trương xử bắn người quân nhân đó. Ngay chiều hôm đó, Lý Đạt triệu tập Hội nghị quân nhân, mời thêm một số thương gia sở tại tham dự, tiến bành xử bắn viên Đại đội phó kia. Quần chúng địa phương rất cảm động và cũng tỏ ra rất hối hận. Mấy chục năm đã qua đi, nhưng một số người già ở đó vẫn hối tiếc: "Nếu lúc đó chúng tôi không bỏ chạy, chắc việc đó sẽ không xảy

ra!"

Lưu Đặng trị quân nghiêm nhưng rất gắn bó với binh lính.

Ngày 5 tháng 9 răm 1940, Sư 129 sau 15 ngày chiến đấu liên tục với hơn 100 trung đoàn khác đã được lệnh "nghỉ ngơi" để chỉnh đốn lại quân ngũ theo sáu mặt công tác trong đó mệnh lệnh thứ nhất do hai ông đưa ra là: "Bồi dưỡng thể lực"; Bổ sung trang bị, mua thịt dê về ăn".. Trong chiến dịch này, Sư 129 qui định mười mấy tiêu chuẩn xét khen thưởng, trong đó mức thưởng thứ ba giành cho những người "không để bộ đội đói một bữa cơm", phần thưởng đều là quần áo, giày vải, khăn mặt; loại một được một bộ quần áo, một đôi giày, một khăn mặt, các loại khác sẽ thưởng giảm dần.

Ngày 1 tháng 8 năm 1943, Sư 129 công bố mệnh lệnh: "Về sản xuất tiết kiệm, vượt qua khó khăn, đón chào thắng lợi", trong đó có vấn đề giảm tiêu chuẩn cung cấp lương thực: Bộ đội chủ lực từ 1 cân rưỡi (24 lạng Trung Quốc) giảm xuống còn 1 cân (16 lạng); bộ đội địa phương từ 16 lạng xuống còn 15 lạng. Bộ đội cơ quan giảm xuống còn 13 lạng mỗi ngày. Đây tuy chỉ là việc "tiết kiệm lương thực", nhưng có thể gọi đó là một kỳ tích lúc bấy giờ. Từ năm 1941 đến 1943 Bát lộ quân trải qua một thời kỳ đói nghiêm trọng. Tháng 3 năm 1943, Bành Đức Hoài triệu tập một hội nghị tại một thôn thuộc huyện Tả Quyền, những người tham gia Hội nghị đói đến nỗi ngồi không vững khiến cho một người có tác phong rất nghiêm như Bành Đức Hoài cũng đành phải để cho người tham gia Hội nghị được nằm. Sau khi về Sở chỉ huy, ông đã lệnh cho tất cả nhân viên cơ quan thuộc Sở chỉ huy và Cục phương Bắc (bao gồm cả ông) giảm tiêu chuẩn lương thực xuống từ 11 lạng còn 7 lạng một ngày cho tới vụ thu. Một lần, Đặng Tiểu Bình đến chính quyền biên khu gặp Dương Tú Thanh, Nhung Tử Hoà, Lý Nhất Thanh bàn công việc, thấy Tử Hoà gầy xọp chỉ còn 100 cân (trước là 120 cân), trong cuộc họp chỉ Dương Tú Thanh là còn tỉnh táo, hai người kia luôn ngủ gật, khiến cho ông rất đau lòng, ông nói với Dương Tú Thanh (lúc đó là cán bộ chính quyền) tăng phụ cấp lên cho họ mỗi người 10 đồng một tháng (trong khi phụ cấp của cán bộ chiến sĩ Sư 129 mỗi tháng chỉ được từ 1,5 - 5 đồng).

Do vậy, một trong những quyết sách của Đặng và Lưu là ưu tiên số một cho

việc ăn, cố gắng cho mọi người ăn no. Bí quyết này về sau đã bị quân Nhật phát hiện, một viên Tham mưu trưởng quân Nhật đã nói: "Chiến tranh thắng lợi hay không, lương thực phải là số một". Do đó, bắt đầu từ năm 1942, quân Nhật lấy việc cướp lương thực là mục tiêu tác chiến hàng đầu và năm 1943 là năm gay gắt hơn. Mùa thu năm đó, Nhật tập trung hơn 20 vạn quân dưới sự chỉ huy của Tư lệnh Phương diện quân Hoa Bắc mở chiến dịch "càn quét" toàn diện vào các căn cứ ở Hoa Bắc, mà một trong những mục tiêu chủ yếu là cướp lương thực và phá hoại vụ thu của quân dân trong căn cứ. Một nhiệm vụ chủ yếu trong chống càn của quân ta là bảo vệ việc thu hoạch mùa màng và chống cướp lương thực trong khu vực lương thực chủ yếu của quân ta. Trung đoàn 769 là một trong ba trung đoàn cũ của Sư 129, là một thanh bảo kiếm sắc bén đã phải tiến hành 45 lần tác chiến bảo vệ vụ thu hoạch, 88 lần chiến đấu bảo vệ kho lương, 23 lần vũ trang bảo vệ vận chuyển lương thực. Tư tưởng dùng binh và lãnh đạo quân đội của Đặng xem ra rất bình thường, nhưng từ sau những năm 70 của thế kỷ XX đến nay, những thay đổi to lớn của Trung Quốc cũng chính được bắt đầu từ chuyện cơm ăn và ăn no nhỏ bé đó mà ra. Nay chuyện ăn no đã không trở thành vấn đề nữa, nhưng một việc có thành công hay không mãi mãi vẫn được bắt đầu từ những vấn đề hết sức thực tế đó chứ không là gì khác.

Đối với các tướng lĩnh cũng phải kết hợp giữa thương yêu và nghiêm khắc. Như trên đã nói, Đặng đã từng nổi giận với tướng Trần Canh, làm cho vị tướng này có phần sợ ông; nhưng mặt khác đó cũng là vị tướng mà ông yêu thích và trọng dụng nhất. Con gái Đặng Tiểu Bình đã nói, mỗi lần nhắc tới vị tướng nọ, ông luôn cảm thấy tự hào. Ông cũng kể chuyện này cho con cái ông nghe và nói rằng, những trận chiến ở Kinh Lư Hàng đánh quả là nhanh, nguyên nhân là địch chạy quá nhanh, quân ta phải chia ta thành các đơn vị nhỏ, nếu không sẽ đuổi không kịp chúng. Đại tướng Trần Canh tiến rất xa, đã chiếm được cả tỉnh Giang Tây. Thời kỳ Hồng quân, Tưởng Giới Thạch đã từng bắt được Trần, nhưng nghĩ lại thời Đại cách mạng, chính Trần đã cứu mạng mình nên đã thả ông ra. Khi được thả ra ở Nam Xương, có người đã nói: hoan nghênh ông lại đến. Trần tướng quân liền nói ngay rằng: Nếu đến, tôi sẽ dẫn 10 vạn quận đến và quả thực ông đã chiếm được cả Nam Xương với đội quân của mình. Cũng may, lúc đó không để ông đánh Nam Kinh, mà chỉ để ông tiến xuống phía nam, nếu không,

ông không thể thực hiện lời thề và nguyện vọng của mình.

Còn một đặc điểm nữa trong cách lãnh đạo của hai ông Lưu Đặng là rất tín nhiệm cấp dưới. Khi nói chuyện với các đồng chí già thuộc Quân đoàn dã chiến 2 về chiến dịch vượt sông Hoài Hải, ông nói: "Chắc các đồng chí đã thấy, từ khi chiến tranh bắt đầu, mỗi lần tác chiến cụ thể, người chỉ huy luôn đi đầu hàng quân, nhưng Lưu, Đặng chúng tôi chưa hề đích thân ra chiến trường để trực tiếp chỉ huy chiến đấu... Chúng tôi cũng không phát hiện dưới đó có gì không đúng, cũng không hề thay đổi kế hoạch chiến đấu của bất kỳ chỉ huy phân đội nào. Nếu chúng tôi có ý kiến gì với chỉ huy hoặc phát hiện điều gì không ổn đều có thể liên lạc qua điện thoại. Cách làm này rất tốt cho sự tín nhiệm giữa trên và dưới và nâng cao sức chiến đấu của bộ đội; lại còn có thể rèn luyện tính chủ động của các cấp chỉ huy chiến trường, nói theo ngôn ngữ triết học là phát huy tính năng động. Người lãnh đạo quân dã chiến tin cấp dưới của mình, cấp dưới cũng tin cấp trên, mối quan hệ đoàn kết lẫn nhau, tin tưởng nhau ngay từ khi bắt đầu tác chiến đã luôn như vậy. Đó chính là sức mạnh tuyệt vời. Tập đoàn quân dã chiến số 2 có thể trở thành một đơn vị lẫy lừng chính là dựa vào điều này.

Trước mắt, nhiều xí nghiệp khi qui mô nhỏ và vừa thì hoạt động rất tốt, nhưng hễ mở rộng là hỏng. Trong 8 năm kháng chiến, Sư 129 mở rộng ra hơn 30 lần, nhưng càng ngày càng mạnh, vậy có bí quyết gì đây?

Sau khi vượt Hoàng Hà, Sư 129 có một cuộc phân chia lớn, đó là đơn vị đông tiến được thành lập tháng 1 năm 1938 do Phó Lữ trưởng Lữ đoàn 386 Trần Tái Đạo làm Tư lệnh đơn vị, lực lượng nòng cốt của nó là 4 đại đội bộ binh, 1 đại đội súng máy, 1 đại đội kỵ binh của trung đoàn 769, Lữ đoàn 385. Đơn vị này về sau phát triển thành 4 trung đoàn và 5 chi đội. Tháng 6 năm 1938, một trung đoàn và một chi đội được rút ra để kết hợp với trung đoàn 796 tái lập Lữ 385 (Lữ 385 và trung đoàn 770 vốn đóng ở vùng biên khu Thiểm - Cam - Ninh), do Trần Tích Liên làm Lữ Trưởng, Tạ Phú Trị làm chính uỷ. Về sau, Lữ 385 cùng với các đơn vị trực thuộc Sư tổ chức thành lực lượng cơ bản của Quân khu Thái Hành, do Lưu và Đặng thay nhau làm Tư lệnh kiêm chính uỷ, Tham mưu trưởng cũng do Lý Đạt - tham mưu trưởng Sư kiêm nhiệm, Phó Tư lệnh là Vương Thu Thanh, Phó Chính uỷ là Hoàng Trấn. Trần Tích Liên làm Tư lệnh Phân Quân

khu thứ ba.

Từ tháng 4 đến tháng 11 năm 1938, Sư 129 được chỉnh đốn lớn, toàn sư được biên chế thành 6 trung đoàn và 6 chi đội du kích. Lữ 386 rút trung đoàn 771 ra thành lập cánh quân thanh niên, một số được sát nhập với trung đoàn 688 thuộc lữ 344 Sư 115, tổ chức thành binh đoàn Trương Nam mở căn cứ địa mới, sau đó trở thành Quân khu Ký Nam do Trần Tái Đạo làm Tư lệnh, Tống Nhiệm Cùng làm chính uỷ; cuối cùng trở thành một lữ chủ công kế tục lữ 385, 386 của Sư 129. Sau kháng chiến đã hợp nhất với quân khu Ký Lỗ Dự thuộc Sư 115 tổ chức ra quân khu Ký Lỗ Dự mới (vẫn giữ tên cũ) do Tống Nhiệm Cùng làm Tư lệnh, Hoàng Kính làm Chính uỷ, Vương Hoàng Khôn, Dưỡng Dũng làm Phó Tư lệnh.

Khi Sư 129 tách trung đoàn 771 từ lữ 386 ra thì đồng thời lại bổ sung hai trung đoàn 1 và 3 thuộc cánh quân đồng tiến vào lữ 386, cộng thêm một trung đoàn bổ sung của lữ, như vậy lữ đoàn này đã chiếm 4 trong 6 trung đoàn của toàn sư đoàn, đó là các trung đoàn 772, 16, 17 và 18. Tuy lực lượng chủ chốt phân tán, nhưng vẫn là một lữ mạnh nhất của sư đoàn. Tháng 1 năm 1940, chủ lực của lữ này và trung đoàn đặc biệt của Sở chỉ huy Bát lộ quân tiến vào khu Thái Nhạc, sau đó cùng với cánh quân cảm tử và lữ 212 thành lập cánh quân Thái Nhạc...

Ngay từ khi còn là Bí thư huyện uỷ trung tâm Hội Xương, Đặng Tiểu Bình đã từng phản đối việc mở rộng Hồng quân một cách mù quáng. Sư 129 tuy mở rộng rất nhanh, chỉ trong 8 năm, từ gần 1 vạn người đã lên tới gần 30 vạn, nhưng từ tình hình diễn biến kể trên, ta dễ dàng nhận thấy, sự thay đổi đó rất vững chắc và đúng đắn, về đại thể từ một nửa lữ với 3 trung đoàn lúc đầu, sau khi vượt qua Hoàng Hà đã lần lượt mở rộng thành ba binh đoàn chủ lực mạnh, trong kháng chiến chống Nhật được gọi là bộ đội Thái Hành, Thái Nhạc và Ký Nam. Kết quả đó được giữ lại cho tới tận thời kỳ Quân đoàn dã chiến số 2 Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Ba binh đoàn của quân đoàn này do Trần Tích Liên, Trần Canh, Dương Dũng làm Tư lệnh, cả ba nguyên là lữ trưởng lữ 385, lữ trưởng lữ 386 và Phó Tư lệnh quân khu Ký Lỗ Dự thuộc Sư 129. Tài cầm quân của Lưu Đặng thật rất có bài bản.

Phương thức vừa tập trung lại vừa phân tán này vừa không để lỡ thời cơ làm

quân đội lớn mạnh, vừa rất quan trọng trong sử dụng lực lượng đánh lại kẻ địch mạnh. Trong cuốn "Đại từ điển lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc" do Nhà xuất bản Trung ương Đảng in năm 1991 đã ghi lại 14 cuộc chiến đấu và chiến dịch do Sư 129 độc lập tiến hành ở các nơi, trong đó lữ 386 đã độc lập hoặc là chủ lực trong 8 trận chiến hoàn toàn với quân Nhật, trong 6 chiến dịch khác có 3 chiến dịch đánh nhau với quân cố thủ. Ta có thể thấy rằng, ba năm trước, khi Sư 129 phát triển thành một đại quân, tác dụng của lữ chủ lực 386 thật rõ ràng. Sau những sự kiện trên, cuốn Từ điển còn ghi lại thêm 13 cuộc chiến đấu nữa của Sư 129, trong đó, lữ 386 và quân khu Thái Nhạc độc lập hoặc đóng vai trò chủ chốt trong 4 cuộc, tuy cũng chiếm tỉ lệ khá nhưng không nổi bật như trước, điều đó chứng tỏ Sư 129 đã có các binh đoàn chủ lực rất mạnh.

Mọi người đều biết, các đội quân lớn trên thế giới đều có những đơn vị "át chủ bài" và các đơn vị tinh nhuệ. Ngay trong thời kỳ chiến tranh giải phóng, trong "Quốc quân" cũng đã có một số đội quân sức chiến đấu rất mạnh, ví dụ như Sư 74 rất nổi tiếng, Quân dã chiến Hoa Đông của Đảng Cộng sản đã dùng 5 cánh quân chủ công và 4 cánh quân chi viện mới tiêu diệt được nó.

Nhưng ngoài Sư 74 trong năm đơn vị chủ lực ra, các đơn vị khác của Quốc dân Đảng chẳng đáng gì hết. Cho nên, tập trung quân tinh nhuệ, nâng cao sức mạnh chiến đấu, nói thì dễ nhưng làm lại chẳng dễ chút nào. Sư 129 mở rộng nhanh chóng trong toàn quân, trong tình thế nhu cầu đối với cán bộ quân sự và bộ đội cốt cán vô cùng bức thiết nhưng vẫn giữ được một số đội quân tinh nhuệ, và cuối cùng vẫn kết hợp được việc nâng cao một cách phổ biến với sức mạnh chiến đấu và sự mở rộng ra toàn quân là một việc rất ít người làm được. Năng lực và nghệ thuật lãnh đạo này hiển nhiên mang một ý nghĩa như một tấm gương sáng vậy. Bởi vì thường thường người ta khi làm nổi bật trọng điểm sẽ khó để ý tới cái chung thông thường, hễ nhấn mạnh toàn cục sẽ rất khó làm nổi bật trọng điểm được.

Trong chiến tranh chống Nhật, địch mạnh ta yếu, nếu đánh bừa sẽ thiệt hại. Nhưng nếu không dám đánh sẽ làm cho kẻ địch càng ngông cuồng hơn và nhân dân sẽ không coi trọng nữa. Thời kỳ trước, Quốc dân Đảng cố đánh, đã đánh nhiều trận lớn, nhưng sau hai cuộc đàm phán ở Vũ Hán năm 1938 và Trường Sa

năm 1939, Quốc dân Đảng đã không dám đánh nữa. Đặc biệt là sau cuộc kháng chiến tháng 3 năm 1940 do Phụ Tác Nghĩa tổ chức và cuộc đàm phán về chiến sự tháng 5, 6 năm 1940 để ngăn quân Nhật tấn công Trùng Khánh thì ngoài cuộc hội chiến ở Thường Đức ra, về cơ bản quân đội Quốc dân Đảng không có gì đáng phải nhắc tới trong cuộc kháng chiến chống Nhật nữa. Có chăng, chính là cuộc đại bại năm 1944, chỉ trong 8 tháng (từ tháng 4 đến tháng 12 năm đó) đã mất đi hơn 20 vạn km2 đất đai thuộc các tỉnh Hà Nam, Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến v.v... và 146 thành phố. Lúc đó, cuộc chiến tranh chống phát xít trên thế giới đang bước vào giai đoạn phản công, Bát lộ quân, Tân Tứ quân cũng đã triển khai thế tiến công mạnh mẽ toàn diện ở khắp nơi như Tấn, Ký, Lỗ Dự, Tấn Sát Ký, Tấn Tuy, Sơn Đông, Hoa Đông, Hoa Trung, Giang Nam. Trong đó, Bát lộ quân tổng cộng đã tiêu diệt hơn 18,1 vạn quân Nhật, thu hồi hơn 10 vạn km2 đất đai. Tân Tứ quân tiêu diệt hơn 5 vạn quân ngụy, thu hồi 7400 km2 đất đai. Trong 8 năm Quốc dân Đảng kháng chiến chẳng có chút phát triển nào, còn Bát lộ quân và Tân Tứ quân càng đánh càng mạnh, những điều kỳ diệu thật không sao kể xiết.

Ngày 26 tháng 1 năm 1943, tại Hội nghị cán bộ cao cấp Phân cục Thái Hàng Trung ương Đảng, Đặng Tiểu Bình đã đọc báo cáo Tổng kết khái lược đối với cuộc chiến đấu chống quân thù năm năm và Phương châm chiến đấu từ nay về sau" (Dưới đây gọi tắt là "Báo cáo năm năm"). Trên cơ sở quá trình chiến đấu năm năm qua, báo cáo đã đề ra 10 kinh nghiệm lớn trong đó kinh nghiệm thứ nhất có thể tóm tắt là: "Cuộc đấu tranh địch ta không chỉ là cuộc đấu về sức mạnh quân sự, mà còn là một cuộc đấu bản lĩnh toàn diện; không chỉ đấu lực mà chủ yếu là đấu trí". Kinh nghiệm thứ hai là "Nguyên tắc của chúng ta là tiêu hao kẻ địch, bảo tồn và bí mật tập hợp lực lượng, chuẩn bị phản công". Nội dung này, theo lời Đặng Tiểu Bình chính là "Cần làm cho kẻ địch coi thường mình, cần biết dùng tất cả mọi phương thức để làm tê liệt kẻ địch". Người Trung Quốc rất giữ thể diện, "làm tê liệt kẻ địch" cách nói này có thể làm người ta tiếp nhận, còn "cần phải làm cho kẻ địch coi thường mình" thì có lẽ chỉ có Đặng Tiểu Bình, một con người tài năng và thực sự cầu thị mới có thể báo cáo trước một Hội nghị toàn cán bộ cao cấp như vậy, và trong cuộc cạnh tranh mang tính đối kháng lúc đó, nó là một kinh nghiệm hết sức quí báu. "Làm tê liệt kẻ địch" tuy dễ nghe

hơn, nhưng cũng có rất nhiều ý tứ rõ ràng.

Trong chiến tranh, để kẻ thù coi thường mình là một việc tốt; nhưng hãy cẩn thận, nếu để nhân dân coi thường mình thì thật tai hoạ. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, về vấn đề nhân dân nhìn nhận ra sao, trong báo cáo Đặng Tiểu Bình đã nói: "Kinh nghiệm chứng minh rằng: Vấn đề là ai quan tâm tới nhân dân, ai giúp nhân dân nghĩ cách chống lại kẻ thù, bảo vệ lợi ích của nhân dân thì người đó là lãnh tụ được dân yêu mến". Theo hồi ức của Quách Lâm Tường, phó chính uỷ kiêm chủ nhiệm Cục chính trị của chi đội 1 trong cuộc tác chiến Dự Tây năm 1944, vào đêm trước khi xuất phát tiến công địch (Trung tuần tháng 8 năm 1944), Đặng Tiểu Bình đã nghe báo cáo về công tác chuẩn bị và cùng với ông bàn phương án vượt sông. Ông đã chỉ thị, dân ở đây rất mạnh mẽ và đầy nghĩa khí, phải đánh cho ra đánh nếu không quần chúng sẽ coi thường. Chỉ cần các đồng chí kiên định chấp hành chính sách của Đảng, ba điều kỷ luật và tám điều chú ý sẽ đánh thắng và sẽ được dân tin, nhất định sẽ mở rộng được vũ trang, xây dựng chính quyền, lập căn cứ mới.

"Cần làm kẻ địch coi thường mình" nhưng phải để quần chúng coi trọng mình, thì mấu chốt là phải biết đánh. Trong "Báo cáo năm năm", Đặng Tiểu Bình nhắc tới một chính sách trong văn kiện do Sư 110 đưa ra trong cuộc chiến tranh chống Nhật là "Không đánh động kẻ địch, không kích thích chúng để đột nhiên vượt lên". Với quân đội nói chung, Đặng Tiểu Bình chỉ rõ: "Có phương pháp đấu tranh với địch xác đáng", "Cơ bản là phải đoàn kết tất cả người Trung Quốc đối địch", "Địch tiến ta tiến", biết lợi dụng kẽ hở để khoét sâu vào kẻ địch", "Chiến đấu du kích là cơ bản, không bỏ lỡ tác chiến vận động khi có thời cơ", "Lãnh đạo phải thống nhất, từng bước đều nhất trí", "đánh vào mọi tổ chức địch, trường kỳ mai phục, tập hợp lực lượng" "Biết vận dụng chính sách hai mặt của cách mạng", "Không được khoa trương, không làm liều, không để lộ, làm việc phải xuất phát từ thực tế" v. v...

Trong "Phương pháp đánh địch xác đáng" thì hoạt động của "Đội vũ trang sau lưng địch" rất được mọi người ưa thích. Ngay từ ngày 20 tháng 8 năm 1940 - ngày nổ ra cuộc chiến Bách Đoàn, chỉ huy Bát lộ quân đã ra chỉ thị, các đơn vị sau khi hoàn thành kế hoạch tác chiến trong chiến dịch sẽ thừa thắng cử những

cán bộ có năng lực và các phân đội tinh nhuệ ở lại vùng địch để hoạt động. Tháng 2 năm 1942, Cục Phương Bắc của trung ương Đảng và Cục chính trị của Bát lộ quân lại ra mệnh lệnh, mỗi lữ đoàn hoặc cấp tương đương phải tổ chức một đến hai đội công tác vũ trang sau lưng địch, mỗi đội từ 30 - 50 người, do cán bộ có năng lực tương đương Bí thư khu uỷ hoặc hơn Bí thư huyện uỷ phụ trách, luôn sâu vào lòng địch triển khai các mặt công tác, thành lập căn cứ du kích bí mật, không khoa trương, không để lộ, không kích động kẻ địch, luôn có sự chuẩn bị cho hoạt động bí mật thật tốt, "khi hoàn cảnh bất lợi hoặc khi có thể tăng cường hoạt động của mình, thậm chí có phải co lại đến mức tối đa cũng có thể cho phép". Như vậy, trong giai đoạn từ 1941 đến 1943, căn cứ địa của ta tuy giảm, nhưng "địch tiến ta cũng tiến" phạm vi hoạt động của Bát lộ quân và Đảng Cộng sản lớn hơn nhiều, cơ sở cũng càng vững chắc hơn.

Mùa xuân năm 1944, trong 11 sư đoàn, 7 lữ đoàn độc lập hỗn hợp và 1 trung đoàn kỵ binh thuộc Phương diện quân Nhật Hoa Bắc đã có 9 sư đoàn được rút xuống phía nam, 6 sư đoàn quân Nhật nằm trong vùng hoạt động của Sư 129 cũng bị điều xuống phía nam, tuy được bổ sung các lữ đoàn mới biên chế, nhưng sức chiến đấu rất yếu ớt. Như vậy, thời cơ mà quân ta thực hiện "Nhảy vọt đột biến" đã tới. Năm 1944, toàn thể Bát lộ quân triển khai thế tiến công, đã tiêu diệt tổng cộng 18,1 vạn quân Nhật và quân Ngụy, giải phóng 20 huyện lỵ, 1,2 vạn thôn xóm, thu hồi hơn 10 vạn km2 đất đai, trong đó sư 129 tiêu diệt hơn 7,6 vạn quân Nhật và quân ngụy, giải phóng 11 huyện lỵ, thu hồi hơn 6 vạn km2 đất đai.

Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1945, tiếp tục thế tiến công, Sư 129 tiêu diệt thêm 3,7 vạn quân địch, giải phóng 28 huyện lỵ, phá tan hơn 2800 cứ điểm địch, buộc địch phải có về Bình Hán, Lũng Hải và trên các tuyến giao thông sắt, bộ chủ yếu cũng như trong các thành phố lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng phản công chiến lược.

Điều đáng chú ý là, trong thời gian này, những nhà lãnh đạo quân sự như Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa đều ở Diên An, Sở Chỉ huy Bát lộ quân đã sát nhập với Sư bộ sư 129. Đặng Tiểu Bình thay mặt Bí thư Cục Phương Bắc của Đảng và trở thành vị lãnh đạo tối cao chỉ huy cả sư 129 và Cục Phương Bắc. Trung tuần tháng 6 năm 1945, Đặng Tiểu Bình được bầu làm Uỷ viên Trung

ương Đảng đã tham dự Hội nghị Trung ương lần thứ nhất khoá 7 tại Diên An. Tại đây, ông cùng Lưu Bá Thừa đã bố trí và chỉ huy "Cuộc chiến đấu cuối cùng với giặc Nhật", trong cuộc chiến này, Sư 129 đã tiêu diệt hơn 10 vạn quân Nhật và quân Ngụy, thu hồi hơn 80 huyện lỵ, các khu giải phóng như Thái Hành, Thái Nhạc, Ký Nam, Ký Lỗ Dự được nối liền tạo thành một khu giải phóng rộng 18 vạn km2 với hơn 24 triệu người. Sư 129 đã trở thành Quân đoàn dã chiến Tấn Ký Lỗ Dự với quân số 30 vạn người và được gọi là "Đại quân Lưu Đặng".

CHƯƠNG 6

NHÀ CHIẾN LƯỢC LỚN

Đặng Tiểu hình từ một người lãnh đạo bình thường trở thành một người lãnh đạo chủ yếu của một Phương diện quân, từ một lãnh đạo cao cấp trở thành một lãnh tụ, từ một lãnh tụ kiệt xuất trở thành một con người vĩ đại, chính tầm mắt chiến lược, tư tưởng chiến lược và tư duy chiến lược cùng với năng lực thực hiện là mặt cơ bản của ông.

Tháng 3 năm 1947, Quốc dân Đảng tiến công khu giải phóng Thiểm Bắc và Sơn Đông với 25 vạn quân vào Thiểm Bắc và 45 vạn quân vào Sơn Đông. Một phía Đông, một phía Bắc nhưng đều nằm trong phạm vi khu giải phóng Tấn Ký Lỗ Dự thuộc đơn vị của Lưu và Đặng. Tuy quân địch có tới hơn 30 lữ đoàn, nhưng so sánh với ta thì chúng cũng không lớn lắm. Trước cục diện này, Lưu Bá Thừa hình dung rằng, kẻ địch sử dụng "chiến lược quả chuông câm", đặt hai quả đấm sắt vào Sơn Đông và Thiểm Bắc. Vậy, quân ta phải làm sao đây? Ngày 20 tháng 11 năm 1989, Đặng Tiểu Bình nhớ lại lịch sử của Quân đoàn dã chiến 2 rằng: "Lúc ấy, trọng điểm tiến công của Quốc dân Đảng là Sơn Đông và Diên An, hai nơi này như hai đầu chiếc đòn gánh, còn khu Tấn Ký Lỗ Dự bị kẹp ở giữa, tuy không phải là trọng điểm tấn công của địch, nhưng là điểm gánh, đúng như Lưu Bá Thừa nói, đó là "chiến lược đòn gánh", nhiệm vụ của chúng tôi là thu hút địch ở hai đầu đòn gánh vào giữa".

Mùa hè năm 1947, đại quân Lưu Đặng chia làm ba: một đường do chính Lưu Đặng lãnh đạo với 4 cánh quân 12 vạn người, gọi là "Đại quân Lưu Đặng" hoặc "Quân đoàn dã chiến Lưu Đặng; một đường cũng gồm 4 cánh quân do Trần Canh, Tạ Phú Trị chỉ huy, gọi là tập đoàn Trần Tạ; còn một đường khác cũng gồm bốn đạo quân do Trần Nghị, Túc Dụ chỉ huy, cũng được gọi là tập đoàn

Trần Túc. Từ mùa hè 1947 đến tháng 5 năm 1948, trước khi đại quân Lưu Đặng và tập đoàn Trần Tạ hợp lại thành Quân đoàn dã chiến Trung Nguyên do Lưu Đặng thống nhất chỉ huy, ba đạo quân lớn này lần lượt được tác chiến độc lập dưới sự lãnh đạo của Quân uỷ Trung ương. Do vậy, thực hiện "chiến lược đòn gánh" chính là đội quân do Lưu Đặng chỉ huy, nói hẹp lại chính là "Đại quân Lưu Đặng".

Ngày 30 tháng 6 năm 1947, đại quân Lưu Đặng vượt sông Hoàng Hà tiến hành cuộc chiến đấu qui mô lớn, tiêu diệt quân đội Quốc dân Đảng. Đến 28 tháng 7, đã tiêu diệt toàn bộ bốn sở chỉ huy Sư đoàn, hơn 9 lữ tổng cộng hơn 6 vạn người; từ đó bắt đầu mở màn cho việc từ chiến lược phòng ngự chuyển sang chiến lược tiến công của Quân giải phóng Trung Quốc.

Sau khi cuộc nội chiến toàn diện bùng nổ, cuộc tiến công toàn diện vào khu giải phóng của Quốc dân Đảng đã hoàn toàn thất bại, trọng điểm tiến công của Sư 74 "át chủ bài" bị đánh cho đại bại. Đại quân Lưu Đặng vượt Hoàng Hà nam tiến, tác chiến ở Lỗ Tây nam, một mặt làm cho quân đội Quốc dân Đảng hoang mang, một mặt cũng làm cho đội quân Quốc dân Đảng khi tiến công vùng giải phóng luôn đánh là bại sẽ cho rằng đại quân Lưu Đặng chính là con rắn ra khỏi hang, con hổ xuống núi, trở thành đối tượng tác chiến trọng điểm mới của họ. Vậy là địch đã nhanh chóng điều 8 sư đoàn đủ và 9 lữ, tổng cộng 14 vạn người chi viện cho Lỗ Tây nam, ý định phối hợp với quân tại chỗ sẽ có khoảng 30 vạn quân cùng nhau tiêu diệt đại quân Lưu Đặng và hình thành một thế bao vây, buộc đại quân Lưu Đặng chuyển hướng về khu Hoàng Phiếm để tiêu diệt, hoặc bức đại quân này trở về bờ bắc Hoàng Hà để tiêu diệt. Tưởng Giới Thạch đã hai lần đích thân ra tiền tuyến chỉ huy. Điều này đã hoàn toàn đảo lộn thế bố trí vốn có của quân đội Quốc dân Đảng.

Khi chiến dịch Lỗ Tây nam nổ ra, cuộc tiến công Sơn Đông của Quốc dân Đảng đã bị ngừng lại bởi một mệnh lệnh "tạm hoãn" của Tưởng Giới Thạch và cuộc tiến công Thiểm Bắc cũng bị đập tan trong tháng 8, "Chiến lược đòn gánh" đã thành công lớn.

Khi đánh giá Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông nói một câu rất nổi tiếng: "Con người này tương đối chú ý tới đại cục". Đó là biểu hiện cơ bản của nhãn

quan chiến lược của Đặng, cũng là sách lược cơ bản để thành công của ông. "Chiến lược đòn gánh" chính là một trong những biểu hiện điển hình sách lược của ông.

"Chiến lược đòn gánh" cho thấy, chú ý toàn cục thường phải chịu gian khổ, hy sinh và trả giá. Trong thời kỳ chiến dịch Lỗ Tây nam thì biểu hiện đó chưa thực rõ ràng, nhưng tới cuộc tiến công Trung Nguyên và Đại Biệt Sơn thì biểu hiện này rất rõ. Nỗi khổ về phương diện này của bản thân Đặng Tiểu Bình trong lúc đó chẳng ai tưởng tượng nổi.

Ví dụ như một câu nói trong chương 1 cuốn sách "Thống soái Đại quân" trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, Đặng Tiểu Bình có một sách lược "Hãy để kẻ địch coi thường mình". Thời cải cách mở cửa, khi xử lý mối quan hệ quốc tế, ông cũng có một tư tưởng quan trọng: "Giấu tài", "không xuất đầu lộ diện". Mà "chiến lược đòn gánh" chính là dũng cảm gánh vác trọng trách, thu hút sự chú ý của địch về mình. Sách lược và chiến lược này mục đích trực tiếp của nó là tương phản nhau, nhưng tư tưởng chỉ đạo chung là nhất trí với nhau, tức là đều xuất phát từ đại cục, từ toàn cục chứ không phải là những công danh, niềm vui nhất thời và phải biết chịu đựng những gì người thường không chịu đựng được, hiểu những điều mà người thường khó hiểu, có tính cương nghị mà người thường không có. Chính vì lẽ đó, nó cũng có thể tôi luyện con người, biến họ từ người bình thường trở thành một người phi phàm. Đặng Tiểu Bình chịu đựng được khổ sở và những oan ức hiển nhiên không phải là bẩm sinh, mà được tạo thành bởi sự tôi luyện trong mấy chục năm cách mạng.

Chính trong lúc chiến dịch Lỗ Tây nam đang được triển khai, quân uỷ Trung ương đã bố trí ba đạo quân Lưu Đặng, Trần Tạ và Trần Túc lần lượt tiến vào Đại Biệt Sơn, Dự Tây, Dự, Hoản, Tô và hội quân ở Giang, Hà, Hoài, Hán, cùng thực hiện chiến lược lớn tấn công Trung Nguyên. Ngày 23 tháng 7, Quân uỷ Trung ương điện cho Lưu Đặng, yêu cầu phải hạ quyết tâm rời hậu phương, thẳng tiến vào Biệt Đại Sơn.

Lúc ấy, chiến dịch Lỗ Tây nam tiến triển rất thuận lợi. Đặng Tiểu Bình nhớ lại: "Tôi gọi điện cho Quân uỷ nói rằng có thể nhân đà thắng lợi tiếp tục tiêu diệt thêm một số lực lượng địch ở khu vực Tấn Ký Lỗ Dự, thu hút và kiềm chế địch

nhiều hơn, tình thế đang rất tốt". Nhưng ngày 29 tháng 7, Mao Trạch Đông đã gửi một bức điện tuyệt mật cho Lưu Đặng với nội dung: "Hiện hình hình Thiểm Bắc rất khó khăn (đã thông báo trực tiếp cho Trần Canh), nếu trong vòng hai tháng mà Trần Tạ và Lưu Đặng không có những hành động có hiệu quả điều động quân đoàn Hồ (Tôn Nam) thì Thiểm Bắc sẽ không thể giữ được".

Bức điện do tự tay Mao Trạch Đông viết, dùng ba chữ A (tức tối khẩn) và tối mật, chỉ hai người là Lưu và Đặng được đọc và đọc xong phải huỷ ngay. Đặng Tiểu Bình nhớ lại: Lúc đó hai chúng tôi chẳng nói gì mà lập tức điện trả lời và chỉ nửa tháng sau đã vượt qua vùng hậu phương địch thẳng tiến tới Đại Biệt Sơn. Đó chính là việc tập trung tới toàn cục, hết sức cho toàn cục. Bởi vì chiến trường Lỗ Tây nam suy cho cùng chỉ là "một chiếc đòn gánh", hoặc nói một cách hình tượng như Lưu Bá Thừa đó chỉ là "thắt lưng" của địch, còn Đại Biệt Sơn mới là trái tim của kẻ địch - Vũ Hán và Nam Kinh chỉ là một phần.

Càng những nhiệm vụ trọng tâm thì càng gian khổ, "Vượt qua hậu phương địch, thẳng tiến tới Đại Biệt Sơn" là một hành động cực kỳ khó khăn. Khó khăn là ở chỗ ngoài phải đột phá vòng vây của hơn 30 vạn quân Tưởng, thoát ly khỏi hậu phương của mình và thâm nhập vào trái tim kẻ thù ra, còn một yếu tố đặc biệt nữa đó là nước. Sông Hoàng Hà, sông Hoài và một vài con sông nhỏ khác trong Lưu vực của hai sông lớn như sông Oa, sông Dĩnh, sông Từ, sông Sa, sông Tuyền, tình hình nước sông thật khó lường.

Năm 1938, Quốc dân Đảng đã từng phá vỡ con đập ở Hoa Viên - Trịnh Châu làm cho nước sông Hoàng Hà tràn lên hung dữ, dòng chính chảy qua sông Dĩnh, sông Oa, đổ vào sông Hoài rồi ra biển Đông. Từ đó cả một vùng rộng lớn ở bắc Hoãn, Đông Dự hình thành một vùng trắng không một bóng người, bùn nước ngập hết cả nhà cửa. Khi bao vây đại quân Lưu Đặng, quân đội Quốc dân Đảng đã "chăng sẵn lưới" rồi mới dồn quân của Lưu Đặng vào đó để tiêu diệt.

Để đề phòng giải phóng quân nam tiến, ngày 9 tháng 3 năm 1947, Quốc dân Đảng đã chặn cửa Hoa Viên, bắt nước sông Hoàng Hà chảy theo đường cũ (tức con sông ngày nay) và gọi đó là "Phòng tuyến Hoàng Hà", có thể chống lại được 40 vạn đại quân. Như vậy ở chiến trường Lỗ Tây nam, phía Bắc là dòng sông Hoàng Hà vừa khôi phục, phía nam là khu nước tự do lên, tình hình nước rất

phức tạp. Lúc đó đang là mùa nước lên, đê điều ở dòng sông cũ bị bỏ đi đã 9 năm rất yếu. Quốc dân Đảng lại luôn lớn tiếng đe doạ sẽ nổ mìn phá đê lớn của Hoàng Hà, tình hình nước còn đáng lo hơn cả tình hình địch. Lư Bá Thừa nói: "Lính đến có thể chặn lại, nước đến có thể đắp đất ngăn, nhưng nếu đê sông Hoàng Hà vỡ, nước sông tràn ra thì lấy gì đắp ngăn được? Sau này, Đặng Tiểu Bình nói: "Suốt cả đời tôi, đó là lúc căng thẳng nhất! Nghe nước sông Hoàng Hà sắp tràn về, tim tôi đập như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực!"

Ngày 1 tháng 8, Lưu Đặng truyền đạt mệnh lệnh của Quân uỷ Trung ương ngày 23 tháng 7 cho các Thủ trưởng chủ chốt của các cánh quân và yêu cầu họ phải chuẩn bị để trung tuần tháng 8 xuất phát. Đứng trước tình hình nước sông Hoàng Hà ngày càng nguy hiểm, Lưu Đặng cảm thấy cần phải hành động trước, nhưng ngay một lúc chưa thể hạ quyết tâm được. Ngày 28 tháng 7, chiến dịch Lỗ Tây nam quân ta vừa tiêu diệt gọn một sư đoàn địch, nhưng quân ta cũng thương vong lớn, cộng với số tù binh bắt được nhiều nên cần phải có thời gian xử lý. Nếu nước sông ngập thì sẽ sao đây? Không có chỗ dựa hậu phương, mười mấy vạn con người sẽ ăn bằng gì? Phía nam Hoàng Hà lại cơ bản thuộc về Quốc dân Đảng, làm thế nào để phá vòng vây được; còn một vấn đề nữa là người phía Bắc làm sao thích hợp với cuộc sống ở miền Nam. Vấn đề này xem ra rất nhỏ, nhưng sau này mới trở thành vấn đề lớn. Đặng Tiểu Bình nói: "Người miền Bắc xuống miền Nam thật không dễ. Mới sau khi vượt qua sông Hoài đã có rất nhiều người bị ỉa chảy rồi, đây là vùng trồng lúa nước, đi đường núi, chỉ thích hợp với người miền Nam. Rõ ràng chúng ta không tính hết được, chỉ biết người miền Bắc xuống miền Nam sẽ không quen, mà không biết khi vượt qua sông Hoài, rất nhiều người thuộc Sư 129 vốn là người Nam, đã từng ở phía Bắc nhiều năm cũng không thể quen được. Thực hiện chiến lược lớn, đương nhiên phải đặt ra rất nhiều vấn đề chi tiết, thế nhưng có nhiều vấn đề nhỏ nhưng cơ bản lại bị bỏ qua. Những nhà chiến lược lớn phải mạnh dạn, mạnh mẽ, nhưng cũng phải chu đáo, tỉ mỉ. Vấn đề thói quen sống đã để lại ấn tượng rất sâu cho Đặng Tiểu Bình là một ví dụ.

Để suy nghĩ cho thật chu đáo, ngày 6 tháng 8, tại phòng tác chiến Quân đoàn dã chiến, Lưu, Đặng đã triệu tập một hội nghị từ cán bộ cấp phòng trở lên của Sở

chỉ huy Bộ Tư lệnh để thảo luận vấn đề tiến vào Đại Biệt Sơn. Phương pháp vận trù này trong lịch sử chỉ huy của hai người là một điều rất bất thường, điều đó phản ánh rằng, trong đợt hành động này, các nhân tố không xác định được quá nhiều, khó hạn quyết tâm được. Trong hội nghị dân chủ quân sự lần này, mọi người đều rất hào hứng, nhưng qua một buổi sáng cũng không có kết luận. Sau khi Lưu Đặng trao đổi một số ý kiến, hội nghị tạm nghỉ, mọi người trở về chuẩn bị ý kiến, chờ họp tiếp.

Buổi chiều, Đặng Tiểu Bình dẫn một tham mưu trưởng lên xe đi thị sát tình hình nước sông Hoàng Hà rồi cùng trao đổi ý kiến với Trần Tích Liêm và Vương Cận Sơn là Tư lệnh của cánh quân thứ hai và thứ sáu; còn Lưu Bá Thừa ở lại Phòng tác chiến nghiên cứu tình hình khu vực, tình hình giao thông, địa hình, nước và trao đổi ý kiến với các cán bộ tham mưu. Đột nhiên, Lưu Bá Thừa cho người mời Chính uỷ quay về. Khoảng hai giờ sau, Lưu Đặng và một số lãnh đạo tới phòng tác chiến trịnh trọng tuyên bố đại quân hành động sớm nam tiến ngay. Đứng trước tâm lý của cán bộ chiến sĩ đang muốn phát huy những thắng lợi của chiến dịch và những phỏng đoán vì sao lại phải bỏ những chiến thắng tiếp theo để xuống phía nam và giữ bí mật tuyệt đối chỉ thị tuyệt mật của Quân uỷ Trung ương mà chỉ có hai người biết, Lưu Bá Thừa - một vị tướng tài ba đã nói một cách khôi hài rằng, Tưởng Giới Thạch thi hành "chiến thuật mở hàng ăn", "chiến thuật quả nho" muốn để quân ta chết trương ở Lỗ Tây nam, chúng ta quyết không mắc bẫy chúng, ngày mai ta sẽ Nam tiến và bố trí kế hoạch hành động. Đặng Tiểu Bình chỉ thị tiếp chúng ta hạ quyết tâm không cần hậu phương nữa, quyết tâm chọc thẳng vào tim Tưởng Giới Thạch - Đại Biệt Sơn, tiến đến Trường Giang uy hiếp ba thị trấn ở Vũ Hán và sào huyệt của Tưởng Giới Thạch-Nam Kinh, mở rộng chiến tuyến từ sông Hoàng Hà xuống phía nam, tiến xuống sông Trường Giang". Đặng Tiểu Bình phân tích, quân ta Nam tiến nhất định làm cho địch phải điều quân chi viện và đuổi lên phía Bắc, chốt chặn phía nam, tập kích phía Đông và Tây, ở mặt này, phối hợp với bộ đội trên các chiến trường toàn quốc, sẽ có lợi cho việc xoay chuyển cục diện chiến trường toàn quốc, mặt khác cũng làm tăng khó khăn cho đơn vị ta. Do vậy, ông nhấn mạnh ba điểm: Thứ nhất, tất cả mọi công việc đều phải phục tùng yêu cầu của nhiệm vụ tiến công chiến lược. Phải giáo dục mọi cán bộ chiến sĩ biết rằng đó là một nhiệm vụ

gian khổ mà rất vinh quang, là sự sáng tạo trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta, cần phải vì nó mà cống hiến hết sức mình, không sợ gian khổ, hy sinh, liên tục chiến đấu. Thứ hai, ở phía bắc sông Hoài chủ yếu là tiêu diệt lực lượng vũ trang địa phương của địch, tránh va chạm với chủ lực của chúng, tìm mọi cách tiến thẳng đến Đại Biệt Sơn, đến Đại Biệt Sơn là thắng lợi. Thứ ba, tiến vào nơi mới cần phải nghiêm chỉnh thực hiện chính sách của Đảng và kỷ luật quân đội". Khi Đặng Tiểu Bình nói xong, Tham mưu trưởng Lý Đạt thảo điện gửi Quân uỷ và phát lệnh cho toàn quân. Theo hồi tưởng của những người biết việc, tất cả các cán bộ cao cấp về tham dự hội nghị đều lên xe và lần lượt toả đi khắp các nơi, tổ chức họp ở các đơn vị, nhưng chưa đầy nửa giờ sau đều đã quay về đủ.

Đó cũng là một tác phong điển hình của Lưu và Đặng.

Vào lúc hoàng hôn ngày 8 tháng 7, trên một địa bàn rộng hàng trăm km, đại quân của Lưu Đặng đã bất chấp mọi gian khổ khó khăn tiến xuống phía nam (tất nhiên để đánh lừa địch, đã có một bộ phận phải Bắc tiến).

Đối với cuộc hành quân này, Lưu Bá Thừa nhấn mạnh đến hai cái trước đối với địch": Vào Đại Biệt Sơn trước địch, triển khai quân ở đó trước địch", "Không để mất thời cơ, thời gian không chờ đợi chúng ta", "Càng sớm càng tốt, càng nhanh càng tốt" Đặng Tiểu Bình biến tất cả thành một chữ "đi", "đề xuất "Đi tới được Đại Biệt Sơn là thắng lợi".

Lúc đó, đại quân Lưu Đặng thu được rất nhiều chiến lợi phẩm. Một cán bộ hậu cần nhớ lại, ngày 4 tháng 7 năm 1947, chỉ trong một buổi chiều phải bỏ lại hơn 600 xe đạn pháo (khoảng 48 vạn cân). Để đi cho nhanh, rất nhiều pháo lớn, pháo nhỏ, súng máy, xe cộ, những trang bị nặng và đạn dược đều bị bỏ lại, chỉ chuyển giao được một phần cho bộ đội địa phương. Sau này, Đặng Tiểu Bình vẫn còn thấy tiếc: "Trang bị nặng đều không thể mang đi được đành phải bỏ lại, nên trong chiến dịch Hoài Hải pháo binh của đơn vị rất ít". Điều này thật không dễ đối với một đội quân phải chống lại một kẻ địch có rất nhiều loại vũ khí từ thô sơ đến hiện đại như máy bay, pháo lớn. Lãnh đạo khó hạ quyết tâm, mà chiến sĩ chấp hành cũng rất khó.

Một bí quyết nữa để đi nhanh như Đặng Tiểu Bình đã nói, là tránh không đụng độ và giao chiến với quân chủ lực của địch trên đường đi. Do vậy, xuất

quân qua hàng ngàn dặm, có rất ít các trận đánh xảy ra, toàn bộ chỉ tiêu diệt vài lữ đoàn địch. Điều này cũng lại không phải là chuyện dễ, thứ nhất cần phải đi nhanh, vượt lên trước khi địch tổ chức ngăn chặn; thứ hai không được đi đường lớn, dễ đi mà phải đi đường nhỏ, hiểm trở, cho nên chỉ "đi" cũng đã rất khó rồi.

Cửa ải lớn đầu tiên chính là khu Hoàng Phiếm, giống như Một "cửa tử". Dương Quốc Vũ - cán bộ ở Bộ Tư lệnh nhớ lại.

"Những ai chưa từng đến khu Hoàng Phiếm sẽ rất khó tưởng tượng tình hình ở đó. Vùng này tuy được coi là vùng nước chết nhưng lại rộng mênh mông. Ngoài một vài nóc nhà lơ thơ của dân và thỉnh thoảng vài con vịt trời bay qua còn chẳng nhìn thấy gì cả. Ngay cả nơi không có nước thì cũng toàn là bùn nhão, vô cùng khó đi. Có đồng chí nói đùa rằng: "Có lẽ địch đi chậm chắc là do chuẩn bị vượt Hoàng Phiếm?". Đại quân của ta phải chia ra làm 8 cánh quân, bắt buộc phải luyện tập hành quân theo kiểu đi đầm lầy. Khi hành quân, lúc đầu Tư lệnh và chính uỷ còn cưỡi ngựa, nhưng rồi được một đoạn phải bỏ ngựa để đi cùng mọi người. Đường càng đi càng khó khăn, cuối cùng phải lập ra các tổ tương trợ, các tiểu đội, đại đội tương trợ giúp đỡ nhau tiến lên. Như vậy, suốt từ lúc hoàng hôn hôm trước đến sáng hôm sau, cả đoàn quân mới đi được 20 dặm trong khu Hoàng Phiếm".

Suốt hơn 10 tiếng đồng hồ mới đi được 20 dặm, bình quân một giờ chưa đi được 100 m đủ biết khó khăn đến mức nào. Đây chỉ nói tới đoạn đường mà Tư lệnh Lưu và Chính uỷ Đặng cùng Bộ Tư lệnh đã được người địa phương rất thạo đường dẫn đi. Còn các đường khác, nơi thì nước quá sâu, nơi thì toàn là bùn, nơi thì rộng mênh mông còn khó khăn biết chừng nào. Sau này, Đặng Tiểu Bình đã nói: "qua Hoàng Phiếm khó khăn lắm thay!"

Khi đại quân rời Lỗ Tây nam, tư duy của Tưởng Giới Thạch vẫn dừng lại ở giai đoạn tiến công vào sự phòng thủ của quân ta và cho rằng mục tiêu cuối cùng của quân ta là rút về khu giải phóng Tấn Ký Lỗ Dự mà không tính đến việc quân ta tiến về phía nam. Sau khi vượt qua khi Hoàng Phiếm, quân ta tiếp tục vượt qua sông La, tới lúc đó Tưởng mới bừng tỉnh, vội vã mang quân ngăn cản ở phía nam và đuổi đánh ở phía bắc, đồng thời Tưởng đã cách chức Tổng tham mưu trưởng là Trần Thành, bản thân Tưởng Giới Thạch kiêm luôn chức Tổng tham

mưu trưởng, vội vã bay ra tiền tuyến đốc thúc quân đội tác chiến.

Mục tiêu đầu tiên của Tưởng Giới Thạch là ngăn chặn đại quân Lưu Đặng ở phía Bắc sông Nhữ, tức tốc điều sư 25 tiến xuống phía nam qua đường Bình Hán đóng quân ở bờ Nam sông Nhữ, chiếm giữ tất cả các bến qua sông. Tiếp tục điều lực lượng từ phía bắc xuống đuổi theo quân ta, trong đó có ba sư đoàn đi đầu theo hướng từ tây đến đông đã đến được vùng Do Phường Điểm, cách sông Nhữ khoảng 50 dặm. Trung đoàn 52 lữ đoàn 18, đơn vị dẫn đầu đại quân Lưu Đặng nhân cơ hội sư 85 phòng thủ sông Nhữ của địch chưa đứng chân ổn định đã vượt sông an toàn. Vào lúc 3 giờ chiều ngày hôm đó và tấn công vị trí tiền tiêu Đại Lôi của địch ở bờ Nam sông Nhữ.

12 giờ đêm hôm đó, Lưu Đặng dẫn đại quân tới bờ bắc sông Nhữ, đã triệu tập Hội nghị khẩn cấp các chỉ huy tiền tuyến, ra lệnh phải vượt sông ngay lập tức bất chấp trời sáng hay tối, bất chấp máy bay, pháo lớn, mưa bom bão đạn của địch. Khác với thường ngày, Lưu Bá Thừa dõng dạc tuyên bố "Gặp nhau trong đường hẹp, ai dũng cảm sẽ chiến thắng. Hãy dũng cảm xông lên, lấy tiến công chống lại sự tiến công của địch, hãy mở đường máu qua trận địa địch. Tiến lên!". Đặng Tiểu Bình nói: "Nếu hôm nay không thắng, ngày mai đại quân địch sẽ tới, chúng ta phải phân tán ra để đánh du kích hoặc phải quay lại, có nghĩa là chúng ta không hoàn thành nhiệm vụ chiến lược mà Đảng giao cho. Chúng ta không tiếc hy sinh, bằng mọi giá phải đánh thắng, không thể có con đường nào khác". Để đề phòng bất trắc và giảm bớt gánh nặng cho bộ đội

- Đặng Tiểu Bình còn ra lệnh, tất cả các bộ phận lập tức tiêu huỷ toàn bộ tài liệu mật, các chỉ huy phía trước lệnh cho chiến sĩ phải lắp lưỡi lê vào tất cả súng bộ binh, lựu đạn phải mở nắp sẵn, gặp địch là đánh, đánh xong phải cơ động ngay lên phía trước và yêu cầu sau khi thê đội một đi qua, dọc hai bên đường không để sót lại một cứ điểm hoặc một tên địch nào. Như vậy, chỉ trong khoảng từ tối ngày 24 đến 4 giờ chiều ngày

Tiếp theo đó, chiều 25 tháng 8, đại quân đã rầm rộ thẳng tiến đến Bành Điểm thuộc bờ bắc sông Hoài, Lưu Đặng đã mở Hội nghị các chỉ huy tiền phương. Không khí lúc đó đã đỡ căng thẳng hơn trước. Lưu Bá Thừa nói: "ở những nơi then chốt cần phải dũng mãnh mới chiến thắng được kẻ địch. Chúng ta đã đập

tan ý đồ tiêu diệt quân ta ở sông Nhữ của địch. Nay địch nhất định sẽ tập trung mũi nhọn vào khi chúng ta vượt qua vùng giữa sông Nhữ và sông Hoài. Đây sẽ là một cửa ải! Mọi người cần nhớ rằng, chớ ham đánh nhau mà phải cố gắng vượt qua sông Hoài trước". Đặng Tiểu Bình nói: "Đến Đại Biệt Sơn, chúng ta còn phải qua một cửa ải nguy hiểm nữa, đó là sông Hoài, các đồng chí hãy nghỉ ngơi một chút để rạng sáng mai sẽ tiến đánh huyện Tức giành lại bến vượt sông Hoài, chuẩn bị sẵn các khí tài vượt sông để bộ đội nhanh chóng vào Đại Biệt Sơn".

Sáng sớm ngày 26 tháng 8, bến vượt sông đã chiếm được, nhưng tốc độ vượt sông quá chậm; nước sông quá xiết, bơi không được, cầu phao cũng không bắc được mà chỉ có hơn chục chiếc thuyền nhỏ bơi qua lại. Lúc đó, 20 vạn quân thuộc 19 lữ của địch đang đuổi sát sau lưng, quân ta đã chạm súng với địch ở cách nơi vượt sông chừng 30 dặm, tình thế thêm căng thẳng.

Lưu Đặng tới bờ sông quan sát địa hình. Đặng Tiểu Bình đề xuất Lưu Bá Thừa sang sông trước chỉ huy bộ đội tiến vào Đại Biệt Sơn, tham mưu trưởng Lý Đạt chỉ huy vượt sông, còn mình sẽ chỉ huy chặn đánh địch. Lưu Bá Thừa nói: "Lời nói của chính uỷ là mệnh lệnh! Hãy lập tức thi hành!".

Sau đó, Lưu và Đặng đến Sở chỉ huy lữ đoàn dẫn đầu tìm hiểu cặn kẽ tình hình nước sông Hoài. Lúc đó đúng là mùa mưa, nước sông lúc lên lúc xuống luôn thay đổi. Lưu Bá Thừa hỏi rất cặn kỹ và lắng nghe mọi ý kiến, ông suy nghĩ rồi nói: "Không thể lội qua được ư?"

- Nước sông rất sâu không thể lội được ạ! - các chỉ huy đồng thanh đáp

- Tất cả các nơi đều sâu như nhau à! Và đều không thể lội qua ư?

- Bà con trên sông đều nói như vậy, từ trước tới nay chưa hề có ai dám lội qua.

- Các đồng chí đã trinh sát thực địa chưa?

- Trung đoàn tiên phong và bản thân chúng tôi đã trinh sát thử rồi ạ.

Lưu Bá Thừa tiếp tục hỏi thêm một số vấn đề nhưng cũng không tìm được cách vượt sông, ông sắp xếp cho số cán bộ ở Sở chỉ huy qua sông trước. Ông trèo lên một chiếc thuyền, tay cầm một đoạn sào tre dài. Khi đó trời chưa sáng

hẳn, chỉ thấy bóng ông nhấp nhô cùng con thuyền vừa đi vừa đo độ sâu của nước. Đột nhiên, ông kêu lên: "Có thể bắc cầu được, hãy gọi ngay tham mưu trưởng đến đây?" Sau đó ông viết một bức thư cho tham mưu trưởng: "Nước sông không sâu, dòng chảy chậm, yêu cầu tham mưu trưởng bắc cầu ngay". Lát sau, một chính uỷ trung đoàn gửi gấp cho ông một bức thư, thư viết rằng: một chiến sĩ dắt ngựa thuộc trung đoàn do rớt lại sau đơn vị không kịp lên thuyền nên đã lội qua sông ở phía thượng du. Lưu Bá Thừa cũng gửi thư đi nói rằng ông có nhìn thấy và chuyển lệnh cho tham mưu trưởng không bắc cầu nữa mà nhanh chóng tổ chức bộ đội lội sông. Khi mặt trời lên cao, đại quân của hai ông đã chia thành nhiều đường, bơi theo chỉ dẫn của các cọc tiêu trên bờ lần lượt qua sông Hoài. Không lâu sau quân địch đuổi tới, nhưng lúc đó, nước sông đang lên cao nên ngay cả dùng thuyền qua sông cũng khó chứ đừng nói tới chuyện bơi sang. Quân địch phải kinh ngạc thốt lên: "Thật là ý trời!".

Về sau, Đặng Tiểu Bình phẩm khởi nói: "Khi vượt sông Hoài, Lưu Bá Thừa đo nước, nước sâu đến cổ vừa đủ người lội qua. Đó là cơ hội! Khi quân ta vừa qua hết thì nước đã dâng lên, chỉ cách nhau một chút thời gian ngắn mà thật may mắn biết bao. Thật là trời giúp chúng ta! Thật là có biết bao chuyện thần kỳ!

Ngày 27 tháng 8, cuối cùng đại quân Lưu, Đặng đến được Đại Biệt Sơn. Tin này truyền về Thiểm Bắc, Mao Trạch Đông vui sướng nói: "Thực sự là chúng ta đã thắng lợi rồi. Hai mươi năm nay, cách mạng luôn ở thế phòng ngự, sau khi đại quân Lưu Đặng nam tiến, lần đầu tiên trong lịch sử, cuộc chiến tranh cách mạng của chúng ta đã chuyển sang thế tiến công chiến lược! Trong những bài viết sau này, ông đã viết: "Đây là một bước ngoặt của lịch sử là bước ngoặt của sự thống trị phản cách mạng trong suốt 20 năm của Tưởng Giới Thạch từ phát triển chuyển sang bị tiêu diệt, cũng là bước ngoặt dẫn tới sự tiêu vong của chủ nghĩa đế quốc đã thống trị Trung Quốc trong hàng trăm năm. Đó là một sự thay đổi vĩ đại. Đặng Tiểu Bình nói theo ngôn ngữ của chính ông rằng: "ý nghĩa của bước tiến này không thể coi nhẹ. Từ phía bắc xuống phía nam của Trung Quốc cũng không nhiều ngàn dặm lắm, từ Trường Giang vượt một ngàn dặm là tới ranh giới Quảng Đông, Phúc Kiến, và chỉ trong chưa đầy một ngàn dặm, chính quyền phản động của Tưởng Giới Thạch đã sụp đổ.

Thắng lợi là vĩ đại, gian khổ cũng rất lớn, 20 ngày vượt qua ngàn dặm, gian khổ vượt qua khu Hoàng Phiếm, mở đường máu qua sông Nhữ, vượt qua sông Hoài đầy nguy hiểm, trên trời thì máy bay ném bom, dưới đất thì pháo bắn, phía trước địch chốt chặn, phía sau địch đuổi theo, bên trái bên phải đều bị tập kích, viễn cảnh thật là đen tối. Tất cả những điều đó khiến cho Đặng Tiểu Bình, một người đã từng chỉ huy rất nhiều chiến dịch trong cuộc chiến tranh giải phóng cũng cảm thấy kinh ngạc và đã coi cuộc hành quân tới Đại Biệt Sơn là một hành động "khó khăn nhất". Ông nói: "Nam tiến trong hàng ngàn dặm, hạ được quyết tâm này thật là một sự kiện tuyệt vời... Khó khăn lớn nhất trong cả thời kỳ chiến tranh giải phóng chính là gánh nặng này... Khắc phục được mọi khó khăn, kiên quyết trên con đường hàng ngàn dặm. Đó chính là một gánh nặng". Ông còn nói với người thân của mình rằng: "Điều chân chính là chỉ nói một lời: bất kỳ khó khăn nào cũng không thể đè bẹp nổi?" Con gái Đặng Tiểu Bình nói: "Khi nói những lời này, người cha chưa bao giờ để lộ tình cảm của mình như ông đã rất nghẹn ngào".

Liệt Tử nói: "Con cá lớn nuốt được chiếc thuyền sẽ không ở các sông nhánh". Brêdinxki nói "Điểm mạnh nhất của Đặng Tiểu Bình là cảm giác phương hướng chiến lược rất rõ ràng của ông. Ông không hề lãng phí thời gian vào những vấn đề không quan trọng, mà chỉ tập trung vào mục tiêu mấu chốt. Đặc điểm này khiến tôi và Carter rất kính phục và rất thu hút chúng tôi".

Đến được Đại Biệt Sơn là thắng lợi", là một thực tiễn điển hình của Đặng Tiểu Bình theo cách nói của Liệt Tử và Brêdinxki ở trên. Khí chất lãnh tụ và phong độ của một vị thống soái của Đặng đã được thể hiện rất rõ ràng trong ví dụ trên.

Đại Biệt Sơn nằm ở nơi tiếp giáp giữa ba tỉnh Hồ Bắc (Ngạc), nam (Dự), Huy (Hoản), phía đông bắt đầu từ bờ Nam sông Hoài, phía Tây đến Bình Hán, phía bắc thông với sông Hoài, nam gần sông Trường Giang, nhô ra ở giữa Vũ Hán và Nam Kinh. Phía tây liền với Đồng Bách Sơn và đối diện với dãy Tần Lĩnh Phục Ngưu là nơi đóng quân lúc ấy của binh đoàn Trần và Tạ, phía bắc cùng với Thái Sơn cũng chính là nơi hợp với binh đoàn của Trần, Túc cùng đang nam tiến. Giữa ba dãy núi đó chính là vùng đất Trung Nguyên rộng lớn. Vì vậy, Lưu Bá

Thừa đã từng nói: "Đại Biệt Sơn phía đông nhìn ra Giang Triết, tây liền với Ba thành, nam sát với Hồ Quảng (Lưỡng Hồ), lưng dựa vào Dự và Hoản, thật là một địa bàn chiến lược quan trọng biết bao!" "Nơi đang ở hiện đang ở giữa dãy núi, bốn con sông. Ba núi là: Đại Biệt Sơn, Thái Sơn và Phục Ngưu Sơn. Bốn sông là Trường Giang, sông Hoài, Hoàng Hà và Hán Thuỷ. Ai muốn lấy được Trung Quốc phải khống chế được Trung Nguyên". Ngày 27 tháng 8 năm 1947, với danh nghĩa của Cục Trung Nguyên Trung ương Đảng, Đặng Tiểu Bình tới Đại Biệt Sơn chỉ thị cho bộ đội ở đó: "Phải toàn tâm toàn ý xây dựng và củng cố căn cứ địa Đại Biệt Sơn và phối hợp với các binh đoàn bạn để khống chế toàn bộ Trung Nguyên". Vùng Đại Biệt Sơn lại là căn cứ địa thời kỳ Hồng quân, là nơi sáng lập ra Phương điện quân thứ tư của Hồng quân-một trong những tiền thân của Đại quân Lưu - Đặng. Do vậy, Đặng còn đặc biệt chỉ ra rằng: "Cần phải nói rõ với quần chúng trong toàn khu, chúng ta là đội quân con em của ba tỉnh trở về nhà mình, con em họ đã thắng lợi ở Hoa Bắc, đội ngũ đã lớn mạnh. Nói rõ điều kiện quân Tưởng nhất định thua, quân ta nhất định thắng. Nói rõ chúng ta sẽ không đi nữa; khẩu hiệu của chúng ta là sống chết cùng nhân dân ba tỉnh, giải phóng Trung Nguyên, giải phóng nhân dân ba tỉnh".

Chủ lực của Quân giải phóng từ Hoàng Hà vượt ngàn dặm đến Trường Giang giống như xuyên thẳng vào trái tim chính quyền Quốc dân Đảng. Đại quân Lưu-Đặng vừa tiến vào Đại Biệt Sơn thì lập tức đã có 23 lữ quân Quốc dân Đảng vào theo. Từ thời Hồng quân đến bấy giờ, nơi đây đã lần lượt là căn cứ của Hồng quân, là khu du kích, căn cứ kháng Nhật của Tân Tứ quân, trong thời kỳ dài là chiến khu nên thường xuyên bị quân Tưởng, quân Nhật và bọn phản động tàn sát, báo thù; kinh tế ở đó rất lạc hậu, sức người sức của rất thiếu thốn. Loại thêm chủ lực của Hồng quân, quân du kích, Tân Tứ quân nhiều lần ra vào nơi đây nên tâm lý lo sợ, oán thán, nghi ngờ của quần chúng cũng có. Với đại quân Lưu-Đặng mà nói, lại còn vấn đề thói quen sống giữa Nam và Bắc khác nhau, chẳng những chỉ thuỷ thổ khác biệt, người gầy bệnh nhiều, mà ngay đi đường cũng khó. Các chiến sĩ đùa: "Núi sông thật đa tình, khiến bao anh hùng ngã gục". Chẳng những chỉ có người mà cả là ngựa cũng vậy, chúng cũng không biết đi trên những con đường núi nhỏ hẹp khúc khuỷu gập ghềnh. Vì vậy, ngay từ lúc đầu, Đặng Tiểu Bình đã chỉ thị cho bộ đội, trong một tháng "không cần phải

đánh lớn", mà chỉ "tranh thủ đánh một số trận nhỏ", nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội là "Quen thuộc địa hình, quen lối sống ở địa phương, học chiến đấu ở vùng núi, tạo điều kiện cho các trận lớn sau này nhưng vẫn hy vọng "trong nửa năm sẽ tiêu diệt hơn 10 lữ đoàn địch". Còn những trận gọi là nhỏ cũng có nghĩa là các trận diệt cỡ một hai trung đoàn địch. Do đã có kinh nghiệm chỉ trong vòng một tháng đã diệt chín lữ đoàn địch ở Lỗ Tây nam, nên những yêu cầu trên xem ra không cao lắm. Một tháng sau, Lưu-Đặng phát hiện khó khăn còn lớn hơn họ nghĩ nhiều, vì vậy, ngày 27 tháng 9 năm 1947, hai ông đã mở hội nghị điều chỉnh lại tư tưởng chỉ đạo; nói theo cách của Đặng Tiểu Bình thì tư tưởng đó: "đứng vững được là thắng lợi".

Sau hội nghị, Đặng Tiểu Bình nói: "Tôi thuyết phục cán bộ, không đánh những trận khó. Sau khi cán bộ về các đơn vị, tinh thần ổn định trước tình thế thay đổi". Từ đó về sau, đại quân thường chỉ đánh nhỏ, cô lập quân dự bị và quân địa phương của địch. Nhưng nếu có thời cơ cũng sẽ đánh lớn, như trong tháng 10, chủ lực của đại quân đã đánh tan sự bao vây và truy đuổi của ba sư đoàn địch và đã tiêu diệt hoàn toàn lữ 62 thuộc sư 88 của địch ở vùng Trương Gia Điếm, và cũng là một thắng lợi đầu tiên diệt một lữ đoàn địch. Thừa thắng, hai ông đã tung tin giả Quân giải phóng sẽ vượt Trường Giang, làm cho Cửu Giang phải báo động, Vũ Hán phải giới nghiêm. Trong khi địch đang rối bời, ngày 27 tháng 10, đại quân Lưu, Đặng đã tiêu diệt hơn hai lữ đoàn và sư bộ sư 44 của địch (tổng cộng hơn 12000 tên) ở tỉnh Hồ Bắc. Như vậy, chỉ hai tháng sau khi vào Đại Biệt Sơn, đại quân đã diệt hơn 3 vạn tên địch, xây dựng được 33 chính quyền dân chủ cấp huyện, bước đầu đứng vững ở Đại Biệt Sơn.

Tình hình đó làm cho Tưởng Giới Thạch không yên, rất tức giận. Tháng 11 năm 1947, Tưởng Giới Thạch đã chủ trì cuộc họp kiểm thảo việc tác chiến ở Đại Biệt Sơn" và hội nghị bình định sáu tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, An Huy, Giang Tây, Hà Nam, Giang Tô và thiết lập "Sào huyệt Hoa Trung", nắm toàn bộ quyền bính và năm tỉnh trong sáu tỉnh trên (trừ Giang Tô), điều Hải quân vào sông Trường Giang để phòng đại quân Lưu - Đặng vượt sông tác chiến. Ngay sau đó, Bạch Sùng Hy - Bộ trưởng Quốc phòng kiêm tổng tư lệnh sào huyệt Hoa Trung của Quốc dân Đảng đã thống lĩnh 14 sư 33 lữ, bắt đầu từ ngày 27 tháng 11 cùng hợp

sức tấn công Đại Biệt Sơn. Làm theo chiến thuật "Bao vây bằng bức tường sắt" và "chính sách ba sạch" của Nhật, chúng đã xây dựng ba mạng lưới ở Đại Biệt Sơn: "Màng lưới tình báo gián điệp; Mạng lưới đường xá và Màng lưới lô cốt" và tạo ra "hai không", Khu không có người; Thôn không có người".

Trước tình thế đó, Đặng và Lưu quyết định phân tán lực lượng, một người dẫn quân tác chiến ở tuyến ngoài, một người chỉ huy quân đội quần nhau với địch ở vòng trong. Sau một hồi tranh luận, với lý do còn trẻ, Đặng Tiểu Bình đã ở lại trong Đại Biệt Sơn - nơi gian khổ và nguy hiểm hơn. Lưu Bá Thừa kiên quyết để lại trung đoàn cảnh vệ cho Đặng Tiểu Bình, còn mình chỉ cần một trung đội. Ngày 11 tháng 12, hai ông chia quân. Lưu Bá Thừa dẫn ba cánh quân ra vòng ngoài tác chiến, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Lý Đạt dẫn ba cánh quân (Số 2, 6 và 3). Về sau, Đặng miêu tả lại: "Ba người chúng tôi mỗi người một cánh quân và sở chỉ huy tiền phương, tổng quân số vài vạn người ở lại với phương châm là tránh đụng độ, tất cả cho việc đứng vững. Lúc đó, nhiệm vụ của cánh quân số 6 nhiều nhất, chạy đi chạy lại suốt từ Đông sang Tây không biết bao nhiêu lướt để phân tán và đánh lừa địch. Các đội quân khác cơ bản không hoạt động lớn, phân tán nhỏ tránh đụng đầu với địch. Làm như vậy suốt hai tháng liền, cuối cùng chúng tôi báo cáo với Quân uỷ Trung ương và Mao Chủ tịch rằng: "Đã đứng vững ở Đại Biệt Sơn, thực hiện được nhiệm vụ chiến lược".

Nói như vậy có vẻ rất nhẹ nhàng và như một trò chơi, nhưng thực sự lại rất gian khổ, nguy hiểm và phải đổ nhiều xương máu!

Đặng Tiểu Bình đã dùng từ "khổ sở" để khái quát cuộc sống của ông lúc ấy ở Thái Hàng. Lúc đó rất khổ, nhưng lực lượng vũ trang chống Nhật ở trên núi Thái Hàng không ngừng lớn mạnh, còn ở Đại Biệt Sơn thì như báo cáo đề ngày 25 tháng 4 năm 1948 của Đặng Tiểu Bình đã nói: "Các cánh quân ở Đại Biệt Sơn đều bị tiêu hao, giảm tới 15% quân số, hơn 20 huyện trước đã chiếm được nay chẳng còn huyện nào". Về mặt tiêu diệt sinh lực địch, báo cáo nêu, sau khi vào Đại Biệt Sơn "trước sau diệt được 4 lữ đoàn địch", mà trong chỉ thị Đặng Tiểu Bình đưa ra ngày 27 tháng 8 năm 1947 là trong nửa năm phải diệt được 10 lữ đoàn địch, về phương thức tác chiến, tình trạng sống của bộ đội và nhiều mặt khác hầu như đều quay trở lại khó khăn của thời Hồng quân hoặc thời kháng

chiến chống Nhật. Bản thân Đặng Tiểu Bình lúc đó người gầy gò, hai mắt trũng sâu, tóc dài không kịp cắt, râu rối tung ngồi lặng lẽ làm cho mọi người cảm thấy lo lắng ngại ngần".

Có người hỏi: "Như vậy có thể coi là thắng lợi được không? Đặng Tiểu Bình kiên định trả lời "Có:"

- Vì sao?

- Đứng vững được chính là thắng lợi!

Ngày 25 tháng 4 năm 1948, Đặng Tiểu Bình - Bí thư Cục Trung Nguyên đã triệu tập cuộc họp liên tịch giữa các uỷ viên cũ và uỷ viên mới của Hà Nam, Thiểm Tây, An Huy ở Lỗ Sơn Hà Nam. Trong báo cáo "Tiến vào Trung Nguyên - Hình thế thắng lợi và những sách lược chính sách từ nay về sau" đã nêu bật tư tưởng chiến lược "đứng vững chính là thắng lợi" khi quân ta vào Trung Nguyên và Đại Biệt Sơn.

Thứ nhất: Đánh đến Trung Nguyên chính là đánh tuyến ngoài, đánh vào khu vực Tưởng quản lý, tiêu diệt nhân lực, tài lực và vật lực của chúng, khiến cho chúng bị cạn kiệt. Như vậy sẽ làm cho Tưởng từ tiến công chuyển sang phòng ngự, từ vòng ngoài chuyển vào vòng trong; còn chứng ta từ phòng ngự chuyển sang tiến công, từ vòng trong chuyển ra vòng ngoài, thay đổi tình thế chiến lược.

Thứ hai, phải "tính sổ" trên tổng thể:

Trước tiên là phải hành quân hàng ngàn dặm, chiếm lĩnh một khu vực có tới 4, 5 triệu người, giành lại được 1/6 số dân mà địch khống chế, giảm bớt nguồn cung cấp người và lương thực của địch. Lần đó, chỉ trong 9 tháng phản công, các chiến trường trên toàn quốc đã tiêu diệt ít nhất hơn 2,2 triệu quân địch (bằng số lượng cả năm trước đó). Mặt khác, tuy các cánh quân thuộc ba quân đoàn dã chiến tiến vào Trung Nguyên và Đại Biệt Sơn bị hao tổn 15%lực lượng, nhưng các cánh quân ở Giang Hán, và ở ba tỉnh trên đều phát triển được 100%, cho nên về tổng thể, lực lượng bộ đội ở Trung Nguyên vẫn lớn mạnh hơn trước.

Thứ ba, giành thế chủ động về chiến lược, giành thắng lợi toàn cục. Vị trí chiến lược của Đại Biệt Sơn rất quan trọng. Trước tiên, hình thế chiến lược của Trung Nguyên được quyết định bởi hai dãy núi là Đại Biệt Sơn và Phục Ngưu Sơn, trong đó Đại Biệt Sơn quan trọng hơn, "Trung Nguyên muốn lớn mạnh phải

khống chế được Đại Biệt Sơn". Thêm nữa, "Đại Biệt Sơn còn là một căn cứ để tiến lên rất tốt về mặt chiến lược", "là bàn đạp quan trọng để đánh qua Trường Giang". Do vậy, ta và địch đều muốn giành được nó. Sau khi quân ta vào Đại Biệt Sơn, nơi đây đã trở thành trọng điểm tiến công của địch thay cho Thiểm Bắc và Sơn Đông, thành một chiến trường địch tập trung quân đông nhất, cả chiến trường Trung Nguyên đã thu hút hơn một nửa lực lượng địch ở phòng tuyến phía nam. Như vậy, có thể rút ra một số quân đoàn dã chiến của ta để làm "lực lượng tác chiến cơ động trên địa bàn rộng, đảm bảo triển khai thắng lợi ở các khu vực khác. Do vậy, bộ đội Trung Nguyên, nhất là bộ đội Đại Biệt Sơn tuy phải chịu khổ nhất, hy sinh lớn nhất, nhưng đổi lại đã giành được thế chủ động về chiến lược, giành được thắng lợi toàn cục".

Do đó, năm 1989, khi nhớ lại giai đoạn lịch sử này, Đặng Tiểu Bình đã tổng kết: "Cuộc chiến đấu ở Đại Biệt Sơn không quyết định bởi sự tiêu diệt nhiều địch hơn mà quyết định bởi có trụ vững được hay không. Có cần tiêu diệt địch không? Rất cần, cần tranh thủ diệt nhiều địch hơn. Nhưng mấu chốt là đứng vững được không? đứng vững được là thắng lợi".

Tháng 5 năm 1948, bộ đội ở Trung Nguyên hợp nhất lại thành Quân đoàn dã chiến Trung Nguyên. Lưu Bá Thừa làm Tư lệnh, Đặng Tiểu Bình làm Chính uỷ, Trần Nghị làm Phó Tư lệnh thứ nhất kiêm Tư lệnh và chính uỷ Quân đoàn dã chiến Hoa Đông, người lãnh đạo chủ yếu còn có Phó Tư lệnh Lý Tiên Niệm, phó Chính uỷ Đặng Tử Khôi, Trương Tế Xuân (kiêm Chủ nhiệm chính trị), Tham mưu trưởng Lý Đạt. Quân đoàn gồm bảy cánh quân, lần lượt giữ chức Tư lệnh và chính uỷ các cánh quân là: "cánh thứ nhất Dương Dũng, Tô Trấn Hoa; Thứ hai: Trần Tái Đạo, Vương Duy Cương; Thứ ba: Trần Tích Liên, Bành Thao; Thứ tư: Trần Canh, Tạ Phú Trị; Thứ sáu: Vương Cận Sơn, Đỗ Nghĩa Đức; Thứ chín: Tần Cơ Vĩ, Lý Thanh Phương, Thứ mười một: Vương Bình Chương, Trương Lâm Chi, trong đó cánh quân thứ tư và thứ chín hợp lại thành tập đoàn quân Trần, Tạ.

Toàn quân có 19 lữ đoàn; đồng thời tổ chức lại Quân khu Trung Nguyên và Cục Trung Nguyên của trung ương Đảng (Cục Trung Nguyên cũ ngừng hoạt động từ tháng 6 năm 1946). Quân khu này do Lưu Bá Thừa là Tư lệnh, Đặng

Tiểu Bình làm Chính uỷ, Trần Nghị Phó Chính uỷ kiêm Tư lệnh Quân khu Hoa Đông. Cục Trung Nguyên do Đặng Tiểu Bình làm Bí thư thứ nhất, Trần Nghị là Bí thứ thứ hai và Đặng Tử Khôi là Bí thư thứ ba.

Điều đáng chú ý là việc đưa Trần Nghị - Tư lệnh kiêm chính uỷ Quân đoàn dã chiến Hoa Đông vào cùng với Lưu và Đặng, điều đó có nghĩa là đã có được sự thống nhất về chỉ huy và tổ chức Đảng của hai đơn vị này (mà sau này là Quân đoàn dã chiến số 2 và số 3 do Lưu, Trần, Đặng làm thủ trưởng) để cùng nhau tác chiến. Hai đơn vị này có tất cả 22 đơn vị bộ binh, một đơn vị đặc biệt là thêm cả lực lượng bộ đội địa phương, đưa tổng số quân lên tới 60 vạn người, nhưng giúp cho ba ông chỉ huy lãnh đạo cả 60 vạn người đó lại chỉ có một phòng Tác chiến chỉ vẻn vẹn 10 người, trong đó có một người là thư ký riêng của Trần Nghị do ông đưa lên. Có lẽ do ảnh hưởng tính cách lạc quan yêu đời của Trần Nghị và lòng tự hào bởi lực lượng lớn mạnh nên cần vụ của ba người thay vì gọi các thủ trưởng và "Số 1", "Số 2" và "Số 3" đã ngầm đổi thành "Trung đội 1, Trung đội 2, Trung đội 3". Cũng bởi cách gọi vui như vậy, cho nên nhiều khi sắp xếp chỗ ăn ở cho ba ông, những cán bộ địa phương chưa hiểu rõ về cách gọi đó đã rất hoảng.

Biện pháp tổ chức này của trung ương Đảng và Quân uỷ Trung ương chính là sự kế thừa và phát triển của chiến lược cùng tiến vào Trung Nguyên của ba cánh quân năm trước. Kế hoạch lúc đó của trung ương, sau 4 đến 8 tháng kể từ đó (về sau kéo dài tới tận mùa thu năm 1949) quân đoàn dã chiến Hoa Đông tạm thời không xuống phía nam nữa mà ở lại cùng Quân đoàn Trung Nguyên tiếp tục thi hành chiến lược đó.

Trong bối cảnh như vậy, do Quân đoàn dã chiến Hoa Đông đề nghị, Quân uỷ Trung ương nhất trí, khi chiến dịch Tế Nam tháng 8 năm 1948 thắng lợi, hai quân đoàn này thừa thắng tiến hành chiến dịch Hoài Hải" (thuộc Hoài Âm, Hoài Ân, Hải Châu - phía Đông Từ Châu). Trong chiến dịch này, căn cứ vào bức điện Mao Trạch Đông gửi Lưu, Trần, Đặng ngày 11 tháng 10 năm 1948, mục đích chủ yếu là tiêu diệt một bộ phận quân chủ lực của tập đoàn quân Lưu Trĩ của quân Tưởng - Binh đoàn Hoàn Bách Thao để mở ra chiến trường Tô Bắc, làm cho Sơn Đông, Tô Bắc nối liền làm một. Đó là ý nghĩa lúc đầu của chiến dịch

Hoài Hải, qui mô và phạm vi của nó rất nhỏ so với sau này, cho nên sau được gọi là "Hoài Hải nhỏ". Kế hoạch "Hoài Hải nhỏ" hoàn thành vào tháng 11, 12 năm 1948. Sau đó nghỉ ngơi và chỉnh quân một tháng để rồi tiếp tục đánh địch ở Trung Nguyên "đến tận các điểm cố thủ ở bên sông" trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 7 năm 1949 và tới mùa thu sẽ tiến hành tác chiến vượt sông. Mao Trạch Đông hình như cảm thấy sự bố trí đó chưa thoả đáng lắm, nên trong bức điện đã nói "Về việc bố trí chiến dịch. Hoài Hải, tôi có mấy ý kiến để các đồng chí tham khảo". Đây không phải là lời nói khách khí mà cần phải được hiểu là một sự giao quyền, tức là Mao Trạch Đông đã giao cho Lưu, Trần, Đặng quyền bố trí binh lực cơ động hơn. Về sau, Đặng Tiểu Bình nói: "Quyết sách bố trí lực lượng trong chiến dịch Hoài Hải là do tôi chủ trì quyết định căn cứ vào chỉ thị của Quân uỷ Trung ương và Mao Chủ tịch.

Sau khi nhận được chỉ thị ngày 11 tháng 10 của Quân uỷ, Lưu, Trần và Đặng quyết định, lấy phương thức tiến công Trịnh Châu phối hợp với hành động tiêu diệt binh đoàn Hoàng Bách Thao của Túc Dụ. Việc bố trí binh lực cụ thể theo như lời Lưu Bá Thừa là: Túc Dụ "kẹp cổ địch" ở phía Đông, chủ yếu tiêu diệt binh đoàn Hoàng Bách Thao; Đặng, Trần "thọc vào sườn" địch ở phía Bắc tiến công Trịnh Châu để thu hút hai binh đoàn của địch (binh đoàn Tôn Nguyên Lương và binh đoàn Khâu Thanh Tuyền); Lưu Bá Thừa và Đặng Tử Khôi, Lý Đạt "khoá đuôi" phía sau. Ở lại tây Hà Nam kiềm chế binh đoàn Trương Kiềm và binh đoàn Hoàng Dung của địch ở Hoa Trung.

Ngày 19 tháng 10, Đặng, Trần dẫn đại quân công phá Trịnh Châu. Ngày 22, Quân đoàn thứ 40 của địch đóng ở đó đã tháo chạy. Điều này đã khác hẳn với cục diện muốn thu hút hai binh đoàn địch như đề ra lúc đầu. Trần, Đặng một mặt tổ chức truy đuổi diệt địch, một mặt hết sức cảnh giác mọi động thái của địch, phán đoán địch có thể rút chạy về phía nam và quả quyết cho quân ta ngăn chặn chúng. Ngày 24 tháng 10, Đặng Tiểu Bình triệu tập hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên ở Trịnh Châu, yêu cầu mọi cán bộ phải hết sức tỉnh táo, quyết không để cho địch rút về cố thủ ở Giang Nam, bởi nếu như vậy sẽ gây khó khăn rất lớn cho tác chiến vượt sông của quân ta.

Lúc đó, quân giải phóng đang tiến hành chiến dịch Liêu Thẩm ở đông bắc và

kết thúc vào ngày 2 tháng 11. Quân Tưởng thất bại nặng nề trong chiến dịch này và buộc Tưởng Giới Thạch phải hạ quyết tâm thực hiện một cuộc rút lui chiến lược lớn, lệnh cho các quân đoàn ở Trung Nguyên rút lui và hợp quân ở Từ Châu, sau đó sẽ từ Từ Châu rút lui theo phòng tuyến sông Hoài, tập trung binh lực ở giữa Từ Châu và Bang Phụ để hội quân tổ chức chiến đấu. Nếu bất lợi sẽ rút về phía nam sông Hoài, lợi dụng địa thế hiểm trở của sông Hoài để ngăn chặn chủ lực của quân giải phóng, nếu không được nữa thì rút về phía nam sông Trường Giang.

Đặng, Trần sớm phát hiện động thái co cụm về Từ Châu của quân địch, ngày 2 tháng 11 đã gửi điện cho Quân uỷ Trung ương và Lưu Bá Thừa (lúc đó đang chỉ huy Hà Nam), đề nghị thay đổi kế hoạch từ kiềm chế quân địch ở Tây Nam Từ Châu nhằm đảm bảo cho hành động tiêu diệt binh đoàn Hoàng Bách Thao thành kế hoạch công kích kẻ địch nhằm ngăn không cho chúng có cụm về Từ Châu. Ngày 3, Lưu Bá Thừa gửi điện cho Quân uỷ Trung ương và Trần, Đặng đề nghị phải suy nghĩ thật thiết thực: Chỉ cần không xảy ra những thay đổi bất lợi lớn, quân chủ lực trước tiên hãy cắt đứt đường sắt giữa Từ Châu và huyện Túc, tạo thế tiến công Từ Châu. Đặng, Trần hiểu rõ Lưu là người túc trí đa mưu liền lập tức xây dựng phương án tác chiến ở khu vực Bang Phụ và huyện Túc, đánh chiếm huyện Túc, bẻ gãy phòng tuyến Tân Phố, ngăn không cho địch rút xuống phía nam theo dọc phòng tuyến này. Ngày 5 tháng 11, phương án này được trình lên Quân uỷ Trung ương và chuyển cho Túc Dụ, đồng thời lệnh phải theo dõi động hướng của địch ở Từ Châu. Túc Dụ nhanh chóng điện trả lời, cho rằng địch có ý định rút về phía nam và đề nghị nhanh chóng đánh phá con đường Từ Bang. Lưu Bá Thừa từ tây Hà Nam ngược lên phía bắc cùng Trần, Đặng chỉ huy chiến dịch này.

Ngày 6 tháng 11, cuộc chiến bao vây tiêu diệt binh đoàn Hoàng Bách Thao ở phía đông Từ Châu bắt đầu nổ ra, điều đó đánh dấu chiến dịch Hoài Hải đã chính thức mở màn. Binh đoàn Hoàng Bách Thao bị tiêu diệt cũng có nghĩa là đoạn đường phía đông Lũng Hải sẽ bị cắt đứt. Trước đó, Trịnh Châu, Lạc Dương, Khai Phong lần lượt được giải phóng, đã làm cho đoạn đường phía đông Lũng Hải và đoạn Trịnh Châu đường Bình Hán cũng đã bị Quân giải phóng chiếm

lĩnh. Nếu đoạn Từ Bang đường Tân Phố lại bị cắt đứt thì địch ở Từ Châu không thể lợi dụng đường sắt để chạy xuống phía nam được. Vì vậy, Mao Trạch Đông và Quân uỷ rất coi trọng việc đánh huyện Túc, từ ngày 9 đến 11 tháng 11, liên tục gửi điện cho Lưu, Trần và Đặng, yêu cầu phải dốc toàn lực đánh huyện Túc", "khống chế đường rút lui của địch càng nhanh càng tốt" đồng thời còn đề ra "Tổng phương châm tiêu diệt chủ lực của Lưu Trĩ.

Ngày 10 tháng 11, Lưu Bá Thừa vội vàng đến Chá Thành-Hà Nam cùng Đặng, Trần chỉ huy chiến dịch huyện Túc. Ngày 11 chiến dịch bắt đầu, ngày 15 phát động tổng tiến công. Ngày 16 tiêu diệt toàn bộ quân địch cố thủ ở đó, chiếm huyện Túc và khống chế toàn bộ khu tiền duyên và gần 200 dặm đường sắt.

Nếu lấy Trường Giang làm ranh giới thì với thế của Quân giải phóng cũng cần phải chiến đấu với quân địch trong vài năm (Hội nghị Bộ chính trị họp tháng 9 năm 1948 dự tính muốn giành thắng lợi trong toàn quốc phải cần 5 năm), toàn bộ cục điện cũng sẽ thay đổi rất lớn. Điều này ngoài nhân tố hai Đảng - Đảng Cộng sản và Quốc dân Đảng ra, sự can thiệp của quốc tế về việc "lấy Trường Giang làm ranh giới để trị vì" theo thời gian cũng ngày càng có ảnh hưởng rất lớn.

Việc bố trí chiến dịch Hoài Hải, trong vòng chưa đầy một tháng đã từ "Tiểu Hoàn Hải" biến thành "Đại Hoài Hải", điều này hiển nhiên về mọi mặt đều chưa thể hoàn hảo được. Trong bức điện gửi Trần, Đặng ngày 23 tháng 11 năm 1949, Mao Trạch Đông nói: "Trước khi thực hiện chiến dịch, chúng tôi dự đoán trong giai đoạn một chỉ có thể tiêu diệt 18 sư đoàn địch, nhưng chưa dám tính đến việc cắt đứt Từ Châu và Bang Phụ, làm địch ở Từ Châu bị hoàn toàn cô lập". Sau khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập, Mao Chủ tịch luôn nhớ tới việc này, ông nói với Trần và Đặng rằng, chiến dịch Hoài Hải thật tuyệt vời, giống như một nồi cơm tuy chưa chín nhưng đã bị các đồng chí lần lượt ăn hết.

Nói chung cơm phải chín mới ăn được, nhưng trong trường hợp đặc biệt cũng phải cương quyết ăn cơm sống, giả sử không đủ thời gian để cơm chín, vậy bạn hãy tranh thủ thời gian ăn cơm ngay cả khi cơm chưa chín, nếu chậm sẽ bị đói. Ý thức về thời gian này sẽ rất quan trọng đối với việc có thể đề ra được chiến lược lớn và thực hiện chiến lược lớn đó hay không. Trong chiến dịch Hoài Hải cũng

như trong cách mạng Trung Quốc và xây dựng Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình có những cống hiến kiệt xuất có quan hệ rất lớn đến ý thức thời cơ đặc biệt mạnh của ông. Ngày 25 tháng 4 năm 1948, khi tổng kết cuộc tác chiến ở Trung Nguyên, Đặng Tiểu Bình đã nói: "Sau khi các Quân đoàn dã chiến của chúng tôi ra đời đã phải chịu mọi nỗi khổ cực, đặc biệt là bộ đội ở Đại Biệt Sơn gặp nhiều gian khổ hơn, bộ đội ở Hà Nam, Thiểm Tây, An Huy khá hơn một chút nhưng còn thua xa ở Thái Nhạc. Trong tình hình ấy, có người đã hỏi: "Cuộc phản công của chúng ta có phải hơi sớm một chút không? Để chậm lại một chút có tốt hơn không". Sự thực chứng minh rằng, phản công là đúng lúc, chậm sẽ phạm sai lầm". Sự phân tích này hoàn toàn phù hợp đối với chiến dịch Hoài Hải.

Năm 1992, trong lần đi thăm phía nam, Đặng Tiểu Bình đã nói: "Tôi chỉ e bỏ lỡ thời cơ. Nếu không nắm được thì thời cơ sẽ qua ngay và thời gian cũng trôi qua theo". Quyết sách về "Đại Hoài Hải" là một ví dụ điển hình về mặt này.

Chiến dịch Hoài Hải đột ngột từ "Tiểu Hoài Hải" chuyển thành "Đại Hoài Hải" thì nhiệm vụ, ý nghĩa cũng như sự gian khổ đều có những biến đổi to lớn tương tự. Ngày 16 tháng 11 năm 1948, Quân uỷ Trung ương ra lệnh: Lưu Bá Thừa, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình, Túc Dụ, Đàm Chấn Lâm được tổ chức thành Đảng uỷ tiền phương của chiến dịch Hoài Hải do Đặng làm Bí thư, Lưu Bá Thừa, Trần Nghị và Đặng Tiểu Bình làm uỷ viên thường vụ. Đảng uỷ này lãnh đạo thống nhất, có quyền xử lý tất cả các việc liên quan đến chiến dịch. Quân uỷ Trung ương còn đặc biệt chỉ ra rằng, trong tình hình thời cơ khẩn cấp xảy ra, Lưu và Đặng toàn quyền giải quyết tất cả mà không cần phải thỉnh thị. Đích thân Mao Trạch Đông còn nói với Đặng Tiểu Bình: "Giao cho đồng chí chỉ huy". Đó là một gánh nặng thật khó tưởng tượng nổi.

Lưu Trĩ (1892-1971) "Tổng chỉ huy sào huyệt Từ Châu" là một thượng tướng vào bậc Nguyên lão trong quân đội Tưởng, cũng là một vị tướng tâm phúc của Tưởng Giới Thạch. Cuối đời Thanh ông ta là Lưu học sinh tại Nhật, đã học quân sự tại các trường quân sự như: trường tiểu học quân sự Trường Sa, trường Trung học quân sự Vũ Xương, trường lục quân Thanh Hà - Bắc Kinh, trường sĩ quan lúc quân Bảo Định. Sau làm giáo viên bộ binh trường quân sự Hoàng Phố rồi trưởng phòng tham mưu, quyền trung đoàn trưởng trung đoàn một...trong chiến

tranh bắc phạt làm sư trưởng sư 2 Quân đoàn 1 (Tưởng Giới Thạch là Quân đoàn trưởng); tháng 9 năm 1927 làm Quân đoàn trưởng Quân đoàn 1 Quốc dân Đảng. Trong chiến tranh chống Nhật làm phó Tư lệnh chiến khu 1, Tư lệnh Trùng Khánh, Tư lệnh chiến khu 5.

Thời kỳ chiến tranh giải phóng, tập đoàn Lưu Trĩ là một trong năm tập đoàn lớn của Quốc dân Đảng (tương đương với Quân đoàn đã chiến của Quân giải phóng) vốn có 4 binh đoàn, 4 quân đoàn và bốn khu bình định, tức là binh đoàn thứ hai ở khâu Thanh Tuyền, binh đoàn thứ bảy ở Hoàng Bách Thao, binh đoàn 13 Lý Man, binh đoàn 16 ở Tôn Nguyên Lương. Lưu Trĩ trực tiếp chỉ huy quân đoàn 72, 107, 66 và 96. Sau khi chiến dịch Hoài Hải nổ ra, hai binh đoàn được thành lập trên cơ sở hai khu bình định, đó là binh đoàn 6 Lý Diên Niên và binh đoàn 8 Lưu Nhữ Minh. Tưởng Giới Thạch điều gấp Đỗ Duật Minh về làm phó ở Từ Châu, trực tiếp chỉ huy ba binh đoàn 2, 13, 16 thành tập đoàn Đỗ Duật Minh, trong đó bao gồm cả Tân Ngũ quân một trong năm đại chủ lực của Quốc dân Đảng. Ngoài ra còn đưa binh đoàn 12 của Hoàng Duy Tiến lên phía bắc tham chiến. Đây cũng là một trong những lực lượng quân đội gốc của Tưởng Giới Thạch, tổng cộng 12 vạn người, trong đó có quân đoàn 18 (nguyên là sư 11) là một trong năm chủ lực quân lớn của Quốc dân Đảng được trang bị toàn vũ khí Mỹ. Như vậy, tập đoàn Lưu Trĩ có tổng cộng 29 quân đoàn, 70 sư đoàn, khoảng 70 vạn người (có người nói 80 vạn người).

Trước chiến dịch Tế Nam và Liêu Thẩm, tổng số quân của Tưởng Giới Thạch từ 430 vạn lúc nội chiến, giảm xuống còn 365 vạn, trong đó số dùng cho tuyến trước chỉ 174 vạn, chia thành năm tập đoàn lớn là Hồ Tôn Nam, Bạch Xùng Hỷ, Lưu Trĩ, Phó Tác Nghĩa, Vệ Lập Hoàng. Chiến dịch Liêu Thẩm đã diệt 427.000 quân địch, tập đoàn Vệ Lập Hoàng bị xoá sổ; trước chiến dịch Tế Nam cũng đã tiêu diệt hơn 11 vạn quân địch, số quân của Quốc dân Đảng đã giảm rất mạnh, vì vậy nếu tiêu diệt được 70 vạn quân địch ở Hoài Hải thì quân chiến lược của địch ở nam Trường Giang cũng bị mất đi tập đoàn Bạch Xùng Hỷ, cục diện cả nước cơ bản vẫn ổn định.

Ý nghĩa rất lớn nhưng nhiệm vụ rất gian khổ.

Với hai đội quân đánh nhau, binh pháp Tôn Tử đề ra một nguyên tắc cơ bản

là: "Thập tắc vi chi, ngũ tắc công chi, bội tắc phân chi, địch tắc năng chiến chi, thiếu tắc năng đào chi, bất nhược tắc năng bế chi", có nghĩa là, lực lượng tương đương mới có thể đánh nhau, nếu ta gấp đôi địch mới chia quân ra đánh, gấp năm mới trực tiếp tiến công, gấp mười mới bao vây tiêu diệt. Trung ương Đảng cũng tiếp thu tư tưởng cơ bản này, Mao Chủ tịch đề ra tư tưởng quân sự "tập trung ưu thế binh lực, "kiên quyết tiêu diệt địch", trong đó nói "ưu thế" là phải gấp ít nhất là từ ba đến sáu lần địch; và phải có thời cơ thích đáng. Trong chiến dịch Liêu Thẩm, ta có 100 vạn quân, Quốc dân Đảng có 55 vạn quân (gần gấp đôi); nhưng khi chiến dịch mới bắt đầu đã có 97% các khu vực thuộc khu Đông bắc trở thành khu giải phóng, quân đội Quốc dân dáng bị phân tán và cô lập ở một số thành phố lớn, cho nên thực tế, ta phải gấp sáu lần địch, ít nhất là gấp ba lần.

Chiến dịch Hoài Hải địch có 70-80 vạn, ta 60 vạn, ngoài quân dã chiến Trung Nguyên mà nòng cốt là Sư 129 do nhiều lần phân tán lại phải hành quân hàng ngàn dặm để vào được Trung Nguyên và Đại Biệt Sơn nên lực lượng tương đối mỏng, các đơn vị khác thực lực rất đầy đủ. Đặng Tiểu Bình từng nói: "Sau khi từ Đại Biệt Sơn ra, Quân đoàn dã chiến hai tương đối yếu vũ khí kém, khó khăn lắm mới cướp lại được vũ khí nặng từ tay quân địch, nhưng khi vượt qua Hoàng Phiếm lại phải bỏ lại, thực lực của đơn vị này nhỏ lại bị phân tán thành hai, một do Lưu, Đặng chỉ huy, một do Trần, Canh chỉ huy" (tháng 5 năm 1948, lực lượng của Trần đã hợp nhất với lực lượng của Lưu và Đặng thành quân đoàn dã chiến Trung Nguyên, hai sư đoàn và ba cánh quân khác đã được biên chế vào đơn vị khác). Bốn cánh quân đều suy yếu. Trong đó ba cánh quân mỗi cánh chỉ có hai lữ đoàn (mỗi cánh quân tương đương một Quân đoàn, biên chế đủ là ba sư và sáu lữ). Quyền khống chế chiến khu đan xen nhau. Trong tháng 10, quân giải phóng lần lượt đánh chiếm Trịnh Châu, Lạc Dương, Khai Phong, khống chế được nút giao thông đường sắt Bình Hán, Lũng Hải trong thành phố đó. Nhưng Từ Châu và các thành phố lân cận khác mạng giao thông lại trong tầm kiểm soát của địch, mà phía bắc của quân Quốc dân Đảng còn có tập đoàn quân Phó Tác Nghĩa, phía nam là tập đoàn Bạch Xùng Hỷ, phía tây là tập đoàn Hồ Tôn Nam. Do đó, theo "Binh pháp Tôn Tử", trong chiến dịch Hoài Hải quân ta thuộc dạng "Thiểu tắc năng đào di", cho nên có thể nói trong cuộc chiến tranh giải phóng,

Đặng Tiểu Bình phải gánh một nhiệm vụ khó khăn nhất và chiến dịch này là một gánh nặng nhất. Nếu đánh thắng phía bắc Trường Giang sẽ ổn định, toàn quốc cũng sẽ ổn định cục điện. Nếu không thắng hoặc thắng không cơ bản thì tình thế hai bên sẽ phải giằng co lâu hơn. Trước bối cảnh đó, Đặng Tiểu Bình đề ra: "Trên chiến trường Hoài Hải, chỉ cần tiêu diệt chủ lực địch ở tuyến phía nam, quân đoàn đã chiến Trung Nguyên sẽ đánh thắng hết, các cánh quân giải phóng sẽ giành thắng lợi trong toàn quốc, các giá này rất xứng đáng?".

Ngày 6 tháng 11 năm 1948, sau khi chiến dịch Hoài Hải nổ ra, mục tiêu chủ yếu là tiêu diệt binh đoàn Hoàng Bách Thao.

Nhiệm vụ này đã được đặt ra trong kế hoạch thuộc giai đoạn Tiểu Hoài Hải", được chuẩn bị rất chu đáo, lực lượng tập trung đủ về đại thể áp dụng chiến thuật "Dùng hai cánh quân tiêu diệt một sư đoàn địch". Ngày 8, dưới sự chỉ huy của phó tư lệnh Hà Cơ Phong, Trương Khắc Hiệp, hơn ba sư đoàn Quốc dân Đảng thuộc khu bình định thứ ba Từ Châu đã đứng lên khởi nghĩa ở khu Cổ Uông và Đài Nhi Trang đã tạo điều kiện thuận lợi để quân ta tiêu diệt Hoàng Bách Thao. Tuy vậy, nhưng cuộc chiến cũng không dễ dàng gì. Trong bức điện gửi Quân uỷ Trung ương ngày 19 tháng 11, Đảng uỷ tiền phương báo cáo: "Căn cứ vào sự quan sát của chúng tôi, cuộc chiến ở đông Từ Châu tuy đã sử dụng sáu cánh quân mạnh nhưng đã qua 12 ngày đêm vẫn chưa giải quyết được" Cho mãi tới ngày 22 tháng 11 mới đạt được mục đích cuối cùng. Tổng cộng ta tiêu diệt 18 sư đoàn địch, riêng binh đoàn Hoàng Bách Thao bị tiêu diệt hoàn toàn, các binh đoàn khác cũng đều bị thiệt hại nặng nề. Đó là giai đoạn một của chiến dịch Hoàn Hải.

Sau khi binh đoàn của Hoàng Bách Thao bị tiêu diệt, chủ lực của quân địch vẫn còn sáu binh đoàn, ba binh đoàn hợp thành lại thành tập đoàn quân do Đỗ Duật Minh chỉ huy, hai binh đoàn khác được bổ sung quân lập ra Quân đoàn Đông Bắc và Quân đoàn Tây Bắc, chỉ còn lại binh đoàn của Hoàng Duy.

Đỗ Duật Minh là học sinh khoá 1 Hoàng Phố, là người sáng lập ra lực lượng thiết giáp của Quốc dân Đảng, trong chiến tranh chống Nhật đã lần lượt tham gia các chiến dịch nổi tiếng như cuộc khoáng chiến Cổ Bắc Khẩu, cuộc hội chiến Tùng Lư, chiến đấu bảo vệ Nam Kinh, cuộc đại chiến Đài Nhi Trang v.v.. đã

từng là Quân đoàn trưởng Quân đoàn 5 chỉ huy tiền phương trong trận đại thắng ở ải Côn Lộn cuối năm 1939 (tiêu diệt lữ đoàn 12 quân Nhật); ông ta cũng đã từng giữ chức Phó tư lệnh quân viễn chinh Trung Quốc chiến đấu ở Mianma, rồi lên quyền Tư lệnh, là một tướng giỏi trong quân đội Quốc dân Đảng. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến làm Tư lệnh Bảo an Đông Bắc. Tập đoàn này có 3 binh đoàn, 10 quân đoàn với hơn 30 vạn quân, thực lực mạnh nhất. Đảng uỷ tiền phương cho rằng tạm thời chưa đánh nhưng không để nó hoạt động bừa bãi. Hai binh đoàn của Lý và Lưu là quân ô hợp, có mâu thuẫn với Tưởng, khí thế bạc nhược chỉ mong tự bảo vệ được mình nên ta tạm thời chưa đánh mà chỉ dùng cánh quân thứ 9 có 5 trung đoàn giám sát nó thật chặt là được. Binh đoàn Hoàng Duy khí thế hung hãn lần lượt vượt qua các sông Oa, Phì, Hội để tiến rất sâu vào tới vài trăm kilômét, nhưng do từ xa tới, tiến công đơn độc mạo hiểm, cung cấp của hậu phương bị cắt đứt nên thực lực cũng không mạnh bằng tập đoàn của Đỗ Duật Minh nên nhất định phải đánh và có thể đánh thắng. Lưu Bá Thừa nói cần phải có sự đối xử khác nhau với ba lực lượng này "Tiêu diệt đội quân của Hoàng, kẹp chặt đội quân của Đỗ và giám sát đội quân còn lại". Vì vậy, ngày 19 tháng 11, Đảng uỷ tiền phương quyết định tập trung binh lực tiêu diệt binh đoàn Hoàng Duy. Sau khi báo cáo kế hoạch lên Quân uỷ Trung ương, Quân uỷ hoàn toàn đồng ý và nhắc lại, khi thời cơ khẩn cấp tất cả sẽ do Lưu, Trần, Đặng toàn quyền xử lý không cần thỉnh thị.

Binh đoàn Hoàng Duy bắc tiến nghĩ rằng sẽ giành lại huyện Túc rồi đánh thông tới đường Từ Bạng. Ngày 23 tháng 11, sau khi cố vượt sông Hội, tính toán sẽ gặp sự ngăn cản của quân ta, nhưng thực tế lại không gặp trở ngại gì. Vương Nguyên - Phó sư đoàn trưởng Sư 18 là đội quân chủ lực tinh nhuệ đi tiên phong cảm thấy rất đáng ngờ, cho rằng quân ta dụ địch vào rọ nên đã đề nghị Hoàng Duy: "Dùng sư 18 làm mũi nhọn đâm thủng chiếc rọ", dùng chiến thuật "đánh quần lộn nhanh chóng thoát khỏi miệng hổ". Hoàng Duy tức giận ra lệnh thay đổi hướng tiến quân vào huyện Túc, thay đổi đường di chuyển đến thị trấn Cố. Đảng uỷ tiền phương thấy địch muốn chạy lập tức ra lệnh toàn tuyến truy kích, cuối cùng dồn địch vào Song Đôi trong một địa bàn dài 20 dặm rộng 10 dặm rất hẹp nằm giữa sông Hội, sông Phì và sông Oa. Hậu phương của chúng đã bị cắt đứt từ trước. Khi thảo luận về cục diện này trong Đảng uỷ tiền phương, Lưu Bá

Thừa nói:

"Mười hai vạn người ngựa của Hoàng Duy bị bao vây trong một mảnh đất hẹp chỉ dài 20 dặm rộng 15 dặm thật dễ tính sổ với chúng, bình quân trên một đoạn dài 500m có tới hơn 400 tên địch, chỉ cần bắn một quả đạn pháo cũng có thể sát thương được địch!"

Hoàn cảnh lúc đó của binh đoàn Hoàng Duy rất khó khăn, “ăn ở, vệ sinh đều thành vấn đề", 12 vạn đại quân chỉ ở trong bảy thôn, nhà trong thôn lại toàn tường đất mái tranh, không có chỗ ở cho quân đội, ăn toàn khoai sắn, vệ sinh rất phức tạp, "khắp nơi toàn những người là người, đến đi ngoài cũng không có chỗ".

Tuy vậy, đây vẫn là một binh đoàn mạnh. Trong bài viết "Về cuộc chiến đấu tiêu diệt binh đoàn Hoàng Duy" của Đặng Tiểu Bình ngày 3 tháng 1 năm 1949 cho biết: "Lần đó, xe tăng địch phát huy tác dụng rất lớn. Cho tới cuối cùng, biện pháp đối phó của quân ta vẫn chưa đủ, vũ khí chống tăng của ta rất thiếu, lại không có đạn. Địch sử dụng loại xe tăng từ 15 đến 30 tấn của Mỹ, nên súng chống tăng thông thường của Nhật đều không hiệu quả. Loại tên lửa ống lại chỉ có tác dụng trong vòng 100m, mà xe tăng địch luôn ở ngoài

200m bắn vào ta. Đạn pháo địch dày đặc cũng uy hiếp quân ta rất lớn. Sự oanh tạc của không quân địch không những gây thương vong lớn cho ta mà còn làm ta có nhà mà không ở được, có những đơn vị suốt ngày ở trong chiến hào ngập nước, đối phó với cuộc tiến công liên hợp giữa pháo lớn, máy bay và xe tăng địch quả là gian khổ. Ngoài ra địch còn có những loại vũ khí mới hoặc loại vũ khí mà quân ta ít được tiếp xúc, ví dụ như đạn khói, đạn cay làm chảy nước mắt... Nhiều khí làm rối loạn đội hình quân ta, làm tinh thần rất căng thẳng". Nhưng một đội quân với phần lớn trang bị là của Mỹ lại rất sợ đánh nhau. Hoàng Duy nói: "Quân chúng tôi đã bị quân giải phóng làm cho sợ hãi, các sĩ quan cấp sư không dám phân tán lực lượng để mở rộng trận địa, cho nên tuy đánh được một số thôn nhưng không dám ở lại, phải rút về, có thôn ban ngày đánh xong, đến tối quân giải phóng lại thu hồi nên thường tạo thế răng lược". Mặt khác, địch coi quân ta như một thứ "quân nhà quê" nên rất khinh thường. Trong khi tổng kết kinh nghiệm thành công của chiến dịch, Đặng Tiểu Bình đã nói, một trong

những nguyên nhân là "lợi dụng địch coi thường quân ta, không càn quét hai bên sườn nên quân ta xuất kích rất thuận lợi". Trong tư tưởng chỉ đạo chung, ngay cả khi đã bị bao vây vẫn có ý thức cứ như không quá nguy hiểm. Hoàng Duy nói, sau khi binh đoàn bị bao vây, ngay ngày 28 tháng 11, Tổng tham mưu trưởng cố Chúc Đồng đã ngồi máy bay đi thị sát chiến trường và chỉ thị cố thủ tại chỗ chờ tăng viện". Trong mấy ngày đầu tiến công cấp từ một đến ba trung đoàn, cũng là "công để thủ" "mở rộng cứ điểm và trận địa" chứ không có quyết tâm phá vây.

Việc "cố thủ chờ chi viện" chính là tự tìm đường chết, bó tay chờ chết. Nhưng do khả năng công kiên của ta có hạn, việc thu hẹp vòng vây để tiêu diệt địch rất khó khăn. Vì địch ngoài có vũ khí tốt ra, còn có hệ thống công sự phòng ngự rất dày, nối liền với các hầm ẩn nấp và hệ thống giao thông hào thành mạng lưới liên hoàn ba lớp, càng vào sâu trung tâm thì hệ thống hầm hào càng kiên cố, quân số cũng càng hùng hậu hơn. Khi quân ta đánh vào trận địa phòng tuyến thứ nhất, tổ chức của bộ binh và hoả lực pháo binh rất tốt, nhưng càng vào sâu thì đội hình càng hỗn loạn hoả lực pháo binh không còn tác dụng. Cho nên "đánh sạch Trung Dã" cũng không hoàn toàn chỉ là quyết tâm mà thực sự là một khả năng.

Để hoàn toàn tiêu diệt lực lượng mạnh này, Đặng Tiểu Bình đã mạnh dạn đề ra một chiến thuật khác thường: "Bao vây mà không để khuyết chỗ nào". Binh pháp Tôn Tử có nguyên tắc: "Vi sư tất khuyết" (bao vây vẫn để chỗ hở). Lưu Bá Thừa dùng binh rất lâu cũng thường dùng chiến thuật: "Vây ba bề để hở một bề, lưới mở một mặt". Binh đoàn Hoàng Duy sau khi vượt qua sông Hội như vào nơi không người, Đảng uỷ tiền phương lúc đó cũng sử dụng chiến thuật "Bao vây ba bề để hở một bề", có ý mở một cửa cho địch, thu hút chúng tiếp, tục bắc tiến. Trong bài viết tổng kết, Đặng Tiểu Bình viết rằng:

"Do phán đoán địch tiến công thôn nào sẽ chiếm và củng cố thôn đó, tiếp tục chiến thuật quần lộn, mà chiến thêm được một thôn, không những lợi dụng công sự mà ta đã xây dựng ở đó, mà còn giành được dân và lương thực, rất bất lợi đối với chúng ta, cho nên tôi đã bảo cách suy nghĩ cũ, kiên trì thu hẹp vòng vây làm cho địch chết đói, đó chính là "Bao vây mà không để khuyết chỗ nào". Do chiến thuật này rất khác thường, nên lúc đó có những dị nghị. Khi quyết định lần cuối

cùng, Lưu Bá Thừa nói: "ý kiến của chính uỷ Đặng và Phó chính uỷ Trường rất đúng. Tôi đoán rằng trong các đồng chí sẽ có người nói, chúng ta đã từng sử dụng chiến thuật "Bao vây ba bề để khuyết một bề" rất kinh nghiệm. Một đồng chí nói chen vào "chính tôi nghĩ như vậy!". Lưu Bá Thừa nói tiếp: "Chính uỷ Đặng nói rất đúng. Tình hình đã thay đổi, cần phải căn cứ vào thực tế để quyết định, cần "khuyết" thì để "khuyết" không cần thì thôi, không nên giáo điều".

Ở mức độ nào đấy, đó chính là chiến thuật "Bỏ đói", một trong những điểm xuất phát là, nếu địch chiếm thêm được một thôn sẽ lấy thêm được lương thực trong dân, và mục đích chủ yếu chính là lấy biện pháp "Bỏ đói" để đối phó với địch. Quân địch luôn sống cuộc sống xa hoa, đâu biết được sự lợi hại của chiến thuật này.

Gần nửa tháng vừa bị đánh vừa bị đói, Đặng, Lưu và Trần đoán rằng địch đã bị dày vò tương đối đủ rồi; còn quân ta đã có kinh nghiệm đánh công kiên và chống lại tác chiến binh chủng hợp thành của địch, thêm nữa lại có vũ khí mới, cho nên ngày 5 tháng 12 năm 1948, Đảng uỷ tiền phương đã phát lệnh cho toàn quân: Tiêu diệt binh đoàn Hoàng Duy, yêu cầu tất cả bộ đội phải "quyết tâm lớn nhất và bằng mọi giá, chiến đấu đến cùng". 16 giờ 3 phút ngày 6 tháng 12, cuộc tổng công kích bắt đầu. Quân ta chia thành ba tập đoàn: Tập đoàn Trần Canh ở phía đông, tập đoàn Trần Tích Liên ở phía tây, tập đoàn Vương Cận Sơn, Đỗ Nghĩa Đức ở phía nam tất cả 8 cánh quân, hai lữ đoàn và một đơn vị đặc biệt, tấn công toàn diện mãnh liệt với khí thế dời non lấp biển.

Cuộc chiến đấu không phải một sớm một chiều đã thắng được ngay. Sau khi cuộc chiến kết thúc, trong báo cáo gửi Mao Trạch Đông ngày 11 tháng 1 năm 1949, Đặng Tiểu Bình viết: "Các cánh quân ở đây đã bị thương vong hơn 2 vạn người, tinh thần cũng mệt mỏi".

Ngày 13 tháng 12 năm 1948, ba uỷ viên thường vụ Đảng uỷ tiền phương sau khi nghiên cứu tình hình chiến sự, quyết định tăng cường hai cánh quân tham gia tổng tiến công, điều chỉnh bố trí binh lực, chuyển tấn công toàn diện sau tấn công trung tâm chỉ huy của binh đoàn Hoàng Duy: trận địa nòng cốt Song Đôi Tập. Như vậy, lực lượng tham chiến của ta tăng khoảng 30 vạn, ít nhất cũng gấp 3 lần địch.

Ngày 14 tháng 12, cuộc tổng tiến công một lần nữa lại bắt đầu.

Ngày 15, phát động cuộc tổng tiến công cuối cùng, tiêu diệt cả binh đoàn địch, bắt sống Hoàng Duy.

Cuộc chiến kết thúc, Đặng Tiểu Bình đến Bộ chính trị, rút từ túi ra một quả táo bổ làm ba chia cho mọi người ăn, sau đó từ từ rút ra một băng điện báo đài, giao cho Phó chính uỷ Trương Tế Xuân và nói: "Trên băng giấy này là hơn hai chục bức điện của trung ương nhưng đều không liên quan trực tiếp đến tác chiến và vẫn chưa được trả lời, đồng chí hãy thảo điện trả lời từng bức một".

Ngày 17, năm đồng chí uỷ viên họp trong một ngày, nhưng không bàn về chiến dịch Hoài Hải mà bàn về chiến dịch vượt sông. Lúc đó, Đảng uỷ tiền phương chiến dịch Kinh (Nam Kinh) Lư Hàng (tháng 2, 3 năm 1949 chính thức quyết định), tổ chức và nhân sự không thay đổi.

Một mục tiêu khác của chiến dịch Hoài Hải là tập đoàn Đỗ Duật Minh đã bị bao vây từ ngày 1 tháng 12, tiếp tục bao vây một thời gian, về cơ bản, hầu hết chúng đều đã bị đói và rét. Do đó, ngày 19 tháng 12, Lưu Bá Thừa và Trần Nghị rất yên tâm tham gia Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng ở đồi Tây Bắc. Quả nhiên, ngày 6 tháng 1 năm 1949, quân ta tổng tiến công tập đoàn này, một tập đoàn mạnh nhất của địch. Chỉ trong 10 ngày, cuộc chiến kết thúc, tập đoàn này bị tiêu diệt, Đỗ Duật Minh bị bắt sống.

Chiến dịch Hoài Hải đánh dấu một bước trưởng thành của Đặng Tiểu Bình, ông trở thành một nhà chiến lược lớn. Nhà chiến lược đại tài Mao Trạch Đông đã giao cho Đặng Tiểu Bình thống lĩnh chiến dịch Kinh-Lư-Hàng (hoặc gọi là chiến dịch vượt sông) - một trận quyết chiến lớn cuối cùng với Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch. Mở "Mao Trạch Đông toàn tập", chúng ta sẽ phát hiện được trong các bài viết phát biểu công khai trong "Mao tuyển", Mao Trạch Đông đều có chỉ thị đối với ba chiến dịch Liêu Thẩm, Hoài Hải, Bình Tân; còn đối với chiến dịch vượt sông đã được Mao Trạch Đông ca ngợi là "Hàng triệu hùng binh vượt sông lớn", "Sự khảng khái trời long đất lở", thì về quy hoạch tổng thể của nó được phát biểu trong "Đặng Tiểu Bình văn tuyển".

CHƯƠNG 7

KHÔNG BẢO THỦ, CHỊU THAY ĐỔI

Ở Trung Quốc - một đất nước nông nghiệp mà lại tiến hành cuộc cách mạng dân chủ mới dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản chủ yếu ở vùng nông thôn; trên một đất nước với thể chế kinh tế kế hoạch tập quyền cao độ trong một thời kỳ rất dài lại tiến hành cải cách mở cửa, xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa làm mục tiêu; dùng phương thức "một nước hai chế độ để hoà bình và thống nhất các vùng lãnh thổ bị chia cắt lâu dài như Hồng Kông, Áo Môn, Đài Loan. Tất cả những điều đó đều là một sự nghiệp mà mọi người chưa hề làm bao giờ, vì vậy cuộc đời Đặng Tiểu Bình, nói một cách hình tượng là cuộc viễn chinh tới những miền đất lạ"

Ngày 2 tháng giêng năm 1950, Lưu Bá Thừa nhận được bức điện có đánh dấu bốn chữ A của Mao Trạch Đông gửi trung ương, đồng chí Bành Đức Hoài và chuyển cho ba đồng chí Đặng Tiểu Bình; Lưu Bá Thừa và Hạ Long:

(1) Đã nhận được bức điện báo về tình hình Tây Tạng và trên đường tiến vào Tây Tạng ngày 30 tháng 12 của đồng chí Bành Đức Hoài. Đề nghị Trung ương chuyển cho ba đồng chí Lưu, Đặng, Hạ nghiên cứu.

(2) Dân số Tây Tạng tuy không nhiều, nhưng vị trí quốc tế lại cực kỳ quan trọng, chúng ta nhất định phải giải phóng Tây Tạng và cải tạo thành một Tây Tạng dân chủ nhân dân. Nếu tiến quân từ Thanh Hải và Tân Cương vào sẽ rất khó khăn. Nhiệm vụ tiến vào và quản lý Tây Tạng cần xác định do Cục Tây nam phụ trách.

(3)...

(4) Tiến quân và quản lý Tây Tạng là nhiệm vụ gian khổ mà vinh quang của Đảng ta. Tây nam vừa mới giải phóng, các đồng chí trong Cục Tây nam công tác

rất bận, nay lại giao nhiệm vụ tiến vào Tây Tạng nhưng do nhiệm vụ rất quan trọng, lại mang tính thời gian nên mới quyết định như vậy. Quyết nghị này có thể thực hiện được hay không yêu cầu Cục Tây nam nghiên cứu trả lời.

Viễn Phương 4 giờ sáng ngày 2 tháng 1 Mao Trạch Đông "Viễn phương" chính là Matxcơva, lúc ấy Mao Trạch Đông đang đi thăm Liên Xô. Matxcơva lúc đó tràn ngập không khí vui mừng đón năm mới, nhưng Mao Trạch Đông không hề được thanh thản, lòng ông luôn hướng về nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoà vừa mới ra đời cách xa hàng vạn dặm. Nghiệp lớn thống nhất chưa hoàn thành, Tây Tạng, đảo Đài Loan, Hải Nam vẫn chưa được giải phóng, ông vẫn ăn ngủ không yên.

Trên nước người, Mao Trạch Đông trải qua một đêm khó ngủ. Ông vạch ra một kế hoạch rất kiên định: Phải nhanh chóng giải phóng Tây Tạng. Trước đó, ông đã gửi điện cho Bành Đức Hoài lấy Cục Tây Bắc làm chủ đạo để giải quyết vấn đề Tây Tạng. Ngày 12 năm 1949, ông nhận được điện của Bành Đức Hoài nói nếu tiến theo đường phía bắc sẽ gặp khó khăn rất lớn, khó khắc phục trong thời gian ngắn. Sau khi suy nghĩ và cân nhắc kỹ càng, ông quyết định giao nhiệm vụ đầy khó khăn này cho Đặng Tiểu Bình, Lưu Bá Thừa thuộc Cục Tây nam.

Lúc ấy, nhiệm vụ tiễu phỉ của Cục này do hai ông lãnh đạo mới bắt đầu, đồng thời nhiều sĩ quan thuộc Quân đoàn dã chiến số 2 đã cởi quân phục chuyển ra đội công tác; nhưng với một nhà chiến lược đại tài như Mao Trạch Đông thì dù khó khăn đến đâu cũng phải hoàn thành. Sáu ngày sau khi nhận được điện của Mao Trạch Đông gửi về, Đặng Tiểu Bình đã điện trả lời, kế hoạch tiến quân vào Tây Tạng đã được sắp xếp thoả đáng.

Đây thực sự là một nhiệm vụ đặc biệt, rất gian khổ và vinh quang.

Bởi trong cuộc đời cách mạng của Đặng Tiểu Bình, trước đó chỉ đánh nhau với quân Nhật, với bọn phản động Quốc dân Đảng và chủ yếu là về mặt quân sự, đọ tài cao thấp trên chiến trường, dựa vào mưu lược và cái gan góc của người chỉ huy quân sự, thực lực chiến đấu và dũng khí của toàn quân. Trong những cuộc chiến đấu đó, hầu như Đặng Tiểu Bình đã đánh là thắng, nhất là thời kỳ chiến tranh giải phóng, khí thế thật như chẻ tre vậy!

Giải phóng Tây Tạng là cuộc chiến đấu khác hẳn với bất kỳ cuộc chiến đấu nào trước đó. Đúng như Mao Trạch Đông nói, bởi đó là một mảnh đất có vị trí quốc tế đặc biệt quan trọng. Nơi đây rất hoang vu, nghèo nàn lạc hậu, tình hình rất phức tạp, nhiều mâu thuẫn đan xen nhau. Nơi đây có gần 2 triệu người Tạng sinh sống, trong lịch sử đã từng nhiều lần dùng binh mà vẫn chưa giải quyết được vấn đề. Mặt khác, Tây Tạng lúc đó vẫn còn là xã hội nông nô, quần chúng vẫn tin thờ Phật giáo. Trước một đối tượng đặc biệt như vậy, buộc phải có tính sáng tạo trong phương pháp công tác và chỉ đạo tư tưởng mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ mà Trung ương và Mao Trạch Đông giao phó.

Đặng Tiểu Bình đã sáng tạo trong công tác chủ đạo tư tưởng: Chính trị quan trọng hơn quân sự, khác với các thời kỳ trước là đấu tranh quân sự là số một, "chính quyền đẻ ra từ nòng súng", sau khi chính quyền nhân dân được xây dựng, nhất là đối với một Tây Tạng nơi toàn bộ là người dân tộc ít người, nên nhất thiết phải thay đổi công thức công tác mới có hiệu quả tốt được.

Tiến quân vào Tây Tạng đương nhiên phải có binh lực tương đối lớn, nhưng nếu quá lớn thì một số vấn đề về sau sẽ khó giải quyết, do đó phải cần một lực lượng tinh chứ không cần nhiều. Đặng Tiểu Bình chỉ cần ba vạn quân chủ lực là đủ.

Nhiệm vụ này được giao cho Quân đoàn 18.

Ngày 15 tháng giêng năm 1950, Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình tổ chức Hội nghị cán bộ cấp Sư trở lên tại Trùng Khánh. Lưu Bá Thừa rất nghiêm túc nói rằng: "Các đồng chí đều rất trẻ, là các cánh quân tiến vào Tây Tạng. Đây là mảnh đất đặc biệt, rất nhạy cảm. Trong lịch sử đã có một số đế vương nhiều lần đưa quân vào đó, nhưng khi thì bị lật thuyền, khi thì hao binh tổn tướng, khi thì không đánh mà phải rút lui. Chúng ta là quân đội của nhân dân, phải luôn thể hiện hình tượng nhân nghĩa, đúng đắn ở mọi nơi". Đặng Tiểu Bình tiếp lời: "Lực lượng quân đội của chính phủ địa phương ở đó có sáu bảy ngàn người, nếu lấy quân từ ba chùa lớn thì nhiều nhất cũng được 3 vạn, nhưng thực tế chỉ được 2 vạn, cho nên ta chiếm ưu thế về mặt quân sự. Nhưng cần chú ý một điểm, ở đó có lực lượng tôn giáo rất mạnh song cũng không đáng sợ, chúng ta sẽ có cách để chiến thắng. Ông còn chỉ ra rằng, về vấn đề Tây Tạng, chúng ta phải phối hợp

giữa quân sự và chính trị để giải quyết. Cần lưu ý rằng. Tây Tạng là nơi dân tộc thuần nhất với 2 triệu người, vấn đề chính sách sẽ cực kỳ quan trọng. Giải quyết vấn đề Tây Tạng, chính trị phải là chủ yếu. Xét từ góc độ lịch sử, vấn đề Tây Tạng được giải quyết phần lớn đều từ chính trị, ví dụ như trong đời Đường chẳng hạn, về sau dùng binh đều thất bại. Giải quyết vấn đề Tây Tạng phải dựa vào chính trị là chính, cần phải đoàn kết hai phái Đại Lai Lạt Ma và Ban Thiền và phải có chính sách đúng.

Ngày 17 tháng 2, Đặng Tiểu Bình nói với Trương Quốc Hoa - Quân đoàn trưởng Quân đoàn 18: Đồng chí phải lập ngay một phòng nghiên cứu chính sách, điều tra tình hình Tây Tạng. Đồng thời các cấp phải động viên mọi người học tiếng Tạng để dễ tuyên truyền. Cần phải khai thông ngôn ngữ dân tộc Tạng để dễ gần gũi và tìm hiểu họ, thuận lợi cho triển khai công tác. Đến Tạng mà không biết tiếng Tạng sẽ như người điếc, như thế sẽ rất tai hại.

Đặng Tiểu Bình nhắc nhở bộ đội tiến vào Tây Tạng: Chính sách là sinh mệnh. Phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng, dựa vào quần chúng, phải dùng chính sách đúng đắn để quét sạch mọi sự tuyên truyền nhảm nhí của bọn phản động trong và ngoài nước, để loại trừ sự thành kiến ngăn cách dân tộc được tạo ra trong lịch sử, đoàn kết mọi tăng ni phật tử và các nhân sĩ yêu nước dưới ngọn cờ yêu nước chống đế quốc.

Ông còn chỉ thị thảo "Nguyên tắc tiến quân", yêu cầu bộ đội vào Tây Tạng phải gương mẫu chấp hành chính sách dân tộc của Đảng, tuân thủ nghiêm kỷ luật, tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào, không được đồng ý thì không vào chùa ở, không được vi phạm bất kỳ điều gì. Một chiến sĩ trên đường tiến quân chỉ đá con chim ưng đi ngang qua đường một đá đã bị cảnh cáo vì lỗi không tôn trọng phong tục đồng bào Tạng và vi phạm chính sách dân tộc. Yêu cầu nghiêm khắc đó đã giành được sự tôn vinh của đồng bào, họ gọi đây là "Người Hán mới", "Lính Bồ tát".

Tôn giáo là vấn đề nhạy cảm nhất của Tây Tạng và cũng là mấu chốt của sự thành bại trong giải quyết chính trị. Đặng Tiểu Bình nhiều lần giáo dục bộ đội phải thiết thực bảo vệ chùa chiền, trọng tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Sau đó, khi lực lượng tiên phong chuẩn bị tiến vào La Sa, Đặng đích thân dặn dò khi

đã vào La Sa và hội kiến với Đại Lai Lạt Ma, nếu ông ấy đưa ra việc xoa đầu thì có thể để ông ta làm mà không lo phạm quân phong quân kỷ, và còn phải tặng quà ông ta nữa.

Ngày 25 tháng 2 năm 1950, Trung ương chỉ thị cho Cục Tây nam: "Kế hoạch tiến vào đóng quân ở Tây Tạng của chúng ta không thay đổi; nhưng có thể dùng mọi biện pháp để đàm phán với tập đoàn Đại Lai, để ông ta ở lại hoà giải với chúng ta ở Tây Tạng.

Ngày 11 tháng 5 năm 1950, Cục Tây nam báo cáo Trung ương Đảng về bốn phương châm chính sách giải phóng hoà bình Tây Tạng, lấy đó làm cơ sở để đàm phán với nhà đương cục địa phương Tây Tạng và đã được Trung ương khẳng định trên nguyên tắc. Đặng Tiểu Bình căn cứ vào tinh thần chỉ thị của trung ương, đã đích thân thảo ra mười chính sách về giải phóng hoà bình đối với Tây Tạng:

1- Nhân dân Tây Tạng đoàn kết lại, đánh đuổi thế lực của đế quốc Anh - Mỹ ra khỏi Tây Tạng, nhân dân Tây Tạng trở về đại gia đinh tổ quốc là nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

2- Thực thi khu tự trị dân tộc Tây Tạng.

3- Tây Tạng thực hiện duy trì nguyên trạng các chế độ chính trị mà không cần thay đổi, không thay đổi chức quyền và địa vị Phật sống của Đại Lai, quan chức các cấp giữ nguyên chức vị cũ.

4- Thực thi tự do tôn giáo, bảo vệ chùa chiền, tôn trọng tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của nhân dân Tây Tạng.

5- Duy trì chế độ quân sự hiện hành ở Tây Tạng, không thay đổi. Quân đội hiện có của Tây Tạng trở thành một bộ phận lực lượng vũ trang quốc phòng của nước Cộng hoà Nhân dân Trưng Hoa.

6- Phát triển ngôn ngữ chữ viết và giáo dục trường học của dân tộc Tây Tạng. Phát triển ngành nông nghiệp, chăn nuôi, công thương nghiệp của Tây Tạng, cải thiện đời sống nhân dân.

8- Về các cải cách ở Tây Tạng phải hoàn toàn dựa vào ý chí của nhân dân Tây Tạng, do nhân dân và người lãnh đạo Tây Tạng dùng phương thức hiệp

thương để giải quyết.

9- Đối với những quan chức trước kia thân Anh, Mỹ và Quốc dân Đảng chỉ cần họ từ bỏ quan hệ đó, không phá hoại hoặc chống đối sẽ tiếp tục được giữ chức vụ cũ, không bị xử lý.

10- Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc vào Tây Tạng, củng cố quốc phòng. Kinh phí của Quân giải phóng nhân dân hoàn toàn do chính phủ nhân dân Trung ương cung cấp. Quân giải phóng mua bán công bằng.

Mười chính sách này đã suy nghĩ đầy đủ đến hiện thực xã hội Tây Tạng, chiếu cố tới lợi ích của mọi tầng lớp xã hội, rất phù hợp với tình trạng thực tế của Tây Tạng, thậm chí có nhân sĩ đại diện cho nhân dân Tây Tạng còn thấy mười chính sách đó rất rộng mở. Đặng Tiểu Bình nói: "Đối với mười điều ở Tây Tạng, chúng ta có nới rộng một chút là hoàn toàn có thực chứ không phải là giả dối hay lừa họ. Cho nên nó có sức mạnh to lớn không thể lường được" "Chúng tôi xác định trong dân tộc ít người do có sự ngăn cách rất sâu với người Hán trước đây, tình hình rất phức tạp, cho nên không thể dùng sức mạnh bên ngoài để phát động cái gọi là đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc ít người, không thể lấy lực lượng bên ngoài để tạo ra đấu tranh giai cấp hoặc làm các cuộc cải cách". "Cải cách là cần thiết, nhưng phải chờ tới khi trong nội bộ dân tộc ít người đó có đủ điều kiện mới tiến hành". Nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân tộc hiện nay của chúng ta: "Làm tốt việc đoàn kết, dẹp bỏ ngăn cách". Mười chính sách này là kết tinh trí tuệ của Đặng Tiểu Bình, biểu hiện nổi bật tinh thần sáng tạo của ông. Nó vừa chăm lo đầy đủ đến lợi ích của các tầng lớp nhân dân trong dân tộc vừa bảo vệ được mối đại đoàn kết thống nhất dân tộc của Tổ quốc.

Văn kiện có tính lịch sử này đã nhận được sự khẳng định và ca ngợi cao của trung ương Đảng và đồng chí Mao Trạch Đông.

Chính trị đi trước không có nghĩa là không dùng biện pháp quân sự.

Mặc dù Trung ương Đảng và Cục Tây nam đã giành bao tâm huyết cho việc giải phóng hoà bình Tây Tạng, nhưng dưới sự giúp đỡ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động nước ngoài, nhà đương cục địa phương Tây Tạng đã tập hợp hơn một nửa quân Tạng, cộng thêm hơn 3000 dân binh tiến hành bố phòng ở đông Kim Sa phía đông Xương Đô và các vùng gần Xương Đô; nhằm dùng vũ

lực để chống lại việc quân ta tiến vào giải phóng một cách hoà bình Tây Tạng. Trước tình hình đó, Đặng Tiểu Bình quyết định đánh để thúc đẩy đàm phán, cho nhà đương cục Tây Tạng sợ hãi một chút. Ngày 6 tháng 10 năm 1950, chiến dịch Xương Đô nổ ra. Sau 18 ngày chiến đấu, ta đã diệt lớn 5.700 quân địch, đồng thời giải phóng Xương Đô.

Trong thế tấn công quân sự mạnh mẽ, tập đoàn thống trị thuộc tầng lớp trên của Tây Tạng bị phân hoá kịch liệt, lực lượng yêu nước bị đè nén lâu nay đã phát triển và càng thêm kiên định. Các phần tử theo chủ nghĩa chia rẽ thuộc thế lực thân đế quốc bị đánh một đòn nặng nề đã bắt đầu dao động.

Sau chiến thắng Xương Đô, ta lại quay về phương thức hoà bình, chính phủ Trung ương yêu cầu nhà đương cục Tây Tạng nhanh chóng cử người đến Bắc Kinh đàm phán đồng thời biểu thị, trước khi có được Hiệp định trong đàm phán sẽ không tiến quân vào La Sa. Nhờ chính sách cảm hóa của Đảng và sự cố gắng về mọi mặt, Đại La Lạt Ma cuối cùng phải đối mặt với hiện thực, từ bỏ ảo tưởng, phải phái một đoàn đi đàm phán.

Trong phương thức công tác, Đặng Tiểu Bình cũng rất sáng tạo, hỗ trợ nặng hơn chiến đấu. Đặng Tiểu Bình cho rằng, bộ đội vào Tây Tạng cần tinh chứ không cần nhiều, nhưng tuyến bổ sung phải nhiều hơn nhiều so với cuộc chiến trước đây, ít nhất phải cần tới 1 vạn người. Về sau còn tổ chức một Bộ tư lệnh chi viện có qui mô rất lớn bao gồm Bộ Tư lệnh hậu cần và công binh quân khu Tây nam, thống nhất giải quyết vấn đề làm đường và vận tải. Những biện pháp đó là nhằm tạo dựng hình ảnh nhân nghĩa, "không nuốt trôi địa phương" của quân ta khi vào Tây Tạng, chuẩn bị đầy đủ để mở đường cho giải quyết chính trị và những hành động quân sự khi buộc phải làm.

Ngày 16 tháng 4 năm 1951, đoàn đại biểu đàm phán hoà bình Tây Tạng do A Thị, A Vượng, Tấn Mỹ cầm đầu đến Trùng Khánh đã nhận được sự hoan nghênh và cổ vũ nhiệt liệt của quần chúng và đại biểu các giới. Đặng Tiểu Bình và các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền Tây nam giảng giải cho họ về chính sách giải phóng một cách hoà bình của Đảng và đánh giá cao sự lựa chọn mang tính lịch sử của phía Tây Tạng.

Ngày 23 tháng 5, Chính phủ nhân dân Trung ương và chính phủ địa phương

Tây Tạng ký một bản hiệp định gồm 17 điều về giải phóng hoà bình Tây Tạng. Ngày 25 tháng 5, Quân uỷ Trung ương căn cứ vào Hiệp định, ra lệnh cho các đơn vị chia thành các mũi tiến quân vào đóng ở Tây Tạng.

"Chính trị nặng hơn quân sự, hỗ trợ nặng hơn chiến đấu", trí tuệ và tính sáng tạo của Đặng Tiểu Bình đã được thể hiện rất đầy đủ trong việc quản lý Tây Tạng.

Đặng Tiểu Bình luôn kiên định tư tưởng Mao Trạch Đông.

Ngày 10 tháng 11 năm 1943, trong bài phát biểu về cuộc vận động chỉnh phong khi khai giảng khoá 8 trường Đảng của Cục phương Bắc, Đặng Tiểu Bình đã sớm trình bày một cách sâu sắc tư tưởng Mao Trạch Đông, điều đó biểu hiện tầm nhìn của ông vượt trước rất nhiều người khác.

Đặng Tiểu Bình nói: "Từ sau Hội nghị Tuân Nghĩa tháng 1 năm 1935, Đảng ta dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương đứng đầu là đồng chí Mao Trạch Đông đã triệt để khắc phục chủ nghĩa cơ hội hữu, tả khuynh trong Đảng, quét sạch chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa bè phái và sự lộn xộn trong Đảng, đưa sự nghiệp của Đảng đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin được Trung Quốc hoá, tức là dưới sự chỉ đạo của tư tưởng Mao Trạch Đông, cho đến nay đã qua chín năm không những không phạm sai lầm mà còn liên tục phát triển thắng lợi. Sự thực đó mọi người chúng ta đều biết rất rõ. Rõ ràng dưới sự lãnh đạo của trung ương Đảng, lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm chỉ đạo, chúng ta nhớ lại những bài học đau đớn dưới sự lãnh đạo của chủ nghĩa cơ hội trước kia, mỗi đồng chí đều cảm thấy chín năm này thật là hạnh phúc.

Đối với Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình tràn đầy lòng tôn kính. Cũng trong bài nói trên, ông nói: "Ngày nay, chúng ta có được một trung ương Đảng như vậy, có được một vị lãnh tụ anh minh là đồng chí Mao Trạch Đông, đối với Đảng ta thật là quan trọng.

Những lời nói đó của Đặng Tiểu Bình đều là lời tâm huyết từ đáy lòng, không một chút giả tạo.

Kết luận này được rút ra từ những bài học kinh nghiệm trong cách mạng của Trung Quốc và được chứng minh bằng sự từng trải của cuộc đời ông.

Hơn nữa, trong suốt mấy chục năm làm việc trực tiếp với Mao Trạch Đông,

bằng tinh thần làm việc tận tuỵ của mình và dựa vào sự chú ý của Mao Trạch Đông, ông đã từng bước bước lên cương vị lãnh đạo trọng yếu của Đảng và Nhà nước. Tại Hội nghị Tuân Nghĩa, ông được làm Chánh văn phòng Trung ương Đảng là do Mao Trạch Đông đề nghị, về sau làm chính uỷ sư 129 Bát lộ quân; Đại hội 7 được bầu làm uỷ viên Trung ương, Bí thư Cục Trung Nguyên, Bí thư thứ nhất Cục Trung Nguyên, Bí thư Đảng uỷ Tiền phương chỉ huy chiến dịch Hoài Hải, Chính uỷ Quân đoàn dã chiến 2, Bí thư thứ nhất Cục Hoa Đông.

Bí thư Cục Tây nam, Chánh văn phòng Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Quốc vụ viện, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Trung ương Đảng. Mỗi một lần lên chức đều thể hiện rõ sự tín nhiệm của Mao Trạch Đông đối với ông.

Điều đặc biệt có thể nói rõ vấn đề này là, tại Đại hội 8 của Đảng, Mao Trạch Đông đã đề cử ông vào chức vụ Tổng Bí thư. Đối với việc này, Đặng Tiểu Bình nói: "Đối với chức vụ Tổng Bí thư, Trung ương cũng đã thảo luận rất lâu. Tôi cũng nhiều lần đưa ra ý kiến của mình chỉ gồm sáu chữ: "một không được, hai không thuận." Mao Trạch Đông nói:

"Đồng chí nói không thuận, tôi có thể tuyên truyền, nếu mọi người đều tán thành là sẽ thuận. Tôi thấy đồng chí Đặng Tiểu Bình là người thẳng thắn, cũng giống như tôi không phải là không có khuyết điểm, nhưng rất thẳng thắn. Đồng chí tương đối có tài, biết làm việc. Ai nói mọi việc đồng chí ấy đều làm tốt? Hoàn toàn không đúng. Đồng chí ấy cũng như tôi, có rất nhiều việc làm sai, cũng có lời nói sai. Nhưng nếu so sánh thì đồng chí ấy biết làm việc. Đồng chí ấy tương đối chu đáo, tương đối thẳng thắn, là người có đức làm người ta không đến nỗi sợ. Hôm nay tôi tuyên truyền cho đồng chí ấy vài câu. Đồng chí ấy nói mình không được, tôi lại thấy được. Thuận hay không phải xem dư luận quần chúng ra sao, tôi thấy cũng tương đối thuận. Cũng có người không hài lòng với đồng chí ấy như không hài lòng đối với tôi vậy. Cũng có nhiều người hài lòng với tôi, bản thân tôi đắc tội với quá nhiều người. Hôm nay những người này bầu tôi cũng là vì đại cục. Ai nói Đặng Tiểu Bình không đắc tội với người khác? Tôi không tin, nhưng về đại thể, con người này tương đối toàn diện, có đức, xử lý vấn đề tương đối công minh, rất nghiêm khắc với khuyết điểm của mình. Đồng

chí ấy nói thực sự lo lắng, đồng chí ấy đã trải qua đấu tranh trong Đảng rồi".

Cho tới lúc đó, Đặng Tiểu Bình vẫn là một viên tướng được Mao Trạch Đông yêu quí, vì vậy, ông cũng chính là một thành viên trong hạt nhân lãnh đạo Trung ương thế hệ thứ nhất.

Trong công tác, tình cảm, tư tưởng, chính trị, Đặng Tiểu Bình có mối liên hệ thân thiết với Mao Trạch Đông.

Dù vậy, ông không phải là người phục tùng một cách mù quáng, và trong số các lãnh đạo, ông cũng không hề có biểu hiện một sự trung thành mù quáng.

Điều này cũng cho thấy niềm tin vào chủ nghĩa Mác của ông rất kiên định, bằng lý trí ông rất tỉnh táo phân biệt được rằng một số tư tưởng của lãnh tụ là cần chính xác, cần kiên quyết chấp hành; nhưng những điều sai lầm cần hết sức tránh để gây ra tổn thất.

Vì sao ông không phục tùng mù quáng một nhân vật vĩ đại như Mao Trạch Đông? Bởi vì ông tỉnh táo nhận rõ tác dụng và vị trí của lãnh tụ, trong lúc danh tiếng của Mao Trạch Đông lên tới đỉnh cao mà ông vẫn tỉnh táo như vậy, biểu hiện tư duy siêu việt của ông. Nhận thức đó đã được thể hiện ngay khi được bầu làm uỷ viên thường vụ Bộ chính trị, Tổng Bí thư Trung ương Đảng, ông đã đọc báo cáo "Về sửa đổi Điều lệ Đảng"

Báo cáo nhắc tới việc làm thế nào để xây dựng Đảng vững mạnh trong đó có hai vấn đề rất quan trọng:

Một là kiên trì chế độ tập trung dân chủ, tăng cường sự lãnh đạo tập thể của Đảng. Ông nói:

"Chủ nghĩa Lênin yêu cầu tất cả những vấn đề trọng đại của Đảng đều được quyết định bởi một tập thể thích đáng chứ không phải cá nhân. Cá nhân quyết định vấn đề trọng đại là đi ngược lại nguyên tắc xây dựng Đảng của chính Đảng Cộng sản, nhất định sẽ mắc sai lầm; chỉ có lãnh đạo tập thể, có liên hệ với quần chúng mới phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng, mới giảm tối đa việc mắc sai lầm. Cần kiên quyết phản đối các hành vi bao biện, chuyên quyền độc đoán, nghiêm khắc kiện toàn chế độ Đảng uỷ. Cần định kỳ triệu tập Đại hội Đảng các cấp, cần biến Đại hội đại biểu này của Đảng trở thành cơ quan quyết sách và giám sát có hiệu lực tối cao của Đảng.

Hai là phản đối vấn đề sùng bái cá nhân. Đặng Tiểu Bình căn cứ vào nguyên lý cơ bản về mối quan hệ giữa giai cấp, chính Đảng và lãnh tụ của chủ nghĩa Mác, tổng kết phong trào Cộng sản quốc tế, đặc biệt là bài học kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Liên Xô mà đặc biệt nhấn mạnh vấn đề phản đối sùng bái cá nhân. Ông chỉ ra rằng: "Lãnh tụ của chính Đảng của giai cấp công nhân nhất thiết phải là tấm gương về quan hệ với quần chúng, phục tùng tổ chức Đảng, tuân thủ kỷ luật Đảng. Yêu quí lãnh tụ về bản chất chính là yêu quí lợi ích của Đảng, của giai cấp của nhân dân, chứ không phải thần thánh hoá cá nhân. Một thành tích quan trọng của Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô mách bảo chúng ta rằng, thần thánh hoá cá nhân sẽ tạo ra hậu quả xấu rất nghiêm trọng. Từ trước tới nay, Đảng ta cho rằng, bất kỳ một chính Đảng hay cá nhân nào, trong hoạt động của mình đều không thể không có khuyết điểm, sai lầm. Chính vì vậy, Đảng ta cũng bài trừ tệ sùng bái cá nhân. Trung ương Đảng cũng luôn phản đối việc gửi điện chúc tụng và báo tin vui cho các lãnh đạo, phản đối việc khuếch trương tác dụng của lãnh tụ trong các tác phẩm nghệ thuật. Đương nhiên, sự sùng bái cá nhân là một hiện tượng xã hội đã có từ lâu trong lịch sử, và cũng tồn tại trong Đảng và trong cuộc sống xã hội chủ chúng ta, nhưng nhiệm vụ của chúng ta là phải tiếp tục kiên quyết chấp hành phương châm của trung ương phản đối việc ca ngợi công đức và làm nổi bật vai trò cá nhân..."

Nhưng từ sau năm 1957, một số vấn đề mà báo cáo nêu ra đã dần dần xuất hiện. Chế độ tập trung dân chủ trong Đảng không được quán triệt triệt để, thần thánh hoá cá nhân đã xuất hiện.

Sau Hội nghị Lư Sơn, việc sùng bái cá nhân Mao Trạch Đông ở trong Đảng phát triển mạnh, Lâm Bưu - Bộ trưởng Quốc phòng mới thay thế Bành Đức Hoài chủ trì công tác hàng ngày của Quân uỷ Trung ương đã dốc hết sức tàn của mình để nặn ra và tuyên truyền sùng bái cá nhân Mao Trạch Đông nhằm đạt mục đích chính trị của mình. Tháng 9 năm 1959, Lâm Bưu, trong Hội nghị mở rộng của Quân uỷ Trung ương đã đề ra: "Mao Trạch Đông chính là Các Mác và Lênin hiện nay", "Tư tưởng Mao Trạch Đông đứng trên đỉnh cao của tư tưởng hiện nay" "Đồng chí Mao Trạch Đông đã phát triển một cách toàn diện và sáng tạo chủ nghĩa Mao Trạch Đông, tổng hợp thành quả của người đi trước, tăng thêm

những nội dung mới. Cần phải tích cực học tập trước tác của Mao Trạch Đông, đây là một công việc một vốn vạn lời. Dưới ảnh hưởng của Lâm Bưu và một số người khác, việc tuyên truyền tư tưởng Mao Trạch Đông trên một số báo chí đã xuất hiện khuynh hướng dung tục.

Trước hiện tượng này, Đặng Tiểu Bình đã lên tiếng phê phán trong Hội nghị Thiên Tân của trung ương Đảng năm 1960. Ông nói: "Vấn đề tư tưởng Mao Trạch Đông là một vấn đề có tính nguyên tắc rất nghiêm túc, không được dung tục hoá", "Không được tách rời tư tưởng Mao Trạch Đông với chủ nghĩa Mác-Lênin, coi nó như một thứ hoàn toàn khác". Ông còn chỉ ra rằng: "Đảng là Đảng tập thể lãnh đạo, đồng chí Mao Trạch Đông là người đại biểu cho tập thể đó, là lãnh tụ của Đảng ta, có vị trí và tác dụng khác với các thành viên lãnh đạo khác. Nhưng không phải vì thế mà tách rời đồng chí đó với trung ương Đảng, mà phải xem đồng chí đó là một thành viên trong tập thể lãnh đạo của Đảng ta, nói tác dụng đứng đầu trong Đảng của đồng chí đó là hợp với thực tế!" Năm 1961, Đặng Tiểu Bình còn ủng hộ cuộc đấu tranh của La Vinh Hằng phản đối việc dung tục hoá tư tưởng Mao Trạch Đông của Lâm Bưu.

Đáng tiếc là, do Mao Trạch Đông tiếp thu và tán thưởng sự sùng bái cá nhân đó nên trong Đảng và trong nước vẫn còn tồn tại cơ sở và điều kiện của sùng bái cá nhân, sự cố gắng của Đặng Tiểu Bình không đạt hiệu quả mong muốn. Cá nhân chuyên quyền độc đoán, áp đặt ý kiến cá nhân lên trên ý kiến Trung ương, tiếp nhận sự sùng bái cá nhân và thần thánh hoá cá nhân là những vấn đề càng nghiêm trọng hơn trong những năm cuối đời của Mao Trạch Đông và biến nó thành cơn ác mộng "Đại cách mạng văn hoá vô sản".

Nhưng Đặng Tiểu Bình - một con người rất tôn trọng Mao Trạch Đông, cũng là chỗ dựa và niềm tin của Mao Trạch Đông, ngay trong những đợt sóng trào của sự sùng bái ngày càng dâng cao đó vẫn trước sau như một ông vẫn giữ được thái độ bình tĩnh. Một câu nói dưới đây đã nói rõ thái độ của ông: "Ngộ ái ngộ sư, ngộ cánh ái chân lý (Ta yêu người thầy của ta, ta càng yêu chân lý).

"Khoán sản đến hộ" là một sáng tạo của nông dân Trung Quốc. "Chế độ khoán liên hộ" cũng là một sáng tạo khác, nhưng là sự hoàn thiện và phát triển của vấn đề thứ nhất. Từ cái trước đến cái sau phải mất một thời gian dài, trong

thời gian đó biết bao biến cố chính trị xảy ra, thật khó nói hết được.

"Khoán sản đến hộ" chỉ như một ngọn cỏ nhỏ nhoi, nhưng có sức sống mãnh liệt, dù cho chịu áp lực lớn chừng nào nó vẫn qua kỳ nứt của tảng đá khổng lồ mà vươn lên, ngay cả lửa cũng không đốt chết hết được, hễ mùa xuân về là nó lại trỗi dậy. "Ngọn cỏ này bắt đầu từ những năm 60, đến những năm 80 đã phủ xanh đất nước bằng "Chế độ trách nhiệm khoán liên hộ", mà "cơn gió mùa xuân" làm cho nó xanh mãi chính là sự ủng hộ của Đặng Tiểu Bình.

Ngay từ đầu những năm 60, đối với việc làm thế nào để khắc phục cục diện khó khăn trong sản xuất nông nghiệp do thiên tai và tư tưởng tả khuynh gây nên, Đặng Tiểu Bình đã đề ra quan điểm chính xác của mình.

Ngày 7 tháng 7 năm 1962, trong buổi nói chuyện về "Làm thế nào để phục hồi sản xuất nông nghiệp", đối với tình trạng đang xuất hiện lúc bấy giờ như "Khoán sản đến hộ", "Trách nhiệm tới tận ruộng", "Năm thống nhất" đã chủ trương "trăm hoa đua nở". Ông nói: vấn đề này cần phải để cho "trăm hoa đua nở", mọi người đều đưa ra ý kiến, cuối cùng sẽ tìm ra biện pháp.

Từ trong đáy lòng, ông ủng hộ sáng tạo mới này của nông dân. Bởi vì nó có lợi cho việc thúc đẩy tính tích cực của nông dân; mà đó lại là một biện pháp tốt để giải quyết những khó khăn về mặt quan hệ sản xuất trong nông nghiệp. Ông nói: "Suy cho cùng, quan hệ sản xuất phải dùng hình thức nào là tốt nhất e rằng phải áp dụng một thái độ là ở nơi nào có một hình thức nào có thể phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp tương đối dễ và nhanh thì sẽ áp dụng hình thức đó. Quần chúng muốn dùng hình thức nào thì cần áp dụng hình thức đó, nếu không hợp pháp sẽ bắt nó phải hợp pháp. Đó chỉ là ý kiến bước đầu chưa có quyết định cuối cùng, về sau có thể không tính toán đến. Lưu Bá Thừa thường xuyên nói một câu nói Tứ Xuyên rằng: "Mèo vàng, mèo đen, chỉ cần bắt được chuột đều là mèo tốt". Đó là nói về chuyện đánh nhau. Sở dĩ chúng ta đánh bại Tưởng Giới Thạch, chính là không đánh theo phép tắc cũ, không theo đường cũ, tất cả phải theo tình hình thực tế, miễn đánh thắng là được. Nay khôi phục sản xuất nông nghiệp cũng phải xem tình hình, chính là trong quan hệ sản xuất không thể áp dụng một hình thức cố định bất biến, phải xem hình thức nào có thể thúc đẩy tính tích cực của quần chúng thì áp dụng hình thức đó... Trước mắt

cần thúc đẩy mạnh tính tích cực của quần chúng và phát huy hết tiềm năng của họ.

Qua câu nói của Đặng Tiểu Bình, chúng ta có thể thấy rằng: ông luôn tích cực ủng hộ cái mới. Phục hồi sản xuất nông nghiệp cũng giống như đánh trận, không theo phép tắc cũ, đường cũ, không áp dụng một hình thức cố định bất biến nào; phải tôn trọng sự sáng tạo của quần chúng, nếu không hợp pháp thì phải làm cho nó hợp pháp. Ông dự cảm rằng, những chủ trương này của ông sau này có thể không là chuyện nhỏ.

Đặng Tiểu Bình ủng hộ phương thức mới cải cách quan hệ sản xuất trong nông nghiệp hoàn toàn có đầy đủ căn cứ thực tế.

Năm 1960, huyện Túc tỉnh An Huy xảy ra một kỳ tích: một người nông dân già 70 tuổi do phải chăm sóc đứa con bị ốm nên không thể tham gia sản xuất tập thể được. Ông không thể chỉ trông cậy vào sự cứu trợ của công xã mà chỉ mong cán bộ mở một lối thoát, cho phép ông mang con vào núi dưỡng bệnh, đồng thời sẽ sản xuất để tự cứu mình. Với một chiếc cuốc, một cái bừa bốn răng, ông đã khai hoang được 16 mẫu đất (mẫu Trung Quốc). Cuối năm, ông chẳng những thu được nhiều lương thực và thức ăn gia súc mà còn nộp cho công xã 900 kg lương thực và 60 đồng tiền bán gà. Trong năm đó, cả tỉnh An Huy mất mùa, khắp nơi đều đói. Sự kiện này đã gợi ý cho cán bộ và quần chúng địa phương: Chia đất đến từng người, mỗi người đều có trách nhiệm của mình sẽ có thể nâng cao năng suất lao động, thoát được đói nghèo. Vì vậy nông dân đều mong mỏi khoán sản đến từng hộ. Mùa xuân năm 1961, Tăng Hy Thánh. Bí thư tỉnh uỷ An Huy viết thư gửi Mao Trạch Đông, phân tích những cái tốt của vấn đề trên. Mao Trạch Đông đồng ý làm thử một năm. Nông dân ở một số địa phương của các tỉnh khác cũng sẵn sàng chịu rủi ro làm theo, sản lượng lương thực tăng lên rất cao. Đặng Tiểu Bình nhìn thấy sức mạnh to lớn ẩn chứa trong sáng tạo đó của nông dân. Ông cho rằng muốn thoát khỏi khó khăn cần phải phát huy đầy đủ tinh thần sáng tạo tích cực đó của nông dân, cho nên ông mới nói những lời trên. Thử nghĩ xem, lúc đó nếu thực hiện một cách phổ biến phương thức sản xuất đó thì chắc chắn sẽ khắc phục ngay được cục diện khó khăn.

Nhưng một Mao Trạch Đông nổi tiếng sáng tạo trong lý luận, luôn kiên trì

đường lối quần chúng, tôn trọng tinh thần sáng tạo của quần chúng, lúc đó lại kiên trì lối tư duy cũ. Từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 8 năm 1962, trong Hội nghị công tác ở Bắc Đới Hà của trung ương Đảng, Mao Trạch Đông đã phê phán "khoán sản đến hộ lao động". Từ ngày 24 đến 27 tháng 9, trong Hội nghị lần thứ 10 khoá 8 của Đảng lại tiếp tục phê phán vấn đề này và đã làm thương tổn tính tích cực sản xuất của nông dân, dẫn đến nông nghiệp ở nhiều địa phương rơi vào tình trạng nhiều năm liền không phát triển. Tình trạng đó kéo dài tới tận năm 1978.

Sau khi được phục hồi lần thứ ba, trong quá trình suy nghĩ cải cách nông thôn, Đặng Tiểu Bình đã suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thể chế của nông thôn. Tháng 1 năm 1978, khi nghe tỉnh uỷ Tứ Xuyên báo cáo công tác, ông nói: Hiện đang có vấn đề về chính sách đối với nông thôn và thành thị. Nghe nói ở Quảng Đông, một số địa phương nếu cứ ai nuôi 3 con vịt thì là xã hội chủ nghĩa, nhưng nuôi 5 con thì đã là tư bản chủ nghĩa rồi. Thật kỳ quặc. Tháng 9 năm 1978, khi đi thăm Đông Bắc, ông đã nói rất nhiều tới vấn đề nông thôn. Ông nói: mỗi công xã có điều kiện và tình hình riêng, cũng có cái chung và cả đặc thù riêng (mặt này nhiều hơn), điều quan trọng hơn là phải căn cứ vào đặc thù của riêng mình để suy nghĩ vấn đề.

Sau hội nghị Trung ương 3 khoá 11, tư tưởng của phần lớn cán bộ và quần chúng bắt đầu được giải phóng rất lớn. Các tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam, Quảng Đông, An Huy... đang tích cực tiến thành thử chế độ trách nhiệm với nhiều hình thức. "Nhân dân nhật báo" liên tục đưa tin tình hình thực hiện chế độ trách nhiệm trong sản xuất của bốn tỉnh trên và gây ra một cuộc tranh luận rất gay gắt, người tích cực ủng hộ cũng có, người kiên quyết phản đối cũng có. Cuộc tranh luận kéo đài mãi tới Hội nghị công tác Trung ương tháng 4 năm 1979. Tại Hội nghị, chỉ có số ít Bí thư chính uỷ ủng hộ thi hành "khoán công đến tổ, khoán sản đến hộ". Vạn Lý, Bí thư tỉnh uỷ An Huy nói trong Hội nghị rằng: các đồng chí đi đường "Dương Quan" của các đồng chí, chúng tôi đi cầu độc mộc của chúng tôi. Tháng 7 cùng năm, Đặng Tiểu Bình lên An Huy, lên Hoàng Sơn, sau khi nghe Vạn Lý báo cáo, ông nói: Đồng chí cứ tiếp tục làm như vậy, làm một cách thực sự cầu thị, không câu nệ hình thức, tìm mọi cách cho nông dân giàu lên. Vậy là

năm sau, không ít huyện thị đều thực hiện "khoán sản đến hộ".

Không ít tỉnh trong cả nước cũng làm theo phương thức này, cuối cùng phương thức này từ bóng tối bước ra ánh sáng. Lúc đó, rất nhiều đồng chí vẫn phàn nàn về vấn đề này. Đặng Tiểu đình đã nói thẳng: Sau khi chính sách nông thôn được mở rộng, một số nơi thích hợp với việc làm khoán sản đến hộ đã cho hiệu quả rất tốt. Tình hình đã thay đổi rất nhanh. Phần lớn vùng Phì Tây, An Huy làm theo phương thức này nên nhịp độ tăng sản rất mạnh. Trước sự lo lắng của một số người trong và ngoài Đảng, Đặng Tiểu Bình nói:

Phương hướng chung của chúng ta vẫn là phát triển kinh tế tập thể. Thời kỳ "Đại nhảy vọt", hợp tác xã cao cấp chưa được củng cố lại đã làm một cách phổ biến công xã nhân dân, đầu những năm 60 đã buộc phải rút lui quay trở lại lấy đội sản xuất là đơn vị cơ bản. Ông cho rằng, nói chung, trong nông nghiệp việc giải phóng tư tưởng vẫn chưa đủ. Ngoài vấn đề tập thể hoá ra, còn một vấn đề nữa là chế độ quản lý đất đai, có nghĩa là nơi nào thích hợp phát triển cái gì thì phát triển cái đó, không thích hợp phát triển cái gì thì không cố làm cái đó. Đó là phép tắc cũ, cũng tức là những biểu hiện của tư tưởng không giải phóng. Những tư tưởng này của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn nhất trí với tư tưởng của ông năm 1962.

Dưới sự chỉ đạo của tinh thần này, tháng 9 năm 1979 Trung ương đã triệu tập cuộc họp các Bí thư thứ nhất tỉnh, thành, khu tự trị để thảo luận vấn đề tăng cường và hoàn thiện thêm một bước chế độ trách nhiệm trong sản xuất nông nghiệp. Hội nghị phân tích một số những khúc mắc, vài sai lầm trong quá trình tập thể hoá nông nghiệp và cho rằng, do những khiếm khuyết trong phong trào tập thể hoá, sự can thiệp của đường lối cực tả và trong một thời gian dài trọng điểm công tác của Đảng chưa chuyển sang xây dựng kinh tế nên trước mắt, cơ sở vật chất kỹ thuật của kinh tế tập thể vẫn tương đối yếu, về mặt thể chế và kết cấu của công xã nhân dân còn tồn tại những vấn đề cần cải cách và hoàn thiện. Công tác quản lý kinh doanh là khâu yếu nhất, cần phân biệt những điểm khác nhau của khoán sản tới hộ và những phương châm đang áp dụng. Quần chúng đã mất lòng tin đối với tập thể nên yêu cầu phải khoán sản tới hộ, chúng ta cần ủng hộ yêu cầu của quần chúng; có thể khoán sản tới hộ hoặc khoán công việc tới hộ,

nhưng phải ổn định trong thời gian tương đối lâu. Sau hội nghị, Trung ương ra thông tri, lần đầu tiên trịnh trọng khẳng định sự đúng đắn của hai cách khoán trên, cho rằng nó không tách rời con đường xã hội chủ nghĩa, không hề có mối nguy hiểm phục hồi chủ nghĩa tư bản. Như vậy, với khoán sản tới hộ, chế độ trách nhiệm khoán sản tới liên gia đình đã trở thành một đặc trưng trong cải cách nông thôn, đã được triển khai rộng rãi trong toàn quốc. Trong tiết trời mùa thu vàng năm 1979, hai tỉnh An Huy và Tứ Xuyên lần lượt báo tin vui được mùa lớn. 60 mẫu ruộng ở An Huy bị hạn hán, dự tính nếu chiến thắng hạn hán thì sản lượng cũng giảm 5 tỉ cân lương thực, nhưng không ngờ, toàn tỉnh lại tăng hơn 400 triệu cân. Sản lượng cả năm tương đương với những năm bình thường. Hai năm liền, lương thực của Tứ Xuyên tăng trưởng 10,3 tỉ cân. Chỉ trong vòng ba, bốn năm, đến đầu năm 1983, chế độ bao tiêu sản phẩm đã bao trùm lên hơn 90% số hộ nông dân và đất đai. Phương thức này đã làm thay đổi rất lớn lòng nhiệt tình sản xuất của nông dân, chỉ trong thời gian ngắn, trận tuyến nông nghiệp đã xuất hiện một cục diện phồn vinh chưa từng thấy, sản lượng lương thực, bông và cây có dầu tăng nhanh chóng; vấn đề cái ăn, cái mặc làm đau đầu bao năm nay đã được giải quyết. Bao nhiêu loại tem phiếu có liên quan đến nông nghiệp như tem gạo, tem thịt, tem dầu, tem vải... bỗng chốc biến sạch; các sản phẩm phụ nông nghiệp cũng rất phong phú, thu nhập của nông dân tăng nhanh. Phương thức này là một đột phá khẩu để loại trừ quan hệ sản xuất cũ kỹ, thúc đẩy cuộc cải cách nông thôn phát triển toàn diện. Cuộc cải cách này thành công sẽ kéo theo sự phát triển của cải cách công nghiệp và thành thị.

Nhìn lại việc "khoán sản đến hộ", đầu những năm 60 được coi là "đi theo con đường tư bản chủ nghĩa", bị áp chế và phê phán mạnh mẽ, nhưng 20 năm sau, sản xuất nông nghiệp nhờ nó mà đã có sức mạnh to lớn. Trong tình hình những năm đó, do bị che đậy bởi tư tưởng tả khuynh, nếu cán bộ ta thực sự tin rằng "khoán sản đến hộ" là một thứ ma quỉ đủ để lật đổ xã hội chủ nghĩa, nên cần loại trừ nó. Lúc đó, người có đầu óc đủ tỉnh táo, tích cực và dám ủng hộ nó chỉ đếm trên đầu ngón tay. Nhưng Đặng Tiểu Bình ủng hộ và để ra "lý luận con mèo" mà trong "Đại cách mạng văn hoá" được xem như một thứ thối tha. Chúng ta không thể không khâm phục sự tỉnh táo và ý thức luôn đi trước của ông. Giả sử nếu không có nhận thức chính xác và sâu sắc về một hình thức quan hệ sản xuất mới

của ông mà sau lần phục hồi thứ ba ông đã ủng hộ và phát triển hình thức đó, thì nông thôn Trung Quốc không biết sẽ ra sao.

Tháng 10 năm 1978, Đặng Tiểu Bình thăm Nhật Bản, Tôkyô lúc đó vào thu, phong cảnh tuyệt vời. Quan hệ Trung - Nhật cũng giống như thời tiết lúc ấy. Mục đích chuyến đi của Đặng Tiểu Bình là thăm chính thức Nhật Bản và tham gia lễ trao đổi Nghị định thư về việc phê chuẩn Hiệp định hoà bình hữu nghị Trung - Nhật. Tại Nhật Bản Đặng Tiểu Bình đã gặp Nhật Hoàng, Thủ tướng và nhiều nhân vật quan trọng trong chính giới Nhật. Cả quá trình cuộc thăm đã thể hiện bầu không khí hữu nghị.

4 giờ chiều ngày 25, tại câu lạc bộ báo chí ở Tôkyô đã có cuộc họp báo nổi tiếng. Hơn 400 phóng viên từ nhiều tờ báo và hãng thông tấn nổi tiếng trên thế giới và của Nhật tham dự, trong đó có rất nhiều câu hỏi đặt ra rất gay gắt, không chút nể nang. Nghe nói, đây là lần đầu tiên một người lãnh đạo Trung Quốc ra nước ngoài đồng ý gặp gỡ phóng viên phương Tây, nên rất nhiều phóng viên phương Tây thích săn tin đã hy vọng qua lần này, qua những câu hỏi đáp sẽ tìm ra được cách vén tấm màn đó lên. Một phóng viên Nhật đã đưa ra câu hỏi về vấn đề chủ quyền của hòn đảo mà Trung Quốc gọi là đảo Điếu Ngư.

Đây là một hòn đảo nhỏ trong quần đảo thuộc tỉnh Đài Loan, đảo này không có người ở, cũng không được vẽ trên bản đồ. Sau chiến tranh Giáp Ngọ, Nhật Bản đã cắt Đài Loan ra khỏi Trung Quốc, hòn đảo này cũng nằm trong quần đảo tự nhiên đó. Năm 1945, Nhật thất bại phải đầu hàng, rút khỏi Đài Loan. Về sau phát hiện có dầu mỏ ở đó, Nhật Bản đã tới làm chủ ở hòn đảo Năm 1972, khi Trung - Nhật xác lập quan hệ ngoại giao, thủ tướng Nhật yêu cầu Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai xác nhận chủ quyền hòn đảo nhỏ đó. Vì không để một vấn đề nhỏ khó giải quyết làm trở ngại đại cục bình thường hoá quan hệ Trung

- Nhật, thủ tướng Chu Ân Lại đã dùng sách lược né tránh, ông nói: "Hiện không cần thảo luận đến vấn đề đó, bản đồ lại chưa hề vẽ đến nó, chỉ vì ở đó có dầu mỏ nên mới thành vấn đề". Phía Nhật đồng ý. Ngày 10 tháng 8 năm 1978, Ngoại trưởng Nhật lại đưa ra vấn đề đó để thảo luận với Đặng Tiểu Bình. Lúc đó, chỉ ít lâu sau khi trao đổi vấn đề đánh bắt cá trên vùng biển xung quanh đảo đó ngư dân Trung Quốc, phía Nhật muốn nhân cơ hội hai nước ký Hiệp ước hoà

bình hữu nghị, một mực yêu cầu Trung Quốc thừa nhận hòn đảo đó là thuộc chủ quyền của Nhật. Đặng Tiểu Bình vẫn áp dụng biện pháp né tránh, ông bình tĩnh nói: "Vẫn như xưa thôi, hãy gác vấn đề đó lại 20, 30 năm nữa đã". Hai bên vẫn thống nhất, khi thực hiện bình thường hoá mối bang giao sẽ không nhắc tới vấn đề đó nữa.

Khi phóng viên Nhật nhắc tới vấn đề tương đối khó có liên quan đến quan hệ Trung - Nhật, bầu không khí sôi nổi trong cuộc phỏng vấn do Đặng Tiểu Bình - một người trầm tĩnh, tự tin, nói năng lưu loát, sắc bén, hóm hỉnh tạo nên bỗng chốc căng thẳng, mọi người đều nín thở chờ Đặng Tiểu Bình trả lời.

Phóng viên Nhật đưa ra câu hỏi này, hoặc là cố tình làm khó xem tài ứng biến của Đặng Tiểu Bình, hoặc là đứng trên lập trường lợi ích của dân tộc Nhật Bản, lợi dụng cơ hội công khai này, lợi dụng bầu không khí hữu hảo để đưa ra hỏi một vấn đề mà các quan chức không chính thức đặt ra để buộc Đặng Tiểu Bình có thái độ có lợi cho Nhật Bản.

Điều này cũng thật là khó. Nếu đáp ứng Nhật Bản, thì đồng nghĩa với việc từ bỏ chủ quyền ở hòn đảo đó, tuy hòn đảo rất nhỏ nhưng chủ quyền quốc gia là việc lớn, không thể mất đi một tấc đất nào cả. Nếu nói nó thuộc Trung Quốc, thì sẽ gây ra tranh luận ngay lập tức và rất có thể ảnh hưởng ngay tới Hiệp định hai nước vừa ký kết. Với người bình thường, vấn đề chủ quyền chỉ có hai đáp án, không của tôi thì là của anh, không của anh thì là của tôi.

Trong lịch sử, nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu cũng là do tranh giành lãnh thổ gây ra; trong lịch sử cũng có nhiều cuộc đàm phán rất khó khăn, cũng chính do vấn đề lãnh thổ chủ quyền. Lịch sử ngoại giao của Trung Quốc từ cuộc chiến tranh thuốc phiện đến thời cận đại là một lịch sử tủi nhục, một lịch sử phải cắt đất để bồi thường, rất nhiều đất đã rơi vào tay nước ngoài. Lịch sử đàm phán ngoại giao thời cận đại của Trung Quốc hầu như ít khi thắng.

Trong quan hệ quốc tế hiện đại, biện pháp duy nhất để giải quyết tranh chấp lãnh thổ ở nhiều quốc gia là dùng vũ lực. Liệu có con đường nào khác không?

Trước vấn đề gai góc do phóng viên Nhật đưa ra, Đặng Tiểu Bình bình tĩnh trả lời: "Hòn đảo mà chúng tôi gọi là Điếu Ngư, còn Nhật Bản lai gọi bằng một cái tên khác, hai cách gọi tên khác nhau và hai bên có cách nhìn nhận cũng khác

nhau: khi thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung-Nhật, hai bên đã thống nhất không nhắc tới vấn đề này. Nhưng một số người muốn dùng vấn đề này để khiêu khích, cản trở sự phát triển mối quan hệ hai bên. Chúng tôi cho rằng, Chính phủ hai nước né tránh vấn đề này là rất sáng suốt. Để vấn đề này lại cũng không sao, chờ 10 năm nữa cũng được. Đời chúng ta chưa đủ trí tuệ, bàn vấn đề này chưa có được ý kiến thống nhất, đời sau có lẽ thông minh hơn chúng ta chắc sẽ tìm ra được biện pháp mà cả hai bên cùng chấp nhận được.

Một vấn đề rất khó trả lời đã được Đặng Tiểu Bình hoá giải một cách nhẹ nhàng.

Mấy năm sau, trong Hội nghị toàn thể lần thứ ba của Uỷ ban cố vấn Trung ương, khi nhớ lại chuyện trên, Đặng Tiểu Bình nói: "Những suy nghĩ thông thoáng chung cũng là do chúng ta đưa ra từ thực tế. Khi tôi đi thăm Nhật, phóng viên đưa ra câu hỏi về vần đề đảo Điếu Ngư. Lúc ấy tôi nghĩ, vấn đề đó sao lại không liên quan đến tranh chấp chủ quyền của hai nước, nhưng chúng ta hãy cùng nhau khai thác dầu mỏ ở vùng biển gần đó, có thể cùng nhau hợp tác kinh doanh, hai bên cùng có lợi, không cần đánh nhau, cũng không cần nhiều vòng đàm phàm làm gì".

Ngày l6 tháng 5 năm 1989, khi Đặng Tiểu Bình gặp gỡ Goócbachốp một lần nữa ông lại nhắc tới chủ trương dùng biện pháp cùng nhau khai thác để giải quyết vấn đề đảo Điếu Ngư.

Hiện nay, tuy không thể bùng nổ chiến tranh thế giới, nhưng nhiều cuộc tranh chấp gây mất ổn định, trong đó phần lớn là để tranh chấp lãnh thổ. Đặng Tiểu Bình vẫn tiếp tục tìm biện pháp mới để ổn định cục diện thế giới. Ông nói, thế giới có nhiều cuộc tranh chấp, cần phải tìm ra lối thoát để giải quyết vấn đề. Nhiều năm nay tôi luôn nghĩ tìm một biện pháp, không phải bằng chiến tranh mà bằng hoà bình để giải quyết vấn đề loại này. Nếu không, luôn luôn phải đối chọi với nó ắt có ngày xảy ra xung đột, thậm chí xung đột vũ trang. Cái gọi là phương thức hoà bình có nghĩa là tìm ra một phương thức mà các bên cùng chấp nhận được, làm cho vấn đề được giải quyết. "Nếu có thể sử dụng biện pháp hợp tình hợp lý sẽ loại trừ được các điểm bùng nổ, ổn định cục diện thế giới." Đặng Tiểu Bình cho rằng: "Tôn trọng hiện thực" "Cùng khai thác" chính là con đường mới

hợp tình hợp lý mà các bên cùng tiếp thu để giải quyết vấn đề." Ông nói: "Với một số vụ tranh chấp lãnh thổ trên thế giới, có thể trước tiên khoan nói tới chủ quyền, cùng nhau khai thác. Vấn đề này cần xuất phát từ tôn trọng hiện thực, tìm con đường mới để giải quyết".

Gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác là một tư duy mới mẻ để giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ do lịch sử để lại trong việc xử lý mối quan hệ giữa các nước trong lịch sử quốc tế hiện đại. Tư duy này chủ trương không dùng chiến tranh mà dùng phương thức hoà bình để giải quyết tranh chấp. Như vậy sẽ không làm thương tổn bên nào, sẽ không phải là anh nuốt trôi tôi hoặc tôi nuốt trôi anh mà là cùng nhau tồn tại, cùng được lợi, cùng phát triển. Tư duy mới này của Đặng Tiểu Bình là sự vận dụng sáng tạo và phát triển năm nguyên tắc cùng chung sống hoà bình do Chu Ân Lai đề ra trong tình thế mới và căn cứ vào yêu cầu hoà bình và phát triển của thời đại, cùng với năm nguyên tắc trên, nó mãi mãi toả sáng rực rỡ.

Cổ nhân có nói rằng: "Xưa nay, những kẻ không mưu cầu vạn sự thì chuyện nhất thời cũng không làm được; những kẻ không mưu cầu đại cục thì chuyện một vùng cũng không làm được." Là một nhà chính trị có tầm ảnh hưởng tới cả thế giới, Đặng Tiểu Bình luôn quan tâm đến sự phát triển của tình hình thế giới, luôn nắm chắc nhịp độ phát triển của thời đại. Vì Trung Quốc là một bộ phận của thế giới, tình hình thế giới ảnh hưởng tới sự phát triển của Trung Quốc. Sự phát triển của quan hệ đối ngoại và cơ cấu ngoại giao của Trung Quốc, những phương châm chính sách lớn được xác lập…, đều nhất thiết phải từ nhận thức đúng đắn cục diện quốc tế.

Nhiều năm nay, chúng ta luôn nhấn mạnh tới sự nguy hiểm của chiến tranh, cho rằng đại chiến thế giới sẽ nhanh chóng bùng nổ mà coi nhẹ phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng kinh tế. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho kinh tế không phát triển. Xuất phát từ hiện thực lịch sử từ sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, Đặng Tiểu Bình đã phân tích sâu sắc, nghiêm túc hướng phát triển của tình hình thế giới. Ông cho rằng, tuy nguy cơ chiến tranh vẫn tồn tại, nhưng lực lượng kiềm chế chiến tranh đã có những phát triển đáng mừng, lực lượng hoà bình đã lớn mạnh vượt qua lực lượng chiến

tranh, hoà bình sẽ lâu dài, chiến tranh sẽ tránh được.

Ngày 29 tháng 5 năm 1984, trong cuộc hội đàm với Tổng thống Braxin, Đặng Tiểu Bình nói, hiện thế giới có rất nhiều vấn đề, nhưng có hai vấn đề nổi bật, một là vấn đề hoà bình, hai là vấn đề Nam - Bắc. Cùng năm đó, ông cũng nói với thủ tướng Mianma nội dung như trên, ngoài ra còn thêm rằng, ngoài hai vấn đề lớn đó ra, còn có rất nhiều vấn đề khác, nhưng đều không có quan hệ đến toàn cục như hai vấn đề trên vì chúng mang tính toàn cầu và có ý nghĩa chiến lược. Ngày 4 tháng 3 năm 1984, khi gặp gỡ với đoàn đại biểu những nhà doanh nghiệp Nhật sang thăm Trung Quốc, ông đã chỉ rõ thêm: Hiện nay, vấn đề thực sự lớn mang tính toàn cầu và chiến lược trên thế giới, một là vấn đề hoà bình và một là vấn đề kinh tế (hoặc nói là vấn đề phát triển). Vấn đề hoà bình là vấn đề Đông-Tây; vấn đề phát triển là vấn đề Nam-Bắc, cũng là vấn đề hạt nhân cốt lõi. Tóm lại chính là bốn chữ: Đông - Tây - Nam - Bắc.

Vị thủ tướng Helmút Kohl của Cộng hoà liên bang Đức trước đây từng nói: "Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình đều lo lắng Liên xô sẽ phát động chiến tranh, nhưng sự lo lắng đó hầu như tiêu tan trong những năm 80 và nay đã hoàn toàn biến mất." Đặng Tiểu Bình đã đưa ra một phán đoán nổi tiếng "Hoà bình và phát triển là hai chủ đề lớn của thế giới đương đại"; ngay từ cuối thập kỷ 70, ông đã cảm giác được những thay đổi của xu thế thế giới.

Ngày 28 tháng 12 năm 1977, trong Hội nghị toàn thể Quân uỷ Trung ương, Đặng Tiểu Bình nói: Chúng ta cần tranh thủ thời gian không có chiến tranh, bởi chúng ta có chiến lược và đường lối ngoại giao về thế giới ba cực của Mao Trạch Đông, có thể làm tốt cuộc đấu tranh chống bá quyền trên thế giới.

Mặt khác: việc bố trí chiến lược toàn cầu của Liên Xô chưa được chuẩn bị tốt. Nước Mỹ sau thất bại ở Đông Nam Á thì chiến lược toàn cầu là phòng thủ, chưa thể đánh lớn. Cho nên có thể tranh thủ kéo dài sự bùng nổ của chiến tranh.

Sau năm 1978, quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ được thiết lập, Trung - Nhật cũng ký hiệp ước hoà bình hữu nghị, xu thế hợp tác với một số nước phát triển ở châu Âu cũng tương đối tốt. Sau khi bước vào thập niên 80, cục diện thế giới đã có thay đổi rõ ràng hơn, lực lượng hoà bình thế giới" phát triển hơn lực lượng chiến tranh, nhân tố hoà bình dần chiếm vị trí chủ đạo.

Sau chiến tranh, sự phát triển kinh tế ở các nước phát triển, đặc biệt là sản xuất và tiền tệ đã quốc tế hoá cao độ, làm cho mối quan hệ phải dựa vào nhau ở các nước đó phát triển đến một trình độ chưa từng thấy, trong cục diện "trong anh có tôi, trong tôi có anh".

Các nước phát triển càng có nhiều lợi ích chung và các mối quan hệ lợi hại chung, một khi chiến tranh nổ ra, thể chế kinh tế ở các nước này sẽ rơi vào hỗn loạn. Do vậy, để có được sự phát triển kinh tế từng bước, các quốc gia phát triển cũng phải duy trì một môi trường hoà bình và ổn định.

Sau chiến tranh, ở Trung Quốc, xu thế phát triển bị tan vỡ. Sau khi giành được độc lập về chính trị, Trung Quốc kiên quyết phản đối và chống lại sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa bá quyền: để phát triển kinh tế, buộc phải có môi trường quốc tế hoà bình. Cùng với thế giới thứ ba đang lớn mạnh và phát triển đã thay đổi rất lớn bộ mặt thế giới. Các nhà nước đang phát triển trở thành lực lượng mạnh mẽ bảo vệ hoà bình và ổn định. Cho nên, Đặng Tiểu Bình nói: Lực lượng của thế giới thứ ba, đặc biệt là lực lượng của Trung Quốc - một nước đông dân nhất trong đó là một nhân tố quan trọng để phát triển lực lượng hoà bình thế giới".

Khi phân tích tình hình thế giới, Đặng Tiểu Bình đặc biệt chú ý tới châu Âu, vì chính nơi đây là nơi bị tàn phá nặng nề nhất trong chiến tranh thế giới thứ hai, thực lực của họ cũng yếu đi rất nhiều, về chính trị, kinh tế, quân sự đều phải dựa vào Mỹ. Âu châu, lúc đó không phải là Châu Âu của người Âu mà là Châu Âu của người Mỹ. Nhưng sau những năm 50, kinh tế Châu Âu được phục hồi, thực lực được tăng cường, đã có xu hướng tách ra khỏi Mỹ. Xem xét trên toàn cục của chính trị thế giới, một Châu Âu lớn mạnh có lợi có an toàn và hoà bình thế giới. Do đó, Đặng Tiểu Bình chỉ ra rằng: khi chúng ta phân tích tình hình thế giới cần đặc biệt chú ý đến Châu Âu, Châu Âu là khu vực then chốt quyết định hoà bình hay chiến tranh.

Trong thời kỳ dài trước đây, quan hệ của nước ta với Châu Âu không bình thường. Nay căn cứ vào phán đoán khách quan, cho rằng: Tây Âu và Đông Âu là lực lượng duy trì hoà bình. Cả Đông và Tây Âu đều cần phải phát triển, càng phát triển thì lực lượng hoà bình càng lớn mạnh. Vì sao lại như vậy? Vì Châu Âu

phải chịu đựng tai hoạ của hai cuộc chiến tranh thế giới; nếu chiến tranh thế giới lần thứ ba nổ ra, thì chẳng nước nào có năng lực, tư cách phát động chiến tranh ngoài hai siêu cường. Mà khi chiến tranh nổ ra, nơi bị hại đầu tiên chính là Châu Âu. Chúng ta hy vọng có một Châu Âu liên hợp, vững mạnh và phát triển, bao hàm cả Đông và Tây Âu, không bị trói buộc vào cỗ xe chiến tranh của người khác, chiến tranh sẽ không thể nổ ra. Cho nên chúng ta nói tranh thủ thời gian hoà bình dài hơn là hoàn toàn có thể".

Do những nguyên nhân trên, từ khi bước vào thập niên 80, Đặng Tiểu Bình luôn nhấn mạnh: "Lâu nay chúng ta luôn nhấn mạnh đến nguy cơ chiến tranh, nhưng ngày nay quan điểm của chúng ta đã có thay đổi. Chúng ta cảm thấy rằng, tuy nguy cơ chiến tranh vẫn còn tồn tại, nhưng lực lượng kiềm chế chiến tranh đã có bước phát triển đáng mừng. Nếu lực lượng hoà bình thế giới và của các nước thế giới thứ ba phát triển thì có thể tránh được chiến tranh thế giới".

Vấn đề phát triển của thế giới đương đại là một chủ đề khác. Khoa học kỹ thuật của thế giới đương đại đang có bước tiến nhảy vọt, mối quan hệ giữa các nước ngày càng mật thiết, cuộc cạnh tranh giữa các nước chủ yếu thể hiện ở mặt kinh tế. Cho nên, dù các nước phát triển, các nước lớn hoặc nước nhỏ đều coi phát triển kinh tế là vị trí trung tâm. Kinh tế càng phát triển thì càng có quyền phát ngôn và địa vị càng cao trên thế giới. Đây cũng là yêu cầu chung của tất cả các nước. Do vậy, Đặng Tiểu Bình đã nhìn thấy rõ tình hình đó ở các nước và đề ra vấn đề phát triển là vấn đề cốt lõi.

Sở dĩ các nước đều yêu cầu phát triển, nguyên nhân thứ nhất là sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, nhiều quốc gia thuộc địa và nửa thuộc địa tuy đã giành được độc lập về chính trị, nhưng kinh tế vẫn rất lạc hậu, chưa thoát khỏi hoặc hoàn toàn thoát khỏi sự khống chế của các nước tư bản phát triển, phát triiển kinh tế trở thành nhiệm vụ cấp bách của các nước thế giới thứ ba. Chỉ có phát triển kinh tế mới mạnh lên được, mới giành được độc lập thực sự. Sau hai cuộc chiến tranh thế giới, kinh tế của các nước phát triển tuy phát triển tương đối nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện, nhưng các nước đó đang đứng trước việc thiếu nguyên liệu, giá sức lao động đắt đỏ, phúc lợi cao, chi phí cao, phát triển không cân bằng, tăng trưởng sản xuất thấp và một loạt vấn đề kinh tế

nghiêm trọng. Do đó các nước đang phát triển cũng đứng trước nhiệm vụ nặng nề.

Do các nước đang phát triển phần lớn ở phía nam của các nước phát triển, cho nên trên quốc tế, người ta quen gọi mối quan hệ kinh tế giữa hai khối nước này là quan hệ Nam-Bắc hoặc vấn đề Nam-Bắc. Đặng Tiểu Bình cho đây là vấn đề cốt lõi bởi vì, các nước phát triển ngày càng giàu, còn các nước đang phát triển càng ngày càng nghèo", "Nếu không giải quyết được vấn đề Nam -Bắc sẽ là một trở ngại cho sự phục hồi và phát triển kinh tế thế giới". Trong thực tế phát triển kinh tế, hai khối nước này có quan hệ cùng dựa vào nhau để tồn tại. Các quốc gia phía Nam chiếm 3/4 dân số thế giới, là thị trường quan trọng của các nước phía Bắc. "Các nước phát triển cần phải thấy rõ rằng, kinh tế của các nước thuộc thế giới thứ ba không phát triển thì kinh tế của họ cũng không thể có được sự phát triển lớn mạnh." Đặng Tiểu Bình còn nói: phía Nam cần thay đổi sự nghèo nàn lạc hậu, phía Bắc cũng cần phía Nam phát triển." "Phía Nam không có được sự phát triển thích đáng thì lối ra cho nguồn vốn và hàng hoá của phía Bắc cũng sẽ rất bị hạn chế, nếu phía Nam tiếp tục nghèo đi, phía Bắc có thể sẽ không có lối ra.

Làm thế nào để giải quyết vấn đề này? Phương thuốc mà Đặng Tiểu Bình đưa ra là, chủ trương Nam - Bắc đối thoại; các nước phía Nam không nên tự đóng cửa, phải tìm mọi cách hợp tác, tranh thủ đầu tư và giúp đỡ kỹ thuật của các nước phát triển. Các nước phát triển phải coi vấn đề phát triển của các nước đang phát triển cũng là vấn đề và trách nhiệm của chính họ và là vấn đề chung của toàn nhân loại. Các nước phía Nam chỉ hy vọng đối thoại với các nước phía Bắc là chưa đủ, mà còn phải tiến hành hợp tác Nam - Nam. "Các nước thế giới thứ ba phải giao lưu, học tập và học tập lẫn nhau, có thể giải quyết được rất nhiều vấn đề, viễn cảnh rất tươi sáng".

Vấn đề hoà bình và phát triển có mối quan hệ khăng khít và cùng dựa vào nhau để tồn tại. Môi trường quốc tế hoà bình sẽ là điều kiện tất yếu của phát triển, tranh thủ hoà bình cũng là phát triển. Thế giới càng phát triển thì các nước đang phát triển cũng càng phát triển, lực lượng hoà bình cũng càng lớn mạnh.

Những lý luận hoàn toàn mới "Hoà bình và phát triển là hai vấn đề lớn của

thế giới đương đại của Đặng Tiểu Bình hoàn toàn dựa trên cơ sở những phân tích sâu sắc và quan sát nhạy bén của ông. Bất kỳ người lãnh đạo nào cũng phải xác định những phương châm chính trị lớn thuận theo yêu cầu của tình thế. Hoà bình và phát triển là chủ đề của thế giới ngày nay. Với Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình nói: "Mục tiêu chính sách đối ngoại của Trung Quốc là tranh thủ hoà bình thế giới và dưới tiền đề này dốc sức xây dựng bốn hiện đại hoá, phát triển đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc. Do đó phải kiên trì nguyên lý phát triển.

Chính bởi có luận thuyết mới trước cục diện thế giới của Đặng Tiểu Bình mà nhân dân Trung Quốc đã nắm chắc được vận hội môi trường hoà bình thế giới, nên trong hơn 20 năm qua đã kiên trì phát triển kinh tế và đã giành được những thành tựu vĩ đại.

"Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất thứ nhất", đó là một quan điểm đặc sắc nhất của thời đại, nó là sự sáng tạo và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác về tác dụng của khoa học kỹ thuật.

Ngày 5 tháng 9 năm 1988, khi gặp Tổng thống Xlovakia, Đặng Tiểu Bình nói:

"Mác từng nói, khoa học kỹ thuật là sức sản xuất, sự thực chứng minh câu nói đó hoàn toàn đúng. Theo tôi, khoa học kỹ thuật là sức sản xuất số một".

Ngày 12 tháng 9, khi nghe báo cáo về phương án sơ bộ cải cách giá và tiền lương, ông nhắc lại lần nữa: "Mác đã nói khoa học kỹ thuật là sức sản xuất, điều đó vô cùng chính xác, nay xem lại, nói như vậy có thể chưa đủ, sợ rằng nó phải là sức sản xuất số một. Con đường đi của nông nghiệp trong tương lai, cuối cùng cũng do các công trình kỹ thuật giải quyết, cần phải dựa vào các ngành mũi nhọn và phải nhận thức rõ tầm quan trọng của khoa học kỹ thuật".

Đặng Tiểu Bình là người rất hoạt bát, một mặt ông cho rằng quan điểm về khoa học kỹ thuật của Mác là rất chính xác, mặt khác lại không hề giấu giếm quan điểm của mình, cho rằng căn cứ vào tình hình hiện nay thì lời nói của Mác chưa đủ, biểu biện sự phát triển có tính kế thừa của ông và hoàn toàn không hề câu nệ.

Khoa học là sức sản xuất là quan điểm cơ bản của lý luận chủ nghĩa Mác.

Mác cho rằng: "Sức sản xuất được quyết định bởi nhiều tình huống, trong đó bao gồm: mức độ thành thạo chung của công nhân, trình độ phát triển của khoa học và sự áp dụng nó kết hợp với xã hội hoá trình độ sản xuất, qui mô và hiệu năng của tư liệu sản xuất và điều kiện tự nhiên". Do đó, Mác rút ra kết luận: "Trong sức sản xuất đương nhiên bao gồm cả khoa học trong đó". Ăng ghen phát triển thêm: "Theo Mác, khoa học là một lực lượng cách mạng có tác dụng thúc đẩy lịch sử, là một chiếc đòn bẩy và là lực lượng cách mạng có ý nghĩa cao nhất".

Trong thực tiễn cách mạng, Đặng Tiểu Bình luôn kiên trì quan điểm trên. Trong "Đại cách mạng văn hoá" khi "Bè lũ bốn tên" mặc sức chà đạp lên khoa học kỹ thuật, làm nhục những người làm khoa học. Đặng Tiểu Bình đã đấu tranh trực diện với chúng. Năm 1975, trong cuộc chỉnh đốn toàn diện do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo, ông đã chỉ đạo Viện Khoa học Trung Quốc khởi thảo "Đề cương báo cáo công tác của viện khoa học", ông nhấn mạnh, công tác nghiên cứu khoa học phải đi trước trong nền kinh tế quốc dân. Ông dẫn lời Các Mác: "Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất, người làm khoa học cũng là người lao động". Ông yêu cầu: "Cần phải tại điều kiện để bồi dưỡng những cán bộ khoa học có tài năng, tiền đồ, quan tâm giúp đỡ họ.."

Sau khi được phục hồi lần thứ ba, ông đã bắt tay và quản lý công tác khoa học kỹ thuật. Ngày 24 tháng 5 năm 1977, ông nói: "Muốn thực hiện hiện đại hóa, vấn đề mấu chốt là khoa học kỹ thuật phải đi lên, khoa học kỹ thuật và giáo dục phải nắm chắc. Các nhà máy lớn đều cần phải có bộ phận nghiên cứu khoa học, có người làm công tác khoa học. Mỗi ngành cũng cần phải nghiên cứu khoa học". Ngày 19 tháng 9, ông lại chỉ ra rằng: Không nắm khoa học, giáo dục, bốn hiện đại hoá sẽ không thể có hy vọng, sẽ trở thành trống rỗng". Ngày 18 tháng 3 năm 1978, trong Đại hội khoa học toàn quốc, ông kêu gọi toàn Đảng, toàn quốc phải coi trọng khoa học kỹ thuật: "Không có khoa học kỹ thuật hiện đại thì không thể xây dựng nông nghiệp, công nghiệp và quốc phòng hiện đại. Không có sự phát triển cao của khoa học kỹ thuật thì cũng không thể có sự phát triển cao của kinh tế quốc dân".

Khi vẽ nên bức tranh chiến lược của thực hiện hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa theo ba bước, ông chẳng những coi khoa học kỹ thuật là một trong những trọng

điểm chiến lược mà coi đó là then chốt. Ông nói: "Làm tốt công tác giáo dục và khoa học là then chốt". Nông nghiệp cũng là một trọng điểm chiến lược, nhưng "Sự phát triển của nông nghiệp, một là phải dựa vào chính sách, hai là dựa vào khoa học. Sự phát triển và tác dụng của khoa học kỹ thuật là vô cùng tận". Ngày 18 tháng 10 năm 1986, khi gặp vợ chồng nhà khoa học người Italia ông nói: "Thông tin muốn phát triển không thể tách rời khoa học kỹ thuật" "Thực hiện các ước muốn của loài người; các nước thế giới thứ ba muốn thoát khỏi nghèo đói, bảo vệ hoà bình thế giới... đều không thể tách rời với khoa học kỹ thuật". Tháng 6 năm 1989, khi dặn dò thế hệ lãnh đạo thứ ba của trung ương, ông nói: "khoa học là một việc rất quan trọng, phải coi trọng nó", "vấn đề nông nghiệp cuối cùng cũng phải do khoa học giải quyết." Năm 1992, khi đi thăm miền Nam ông cũng nhấn mạnh, kinh tế muốn phát triển nhanh phải dựa vào khoa học và giáo dục.

Đặng Tiểu Bình không chỉ kiên trì mà còn phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác coi khoa học kỹ thuật là sức sản xuất.

Ông coi khoa học kỹ thuật là sức sản xuất số một. Đó là một tổng kết của những kinh nghiệm thực tế về tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế xã hội của khoa học kỹ thuật.

Đầu năm 1983, khi thị sát vùng Giang Tô, ông đã thấy rõ cảnh tượng phát triển thịnh vượng ở đó. Chỉ vài năm sau, Giang Tô đã phát triển rất nhanh chóng. Từ năm 1977 đến tháng 6 năm 1982, tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp đã tăng cao, đặc biệt là thành phố Tô Châu trong năm 1982, bình quân đầu người đã đạt gần 800 USD năm. Nguyên nhân của sự phát triển này là dựa vào lực lượng kỹ thuật của Thượng Hải. Ông nói: "Giang Tô đã thu hút rất nhiều công nhân già đã về hưu của Thượng Hải. Những người này là thợ giỏi, mời họ về làm việc không tốn kém lắm, chỉ cần một số tiền lương, giải quyết nhà ở cho họ là họ đã rất phấn khởi làm việc rồi, nên họ phát huy tác dụng rất tốt. Nhiều năm nay, Giang Tô rất coi trọng trí thức, coi trọng tác dụng của họ và sử dụng họ tương đối thoả đáng. Đó là chỉ nói tới một tỉnh, một thành phố biết dựa vào kỹ thuật của những công nhân kỹ thuật Thượng Hải để thúc đẩy sự phát triển của xã hội".

Trong toàn quốc, do những nguyên nhân lịch sử đã tạo ra sự lạc hậu về khoa

học kỹ thuật so với các nước phát triển. Năm 1979, trong Đại hội khoa học toàn quốc, ông đã chỉ ra sự lạc hậu này: "Mấy trăm triệu người làm nông nghiệp mà vấn đề lương thực vẫn chưa thực sự giải quyết được. Hiệu suất trong ngành công nghiệp sắt thép chỉ bằng một phần mấy chục của các nước tiên tiến; khoảng cách các ngành công nghiệp mới lại càng lớn hơn. Về mặt này, đừng nói đến lạc hậu một hai chục năm, mà chỉ cần lạc hậu 8-10 hoặc 3-5 năm thì khoảng cách đã rất xa rồi". Nói tóm lại, khoa học kỹ thuật của nước ta còn thua xa các nước tiên tiến trên thế giới, lực lượng này còn rất yếu và mỏng, còn lâu mới đáp ứng được sự nghiệp hiện đại hoá nước nhà".

Những sáng tạo về mặt này của chúng ta không tương xứng mới một nước xã hội chủ nghĩa như nước ta. Ông nói tới vấn đề này từ góc độ tổng kết những bài học trong lịch sử đã qua, bởi tình trạng khoa học kỹ thuật lạc hậu đã kiềm chế nặng nề sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Mà sau Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, nông nghiệp nước ta giành được bước phát triển to lớn, nguyên nhân vì thực hiện khoán sản và chế độ trách nhiệm cho nông dân, chính sách rộng mở hơn, động viên tính tích cực của hàng trăm triệu nông dân; thêm nữa là khoa học kỹ thuật đã phát huy tác dụng to lớn trong nông nghiệp và nông thôn. Đúng như câu nói của Đặng Tiểu Bình: "Nông dân coi những cán bộ khoa học kỹ thuật như người anh em thân thiết giúp họ thoát được đói nghèo, gọi họ là những ông thần tài." "Từ thực tiễn bản thân, họ hiểu được rằng, khoa học kỹ thuật có thể làm cho sản xuất phát triển, làm cho họ giàu có lên". Sự phát triển tiến bộ của khoa học kỹ thuật thực sự thúc đẩy kinh tế Trung Quốc phát triển.

Đặng Tiểu Bình là một nhà chính trị lớn biết nhìn xa trông rộng và lắng nghe. Ông luôn theo dõi sự phát triển mới nhất của sự nghiệp khoa học kỹ thuật thế giới. Ngay từ năm 1978, ông đã vẽ ra cảnh tượng về sự phát triển mạnh mẽ đó: "Khoa học kỹ thuật hiện đại đang trải qua một cuộc cách mạng vĩ đại. Gần 30 năm nay, khoa học kỹ thuật hiện đại chỉ được phát triển ở lý luận khoa học cá biệt hoặc kỹ thuật sản xuất cá biệt, không chỉ là sự tiến bộ và cải cách theo ý nghĩa chung mà hầu như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật đều thay đổi sâu sắc, có những bước nhảy vọt mới đã sinh ra và tiếp tục sinh ra nhiều ngành khoa học kỹ thuật mới. Khoa học hiện đại mở đường cho tiến bộ của kỹ thuật sản xuất, quyết

định phương hướng phát triển của nó. Rất nhiều công cụ sản xuất mới, công nghệ mới đã được sáng tạo ra từ trong phòng thí nghiệm. Một loạt ngành công nghiệp mới như công nghệ tổng hợp cao phân tử, năng lương nguyên tử, máy tính điện tử, kỹ thuật điều khiển tự động hoá, công nghiệp hàng không vũ trụ, lade... đều được xây dựng trên cơ sở khoa học mới. Khoa học tự nhiên đang phát triển với tốc độ và qui mô lớn chưa từng thấy, nó được ứng dụng vào sản xuất làm thay đổi bộ mặt của các lĩnh vực sản xuất vật chất cho xã hội. Đặc biệt là sự phát triển của ngành máy tính vào điều khiển tự động đã nhanh chóng nâng cao trình độ sản xuất tự động. Với cùng một sức lao động, trong cùng một thời gian lao động có thể làm ra lượng sản phẩm lớn hơn vài chục, vài trăm lần so với trước đây. Sức sản xuất xã hội có được sự phát triển lớn lao như vậy, năng xuất lao động tăng cao như vậy là dựa vào cái gì? Chủ yếu là dựa vào lực lượng khoa học và kỹ thuật.

Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, Đặng Tiểu Bình đặc biệt quan tâm đến làn sóng kỹ thuật cao đang phát triển mạnh mẽ.

Dưới sự thúc đẩy của cuộc cách mạng khoa học mới, khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng, mỗi ngày mỗi khác, ngành khoa học mũi nhọn được ứng dụng rộng rãi, thành quả kỹ thuật mới nhất được phổ biến rộng rãi nhanh chóng, sự kết hợp giữa khoa học kỹ thuật và kinh tế, giữa sự phát triển của toàn xã hội với khoa học kỹ thuật ngày càng chặt chẽ, mang lại sự thay đổi sâu sắc cho đời sống kinh tế và xã hội quốc tế. Trình độ phát triển của kỹ thuật cao đã trở thành nhân tố quan trọng trong cuộc cạnh tranh sức mạnh tổng hợp cả về mặt kinh tế lẫn quân sự của một nước trong thế giới. Rất nhiều quốc gia đang đua nhau lập các kế hoạch phát triển kỹ thuật cao cho chính mình:

Năm 1983, Mỹ đưa ra kế hoạch phòng ngự chiến lược, tức là "Cuộc chiến tranh giữa các vì sao".

Liên Xô và Đông Âu xây dựng "Cương lĩnh tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật". Pháp và Tây Âu xây dựng "Kế hoạch Eurơka" Nhật Bản xây dựng "Cương lĩnh chấn hưng khoa học kỹ thuật"...

Những kế hoạch đó đều coi quyền ưu tiên trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật trở thành trọng điểm của cạnh tranh, làm cho chính trị, kinh tế quốc tế của những

quốc gia đó ở vào địa vị rất có lợi. Đặng Tiểu Bình quan sát chặt chẽ tất cả các động thái đó để suy nghĩ đối sách. Ông cho rằng "Thế kỷ tới là thế kỷ của kỹ thuật cao". Xem xét từ quan điểm lâu dài, nước ta nhất thiết phải tích cực phát triển kỹ thuật cao, làm cho sự phát triển toàn diện của Trung Quốc trong thế kỷ sau chiếm được đỉnh cao chiến lược. Do đó, ông chỉ ra rằng: "Trong lĩnh vực kỹ thuật cao, Trung Quốc cũng cần phải đứng ở hàng đầu thế giới". Ông kêu gọi: "Làm khoa học càng cao càng tốt, càng mới càng tốt".

Đích thân ông chủ trì quản lý công tác này của Trung Quốc. Lợi dụng tất cả các phương thức cũng như các học giả, chuyên gia trong và ngoài nước về mọi lĩnh vực để bàn bạc qui hoạch phát triển khoa học kỹ thuật cao của nước ta. Tự ông đã ký phê chuẩn xây dựng chiếc máy gia tốc năng lượng cao cho phòng thí nghiệm quốc gia ở Bắc Kinh.

Tháng 3 năm 1986, một số nhà khoa học già nổi tiếng như Dương Đại Hoành, Vương Kiềm Xương, Dương Gia Tê, Trần Phương Doãn... đã đưa ra một "kiến nghị về việc theo đuổi sự phát triển kỹ thuật cao của thế giới. Đứng trước sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật cao trên thế giới và các kế hoạch của các quốc gia, họ đề xuất lên Trung ương những kiến nghị trên. Đặng Tiểu Bình lập tức chỉ thị: "Kiến nghị này vô cùng quan trọng, trong việc này cần làm nhanh và quyết đoán, không thể kéo dài". Được sự ủng hộ và quan tâm của ông, và sự phê chuẩn của Hội nghị Bộ chính trị mở rộng, Quốc vụ viện đã xây dựng được "Kế hoạch phát triển nghiên cứu kỹ thuật cao của Trung Quốc" (gọi là "kế hoạch 863").

Năm 1978, nói chuyện tại Đại hội khoa học toàn quốc, Đặng Tiểu Bình đã nhìn nhận rằng: "Sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại làm cho quan hệ giữa khoa học và sản xuất càng thêm gắn bó hơn, khoa học kỹ thuật là sức sản xuất, càng ngày càng thể hiện tác dụng to lớn của nó". Đến tháng 9 năm 1988, ông mới dưa ra luận thuyết mới "Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất thứ nhất Quá trình ấp ủ sáng tạo này đã trực tiếp thúc đẩy khoa học kỹ thuật Trung Quốc, đặc biệt là kỹ thuật cao phát triển.

Đặng Tiểu Bình là người chiến sĩ già kiên trì chủ nghĩa Mác. Ông đồng thời là người đồng hành cùng thế giới, tuy cao tuổi nhưng có tầm nhìn mới mẻ, tư tưởng và lý luận cũng rất mới mẻ.

Năm 1992, khi đi thăm miền Nam, ông nói: "Tôi nói khoa học kỹ thuật là sức sản xuất số một. Gần hai chục năm nay, khoa học kỹ thuật thế giới phát triển nhanh biết bao? Một đột phá trong lĩnh vực kỹ thuật cao sẽ kéo theo sự phát triển của một loạt ngành nghề khác. Mấy năm gần đây, liệu xa rời khoa học kỹ thuật có thể làm nước ta tăng trưởng được nhanh như vậy không? Phải đề xướng khoa học, dựa vào khoa học mới có hy vọng được.

20 năm về trước, Thâm Quyến là một thị trấn nhỏ nghèo đói, nằm gần Hồng Kông, dân số chưa đầy 3 vạn người. Lúc đó, nhiều người địa phương muốn chạy sang Hồng Kông, rất nhiều người trong số đó bị bộ đội biên phòng bắt trở lại. Lúc đó nhiều người chưa hiểu vì sao một Hồng Kông tư bản chủ nghĩa lại giàu có phồn vinh hơn một Trung Quốc xã hội chủ nghĩa và vì sao xã hội chủ nghĩa lại không ưu việt hơn tư bản chủ nghĩa? Do sức cám dỗ của cuộc sống giàu có của Hồng Kông, thậm chí có người bị bắt đi bắt lại vài lần mà vẫn muốn đi. Nhiều người không phải vì lý do chính trị, cũng không có ý đồ chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội mà chỉ vì cuộc sống khó khăn quá mà ra đi.

Thâm Quyến ngày nay từ một thị trấn nhỏ ở biên thuỳ đã trở thành một thành phố hiện đại hoá với qui mô lúc đầu khoảng 4 triệu người trên diện tích 2020 km2.

Tất cả những ai qua Thâm Quyến đều có ấn tượng rất sâu sắc về khí thế hiện đại hoá và thịnh vượng ở nơi này. Về tố chất con người, vẻ mỹ quan trong xây dựng thành phố, sự ưu việt của môi trường, trật tự trong quản lý và mức độ phồn vinh của nó không thua kém các thành phố hiện đại của các nước phát triển.

Kinh tế Thâm Quyến đầy sức sống, kinh tế quốc dân luôn giữ nhịp độ phát triển nhanh và ổn định, thực lực kinh tế tổng hợp luôn đứng hàng đầu trong cả nước. Năm 1980 -1999, tăng giá trị sản phẩm, giá trị gia tăng trong công nghiệp và nguồn thu tài chính hàng năm tăng bình quân lần lượt là 32,2%, 45%,

41,8%. Riêng năm 1999, GDP là 143,6 tỉ đồng, đứng thứ sáu trong các thành phố lớn của Trung Quốc; thu nhập đầu người bình quân là 35.908 đồng, đứng đầu toàn quốc; nguồn thu tài chính địa phương 18,5 tỉ đồng, đứng thứ ba toàn quốc, xuất khẩu đạt 28,2 tỉ USD chiếm 1/7 toàn quốc; liên tục trong 7 năm đứng đầu trong các thành phố trong toàn quốc. Đồng thời cơ cấu kinh tế không ngừng

ưu việt hoá, giá trị sản phẩm kỹ thuật cao trong năm 1999 đạt 81,9 tỉ đồng, chiếm tỉ trọng gần 41% tổng giá trị sảm phẩm công nghiệp, là điểm tăng trưởng số 1 trong kinh tế của Thâm Quyến.

Về mặt đầu tư nước ngoài, đến cuối năm 1999, luỹ kế thực hiện đầu tư nước ngoài đạt 20 tỉ USD, số đầu tư thực tế trong 5 năm là 12,3 tỉ USD; chiếm 2/3 tổng vốn đầu tư từ khi xây dựng đặc khu. Có 67 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư xây dựng 1,4 vạn xí nghiệp, 878/500 công ty mạnh của thế giới đã đứng chân ở Thâm Quyến.

Nhìn những con số đáng tự hào đó, nếu bức tượng đồng Đặng Tiểu Bình có lý trí, hẳn cũng sẽ mỉm cười hài lòng. Bởi đặc khu Thâm Quyến phát triển chính là do sự quan tâm và ủng hộ của ông.

Không có Đặng Tiểu Bình sẽ không có một Thâm Quyến nổi tiếng thế giới như hiện nay. Sáng lập ra đặc khu Thâm Quyến bắt đầu từ tháng 4 năm 1979, trong hội nghị công tác Trung ương, các đồng chí trong tỉnh uỷ Quảng Đông đã phát biểu chỉ rõ cần lợi dụng điều kiện ở hay vùng Hồng Kông và Áo Môn liền kề, thực thi chính sách đặc biệt và biện pháp linh hoạt tăng nhanh tốc độ mở cửa và phát triển kinh tế. Sau khi báo cáo thường vụ Bộ chính trị, Tập Trọng Huân, Bí thư tỉnh uỷ Quảng Đông lúc đó mang ý kiến ấy báo cáo lại Đặng Tiểu Bình, mong Trung ương giành cho một số quyền hạn để Quảng Đông có quyền tự chủ nhiều hơn trong hoạt động kinh tế đối ngoại, cho phép Thâm Quyến, Chu Hải, và Sán Đầu xây dựng các khu gia công xuất khẩu. Đặng Tiểu Bình đồng ý với ý tưởng này. Ông nói: "Nên gọi là đặc khu thì hay hơn, Thiểm, Cam, Ninh lúc đầu cũng gọi là đặc khu đó thôi! Trung ương không có tiền, chỉ có thể cho một số chính sách, các đồng chí phải tự làm lấy, hãy mở một con đường máu!

Ngày 21 tháng 8 năm 1980, hội nghị lần thứ 15 Uỷ ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 5 họp ở Bắc Kinh quyết định: phê chuẩn đề nghị của Quốc vụ Viện xây dựng Đặc khu kinh tế ở Thâm Quyến, Chu Hải và Sán Đầu của Quảng Đông và Hạ Môn ở Phúc Kiến.

Một danh từ hoàn toàn mới "Đặc khu kinh tế" đã vang lên trên toàn Trung Quốc và thế giới.

Đặc khu kinh tế là một sáng tạo mới đối với xây dựng kinh tế của Trung

Quốc do Đặng Tiểu Bình đã vận dụng những kinh nghiệm thành công của nước ngoài vào thực tiễn cụ thể của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc.

Đặc khu kinh tế là một hiện tượng kinh tế của hàng trăm năm lịch sử, là sản phẩm của sức sản xuất ngày càng được quốc tế hoá. Trên thế giới, nó được phân ra thành bốn kiểu tuỳ theo tác dụng: khu mậu dịch tự do, khu gia công xuất khẩu, khu công nghiệp khoa học và đặc khu mang tính tổng hợp. Đặc khu kinh tế mang tính thương mại đầu tiên trên thế giới là cảng Ligen của Italia vào năm 1547. Sau đó, một số thành phố nổi tiếng của châu Âu cũng lần lượt xây dựng một số đặc khu kinh tế. Những năm 30, Mỹ xây dựng khu mậu dịch đối ngoại. Năm 1959, Aixơlen lập khu gia công xuất khẩu đầu tiên trên thế giới, nhiều nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ la tinh cũng bắt đầu xây dựng các đặc khu kinh tế. Cuối những năm 70 đầu những năm 80, trong làn sóng của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật toàn cầu, rất nhiều khu gia công xuất khẩu chuyển đổi thành loại hình và nâng cấp, hướng tới bước quá độ loại hình tập trung tri thức kỹ thuật cao hơn. Trong năm 1984, Nhật Bản xây dựng 14 khu khai phát đặc biệt "Thành phố kỹ thuật". Theo thống kê, cuối những năm 80 của thế kỷ XX, hơn 120 nước trên thế giới đã có hơn 600 đặc khu kinh tế, giá trị mậu dịch của các khu này đạt tỉ trọng hơn 20% mậu dịch quốc tế.

Lựa chọn cánh cửa và phòng thí nghiệm cho cuộc cải cách mở cửa ở nước ta tại Thâm Quyến, Chu Hải, Sán Đầu, Hạ Môn và sau đó là Hải Nam đã thể hiện tầm chiến lược lâu dài và nghệ thuật quyết sách siêu phàm của Đặng Tiểu Bình.

Năm đặc khu kinh tế nằm trong vùng kinh tế rất sôi động của kinh tế thế giới những năm 80. Trung tâm vành đai kinh tế tâm Thái Bình Dương, có lợi cho việc đưa kinh tế nước ta tham dự vào vòng tuần hoàn lớn của kinh tế thế giới. Điều quan trọng hơn là cũng nơi đó có ưu thế là quê hương của Hoa kiều. Theo tài liệu thống kê, Trung Quốc có tới 18 triệu Hoa kiều ở nước ngoài, mà quê hương của đa số Hoa kiều là ở ba tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến và Hải Nam. Vùng Triều Sán thuộc Quảng Đông có tới hơn triệu Hoa kiều ở hơn 40 nước trên thế giới, trong đó 80% là ở Đông Nam Á. Ngoài ra, nhiều người ở Hồng Kông, Áo Môn, Đài Loan quê hương cũng ở đây. Trên một mảnh đất có nhiều ưu thế xây dựng đặc khu kinh tế sẽ có một ý nghĩa hết sức trọng đại về các mặt như thu

hút đầu tư nước ngoài, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý, phát triển mậu dịch đối ngoại và cả việc thúc đẩy thống nhất đất nước nữa.

Đặc khu kinh tế là một sáng tạo có nhiều điểm lợi: đặc khu "là cánh cửa sổ của kỹ thuật, của quản lý, của trí thức và của chính sách đối ngoại. Từ đặc khu có thể thu hút kỹ thuật, giành tri thức, học được cách quản lý". Đương nhiên, đặc khu cũng có thể phát huy tác dụng lớn nhất của nó là "có thể ảnh hưởng và thúc đẩy kinh tế toàn quốc". Thành công của đặc khu chẳng những là kết quả đề xướng của Đặng Tiểu Bình mà cũng là kết quả của sự ủng hộ, tổng kết và khẳng định của ông.

Đối với đặc khu kinh tế, trong lòng Đặng Tiểu Bình luôn day dứt, "Từ khi xây dựng đến năm 1984 (5 năm trời), cuối cùng sẽ ra sao đây? Tôi phải đến tận nơi xem xét". Ngày 24 tháng 1, Đặng Tiểu Bình khi đến Thâm Quyến đã nói như vậy.

Người phụ trách thị uỷ Thâm Quyến báo cáo với ông: "Mấy năm gần đây, giá trị sản lượng công nông nghiệp của Thâm Quyết tăng rất nhanh, thu nhập tài chính cũng vậy. Năm 1982 là 360 triệu đồng, năm 1983 là 720 triệu đồng. Như vậy, so với năm 1978 khi chưa chuyển thành đặc khu đã tăng lên 10 lần. Thu tài chính cũng vậy, năm trước thu được hơn 300 triệu đồng". Ngày 26 tháng 1 Đặng Tiểu Bình đến thăm khu công nghiệp Xà Khẩu, người phụ trách ở đó đã báo cáo tình hình cho ông. Câu khẩu hiệu nổi tiếng "Thời gian là tiền bạc, hiệu suất là sinh mệnh" được viết lên một tấm panô rất lớn dựng ngay ở cửa ô ra vào Xà Khẩu và đã lan truyền khắp toàn quốc. Con người nơi đây đã tạo dựng được những quan điểm rất mới mẻ làm cho người nơi khác phải thán phục. Xà Khẩu trước kia vốn là nơi nhiều người trốn ra đi, sau khi lập đặc khu, chẳng những không còn ai ra đi nữa mà ngược lại, rất nhiều nhân tài quay trở lại, tiền đổ về đây cũng rất lớn. Mấy năm gần đã có 47 xí nghiệp đầu tư với nước ngoài hoặc liên doanh xây dựng, trong đó đã có 30 xí nghiệp đi vào sản xuất với hơn 5000 công nhân viên, lương ở đây còn cao hơn cả ở Áo Môn. Đặng Tiểu Bình vừa nghe báo cáo vừa gật đầu.

Ngày 26, Đặng Tiểu Bình lên pháo hạm Hải quân đi thị sát Chu Hải. Ông đến thăm nhà máy dệt len, nhà máy điện tử Sư San, khách sạn Chu Hải, cảng Cửu

Long, sân bay trực thăng, trung tâm du lịch Thanh Cảnh Sơn, hải quan Cộng Bắc và đã đề từ: "Đặc khu Chu Hải tốt".

Đây là lần đầu tiên Đặng Tiểu Bình đến Quảng Đông thăm Chu Hảo và đề từ ca ngợi. Mọi người cảm thấy áy náy bởi vì sao ông không tỏ thái độ ở Thâm Quyến, cũng chẳng đề từ ở đó!

Người Thâm Quyến cảm thấy một sự mất mát quá lớn, các nhà lãnh đạo chịu một áp lực nặng nề. Thâm Quyến là đặc khu đứng đầu trong các đặc khu kinh tế, rất nhiều cách làm của đặc khu đều xuất phát từ đây. Lúc đó, sự đánh giá về đặc khu của xã hội và dư luận thế giới chưa có nhận thức chung, thật thật giả giả, mà tiêu điểm của cuộc tranh luận tập trung vào Thâm Quyến.

Người Thâm Quyến mong có sự đánh giá của Đặng Tiểu Bình. Xuất phát từ Chu Hải, Đặng Tiểu Bình đến Quảng Châu.

Thâm Quyến cử Trương Vinh, một cán bộ của thành phố đi Quảng Châu. Trương Vinh gặp con gái Đặng Tiểu Bình và bày tỏ nguyện vọng của dân Thâm Quyến. Sau khi Đặng Tiểu Bình biết chuyện, ông đã phóng bút đề từ trên giấy tặng Thâm Quyến hàng chữ: "Sự phát triển và kinh nghiệm của Thâm Quyến chứng minh rằng, chúng ta xây dựng chính sách đặc khu kinh tế là chính xác".

Mùa xuân năm ấy, người Thâm Quyến sống trong hạnh phúc, tự hào.

Ngày 7 tháng 2 năm 1984 (tức mồng 6 Tết âm lịch), Đặng Tiểu Bình đi thị sát khu Hạ Môn.

Ông đã đi thăm cảng Đông Độ, cảng cho tàu 5 vạn tấn vừa dựa vào khai thác, cảng Congtainer, cảng cá, sân bay Quốc tế và khu công nghiệp Hồ Lý. Ngày 8 tháng 2, trên chiếc du thuyền, Hạng Nam. Bí thư tỉnh uỷ Phúc Kiến đã đề xuất với ông về việc mở rộng đặc khu: "Hiện đặc khu Hạ Môn chỉ rộng 2,5km2, thật là quá nhỏ, ngay cả khi đã xây dựng toàn bộ cũng ít có ý nghĩa thực tế.

"Ý của các đồng chí là..." Đặng Tiểu Bình hỏi lại.

Hạng Nam nói dứt khoát: "Là muốn mở rộng đặc khu ra toàn đảo, mở cửa toàn đảo, như vậy sẽ thu hút đầu tư và kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài, hoàn toàn có thể cải tạo lại các nhà máy cũ ở đây được".

Đặng Tiểu Bình nhìn bản đồ rồi bình tĩnh đáp: "Tôi thấy có thể được, không

có vấn đề gì cả." Mọi người đều rất vui mừng.

Sau khi nghe lãnh đạo Hạ Môn báo cáo, ông đã vui vẻ đề từ tặng đặc khu: "Đặc khu cần phải làm nhanh hơn, tốt hơn".

Trong lần đi thăm các đặc khu này, Đặng Tiểu Bình đã có trong tay rất nhiều tư liệu về sự phát triển của các đặc khu. Về việc xây dựng đặc khu kinh tế, lúc đầu cũng có ý kiến chưa thống nhất, có người cho như vậy là tư bản chủ nghĩa, có rất nhiều ý kiến cả trong và ngoài Đảng về những chính sách đối với đặc khu. Trước tình hình đó, Đặng Tiểu Bình đã đích thân thị sát tình hình, bằng tai nghe, mắt thấy, ông thấy rằng đặc khu kinh tế thực sự có những thay đổi rất to lớn, niềm hy vọng và tương lai của Trung Quốc chính là ở chỗ đó, nên tới đâu ông cũng kiên quyết ủng hộ.

Sau khi về Bắc Kinh, ngày 24 tháng 2, ông đã nói chuyện với một vài đồng chí có trách nhiệm trong Trung ương: "Gần đây, tôi đã đi thăm ba đặc khu kinh tế, tôi có một chút nhận thức cảm tính là: Việc ta xây dựng đặc khu và áp dụng một số chính sách đặc biệt ở đó chỉ cần có tư tưởng chỉ đạo rõ ràng là có thể được. Đặc khu có thể thu hút kỹ thuật, giành được tri thức, học được cách quản lý. Đặc khu Hạ Môn quá nhỏ, cần mở rộng ra toàn đảo mới có thể thu hút đầu tư của Hoa kiều, Hồng Kông và của nước ngoài được và thúc đẩy các vùng xung quanh, làm cho kinh tế của cả Phúc Kiến đi lên. Khu Hạ Môn tuy không gọi là cảng tự do nhưng có thể tự do ra vào, thương nhân nước ngoài có thể vào đầu tư. Tôi thấy sẽ không thể thất bại, chắc chắn là lợi ích sẽ rất lớn".

Đặng Tiểu Bình còn nói: "Ngoài các đặc khu hiện có ra, có thể suy nghĩ mở cửa thêm một vài thành phố cảng như Đại Liên, Thanh Đảo. Những nơi đó không gọi là đặc khu, nhưng có thể thực hiện một số chính sách của đặc khu được.

Theo ý kiến này, hạ tuần tháng 3, Trung ương Đảng và Quốc vụ viện mở cuộc toạ đàm với một số thành phố duyên hải, chính thức phê chuẩn phương án mở rộng đặc khu Hạ Môn, quyết định mở cửa một số thành phố công nghiệp cảng dọc duyên hải như Thượng Hải, Thiên Tân, Đại Liên, Tân Hoàng Đảo, Thanh Đảo, Yên Đài, cảng Liên Vân, Nam Thông, Ninh Ba, Ôn Châu, Phúc Châu, Quảng Châu, Trạm Giang, Bắc Hải.

Đặng Tiểu Bình đã mang một số kinh nghiệm của đặc khu phổ biến ra trong phạm vi lớn hơn.

Về sau ông còn chỉ rõ: "Phải mở cửa đảo Hải Nam". Ông nói: "Nếu làm cho kinh tế của Hải Nam phát triển, đó sẽ là một thắng lợi rất lớn". Ngày 12 tháng 6 năm 1987, khi gặp gỡ khách mời đến từ Nam Tư, ông đã phát một tín hiệu mới cho toàn thế giới rằng: "Chúng tôi đang xây dựng một đặc khu lớn hơn, đó chính là đặc khu kinh tế Hải Nam". Ngày 13 tháng 4 năm 1988, Hội nghị thứ nhất Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 7 đã thông qua quyết nghị quyết định thành lập tỉnh Hải Nam và đặc khu kinh tế Hải Nam.

Đặng Tiểu Bình luôn thúc đẩy sự phát triển các đặc khu của Trung Quốc. Những thành công to lớn mà các đặc khu giành được là kết quả của sự quan tâm và ủng hộ liên tục của Đặng Tiểu Bình.

Năm 1992, tức là sau 8 năm, ông lại tới thăm Thâm Quyến, Chu Hải. Những hạt giống mà ông gieo trồng nay đã mọc thành những cây xanh tốt. Ông nói: "Tới Thâm Quyến, tôi như ngồi không yên, muốn đi xem tất cả mọi nơi".

Trong quá trình thăm Thâm Quyến và Chu Hải, ông đã ra một chỉ thị có ý nghĩa rất trọng đại, trong đó có nhiều lời khen ngợi.

Đặng Tiểu Bình cho rằng, thành tựu xây dựng của Thâm Quyến là câu trả lời rõ ràng cho những người lo lắng. "Đặc khu mang tính xã hội chủ nghĩa chứ không phải là tư bản chủ nghĩa". Ở Thâm Quyến, chế độ công hữu là chủ thể, đầu tư nước ngoài chiếm 1/4; chúng ta còn được lợi từ các mặt thu thuế, dịch vụ đối với phần đầu tư này. Chúng ta không hề sợ việc xây dựng các xí nghiệp đầu tư ba bên. Chỉ cần đầu óc tỉnh táo, có xí nghiệp thị trấn và quan trọng hơn là chính quyền trong tay ta. Có người cho rằng, thêm một phần đầu tư nước ngoài là thêm một phần tư bản chủ nghĩa; các xí nghiệp có đầu tư nước ngoài nhiều lên thì các thứ của chủ nghĩa tư bản cũng nhiều lên, cũng có nghĩa là phát triển tư bản chủ nghĩa. Những người này ngay vốn kiến thức cơ bản cũng dám làm. Ông rất khiêm tốn nói rằng: "Công việc của Thâm Quyến chủ yếu là do cán bộ và nhân dân Thâm Quyến làm, ông chỉ đóng góp chút sức lực trong việc định hướng và có tác dụng giúp đỡ ủng hộ mà thôi.

Thế nào là biện pháp tốt nhất để phát triển kinh tế.

Thể chế tốt nhất để phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa là gì? Các lớp người đi trước cũng chưa đưa ra được câu trả lời, các nước xã hội chủ nghĩa cho tới nay cũng chưa có được những kinh nghiệm thực tế. Các nhà kinh tế học trên thế giới cũng chưa hình thành một nhận thức chung.

Cuối thế kỷ XIX, Mác nghĩ rằng, xã hội tương lai sẽ tổ chức một cách có kế hoạch các hoạt động sản xuất và kinh tế kế hoạch còn đối lập với kinh tế thị trường, thực hiện kinh tế kế hoạch hoá với sự quản lý tập trung cao độ mang tính mệnh lệnh; các nước xã hội chủ nghĩa đều thực hiện thể chế kinh tế kế hoạch hoá. Nước ta trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy hình thức khác Liên Xô muốn tìm đường đi cho riêng mình, nhưng cách thức vẫn là kinh tế kế hoạch hoá.

Lật lại những trang sử tư tưởng kinh tế hiện đại, kể từ khi kinh tế học chủ nghĩa Mác ra đời đến một thế kỷ rưỡi sau đó. Giữa kinh tế học chủ nghĩa Mác và kinh tế học phương Tây hầu như chưa bao giờ có nhận thức chung trong lý luận cả. Mấy năm gần đây, chúng ta trách cứ quá nhiều những "sai lầm" trong cách giải thích về kế hoạch và thị trường của các nhà kinh tế học theo chủ nghĩa Mác lớp trước. Đó là điều thật không công bằng. Đồng thời với những sai lầm đó, các nhà kinh tế học phương Tây lớp trước cũng rơi vào những sai lầm lý luận đó mà không thoát ra được. Sự đối lập giữa chúng, thị trường là tư bản chủ nghĩa, kinh tế thị trường không thể hoà hợp với chủ nghĩa xã hội. Chỉ khi tới thời hiện đại các nhà kinh tế học phương Tây mới vạch ra được ranh giới có giá trị khoa học giữa hai hình thức này.

Nhưng không ai bằng Đặng Tiểu Bình, ông đã vượt lên trên tất cả các nhà kinh tế học phương Tây, với tinh thần sáng tạo và tính quyết đoán đáng kinh ngạc, đã bắc được nhịp cầu nối thông giữa các nhà kinh tế học phương Tây và phương Đông.

Ngày 26 tháng 11 năm 1979, Đặng Tiểu Bình hội kiến với phó chủ tịch Công ty xuất bản Bách khoa toàn thư British Mỹ. Cuộc hội kiến có rất nhiều nội dung phong phú, trong đó có những quan điểm rất mới mẻ.

Vị phó chủ tịch nói rằng: "Nước Mỹ phạm một sai lầm rất lớn, đó là coi Trung Quốc xã hội chủ nghĩa như Liên Xô xã hội chủ nghĩa".

Đặng Tiểu Bình nói: "Con đường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc khác hoàn toàn với Liên Xô, khác ngay từ khi bắt đầu... Nhưng chúng tôi có một số chế độ kinh tế, đặc biệt là các mặt như quản lý, tổ chức xí nghiệp chịu ảnh hưởng của Liên Xô tương đối lớn. Ở mặt này phương pháp kinh doanh, quản lý và phát triển khoa học tiên tiến của các nước tư bản là điều mà chúng tôi phải kế thừa. Về những mặt này, chúng tôi cải cách còn rất khó khăn".

- Có phải Ngài cho rằng, trước kia Trung Quốc phạm phải một sai lầm, hạn chế quá sớm kinh tế thị trường phi tư bản chủ nghĩa. Về mặt này đã hạn chế quá nhanh, hiện nay dưới sự chỉ dẫn của kinh tế kế hoạch hoá xã hội chủ nghĩa cần phải mở rộng tác dụng của kinh tế thị trường phi tư bản chủ nghĩa?

- Nói kinh tế thị trường chỉ tồn tại trong xã hội tư bản chủ nghĩa, chỉ có kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn không chính xác. Vì sao chủ nghĩa xã hội không thể làm kinh tế thị trường, cái đó không thể nói là tư bản chủ nghĩa được. Chúng ta coi kinh tế kế hoạch hoá là chủ đạo, cũng kết hợp cả kinh tế thị trường, nhưng đó là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Tuy về cơ bản, phương pháp là giống nhau, nhưng cũng có điểm khác, đó là mối quan hệ giữa chế độ sở hữu toàn dân, đương nhiên cũng còn có quan hệ với chế độ sở hữu tập thể, quan hệ với chủ nghĩa tư bản nước ngoài, nhưng suy cho cùng vẫn là xã hội chủ nghĩa, là xã hội xã hội chủ nghĩa. Kinh tế thị trường không thể nói chỉ là của tư bản chủ nghĩa. Trong xã hội phong kiến cũng đã có manh nha của kinh tế thị trường. Xã hội chủ nghĩa có thể làm kinh tế thị trường. Cũng như vậy, học một số điểm tốt của các nước tư bản, bao gồm cả phương pháp quản lý kinh doanh không có nghĩa là thực hiện tư bản chủ nghĩa. Đó chính là chủ nghĩa xã hội lợi dụng phương pháp đó để phát triển sức sản xuất xã hội.

Coi đó là phương pháp không ảnh hưởng đến toàn bộ chủ nghĩa xã hội, không thể quay về chủ nghĩa tư bản được".

"Xã hội chủ nghĩa cũng có thể làm kinh tế thị trường" - Lời nói của Đặng Tiểu Bình như một tiếng sấm rền vang giữa trời Trung Quốc - một nước từ lâu nay chỉ thực hiện nền kinh tế kế hoạch hoá.

Người ta kinh ngạc thốt lên: "Xã hội chủ nghĩa cũng có thể làm kinh tế thị trường?

Đặng Tiểu Bình nói: "Xã hội chủ nghĩa cũng có thể làm kinh tế thị trường!"

Từ khi dựng nước tới nay, chúng ta luôn thi hành kinh tế kế hoạch hoá, các chỉ tiêu trong sản xuất công nghiệp, đồ dùng sinh hoạt của nhân dân, tất cả đều nằm trong kế hoạch. Rất nhiều loại tem phiếu chính là sảm phẩm của kinh tế kế hoạch hoá cao độ. Trong quan niệm của mọi người, luôn coi kinh tế thị trường đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản, đồng nghĩa với "ma quỉ"; "thị trường tự do" bị phê phán đến cùng. Kinh tế kế hoạch hoá là một trong những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, được viết thành sách giáo khoa, được coi như khuôn vàng thước ngọc.

Sở dĩ Đặng Tiểu Bình có thể đưa ra vấn đề trên chính là dựa trên cơ sở: nền kinh tế nước ta trong vài chục năm qua tuy có phát triển tương đối lớn, nhưng vẫn trong vòng luẩn quẩn, không có những bước đột phá khó khăn cơ bản, không tiến nhanh được. Hội nghị lần thứ ba trung ương khoá 11 tuy thực hiện một bước chuyển dịch mang tính chiến lược lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm xác lập mục tiêu của cải cách mở cửa, nhưng cải cách thế nào? Đặng Tiểu Bình trăn trở suy nghĩ. Đặng Tiểu Bình sở dĩ đưa được vấn đề ra là do ông biết tìm tòi trong những nền văn minh, sáng tạo của cộng đồng nhân loại, dũng cảm nhìn vào tận trong lòng kẻ thù của chúng ta: Chủ nghĩa tư bản, cuối cùng đã phát hiện ra ở họ có cái mà ta không coi thường và cũng không là độc quyền của họ được, đó là "kinh tế thị trường". Mang nó ra cải tạo, rèn đúc lại, gạt bỏ những khái niệm cũ, đưa ra những khái niệm mới: kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Bất kỳ sự vật nào phát triển cũng cần có một quá trình. Muốn tư tưởng con người thay đổi to lớn càng phải như vậy!

Tháng 9 năm 1982, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 12, hội nghị xác định chia ra làm hai bước, cuối thế kỷ này sẽ thực hiện mục tiêu vĩ đại là đưa GDP tăng lên gấp đôi. Hội nghị xác định nguyên tắc phát triển kinh tế lấy kinh tế kế hoạch hoá làm chủ, lấy điều tiết thị trường làm hỗ trợ, nhưng lại chỉ ra rằng: "Còn các loại sản phẩm nhỏ... Có thể các xí nghiệp căn cứ vào sự thay đổi cung cầu của thị trường sự sắp xếp sản xuất một cách linh hoạt". Nhận thức này quả tiến bộ hơn trước, nhưng khách quan mà nói, vẫn chưa đạt tới trình độ nhận thức của Đặng Tiểu Bình.

Đặng Tiểu Bình không tiếc sức mình để thúc đẩy sự tiến bộ nhận thức của mọi người. Sau đại hội, đồng chí đã nói chuyện đồng chí phụ trách Uỷ ban kế hoạch Nhà nước, nhấn mạnh quan trọng trong việc xử lý vấn đề kế hoạch và thị trường: "So sánh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, tính ưu việt của nó là ở chỗ có thể tập trung lực lượng, bảo vệ trọng điểm trên toàn quốc. Khuyết điểm ở chỗ, kinh tế thị trường được vận dụng không linh hoạt. Làm thế nào giải quyết mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường? Giải quyết tốt sẽ có lợi cho phát triển kinh tế, giải quyết không tốt, sẽ gặp tai hoạ.

Coi trọng dùng thực tiễn và điển hình để kiểm nghiệm lý luận cũng là một phương pháp nổi bật của Đặng Tiểu Bình.

Khi cải cách nông thôn bước đầu có hiệu quả, Đặng Tiểu Bình đã đề xướng lập đặc khu kinh tế. Năm 1984, ông đã tới Thâm Quyến, Chu Hải và Hạ Môn thị sát tình hình, khi nhìn thấy cảnh tượng phồn vinh phát đạt ở những nơi đó, ông đã hình dung đặc khu sẽ là các cánh cửa mở cho kỹ thuật, quản lý, tri thức và đối ngoại. Cuộc cải cách nông thôn toàn quốc đã mang lại hình thế tốt đẹp cùng với thành công của đặc khu đã làm cho lý luận: "xã hội chủ nghĩa cũng có thể làm kinh tế thị trường" của Đặng Tiểu Bình được kiểm nghiệm bằng thực tiễn và càng ngày củng cố quyết tâm và lòng tin của ông.

Tháng 10 năm 1984, khi Đặng Tiểu Bình tiếp Tổng biên tập tờ "Thời đại" của Mỹ để bàn về kinh tế thị trường dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, ông nói:

"Tôi cho rằng, chế độ xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường không hề mâu thuẫn, vấn đề là chúng ta dùng cái gì để phát triển một cách có hiệu quả sức sản xuất xã hội. Nếu ta kết hợp kế hoạch hoá với thị trường, tôi cho rằng sẽ giúp giải phóng sức lao động xã hội, tăng nhanh sự phát triển của sức lao động. Chúng ta cần tiếp thu những cái có ích của chế độ tư bản, thực hiện chính sách mở cửa với nước ngoài, kết hợp giữa kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch hoá".

Tháng 10 cùng năm, Hội nghị Trung ương 3 khoá 12 thông qua "Quyết định của trung ương về cải cách thể chế kinh tế", khẳng định và tổng kết nền kinh tế sau 6 năm cải cách mở cửa của nước ta, minh xác thêm một bước thể thế kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hoá trên cơ sở chế độ công hữu. Ông bình luận: "Các văn kiện về cải cách kinh tế lần này rất tốt, có một số người trước chưa hề đám

viết ra, không có thực tiễn của mấy năm trước thì không thể viết ra được những văn kiện này".

Ngày 23 tháng 10 năm sau, khi gặp gỡ đoàn đại biểu các nhà doanh nghiệp cao cấp do công ty Thời Đại Mỹ tổ chức, trả lời câu hỏi đo họ đưa ra, Đặng Tiểu Bình đã một lần nữa nói rõ rằng: "Giữa xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường không tồn tại mâu thuẫn cơ bản. Vấn đề là dùng phương pháp gì để phát triển hơn nữa sức sản xuất xã hội. Trước kia, chúng ta thực hiện kinh tế kế hoạch hoá, nhưng thực tiễn nhiều năm chứng minh rằng, về một mặt ý nghĩa nào đó, chỉ làm kinh tế kế hoạch hoá sẽ trói buộc sự phát triển sức lao động. Kết hợp giữa kinh tế kế hoạch hoá và kinh tế thị trường sẽ giải quyết vấn đề sức sản xuất, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

Ngày 6 tháng 2 năm 1987, Đặng Tiểu Bình nói chuyện với mấy đồng chí Trung ương, ông chỉ ra rằng: "Vì sao hễ cứ nói tới thị trường là chúng ta nghĩ tới tư bản chủ nghĩa, chỉ có kế hoạch hoá mới là xã hội chủ nghĩa hay sao? Cả hai đều là biện pháp thôi mà. Chỉ cần tốt cho phát triển sức sản xuất, ta có thể sử dụng nó. Nếu nó phục vụ được cho chủ nghĩa xã hội thì chính là chủ nghĩa xã hội. Giống như chỉ nói kế hoạch hoá là chủ nghĩa xã hội cũng là không đúng. Nhật, Mỹ cũng đều phải có kế hoạch. Trước đây chúng ta học Liên Xô làm kinh tế kế hoạch hoá, về sau lại nói kinh tế kế hoạch hoá là chủ đạo, nay không nói lại nữa". Vì vậy, Đại hội khoá 13 của Đảng đã đề ra: "Xã hội chủ nghĩa là thể chế kinh tế hàng hoá có kế hoạch, cần phải là thể chế thống nhất giữa kế hoạch hoá và thị trường". Sự phát triển của kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa không tách rời sự phát triển và hoàn thiện của thị trường, lợi dụng điều tiết thị trường không có nghĩa là làm tư bản chủ nghĩa".

Cơ chế vận hành kinh tế mới, về mặt tổng thể cần phải là "Cơ chế Nhà nước điều tiết thị trường, thị trường dẫn dắt các xí nghiệp". Tư duy và biện pháp mới này đã có bước tiến lớn so với đại hội 11.

Tính cương nghị và triệt để về mặt sáng tạo lý luận của Đặng Tiểu Bình khiến người ta kinh ngạc, những quan điểm mà ông nhìn nhận, mà qua thục tiễn chứng minh được tính chính xác của nó thì ông thực hiện đến cùng.

Ngày 24 tháng 12 năm 1990, khi nói chuyện với các đồng chí có trách nhiệm

trong Trung ương, ông đã nhắc lại: "Chúng ta phải hiểu rõ bắt đầu từ lý luận, sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là ở vấn đề kế hoạch hoá hay thị trường. Chủ nghĩa tư bản liệu có gì bị khống chế hay toàn là tự do? Chính sách tối huệ quốc cũng là một sự khống chế. Chớ nên cho rằng làm một chút kinh tế thị trường là theo con đường tư bản chủ nghĩa, không thể có chuyện đó được. Cả kế hoạch hoá và thị trường đều cần. Không làm thị trường, ngay các thông tin trên thế giới đều không biết là tự mình cam chịu lạc hậu".

Trước và sau Tết năm 1991, Đặng Tiểu Bình đi thị sát Thượng Hải, giành cho Phố Đông một hy vọng rất lớn và sự chỉ đạo sáng suốt, và ông đã nhắc lại câu chuyện mà ông đã nói trong ngày 6 tháng 2 năm 1987.

Trước và sau Tết năm 1992, trong không khí hân hoan đón chào năm mới, Đặng Tiểu Bình lại phấn khởi đi thăm Thâm Quyến, Chu Hải và Thượng Hải. Tại đây, ông đã phát biểu một loạt quan điểm về kiến trúc thượng tầng và các luận cứ khoa học. Về vấn đề kế hoạch hoá và thị trường. Ông nói: "Kế hoạch hoá nhiều hơn một chút hay thị trường nhiều hơn một chút không phải là sự khác nhau về bản chất giữa tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Kinh tế kế hoạch hoá không phải là xã hội chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa cũng có kế hoạch; kinh tế thị trường không phải chỉ là tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa cũng có thị trường; kế hoạch hoá và thị trường đều là thủ đoạn kinh tế." một loạt quan điểm của Đặng Tiểu Bình như một làn gió xuân thổi tới mọi nơi trên toàn quốc.

Thực sự là mười năm mài giũa mà nên. Từ quan niệm kinh tế kế hoạch hoá hoàn toàn, rồi tới kinh tế kế hoạch hoá là chủ đạo, kinh tế thị trường là hỗ trợ, đến kinh tế hàng hoá của nền kinh tế kế hoạch hoá, cuối cùng là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa từng bước từng bước tiến lên, cần khắc phục biết bao những trở lực của những quan niệm tư tưởng truyền thống! Trong đó đã kết tinh bao tâm huyết của Đặng Tiểu Bình! Không có sự thúc đẩy kiên quyết của Đặng Tiểu Bình, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong đầu những năm 90 liệu có phát triển được không?

Nâng cao mức sống của nhân dân, làm cho quảng đại quần chúng nhân dân được sống hạnh phúc giàu có là sự nghiệp theo đuổi mãi mãi của Đảng ta. Sau khi thành lập nước, Đảng ta đã dùng rất nhiều phương pháp để cho dân giàu lên,

nào là tổ đổi công, hợp tác xã cấp thấp rồi cấp cao, công xã nhân dân... Trong quá trình đó, mức sống của nhân dân đã nâng cao lên nhiều, nhưng còn cách rất xa so với lý tưởng của Đảng và nguyện vọng của nhân dân. Nghèo khổ vẫn luôn là vấn đề gây phiền hà cho Đảng và nhân dân.

Vấn đề là từ đâu đây?

Trước tiên là sự xuất hiện những khác nhau về nhận thức đối với xã hội chủ nghĩa. Sau giải phóng, chúng ta luôn nói phải cùng giàu có và xã hội xã hội chủ nghĩa là mọi người đều bình đẳng. Vậy là không ít người trong chúng ta đã lý giải "cùng giàu" thành giàu bình quân, giàu đồng bộ, cho sự bình đẳng xã hội chủ nghĩa là sự bình quân tuyệt đối về vật chất. Điều này dẫn tới bình quân chủ nghĩa trong phân phối. Trách nhiệm, quyền hạn và hưởng lợi tách rời nhau, làm hay không làm đều như nhau, làm xấu làm tốt cũng như nhau, làm ít làm nhiều cũng vậy. Người ta gọi nó một cách hình tượng là "ăn nồi cơm to". Xí nghiệp là nồi cơm to của Nhà nước, công chức ăn nồi cơm to của xí nghiệp. Dưới thể chế đó, không cho phép bất kỳ ai nổi lên, giàu lên. Có vẻ như giàu sẽ là tư bản chủ nghĩa, nghèo mới là xã hội chủ nghĩa. Càng nghèo càng vinh quang, càng cách mạng, người ta cười giàu chứ không cười nghèo và nó đã trở thành quan niệm chung của nhiều người trong thời gian tương đối dài. Ở nông thôn, nếu ai đó giàu hơn người khác một chút thì bị "gắn cái đuôi tư bản chủ nghĩa". Đã từng xảy ra một sự việc kỳ quái như thế này: Người dân nuôi vịt cũng bị hạn chế số lượng, nuôi 3 con sẽ là xã hội chủ nghĩa, nếu thêm 2 con nữa sẽ thành tư bản chủ nghĩa ngay". "Bè lũ bốn tên" thậm chí còn đề ra một khẩu hiệu đầy chất hoang đường rằng: "Thà làm cỏ của chủ nghĩa xã hội chứ không xin cây lúa của chủ nghĩa tư bản".

Tư tưởng bình quân chủ nghĩa đã ăn sâu trong ý thức người dân Trung Quốc và lưu truyền rất lâu. "Không sợ nghèo chỉ sợ không đều, “chờ giàu có chia đều” đã là tư tưởng của không ít người trong hàng ngàn năm nay. Điều đó cũng chẳng có gì đáng trách, vì Trung Quốc là vương quốc của người sản xuất nhỏ.

Tư tưởng bình quân chủ nghĩa đương nhiên là không thể được, bởi nó đi ngược lại qui luật phân phối theo lao động tức là làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Chính điều đó đã xoá nhoà ranh giới giữa những người lao động trong

các lĩnh vực khác nhau, xoá nhoà khoảng cách giữa những xí nghiệp làm ăn tốt và làm ăn kém, xoá nhoà sự khác nhau giữa thời gian lao động cá biệt và thời gian chung của toàn xã hội... Kết quả là làm mất đi tính tích cực, hiệu suất lao động thấp, cùng lạc hậu, cùng nghèo khổ. Mức lương cho cán bộ, công nhân chỉ vài chục đồng một tháng kéo dài hàng mấy chục năm. Một người khoẻ mạnh làm việc trong đội sản xuất thu nhập một ngày chỉ vài xu, có người chỉ đủ mua một bao diêm. Mấy trăm triệu người Trung Quốc sống trong nghèo khổ.

Ai có thể dẫn dắt chúng ta thay đổi tình trạng đó? Đặng Tiểu Bình!

Mao Trạch Đông dẫn dắt nhân dân đứng dậy, nhân dân đứng dậy.

Về chủ quan, ông cũng muốn dân giàu lên, nhưng tiếc rằng không giàu lên được, mà nhiệm vụ lịch sử đó đặt lên vai Đặng Tiểu Bình.

Trong các nhà lãnh đạo, đầu óc Đặng Tiểu Bình sớm tỉnh táo. Đầu những năm 60, ông đã rất ủng hộ "Khoán sản đến hộ", mục đích là mong cho nông dân có cuộc sống giàu có hơn một chút, hy vọng họ mang hết sức mình ra để làm "một con mèo bắt được chuột", mà khi đã bắt được chuột thì mèo sẽ không đói nữa.

Giữa những năm 70, chính là lúc "Bè lũ bốn tên" đang tác oai tác quái, Đặng Tiểu Bình đã chỉnh đốn toàn diện, ông cho rằng không có thứ chủ nghĩa cộng sản nghèo, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, xã hội cộng sản chủ nghĩa là một xã hội vật chất vô cùng phong phú, vì chỉ có như vậy mới thực hiện được nguyên tắc làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" được. Xã hội chủ nghĩa là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản và là ba giai đoạn rất dài. Nhiệm vụ của thời kỳ này là phát triển sức lao động, làm cho của cải vật chất của xã hội không ngừng tăng lên, đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn, tạo đều kiện vật chất để bước vào chủ nghĩa cộng sản. Không thể có chủ nghĩa xã hội nghèo, càng không thể có chủ nghĩa cộng sản nghèo được.

Lúc ấy, ông yêu cầu mọi người phá bỏ "Nồi cơm to". Ngày 18 tháng 8 năm 1975, trong một lần nói chuyện, ông nói: "Cái gọi là khích lệ bằng vật chất trước kia rất ít. Cống hiến của mỗi người khác nhau thì đãi ngộ có khác nhau không? Cùng là công nhân, nhưng người có tay nghề cao hơn liệu có cần nâng bậc và nâng đãi ngộ cho họ không? Chế độ đãi ngộ với nhân viên kỹ thuật cũng cần

phải nâng lên? Nếu bất chấp sự cống hiến nhiều hay ít, kỹ thuật giỏi hay kém, năng lực mạnh hay yếu, lao động nặng hay nhẹ đều hưởng 45 đồng tiền lương một tháng thì bề ngoài xem ra mọi người bình đẳng, nguyên nhân thực chất là không phù hợp nguyên tắc phân phối theo lao động, không thể động viên tính tích cực của người lao động". Những ý kiến này hoàn toàn đối lập với "lũ bốn tên".

Chỉ sau khi được phục hồi lần thứ ba, ông mới có dịp thử sức mình, ông đã tuyên truyền cho mọi người một loạt quan điểm mới đối nghịch với các quan điểm sai lầm trước đây. Ông đã nhiều lần phân tích và chỉ rõ mối nguy hiểm to lớn của chủ nghĩa bình quân. Ông nói: "Chế độ ăn nồi cơm lớn" mang lại tai hoạ cho con người; kiểu bình quân chủ nghĩa và "ăn nồi cơm to" sẽ làm cho cuộc sống của nhân dân mãi mãi không được cải thiện, không bao giờ phát huy được tính tích cực cả". Ngày 28 tháng 3 năm 1986, khi tiếp Thủ tướng Niudilân, Đặng Tiểu Bình nói: "Chúng ta kiên trì đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, mục tiêu cơ bản là mọi người cùng giàu có, nhưng hoàn toàn không phải là phát triển bình quân. Trước kia theo chủ nghĩa bình quân, "ăn nồi cơm to", trên thực tế cùng chung lạc hậu, chung nghèo khổ, chúng tôi đã phải chịu cái họa đó rồi".

Đặng Tiểu Bình dùng quan niệm mới để loại bỏ quan niệm cũ, dùng biện pháp mới thay thế biện pháp cũ.

Loại bỏ chủ nghĩa bình quân, phá bỏ "Nồi cơm to". Ngày 13 tháng 12 năm 1978, trong Hội nghị công tác Trung ương, ông nói: "Trong chính sách kinh tế, tôi cho rằng, cần cho phép một bộ phận, một số các xí nghiệp, một phần công nhân, nông dân do cố gắng làm việc, có nhiều thành tích nên thu nhập nhiều hơn, cuộc sống khá hơn. Chính họ đã sản sinh ra sức mạnh điển hình rất lớn trong sản xuất, ảnh hưởng tới xung quanh, thúc đẩy mọi người khác, đơn vị xí nghiệp khác học tập họ. Như vậy toàn bộ nền kinh tế quốc dân sẽ không ngừng phát triển tiến lên như các đợt sóng trào, làm cho nhân dân các dân tộc nhanh chóng giàu có lên."

Một khi quan điểm mới được hình thành, ông sẽ luôn nhấn mạnh nó. Ông nói:

Nông thôn, thành phố đều cho phép một số người giàu lên trước, không thể

làm kiểu bình quân chủ nghĩa được." "Chúng tạ nhất quán chủ trương là để cho một bộ phận người, một số khu vực giàu lên trước, nguyên tắc lớn là cùng giàu có".

Đấy là một đột phá mới so với quan niệm cũ trước đây.

Lịch sử mấy chục năm đã chứng minh. Cùng nhịp bước sẽ không thể cùng giàu có được. Đặng Tiểu Bình dùng cụm từ "Phát triển đi lên theo dạng các đợt sóng" để nói rõ ràng, căn cứ vào qui luật phát triển không đều, việc giàu có nhất định phải có người trước người sau, người giàu trước thúc đẩy người giàu sau, phải giàu từng bước. Điều này phù hợp với phép biện chứng, phù hợp với thực tế khách quan. Lý luận này không cần phải nói nhiều mà là một việc rất giản đơn, nhưng để nhận thức được nó chúng ta phải trả giá rất đắt. Khi đề xướng chính sách mới này, ông rất tin tưởng rằng: "Đó là một chính sách lớn, là một chính sách có thể ảnh hưởng và thúc đẩy cả nền kinh tế quốc dân. Cho nên, đề nghị các đồng chí phải tích cực suy nghĩ và nghiên cứu nó."

Chính sách này ra đời làm cho Trung Quốc giàu lên nhanh chóng, có người tuy vẫn là con người như xưa nhưng đã đột nhiên giàu có lên. Đặng Tiểu Bình cố giấu vẻ sung sướng mà nói rằng: "một bộ phận giàu trước lên là một biện pháp mới được mọi người ủng hộ, nó tốt hơn hẳn biện pháp cũ". Tháng 8 năm 1986, khi đi thị sát Thiên Tân, ông đã cho rằng: "Đó là sự phát triển nhanh chóng, đã đạt được bước đi tiến tới giàu có chung".

Đương nhiên, để một số người, một bộ phận giàu lên trước, mục đích là thúc đẩy sự giàu có chung chứ không dẫn tới phân chia thành hai cực, ông luôn nhấn mạnh không thể để phân chia thành hai cực, cần phải kiên trì đặc trưng bản chất của xã hội chủ nghĩa là cùng nhau giàu có, nếu không sẽ không phù hợp với mục đích căn bản của chủ nghĩa xã hội. Ngày 7 tháng 3 năm 1985, ông đã nói tại Hội nghị công tác khoa học kỹ thuật toàn quốc: "Mục đích của chủ nghĩa xã hội chính là nhân dân toàn quốc cùng giàu, chứ không phân hoá thành hai cực. Nếu chính sách của chúng ta dẫn tới sự phân hoá đó là chúng ta thất bại; nếu đẻ ra một giai cấp tư sản mới nào đó có nghĩa là ta đã đi sai đường". Ngày 2 tháng 9 năm 1986, khi trả lời một câu hỏi của phóng viên Mỹ, ông nói: "Chúng tôi cho phép một số người giàu lên trước, một số khu vực giàu lên trước, mục đích là

nhanh chóng thực hiện sự giàu có chung. Chính vì vậy nên chính sách của chúng tôi là không để xã hội phân hoá thành hai cực, có nghĩa là không để người giầu giầu lên mãi, người nghèo nghèo đi mãi. Nói một cách thẳng thắn, chúng tôi không cho phép sinh ra một giai cấp tư sản mới". "Bởi nếu như vậy thì sự phân hoá hai cực tất sẽ nảy sinh, mà chế độ xã hội chủ nghĩa cần có và có thể tránh được sự phân hoá đó." Ngày 24 tháng 12 năm 1990, ông nói một số đồng chí có trách nhiệm trong Trung ương: "Tính ưu việt lớn nhất của chủ nghĩa xã hội là giàu có chung, đó là thể hiện bản chất của chủ nghĩa xã hội. Nếu làm cho xảy ra sự phân hoá hai cực thì tình hình sẽ khác đi, mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn giữa các khu vực, mâu thuẫn giai cấp đều sẽ phát triển, mâu thuẫn giữa Trung ương và địa phương cũng phát triển và như vậy có thể sẽ loạn.

Không những chỉ ra phải tránh xảy ra phân hoá hai cực mà ông còn đề ra một số biện pháp để tránh nó: Những khu vực hoặc đơn vị giàu lên trước thông qua khoản thuế nộp nhiều hơn và sự chuyển giao kỹ thuật để giúp đỡ các khu vực hoặc đơn vị lạc hậu hơn; các cá nhân giàu trước cũng thông qua khoản trưng thu thuế và các hoạt động quyên góp để giúp đỡ người nghèo.

Về mặt phương thức, đương nhiên phải dùng đến phương pháp thu thuế chứ không thể dùng thủ đoạn chính trị cưỡng chế "Giết giàu cứu nghèo", "Rút béo cho gầy", mà là khích lệ người giàu trước làm phúc lợi công cộng (như công tác giáo dục chẳng hạn), nhưng nhất thiết phải là tự nguyện, không thể cưỡng ép cứng nhắc.

Làm như vậy nhưng không được quá vội vàng. Người giàu trước có thể nộp thuế nhiều hơn một chút, nhưng không thể bắt họ gánh quá nặng ngay một lúc, như thế sẽ làm giảm sức phát triển của họ đi. Bắt đầu có thể là chuyển giao kỹ thuật; còn biện pháp thu tăng thuế lên, theo Đặng Tiểu Bình cần phải chờ cho họ khá hẳn lên mới thực hiện.

Trong tình hình đó, bộ phận tiên tiến chi thêm một số tiền giúp đỡ bộ phận lạc hậu, nhưng sao cho không ảnh hưởng đến sự phát triển của mình.

Sự giàu chung không loại trừ sự chênh lệch về mức độ giàu có. Đặng Tiểu Bình đương nhiên suy nghĩ vấn đề ưu tiên cho hiệu suất, công bằng xã hội, bảo vệ bộ phận giàu trước, đồng thời cũng bảo vệ sức sống phát triển của xã hội.

Đương nhiên những người giàu trước nhất thiết phải dựa vào làm ăn cần cù, kinh doanh hợp pháp để làm giàu.

Chính sách để một bộ phận, một khu vực nào đó giàu lên trước được Đặng Tiểu Bình khích lệ đã quét sạch chủ nghĩa bình quân và chính sách "Nồi cơm to", kích thích sức sống của xã hội, thu được kết quả rất tốt. Những khu vực phát triển dọc duyên hải là những khu vực giàu lên trước của nước ta, trên toàn quốc cũng có nhiều khu vực như vậy. Ngay cả những huyện nghèo vùng sâu, vùng xa cũng có những nơi giàu. Người giàu lên trước càng nhiều hơn. Vùng duyên hải cơ bản là vùng phát triển với người giàu trước thúc đẩy người sau cùng lên. Hiện nay hình thức này đã phổ biến trong toàn quốc. Trung ương Đảng, Quốc vụ viện đang thực thi chiến lược đại mở cửa miền Tây, tiền vốn, kỹ thuật, đặc biệt và quan niệm tư tưởng tiên tiến ở các khu phát triển miền Đông cùng với kinh nghiệm quản lý, ưu thế chất xám của họ đã và đang phát huy tác dụng rất to lớn trong quá trình mở cửa ở miền Tây.

CHƯƠNG 8

TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ

Đặng Tiểu Bình không thích làm nổi bật mình, Đảng và nhân dân tôn trọng ý nguyện của ông, khi đánh giá về vị trí và vai trò của ông trong sự nghiệp cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá Trung Quốc đã giành cho ông chức vụ: "Tổng công trình sư". Mao Trạch Đông từng nói, Bộ Chính trị là Viện thiết kế chính trị, do đó "tổng công trình sư" vẫn mang ý nghĩa lãnh tụ, nhưng muốn làm nổi bật khả năng của nó là "thiết kế".

Từ năm 1929, với tư cách là đại biểu Trung ương, Đặng Tiểu Bình đã tới Quảng Tây triển khai công tác, thành lập Quân đoàn 7 và 8 Hồng quân, đảm nhiệm chức Chính uỷ chung của hai quân đoàn và Bí thư Đảng uỷ tiền phương; đến tháng 1 năm 1938, làm chính uỷ sư 129, mãi đến năm 1952 lại được điều về Trung ương công tác, trong một thời gian dài, ông trở thành người lãnh đạo cao nhất của Đảng ở một khu vực chiến lược, đồng thời là một tổng công trình sư ở đó. Khi ông làm Bí thư huyện uỷ ở Tô Châu và Bí thư huyện uỷ trung tâm, tuy địa vị còn thấp, nhưng ông đã quản lý mọi việc ở khắp đông tây nam bắc và ở mọi lĩnh vực quân, dân, chính, Đảng, thực sự là một tổng công trình sư với cấp bậc tương đối nhỏ. Trong thời kỳ đầu, điểm nổi bật nhất của ông là đã thiết kế chiến dịch vượt sông.

Ngày 12 tháng 12 năm 1948, Quân uỷ Trung ương chỉ thị Đảng uỷ tiền phương bàn về "kế hoạch tác chiến vượt sông trong tương lai". Ngày 17, hai ngày sau khi kết thúc giai đoạn hai chiến dịch Hoài Hải, Đảng uỷ tiền phương gồm các đồng chí Lưu Bá Thừa, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình, Túc Dụ, Đàm Chấn Lâm do Đặng Tiểu Bình làm Bí thư đã triệu tập hội nghị toàn thể Ban chấp hành giành thời gian trọn một ngày để thảo luận vấn đề tác chiến vượt sông.

Tháng 2 năm 1949, Quân uỷ Trung ương chỉ thị, Đảng uỷ tiền phương tiếp tục đảm nhận quyền lãnh đạo quân sự và tác chiến ở hai khu Trung Nguyên và Hoa Đông, lãnh đạo Quân đoàn dã chiến hai và ba, binh đoàn tiên phong thuộc quân đoàn đã chiến bốn tiến hành chiến dịch vượt sông. Sau một loạt công tác chuẩn bị và trong thời kỳ Hội nghị Trung ương 2 khoá 7, Đặng Tiểu Bình và Trần Nghị đã báo cáo Mao Trạch Đông: ngày 31 tháng 3 năm 1949, bản "Đề cương thực thi chiến dịch Kinh Lư Hàng" do Đặng Tiểu Bình khởi thảo đã được trình lên Trung ương; tới ngày 3 tháng 4, Quân uỷ Trung ương đã phê chuẩn đồng ý. Vấn đề mấu chốt của chiến dịch này là có vượt sông thành công hay không, nên được gọi là chiến dịch vượt sông.

Chiến dịch vượt sông với "Trăm vạn hùng binh vượt sông lớn chiếm lĩnh Nam Kinh, Thượng Hải, Hàng Châu, Vũ Hán, Nam Xương, đánh gục trung tâm kinh tế, chính trị của Chính phủ Quốc dân Đảng là một chiến dịch vĩ đại hoành tráng nhất, khiến mọi người phấn khởi nhất trong thời kỳ chiến tranh giải phóng và cũng là thành quả lớn nhất của cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong 28 năm phấn đấu đầy gian khổ. Chiến dịch to lớn này chính do Tổng công trình sư Đặng Tiểu Bình thiết kế, vậy nên cũng cần phải đánh giá lại vai trò của ông trong Đảng, trong quân đội thời kỳ trước khi dựng nước.

Chiến dịch vượt sông rất thuận lợi khiến chúng ta cảm thấy có lẽ chẳng cần "tính toán" gì nhiều cũng có thể giành thắng lợi. Đó chính là căn bệnh phổ biến của chúng ta, một việc nào đó hoàn thành tốt, thuận lợi thường được cho là chẳng có gì tài giỏi cả, đó là một điều hết sức sai lầm, thực chất đó là sự tự an ủi của ai đó không hoàn thành được một việc nào đó. Chiến dịch thành công, Mao Trạch Đông đã viết một bài thơ hùng tráng "Trăm vạn hùng binh vượt đại giang" để ca ngợi:

Trăm vạn hùng binh vượt đại giang Núi cao vực thẳm gió ngút ngàn Hổ báo sài lang không ngăn nổi Đạp bằng trời đất vẫn an khang Quân ta dũng mãnh truy quét địch Khí thế ngút trời tựa bá vương.

Trời dẫu có tình, tình sẽ cạn Đường ta đi tới vẫn thênh thang.

Điều đáng chú ý là, ngày 22 tháng 4 năm 1949, hai ngày sau chiến dịch vượt sông, Mao Trạch Đông - vị lãnh tụ lớn, nhà thơ lớn, nhà văn lớn đã tự mình viết

một bài văn có tiêu đề "Miếng đậu phụ" đưa tin "Ba mươi vạn đại quân vượt Trường Giang thắng lợi". Niềm vui và sự quan tâm của Mao Trạch Đông không chỉ hạn chế ở chiến dịch vượt sông mà là một biểu hiệu của sự chờ đợi chiến thắng cuối cùng trong 28 năm trời cách mạng, những buổi thai nghén ban đầu của chiến dịch không giống như buổi tất thắng sau này. Mao Trạch Đông đã từng nhấn mạnh: "không được coi thường địch, đó là điều rất quan trọng". Sau này, trong báo cáo của mình, Đặng Tiểu Bình nói: "Chúng tôi đánh địch tương đối cao". Điều này chứng tỏ rằng, trong quá trình chiến dịch, Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Đảng uỷ tiền phương đã đánh giá tình hình địch rất thận trọng. Lưu Bá Thừa từng nói: "Đầu tiên vốn chỉ có quân đoàn đã chiến 3 chuẩn vượt sông, sau đó mới quyết định cả hai quân đoàn 2 và 3 cùng vượt sông, cuối cùng cả quân đoàn 4 cũng cùng hành quân tới, quân đoàn 2 và 3 trở thành tuyến một, như vậy đã hình thành nên cục diện "trăm vạn hùng binh vượt sông" về phía nam.

Sau khi kết thúc ba chiến dịch lớn Liêu Thẩm, Hoài Hải, Bình Tân, Quốc dân Đảng và xã hội Quốc tế do Mỹ đứng đầu đều muốn Trung Quốc tạo thành cục diện "Nam Bắc triều". Họ cho rằng "Trường Giang là nơi hiểm yếu không thể phá nổi", họ luôn ôm ấp hy vọng đó. Mặt sông Trường Giang rất rộng, Quốc dân Đảng có máy bay trên trời, tàu chiến dưới sông, pháo lớn trên mặt đất Quân giải phóng ngoài một số ít pháo lớn ra, còn lại chẳng có máy bay và tàu chiến, đó thật sự là điều không thể tưởng tượng nổi đối với những người quen phân tích vấn đề trên quan điểm chiến tranh hiện đại.

"Cương lĩnh chủ yếu" lấy vượt sông thành công làm tiền đề, nhưng đúng như lời Đặng Tiểu Bình trong báo cáo sau khi vượt sông thành công: "Lòng tin đó không chỉ được xây dựng trên cơ sở niềm tin về mặt chính trị mà còn được xây dựng trong sự chuẩn bị thực tế nữa." Ông nêu ví dụ:

"Về vấn đề tàu thuyền: Địch chuyển tất cả các tàu thuyền trên Trường Giang về phía nam sông, phong toả tất cả các cửa khẩu vào sông trên các sông và hồ ở phía bắc sông và cho rằng quân ta không có tàu thuyền, mà nếu có cũng không thể vào Trường Giang được. Do đó, khi chiến dịch vượt sông mở màn, quân giải phóng đã huy động hàng vạn chiếc thuyền, "địch không hiểu ta lấy thuyền từ

đâu". Thực ra, quân ta đã chuẩn bị thuyền sẵn từ trong các hồ, sông; còn huy động 2,1 triệu người đào đắp để nối liền các dòng sông và hồ cho các thuyền sức chở hàng tấn thông với Trường Giang, lặng lẽ đưa thuyền đến Trường Giang".

Vấn đề người miền Bắc bị say tàu: Đặng Tiểu Bình nói: "Người chúng ta là người miền Bắc, mà người miền Bắc rất sợ nước. Tào Tháo bị thua chính là ở chỗ đó. Trải qua huấn luyện, diễn tập nhiều mặt, họ đã không còn sợ nước nữa."

Vấn đề thử qua sông trong đêm tối, kiểm tra tốc độ dòng chảy và bố phòng trên dòng sông của địch: Trong báo cáo, Đặng Tiểu Bình nói: "Nếu có người hỏi, các anh phải mất bao nhiêu thời gian để vượt sông. Chúng ta khẳng định rằng, thuyền đầu tiên nhanh nhất chỉ hết 15 phút." Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình rất biết dùng quân, luôn nhấn mạnh phải điều tra hết sức cẩn thận và phải kiểm nghiệm bằng thực tế. Tốc độ nhanh chóng đó hiển nhiên phải được tính toán từ trước thông qua các cuộc điều tra thực tế. Địch tuy bố phòng đông nhưng cũng còn rất nhiều lỗ hổng, Đặng Tiểu Bình nói: "Chúng tôi đã từng đưa một phân đội qua sông trước và mai phục hàng chục ngày mà địch không hề biết.

Để chắc thắng, Đảng uỷ tiền phương đã đưa ra một "Phương pháp tác chiến đột kích nhiều đường trên diện rộng"...

Tổng quát chung là: "Trường Giang không đáng sợ như Hoàng Hà, có một số khó khăn, một số chuyên gia quân sự cho là không thể khắc phục được, nhưng chúng ta đã khắc phục được.

Tổng số quân phòng thủ của địch có khoảng 70 vạn gồm 40 quân đoàn và 115 sư đoàn, trong đó có 79 sư trực tiếp phụ trách phòng thủ ở bờ sông và trên sông, 89 tàu phòng thủ trên biển, 49 tàu phòng thủ trên sông, 285 máy bay. Số quân này được chia thành hai tập đoàn quân Thang Ân và Bạch Sùng Hỷ. Tập đoàn quân của Thang phụ trách từ đông Hồ Khẩu đến Thượng Hải; tập đoàn quân của Bạch Sùng Hỷ phụ trách từ phía tây Hồ Khẩu đến Nghị Dương, toàn bộ tuyến phòng thủ dài 1850 km. Do đó quân địch tuy nhiều nhưng tuyến phòng thủ lại quá dài, bình quân mỗi sư phụ trách khoảng 24 km, mỗi người phụ trách 6m, mỗi chiếc tàu chiến phụ trách 13km mặt sông. "Phương pháp tác chiến đột kích nhiều đường có trọng điểm trên diện rộng" làm cho địch không thắng trong phòng ngự được và không thể ngăn cản hết tiến công của quân ta.

Quân giải phóng tuy vượt sông "trên diện rộng" nhưng thực tế lại tương đối tập trung. Đoạn tác chiến vượt sông của quân giải phóng thuộc đoạn phòng thủ của tập đoàn Thang dài hơn 100 km, lực lượng phòng thủ địch là binh đoàn số 8 của Lưu Nhữ Minh gồm 3 quân đoàn và 7 sư đoàn tổng cộng gần 4 vạn quân. Mà tập đoàn quân do Lưu Bá Thừa chỉ huy lúc đó có 9 quân đoàn khoảng hơn 35 vạn quân, pháo lớn và vũ khí nặng cũng rất nhiều. Lực lượng địch chẳng những ít mà quân lại rất ô hợp, nên ta chỉ dùng một trung đoàn là có thể chống lại được cả một binh đoàn địch. Với một binh đoàn rệu rã như binh đoàn của Lưu Nhữ Minh, Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình muốn giải quyết một cách hoà bình nên đã thông qua nhiều con đường để tác động. Nhưng Lưu Nhữ Minh vốn là một nhân vật rất ngang ngạnh, kiên quyết cự tuyệt đầu hàng quân giải phóng. Do đó, tuyến phòng thủ Trường Giang của Tưởng Giới Thạch được mệnh danh là một con rắn dài, thực chất chỉ là một con rắn chết mà thôi.

Về phía Quân giải phóng, lực lượng lúc đó rất hùng hậu, có chừng 1 triệu quân. Thêm nữa, qua chiến dịch Hoài Hải đã thu được một lượng lớn vũ khí hạng nặng quân đoàn dã chiến 2 vốn trang bị rất kém mà lúc đó cũng đã có hơn 1500 khẩu pháo các loại. Ngoài ra, các tổ chức Đảng, đội du kích và quần chúng nhân dân hai bờ Trường Giang đã giúp đỡ nhiều mặt cho bộ đội vượt sông. Lực lượng chi viện này rất lớn, chỉ riêng lực lượng dân công đã điều động tới 3 triệu người. Về phía Quốc dân Đảng, các chuyên gia quân sự lại không trù tính được rất nhiều mặt thường bỏ qua lực lượng quần chúng đông đảo hàng triệu người này. Điều này chứng tỏ sự chuẩn bị rất đầy đủ, những tính toán rất chu đáo của Đảng uỷ tiền phương và sẽ nhất định thắng lợi.

Những tình hình đó khiến cho Đảng uỷ tiền phương tràn đầy lòng tin vào sự tất thắng. Ngày 17 tháng 12 năm 1948, Hội nghị toàn thể Đảng uỷ tiền phương thảo luận lần đầu tiên về chiến dịch này. Trung tuần tháng 3 năm 1949, sau khi từ Hội nghị Trung ương 2 khoá 7 quay trở lại tiền tuyến, Đặng Tiểu Bình và Trần Nghị còn chẳng hề vội vã gì, vẫn "tiện thể đi thăm Thái Sơn, rồi đến thăm đền thờ Khổng Tử ở Khúc Phụ".

Vượt sông tất thắng, nhưng không có nghĩa là có thể coi thường chiến thắng đó. Quân ta chỉ có thuyền gỗ, pháo nhỏ; quân địch có tàu chiến, đủ loại pháo lớn

quân ta không có máy bay còn địch có tới 285 máy bay các loại. Còn một vấn đề không thể coi nhẹ và trên thực tế là do Quân uỷ Trung ương và đích thân Mao Trạch Đông phụ trách, đó là các chiếm hạm của nước ngoài trên sông Trường Giang. Đó là những chiếm hạm của nước ngoài kể từ sau cuộc chiến tranh thuốc phiện năm 1840 đến nay vẫn luôn diễu võ giương oai, tung hoành ngang dọc trên sông biển nước ta như đi vào chỗ không người. Vừa là một sự uy hiếp quân ta về mặt quân sự, vừa là một sự phiền hà về ngoại giao. Sau này đã xảy ra sự kiện tàu "Thạch Anh tím": Bốn tàu chiến của quân Anh đã ngăn cản quân ta vượt sông, bắn chết và bị thương 252 người của quân ta, quân ta vô cùng căm phẫn đã giáng trả, một trong chiếc tàu chiến đó là tàu "Thạch Anh tím" đã bị đánh trọng thương và mắc cạn trên sông Trấn Giang. Theo hồi ức của những người biết việc kể lại, khi xảy ra sự việc, Mao Trạch Đông và một số đồng chí trong Trung ương rất căng thẳng, lo sự việc lan rộng ra sẽ ảnh hưởng và gây thêm khó khăn mới cho việc giành thắng lợi của ta.

Quân ta liên tục đại thắng, khí thế ngút trời, nhưng cũng xảy ra không ít vấn đề. Do "Những con vịt cạn" mà sinh ra một loạt vấn đề như: Bơi lôi, chèo thuyền, bắn trên thuyền, cứu hộ, lên bờ, tác chiến ngược dòng v.v... Từ tư tưởng chỉ đạo chiến thuật đến tác chiến, kỹ thuật vượt sông đều phải huấn luyện lại, nếu không thì bộ đội vượt sông sẽ rất dễ trở thành "Đại quân Tào Tháo" thứ hai. Ngoài ra, ngoài lực lượng bộ động đông hàng triệu người, còn có một lực lượng vài triệu dân công, các đội du kích lực lượng vũ trang địa phương...Việc lãnh đạo hợp đồng... Quả là một công việc cực kỳ to lớn và phức tạp. Thêm nữa, Nam Kinh là một cố đô của mấy triều đại có biết bao văn vật cần bảo vệ; Thượng Hải là thành phố lớn mang tính quốc tế, nếu đánh vào đó chẳng khác gì như "đuổi chuột trong đồ sứ" vậy. Về việc này, Mao Trạch Đông đã có một chỉ thị nổi tiếng: "Quân dã chiến không phải là hoang dã". Xem xét từ trong thực tiễn sau đó, không những không được "hoang dã" mà ngay "chiến" (đánh) cũng phải đặc biệt Lưu ý, không thể hoàn toàn chỉ xuất phát từ mặt quân sự, mà phải còn suy nghĩ tới một loạt vấn đề như bảo vệ nhân dân trong thành phố, bảo vệ các văn vật, bảo vệ thành phố, chú ý mặt ngoại giao v.v...

Do vậy, ngay cả khi thắng lợi đã trong tầm tay vẫn phải vạch kế hoạch thật tỉ

mỉ làm sao cho cái giá của chiến tranh phải được hạn chế ở mức thấp nhất. Về mặt này, trong "cương lĩnh" đã đề ra rất nhiều, ví dụ như:

Thứ nhất: "Phương pháp vượt sông trên diện rộng".

Đây hiển nhiên là một chiến thuật chỉ được áp dụng trong điều kiện kỹ thuật lúc đó, nhưng nó chẳng những là một phương pháp với thế không gì ngăn nổi mà cái giá phải trả cũng là ít nhất. Do đồng loạt ngay một lúc làm cho quân địch trên toàn tuyến bị hỗn loạn, nên trong quá trình quân giải phóng vượt sông cũng như trong đánh chiến một số thành phố lớn như Nam Kinh chẳng hạn, "tuyệt đại bộ phận quân ta không vấp phải sự chống đối của địch". Cả chiến dịch vượt sông quân ta chỉ thương vong 25.000 người, trong đó riêng khi vượt sông bị máy bay bắn phá đã làm thương vong 8000 người, còn 17.000 người bị thương vong khi tiến công Thượng Hải, về phía địch, trong cả chiến dịch bị tiêu diệt hơn 40 vạn người.

Thứ hai: "Tiến công cả hai mặt đông và tây, nhanh chóng hợp lại làm một", "Làm rối loạn hệ thống tác chiến của địch để đạt mục đích bao vây chia cắt địch".

Bộ đội vượt sông được chia ra thành ba tập đoàn: Túc Dụ, Trương Chấn chỉ huy tập đoàn phía đông gồm 8 quân đoàn; Đàm Chấn Lâm chỉ huy tập đoàn ở giữa gồm 7 quân đoàn; Lưu Bá Thừa chỉ huy tập đoàn phía tây với 9 quân đoàn. Mục tiêu trung tâm của các tập đoàn lần lượt là Trấn Giang, Vu Hồ, An Khánh. Từ An Khánh đến Trấn Giang theo đường thuỷ là 387km; phía đông đường thuỷ Vu Hồi cách Trấn Giang 183km, phía tây cách An Khánh 204km, khoảng cách đó là rất xa. Do đó, "Cương lĩnh" yêu cầu sau khi vượt sông trên diện rộng nhất thiết phải nhanh chóng hợp quân lại thành một, hình thành một quả đấm để đánh vào Nam Kinh, Thượng Hải, Hàng Châu. Về điểm này, "cương lĩnh" đặc biệt nhấn mạnh: "Đó là mấu chốt của toàn chiến dịch; để giải thích điểm mấu chốt đó, ông nói rằng, tôn chỉ quan trọng của quyết sách này là hình thành nên một quả đấm để đánh thẳng vào Ninh, Lư, Hàng, đồng thời còn phải chuẩn bị tốt để đối phó với khả năng Mỹ can thiệp vũ trang.

Thứ ba: "Nhiều phương án, nhiều đối sách", dựa vào tình hình thực tế, xử lý tuỳ thời cơ.

"Cương lĩnh" đặt ra bốn giả thiết tình hình địch thay đổi sau khi quân ta vượt sông thành công: thu gọn binh lực, rút về phía sau; Toàn tuyến rút về phía nam và cố thủ Ninh, Lư, Hàng. Đối với bốn loại tình hình cơ bản này, "cương lĩnh" đưa ra các cách bố trí cơ bản tương ứng, đồng thời chỉ rõ: "Nếu quân địch hoàn toàn bị hỗn loạn; thì dựa vào tình hình thực tế, xử lí tuỳ thời cơ". Về sau, cục diện thực tế xuất hiện, quân địch hỗn loạn lớn, chúng rút lui, cố thủ Thượng Hải. Do quân ta vừa tập hợp được binh lực một cách có trật tự, lại cơ động linh hoạt cho nên đã tấn công lớn vào Thượng Hải và không bỏ lỡ thời cơ truy đuổi quân địch. Đặng Tiểu Bình rất tán thành nói: kể từ ngày 23 tháng 4 chiến lược Nam Kinh đến đầu tháng 5, chỉ trong vòng chưa đầy nửa tháng, quân ta đã truy kích địch tới tận phía bắc Phúc Kiến, phía đông bắc Giang Tô trên một chặng dài 1500 dặm. Địch bị truy đuổi không thể chỉnh đốn đội ngũ được nên càng thua to hơn. Có được thành tích vang dội đó là dựa vào tinh thần anh dũng quên mình của cán bộ chiến sĩ, tinh thần đó trước kia thể hiện trên chiến trường, thì nay được thể hiện trên đôi chân của họ. Mục tiêu của chiến dịch vượt sông được đặt ra là "Chiếm lĩnh nam Giang Tô, nam An Huy và toàn tỉnh Triết Giang, giành lại Kinh, Lư, Hàng". Nhưng thực tế đã mở rộng tới tận bắc Phúc Kiến, toàn tỉnh Giang Tây, Ngạc Đông, Ngạc Nam, còn chiếm thêm hai thành phố thủ phủ của Vũ Hán, Nam Xương.. Tinh thần phấn đấu quên mình, độc lập tự chủ, không bỏ lỡ thời cơ và ý thức của cán bộ chiến sĩ ở tiền tuyến và nghệ thuật giao quyền tự chủ cho các đơn vị của Đảng uỷ tiền phương thật đáng khâm phục, tự hào.

Với nhiều đặc điểm như trên, chiến dịch vượt sông đã trở thành một trong những điển hình của "chiến dịch đạt nhiều thắng lợi". Khả năng thiết kế của Đặng Tiểu Bình đã được thể hiện đầy đủ.

Sau tháng 11 năm 1949, Đặng Tiểu Bình được bầu làm Bí thư thứ nhất Cục Tây nam của trung ương Đảng, Phó chủ tịch uỷ ban Quân chính Tây nam, Chính uỷ Quân khu Tây nam cùng với Lưu Bá Thừa làm Bí thư thứ hai, Chủ tịch uỷ ban Quân chính, Tư lệnh Quân khu. Ngoài ra còn một đồng chí già nửa là Hạ Long làm Bí thư thứ ba, Phó chủ tịch uỷ ban Quân chính Tây nam, cả ba cùng gánh vác một trọng trách giải phóng Tây nam, mở ra cục diện mới ở đó.

Sau khi Nam Kinh và vùng lưu vực sông Trường Giang thất thủ, trọng tâm

chiến lược của Quốc dân Đảng chuyển về Tây nam, đặt trung tâm chính trị tại Trùng Khánh, ôm giấc mộng muốn khôi phục lại như xưa. Lúc đó, tháng 10 năm 1949, trong vùng Tây nam bao gồm bốn tỉnh Xuyên (Tứ Xuyên), Kiền (Quý Châu), Điền (Vân Nam) và Quế (Quảng Tây) còn khoảng 80 vạn quân thuộc hai tập đoàn quân Hồ Tông Nam và Bạch Sùng Hỷ cùng lực lượng vũ trang địa phương, thổ phỉ. Tưởng định dựa vào đội quân ô hợp này và lợi dụng địa bàn hiểm trở của các tỉnh trên, lấy Tứ Xuyên làm trung tâm khu Tây nam để tổ chức phản công. Về sau Đặng Tiểu Bình nói: "Tiến quân vào Tây nam đánh giặc thật dễ dàng... trận đánh thực sự là trận tiễu phỉ, trận đánh này rất tuyệt vời".

Cuộc chiến ở Tây nam kết thúc ngày 7 tháng 4 năm 1950 tại chiến dịch Tây Xương. Nhưng một vấn đề khó khăn rất lớn là làm thế nào để lãnh đạo một vùng đất có nền kinh tế văn hoá lạc hậu, quan hệ dân tộc phức tạp, bị chia cắt lâu dài, thế lực phong kiến lại bắt rễ rất sâu.

Trong vô vàn rối ren đó, Cục Tây nam đã dùng mấy con số khái quát về công tác sau một năm nắm chính quyền ở đó vào năm 1950 là: "90 vạn", "90 vạn", "6000 vạn" và "60 vạn". Năm 1989, khi nhớ lại, Đặng Tiểu Bình giải thích như sau:

"Con số 90 vạn đầu tiên là con số binh lính sĩ quan của Quốc dân Đảng đứng lên khởi nghĩa, đầu hàng, bị bắt làm tù binh, sắp xếp và xử lý cũng như giáo dục họ ra sao là cả một vấn đề rất khó nhưng phải giải quyết. Con số 90 vạn tiếp theo là quân số thổ phỉ, cần phải tiêu diệt. Việc này hoàn thành rất thuận lợi. Tiễu phỉ là việc khó, nhưng do uy lực quân ta rất mạnh khiến chúng rất sợ hãi, nên đánh chúng không tốn nhiều sức lắm. Con số 6000 vạn là số quần chúng cơ bản, chiếm 90% tổng số nhân khẩu toàn vùng, cần phải phát động họ đứng lên làm cải cách; còn con số 60 vạn cuối cùng đó là số bộ đội ta cần phải nâng cao chất lượng lên, chuẩn bị đảm nhận những công tác rất bận rộn trong thời gian tới. Cả bốn nhiệm vụ đó đều hoàn thành rất tốt". Đặng Tiểu Bình là người ưa nói ngắn gọn, ông chỉ nói về việc tiến quân vào Tây nam vẻn vẹn có 44 chữ, nói về những việc sau khi vào Tây nam chỉ có 260 chữ, trong đó khoảng 30 chữ nói về việc binh đoàn 18 trở lại quân đoàn dã chiến 2, còn lại là nói về bốn nhiệm vụ, nhưng có sức nặng rất to lớn.

Theo hồi ký của Hà Chính, lúc đó làm sư trưởng sư 32 binh đoàn 3, ngày l7 tháng 1 năm 1957, Đặng Tiểu Bình đã nói rõ bốn nhiệm vụ đó trong hội nghị cán bộ cấp binh đoàn trở lên.

Trước khi nói chuyện, Đặng Tiểu Bình rất xúc động, từng câu nói ra ông đều đi thẳng vào vấn đề, "Trước tiên tôi xin hỏi, việc đánh Tây nam đã hoàn thành chưa?" Cả hội trường im lặng, câu hỏi của công đã đánh thẳng vào tinh thần trách nhiệm của mọi người.

Chữ "đánh" mà cùng dùng ở đây chính là bốn nhiệm vụ đã nói trên tức là dãy chữ số với bốn con số mà ông đưa ra. Ông chỉ ra rằng, những nhiệm vụ này "khó khăn và phức tạp hơn nhiều so với cuộc chiến quân sự" và "càng gay gắt hơn" "vẫn phải hi sinh đổ máu" và "không chỉ vài đợt xung phong là giải quyết được vấn đề." "Muốn thắng lợi, chúng ta không chỉ dũng cảm kiên cường mà quan trọng hơn là phải dẫn đắt tư tưởng của mọi người nhìn về phía trước, có như vậy mới có trí tuệ, sách lược và phương pháp".

Do vậy, bốn nhiệm vụ này tuy chỉ là nhiệm vụ một năm nhưng mà mấu chốt để làm thay đổi một khu vực nghèo nàn lạc hậu, cát cứ hỗn loạn.

Về căn bản, đó là "Nhìn về phía trước".

Lúc đó, điểm nổi bật nhất của việc này biểu hiện ở chỗ là phải cải tạo 90 vạn nhân viên giới công thương, giáo dục, văn hoá, chính quyền cũ và số binh lính sĩ quan Quốc dân Đảng. Bởi vì, đối với số người này, không chỉ phải giáo dục tốt mà còn phải "giữ họ lại" cho họ ăn uống và còn sử dụng lại họ nữa. Đặng Tiểu Bình đã từng đề ra: "ít nhất phải giành 1/3 đến một nửa các chức vụ trưởng, phó, các Sở, Ty và chính quyền tỉnh cho những nhân sĩ không Đảng phái; cả các chuyên khu và các huyện cũng phải như vậy. Những người "không Đảng phái" ở đây bao gồm đại biểu dân tộc ít người, giới giáo dục, công thương, hệ thống địa phương... trong đó không ít người nằm trong số 90 vạn mà Đặng Tiểu Bình đã nói ở trên: Trong số đó có người như Lưu Văn Huy đã giữ đến chức Phó chủ tịch uỷ ban Quân chính Tây nam, tương đương với chức vụ của Đặng Tiểu Bình và Hạ Long trong tổ chức đó. Việc thực thi chính sách này gặp trở ngại rất lớn, Đặng Tiểu Bình đã phải nhắc đi nhắc lại rằng, cần phải thường xuyên giáo dục cán bộ trong Đảng. Về cơ bản là giáo dục "Nhìn về phía trước". Phải giáo dục

cán bộ trong Đảng từ nhiều mặt có tính ảnh hưởng chính trị như ổn định, xây dựng và tầm nhìn sâu rộng. Đối với số "90 vạn" tất nhiên phải làm nhiều việc hơn, giáo dục nhiều hơn. Về mặt này, về sau Đảng Cộng sản đã làm nên một kỳ tích nổi tiếng chưa hề có bao giờ.

Phát động con số "6000 vạn" là việc "Nhìn về phía trước mang tính căn bản. Căn cứ vào tình hình thực tế bấy giờ, từ tháng 7 năm 1950 đến tháng 4 năm 1951, Đặng Tiểu Bình đã tiến hành một "Chiến dịch Hoài Hải" rất lớn ở Tây nam - "Phong trào diệt phỉ, chống bá quyền, giảm tô, xoá nợ" phạm vi rộng tới 215 huyện (ngoại thị), số người tham gia hơn 6,66 triệu người, chiếm tới 83% tổng số dân toàn Tây nam. Thông qua phong trào này, Đặng Tiểu Bình nói: "Nói chung, nông dân đã thực sự nổi dậy, bộ mặt nông thông được đổi mới, các nhân sĩ dân chủ ở nông thôn đều nhất trí cho rằng đó là một kì tích lịch sử và cùng đồng thành nói rằng thành thị đã lạc hậu hơn rồi." Trên cơ sở đó, sau tháng 2: năm 1951, khu Tây nam dần dần bước vào cải cách ruộng đất, căn bản đã xoá bỏ quan hệ sản xuất phong kiến, củng cố được chính quyền Trung Quốc mới.

"Bốn nhiệm vụ" còn thể hiện một loạt tư tưởng như lấy dân làm gốc, đoàn kết quảng đại quần chúng nhân dân, nhưng điểm nổi bật nhất vẫn là "dẫn dắt tư tưởng mọi người hướng về phía trước". Do đó, khi Đặng Tiểu Bình đề xuất trong Hội nghị Trung ương 3 khoá

11 "giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, hướng về phía trước" thì những cán bộ già cấp dưới của ông cảm thấy rất vui mừng và thân thiết, cùng nhớ tới những sự việc “nhìn lên phía trước" trước kia của ông.

Vấn đề Tây Tạng vốn do Bành Đức Hoài người đứng đầu Cục Tây Bắc phụ trách. Sau khi nghiên cứu, Bành Đức Hoài nói: tiến vào Tây Tạng theo đường phía Bắc rất khó khăn, khó khắc phục được trong thời gian ngắn. Do đó, nhiệm vụ "Gian khổ mà vinh quang nhất" này đã được chuyển giao cho Cục Tây nam gánh vác vào tháng 1 năm 1950.

Sau khi đã xác định rõ nhiệm vụ, Lưu và Đặng đã bố trí Trương Quốc Hoa sư trưởng sư 18 đảm nhiệm. Lúc đó Trương Quốc Hoa mới 38 tuổi nhưng đã là một "Hồng quân già" tham gia cách mạng từ năm 1929. Thời kỳ chiến tranh giải phóng trước khi là Tư lệnh Quân khu Dự - Hoàn - Tô và Quân đoàn trưởng

Quân đoàn 18 đã có một thời kỳ dài làm cán sư đoàn trong bộ đội và địa phương và các chức vụ khác như chỉ đạo viên, chủ nhiệm chính trị, chính uỷ, Bí thư Địa khu..., là người có tài cả về quân sự và chính trị.

Ngày 15 tháng 1 năm 1959, Lưu và Đặng triệu tập Trương Quốc Hoa và các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Sư 18 lên gặp.

Lưu Bá Thừa nói một cách rất nghiêm túc nhưng hóm hỉnh rằng: "Các đồng chí đều rất trẻ, là những người tiến quân vào Tây Tạng. Tây Tạng là mảnh đất rất đặc biệt, rất mẫn cảm, trong lịch sử đã từng có nhiều vị đế vương nhiều lần dùng binh ở đó, nhưng người thì bị lật thuyền, người thì bị hao binh tổn tướng, người thì chưa đánh đã tự rút lui. Chúng ta là quân đội của nhân dân, cần phải thể hiện mình là một đội quân cách mạng, đội quân nhân nghĩa ở khắp mọi nơi".

Đặng Tiểu Bình đã phân tích tình hình về lịch sử và hiện thực, chính trị và quân sự, tôn giáo và thần quyền... ở Tây Tạng và đề ra quan điểm: "Chủ yếu dựa vào chính trị, đoàn kết hai phái Đại Lai và Ban Thiền, phải dựa vào chính sách mà tiến bước và kiếm cơm ăn". Lực lượng phải tinh không cần nhiều, tăng cường cung cấp, lựa chọn cán bộ..." Những quan điểm này về sau đã trở thành những nguyên tắc quan trọng: "Chính trị nặng hơn quân sự, bổ sung nặng hơn chiến đấu". Để giúp cho cán bộ chiến sĩ sư 18 nâng cao nhận thức, ngày 6 tháng 2 năm 1950, Đặng Tiểu Bình đã viết lời đề tặng sư 18: "Tiếp thu và hoàn thành nhiệm vụ gian khổ nhất mà Đảng giao cho là một vinh dự lớn lao của mỗi đảng viên cộng sản và mỗi quân nhân cách mạng".

Tháng 5, căn cứ vào chỉ thị giải quyết hoà bình vấn đề Tây Tạng của trung ương Đảng và những nghiên cứu chuyên luôn của mình, Đặng Tiểu Bình đã chủ trì xây dựng phương châm bốn điều giải quyết hoà bình vấn đề Tây Tạng, đại ý là: thứ nhất, đánh đuổi thế lực nước ngoài; thứ hai, trở về đại gia đình Tổ quốc; thứ ba, vấn đề cải cách cần phải dựa vào ý chí của nhân dân Tây Tạng để hiệp thương giải quyết; thứ tư, thực thi tự do tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng và phong tục tập quán của nhân dân Tây Tạng. Tiếp đó, căn cứ theo yêu cầu của trung ương khởi thảo 10 chính sách để làm cơ sở cho đàm phán hoà bình. Toàn văn như sau:

1- Nhân dân Tây Tạng đoàn kết lại, đánh đuổi thế lực của đế quốc Anh - Mỹ

ra khỏi Tây Tạng, nhân dân Tây Tạng trở về đại gia đình tổ quốc Trung Hoa.

2- Thực thi tự trị khu vực dân tộc Tây Tạng.

3- Các chính sách hiện hành ở Tây Tạng được duy trì theo nguyên trạng không thay đổi. Địa vị và chức quyền của Phật sống Đại Lai không thay đổi. Quan chức các cấp ở nguyên chức vụ cũ.

4- Thi hành tự do tín ngưỡng, bảo vệ các đền chùa, tôn trọng tín ngưỡng tôn giáo và phong tục tập quán của nhân dân Tây Tạng.

5- Duy trì chế độ quân sự hiện hành ở Tây Tạng không thay đổi, quân đội hiện có của Tây Tạng trở thành một bộ phận của lực lượng vũ trang nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

6- Phát triển ngôn ngữ, chữ viết và trường học của dân tộc Tây Tạng.

7- Phát triển các ngành nông nghiệp, chăn nuôi, công thương nghiệp của Tây Tạng, cải thiện đời sống nhân dân.

8- Các công việc cải cách liên quan đến Tây Tạng hoàn toàn dựa vào ý chí của nhân dân Tây Tạng. Do nhân dân và người lãnh đạo áp dụng phương thức hiệp thương để giải quyết.

9- Đối với những quan chức thân đế quốc Anh, Mỹ và Quốc dân Đảng trước đây chỉ cần họ rời bỏ sự liên hệ với chúng, không phá hoại và chống đối thì đều được tiếp tục chức vụ cũ, không truy cứu chuyện cũ.

10- Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tiến vào Tây Tạng củng cố quốc phòng, Quân giải phóng tuân thủ các chính sách trên. Kinh phí của quân giải phóng hoàn toàn do chính phủ Trung ương cung cấp. Quân giải phóng mua bán sòng phẳng.

Mười điều do Đặng Tiểu Bình chủ trì thảo ra được Trung ương Đảng và Mao Trạch Đông khẳng định một cách đầy đủ và tán thành cao độ, tạo thành cơ sở để sau này giải quyết hoà bình vấn đề Tây Tạng và là một kinh nghiệm để giải quyết hoà bình vấn đề Hồng Kông, Áo Môn và Đài Loan sau này, là khởi nguồn của tư tưởng vĩ đại "một nước hai chế độ", là một văn kiện có tính lịch sử vĩ đại.

Trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, đương nhiên nó cũng dẫn tới một số ý kiến bất đồng, cho rằng như vậy là "quá rộng". Đặng Tiểu Bình nói: "Quả thực là

có rộng thật, nhưng không phải là lừa dối họ, do vậy ảnh hưởng của chính sách này rất lớn, sức mạnh của nó không gì địch nổi."

Sau khi phương châm chính sách được xác lập, "Phật sống" Cách Đạt chủ động nêu ra muốn đi La Sa để khuyên giảng hoà. Căn cứ vào tình hình lúc đó, Đặng Tiểu Bình đã mấy lần gửi điện khẩn yêu cầu ông ta hãy chậm lại và mời cả Chu Đức, người đã kết bạn với ông ta trong cuộc trường chinh của Hồng quân trước đây, nay là tổng tư lệnh khuyên can giúp. Chu Đức lập tức gửi điện khuyên ngăn. Nhưng "Phật sống" rất cương quyết Đặng Tiểu Bình không ngăn được đành tự tay viết một bức thư nhờ chuyển cho Đại Lai biểu thị thành ý và quyết sách của trung ương Đảng Cộng sản, chính phủ đối với vấn đề giải phóng hoà bình Tây Tạng và thống nhất đất nước. Không may, ngày 22 tháng 8 năm 1950, Phật sống Cách Đạt - Uỷ viên Uỷ ban Quân chính Tây nam, Phó chủ tịch chính quyền nhân dân tỉnh Tây Khang đã gặp nạn ở Xương Đô - trụ sở của chính phủ địa phương Tây Tạng, chính phủ địa phương Tây Tạng đứng đầu là Đạt Trát đã đóng chặt cánh cửa đàm phán hoà bình lại. Trước tình hình đó, được sự đồng ý của Quân uỷ Trung ương, Uỷ ban quân chính Tây nam quyết định lấy đánh để thúc đẩy hoà bình, từ ngày 6 đến ngày 24 tháng 10 năm 1954 phát động chiến dịch Xương Đô, tiêu diệt hơn 5700 quân Tạng, trong đó có một đơn vị gọi là Đại Bản (tương đương Tiểu đoàn, khoảng 500 người) đã khởi nghĩa, hơn 3700 người đầu hàng.

Sau chiến dịch Xương Đô, Đảng Cộng sản, Chính phủ và Quân giải phóng không ỷ thế người chiến thắng mà vẫn tiếp tục thúc đẩy phương châm giải quyết hoà bình Tây Tạng, thông qua nhiều đường, nhiều phương thức để tuyên truyền. Cuối cùng, vào tháng 2 năm 1951, nhà đương cục Tây Tạng đã cử một đoàn đàm phán đứng đầu là A Phi, A Vượng, Tấn Mỹ đi đàm phán. Ngày 23 tháng 5 cùng năm, chính phủ nhân dân Trung ương và chính phủ địa phương Tây Tạng ký kết Hiệp định giải phóng hoà bình Tây Tạng. Tháng 8, hơn 3 vạn bộ đội xuất phát tiến vào giải phóng Tây Tạng. Trước lúc lên đường, Đặng Tiểu Bình đã nhắc lại một lần nữa kỷ luật nghiêm minh khi vào Tây Tạng. Để cho cán bộ chiến sĩ hiểu rõ hơn tình hình đặc biệt của Tây Tạng nhằm chấp hành chính sách của Đảng nghiêm hơn, Đặng Tiểu Bình căn dặn cẩn thận, phải hết sức thận trọng đối với

việc chủ nô đè nén nông nô, không được nóng nảy, vi phạm chính sách của Đảng. Lai Lạt Ma khi tiếp kiến đoàn đại biểu bên ta, nếu ông ta đưa ra ý kiến phải xoa đầu thì hãy để ông ta xoa đầu, có thể không quá câu nệ vào kỷ luật quân đội v.v...

Tháng 7 năm 1977, Hội nghị Trung ương 3 khoá 10 đã thông qua nghị quyết phục hồi các chức vụ ủy viên Trung ương Đảng, Uỷ viên Bộ chính trị, Uỷ viên thường vụ Bộ chính trị, Phó chủ tịch Đảng, Phó thủ tướng Quốc vụ viện, Tổng tham trưởng quân giải phóng nhân dân Trung Quốc cho Đặng Tiểu Bình.

Lúc đó ông đã 73 tuổi, nếu là người thường thì đã về hưu từ hơn chục năm rồi, và đây cũng là lần phục hồi thứ ba của ông nên theo lẽ thường thì ông cần phải thận trọng hơn, làm các việc nhẹ nhàng và ít quan trọng hơn để an nhàn cho những năm cuối đời. Sau khi phục hồi được ít lâu, ông được bố trí làm chủ Hội nghị Hiệp thương chính trị toàn quốc khóa V, nói chung, đó cũng là một chức vụ lãnh đạo thuộc tuyến hai hoặc tuyến ba. Bản thân ông cũng đã từng nói trong Hội nghị công tác Trung ương rằng: "Nói một cách thẳng thắn, tôi đã suy nghĩ về việc này, khi ra nhận nhiệm vụ chúng ta có thể có hai thái độ, một là để làm quan, hai là để làm một chút gì đó. Tôi nghĩ, ai bảo anh và một đảng viên cộng sản? Đã vậy rồi thì không thể làm quan, không thể có những ý nghĩa riêng tư nào khác, không thể có chọn lựa nào khác được".

Vậy phải làm chút gì đây? Đặng Tiểu Bình tự đề ra phải nắm khoa học và giáo dục.

Cuộc đời ông đã làm nhiều công việc khác nhau. Trước năm 1977, những chức vụ chủ yếu đã qua của ông gồm Chánh văn phòng Trung ương Đảng, Chính uỷ Quân đoàn 7 và 8, Chính uỷ sư 129 và sau đó là chính uỷ Quân đoàn đã chiến Trung Nguyên và quân đoàn dã chiến số 2 và Chính uỷ Quân khu, Đại Quân khu tương ứng; Bí thư Đảng uỷ tiền phương chiến dịch vượt sông và chiến dịch Hoài Hải; Bí thư thứ nhất Cục Trung Nguyên của trung ương, Bí thư thứ nhất Cục Tây nam, Phó thủ tướng Chính vụ viện kiêm Phó chủ nhiệm uỷ ban kết quả tài chính Nhà nước rồi Bộ trưởng Tài chính Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, Uỷ viên thường vụ Hội nghị chính trị hiệp thương toàn quốc, Phó Chủ tịch Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Quân uỷ Trung ương kiêm Tổng

tham mưu trưởng, Phó thủ tướng thứ nhất Quốc vụ viện, tóm lại là ông đã làm lãnh đạo thuộc các ngành quân, chính, Đảng, tài chính, mặt trận thống nhất vv...Đối với khoa học và giáo dục, năm 1961, ông đã từng chủ trì hiệu đính cuốn "Sáu mươi điều về giáo dục cao cấp; năm 1975, ông lãnh đạo và ủng hộ Hồ Diệu Bang chủ trì công tác của Viện Khoa học Trung Quốc và đã đưa ra được một văn kiện quan trọng thanh toán những sai lầm của "Đại cách mạng văn hoá" trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật đó là "Về một vài vấn đề của khoa học kỹ thuật (Đề cương báo cáo)" v.v... Đối với ông mà nói, giao cho quản lý khoa học kỹ thuật là một công việc mới. Với một người đã 73 tuổi mà nói tự mình đứng ra lãnh đạo một công việc mà chưa hề có chuyên môn lãnh đạo quả là một việc khó.

Trong phân công lãnh đạo Đảng hiện nay ở Trung Quốc, quản lý công tác khoa giáo là một chức trách đứng hàng số 3, lúc ấy có lẽ chẳng ai nghĩ được rằng chính ông lại bắt đầu từ đó để thảo ra đồ án về việc cải cách mở cửa của Trung Quốc, đồng thơi cũng là công cuộc hiện đại hoạ của Trung Quốc.

Trước khi chính thức phục hồi chức vụ, ông đã đưa ra một số ý tưởng cơ bản đối với công tác khoa học kỹ thuật và giáo dục, trong đó có một phần mang tựa đề "Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài" đã được đăng trên "Đặng Tiểu Bình văn tuyển" vào ngày 24 tháng 5 năm 1977.

Trong bài nói này, Đặng Tiểu Bình chỉ ra rằng, mấu chốt của hiện đại hoá là khoa học kỹ thuật và giáo dục thì phải tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài. Trước đây trong Đảng đã hình thành quan niệm hiện đại hoá, nay bổ sung thêm ba nhân tố quan trọng là giáo dục, tri thức và nhân tài, làm cho ý nghĩa của nó đã vượt qua bản thận khoa học kỹ thuật và giáo dục.

Điều đặc biệt đáng chú ý là khi Đặng Tiểu Bình nói tới "Minh Trị Duy Tân" trong lịch sử cận đại của Nhật Bản, ông nói: "Nhật bản ngay từ thời Minh Trị Duy Tân đã bắt đầu chú ý tới khoa học kỹ thuật và giáo dục, đã giành cho nó rất nhiều sức lực. Minh Trị Duy Tân chính là hiện đại hoá do giai cấp tư sản mới tiến hành. Chúng ta là giai cấp vô sản, cần phải làm tốt hơn họ". Minh Trị Duy Tân thuộc hậu kỳ thế kỷ 19 là một phong trào cải cách với những đặc trưng rất rõ ràng như "Tìm tòi tri thức trong thế giới" và "Mở cửa mọi nhà". Cuối cùng nó đã trở thành một nước hiện đại hoá đầu tiên ở phương Đông và cũng là của các

dân tộc không phải phương Tây. Thành công của nó không phải chỉ ở việc coi trọng khoa học kỹ thuật và giáo dục, mà là kết quả của cải cách toàn diện, hiện đại hoá toàn diện, trong giới sử học, nó được gọi là cải cách và cũng được coi là cách mạng. Ở đây, tuy Đặng Tiểu Bình xuất phát từ góc độ khoa học kỹ thuật và giáo dục để nói về Minh Trị Duy Tân chứ không phải từ góc độ cải cách mở cửa, nhưng ông đã định tính cho nó là "Hiện đại hoá do giai cấp tư sản mới tiến hành", điều đó đã vượt qua phạm vi của khoa học kỹ thuật giáo dục rồi. Điều đó nói lên rằng, trước lần phục hồi lại chức vụ cũ đó, ông đã bắt đầu suy nghĩ và mong muốn sẽ làm một cuộc cải cách vĩ đại hơn, tốt hơn cả Minh Trị Duy Tân của Nhật Bản để thực sự thực hiện hiện đại hoá tại Trung Quốc.

Chúng ta không thể hoàn toàn từ việc trên mà phán đoán lúc đó ông đã hình thành nên ý tưởng tiến hành cải cách mở cửa ở Trung Quốc. Ý tưởng đó đã được sản sinh ra trước Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, và tiến hành bước thực tiễn khởi đầu. Trong đó, ảnh hưởng lớn nhất chính là cuộc cải cách chế độ chiêu sinh vào trường cao đẳng đại học trong năm học 1977, mà cho tới nay mọi người vẫn không bao giờ quên.

Cuộc cải cách thi vào cao đẳng đại học năm 1977 mà người ta quen gọi là:

"Phục hồi thi cao đẳng đại học" nhưng thực chất rõ ràng là một cuộc cải cách, một cuộc cải cách mang ý nghĩa rất sâu xa chẳng kém gì cuộc cải cách khoán sản ở nông thôn vậy.

Trước tiên, cuộc cải cách này mang một ý nghĩa rất to lớn, phá tan sự trói buộc của "Hai phàm là" trong một lĩnh vực mà cả trăm triệu người quan tâm nhất lúc đó.

Mọi người đều biết, "Đại cách mạng văn hoá" được bắt đầu từ mặt trận giáo dục, trong đó chỉ một nét bút cũng được gọi là "Giáo dục cách mạng". Do vậy mà đã tạo nên một lớp người đi học mà không đọc sách, chẳng học hành gì và học chẳng ra học gì cả. Tuy rõ ràng là không hợp lẽ thường, nhưng muốn xoay chuyển nó lại không hề dễ dàng. Trước ngày công bố quyết định cải cách thi tuyển vào Cao đẳng Đại học, Đặng Tiểu Bình đã nói chuyện với người có trách nhiệm trong Bộ Giáo dục: Trong Hội nghị giáo dục toàn quốc năm 1971, đồng chí Chu Ân Lai rơi vào hoàn cảnh rất khó khăn.

Năm 1972, ông nói chuyện với một nhà Vật lý học người Mỹ, cho rằng cần chiêu sinh vào đại học trong số những học sinh vừa tốt nghiệp cao trung. Trong tình hình lúc đó, đưa ra vấn đề này đã thật dũng cảm rồi. Điều này, Bộ Giáo dục cần phải có một bước chuyển, nhưng họ lại không chuyển. "Bộ Giáo dục cần tranh thủ chủ động, nhưng các đồng chí lại chưa giành được chủ động; điều đó nói lên rằng: các đồng chí quá nhát gan, sợ phạm "sai lầm" như tôi. Vì sao vào Đại học phải thi cũng là phạm sai lầm? Chính là vì có "Hai phàm là".

Thêm nữa, lần thi này không phải chỉ là chuyện khôi phục lại một cách đơn giản mà là một bước đột phá có ý nghĩa xã hội rất quan trọng.

Mọi người đều biết, trước "Đại cách mạng văn hoá", tuy vào đại học cũng phải thi, nhưng việc thẩm tra chính trị rất nghiêm ngặt. Nguồn đào tạo cao này trước cải cách mở cửa rất ít. Năm học 1977, trong cuộc thi học sinh Trung học khoá 12 có tới hơn 5,7 triệu người (gồm cả các ông bố, bà mẹ, các cháu học sinh) tham gia, cuối cùng chỉ chọn được hơn 27 vạn người vào Đại học, Cao đẳng, không bằng 1/10 so với ngày nay. Nguồn vốn quí như vậy, dưới sự chỉ đạo của quan niệm đấu tranh giai cấp, việc thẩm tra chính trị lại rất nghiêm ngặt, không những chỉ thẩm tra đến ba đời mà còn thẩm tra các mối quan hệ rộng rãi trong xã hội. Vì vậy rất nhiều người do có vấn đề về xuất thân, gia đình, thân thuộc, quan hệ xã hội mà bị loại bỏ, hoặc không đủ tư cách để thi, hoặc tuy thành tích cao, bản thân rất tốt cũng vẫn bị gạt ra khỏi các trường Đại học. Sự chọn lựa và đào tạo cực kỳ không công bằng đó ảnh hưởng rất lớn đến các nhân tài sau này và đè nặng hàng trăm triệu người dân, đó là điều mà Đặng Tiểu Bình muốn đích thân thay đổi. Ngày 17 tháng 9 năm 1977, ông nói với người phụ trách Bộ Giáo dục: "Văn kiện về chiêu sinh do các đồng chí thảo ra thật khó hiểu, quá dài đòng: Vì điều kiện chiêu sinh, tôi sửa là, thẩm tra chủ yếu là biểu thiện chính trị bản thân. Lịch sử chính trị rõ ràng, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, chấp hành kỷ luật, quyết tâm học vì cách mạng, chỉ cần những điều kiện đó là được. Tóm lại chiêu sinh phải nắm hai vấn đề: thứ nhất, bản thân biểu hiện tốt; thứ hai, chọn người có kết quả thi tốt". Việc thay đổi này của Đặng Tiểu Bình đã làm thay đổi vận mệnh của hàng triệu thanh thiếu niên, đồng thời đã mở đường cho việc giải quyết các trường hợp bị oan, sai, xử lý các mối quan hệ xã hội sau năm

Tri thức không có biên giới, khoa học kỹ thuật giáo dục chẳng những là mấu chốt và cơ sở của hiện đại hoá mà thực sự còn mang tính mở cửa nhất, một lĩnh vực phải được đo bằng tiêu chuẩn quốc tế. Trước khi được phục hồi chức vụ, Đặng Tiểu Bình đã gay gắt chỉ ra rằng: "Khoa học kỹ thuật lạc hậu như vậy làm sao có thể được? Phải thừa nhận lạc hậu, vì chỉ có vậy mới có hy vọng được". Sau khi được phân công quản lý khoa học kỹ thuật và giáo dục, ông đã chỉ rõ hơn rằng: "Nhận thức được cái lạc hậu mới có thể thay đổi sự lạc hậu đó. Học cái tiên tiến mới có thê đuổi kịp và vượt cái tiên tiến đó... Độc lập tự chủ không phải là đóng cửa lại, tự lực cánh sinh không phải là bài ngoại một cách mù quáng. Khoa học kỹ thuật là của cải do loài người sáng tạo ra. Bất kì dân tộc nào, quốc gia nào đều phải học cái hay của dân tộc khác, quốc gia khác, học tập nền khoa học kỹ thuật tiên tiến của họ". Đồng thời, trước Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, Đặng Tiểu Bình liên tục đề ra: "Phải tích cực phát triển mối quan hệ qua lại về kinh tế, văn hoá với các nước", "Tiếp thu kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý kinh doanh của quốc tế, thu hút đầu tư của họ, thu hút vốn đầu tư, cùng hợp tác đầu tư với họ . "Sau khi đưa các thiết bị kỹ thuật tiên tiến vào cần phải theo phương pháp quản lý tiên tiến của quốc tế, phương pháp kinh doanh tiên tiến, các định mức tiên tiến để quản lý" v.v... Ngày 10 tháng 10 năm 1978, trong một bài phát biểu công khai, cụm từ "Chính sách mở cửa" lần đầu tiên xuất hiện trong "Đặng Tiểu Bình văn tuyển". Sau này, Đặng Tiểu Bình nói "Chính sách mở cửa của Trung Quốc, đó là do tôi đưa ra.

Do đó, cải cách mở cửa của Trung Quốc tuy được chính thức hoá từ Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 vào tháng 12 năm 1978 nhưng bức màn đó đã sớm được kéo ra, đó là những thay đổi mang tính căn bản được sinh ra từ khi Đặng Tiểu Bình dũng cảm nhận quản lý lĩnh vực khoa học kỹ thuật và giáo dục.

Sau khi đập tan "lũ bốn tên", trước khi Đặng Tiểu Bình phục hồi, Trung ương đã bắt đầu chú trọng tới kinh tế, tới bốn hiện đại hoá, khẳng định lại những biện pháp chỉnh đốn mà Đặng Tiểu Bình đã áp dụng trong năm 1975, nhấn mạnh xí nghiệp phải lấy sản xuất làm chủ yếu, cần tiến hành chỉnh đốn và quyết tâm đưa kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài vào một cách có kế hoạch và trọng điểm. Nhưng phương châm cơ bản chỉ đạo xây dựng kinh tế chưa có chuyển biến, Hoa

Quốc Phong đề ra "triển khai sâu phong trào quần chúng nông nghiệp học Đại Trại, công nghiệp học Đại Khánh, tích cực làm kinh tế quốc dân", đưa ra một loạt các chỉ thị cao về kinh tế như "Nhảy vọt mới", trong năm 1980, cơ bản thực hiện cơ giới hoá nông nghiệp trong toàn quốc, "mười Đại Khánh" trong công nghiệp v.v...và vì thế đã tổ chức một hội nghị nông nghiệp học Đại Trại với 5000 đại biểu vào tháng 12 năm 1976, hội nghị công nghiệp học Đại Khánh với 7000 đại biểu. Vào tháng 4 và 5 năm 1977, ý định dùng phong trào quần chúng rầm rộ để thực hiện "Đại nhảy vọt" trong xây dựng kinh tế, để "một năm sẽ có kết quả, ba năm sẽ cho kết quả lớn".

Việc triển khai sâu rộng phong trào quần chúng này liệu có thể làm kinh tế quốc dân lên không? Nếu coi đó là một vấn đề kinh tế, vấn đề lý luận để thảo luận sẽ rất khó có được kết luận. Dù cho anh hùng có gặp anh hùng thì cũng chẳng có gì là lớn cả mà vấn đề là ở chỗ lúc đó, đây lại là vấn đề chính trị, một vấn đề mang tính nguyên tắc, bởi đó là một phong trào quan trọng do Mao Trạch Đông nỗ lực đề xướng ra và cũng có những thành công nhất định. Còn có rất nhiều những vấn đề như vậy, cả về mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, giáo dục... Mà có phần còn nổi bật hơn. Một việc nào đó dù đúng hay sai, phàm là Mao Trạch Đông đã nói tới thì nói thế nào sẽ xử lý theo thế đấy, kể cả người tốt bị coi là người xấu cũng cứ xử lý. Mà những việc Mao Trạch Đông nói tới đương nhiên phải là những việc lớn, việc lớn "Đại cách mạng văn hoá" có liên quan đến vận mệnh của Đảng và Nhà nước hoặc việc truy điệu Chu Ân Lai ở Thiên An Môn có liên quan đến hàng triệu người; nhưng người được nói tới đương nhiên là Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Đức Hoài, Hạ Long, Bành Chân, toàn những nhân vật lớn hoặc là những loại người có liên quan đến hàng triệu người khác như phần từ trí thức, bọn bè phái, những nhân viên cũ của Quốc dân Đảng, những địa chủ hoặc các nhà nông công thương nghiệp trước đây vv… Hoa Quốc Phong, Uông Đông Hưng... Cho rằng, những người đó đều không thể thay đổi được và khái quát nó thành một nguyên tắc cơ bản, phương châm cơ bản "Hai phàm là": "Phàm là những quyết sách do Mao Chủ tịch đề ra; phàm là những chỉ thị của Mao Chủ tịch" đều phải "kiên quyết bảo vệ", đều phải tuân theo từ đầu tới cuối Khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi, vấn đề đầu tiên phải đối mặt chính là vấn đề "Hai phàm là" về một ý nghĩa nào đó, đây cũng là một điều

kiện mà Hoa Quốc Phong và một số người đưa ra. Nhưng khi trung ương cử người tới gặp, Đặng Tiểu Bình đã nói rõ "Hai phàm là đó không thể được". Mao Chủ tịch đã từng nói: "Không có chuyện một người nói câu nào cũng đúng, một người tuyệt đối chính xác được". "Chúng ta mãi mãi phải dùng tư tưởng hoàn chỉnh và chính xác của Mao Trạch Đông để chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, đưa sự nghiệp xã hội chủ nghĩa của Đảng, phong trào Cộng sản quốc tế tiến lên thắng lợi".

Trong bối cảnh đó, sau khi phục hồi, Đặng Tiểu Bình phải tập trung phục hồi lại đường lối tư tưởng chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông, trong đó bốn chữ "Thực sự cầu thị" được ông đặc biệt coi trọng.

Tháng 7 năm 1977, phát biểu tại Hội nghị Trung ương 3 khoá 10 khi chính thức được phục hồi một lần nữa, Đặng Tiểu Bình nói: "Tại trường Đảng ở Diên An, đồng chí Mao Trạch Đông đã đích thân viết bốn chữ: "Thực sự cầu thị". Tôi thấy ở Đại Khánh nói về "Ba thành thực: Làm một người thành thực, nói thành thực, làm việc thành thực" đó chính là "thực sự cầu thị". Tôi cho rằng, "Tác phong, đường lối quần chúng và thực sự cầu thị" mà Mao Trạch Đông đề xướng là hai điều căn bản nhất... Đối với hiện trạng của Đảng ta mà nói, cá nhân tôi cảm thấy rằng, đường lối quần chúng và thực sự cầu thị là đặc biệt quan trọng.

Tháng 8 năm 1977, Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức Đại hội lần thứ 11. Đại hội này tuyên bố "Đại cách mạng văn hoá" kết thúc, và quyết định xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ XX là nhiệm vụ căn bản của Đảng, nhưng vẫn hoàn toàn khẳng định tính tất yếu và tác dụng của "Đại cách mạng văn hoá", kiên trì đường lối cơ bản của Đảng, tiếp tục lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh được vạch ra từ Đại hội 9 cho tới Đại hội 10. Đặng Tiểu Bình đã đọc lời khai mạc trong Đại hội 11 một lần nữa nhấn mạnh về "thực sự cầu thị" và đưa nó lên vị trí hàng đầu trong tác phong và truyền thống tốt đẹp của Đảng, sau đó mới là đường lối quần chúng, phê bình và tự phê bình, khiêm tốn, cẩn thận, không kiêu ngạo, nóng nảy, gian khổ phấn đấu.

Ngày 17 tháng 9 năm 1977, trong một lần nói chuyện, ông đã nói thêm: "Bốn chữ "thực sự cầu thị" đó là tinh tuý của tư tưởng triết học của Mao Trạch Đông". Tiếp sau đó, một số người bạn già của ông như Nhiếp Vĩnh Trăn, Từ Hướng

Tiền, Trần Vân... đã lần lượt viết các bài rất quan trọng đăng trên các báo cũng về điều đó.

Tháng 5 năm 1978, một cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn của chân lý đã được triển khai rầm rộ trong cả nước. Quan niệm thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý đã nhanh chóng lan truyền ra cả nước, trực tiếp tấn công mạnh mẽ vào "Hai phàm là". Đồng thời, nó cũng bị chụp cho những chiếc mũ như "Chặt phá ngọn cờ", "Bỏ vũ khí sẽ bị kẻ địch trong và ngoài nước lợi dụng" "Châm chọc mối quan hệ của những người lãnh đạo Trung ương" "Khiêu khích mối quan hệ công nông" v.v... Hồ Diệu Bang - người phụ trách tổ chức của trung ương đã phát động và tổ chức cuộc thảo luận đó đã bị Uông Đông Hưng trực tiếp phê bình trong một hội nghị của cơ quan Trung ương. Trước tình hình đó, Đặng Tiểu Bình đã đứng ra như một ngọn cờ để ủng hộ cuộc thảo luận. Trong một lần nói chuyện vào ngày 30 tháng 5 ông nói: "Cái cơ bản nhất và quan trọng nhất của tư tưởng Mao Trạch Đông chính là thực sự cầu thị. Hiện nay, ngay cả thực tiễn là tiêu chuẩn kiểm nghiệm chân lý cũng trở thành vấn đề thì thực là không sao hiểu nổi nữa".

Tháng 6 năm 1978, trong Hội nghị công tác chính trị toàn quân, ông nhắc lại: "Thực sự cầu thị là điểm xuất phát, điểm căn bản của tư tưởng Mao Trạch Đông và còn dùng hơn 3000 chữ để bàn luận về điểm này. Điều này đối với một người cực kỳ tiết kiệm ngôn từ nhưng Đặng Tiểu Bình quả là một việc cực kỳ hiếm có.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1977 đến tháng 6 năm 1978 tất cả những điều mà Đặng Tiểu Bình đưa ra xung quanh vấn đề thực sự cầu thị cho thấy rõ, mặc dù mọi người thường cho rằng Đặng Tiểu Bình phục hồi hoặc xác lập lại thực sự cầu thị của Đảng là đường lối tư tưởng, trên thực tế lại chẳng hề có một đường lối tư tưởng đã có sẵn để chờ ông hoặc người khác phục hồi hoặc xác lập lại cả. Bản thân ông cũng phải suy nghĩ rất nhiều, cuối cùng mới biến bốn chữ đó từ một thứ "tác phong" thành một sự "tinh tuý", "một điểm xuất phát, điểm căn bản", "cơ sở của thế giới quan giai cấp vô sản", "cơ sở của tư tưởng chủ nghĩa Mác", song nó có một bí quyết có tác dụng gợi mở quan trọng cho tất cả những ai có chí muốn mở mang một cục diện mới? Bởi vì cho dù như học thuyết Niutơn, học thuyết của Anhxtanh là những sáng tạo khoa học mang tính

lịch sử cũng cần phải đứng trên vai người khổng lồ.

Nếu coi thường người khổng lồ, tự cho mình là tài giỏi, thì cũng có thể nổi lên ầm ĩ một thời, nhưng cuối cùng cũng chẳng còn gì. Nhưng nếu quá dựa dẫm vào người khổng lồ, mê tín nó thì sẽ như một cây nhỏ mục dưới một cây lớn, chẳng bao giờ vươn lên được.

Có người khi giới thiệu bối cảnh của cuộc thảo luận tiêu chuẩn chân lý nói, một số người khơi mào cho cuộc thảo luận lúc đầu định từ chính diện của thực sự cầu thị để trực tiếp đánh vào "Hai phàm là" nên đã chọn vấn đề tiêu chuẩn chân lý. Thực tiễn tiêu chuẩn cũng là thực sự cầu thị, thực sự cầu thị cần phải kiên trì tiêu chuẩn thực tiễn, thảo luận về tiêu chuẩn và thực sự cầu thị về thực chất cũng hoàn toàn nhất trí với nhau. Song giữa chúng cũng có cái khác, nhưng sự khác nhau này chủ yếu không trực tiếp hay gián tiếp tấn công "Hai phàm là" mà ở thứ tự của hai vấn đề đó. Thảo luận tiêu chuẩn có ảnh hưởng và ý nghĩa rất lớn, nhưng vấn đề này cuối cùng vẫn là vấn đề "tiêu chuẩn", mà "tiêu chuẩn" lại dùng để "đo lường" chứ không dùng để "chỉ đạo", với một Đảng lớn như Đảng Cộng sản Trung Quốc, điều quan trọng và căn bản hơn là cần phải xác định một tư tưởng chỉ đạo. Đó chính là chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông, mà phần tinh tuý nhất của nó là thực sự cầu thị. Xác định được điểm này, hiển nhiên ý nghĩa của nó còn lớn hơn nhiều so với thảo luận tiêu chuẩn. Ý nghĩa chủ yếu của thảo luận tiêu chuẩn cũng xác lập đường lối tư tưởng của thực sự cầu thị, đúng như Đặng Tiểu Bình đã nói: "Từ ý nghĩa của cái đó (giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị) mà nói, về việc tranh luận vấn đề tiêu chuẩn lớn lý thực sự là vấn đề đường lối tư tưởng, là vấn đề chính trị, vấn đề liên quan đến tiền đồ và vận mệnh của Đảng và Nhà nước". Đặng Tiểu Bình đặt tiêu điểm vào thực sự cầu thị đúng là có tầm nhìn xa trông rộng, thật sáng suốt biết bao, nó cũng biểu hiện trí tuệ và tầm nhìn của một nhà chính trị vĩ đại. Nói một cách tương đối, thảo luận tiêu chuẩn chính là biểu hiện của nhân vật tiên phong, một sự thông minh và rất dũng cảm của họ.

Đặng Tiểu Bình liên tục nhấn mạnh thực sự cầu thị, mục tiêu trước tiên là chuyển dịch một bước trong việc thực hiện những trọng tâm công tác của Đảng dưới sự chỉ đạo của đường lối tư tưởng chính xác.

Đại hội 11 của Đảng tuy coi xây dựng hiện đại hoá là nhiệm vụ căn bản của Đảng, nhưng kiên trì đường lối cơ bản vẫn là một cương lĩnh của đấu tranh giai cấp, đó không phải là sự chuyển dịch của việc thực hiện trọng tâm công tác. Do đó, trong năm 1978, trước Hội nghị công tác Trung ương, Đặng Tiểu Bình đã kiến nghị Bộ Chính trị, trước khi Hội nghị thảo luận những vấn đề cụ thể, cần thảo luận chuyển trọng tâm công tác của Đảng sang vấn đề xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa. Bộ Chính trị đã tiếp thu kiến nghị này và quyết định, bắt đầu từ tháng 1 năm 1979, kết thúc phong trào quần chúng phê phán "lũ bốn tên" trong phạm vi toàn quốc, chuyển trọng tâm công tác của toàn Đảng sang xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa.

Tuy Bộ Chính trị hoàn toàn nhất trí về vấn đề này, nhưng lại chưa nhất trí được việc thực hiện bước chuyển đó theo tư tưởng chủ đạo nào. Điều muốn nói là, một là, chủ trương "Hai phàm là" và hai là, thực sự cầu thị, đó chính là vấn đề căn bản có liên quan tới việc thực hiện được hay không bước chuyển đó. Nếu thực hiện bước chuyển theo dạng tư tưởng chỉ đạo "Hai phàm là" thì thực chất sẽ chẳng hề có bước chuyển dịch đó. Bởi nó làm việc không theo qui luật kinh tế, mà thực tế chỉ coi kinh tế là một thứ phụ của chính trị hoặc của một thứ khác mà thôi và thực sự không coi kinh tế là trung tâm. Trước cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn chưa hoàn thành sự cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn chưa hoàn thành sự chuyển dịch công tác trọng tâm, một trong những nguyên nhân cơ bản của nó chính là không kiên trì thực sự cầu thị, không xây dựng kinh tế theo đúng qui luật kinh tế và yêu cầu phát triển của bản thân nó, vì thế buộc phải chuyển qua chuyển lại. Ví dụ như việc "đại nhảy vọt", việc làm đương nhiên là xây dựng kinh tế, nhưng kết quả lại làm cho dân không có cơm ăn, nhiều người bị chết đói. Tình thế đó đã dẫn tới một số ý kiến bất đồng, ý kiến bất đồng càng lớn, sự chia rẽ và đấu tranh sẽ càng gay gắt hơn, sẽ trở thành cuộc đấu tranh giữa "hai giai cấp, hai con đường và hai đường lối", vậy là tinh lực chủ yếu của Đảng lại phải chuyển sang xử lý vấn đề đó. Bành Đức Hoài, Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình bị phê phán đều là như vậy. Do đó, không xác lập được đường lối tư tưởng khoa học và tư tưởng chỉ đạo chính xác, trọng tâm công tác của Đảng sẽ buộc phải chuyển dịch qua, chuyển dịch lại, không định vị

một cách khoa học thực sự được...

Ngày 10 tháng 11 năm 1978, Hội nghị công tác Trung ương họp tại Bắc Kinh, tham gia hội nghị ngoài lãnh đạo Trung ương còn có các cán bộ chủ chốt của các tỉnh, thành, khu tự trị và các đại quân khu. Căn cứ vào quyết định của Bộ chính trị, trước tiên thảo luận vấn đề chuyển trọng tâm công tác.

Chuyển trọng tâm công tác lúc đó đã là việc cấp thiết, nhưng vấn đề là chuyển như thế nào.

Trần Vân là người khơi mào đầu tiên, khi thảo luận trong tổ Đông Bắc, ông đã đưa ra sáu vấn đề lớn như vấn đề của Bạch Nhất Ba và 61 người khác, vấn đề Vương Hạc Thọ, vấn đề Bành Đức Hoài, vấn đề Thiên An Môn, vấn đề Khang Sinh v.v... Cho rằng đối với những vấn đề có ảnh hưởng lớn, liên quan đến nhiều mặt nếu như "không có kết luận qua kiểm nghiệm lịch sử của thực sự cầu thị" thì không thể thực hiện được đoàn kết và cũng công thể thực sự chuyển trọng tâm công tác được. Phát biểu của Trần Vân như một hòn đá ném xuống mặt nước tạo nên hàng ngàn con sóng được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng và đưa ra không ít những vấn đề do lịch sử để lại, ví dụ như vấn đề "Trào lưu ngược tháng 2" "Phê Đặng chống lại việc lật lại các vụ án hữu khuynh", vấn đề "Trăm vạn hùng binh" Vũ Hán, "Cơn bão tháng một" Thượng Hải, "Đội quân sản nghiệp" Tứ Xuyên v.v... Ngày 25 tháng 11, Hoa Quốc Phong, đại biểu Bộ Chính trị tuyên bố: Phải thẩm tra lại các vấn đề như sự kiện Thiên An Môn, Bạc Nhất Ba, "Trào lưu ngược tháng hai", vấn đề bình phản của Dương Thượng Côn, Bành Đức Hoài, Đào Chú, vấn đề đối với Khang Sinh, Tạ Phú Trị; huỷ bỏ các văn kiện có liên quan đến Phê Đặng", những vấn đề lớn nhưng mang tính địa phương giao cho các tỉnh, thành, khu tự trị căn cứ vào tình hình thực sự cầu thị để xử lý.

Sau tuyên bố trên của Bộ Chính trị, lòng người rất vui vẻ, mọi người tham gia hội nghị đã tập trung sự chú ý chủ yếu sang vấn đề kinh tế. Nhưng trong hội nghị ngày 27 tháng 11, có người đã đưa ra cách nhìn mới đối với việc thảo luận tiêu chuẩn chân lý, cho rằng cuộc thảo luận này là "dùng phương pháp tấn công bên sườn, trên thực tế là dẫn dắt mọi người thảo luận những sai lầm của Mao Trạch Đông". Vậy là sóng gió lại nổi lên. Tuyệt đại đa số các đại biểu tham gia hội nghị đều đánh giá cao cuộc thảo luận tiêu chuẩn chân lý này, phê bình gay gắt

phương châm "Hai phàm là", chỉ ra rằng "Hai phàm là" đi ngược với. đường lối tư tưởng thực sự cầu thị của Đảng, nếu không triệt để sửa chữa tư tưởng chỉ đạo "tả khuynh" này thì không thể tiến hành thuận việc lợi chuyển công tác trọng tâm của Đảng được.

Căn cứ vào tiến triển của Hội nghị, Đặng Tiểu Bình đã bỏ hết những bài nói mà các nhân viên chuẩn bị trước cho ông, tự mình dự thảo đề cương rồi mời Hồ Diệu Bang, Hồ Kiều Mộc, Vu Quang Viễn... đến cùng thảo luận, trình bày rõ quan điểm tư tưởng, chính sách, phương châm của mình. Thảo luận xong, ông đã giao bản đề cương cho họ, yêu cầu căn cứ vào đó để chuẩn bị lại các bài nói cho mình. Ngày 13 tháng 12, trong lễ bế mạc Hội nghị công tác Trung ương, ông đã đọc bản báo cáo "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước". Báo cáo này trên thực tế đã xác định lại tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, đánh dấu sự xác lập của đường lối tư tưởng thực sự cầu thị và lấy đó làm tư tưởng chỉ đạo để hoàn thành thuận lợi việc chuyển trọng tâm công tác của Đảng, đồng thời cũng đánh dấu chính thức Đặng Tiểu Bình trở thành một Tổng công trình sư trong sự nghiệp lớn cải cách mở của của Đảng.

Bài phát biểu quan trọng "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước" của Đặng Tiểu Bình trong Hội nghị công tác Trung ương cuối năm 1978 trên thực tế là hoàn thành một bước ngoặt lịch sử vĩ đại. Văn kiện có tính lịch sử này, nói như lời Đặng Tiểu Bình là "chủ yếu nói một vấn đề, đó là giải phóng tư tưởng, động não, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước".

Đặng Tiểu Bình "chủ yếu nói một vấn đề" đương nhiên phải có tiền đề của nó, đó chính là lời nói của ông trong hội nghị rằng: "Trung ương đề ra phương châm chỉ đạo căn bản là chuyển trọng tâm công tác của toàn Đảng vào thực hiện bốn hiện đại hoá, giải quyết một loạt vấn đề lớn mà trước kia để lại... Nhưng điều quan trọng hơn là, vấn đề đó là một vấn đề căn bản, cũng là vấn đề tiền đề, nếu không giải quyết nó thì mọi việc khác chẳng có gì để nói cả.

Trước tiên, như lời Đặng Tiểu Bình nói, những thứ như "khu cấm", "lệnh cấm" và "mê tín" làm người ta "không thể động não được; quyền lực quá tập trung nên mọi người "chẳng phải suy nghĩ vấn đề gì cả; phải trái không rõ,

thưởng phạt không công bằng khiến cho mọi người "không muốn động não". Thêm nữa, thói quen sản xuất nhỏ theo tập tục cũ, yên tâm với hiện trạng, không mong phát triển, không cầu tiến bộ, không muốn tiếp thu cái mới cũng làm cho người ta không động não hoặc không biết động não. Điều này đã sản sinh ra "rất nhiều hiện tượng kỳ quái: rất nhiều khuôn thước, rất nhiều hiện tượng theo đóm ăn tàn, chủ nghĩa bản vị rất nghiêm trọng. Do đó, không phá vỡ sự xơ cứng của tư tưởng, không giải phóng tư tưởng cho quần chúng và cán bộ thì bốn hiện đại hoá sẽ không có hy vọng gì. Ông nhấn mạnh:

“Thực sự cầu thị là cơ sở của thế giới quan của giai cấp vô sản, là cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Mác. Những thắng lợi mà chúng ta giành được trong cách mạng trước đây là dựa vào thực sự cầu thị. Hiện nay, chúng ta muốn thực hiện bốn hiện đại hoá cũng phải dựa vào thực sự cầu thị". "Chỉ có giải phóng tư tưởng, kiên trì thực sự cầu thị, tất cả phải xuất phát từ thực tế, lý luận liên hệ với thực tế thì việc xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa của chúng ta mới có thể phát triển thuận lợi".

Làm thể nào mới có thể giải phóng tư tưởng, động não, thực sự cầu thị được?

"Một điều kiện rất quan trọng là phải thực sự thực hiện chế độ tập trung dân chủ của giai cấp vô sản".

"Trước mắt càng phải đặc biệt nhấn mạnh dân chủ", "cần sáng tạo các điều kiện của dân chủ", cần phải sáng tạo ra một cục diện chính trị, "vừa có tập trung vừa có dân chủ, vừa có kỷ luật vừa có tự do, vừa có ý chí thống nhất lại vừa có tình cảm cá nhân thoải mái, sinh động, hoạt bát".

Đặng Tiểu Bình còn nhấn mạnh đến "vấn đề dân chủ trong kinh tế" ông chỉ ra rằng: "Quyền lực và thể chế quản lý kinh tế của nước ta hiện nay quá tập trung, cần phải mạnh dạn giao cho cấp dưới..." "một đội sản xuất có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh thì một mảnh đất nhỏ chưa trồng được thứ gì, một diện tích mặt nước nhỏ chưa thả cá được sẽ làm cho cán bộ và xã viên mất ăn mất ngủ và phải động não tìm biện pháp. Mấy chục vạn xí nghiệp trong cả nước, mấy triệu đội sản xuất đều động não có thể tạo ra biết bao của cải!"

"Để đảm bảo cho nhân dân được dân chủ thì cần phải tăng cường pháp chế, cần phải chế độ hoá, pháp luật hoá dân chủ... Cần tập trung lực lượng để chế

định hình pháp, luật dân sự, luật tố tụng và các luật khác ví dụ như luật xí nghiệp... Mối quan hệ giữa xí nghiệp và Nhà nước, giữa xí nghiệp với xí nghiệp, giữa xí nghiệp với cá nhân... Cũng cần phải dùng hình thức pháp luật để xác định, ngoài ra, chúng ta còn phải tăng cường nghiên cứu luật quốc tế".

Căn cứ vào tình hình thực tế lúc đó, Đặng Tiểu Bình còn nói chuyện về vấn đề "Xử lý những vấn đề tồn đọng nhằm hướng về phía trước" ông nhấn mạnh một tư tưởng quan trọng: "Đoàn kết là cực kỳ quan trọng".

Nhìn về phía trước, điều quan trọng hơn là phải "kịp thời nghiên cứu tình hình mới, giải quyết vấn đề mới".

Ông đặc biệt nhấn mạnh phải chú ý nghiên cứu giải quyết những vấn đề thuộc ba mặt sau: Thứ nhất: Phương pháp quản lý.

"Trước mắt cần đặc biệt chú ý khắc phục chủ nghĩa quan liêu, là sản phẩm của sản xuất nhỏ... Muốn làm bốn hiện đại hoá, chuyển toàn diện nền kinh tế từ sản xuất sang sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì không thể không khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Chính trị suông thường che lấp tất cả. Đây không phải là trách nhiệm của một số đồng chí nào, mà trách nhiệm thuộc về chúng ta trước đây đã không kịp thời đề ra cải cách. Nhưng nếu nay lại không tiến hành cải cách thì sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và hiện đại hoá của chúng ta sẽ bị chôn vùi mất".

"Cần phải học được cách dùng phương pháp kinh tế để quản lý kinh tế. Mình không hiểu phải học những người hiểu, học tập phương pháp quản lý tiên tiến của nước ngoài".

"Thực hiện phương pháp quản lý tiên tiến hay không, cải cách kỹ thuật phải tiến hành ra sao, năng suất lao động nâng cao được bao nhiêu, lợi nhuận tăng trưởng được bao nhiêu, thu nhập của cá nhân người lao động và phúc lợi tập thể tăng lên bao nhiêu?" "Những tiêu chuẩn loại như vậy", "chính là vấn đề chính trị chủ yếu từ nay về sau, tách rời nội dung chủ yếu này thì chính trị sẽ thành chính trị sáo rỗng, sẽ xa rời lợi ích lớn nhất của nhân dân và của Đảng".

Thứ hai: Chế độ quản lý.

"Trước mắt cần đặc biệt chú ý tăng cường chế độ trách nhiệm xây dựng ngay chế độ trách nhiệm nghiêm túc". "Mượn cớ lãnh đạo tập thể mà không ai có trách nhiệm là điều nguy hiểm nhất".

Cần phải "Gắn trách nhiệm đến từng người",. "Giao quyền đến từng người", cần biết tuyển dụng người, căn cứ vào tài mà giao cho chức trách; "Phải thử thách chặt chẽ, thưởng phạt nghiêm minh". Tóm lại, cần phải thông qua tăng cường chế độ trách nhiệm, thông qua thưởng phạt nghiêm minh, phải hình thành khí thế thi đua trên mọi trận tuyến, thi đua để trở thành người tiên tiến, phấn đấu vươn lên".

Ở đây, Đặng Tiểu Bình nói về vấn đề tiêu chuẩn dùng người rất quan trọng: "Tiêu chuẩn chính trị dùng người là gì? Đó chính là mang lại hạnh phúc cho nhân dân, tích cực cống hiến cho sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, phát triển sức sản xuất chính là những tiêu chuẩn chính trị chủ yếu".

Thứ ba: Chính sách kinh tế.

Về điều này, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra một "Chính sách lớn sau này mọi người gọi là "chính sách giàu trước". Đại thể là để cho một khu vực, một số xí nghiệp, một số người giàu trước rồi lấy đó để dẫn dắt mọi người khác, "Làm cho kinh tế quốc dân không ngừng phát triển đi lên theo dạng các đợt sóng, làm cho nhân dân các dân tộc cả nước đều cùng giàu lên nhanh chóng hơn". Đồng thời, Nhà nước cũng cần phải từ các phương diện (đặc biệt là mặt vật chất) giúp miền Tây và một số khu vực khác cùng phát triển. Đối với vấn đề này, lúc ấy, ông nói không nhiều: Đó là một chính sách lớn, là một chính sách có ảnh hưởng và thúc đẩy cả nền kinh tế quốc dân phát triển.

Yêu cầu các đồng chí tích cực suy nghĩ và nghiên cứu".

Ngoài ba vấn đề trọng điểm nói trên, Đặng Tiểu Bình còn chỉ ra rằng, cùng với tiến trình triển khai bốn hiện đại hoá, nhất là việc triển khai cải cách "Tất sẽ xuất hiện rất nhiều tình hình mới và vấn đề mới mà chúng ta chưa quen hoặc chưa lường hết được", nhất định sẽ xuất hiện các tình hình và vấn đề phức tạp hơn". Vì vậy, "Phải chuẩn bị tốt tư tưởng" "lấy đại cục làm trọng" "lấy lợi ích chung của Đảng, và Nhà nước làm trọng" "cần tràn đầy lòng tin", "tín nhiệm quần chúng" cùng với sự phát triển của kinh tế, con đường sẽ rộng mở hơn, con người sẽ được nhiều hơn".

Ông còn nhấn mạnh thêm "Thực hiện bốn hiện đại hoá là một cuộc cách mạng vĩ đại và sâu sắc", "Các đồng chí trong toàn Đảng, nhất định phải biết học,

học nữa". "Điều căn bản là phải học tập chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông", trước mắt "cần phải tập trung học tập ba phương diện: một là học kinh tế học; hai là khoa học kỹ thuật; ba là học quản lý. Chỉ có học thật tốt mới có thể lãnh đạo tốt được công cuộc xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa với tốc độ và mức độ cao. Phải học từ trong thực tiễn, từ sách vở, từ các bài học kinh nghiệm trong gia đình và bản thân mình"...

Đặng Tiểu Bình tuy "chỉ nói một vấn đề" đó là vấn đề đường lối tư tưởng, nhưng thực tế là lấy nó làm cơ sở để tiến hành hoạch định về tổng thể sự nghiệp lớn cải cách mở cửa của Trung Quốc, đó là: Đường lối tư tưởng, đường lối chính trị, đường lối tổ chức, xây dựng pháp chế dân chủ, chính sách kinh tế, quản lý, giáo dục v.v.. Nó đánh dấu Đảng Cộng sản Trung Quốc về căn bản đã phá được sự trói buộc nặng nề của những sai lầm "tả khuynh" trong thời gian dài trước đây, làm cho tư tưởng chỉ đạo của Đảng được đúng đắn, giải phóng cho phần lớn cán bộ và quần chúng khỏi tệ sùng bái cá nhân và chủ nghĩa giáo điều thịnh hành trước đây; khôi phục toàn diện đường lối đúng đắn của chủ nghĩa Mác. Do đó, bài nói này của ông trên thực tế là một báo cáo chính trong hội nghị Trung ương 3 khoá 11 của Đảng, là một văn kiện đánh dấu bước chuyển vĩ đại của lịch sử Trung Quốc. Trải qua thực nghiệm và từng bước hoàn thiện trong một thời gian, tinh thần này được xác định một cách hệ thống thành "một bố cục tổng thể của công cuộc xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa" ở Trung Quốc trong Hội nghị Trung ương 6 khoá 11 của Đảng họp tháng 6 năm 1981, tức là: Lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên định không thay đổi tiến hành cải cách thể chế chính trị và tăng cường xây dựng văn minh tinh thần.

Từ sau khi Trung Quốc được thành lập đến trước cải cách mở, Đảng Cộng sản Trung Quốc ít nhất đã có ba thời kỳ thi hành chính sách cải cách mở cửa như từ hội nghị Trung ương 3 khoá 11 đến nay đều giành được hiệu quả rất tốt. Một là thời kỳ trước và sau Đại hội 8; hai là thời kỳ trước những năm 60 của thế kỷ XX và ba là từ sau sự kiện Lâm Bưu đến năm 1975. Nhưng phương châm cơ bản lúc đó đều không gọi là cải cách mở cửa; hai thời kỳ trước được gọi là "điều chỉnh", chủ yếu là điều chỉnh kế hoạch kinh tế, chính sách kinh tế và quan hệ kinh tế, cũng còn liên quan đến một số mặt khác như điều chỉnh quan hệ ngoại

giao và quan hệ chính trị; thời kỳ sau tức là trước lúc Đặng Tiểu Bình được phục hồi cũng gọi là "điều chỉnh", nhưng bao gồm nhiều mặt, trong đó có sự kiện mang tính lịch sử trọng đại là bình thường hoá bước đầu mối quan hệ Trung - Mỹ. Sau khi Đặng Tiểu Bình chủ trì cuộc họp thường kỳ Quân, Chính, Đảng được gọi là "Chỉnh đốn", chỉnh đốn các mặt như trật tự kinh tế, xí nghiệp; ban lãnh đạo, "Đảng phong" và quân đội.

Cuộc điều chỉnh và chỉnh đốn trong ba thời kỳ trên đều có hiệu quả tốt, cộng với những ký ức tốt đẹp của mọi người về thời kỳ đầu xây dựng nước Trung Quốc mới, sau khi đập tan "lũ bốn tên" đến đầu những năm 80, trong tư tưởng của phần lớn người Trung Quốc cho rằng chỉ cần hồi phục lại tất cả như trước cách mạng văn hoá thì Trung Quốc sẽ lại tràn đầy hy vọng. Trong mấy năm đó, tần số sử dụng cao nhất và cũng đặc biệt khiến người ta cảm thấy thoái mái nhất là hai chữ "khôi phục: "khôi phục thi đại học", "khôi phục chức danh", "khôi phục chức vụ khôi phục công tác", "khôi phục tổ chức cuộc sống", "khôi phục chế độ xây dựng (chính phủ, xí nghiệp, trường học, đoàn thể xã hội...) "khôi phục lại tên cũ (đơn vị, đường phố, khu vực...) "khôi phục lại địa chỉ cũ", "khôi phục truyền thống tốt đẹp của Đảng"...

Đặng Tiểu Bình là một trong những người sáng lập ra nước Trung Quốc mới, trong ba thời kỳ nói trên, ông đều là một trong những người lãnh đạo chủ chốt, hơn hai năm sau thời kỳ thứ ba, ông vẫn là người chủ trì thực tế, mà khi ông được phục hồi một lần nữa, lúc đó ông đã ngoài 70 tuổi. Trong bối cảnh đó, người bình thường đều dựa vào kinh nghiệm đã qua để điều chỉnh và chỉnh đốn một lần nữa, đồng thời tiếp thu bài học kinh nghiệm cũ, chống lại những sự phiền nhiễu của "tả" hoặc "hữu" khuynh làm cho những điều chỉnh và chỉnh đốn đó nửa đường đứt gánh. Làm như vậy hoàn toàn có thể lý giải được, cũng là mong mỏi của nhân dân và trong thời kỳ đầu có thể khẳng định là rất thuận lợi, rất hiệu quả. Nhưng một Đặng Tiểu Bình trước nay luôn chủ trương nhìn về phía trước, tiến lên phía trước lại không làm như vậy mà ông nhìn xa trông rộng hơn, không sợ gian khổ hiểm nguy, mở ra con đường cải cách mở cửa mới.

Cải cách là không ngừng thay đổi từ sự không thích ứng giữa sự phát triển của sức sản xuất với quan hệ sản xuất và thượng tầng kiến trúc dưới tiền đề kiên

trì chế độ cơ bản của chủ nghĩa xã hội để trở thành thích ứng hơn. Điều này bao gồm cả điều chỉnh và chỉnh đốn, trong quá trình cải cách mở cửa, thực tế là chúng ta cũng tiến hành điều chỉnh và chỉnh đốn không ít, nhưng cải cách rộng, sâu và mạnh hơn nhiều. Như Đặng Tiểu Bình đã nói "cải cách là cuộc cách mạng lần thứ hai của Trung Quốc", điều này rõ ràng là điều chỉnh và chỉnh đốn không thể so sánh được. Từ kinh tế kế hoạch chuyển sang kinh tế thị trường cũng hoàn toàn giống như vậy. Vì vậy, nếu cứ theo phương châm điều chỉnh và chỉnh đốn như cũ thì rất nhiều điều cải cách sâu, căn bản sẽ khó mà khởi động lên được, hoặc chỉ phát triển đến một mức độ nào đó rồi dừng lại. Ví dụ khi "hộ vạn đồng" biến thành "triệu phú", hộ cá thể biến thành chủ xí nghiệp tư nhân và xí nghiệp quốc doanh bị phá sản, các xí nghiệp có vốn nước ngoài nhiều lên thì vấn đề sẽ xuất hiện. Do đó, nếu chỉ làm theo cách đều chỉnh và chỉnh đốn trước đây thì sự phát triển của Trung Quốc có thể bị ngừng trệ, không tiến lên được hoặc sẽ có nhiều vấn đề nảy sinh. Bởi vậy tình thế của 17 năm trước cách mạng văn hoá không hoàn toàn là trách nhiệm của một số ít người lãnh đạo, mà là mối tương quan mật thiết giữa cơ sở kinh tế, kiến trúc thượng tầng với cơ sở xã hội. Không kiên quyết, quyết đoán tiến hành một cuộc cải cách kiểu cách mạng, chỉ tiến hành điều chỉnh, chỉnh đốn trong giới hạn nhất định, thì một Trung Quốc đông dân và nghèo khổ nhất thế giới sẽ không thể thực hiện hiện đại hoá được. Mặc dù cải cách cũng có rủi ro lớn, cũng rất khó khăn, nhưng đó là sự lựa chọn duy nhất để hiện đại hóa của Trung Quốc.

Mở cửa vốn là một chính sách thông thường của các quốc gia hiện đại đồng thời cũng là một hành vi thông thường và một tiêu chí cơ bản của họ. Nhưng từ trước Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, trong một thời gian dài Trung Quốc rơi vào tình trạng đóng cửa, do chế độ xã hội cơ bản của Trung Quốc và đối tượng chủ yếu mở cửa đối ngoại có khác nhau, do trình độ phát triển của kinh tế Trung Quốc còn lâu mới có thể bằng các đối tượng đó, đó chính là các nước Mỹ, Nhật và Tây Âu. Do mục tiêu cuối cùng của cải cách Trung Quốc là làm sao để sản xuất và cuộc sống đạt mức trung bình của các quốc gia phát triển, nên việc mở cửa ra nước ngoài của Trung Quốc cũng có đặc thù riêng, mang một ý nghĩa đặc biệt, nó cùng với cuộc cải cách kinh tế của Trung Quốc gắn bó chặt chẽ với nhau, là một khởi điểm quan trọng của Trung Quốc, một tham số chủ yếu và một

động lực mạnh mẽ. Ví dụ như trước mắt, Trung Quốc đang đẩy mạnh công tác chuẩn bị để gia nhập WTO, buộc phải cải cách một lượng lớn về các mặt như kinh tế, pháp luật quản lý hành chính theo yêu cầu của WTO, trong đó mặt pháp chế có rất nhiều công việc phải làm. Cũng giống như cải cách, mở cửa cũng có rủi ro lớn, cũng rất khó khăn, nhưng chỉ cần nhân dân Trung Quốc không nguyện mãi mãi là công dân loại ba, loại bốn, chỉ cần nhân dân Trung Quốc tin vào sự thông minh tài trí của mình, tin vào vai trò có thể có trên thế giới của mình, không thoả mãn trong ngôi nhà của mình mà muốn ra ngoài mở rộng tầm mắt, đồng thời cũng hoan nghênh người nước ngoài tới giao lưu thì chắc chắn nhân dân Trung Quốc sẽ mãi mãi thực hiện chính sách mở cửa.

Cải cách mở cửa thực sự rất gian nan. Hai mươi năm nay, hết đợt sóng này đến đợt sóng khác, từ tức tối, oán ghét, ngăn chặn, xung đột, phong ba bão tố, hoặc "tả" hoặc "hữu", hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc yếu hoặc mạnh, hoặc lĩnh vực tư tưởng chính trị hoặc lĩnh vực kinh tế, hoặc Trung ương hoặc địa phương, hoặc tầng lớp lãnh đạo hoặc quần chúng, hoặc trong nước hoặc nước ngoài hay kết hợp cả hai... tấn công liên tục vào cải cách mở cửa của Trung Quốc. Với những đợt tấn công đó, căn cứ vào tình hình khác nhau, Đặng Tiểu Bình đã áp dụng nhiều sách lược, ví dụ như cho “phép nhìn", "không nghe thấy" "không sợ chửi" "Ngọn cờ rực rỡ" "kiên quyết quả cảm" "lặng lẽ quan sát" v.v... để ứng phó và hoá giải, nhưng có một điểm từ đầu chí cuối không thay đổi, đó là kiên định tiến hành cải cách mở cửa.

Cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX, hệ thống các nước xã hội bị chia rẽ rất lớn, có nước rơi vào cảnh hỗn loạn, có nước rơi vào bần cùng lạc hậu, nhưng nói một cách tương đối thì Trung Quốc là một nước khá hơn cả. Ngày 20 tháng 8 năm 1991, Đặng Tiểu Bình một cán bộ đã về hưu, khi nói chuyện với những đồng chí có trách nhiệm trong Trung ương đã rất vui mừng nói rằng: "Kiên trì cải cách mở cửa là một tuyệt chiêu quyết định vận mệnh của Trung Quốc".

Cải cách mở cửa của Trung Quốc vẫn tiếp tục, vẫn chưa giành được thắng lợi mang tính quyết định, những vấn đề đã bộc lộ ra rất nhiều và rất nghiêm trọng, khẳng định rằng vẫn còn một số vấn đề còn nghiêm trọng và sâu hơn vẫn chưa

được phát hiện ra hoặc chưa sinh ra. Nhưng trải qua hơn 20 năm thực tiễn, "kiên định cải cách mở cửa là một tuyệt chiêu quyết định vận mệnh của Trung Quốc" đã được toàn thể nhân dân Trung Quốc tiếp nhận, trở thành một trào lưu không ai có thể thay đổi được. Thời kỳ từ hội nghị Trung ương 3 khoá 11 đến bất thường được gọi tương đối chính thức là "thời kỳ mới xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa", nhưng nhân dân Trung Quốc lại quen gọi nó là "thời kỳ cải cách mở cửa" một cách trìu mến, thân thiết và tràn đầy hy vọng. Bản thân Đặng Tiểu Bình cũng được gọi bằng nhiều cách khác nhau như: hạt nhân của thế hệ lãnh đạo thứ hai của Đảng; người sáng lập và tổng công trình sư của công cuộc xây dựng hiện đại hoá Trung Quốc, nhưng người ta vẫn quen gọi ông là "Tổng công trình sư của sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc".

Những người nước ngoài trước kia luôn truy hỏi liệu chính sách cải cách mở cửa của Trung Quốc có thay đổi không, nay cũng không còn đưa ra câu hỏi đó nữa, mà chỉ chú ý tới động thái mới và phát triển mới của tiến trình cải cách mở cửa của Trung Quốc.

Cải cách mở cửa của Trung Quốc vẫn còn đầy rẫy khó khăn và rủi ro, nhưng "tuyệt chiêu" này vẫn tiếp tục được kiên trì và kiên trì hơn, "Phải tiếp tục một trăm năm". Trong đó, cải cách sẽ được kết thúc vào thời kỳ thích hợp trong một trăm năm đó nhưng mở cửa thì mãi mãi không thay đổi.

Một Đặng Tiểu Bình hơn 70 tuổi và sau "Ba lần lên, ba lần xuống" vẫn đưa ra được "chiêu thức" cải cách mở cửa quyết định vận mệnh của Trung Quốc, đối với một số người trong một thời gian dài đã có biết bao thành công cũng như phải chịu biết bao dày vò mà nói vẫn có một ý nghĩa gợi ý rất đặc biệt. Rất nhiều người, trong một thời kỳ, một giai đoạn, một công việc hoặc ở một mức độ nhất định làm rất tốt, có người còn nổi tiếng một thời, nhưng tình hình thay đổi, bỗng chốc mất hết phong thái, chỉ sống bằng những kỷ niệm huy hoàng thời xa xưa rồi cảm thấy rất buồn bã thê lương. Hiện tượng này thường thấy trong thời buổi cạnh tranh khốc liệt hiện nay. Cho nên, tâm niệm và niềm tin của những người hôm nay thành công chính là "không bao giờ nói thắng lợi" cả. Ngay cả khi đã trở thành đứng đầu thế giới hoặc liên tục đứng đầu thế giới cũng không bao giờ được nói như trên. Xem xét từ kinh nghiệm thành công của Đặng Tiểu Bình,

từng đó vẫn chưa đủ, nên không nói chiến thắng cũng là điều tất nhiên, nhưng quan trọng hơn vẫn là mãi mãi nhìn về phía trước, mãi mãi tiến lên, mãi mãi tìm chiến thắng, mãi mãi xuất ra những "chiêu" mới cao siêu hơn. Trong điều kiện thành công bước đầu, "Ngay cả khi chưa có chủ định gì mới cũng được, chính là không được thay đổi". "Luôn kiên định không thay đổi".

Tháng 3 năm 1987, khi duyệt "Những ý tưởng về khởi thảo cương lĩnh lớn trong báo cáo của Đại hội 13", Đặng Tiểu Bình đã phê: "Công trình này rất tốt". Năm 1992, phát biểu trong lần đi phía nam, ông nói: "Cần kiên trì đường lối, phương châm, chính sách của Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, nhưng mấu chốt là kiên trì "một trung tâm, hai điểm cơ bản".

"Một trung tâm hai điểm cơ bản" tức là lấy xây dựng kinh tế trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản kiên trì cải cách mở cửa. Đại hội 12 đã khái quát nội dung cơ bản, hoặc nội dung cốt lõi của đường lối cơ bản trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội của Đảng. Cho nên, cái là Đặng Tiểu Bình phê "Công trình này rất tốt" chủ yếu là chỉ công trình "một trung tâm hai điểm cơ bản" rất tốt.

Bất kỳ một nước lớn nào ở phương đông khi tiến hành cải cách mở cửa đều là một việc rất khó thành công. Cho đến nay, những thành công bước đầu của Trung Quốc trên thực tế cũng có nhiều ý kiến và là một ẩn số. Muốn giải được ẩn số đó cần phải thời gian tương đối dài, bởi vì công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc vẫn đang tiếp tục. Nhưng có thể khẳng định rằng: "Trung tâm hai điểm cơ bản" là nguyên nhân cơ bản của thành công".

Lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, điều này vốn là một sự lựa chọn tất nhiên của bất kỳ chính Đảng nào sau khi giành được chính quyền và cũng là lựa chọn tất nhiên của bất kỳ chính quyền nào sau khi đã cơ bản ổn định. Nhưng tình hình Trung Quốc lại rất đặc biệt, đúng như Đặng Tiểu Bình đã nói hồi tháng 11 năm 1980: "Hơn 20 năm trước, trọng tâm công tác luôn không được chuyển sang phương diện xây dựng kinh tế", "Gần 30 năm lại đây, trải qua những lần chìm nổi, từ đầu đến cuối cũng chưa chuyển trọng tâm công tác của chúng ta sang lĩnh vực xây dựng chủ nghĩa xã hội". Do đó, trung tâm này mãi đến Đại hội 11 mới được hoàn toàn xác lập.

Kiên trì lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm không quyết định bởi nguyện

vọng chủ quan của một chính Đảng. Trên thế giới hiện nay có rất nhiều nước loạn lạc trong một thời gian dài, những Đảng cầm quyền ở một số quốc gia lẽ nào lại không nghĩ tới việc lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm chăng? Cho nên, có thể lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm hay không, không chỉ là một nghị quyết hay một văn kiện mà có thể qui định được, mà tiền đề của nó chính là sự ổn định cơ bản của cục diện chính trị và không có chiến tranh. Đặng Tiểu Bình một con người sống 45 năm trong khói lửa của đất nước Trung Quốc cũ, trong đó có 29 năm hoạt động cách mạng và 22 năm tham gia chiến tranh cách mạng; sau khi dựng nước lại tham gia tiễu phỉ, diệt ác, trấn áp phản cách mạng, cải tạo xã hội chủ nghĩa và 10 năm trong "đại cách mạng văn hoá", nên chiến tranh, động loạn nổi dậy đã khắc sâu trong tâm khảm ông, thấm sâu vào từng mạch máu, từng sợi thần kinh, từng tế bào, từng gieo trong con người ông. "Áp đảo tất cả chính là ổn định", câu nói này thật nặng hơn cả núi Thái Sơn. Liên Xô cũ là một trong vài cường quốc thời cận đại, sau trở thành một trong hai cường quốc của thế giới, mức độ phát triển tổng thể và cơ sở vật chất của nó, Trung Quốc không thể nào sánh được. Nhưng từ khi xảy ra chính biến đến nay vẫn chưa trở lại thời kỳ phát triển bình thường về kinh tế và đã thua xa Trung Quốc hiện nay. Nếu Trung Quốc cũng xảy ra như vậy thì hậu quả thật khó lường hơn. Còn một số nước phát triển khác đã từng phát triển rất mạnh và thành tựu đạt được rất đáng khâm phục; có những nước thu nhập quốc dân tăng trưởng gấp 6 lần trong 10 năm và dự kiến trong 10 năm tới sẽ đuổi kịp châu Âu; nhưng những năm 70 của thế kỷ XX bỗng đột nhiên trải qua đại loạn gần 30 năm trời, những nước đó đã không còn ổn định nữa và khó hy vọng có sự ổn định, kinh tế đã không còn phát triển mạnh được nữa. Do đó, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh: "Nếu chúng ta thất bại thì lịch sử Trung Quốc sẽ bị đẩy lùi lại vài chục đến vài trăm năm", "Trung Quốc lại sẽ rơi vào cảnh động loạn, chia cắt, thụt lùi và đen tối, nhân dân Trung Quốc sẽ mất hết hy vọng. Đó chẳng những là vấn đề mà nhân dân các dân tộc Trung Quốc đều quan tâm mà còn là sự quan tâm của tất cả những ai mong muốn Trung Quốc mạnh lên, thậm chí của cả những người chỉ muốn buôn bán làm ăn với Trung Quốc".

Làm thế nào để giữ ổn định đây? Xem xét một cách toàn diện thì nhất thiết phải kiên trì "một trung tâm, hai điểm cơ bản; về chính trị nhất thiết phải kiên trì

bốn nguyên tắc cơ bản.

Do hiện nay các nước phát triển đều là các nước tư bản, do công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hội nghị Trung ương 3 khoá 11 của Trung Quốc phải chịu chèn ép rất nghiêm trọng, đặc biệt là "đại nạn" trong "Đại cách mạng văn hoá; do Trung Quốc vẫn là nước đang phát triển, một số mặt còn thua xa các nước phát triển; cũng còn do hiện trạng xã hội của một số nước trước đây là xã hội chủ nghĩa và những nước xã hội chủ nghĩa hiện nay làm cho việc kiên trì bốn nguyên tắc của Trung Quốc cũng không dễ dàng gì. Nhưng thực tiễn hơn 20 năm cải cách mở cửa ở Trung Quốc đã chứng minh rằng, ở Trung Quốc, muốn giữ được ổn định phải kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản. Có người hoài nghi điểm này, đó thật là sai lầm. Trung Quốc mới được ổn định trên cơ sở bốn nguyên tắc cơ bản sau hàng trăm năm loạn lạc, nếu bốn nguyên tắc cơ bản đó bị lung lay, chắc chắn sẽ đại loạn lần nữa. Cho nên về điểm này, Đặng Tiểu Bình đã nói: "Về điểm này, tôi không bao giờ nhượng bộ cả".

Điểm xuất phát căn bản của cải cách mở cửa là nâng cao mức sống của nhân dân, thực hiện hiện đại hoá Trung Quốc. Nhưng từ góc độ ổn định hoặc từ góc độ kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản thì vẫn phải kiên trì cải cách mở cửa. Đặng Tiểu Bình nói: "Đường lối cơ bản phải theo đuổi hàng trăm năm, không được dao động, chỉ có kiên trì nó nhân dân mới tin và ủng hộ mình. Ai muốn thay đổi đường lối đó nhất định sẽ bị đánh bại. Nếu không thành quả của cải cách mở cửa chắc chắn sẽ sinh loạn lạc và nội chiến, "Đại cách mạng văn hoá" chính là một cuộc nội chiến. Chúng ta tiến hành cải cách mở cửa, thúc đẩy kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện thì quốc gia mới ổn định. Cho nên quân đội, chính quyền đều phải bảo vệ con đường này, chế độ này và một số chính sách đó".

"Hai điểm cơ bản" đều phục vụ cho một trung tâm, cuối cùng phục vụ cho việc nâng cao đời sống nhân dân, phục vụ hiện đại hoá đất nước, cho nên về bản chất hai cái đó thống nhất với nhau. Nhưng do trước mắt, những nước có mức sống cao và hiện đại hoá cao đều là các nước tư bản, "hai điểm cơ bản" cần thực sự thống nhất một cách hữu cơ lại không phải dễ dàng, rất dễ chỉ nhấn mạnh hay làm nổi bật một cái mà coi nhẹ cái kia. Trong hơn 20 năm trước đây, ở Trung

Quốc đã vài lần xuất hiện hiện tượng đó và đã sinh ra một số hậu quả nghiêm trọng mà nay nhớ lại khiến người ta cảm thấy kinh hãi. Từ nay về sau, có thể khẳng định rằng, sẽ còn nhiều vấn đề nữa xuất hiện đòi hỏi phải xử lý. Về mặt này, Đặng Tiểu Bình đã có nhiều kinh nghiệm thành công quý báu. Ví dụ, mạnh dạn thừa nhận sự không hoàn thiện và không thành thục của chế độ xã hội chủ nghĩa cũng là giải phóng và phát triển sức sản xuất. Việc chỉ ra tình hình của Trung Quốc khác với các nước phát triển, chế độ tư bản cũng tồn tại rất nhiều mâu thuẫn căn bản và căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử và thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc, đặc biệt là thành quả của cải cách mở cửa để phán đoán rằng chủ nghĩa tư bản không thể cứu được Trung Quốc và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới cứu được Trung Quốc...

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, Đặng Tiểu Bình đã thiết kế ra không ít tác phẩm vĩ đại, "Ba bước đi" chính là một trong những tác phẩm thành công nhất, có ảnh hưởng nhất, có sức hút nhất, phản ảnh tốt nhất tinh thần thực sự cầu thị của ông.

"Ba bước đi" chính là sự bố trí chiến lược của việc thực hiện hiện đại hoá mà mục tiêu cuối cùng là xây dựng kinh tế do Đại hội 12 của Đảng năm 1982 xác lập. Lúc đầu được gọi là "Hai bước đi", về sau bước thứ nhất được chia làm hai bước, lấy năm 1980 là bước khởi đầu, cứ 10 năm một bước, trong một bước sẽ tăng GDP lên một lần, tiếp tục cho tới khi đạt được mức ấm no và trung bình. Bước thứ ba vốn định làm trong 30-50 năm, cuối cùng xác định là 50 năm. Trên cơ sở đã tăng GDP lên được hai lần trong 20 năm trước đó, trong 50 năm này sẽ tăng lên hai lần nữa để đạt tới mức của các nước phát triển trung bình. Theo số liệu dự kiến, thu nhập đầu người bình quân năm sẽ tương ứng lần lượt qua các bước là: 500 USD, 1000 USD và 4000 USD. Con số cụ thể sẽ có điều chỉnh, nhưng ba mục tiêu tổng thể không thay đổi. Đến nay, về cơ bản đã đi được hai trong ba bước, đã đạt được những thành tích to lớn mà cả thế giới công nhận. Bước thứ ba chuẩn bị bắt đầu. Về ý tưởng tổng thể ba bước, qua Hội nghị Trung ương 5 khóa 15 kiến nghị và đã phát động nhân dân toàn quốc tiến hành một số sửa đổi. Điều đó cho thấy rõ rằng, chiến lược ba bước đã được thế hệ lãnh đạo thứ ba của Đảng và nhân dân Trung Quốc kế thừa và bước tiếp một cách tự giác

kiên định. Với Đặng Tiểu Bình, một người lãnh đạo đã trăn trở nhiều năm, tuy đã xa rời chức vụ nhưng đó vẫn là một thành công to lớn rất đáng hâm mộ.

Bất kỳ ai muốn có được thành tựu nhất định đều phải có một mục tiêu nhất định, đều cần phải thông qua những bước đi nhất định để thực hiện mục tiêu đó. Xác định mục tiêu và bước đi ra sao lại là một vấn đề rất cơ bản, rất quan trọng và cũng rất phức tạp. Do đó, một số tư tưởng và phương pháp cơ bản trong chiến lược ba bước đều có một ý nghĩa gợi ý cho bất kỳ ai muốn theo đuổi thành công.

Chiến lược ba bước, đặc điểm quan trọng đầu tiên vẫn là điều mà Đặng Tiểu Bình nhiều lần nhấn mạnh: Thực sự cầu thị.

Những năm 50 của thế kỷ XX, người Trung Quốc tràn đầy ý chí phấn đấu vươn lên và cho rằng tự mình đã bước lên con đường lớn, đã từng đưa ra một khẩu hiệu rất kêu rằng: Đại nhảy vọt, trong 15 năm sẽ vượt qua nước Anh, tiến kịp nước Mỹ. Ba mục tiêu đề ra trong ba bước đi so với khẩu hiệu này thật chẳng đáng gì. Nhưng đáng buồn là chỉ vài năm sau, cái khẩu hiệu đó đã làm cho người ta không có cơm ăn; còn ý tưởng của "Ba bước đi" trước tiên là phải giải quyết vấn đề "No ấm" cho nhân dân đã, sau đó mới đưa cuộc sống dần đi lên.

Vậy thì phải chăng cái "thực sự cầu thị" đó chỉ là sự vững tin đơn thuần, "mục tiêu không cao" đơn thuần, "Bé nhỏ không đáng kể". Tuyệt đối không phải như vậy! Nó cũng gồm những kiến thức tuyệt vời, một sự mạnh dạn, mạnh mẽ và thật đáng nể. Dùng lời của Đặng Tiểu Bình thì đó là "mục tiêu không cao", "không đáng kể", nhưng cũng là một "ý chí mạnh mẽ", một "mục tiêu vĩ đại".

Hai bước đầu trong ba bước, đặc biệt là bước thứ nhất, xem ra rất "không đáng kể" nhất. Nhưng đối với một nước Trung Quốc ở vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX này, nó lại có nghĩa là cứ 10 năm tăng GDP lên một lần, 20 năm tăng hai lần. Điều này đối với phần lớn các nước trên thế giới là một sự phát triển tốc độ cao liên tục, không thể tưởng tượng được.

10 năm tăng GDP lên một lần lại không phải là sáng tạo đầu tiên của Đặng Tiểu Bình. Năm 1960, Thủ tướng Nhật đã đề ra kế hoạch 10 năm GDP tăng lên một lần, sau đó chỉ cần 7 năm đã hoàn thành được. Năm 1968, Nhật Bản trở thành cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, và kế hoạch đó đã trở nên nổi tiếng thế giới, đã được một số quốc gia áp dụng. Nhưng sự phát triển tốc độ cao

liên tục là rất khó khăn. Sau năm 1973, Nhật Bản rơi vào thời kỳ tăng trưởng kinh tế thấp kéo dài, từ 10% trong những năm 50 đến đầu những năm 70 đã hạ xuống còn 4- 5%, năm 1979 chỉ còn khoảng 3%, về sau lên xuống thất thường, như vậy kế hoạch 10 năm tăng GDP một lần của Nhật cũng chỉ được đề ra và thực hiện một lần duy nhất.

Cơ sở kinh tế của Trung Quốc nhỏ, nhưng như vậy không đồng nghĩa với việc có thể phát triển nhanh. Mao Trạch Đông đã từng cho rằng, Trung Quốc là nước "một nghèo hai trắng" cũng là một việc tốt, đó chính là một trang giấy trắng có thể vẽ lên đó bức tranh rất đẹp, rất mới. Thực tiễn chứng minh rằng, quan điểm này không thể đứng vững được. Ngoài việc bỏ qua cơ sở vật chất thiết yếu ra, còn vì Trung Quốc không phải là "một trang giấy trắng". Kinh tế lạc hậu luôn gắn chặt với các thứ lạc hậu khác. Trung Quốc chẳng những cơ sở vật chất yếu kém mà còn có rất nhiều vấn đề phức tạp luôn xung đột, luôn bài xích lẫn nhau, chế ngự nhau với những vấn đề hiện đại hoá. Ví dụ kinh tế hiện đại là kinh tế pháp chế, các quốc gia hiện đại là các quốc gia pháp chế, nhưng mọi người đều biết, việc kiện toàn pháp chế của Trung Quốc thật khó nói? Một ví dụ khác, kinh tế hiện đại chủ yếu dựa vào tiến bộ của khoa học kỹ thuật, nhưng với Trung Quốc cũng là việc rất không dễ dàng. Trong "Cách mạng văn hoá", Mao Trạch Đông rõ ràng là có cách nhìn không đúng với giới trí thức: những phần tử trí thức trở thành "đồ thối tha" là có nguyên nhân từ bối cảnh xã hội phức tạp tạo ra. Mao Trạch Đông không tán thành biến phần tử trí thức thành "thối tha" và còn nói vài câu động viên họ. Sau cải cách mở cửa, trí thức được mọi người coi là một tầng lớp "ở trên trời", nhưng sự thực thì hiện tượng "lao động chân tay và trí óc đổi ngược cho nhau" còn diễn ra trong một thời gian khá dài. Do đó, nước Trung Quốc mới đã thành lập hơn 30 năm mà vẫn chưa giải quyết được vấn đề ấm no cho nhân dân, điều này ngoài vấn đề công tác kém ra còn liên quan đến nhiều vấn đề phức tạp, có nguồn gốc sâu xa nữa; một số vấn đề ảnh hưởng đến hiện đại hoá phải qua vài đời cố gắng mới giải quyết được. Xem xét trong phạm vi thế giới, một số nước ở phương nam và phương đông hiện nay phần lớn đang trong giai đoạn phát triển, không ít nước gặp khó khăn chồng chất hoặc rối loạn liên miên, ngay đến an toàn sinh mạng còn khó giữ được. Xu hướng chung của thế giới trước mắt vẫn là kẻ giàu càng giàu thêm, người nghèo càng nghèo đi. Tỉ

lệ thu nhập bình quân đầu người ở nước giàu và nước nghèo là: trước năm 40 là 30/1; hiện nay là 74/1. Toàn thế giới có 1 tỉ người sống dưới mức nghèo khổ, tăng 200 triệu so với 50 năm trước. Do vậy, việc ngay cả Trung Quốc chưa giải quyết được vấn đề ăn no mặc ấm cũng không có gì lạ cả. 10 năm tăng lên một lần giải quyết cơ bản vẫn là no ấm, 20 năm tăng lên hai lần bước đầu bước vào xã hội trung bình thật làm cho người ta thấy hơi ngạc nhiên. Một số người trí nhớ kém, mắt chỉ nhìn vào các nước phát triển nên cách nói này nói nọ đối với cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc chứng tỏ ra mình cũng rất tài ba. Nhưng chúng tôi cho rằng, việc Trung Quốc thực hiện đúng kỳ hạn hai mục tiêu đề ra tuy là chưa đáng kể" nhưng thực sự cũng là rất hạnh phúc rồi.

Chiến lược ba bước, đặc điểm nổi bật thứ hai là tiêu chuẩn quốc tế của nó: mọi người đều thấy, khi xây dựng chiến lược này, Đặng Tiểu Bình đều dùng đơn vị tính là USD chứ không phải nhân dân tệ Trung Quốc, điều đáng nói hơn là mục tiêu cuối cùng của ba bước đi là phải đạt tới trình độ của các nước phát triển trung bình.

Nhân tâm của Trung Quốc tương đối cao, thích tự lập. Trước kia tuy đã bị đánh nhưng vẫn luôn theo "Thiên triều Thượng quốc", khi bị "một nghèo hai trắng" vẫn cho rằng mình đang lên, người khác đang đi xuống đang giãy chết.

Đến nay, khi kinh tế đạt được một số thành tựu nhất định, mối quan hệ trong ngoài nước đã tương đối bình thường hoá, phổ biến hoá thì không ít người Trung Quốc đã bắt đầu kiêu ngạo, cho rằng mình là người thông minh nhất, còn người ở các nước phát triển thì ngu ngốc, và bản thân có nhiều điều ưu việt hơn họ. Cho nên, khi nói phải dùng 50 năm để thực hiện bước ba và đạt tới mức độ của các nước phát triển trung bình thì nhiều người cho là "không đáng kể" có vẻ như làm cho họ mất khí thế và tức giận.

Thực ra, đó quả là một mục tiêu "không đáng kể", nhưng rõ ràng đó là mục tiêu mang ý nghĩa thử thách rất khắc nghiệt của Đảng và nhân dân Trung Quốc, muốn đạt được mục tiêu đó càng cần phải có khí thế bừng bừng và càng phải phát huy đầy đủ sự thông minh tài trí của toàn thể nhân dân.

Xét từ góc độ tốc độ phát triển mà nói, trước mắt, một số học giả Trung Quốc căn cứ vào hình thế mới đối với việc thực hiện cơ bản hiện đại hoá Trung Quốc,

cũng chính là đạt tới mục tiêu đã nói trên đã đưa ra một đoạt các chỉ tiêu, trong đó có hai chỉ tiêu là: GNP bình quân đầu người là 9000 USD, thu nhập bình quân đầu người là: 42.000 Nhân dân tệ. Những chỉ tiêu này đều gấp 10 lần chỉ tiêu hiện tại, nói một cách khác là gấp đôi chỉ tiêu đặt ra cho hai bước đầu. Theo tính toán đó, trong "Kế hoạch chín năm phát triển kinh tế xã hội và cương lĩnh chung về mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2010 của nước Cộng hoà nhân dân Trung Quốc" được Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc họp ngày 17 tháng 3 năm 1996 phê chuẩn qui định thì GDP năm 2010 sẽ tăng gấp đôi năm 2000, mà số liệu của năm 2000 gấp 4 lần năm 1980! Qua một hai chục năm phải đạt tới mức độ các nước phát triển trung bình thì chắc chắn GNP bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người sẽ còn có những thay đổi lớn nữa. Do đó, đã có tổ nghiên cứu chuyên môn cho rằng, đến giữa thế kỷ XXI, chỉ có thể đạt tới mức của các nước phát triển cuối thế kỷ XXI; mà tỉ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm phải đạt 9,3% trong 10 năm đầu, 8% trong 10 năm thứ hai và 7% trong 10 năm thứ ba. Muốn đạt tới trình độ các quốc gia phát triển cùng kỳ thì phải tới cuối thế kỷ XX mới có thể thực hiện được. Nhiệm vụ xây dựng hiện đại hoá Trung Quốc vô cùng khó khăn, thời gian lại rất gấp, tình thế lại tương đối nghiêm ngặt. Nhưng hơn 10 năm lại đây, một bộ phận người Trung Quốc xuất hiện tinh thần tự mãn rất nghiêm trọng, hoặc rất sợ khó khăn, hoặc là giàu lên thì sa đoạ, hoặc "ít giàu cũng được, không giàu cũng được". Trên thực tế, so với tiêu chuẩn quốc tế thì chưa đủ tư cách là giàu, về căn bản cũng chưa đáng kể gì". Những hiện tượng này cho thấy, dùng tiêu chuẩn quốc tế để chế định mục tiêu chiến lược của chúng ta là rất cần thiết. Trong thời gian đóng cửa, làm một quan chức thường thường, có chút tiền “giắt cạp quần" là đã có thể xưng hùng xưng bá, có thể tác oai tác quái, nhưng so với quốc tế, bước vào cuộc cạnh tranh quốc tế thì ngay cả nguyên thủ quốc gia, các đại thương gia trên thế giới cũng không đám lơi lỏng.

Trong "Ba bước đi", thực sự có tác dụng mang tính quyết định là ở bước thứ ba. Bởi vì chỉ có đi hết bước này thì trình độ sức sản xuất và mức sống của Trung Quốc mới có thể từ "thế giới thứ ba bước vào "thế giới thứ hai" được.

Đặng Tiểu Bình đã từng nói: Hiện nay (ngày 23 tháng 9 năm 1985) mọi

người nói Trung Quốc xảy ra những thay đổi rất rõ ràng. Tôi đã nói với một số khách nước ngoài rằng, đó chỉ là những thay đổi nhỏ. Tăng lên hai lần đạt đến mức trung bình, có thể nói là thay đổi trung bình, đến giữa thế kỷ sau, có thể tiếp cận trình độ các nước phát triển của thế giới, đó mới là thay đổi lớn. Đến lúc đó, sức nặng và tác dụng của nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa sẽ khác đi, chúng ta đã có thể cống hiến tương đối lớn cho loài người: "Mục tiêu mà chúng ta đặt ra quan trọng hơn vẫn là ở bước ba". Nếu đạt được tới bước này, thứ nhất, sẽ hoàn thành được một nhiệm vụ rất gian khổ mà không dễ dàng gì; thứ hai, thực sự cống hiến cho nhân loại; thứ ba, càng thể hiện được tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa: "Muốn thực sự chứng minh xã hội chủ nghĩa có tính ưu việt hơn hẳn tư bản chủ nghĩa, cần phải nhìn vào bước thứ ba đó, hiện nay (ngày 30 tháng 4 năm 1984), vẫn chưa thể nói gì được cả".

Những tư tưởng đó là một sự gợi ý quí báu của một nhà chính trị lớn, một nhà chiến lược lớn, một công trình sư lớn quyết thắng mới có thể tạo ra cục diện.

Khi xác định chiến lược ba bước, Đặng Tiểu Bình đã 78 tuổi. Khi thực thi chiến lược này, lúc đầu xác định 50-70, cuối cùng là 70 năm. Một người 78 tuổi vì sao lại xây dựng một chiến lược mà thời gian thực thi tới 70 năm? Nguyên nhân cơ bản là ở chỗ, ông cho rằng, cần đi hết bước ba thì Trung Quốc mới thực sự có được "Thay đổi lớn", xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc mới thực sự giành được thắng lợi có tính quyết định, về yêu cầu thiết kế chiến lược mà nói cũng phải cần tới bước này mới có thể hoàn chỉnh, tức là quyết thắng mới có thể tạo ra cục diện được.

Đây chính là một tư tưởng thiết kế chiến lược cơ bản, có ý nghĩa trọng đại và phổ biến. Xem ra nó "không đáng kể", nhưng nó đã thấm sâu vào các cuộc chơi, ví dụ như một trận thi đấu bóng cần phải chơi hết bao nhiêu thời gian, bao nhiêu hiệp, ghi bao nhiêu bàn mới có thể thắng nhưng trong hoạt động xây dựng, chính trị, kinh tế... lại dễ bị bỏ qua hoặc không nắm chắc, do những hoạt động này quá phức tạp, quá trình và tiêu chuẩn của nó không phân định rõ như trong thi đấu bóng. Chính vì vậy, có ý thức đó hay không, ý thức đó mạnh hay không, nên hay không nên làm thường trở thành một điểm cơ bản của sự thành bại của một con người, một chính Đảng.

Ví dụ, ý thức quyết thắng và ý thức quyết thắng ra sao là tiêu chuẩn cơ bản để phán đoán tính chất và hoạt động của một chính Đảng. Thời kỳ chiến tranh cách mạng Trung Quốc, anh hùng nổi lên ở khắp nơi, nhưng người thì chiếm cứ vùng núi xưng vương, người thì chỉ mong bảo vệ mảnh đất của họ, người lại muốn hùng cứ một phương, người thì chỉ biết lợi dụng đục nước béo cò v.v... Nếu Đảng Cộng sản Trung Quốc không có chiến lược giành được chính quyền trong toàn quốc và kiên trì cố gắng vì nó, thì Đảng cộng sản cũng chỉ là một "vua vùng núi". Sau khi Đảng Cộng sản cầm quyền, nếu không có chiến lược thực hiện hiện đại hoá, Trung Quốc làm mục tiêu mà chỉ cầu sự no ấm cho bản thân thì rõ ràng không phải là một chính Đảng đại biểu cho sức sản xuất tiên tiến, nền văn hoá tiên tiến và đại biểu cho lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân, cũng không thể giữ được vị trí lãnh đạo của mình. Từ khi dựng nước đến nay, Đảng Cộng sản rất nhiều lần phạm sai lầm, nhưng thực hiện mục tiêu bốn hiện đại hoá, sau khi được đề ra từ năm 1954 đến nay tuy có bị đứt đoạn nhưng không bao giờ bị rời bỏ.

Có thể nói, đó là một bí mật của Đảng mà ngay cả trong "cách mạng văn hoá" địa vị lãnh đạo đó cũng không hề bị lay chuyển, và cũng có thể nói đó là một bí mật để Đặng Tiểu Bình trở thành hạt nhân của thế hệ lãnh đạo của Đảng. Do mục tiêu này lại được đưa ra lần nữa trong năm 1975 và được thực hiện cùng với cải cách mở cửa, lần lượt được tiến hành dưới sự chủ trì và lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, do đó, Đặng Tiểu Bình dù biết rõ mình không thể tận mắt nhìn thấy được việc thực hiện bước thứ ba, nhưng xuất phát từ trách nhiệm đối với Đảng, với Tổ quốc, với dân dân và cũng từ tập tính của một nhà chính trị lớn nên ông đích thân xây dựng chiến lược ba bước đó, từ đó đưa mục tiêu xây dựng hiện đại hoá xác lập trên cơ sở đường lối tư tưởng thực sự cầu thị và các bước đi chiến lược thích hợp.

Đối với bản thân ba bước này mà nói, nếu Trung Quốc không đi hết cả ba bước thì cho dù có tiến bộ lớn đến đâu trong trình độ phát triển kinh tế cũng chỉ có thể đứng vào tốp trên của "thế giới thứ ba" chứ không thể lọt vào "thế giới thứ hai" được và Trung Quốc cũng sẽ không có được vai trò lớn trên thế giới. Ngày nay nhiều người nước ngoài vẫn không hiểu Trung Quốc, cho rằng Trung Quốc

vẫn như trong các phim ảnh xưa kia đã phản ánh điều đó làm nhiều người Trung Quốc phẫn nộ. Thực ra điều đó cũng không có gì lạ, chúng ta rất quen thuộc các nước phát triển, nhất là Mỹ, nhưng thử hỏi chúng ta biết được bao nhiêu nước lạc hậu không xảy ra sự kiện lớn gì?

Tháng 11 năm 2000, một thành phố thuộc Tây Á đã đánh bại Hồng Kông để giành quyền tổ chức Á vận hội năm 2006, người Hồng Kông rất kinh ngạc vì rất ít người biết đến thành phố đó. Mao Trạch Đông từng nói, nếu Trung Quốc cứ lạc hậu thì có lẽ sẽ phải bị khai trừ khỏi "trái đất tịch"; nếu những thành tựu về mặt kinh tế văn hoá trong hiện đại hoá của Trung Quốc không thu hút được sự chú ý của mọi người, mà người nước ngoài chỉ biết đến một vài thứ kỳ lạ cũ kỹ thì Trung Quốc dù có "trái đất tịch” cũng chỉ là hữu danh vô thực mà thôi.

Đối với tính quan trọng của ba bước, Đặng Tiểu Bình đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề "thực sự được chứng minh" của tính ưu việt xã hội chủ nghĩa, đây là vấn đề mang tính căn bản quan hệ đến vận mệnh của Trung Quốc, vì nếu không giải quyết nó, Trung Quốc sẽ lại rơi vào cảnh hỗn loạn, chia cắt, thụt lùi và đen tối, nhân dân sẽ hết mọi hy vọng. Cho nên chỉ có làm tốt ba bước Trung Quốc mới được an toàn lâu dài, không những làm cho dân giàu nước mạnh, mà còn thực sự cống hiến cho nhân loại.

Đặng Tiểu Bình có một câu danh ngôn "Đường lối cơ bản phải quản 100 năm, không được dao động".

Điều này có liên quan đến một luận thuyết mang tính khoa học là giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc ít nhất cũng cần phải 100 năm. Do vậy, "100 năm" ở đây không chỉ đơn thuần là khái niệm thời gian, mà là khái niệm của một giai đoạn lịch sử. Xét từ góc độ phương pháp tư duy, cần phải tiến hành suy nghĩ và qui định từ đầu đến cuối đối với một giai đoạn lịch sử hoàn chỉnh. Giai đoạn này cần 100 năm nên cần phải xây dựng một đường lối cơ bản để có thể quản nó trong 100 năm. Do vậy, "Đường lối cơ bản cần quản 100 năm" đã cho mọi người một gợi ý chủ yếu, tức là đối với mỗi giai đoạn mang tính lịch sử, cần phải suy nghĩ và thiết kế cho toàn giai đoạn và phải dùng những chiến lược gì đó để quản được nó.

Nội dung cốt lõi của đường lối cơ bản là "một trung tâm, hai điểm cơ bản".

Những nội dung đó, cái nào kiên trì được bao nhiêu thì kiên trì bấy nhiêu, không hạn chế thời gian. Ví dụ lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, chỉ cần không xảy ra chiến tranh qui mô lớn thì bất kỳ thời kỳ nào đều phải kiên trì chứ không hạn chế trong một hay hai trăm năm, trong thời kỳ đầu, giữa hay thời kỳ cuối. Nhưng có nội dung lại hạn chế trong thời gian nhất định, nhưng cũng không chỉ 100 hay 200 năm. Ví dụ, vấn đề bốn nguyên tắc cơ bản hiển nhiên không chỉ là vấn đề của một trăm năm. Đối với vấn đề mở cửa, chỉ cần thế giới còn tồn tại các quốc gia thì vẫn phải tiếp tục và đó cũng không phải là vấn đề một trăm năm. Nói một cách tương đối, cải cách cũng giống như cách mạng, nó không phải là một trạng thái thông thường của xã hội, khi nhiệm vụ đã hoàn thành, mục tiêu đã đạt được thì cải cách kết thúc. Như vậy, "đường lối cơ bản phải quản 100 năm" nội dung cốt lõi có hạn chế thời gian nhưng thực tế cũng chính là cải cách. Vậy vì sao Đặng Tiểu Bình nói "đường lối cơ bản phải quản 100 năm" mà không nói cải cách phải kiên trì 100 năm? Chúng tôi cho rằng, đó là do đặc điểm của giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội Trung Quốc quyết định.

Giai đoạn đầu có thể nó là giai đoạn chưa thành thục. Trong đoạn này, các mặt cơ bản đều chưa xác định, chưa được củng cố đều tương đối dễ bị dao động, ngay cả việc lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc, kiên trì cải cách mở cửa cũng như vậy. Về mặt chỉnh thể, mức độ dao động của nó có xu hướng giảm dần, nhưng ở một số mặt thì càng gần tới sự xác lập cơ bản, mức độ dao động càng nghiêm trọng hơn. Do đó, trong cả giai đoạn đầu, rất cần phải nhắc nhở mọi người rằng trong một số nguyên tắc cơ bản, vấn đề cơ bản phải kiên trì không thay đổi. Cho nên "một trăm năm" quản ra sao đây, về căn bản mà nói cũng chính là không được dao động đối với những điểm thuộc đường lối cơ bản đã được thực tiễn chứng minh. Nhưng sự kiên định đó không phải là cố chấp, thủ cựu mà là phải hợp thời để đẩy nó lên mức độ mới. Về mặt này, Đặng Tiểu Bình đã nêu một tấm gương sáng cho mọi người, trong đó nổi bật nhất có lẽ là việc "quản" cuối cùng của ông: cuộc đi thăm miền Nam trong năm 1992.

Từ ngày 18 tháng 1 năm 1992 đến ngày 21 tháng 2 năm 1992, Đặng Tiểu Bình - một ông già 88 tuổi không đảm nhận chức vụ lãnh đạo gì nữa đã lần lượt đi thăm Vũ Xương, Thâm Quyến, Chu Hải và Thượng Hải và đã có những bài

phát biểu quan trọng. Tinh thần cơ bản của những bài nói đó đã trở thành tư tưởng chỉ đạo trong Đại hội 14 của Đảng được tổ chức sau đó ít lâu và cuối cùng đã được thể hiện ra trong báo cáo của Đại hội, từ đó mà xác định nên văn kiện mang tính cương lĩnh mới đặc sắc lấy xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa làm mục tiêu cải cách thể chế kinh tế của Đảng. Cho tới nay, thực tế đã chứng minh, thông qua việc "quản" đó, về cơ bản, đường lối của Đảng có thể nói là không gì lay chuyển nổi, bất kỳ ai cũng không lay chuyển được.

Việc "quản" cuối cùng này của Đặng Tiểu Bình có những đặc điểm cơ bản gì?

Về sau nó được chỉnh lý thành sáu phần lớn và được đăng tải trong "Đặng Tiểu Bình văn tuyển", mang lại cho chúng ta nhiều gợi mở.

1- Luôn kiên định bất di bất dịch.

Thành tựu của đặc khu kinh tế và của một số địa phương chứng tỏ rằng, trong điều kiện xã hội chủ nghĩa không những phải phát triển lực lượng sản xuất, "còn phải thông qua cải cách mở cửa để phát triển sức sản xuất". Thực tiễn mười mấy năm qua "đủ để chứng minh tính chính xác của đường lối, phương châm, chính sách của Hội nghị Trung ương 3, cho đến nay ai muốn thay đổi cũng không thể làm được". "Đương nhiên, cùng với sự phát triển của thực tiễn, cái gì cần hoàn thiện phải hoàn thiện, cái gì cần bổ sung sửa đổi thì bổ sung sửa đổi, nhưng tóm lại phải kiên định không thay đổi, ngay cả khi không có chủ ý gì mới cũng không sao, không được thay đổi, không để cho mọi người cảm thấy chính sách bị thay đổi. Có được điều đó, Trung Quốc sẽ có hy vọng lớn".

2- Phải dám thử, dám làm, mạnh dạn thử, mạnh dạn làm, dùng tiêu chuẩn khoa học để phân biệt chính xác chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mạnh dạn tiếp thu tất cả những thành tựu do xã hội loài người sáng tạo ra, trong đó bao gồm cả kinh tế thị trường:

Cải cách mở cửa "Nhằm trúng đích phải cần mạnh dạn thử, mạnh dạn làm". "Không có một chút tinh thần dám làm, một chút tinh thần mạo hiểm, không có dũng khí, không có cố gắng sẽ không thể tìm ra đường đi mới, không tìm ra đường đi mới sẽ không làm nên sự nghiệp mới".

Cải cách mở cửa mà không mạnh bước, không dám làm" thì điều tai hại là vấn đề "tính tư bản" hay "tính xã hội chủ nghĩa". Phán đoán tiêu chuẩn của

những cái đó cần phải là "Ba cái lợi", có nghĩa là có lợi cho phát triển sức sản xuất, tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước và nâng cao mức sống. "Bản chất của xã hội chủ nghĩa là giải phóng sức sản xuất, phát triển sức sản xuất, xoá bỏ bóc lột, xoá bỏ sự phân hoá thành hai cực, cuối cùng đạt tới sự giàu có chung".

Kinh tế kế hoạch hoá và kinh tế thị trường không phải là sự khác nhau về bản chất giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản và chúng chỉ là "thủ đoạn kinh tế" "chủ nghĩa xã hội cũng có thị trường", "Chủ nghĩa xã hội muốn giành được ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản tất phải mạnh dạn tiếp thu tất cả những thành quả mà xã hội loài người sáng tạo ra".

"Cần phải thực hiện từng bước sự giàu có chung, từng bước giải quyết vấn đề chênh lệch giàu nghèo giữa vùng duyên hải và các vùng khác trong nội địa".

3- Mấu chốt là phát triển kinh tế. Kinh tế phát triển cần phải nỗ lực sao cho mỗi một bước đi chỉ cần vài năm. Phát triển kinh tế tất phải dựa vào khoa học kỹ thuật và giáo dục, trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật "mỗi một ngành đều phải xác lập một mục tiêu chiến lược rõ ràng, và nhất định phải giành thắng lợi".

4- Cần phải kiên trì nắm chắc bằng cả hai tay, cả hai tay đều phải mạnh. Nhất thiết phải kiên trì từ đầu tới cuối bốn nguyên tắc cơ bản. "Củng cố và phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa còn cần phải một giai đoạn lịch sử rất dài, cần phải vài đời người, thậm chí vài chục đời người kiên trì nỗ lực phấn đấu, quyết không được lơ là buông lơi".

5- Cần phải có sự bảo đảm bằng cách dựa vào đường lối tổ chức. "Chúng ta nói đường lối cơ bản của Đảng cần phải quản 100 năm, muốn yên ổn lâu dài phải dựa vào điều này. Điều thực sự liên quan đến đại cục chính là việc này". "Hiện nay có một vấn đề, đó là quá nhiều chủ nghĩa hình thức". "Tôi kiến nghị cần nắm chắc vấn đề đó". "Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin cần phải tinh, phải hữu dụng". "Thực sự cầu thị là tinh tuý của chủ nghĩa Mác. Phải đề xướng cái đó chứ không phải những cái khác". "Sách mà tôi đọc không nhiều lắm, nhưng chỉ có một điều là phải tin lời Mao Chủ tịch đã nói: "Thực sự cầu thị".

6- Tôi tin rằng, số người tin chủ nghĩa Mác trên thế giới ngày càng nhiều lên". "Trung Quốc là một lực lượng kiên định bảo vệ hoà bình thế giới". "Trên

vai chúng ta phải gánh một gánh nặng, một trách nhiệm to lớn!"

Sáu vấn đề lớn kể trên, mặt nào cũng đều có nhưng nổi bật nhất là kinh tế, thời kỳ ngắn thời kỳ dài đều có, nhưng nổi bật là vấn đề lâu dài. Do vậy có thể thấy rằng muốn quản 100 năm thì các mặt cơ bản đều phải quản, nhưng mấu chốt là quản vấn đề căn bản nhất. Trước kia, hiện nay và tương lai đều phải quản, nhưng mấu chốt là trên cơ sở hiện thực mà nhìn về phía trước nhìn xa hơn, và trên cơ sở này để xử lý chính xác vấn đề hiện thực, đặc biệt là những vấn đề có hại, những vấn đề mấu chốt và những vấn đề liên quan đến đại cục trong đó.

CHƯƠNG 9

NGƯỜI LÙN LỢI HẠI

Tháng 11 năm 1957, tại Mátxcơva, Mao mạch Đông nói với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên xô (cũ) những sự việc và vấn đề cụ thể sẽ do đồng chí Đặng Tiểu Bình nói với các đồng chí? Lúc đó, các nhà lãnh đạo Liên Xô, đứng đầu là Khơrútxốp, chưa hiểu rõ về Đặng Tiểu Bình nên đã tìm hiểu ông qua những nhân viên hữu quan. Những người đã nhiều lần tiếp xúc với ông báo cáo lại cho Khơrútxốp rằng: "Con người này rất lợi hại, rất khó nói chuyện, ông ta rất ít lời, nhưng biết nắm những điểm yếu và những lỗ hổng của đối phương", Sau đó, Khơrútxốp nói với Mao Trạch Đông: "Con người này thật lợi hại, chớ lầm tưởng ông ta hơi lùn, nhưng trí tuệ và tư tưởng lại rất cao" "Đặng Tiểu Bình-con người rất lợi hại" hiển nhiên không phải là cảm giác và cách nhìn của riêng ai, cũng không chỉ biểu hiện riêng ở một vài mặt nào đó.

I. "Ông ta liệu đã từng sợ hãi rồi chăng"

Mọi người đều biết, Đặng Tiểu Bình là người theo chủ nghĩa hiện thực, là một vị lãnh đạo dồi dào tinh lực, luôn tiến lên phía trước. Ông ta liệu đã từng sợ hãi rồi chăng?" "Chẳng ai biết cả, nhưng xem ra ông không phải là người như vậy. Bất kỳ thế nào, ông cũng không bị khuất phục bởi sự sợ hãi và khó khăn. Ngược lại, có thể nói về ông qua lời đánh giá của một người Đức là: "Ông ta giống như những người đa mưu túc trí, trong hoàn cảnh khắc nghiệt biết lấy thủ để công". Thực sự, Đặng Tiểu Bình là một nhà lãnh đạo luôn dũng cảm tiến lên phía trước, là một người mưu trí biết lấy thủ làm công trong những hoàn cảnh khắc nghiệt.

Tháng 4 năm 1927, cục diện chính trị Trung Quốc có thay đổi. Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ lần lượt phản lai cách mạng, ở các thành phố lớn như

Thượng Hải, xe cảnh sát rú còi chạy loạn xạ. Nhiều đảng viên Cộng sản, công nhân, nông dân và học sinh tham gia cách mạng đã phải chết dưới lưỡi đao của kẻ thù. Khắp nơi trong thành phố đầy máu, cả Trung Quốc chìm trong đêm tối; khủng bố trắng lúc nào cũng đe doạ tính mạng các chiến sĩ cách mạng.

Phùng Ngọc Tường, một người vốn ngả theo cách mạng, nhưng lúc đó thái độ bỗng thay đổi rất nhanh, từng bước, từng bước ngả sang Tưởng Giới Thạch. Được sự giúp đỡ của những người cộng sản như Lý Đại Sửu và sự thúc đẩy của cao trào cách mạng, lòng yêu nước, yêu cách mạng của Phùng Ngọc Tường ngày càng mãnh liệt, ông ta còn được Trung ương cử sang Liên Xô khảo sát hơn hai tháng. Theo yêu cầu tha thiết của ông ta, Đặng Tiểu Bình và hơn 200 đảng viên cộng sản đã được điều tới công tác trong Quốc dân do ông ta lãnh đạo. Nhưng năm 1927, trong cuộc bão táp chính trị, do không nhận rõ được bộ mặt thật của Tưởng Giới Thạch nên đã bị Tưởng lôi kéo. Sau khi Tưởng làm phản, Đảng Cộng sản Trung Quốc và phái tả Quốc dân Đảng có một thời gian còn muốn bắt Tường nữa.

Đặng Diễn Đạt - nhân sĩ phái tả Quốc dân Đảng, Chủ nhiệm chính trị quân cách mạng Quốc dân nổi tiếng đáp xe đi Đồng Quan. Đặng Diễn Đạt phát biểu trong cuộc họp hoan nghênh tổng bộ liên quân Quốc dân, khi giới thiệu tình hình trong và ngoài nước đã vạch trần tội ác phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch. Trong tiếng hô vang đả đảo Tưởng Giới Thạch, người ta thấy Phùng Ngọc Tường có biểu hiện không vui. Điều này làm Đặng Diễn Đạt lúng túng, còn các tướng lĩnh cao cấp của quân Quốc dân Đảng trên lễ đài đều in lặng, chẳng ai nói gì.

Chính lúc đó, một người thanh niên tầm thước, chắc nịch từ hàng quân phía dưới bước lên phía trước vài bước, giơ cao nắm tay hô lên ba lần giọng Tứ Xuyên: "Đả đảo Tưởng Giới Thạch". Phùng Ngọc Tường nghe thấy, mặt biến sắc vội tuyên bố giải tán hội nghị. Người thanh niên đó cũng bị quân pháp bắt đi luôn. Sang ngày thứ hai, được sự bảo lãnh của Lưu Bá Kiên một đảng viên Cộng sản - người thanh niên đó mới được thả ra. Phùng Ngọc Tường đâu có ngờ rằng, người hô khẩu hiệu đó chính là Đặng Tiểu Bình, người mà nửa năm trước chính ông ta đã năm lần bảy lượt đề nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc cho về làm công

tác chính trị trong đơn vị của ông ta.

Sau đó, Phùng Ngọc Tường đã phải trải qua một khúc ngoặt của cuộc đời, ông ta bị Tưởng Giới Thạch kéo về, quân đội Quốc dân Đảng không thể dung nạp đảng viên Cộng sản nữa. Sau hội nghị Trịnh Châu và Từ Châu, ông ta đã tiến hành "phân chia và "thanh lọc" toàn bộ những đảng viên cộng sản do chính ông ta mời về ngay trong quân đội và vùng do ông ta quản lý. Thái độ của ông ta đã làm cho Tưởng Giới Thạch ôn hoà hơn một chút. Với danh nghĩa đi huấn luyện, ông ta đã đưa hết số đảng viên cộng sản "ra khỏi biên giới" trong đó có cả Đặng Tiểu Bình - Người thanh niên đã hô khẩu hiệu dạo nào.

Nghé con mới sinh không sợ hổ, Đặng Tiểu Bình chính là người có gan và chí đó. Bất chấp vẻ mặt không vui của Phùng Ngọc Tường trước các tướng sĩ, sau khi nghe Đặng Diễn Đạt vạch tội Tưởng Giới Thạch trong không khí lặng lẽ của cuộc họp, Đặng Tiểu Bình lòng tràn đầy căm giận đã tiến lên, hô vang ba lần câu khẩu hiệu khiến cho mọi kinh ngạc. Tất cả các đảng viên cộng sản và ngoài Đảng có mặt tại đó đều toát mồ hôi hột.

Phải khẳng định rằng, lúc ấy Phùng Ngọc Tường và Đặng Diễn Đạt hoàn toàn không ngờ tới chuyện đó. Người thanh niên hơi lùn đó chỉ hơn chục năm sau trở thành một con người mạnh mẽ trong đội ngũ do Mao Trạch Đông đứng đầu chống lại Tưởng Giới thạch, là một trong những vị tướng trí dũng song toàn khiến Tưởng Giới Thạch rất đau đầu.

Đánh đổ Tưởng Giới Thạch "đã trở thành một sự nghiệp nửa đời người của ông".

Tháng 4 năm 1946, ông cùng Lưu Bá Thừa dẫn quân chủ lực của Tấn Ký Lỗ Dự vượt Hoàng Hà, phát động chiến dịch Lỗ Tây nam, mở màn cho cuộc phản công chiến lược của Quân giải phóng đánh đuổi Tưởng Giới Thạch.

Tháng 8 năm 1947, ông cùng Lưu Bá Thừa lại dẫn quân vượt qua ngàn dặm tiến vào Đại Biệt Sơn và đứng vững ở đó, giống như chọc một mũi dao nhọn vào tim của Quốc dân Đảng, khiến cho Tưởng Giới Thạch đứng ngồi không yên.

Tháng 11 năm 1948, ông đảm nhận chức Bí thư Đảng uỷ tiền phương chỉ huy chiến dịch Hoài Hải, tiêu diệt hơn 55 vạn quân Quốc dân Đảng.

Tháng 4 năm 1949, ông lại cùng Lưu Bá Thừa, Trần Nghị... Chỉ huy cuộc tác

chiến vượt sông, trăm vạn hùng binh quân giải phóng đã vượt qua hàng ngàn dặm sông Trường Giang đánh thẳng vào Nam Kinh, sào huyệt của bọn phản động Quốc dân Đảng: Ngày 23 tháng 4, Quân giải phóng đã cắm ngọn cờ đỏ trên nóc dinh Tổng thống của Tưởng Giới Thạch ở Nam Kinh.

Vài ngày sau, Đặng Tiểu Bình và Trần Nghị bước vào dinh tổng thống Tưởng ở Nam Kinh, ngồi vào chỗ trước kia Tưởng ngồi.

Sau khi đánh đổ Tưởng Giới Thạch, Đặng Tiểu Bình gặp rất nhiều kẻ thù và những khó khăn đáng sợ. Không thể nói rằng ông chẳng sợ gì. Ông cũng có rất nhiều điều lo lắng và sợ hãi: ví như sợ dân không có cơm ăn, sợ Trung Quốc lạc hậu, sợ Trung Quốc mất thời cơ phát triển, sợ Trung Quốc loạn, sợ mình tuổi cao hay phạm phải sai lầm; ông cũng có rất nhiều điều lo lắng.

Đã có người từng viết một cuốn sách chuyên nói về chuyện này của ông, dài hơn 20 vạn chữ, nhưng vẫn chưa nói tới nỗi lo của ông về con cái và sức khoẻ của hai vợ chồng. Do vậy, hoàn toàn có thể khẳng định rằng ông cũng đã sợ mà còn có nhiều điều sợ hơn người bình thường và tính chất thì nghiêm trọng hơn. Nhưng đối với địch, dù là Tưởng Giới Thạch, Khorútxốp hay Lâm Bưu, "lũ bốn tên"; đối với những khó khăn như khó khăn ở Thiển Tây, Quảng Tây, Giang Tây, Sơn Tây, Đại Biệt Sơn, Trung Nguyên...hay thời kỳ đầu dựng nước; lúc chỉnh đốn hoặc thời kỳ cải cách mở cửa ông đều không bao giờ sợ cả. Cũng không thể nói ông hoàn toàn không sợ, bởi theo ông sợ cũng chẳng giải quyết được gì, cho nên ông luôn luôn vững một lòng tin. Không sợ, không sợ bất cứ kẻ địch nào, không sợ bất cứ khó khăn nguy hiểm nào.

Sự sợ hãi và lo lắng chẳng những là một phản ứng tâm lý bình thường mà (còn là một động lực thúc đẩy quan trọng của nhân loại và sự trưởng thành của con người. Nỗi sợ không được lên lớp, sợ không tìm được việc làm, sợ thất nghiệp, sợ phá sản, người khác coi thường... đã kích thích nhiều người phải cố gắng học tập, cố gắng công tác để từ đó mà trưởng thành lên. Cũng như vậy, một quốc gia, một dân tộc có ý thức lo lắng càng mạnh, cảm thấy mối nguy cơ càng lớn thì phát triển càng nhanh và càng vững hơn so với các quốc gia và dân tộc khác: Itxraen, Nhật Bản và nhất là nước Mỹ là một điển hình như vậy. Mao Trạch Đông từng nói, không phải nhân dân sợ đế quốc Mỹ mà đế quốc Mỹ sợ

nhân dân. Nỗi "sợ" của Mỹ còn lớn hơn cả Nhật và Itxraen, còn sâu sắc và mẫn cảm hơn nhiều. Họ chẳng những sợ những thứ mà Nhật Bản và Itxraen sợ, mà hầu như cái gì cũng sợ. Chính vì vậy, để an toàn cho bản thân nên họ nắm vững sự phát triển khoa học kỹ thuật và kinh tế, nếu có gì hơi bất lợi là lại hốt hoảng la lên: Nước Mỹ đang gặp nguy hiểm!

Đặng Tiểu Bình trở thành con người cứng rắn nhưng không phải là không sợ, mà thông qua những thử thách lâu dài của chiến tranh cách mạng, ông đã nắm chắc một phương sách lớn: càng sợ sẽ càng đáng sợ hơn, càng không sợ sẽ càng không sợ hơn.

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, với khí phách và lòng quả cảm của một nhà chính trị, nhà cách mạng vĩ đại, Mao Trạch Đông đã tới Trùng Khánh đàm phán với Tưởng Giới Thạch. Đây là một sự kiện lớn của thế giới cũng như của Trung Quốc lúc bấy giờ.

Tưởng Giới Thạch đã ba lần gửi điện mời Mao Trạch Đông đến đàm phán. Trước đó Tưởng Giới Thạch nắm quyền chủ động chính trị ở Trung Quốc, nhưng khi Mao Trạch Đông cương quyết đến Trùng Khánh, quyền chủ động đã bắt đầu chuyển sang phía Đảng Cộng sản. Việc đi Trùng Khánh của Mao Trạch Đông đã làm tăng cơ hội thực hiện hoà bình. Trực tiếp đàm phán với Tưởng Giới Thạch, ngoài việc có thể tranh thủ được một số điều kiện có lợi, còn tranh thủ được sự đồng tình của các phe phái trung gian và dư luận quốc tế, có lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao, tránh được việc Mỹ mượn cớ để chi viện qui mô lớn cho Tưởng. Nếu cuộc nội chiến toàn diện bùng nổ, Tưởng sẽ không thể đổ trách nhiệm gây ra nội chiến cho Đảng Cộng sản. Lúc đó, Trung ương Đảng xác định phương châm kết hợp đấu tranh cả ở trong và ngoài bàn đàm phán. Trong "Thông tri về cuộc đàm phán hoà bình với Quốc dân Đảng" của trung ương Đảng có viết: "Nếu có kẻ tới xâm phạm thì chỉ có đánh, Đảng ta cương quyết đứng trên lập trường tự vệ để tiêu diệt hết chúng, tuyệt đối không để cho khí thế hung hăng của bọn phản động đe doạ".

Quốc dân Đảng không hề có thành ý đàm phán. Trong thời gian đàm phán vào tháng 9, Tưởng đã gửi điện mật cho các Tư lệnh chiến khu của họ, gọi Đảng Cộng sản là "gian Đảng": "Trước mắt, trong khi đàm phán với "gian Đảng", vẫn

cần phải theo dõi chặt yêu cầu và mục đích của họ để kéo dài thời gian, làm dịu dư luận quốc tế. Quân ta phải nắm chắc thời cơ, nhanh chóng thu phục các thành phố trong khu vực địch chiếm giữ. Chờ khi quân ta khống chế được tất cả các tuyến giao thông chiến lược trọng yếu, buộc quân chúng phải đầu hàng, rồi trên thế ưu việt về quân sự sẽ đàm phán cụ thể với "gian Đảng". Nếu không khuất phục được bằng nguyên tắc thống nhất mệnh lệnh của Chính phủ và quân đội thì sẽ dùng thổ phỉ để tiêu diệt "gian Đảng".

Mao Trạch Đông dám nhận lời mời của Tưởng để đi đàm phán.

Bước vào hang cọp cần phải có "đại trí đại dũng".

Trả lời sự xâm phạm của quân Quốc dân Đảng, quân ta dám đánh.

Một tấc đất cũng phải giành lại, cuộc đối đầu quyết liệt cần có gan.

Khí phách và lòng quả cảm của lãnh tụ và tướng sĩ cùng kết lại, bình tĩnh đối phó với Quốc dân Đảng.

Trong khi Tưởng tiếp tục gửi điện mời Mao Trạch Đông tới Trùng Khánh đàm phán, quân đội của họ đã được chuyển từ tây sang đông, từ nam lên bắc dọc theo các tuyến đường sắt Bình Thoả Đồng Bồ, Bình Hán, Tân Phố... để tiến vào căn cứ địa của Đảng Cộng sản. Hạ tuần tháng 8, Diêm Tích Sơn, Tư lệnh chiến khu hai quân Quốc dân Đảng đã điều 7 sư đoàn được tiếp ứng của quân Nhật và quân nguỵ đã đánh chiếm dọc tuyến đường Đồng; đồng thời Sử Trạch Ba, quân đoàn trưởng quân đoàn 19 đã dẫn 5 sư đoàn với hơn một vạn sáu ngàn quân xâm nhập vào khu giải phóng Tấn, Ký, Lỗ, Dự, đánh chiếm Nang Đàn, Trường Trị, Trường Tử, Đồn Lưu v.v... Khu giải phóng này là cửa ngõ của vùng Hoa Bắc, phía tây có ba dãy núi Thái Hàng, Thái Nhạc và Trung Điều; phía đông là đồng bằng lớn mênh mông của Giang Bắc, Sơn Đông; phía nam là con sông Hoàng Hà luôn cuộn sóng; phía bắc là tuyến giao thông đường bộ Chính Thái. Lưu Bá Thừa gọi mảnh đất Yến Triệu cổ này là "mảnh đất bốn chiến địa". Mảnh đất chiến lược quan trọng này trở thành hướng tiến công chủ yếu của Quốc dân Đảng. Ngay từ đầu đã xảy ra giao tranh ác liệt. Phía đông nam Sơn Tây có một khu vực của Trung ương, vùng này được ba dãy núi bao bọc với huyện lỵ Trường Trị làm trung tâm. Đây là một vùng bằng phẳng giữa các dãy núi trùng điệp, từ xưa đến nay luôn là nơi hiểm yếu của các nhà quân sự. Quốc dân Đảng

xâm nhập vùng này với ý đồ lấy đó để dân tộc ta phải nhượng bộ khi đàm phán.

Lúc ấy Mao Trạch Đông đang chuẩn bị tới Trùng Khánh đàm phán.

"Đánh hay không đánh?"

Nếu đánh, liệu có gây bất lợi cho sự an toàn của Mao Trạch Đông không? Còn không đánh thì Mao Trạch Đông sẽ bị rơi vào bất lợi trong đàm phán.

Ngày 25 tháng 8, Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình thỉnh thị Mao Trạch Đông phải đối phó với cuộc tấn công này ra sao? Mao Trạch Đông đã chỉ thị: "Các đồng chí lập tức quay về tiền phương, tổ chức đánh ngay, chớ lo tới sự an toàn của tôi; các đồng chí đánh càng tốt thì tôi càng an toàn, đàm phán cũng càng tốt. Để bảo vệ thành quả cuộc kháng chiến chống Nhật và phối hợp với cuộc đàm phán ở Trùng Khánh, phải kiên quyết và nhanh chóng tiêu diệt kẻ thù.

Nhận lệnh xong, hai ông bay ngay về Sở chỉ huy tác chiến ở Thái Hàng Sơn chuẩn bị kế hoạch tác chiến, quyết tâm tiêu diệt toàn bộ quân địch, để tăng thêm sức nặng trong bàn đàm phán của Mao Trạch Đông.

Hai ông đã lập kế hoạch tác chiến, báo cáo Quân uỷ Trung ương: Tập trung chủ lực ở Thái Hàng và 28.000 quân ở Dự nam, mở chiến dịch Thương Đảng, kiên quyết tiêu diệt 16.000 quân của Diêm Tích Sơn khi chúng xâm nhập vào Thượng Đảng. Đồng thời, chủ lực bộ đội Tấn-Ký-Lỗ-Dự tấn công quân Nhật và quân nguỵ ở phía bắc trục đường Lũng Hải; bộ đội Thái Nhạc tăng cường phá đường; bộ đội Thái Hàng, Thái Nhạc tấn công lấy lại các cứ điểm như Tiêu Tác, Tẩm Dương, quét sạch quân nguỵ dọc các tuyến đường.

Đối với bộ đội mà nói, lần này động viên binh lực lớn, tác chiến trên diện rộng, quân địch lại đông là điều chưa từng có bao giờ. Đây lại là trận đầu tiên của cuộc chiến tranh tự vệ, nên những suy nghĩ thấu đáo của Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình trong bầu không khí hào hùng được thể hiện rất rõ ràng.

Để đánh thật tốt trận này, hai ông đã tiến hành một loạt các công việc sau:

1 - Yêu cầu phải làm cho bộ đội hiểu rõ ý nghĩa của cuộc chiến đấu, phải lấy niềm tin tất thắng để cổ vũ sĩ khí. Trong hội nghị nghiên cứu bố trí tác chiến, Đặng Tiểu Bình nói: "Vấn đề căn bản là thành quả thắng lợi của cuộc chiến vào tay ai; Tưởng Giới Thạch, Diêm Tích Sơn muốn thò tay ra để cướp lấy, ta quyết

"không để chúng cướp đi". Lưu Bá Thừa nói: "Quân đội Quốc dân Đảng tiến quân dọc theo bốn tuyến đường sắt, bốn móng vuốt đó thò vào chúng ta, quả bóng đang đá vào cánh cửa khu giải phóng Hoa Bắc của chúng ta. Chúng ta phải giữ chắc cửa đó để bảo vệ khu giải phóng, yểm hộ bộ đội Đông Bắc tiến hành triển khai chiến lược". Đặng Tiểu Bình còn đến tận nơi động viên bộ đội, kêu gọi mọi người: "Chiến đấu để bảo vệ thành quả thắng lợi", chiến đấu để ủng hộ sự đàm phán của Mao Trạch Đông". Trước việc, một số cán bộ chiến sĩ lo lắng khi Mao Trạch Đông đi Trùng Khánh, Đặng Tiểu Bình nói: "Chúng ta đánh chiến dịch Thượng Đảng càng tốt bao nhiêu, diệt địch càng triệt để bao nhiêu thì Mao Trạch Đông càng an toàn bấy nhiêu, trên bàn đàm phán Mao Chủ tịch càng có sức mạnh bấy nhiêu".

"Chiến đấu để ủng hộ Mao Chủ tịch đàm phán" trở thành tiếng nói chung của mọi người.

2 - Bổ sung thêm quân, chỉ trong vòng hơn một tháng, riêng hai Khu Thái Hàng và Thái Nhạc đã được bổ sung thêm 35.000 người.

3 - Biên chế bộ đội thành các đơn vị để thích hợp tác chiến với binh đoàn lớn. Tạm thời gộp bộ đội chủ lực ở khu Thái Hàng, Thái Nhạc, Ký Nam thành một thê đội dã chiến.

4 - Trước tình hình chuẩn bị tác chiến binh đoàn lớn, Đặng Tiểu Bình và Lưu Bá Thừa cùng ký một "Chỉ thị về một số vấn đề chiến thuật trong chiến dịch Thượng Đảng". Chỉ thị đã phân tích một cách toàn diện đặc điểm tác chiến của quân đội của Diêm Tích Sơn, giới thiệu tỉ mỉ các yếu lĩnh chiến thuật tác chiến trong thành phố và ở các giai đoạn khác nhau, yêu cầu bộ đội phải huấn luyện kỹ theo chiến thuật đó.

Ngày 10 tháng 9, cuộc chiến bắt đầu. Do sự bố trí binh lực rất chu đáo của hai ông nên chỉ trong 10 ngày, quân ta đã lần lượt công phá được năm huyện lỵ xung quanh Trường Trị, tiêu diệt 6000 tên địch, cắt đứt mối liên hệ giữa Trường Trị với Thái Nguyên, Bình Dao, làm cho hàng vạn quan quân của Sử Trạch Ba bị cô độc trong Trường Trị.

Sau khi bộ đội tiến công Trường Trị, Sử Trạch Ba đã gửi điện khẩn yêu cầu Diêm Tích Sơn đưa quân đến chi viện. Sơn đã điều 8 sư đoàn theo đường Bạch

Tấn đến giải vây cho Trường Trị.

Kế hoạch lúc đầu của quân ta là đồng thời tấn công thành cả ba mặt đông, nam, tây để ngỏ phía bắc dụ địch tháo chạy theo hướng đó, rồi dùng quân dã chiến tiêu diệt. Sau khi được tin quân tăng viện của địch đi từ hướng nam tới, ta đã lập tức điều chỉnh bố trí, áp dụng chiến thuật bao vây chặn viện và dụ địch tới một khe hẹp ở vùng Ma Bàn Não, núi Ông già và Quan Thượng. Để giải quyết gọn hơn, ta đã điều thê đội Ký Nam bắc tiến để tham chiến, chỉ để lại một bộ phận nhỏ ngoài Trường Trị theo dõi địch. Tránh địch cùng đường làm liều, ta áp dụng chiến thuật "vi tam khuyết một", cố ý để một cửa ở phía bắc cho địch chạy qua đó để quân ta tiêu diệt.

Quả nhiên, sau khi bị đánh ở núi Ông già, bọn địch (cả quân bị vây và quân tăng viện), ngay trong đêm đã phá vòng vây ở hướng bắc để tháo chạy. Quân ta bám theo truy kích địch làm cho đội hình chúng vỡ nát, tháo chạy thục mạng và chúng lũ lượt nộp vũ khí đầu hàng. Ngoài hơn hai ngàn tên chạy được về huyện Tẩm ra, hơn một vạn bảy ngàn còn lại đều bị tiêu diệt, hơn một chục tướng bị bắt, phó tư lệnh tập đoàn quân số 7 cũng bị bắn chết.

Nghe tin viện binh bị tiêu diệt bọn địch trong Trường Trị đã vô cùng hoảng sợ, liền bỏ thành chạy. Đặng Tiểu Bình và Lưu Bá Thừa nắm lấy cơ hội, điều động lực lượng ở Thái Nhạc hành quân gấp, phối hợp cùng lực lượng vũ trang địa phương truy kích địch, cầm chân chúng, tạo thành thế bao vây liên hoàn, cuối cùng đã tiêu diệt hoàn toàn hơn một vạn quân địch, bắt sống tên chỉ huy cao nhất và cả Sử Trạch Ba - quân đoàn trưởng quân đoàn 19, chiến dịch Thượng Đảng chỉ hơn một tháng đã kết thúc thắng lợi.

Lưu, Đặng chỉ huy hơn ba vạn một ngàn quân, tiêu diệt hơn ba vạn năm ngàn quân địch thuộc 13 sư đoàn quân của Diêm Tích Sơn, thu được rất nhiều vũ khí đạn được. Đây là trận đánh tiêu diệt lớn đầu tiên giữa ta và Quốc dân Đảng kể từ sau kháng chiến thắng lợi và thắng lợi này đã giáng một đòn đau vào những kẻ xâm phạm vùng giải phóng, cổ vũ ý chí của quân dân ta, phối hợp rất tốt với cuộc đàm phán của Mao Chủ tịch ở Trùng Khánh.

Thời gian tiến hành chiến dịch Thượng Đảng cũng chính là những ngày đàm phán rất khó khăn. Tưởng Giới Thạch tính toán rằng: Diêm Tích Sơn đánh bại

Lưu, Đặng, có thể ép cộng sản đàm phán phải nhượng bộ. Nhưng khi được tin quân đội đại bại, ảo tưởng của ông ta cũng tan tành nên đành phải đốc thúc cấp dưới nhanh chóng ký "Hiệp định mười điều song phương" và còn vạch trần mình bằng câu nói: Quân của Diêm Tích Sơn vào xâm phạm Thượng Đảng không có liên quan gì tới "Trung ương" cả.

Được tin chiến dịch thắng lợi, Mao Trạch Đông rất phấn khởi. Sau khi quay về Diên An ít lâu, trong "Báo cáo về cuộc đàm phán Trùng Khánh; ông đã đánh giá rất cao tác dụng quan trọng của chiến dịch Thượng Đảng. Ông chỉ ra rằng: Hoà bình chỉ là viết trên giấy nhưng thực tế lại không được thực hiện, một số nơi vẫn còn đánh lớn, ví dụ như vùng Thượng Đảng của Sơn Tây... Nơi nào có cá có thịt là địch lại điều quân tới cướp. Phương châm chúng ta là phải đánh, phải giành từng tấc đất... Vừa rồi chúng ta đánh rất tốt, đã tiêu diệt toàn bộ 13 sư đoàn địch. Địch dùng 38000 quân tiến công, ta cũng dùng 31.000 bộ đội, nhưng tiêu diệt 35.000 quân địch, chỉ 2000 chạy thoát và 1000 phân tán các nơi. Những trận như vậy cần phải được tiếp tục đánh.

Thắng lợi của chiến dịch Thượng Đảng giáng một đòn nặng vào Tưởng Giới Thạch, đem lại sức mạnh ủng hộ to lớn cho cuộc đàm phán của Mao Chủ Tịch.

Chiến dịch này làm tăng vị trí của Đảng trong đàm phán, cổ vũ lòng tin chiến thắng Quốc dân Đảng của quân dân vùng giải phóng, củng cố hậu phương, đẩy nhạnh tốc độ chuyển biến của quân ta từ các binh đoàn đánh du kích chuyển sang thành các binh đoàn chính qui, thích ứng với các cuộc tác chiến vận động qui mô lớn.

Nhưng cần biết rằng, việc hạ quyết tâm đánh chiến dịch này lúc đầu không phải dễ dàng.

Như trên đã nói, trong kháng chiến chống Nhật, quân ta chiến đấu rất cơ động, linh hoạt, có thời đã xoá bỏ cả các đơn vị chủ lực; cho mãi tới sau chiến tranh mới dần tác chiến tập trung, nhưng vẫn chưa tác chiến binh đoàn với qui mô lớn. Lúc đó, biên chế bộ đội rất thiếu, các trung đoàn phần lớn chỉ dưới một ngàn người. Trang bị cũng rất kém, toàn bộ bộ đội của Lưu Đặng chỉ có 6 khẩu sơn pháo; một nửa các trung đoàn có từ 2 đến 4 khẩu pháo, 3 đến 4 khẩu súng máy. Các chiến sĩ mới phần lớn còn dùng mã tấu. Đạn được cũng rất thiếu thốn,

không ít khẩu súng trường chỉ có vài viên đạn. Chính trong tình trạng đó mà chúng ta phải hạ quyết tâm đánh chiến dịch Thượng Đảng.

Thắng lợi của chiến dịch này là do Đặng Tiểu Bình, Lưu Bá Thừa có quyết tâm chiến thắng, có dũng khí và nghệ thuật chỉ huy chiến đấu cao siêu.

Ngày 5 tháng 1 năm 1975, Trung ương Đảng phát đi văn kiện số 1, bổ nhiệm Đặng Tiểu Bình làm Phó chủ tịch Quân uỷ Trung ương kiêm Tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Từ ngày 8 đến ngày 10 tháng 1 tại Hội nghị Trung ương 2 khoá 10. Đặng Tiểu Bình được bầu làm Uỷ viên thường trực Bộ Chính trị Trung ương Đảng kiêm phó chủ tịch Đảng, phụ trách công tác thường trực của cả Trung ương và Quốc vụ viện. Đó là lúc Đảng và đất nước rơi vào hoàn cảnh vô vàn khó khăn, Mao Trạch Đông đang sống những ngày cuối cùng, Chu Ân Lai thì bệnh rất nặng. "Lũ bốn tên" lại đang chờ thời cơ, toan tính cướp quyền. Lúc đó các chân rết của chúng đã cài cắm khắp nơi, khói lửa bốc ngút trời. Chúng coi Đặng Tiểu Bình - người vừa được phục chức là trở ngại chính trong việc tiếm quyền của chúng nên đã gài bẫy khắp nơi và tố cáo ông trước mặt Mao Trạch Đông. Trước những hành động ngạo ngược của chúng, nhiều cán bộ quần chúng rất phẫn nộ nhưng không dám lên tiếng bởi chúng nắm hết quyền lực trong tay. Ai lại không sợ? Chỉ có Đặng Tiểu Bình là không sợ.

Trong hội nghị Bộ Chính trị ngày 17 tháng 10 năm 1974, bè lũ Giang Thanh đã mượn vấn đề tàu "Phong Khánh" để gây sự, tấn công Đặng Tiểu Bình.

Tàu Phong Khánh" là một tàu vận tải biển loại lớn thuộc công ty vận tải biển Thượng Hải do Trung Quốc tự thiết kế chế tạo, đầu năm 1974 đã đi biển thành công. Trong quá trình nghiệm thu, bên đóng tàu và bên sử dụng tàu có một số ý kiến bất đồng. Bè lũ Giang Thanh đã lợi dụng việc nhỏ này đổ tội cho nơi khác, nói rằng có người không muốn xây dựng ngành đóng tàu của mình, chụp mũ cho họ là người "Theo triết học nô dịch của phương Tây", "Theo chủ nghĩa bán nước". Trong hội nghị Bộ chính trị, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều và một số người khác dĩ nhiên đưa ra vấn đề tàu "Phong Khánh", buộc Đặng Tiểu Bình phải tỏ rõ thái độ. Đặng Tiểu Bình nói, cần phải điều tra rõ việc này, Giang Thanh đùng đùng nổi giận, nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn nghiêm túc: “Bộ Chính trị thảo luận cần phải bình đẳng không nên dùng thái độ áp đặt để đối xử với

người khác". Giang Thanh nói: "Tôi đã biết trước là đồng chí sẽ nhảy ra. Quả như vậy!" Đặng Tiểu Bình rất coi thường người đàn bà này, hiên ngang rời khỏi hội trường.

Hôm sau, "Lũ bốn tên" cử Vương Hồng Văn đi Trường Sa gặp Mao Trạch Đông để tố cáo, nhưng thật không ngờ lại gặp thái độ mềm dẻo của Mao Trạch Đông.

Đặng Tiểu Bình dám đối chọi với Giang Thanh bởi ông biết rằng lúc đó Mao Trạch Đông đã cảnh giác với âm mưu tiến quân của "lũ bốn tên", ông biết nắm lấy thời cơ để đấu tranh với "lũ bốn tên", biết mượn "thế" để chống trả.

Mùa xuân năm 1975, với sự ủng hộ của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình mạnh dạn trừ bỏ mọi mầm bệnh, nắm lấy chỉnh đốn và sản xuất để đè bẹp "tư tưởng tả", toàn quốc xuất hiện cảnh tượng rất sôi nổi. Nhưng "lũ bốn tên" lại coi "chỉnh đốn" là thứ "chủ nghĩa kinh nghiệm" để phê phán rất hung hăng. Ngày 3 tháng 1, trong cuộc toạ đàm giữa các chủ nhiệm chính trị các đơn vị lớn trong toàn quân, Trương Xuân Kiều đã mượn cớ nói về sự quan trọng của việc học tập lý luận để đưa ra vấn đề "chống chủ nghĩa kinh nghiệm", thổi phồng lên rằng - trước mắt chủ nghĩa kinh nghiệm là mối nguy hiểm chủ yếu và yêu cầu đưa việc phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm thành "cương lĩnh" của các mặt công tác. Diêu Văn Nguyên lập tức chỉ thị "Nhân dân nhật báo" đăng xã luận, trọng điểm nổi bật phải là "Nguy hiểm chủ yếu là chủ nghĩa kinh nghiệm". Giang Thanh đích thân truyền đạt chỉ thị qua điện thoại nhấn mạnh:

"Nguy hiểm chủ yếu của Đảng ta hiện nay không phải là chủ nghĩa giáo điều mà là chủ nghĩa kinh nghiệm", "Chủ nghĩa kinh nghiệm là đồng Đảng của chủ nghĩa xét lại, là kẻ thù lớn trước mắt".

Dưới sự chỉ huy của "lũ bốn tên", báo chí cả nước đều đăng bài phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm; tiếng trống thúc giục "chống chủ nghĩa kinh nghiệm" một thời đã vang lên khắp nơi. "Vệ tinh lên trời, cờ đỏ rơi xuống đất", "Nguy hiểm của sự mất Đảng, mất nước", những ngôn từ dựng tóc gáy ấy tràn ngập trên các phương tiện thông tin.

Đứng trước sự khiêu chiến của "lũ bốn tên". Đặng Tiểu Bình vẫn hiên ngang không hề lùi bước. Ông nhiều lần kêu gọi các cán bộ lãnh đạo trước tình hình

gay go, phức tạp đó phải dám đấu tranh, không sợ bị đánh đổ. Trước các phe phái phải dám phê phán, dám đấu tranh, dám xông vào chỗ hiểm nguy. Trong không khí lúc đó, cuộc đấu tranh với "lũ bốn tên" tốt nhất là có được sự ủng hộ của Mao Trạch Đông.

Trung tuần tháng 4, sau khi cùng Mao Trạch Đông tiếp khách nước ngoài, Đặng Tiểu Bình đã báo cáo với Mao Trạch Đông vấn đề lấy "chống chủ nghĩa kinh nghiệm làm cương lĩnh do Trương Xuân Kiều đưa ra để Mao Trạch Đông chú ý tới động hướng sai lầm này của "Bè lũ bốn tên".

Sau một thời gian Đặng Tiểu Bình chủ trì công tác Đảng và lãnh đạo đất nước, với chiêu bài đẩy mạnh chống chủ nghĩa kinh nghiệm, "lũ bốn tên" chĩa mũi nhọn vào Đặng Tiểu Bình và một số cán bộ già có nhiều kinh nghiệm, điều này hoàn toàn đi ngược với tư tưởng "Đoàn kết ổn định", "Phải làm kinh tế quốc dân" của Mao Trạch Đông. Ngày 23 tháng 4, Mao Trạch Đông đã phê chuẩn báo cáo thỉnh thị về vấn đề học tập lý luận đăng trên Tân Hoa xã chỉ rõ:

"Phương pháp đưa ra là cần chống chủ nghĩa xét lại bao gồm cả chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa giáo điều, cả hai đều là xét lại chủ nghĩa Mác, phải đưa ra cả hai chứ không chỉ là một mà bỏ qua cái kia". Mao Trạch Đông còn viết: "Người thực sự hiểu chủ nghĩa Mác trong Đảng không nhiều lắm; một số người tự cho mình đã hiểu, thực ra là không hiểu vậy mà hơi một tí đã đi dạy người khác. Đó cũng là một biểu hiện không hiểu chủ nghĩa Mác".

Những lời phê chuẩn của Mao Trạch Đông được đưa ra đã lập tức có tác dụng rất lớn. Rất nhiều bài phê phán chủ nghĩa kinh nghiệm đang in phải dừng lại. Vô số những lời phê phán gay gắt đáng sợ của trào lưu ngược đã lập tức im lặng.

Những tình hình mà Đặng Tiểu Bình báo cáo đã làm cho Mao Trạch Đông thấy rõ ý đồ của Giang Thanh hơn, và ông đã cảnh giác hơn. Ngày 3 tháng 5, Mao Trạch Đông triệu tập các Uỷ viên Bộ chính trị lại để nói chuyện. Ông đã phê bình Giang Thanh, Trương Xuân Kiều, Diêu Văn Nguyên, Vương Hồng Văn ngay tại chỗ: Các đồng chí chỉ hận chủ nghĩa kinh nghiệm mà không hận chủ nghĩa giáo điều. Tôi thấy Giang Thanh chính là một người kinh nghiệm nhỏ nhoi.

Trong lần nói chuyện đó, ông đã nhắc lại rằng: "Cần phải theo chủ nghĩa

Mác, không được theo chủ nghĩa xét lại; Cần đoàn kết không được chia rẽ: phải quang minh chính đại, không được làm mưu quỉ kế".

Ông còn phê phán "lũ bốn tên: "Không được làm theo bốn tên kia, tuyệt đối không được làm, vì sao phải làm theo họ? Vì sao lại không đoàn kết như hơn hai trăm Uỷ viên Trung ương Đảng, chỉ làm theo số ít người là không tốt, xưa nay đều không tốt" Ông yêu cầu "lũ bốn tên" phải tự phê bình sai lầm của mình. Ông cảnh cáo Giang Thanh: "Không được tuỳ tiện, phải có kỷ luật, phải cẩn thận, đừng có tự mình đưa ra chủ trương, nếu có ý kiến gì phải thảo luận với Bộ Chính trị, những văn bản được in ra phát đi phải trên danh nghĩa Trung ương, không được dùng danh nghĩa cá nhân, ví dụ như đừng lấy danh nghĩa của tôi. Tôi chưa bao giờ phân phát những tài liệu gì cả". "Cần giữ kỷ luật" "Uỷ viên Trung ương càng phải cẩn thận hơn".

Những lời nói của Mao Trạch Đông là một lời cảnh cáo và đe doạ đối với "lũ bốn tên". Trước kia, họ đã lấy danh nghĩa của Mao Trạch Đông để làm nhiều chuyện khuất tất, nhiều âm mưu nay đã phải co vòi lại.

Ngày 27 tháng 5 và ngày 3 tháng 6, căn cứ vào chỉ thị của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị tiến hành phê phán ba sự kiện mà "lũ bốn tên" đã làm trong vài năm gần đây là: "Cuộc đấu tranh đường lối lần thứ 11", "Phê Lâm, phê Khổng, phê phán chạy cửa sau và chống chủ nghĩa kinh nghiệm". Phần lớn các Uỷ viên Bộ chính trị đã phát biểu phê phán "lũ bốn tên", làm chúng phải cúi đầu không nói được gì. Sau hội nghị, bọn họ mới nói rằng: "Nói như vậy là hơi quá", "đột ngột tập kích", "bao vây tấn công" họ.

Trong hội nghị tiếp sau, Đặng Tiểu Bình đã phản bác lại, nói rằng thực ra những vấn đề của "lũ bốn tên" "chưa nói tới bốn mươi phần trăm, hai mươi phần trăm cũng khó nói, càng không thể nói tới chuyện "đột ngột tập kích" "quá lời", mà đối chiếu với chỉ thị của Mao Chủ tịch nói như vậy vẫn còn quá nhẹ".

Ông đã hỏi thẳng "lũ bốn tên" về cái gọi là "Cuộc đấu tranh đường lối lần thứ 11: "Nếu cần đưa vấn đề ra, vì sao lai chỉ có ba sự kiện này? Vì sao lại như vậy? Với những việc này, không nói rõ sẽ chẳng có gì tốt đẹp cả".

Ông còn nói rằng, Mao Chủ tịch đề ra "Ba cần, ba không cần". Tổng quát những kinh nghiệm lịch sử. Không dẹp hẳn bè phái là không thể được. "Lũ bốn

tên" đáng để ta cảnh giác.

Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Trần Tích Liên cũng lần lượt phát biểu phê phán họ.

Sau một hồi im lặng, Vương Hồng Văn đã phát biểu tự phê bình mình. Giang Thanh cũng buộc phải tự kiểm thảo đối với cuộc họp lần trước là "tự phê bình chưa đủ, lại còn có những chỗ chưa xác đáng, còn phải tăng cường nhận thức sâu hơn. Bà ta còn nói: "Tôi còn cần thời gian để ngấm đã, còn phải xem thêm một số việc rồi sẽ kiểm điểm thêm".

Không đầy một tháng sau, Giang Thanh nộp bản kiểm điểm cho Mao Trạch Đông và Bộ Chính trị, tự tiến hành kiểm điểm về một trong ba việc mà họ đã làm trong hơn một năm qua: Về vấn đề "cuộc đấu tranh đường lối lần thứ 11" là những lời nói trái của cá nhân, tôi xin lỗi đồng chí Chu Ân Lai và Diệp Kiếm Anh; việc phê Lâm, phê Khổng, phê phán đi cửa sau, làm lẫn lộn tính chất khác nhau của hai việc, chỉ mở rộng mặt đánh, tạo ra sự mất đoàn kết, mất yên ổn. Về vấn đề tự tạo ra chủ chương và phân phát tài liệu ra khắp mọi nơi là việc vô tổ chức, vô kỷ luật, phá hoại sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Về vấn đề nguy cơ chủ yếu trước mắt là chủ nghĩa kinh nghiệm, cách đặt vấn đề chủ quan, phiến diện, để gây lẫn lộn về tư tưởng, chỉ mở rộng mặt "đánh" sẽ tạo ra mất đoàn kết nghiêm trọng. Cuối cùng, bà ta thừa nhận: "Lũ bốn tên" là một tồn tại khách quan "có khả năng phát triển thành chủ nghĩa bè phái chia rẽ Trung ương".

Trương Xuân Kiều với tình cảm phức tạp hơn, chỉ ghi trong sổ tay một hàng chữ: "Im lặng, im lặng, càng im lặng".

Từ nhiều ngày này, Giang Thanh và một số người làm mưa gió trên chính trường Trung Quốc, nay đã buộc phải tiếp thu phê bình và đó cũng là lần đầu tiên Đặng Tiểu Bình đứng trước nguy cơ đã nhận lệnh tấn công mạnh mẽ vào "Bè lũ bốn tên". "Chiếc kim" để trong "bọc" của ông đã xuất hiện đúng vào thời điểm then chốt nhất.

Dũng khí đấu tranh với "lũ bốn tên" của Đặng Tiểu Bình đương nhiên xuất phát từ tính nguyên tắc, từ lòng trung thành vô bờ bến đối với Đảng và cách mạng của ông. Sở dĩ ông đã buộc bè lũ bốn tên một thời đầy quyền lực phải tạm thời cúi đầu nhận phê bình là vì ông đã có chỗ dựa chắc là sự ủng hộ của Mao

Trạch Đông, mượn quyền uy to lớn của chủ tịch để làm việc.

Đặng Tiểu Bình đã nói rằng: "... Nói tới cải cách, kỳ thực ngay từ năm 1974, 1975 chúng tôi đã thử nghiệm một giai đoạn rồi... "Cải cách lúc đó được gọi là chỉnh đốn, nhấn mạnh muốn làm được kinh tế, trước tiên phải khôi phục trật tự sản xuất". Thực sự là trong năm 1974, 1975 cả nước đã nổi lên hồi còi chỉnh đốn toàn diện.

Với "Bàn tay sắt", Đặng Tiểu Bình hạ quyết tâm cứu nền kinh tế quốc dân đang dần bị phá vỡ bởi sự phá hoại của "Đại cách mạng văn hoá" và của Lâm Bưu cùng "Bè lũ bốn tên". Lúc đó, tuy lũ bốn tên phải co vòi lại vì sự phê phán của Mao Trạch Đông, nhưng vẫn ngấm ngầm toan tính chống lại. Đặng Tiểu Bình lúc đó đã dũng cảm lội ngược dòng, với quyết tâm không sợ bị đánh đổ lần thứ hai, vén mở bức màn chỉnh đốn ra.

Chỉnh đốn không phải là vấn đề của một ngành nào, bởi vì tai hoạ mang tính toàn quốc, cho nên phải triển khai toàn diện: Đảng phải chỉnh đốn. Quân đội phải chỉnh đốn. Công nghiệp nông nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, giáo dục, khoa học kỹ thuật đều phải chỉnh đốn. Chính sách văn nghệ phải điều chỉnh - điều chỉnh thực chất cũng là chỉnh đốn.

Nội dung của chỉnh đốn và điều chỉnh không thể nói là ít, trận tuyến cũng không thể nói là hẹp, các động tác cũng không hề nhỏ, sức lực cũng phải rất mạnh.

Mục đích là gì đây? Đó là "thông qua chỉnh đốn để giải quyết các vấn đề về nông thôn, nhà máy, về mặt khoa học kỹ thuật và các vấn đề khác".

Những người hiện ở độ tuổi bốn, năm mươi luôn còn giữ lại ấn tượng khó quên của những ngày chỉnh đốn sục sôi năm đó, cả đất nước chập chững tiến lên phía trước. Cùng với việc triển khai chỉnh đốn, trật tự các mặt cũng dần được phục hồi, sản xuất công nghiệp đã có bước đi lên, tính tích cực của nông dân đã được nâng cao; trường học xuất hiện tiếng giảng bài. Cuộc đấu tranh mang tính bè phái từng tồn tại lâu dài đã được chế ngự... Tóm lại, tình hình đã có bước chuyển tốt.

Trong ba tháng, sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải càng ngày càng tốt dần lên; dầu thô, than, sản lượng điện, phân hoá học, xi măng, động cơ đốt

trong, giấy và sản phẩm của giấy khối lượng vận tải đường sắt... chỉ trong năm sáu tháng đã tạo sản lượng bằng tháng đạt cao nhất trong lịch sử, sản xuất công nghiệp quốc phòng cũng tương đối tốt". Đây là một đoạn trong báo cáo về tình hình sản xuất công nghiệp trong nửa năm đầu mà Quốc vụ viện chuyển cho Trung ương Đảng, chỉ với hơn 100 chữ trên đã phản ánh được những thành quả to lớn mà cuộc chỉnh đốn giành được.

Những thành quả đó có được là do Đặng Tiểu Bình đã đổ ra biết bao tâm huyết. Chỉnh đốn toàn diện thực sự đã giành được thành quả lớn, nhưng nó chưa phải là đã thúc đẩy tất cả đi lên, cần phải tiến hành một cách có kế hoạch theo từng bước.

Chỉ trong một thời gian ngắn mà chỉnh đốn đã giành được thành quả chính là do Đặng Tiểu Bình đã nắm chắc khâu then chốt nhất là chống lại tính bè phái, tăng cường tính Đảng.

Ngày 4 tháng 7 năm 1975, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu với các đảng viên đang học kỳ thứ tư lớp nghiên cứu của trung ương rằng "cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn tác phong của Đảng". Ông nói: "Không có sự lãnh đạo của Đảng làm sao mà được, Đảng nói mà không tránh nghiệm thì cũng không được". Ông đặc biệt nhấn mạnh: "Trong một loạt các nguyên tắc của Đảng, phản đối chủ nghĩa bè phái cũng là phản đối tính bè phái, tăng cường tính Đảng là điều rất quan trọng... Đảng viên phải làm theo điều lệ Đảng, tuân thủ kỷ luật của Đảng, không được gây ra chủ nghĩa bè phái. Nếu chỉ biết đứng núi này trông núi nọ thì Đảng nhất định sẽ bị chia rẽ và sẽ không còn sức chiến đấu nữa". Trong bài nói "Cần chỉnh đốn mọi mặt", ông đặc biệt chỉ ra rằng: "Hạt nhân của chỉnh đốn là Đảng. Chỉ cần nắm chặt khâu trung tâm chỉnh đốn Đảng thì các mặt khác sẽ không khó".

Vì sao Đặng Tiểu Bình đưa ra vấn đề chống chủ nghĩa bè phái? Bởi vì cuộc đấu tranh mang tính phe phái trong suốt thời kỳ cách mạng văn hoá là vô cùng nghiêm trọng. Điều này đã được thể hiện rõ trong báo cáo về vấn đề Từ Châu mà Trung ương phê duyệt và chuyển cho tỉnh Giang Tô ngày 2 tháng 6 năm 1975: "Rất nhiều cán bộ lãnh đạo rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa bè phái tư sản. Trong nhiều đơn vị, không cầm quyền theo tính Đảng mà là theo tính bè phái. Phe phái

này lên sẽ trừng trị phe phái kia, cứ như vậy làm cho hố ngăn cách ngày càng rộng và sâu hơn". "Mấy năm gần đây, những đồng chí nắm quyền theo bè cánh đã tìm mọi cớ để "chỉnh" phái khác và quần chúng. Phong trào phê Lâm, phê Khổng nổ ra, những mâu thuẫn vốn được che đậy nay đã bị bóc trần", "Kẻ xấu thừa cơ mượn gió bẻ măng, đục nước béo cò, lợi dụng lôi kéo quần chúng, điên cuồng tấn công vào nền chuyên chính vô sản, hòng thừa cơ lật đổ sự lãnh đạo của Đảng các cấp".

Tính bè phái phá hoại sự đoàn kết của Đảng, gây tổn hại đến sự lãnh đạo của Đảng, làm mất an toàn xã hội, trực tiếp ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp.

Đúng như lời Đặng Tiểu Bình: hiện nay chủ nghĩa bè phái đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới đại cục của chúng ta,... đó là một vấn đề rất rất xấu. Vấn đề này nếu không được giải quyết hoặc chỉ giải quyết những việc cụ thể cũng không được. Nay muốn giải quyết vấn đề ở các khu vực, các ngành thì phải bắt tay vào chống bè phái, nâng cao tính Đảng".

Muốn chống bè phái, giải quyết vấn đề, Đặng Tiểu Bình cho rằng "không cố gắng không được, phải dám chống, phải có quyết tâm chống". Ông đã nhiều lần nói "trọng tâm là trước hết phải làm chống đã". "Phải dám vào hang hổ để bắt bất kỳ con hổ nào, dù là hổ già hay hổ non...

Chống bè phái nhất thiết phải nâng cao tính Đảng, muốn nâng cao tính Đảng nhất thiết phải khôi phục truyền thống và tác phong tốt đẹp của Đảng. Đặng Tiểu Bình nói "Chống bè phái là phải phát huy tác phong tốt đẹp mà Mao Trạch Đông đã xây dựng nên. Các đồng chí trong toàn Đảng phải chú ý vấn đề này, đặc biệt là các đồng chí Uỷ viên Trung ương, cán bộ cao cấp càng phải chú ý hơn". Chống bè phái nhất thiết phải khôi phục và kiện toàn điều lệ Đảng, tăng cường tính tổ chức kỷ luật. Ông đặc biệt nhấn mạnh: "Chấp hành điều lệ Đảng phải nghiêm hơn, phải có tinh thần hơn, không sợ bị phê bình, không sợ phạm khuyết điểm. Nếu mình không nghiêm sẽ rất khó khôi phục chế độ điều lệ Đảng".

Ta phải diệt trừ tận gốc tính bè phái, tăng cường tính Đảng, chỉnh đốn lãnh đạo các cấp, tăng cường xây dựng các cấp lãnh đạo của Đảng. Ông nói: "Nhất thiết phải xây dựng được ban lãnh đạo dám đấu tranh, muốn đấu tranh mà không có một ban lãnh đạo dám đấu tranh thì căn bản sẽ không thể hiện được, muốn

xây dựng được chế độ điều lệ Đảng phải thực hiện tốt chính sách, không có những người đó sẽ không làm gì được". "Cần phải chọn được những người không sợ bị đánh đổ", "Phải chọn lựa những người dám giữ vững nguyên tắc, có tinh thần không sợ cá nhân bị đánh đổ, dám đấu tranh" để dựa vào ban lãnh đạo.

Muốn chỉnh đốn toàn diện có hiệu quả phải bắt đầu từ khâu nhân lực.

Đặng Tiểu Bình đổ bao sức lực vào chỉnh đốn, chủ yếu là vào vấn đề xây dựng kinh tế quốc dân. Trước mắt, các cơ quan, ngành kinh tế đều tương đối hỗn loạn, trì trệ. Bắt đầu từ đâu? Ông chọn ngành giao thông vận tải - một ngành tương đối trầm trọng lúc bấy giờ, trong đó vận tải đường sắt có nhiều vấn đề hơn cả, đây chính là điểm đột phá trong việc chỉnh đốn của cả ngành giao thông công nghiệp. Vận tải đường sắt luôn được coi là mạch máu lớn của kinh tế quốc dân, cũng chính là nơi chịu tai hoạ nặng nề của cách mạng văn hoá.

Ông đã nghe Bộ trưởng đường sắt Vạn Lý báo cáo. Báo cáo nêu bốn vấn đề: Thứ nhất là, sự tắc nghẽn vận tải ở các Cục đường sắt Từ Châu, Nam Kinh, Nam Xương, Thái Nguyên... Làm trở ngại tới sự thông tuyến của bốn tuyến đường sắt lớn là Tân Phố, Kinh Quảng, Lũng Hải và Triết Cán, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sản xuất công nghiệp và đời sống của nhân dân ở một số thành phố. Thứ hai là, sản xuất vận tải có chiều hướng đi xuống theo năng lực thực tế, mỗi ngày bốc xếp được 6 vạn toa xe, nhưng thực tế chỉ được 4 vạn, thậm chí có ngày chỉ hơn 3 vạn toa mà thôi. Ba là, có quá nhiều vụ tai nạn, riêng năm 1974 đã xảy ra 740 vụ. Thứ tư là, hiệu suất hoàn thành chỉ đạt 60%, một phần toa xe không được sửa chữa đúng thời hạn, một số toa xe vẫn phải sử dụng khi đang có sự cố.

Nghe xong, ông chỉ thị cho Vạn Lý dùng những biện pháp kiên quyết nhất, nhanh chóng xoay chuyển tình thế với tốc độ nhanh nhất để thay đổi bộ mặt ngành đường sắt và giao cho Bộ đường sắt dự thảo một văn kiện cho Trung ương. Ngày 5 tháng 3 năm 1975. "Quyết định của trung ương Đảng về tăng cường công tác đường sắt" đã được Bộ chính trị thông qua và gửi đi. Quyết định này là phương châm để giải quyết và là thể chế quản lý vận tải đường sắt; chỉ đạo các tỉnh, thành phố khu tự trị các phương pháp để tăng cường công tác đường sắt và xây dựng kiện toàn các chế độ qui định cần thiết, tăng cường tính kỷ luật và chỉnh đốn trật tự trong vận tải đường sắt. Sau khi quyết định được gửi

đi, Vạn Lý đã tới Cục đường sắt Từ Châu, Trịnh Châu để tuyên truyền và quán triệt quyết định và đã giải quyết được căn bản tình trạng hỗn loạn nghiêm trọng ở đó. Tình hình vận tải đường sắt đã có chuyển biến tốt, các tuyến đường đã thông suốt, mức bốc xếp đã đạt kỷ lúc cao nhất trong lịch sử của Trung Quốc, an toàn chạy tàu đã được nâng cao đáng kể. Cuộc chỉnh đốn ngành vận tải đường sắt đã đạt hiệu quả rất tốt và có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong trận tuyến giao thông và công nghiệp toàn quốc.

Chỉnh đốn toàn diện muốn đạt hiệu quả nhất thiết phải có trọng điểm.

Cuộc chỉnh đốn ngành vận tải đường sắt đã thúc đẩy cả ngành giao thông. Trong hội nghị của Quốc vụ viện họp hồi hạ tuần tháng 3 năm 1975, sau khi nghe Bộ trưởng Vạn Lý báo cáo, hội nghị đã nêu tinh thần quyết định của trung ương ngoài vấn đề thể chế ra, còn thích hợp với tất cả các ngành công nghiệp khác. Cùng với việc triển khai chỉnh đốn, tình hình sản xuất trong ngành giao thông thay đổi, chỉ từ tháng 1 đến tháng 4, tổng sản lượng trong cả nước đã tăng trưởng 19,4% so với cùng kỳ năm 1974, các ngành sản xuất dầu mỏ, than, điện cũng tăng cao.

Sau khi cải thiện được tình trạng năng lượng, Đặng Tiểu Bình lại bắt tay vào giải quyết vấn đề công nghiệp gang thép. Ngày 8 tháng 5, Trung ương mở cuộc toạ đàm về công nghiệp gang thép Trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 4, so với yêu cầu kế hoạch đề ra, sản lượng nợ luỹ kế là 195 vạn tấn, ban lãnh đạo nhiều nhà máy gang thép lớn trong toàn quốc không đoàn kết, những người bè phái đã bị phê bình nghiêm khắc.

Ngày 21 tháng 5, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu ý kiến quan tâm về việc chỉnh đốn ngành gang thép tại hội nghị của Quốc viện. Ông còn có một bài nói: "một vài vấn đề cần giải quyết trước mắt của ngành công nghiệp gang thép" đọc tại buổi toạ đàm trên. Ông nói. gần đây, Mao Chủ tịch có ba chỉ thị quan trọng, đó là chỉ thị về học tập lý luận, chống và phòng xét lại; chỉ thị về đoàn kết, yên ổn: và chỉ thị phải làm kinh tế quốc dân. Đó chính là cương lĩnh này của chúng ta. Tại buổi tọa đàm ông còn sơ bộ tổng kết kinh nghiệm công tác chỉnh đơn và đề ra bốn phương châm chỉnh đốn và ý kiến để đẩy nhanh tốc độ sản xuất công nghiệp gang thép. Ngành công nghiệp gang thép đã có chuyển biến nhanh

chóng, sản xuất phát triển đi lên. Cuối tháng 6, sản lượng gang bình quân ngày toàn quốc đã vượt sản lượng bình quân ngày của cả năm. Được thúc đẩy của hai ngành công nghiệp trên, tốc độ chỉnh đốn trận tuyến công nghiệp cũng phát triển mạnh mẽ, đợt sóng chỉnh đốn trong toàn quốc đã bắt đầu hình thành.

Hiệu quả to lớn của việc chỉnh đốn sản xuất theo thống kê lúc bấy giờ: "Giá trị tổng sản lượng công nghiệp toàn quốc trong nửa năm đầu đã hoàn thành 47,4% chỉ tiêu cả năm; thu tài chính đạt 43%, thu chi cân bằng và còn dư một chút".

Trước những thành quả đó, Đặng Tiểu Bình rất vui mừng và nghĩ tới những chuyện xa hơn. Ông nói: Thời gian trước, giải quyết vấn đề đường sắt và gang thép theo kiểu lần lượt từng cái một, nhưng nếu cứ tiếp tục làm như vậy thì không thể được, phải suy nghĩ cách khác. Qua đề nghị của ông, từ ngày 16 tháng 5 đến ngày 11 tháng 8, Quốc vụ viện đã tổ chức một cuộc họp về nghiệp vụ công tác kế hoạch, nghiên cứu đường lối, phương châm chính sách công tác kinh tế từ nay về sau và chuẩn bị cho qui hoạch dài hạn các kế hoạch năm năm, mười năm. Sau khi thảo luận cách thức để đẩy nhanh phát triển kinh tế, từ ngày 2 tháng 7 Hội nghị chuyển sang giai đoạn hai, chia thành mười tổ là các tổ lý luận, thể chế, gang thép, quản lý công nghiệp và xí nghiệp, xây dựng cơ bản, qui hoạch công nghiệp, chế tạo máy, công tác cải tiến kế hoạch, công nghiệp nhẹ, nông lâm, thương nghiệp, văn hoá giáo dục và khoa học kỹ thuật để đề ra tư tưởng chỉ đạo chỉnh đốn toàn diện cho toàn trận tuyến công nghiệp. Quyết định một số vấn đề để đẩy nhanh phát triển công nghiệp" (gọi tắt là mười điều về công nghiệp).

Sau khi công tác chỉnh đốn đột phá được trọng điểm, Đặng Tiểu Bình đã triển khai toàn diện công tác chỉnh đốn, thúc đẩy toàn tuyến phát triển. Tiếp theo đó, Quân uỷ Trung ương họp Hội nghị mở rộng để nghiên cứu vấn đề chỉnh đốn quân đội đã được thai nghén từ lâu. Đặng Tiểu Bình yêu cầu tập trung giải quyết năm vấn đề chính là "Trí tuệ" "Phân tán", Kiêu ngạo", "Xa xỉ" và "Sa đọa". Ít lâu sau, Trung ương phê chuẩn mở hội nghị các xí nghiệp trọng điểm của công nghiệp quốc phòng, thảo luận về việc chỉnh đốn các xí nghiệp quốc phòng. Đồng thời với việc chỉnh đốn quân đội, Đặng Tiểu Bình cũng bắt đầu chỉnh đốn công tác khoa học kỹ thuật và giáo dục. Căn cứ vào chỉ thị của Đặng Tiểu Bình, Hồ

Diệu Bang - người mới được điều sang lãnh đạo viện khoa học-đã chủ trì viết "Đề cương báo cáo công tác Viện khoa học". Dưới sự chỉ đạo của ông, sau và lần sửa chữa, chiều ngày 26 tháng 9, hội nghị Quốc vụ viện do Đặng Tiểu Bình chủ trì đã nghe Hồ Diệu Bang báo cáo. Ông đã tham gia nhiều ý kiến, nhấn mạnh công tác nghiên cứu khoa học phải đi trước một bước. "Nếu công tác nghiên cứu khoa học không đi trước một bước thì sẽ kéo lùi cả đất nước lại". Ông đã trích dẫn quan điểm của Mác và nói: "Khoa học kỹ thuật chính là sức sản suất, người làm công tác đó cũng là người lao động".

Trong hội nghị này, ông còn bàn tới vấn đề chỉnh đốn giáo dục và nhấn mạnh: "Phải có người kế tục, đó là vấn đề đặt ra cho ngành giáo dục. Ông còn đặc biệt nhắc: "Cần giải quyết vấn đề vị trí của các nhà giáo" Ông còn đưa ra những chỉ thị về xây dựng các trường đại học kỹ thuật, các vấn đề cụ thể khác và Bộ trưởng Giáo dục Chu Vinh Hâm đã bắt tay vào công tác chỉnh đốn giáo dục.

Từ tháng 9 đến tháng 10 năm 1975, Quốc vụ viện lần lượt tổ chức cái hội nghị ở Tích Dương và Bắc Kinh, về nông nghiệp học Đại Trại và đề ra nhiệm vụ chỉnh đốn nông nghiệp. Phát biểu trong hội nghị, Đặng Tiểu Bình lần đầu tiên đưa ra phải chỉnh đốn toàn diện, sau đó toàn quốc đã dấy lên cao trào chỉnh đốn nông nghiệp, chỉnh đốn chính sách của Đảng trong nông nghiệp, khởi động được tính tích cực của nông dân.

Nắm chắc chính sách điều chỉnh công tác văn nghệ đo Mao Trạch Đông đề ra, Đặng Tiểu Bình cũng kiểm soát chặt chẽ cuộc chỉnh đốn đối với công tác văn nghệ. Đầu tiên ông nhắc lại phương châm "trăm hoa đua nở", nhấn mạnh "muốn trăm hoa nở thì không thể chỉ có một cây nở hoa". Căn cứ vào chỉ thị Mao Trạch Đông, đã cho biểu diễn một số tiết mục bị bè lũ Giang Thanh cấm đoán như: "Sáng nghiệp", "Hải hà", "Trường Chinh tổ ca", "Vạn thuỷ thiên sơn" v.v.. Cục điện trầm lắng trong lĩnh vực văn nghệ đã được thay đổi khả quan hơn.

Để đập tan sự độc quyền trong lĩnh vực tuyên truyền của "lũ bốn tên", Đặng Tiểu Bình đã thiết lập Phòng nghiên cứu chính sách của Quốc vụ viện, và triển khai một loạt công tác. Công tác chỉnh đốn toàn diện lấy chỉnh đốn kinh tế làm trung tâm đã phát triển tốt cả ở lĩnh vực hình thái ý thức.

Trong quá trình chỉnh đốn, "lũ bốn tên" gây ra bao khó khăn. Càng về sau

càng cản trở nhiều hơn. Mao Trạch Đông từ chỗ phê phán "lũ bốn tên" đã dần dần nghe theo những lời công kích Đặng Tiểu Bình của họ. Đặng Tiểu Bình vẫn cắn răng chịu đựng, tiếp tục tiến lên.

Những con số sau đây chứng minh hiệu quả của cuộc chỉnh đốn: Năm 1975 giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp tăng 11,9% so với năm 1974 - đạt 450,4 tỉ đồng, (tăng 1,4% so với năm 1974). Trong đó nông nghiệp tăng 4,2%, công nghiệp tăng 15,1%, sản lượng lương thực đạt 569 tỉ cân (tăng 18,5 tỉ so với năm trước); sản lượng thép đạt 239 triệu tấn, tăng 2,78 triệu tấn so với năm trước; dượng vận chuyển đường sắt đạt 86746 tấn/km, tăng 9,73 triệu tấn/km so với năm trước; thu nhập tài chính cả năm đạt 81,56 tỉ đồng, tăng 4,1% so với năm 1974.

Ở các lĩnh vực giáo dục, văn nghệ, khoa học kỹ thuật cũng xuất hiện khí thế mới mẻ.

Lần chỉnh đốn này tuy kết thúc khi Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ lần thứ hai, nhưng đã thể hiện ông là người rất thạo việc, có tài thao lược trị quốc, là một cuộc tập dượt qui mô lớn đầu tiên cho cuộc cải cách mở cửa sau này.

Ngày 24 tháng 9 năm 1982, tại Đại lễ đường Nhân dân, Đặng Tiểu Bình gặp Thủ tướng Anh Thátchơ để bàn về vấn đề Hồng Kông. Sau khi cuộc hội đàm kết thúc bà Thủ tướng sắc mặt nặng nề như đang suy nghĩ; khi bước xuống bậc thềm của Đại lễ đường chẳng may bà bị ngã. Bà ta vội đứng dậy như không có chuyện gì xảy ra. Cú ngã của bà làm cho các nhà môi giới Hồng Kông và nước ngoài quan tâm đến cuộc hội đàm đó có dịp được thể hiện trên báo chí bằng một dòng tít mang hai ý nghĩa: "Cuộc hội đàm giữa Thátchơ và Đặng Tiểu Bình đã bị vấp ngã".

Thực tế là trong cuộc hội đàm, bà Thátchơ không thua, nhưng những kế hoạch của bà đều không thực hiện được, bà không thể không đồng ý một số nguyên tắc chính của Đặng Tiểu Bình, điều rất khó đối với bà.

Bà Thátchơ còn được gọi là "Bà đầm thép", từ trước tới nay làm việc rất quyết đoán, mạnh mẽ; trong các vấn đề quốc tế bà nổi tiếng là người cứng rắn, dám làm. Nhưng Đặng Tiểu Bình cũng có một tên khác là "Công ty gang thép", tính nguyên tắc, sức mạnh và sự can trường của ông cũng được thế giới biết đến.

Sở dĩ lần hội đàm này được dư luận thế giới quan tâm, một là vấn đề Hồng Kông vốn rất lớn, hai là các nhà lãnh đạo hai nước là những nhà đàm phán tài năng. Đương nhiên, tin tức mà Tân Hoa xã đưa ra rất bình thường, bởi đó là do hai bên qui định:

"Hôm nay, trong bầu không khí hữu nghị, các nhà lãnh đạo hai nước đã thảo luận rất kỹ về vấn đề tương lai của Hồng Kông. Hai bên đã trình bày rõ lập trường của mình về vấn đề trên. Hai bên căn cứ vào mục đích chung là duy trì sự ổn định và phồn vinh của Hồng Kông đã đồng ý sau lần hội đàm này sẽ thông qua đường ngoại giao để bàn bạc.

Còn lập trường của Chính phủ Trung Quốc về việc thu hồi toàn bộ chủ quyền ở Hồng Kông là rất rõ ràng và ai ai cũng biết".

Đằng sau những ngữ điệu rất bình thản trong bản tin của Tân Hoa xã là một cuộc đọ sức đầy gian nan để bảo vệ lợi ích quốc gia.

Vấn đề Hồng Kông là vấn đề do lịch sử để lại.

Vấn đề Hồng Kông hoàn toàn là do sự bất tài thối nát của chính phủ nhà Thanh tạo nên.

Vấn đề Hồng Kông mang lại một cảm giác nhục nhã rất sâu sắc cho nhân dân Trung Quốc.

Hồng Kông (bao gồm đảo Hồng Kông, Cửu Long và Tân Giới) đến nay là lãnh thổ của Trung Quốc.

Năm 1840, nước Anh phát động cuộc chiến tranh thuốc phiện thứ nhất đối với nhà Thanh và tháng 1 năm sau cho quân đánh chết Hồng Kông. Năm 1842, sau thắng lợi của cuộc chiến tranh thuốc phiện lần thứ nhất, Anh đã buộc chính phủ Mãn Thanh ký "Hiệp ước Nam Kinh" cắt đất bồi thường, trong đó khoản 3 qui định cắt Hồng Kông nhượng cho Anh. Tháng 3 năm 1860, trong cuộc chiến tranh thuốc phiện lần thứ hai, quân Anh lại chiếm vùng mũi Tiêm Sa, đoạn phía nam bán đảo Cửu Long. Tháng 10 cùng năm, sau thắng lợi của cuộc chiến tranh thuốc phiện lần thứ ba, nước Anh lại ép buộc chính phủ Mãn Thanh ký Hiệp ước Bắc Kinh", trong đó khoản 6 lai qui định cắt Nam Cửu Long nhượng cho Anh. Đến năm 1898, một lần nữa nước Anh lại thừa cơ bắt chính phủ Mãn Thanh ký "Điều ước mở rộng Hồng Kông" cắt phần đất phía nam sông Thâm Quyến đến

phía bắc đường ranh giới Cửu Long (nay gọi là Tân Giới), nhượng cho Anh trong thời hạn 99 năm, đến 30 tháng 6 năm 1997 mới hết hạn. Một năm sau, ngày 27 tháng 12 năm 1899, nữ hoàng Anh lệnh cho Viện Khu mật công bố "Sắc lệnh về thành phố Cửu Long", ngang nhiên đơn phương đưa thành phố Cửu Long vào phạm vi thống trị của đế quốc Anh. Như vậy, nước Anh đã lợi dụng ba hiệp ước và một số phụ kiện bất bình đẳng kể trên biến mảnh đất Hồng Kông rộng 1069 km thành mảnh đất thực dân.

Nhân dân Trung Quốc liên tục phản đối ba bản hiệp ước trên. Sau khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa thành lập, lập trường nhất quán của chính phủ Trung Quốc là: "Hồng Kông là lãnh thổ của Trung Quốc, Trung Quốc không thừa nhận ba hiệp ước do chủ nghĩa đế quốc ép buộc ký đó, chủ trương khi có thời cơ thích hợp sẽ thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề này, khi chưa giải quyết được thì tạm thời duy trì hiện trạng.

Sau hội nghị Trung ương 3 khoá 11, để thực hiện hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa, thống nhất đất nước, bảo vệ hoà bình thế giới, nhân dân Trung Quốc đã nỗ lực phấn đấu. Đặng Tiểu Bình đã đưa ra ý tưởng "một nước hai chế độ" để giải quyết vấn đề Hồng Kông và Đài Loan. Đồng thời cùng với việc năm 1997 đang đến gần, phía Anh cũng liên tục thăm dò lập trường và thái độ của Trung Quốc về việc giải quyết vấn đề Hồng Kông. Trong tình trạng đó, vấn đề Hồng Kông đã được đặt trong chương trình nghị của chính phủ Trung Quốc.

Thátchơ thăm Trung Quốc lần này, hai bên chủ yếu bàn về nguyên tắc giải quyết vấn đề Hồng Kông. Trước khi Đặng Tiểu Bình gặp bà, Thủ tướng Trung Quốc đã có cuộc hội đàm trước với bà Thủ tướng. Nhà lãnh đạo Trung Quốc chính thức thông báo cho chính phủ Anh, Trung Quốc quyết định sẽ thu hồi toàn bộ Hồng Kông vào năm 1997; đồng thời nêu rõ, sau khi thu hồi áp dụng chính sách đặc biệt bao gồm thiết lập khu hành chính đặc biệt Hồng Kông do người Trung Quốc ở Hồng Kông quản lý; chế độ xã hội, kinh tế hiện hành và cách sống không thay đổi v.v...

Trước khi sang thăm Trung Quốc vài tháng, do những vấn đề lịch sử để lại, giữa Anh và Áchentina đã xảy ra vụ tranh chấp quần đảo Manvinát. Quần đảo này vốn cách nước Anh hàng vạn dặm, nhưng nhờ có nhiều vũ khí và tàu chiến

lớn, nước Anh giã dành thắng lợi.

Lần tới Bắc Kinh, bà Thátchơ mang theo dư âm thắng lợi trên cùng Trung Quốc đàm phán vấn đề Hồng Kông, những tưởng có thể duy trì hiệu lực của ba hiệp ước bất bình đẳng trước kia.

Trước khi lên đường, bà ta đã từng tuyên bố "Ba hiệp ước về Hồng Kông vẫn có hiệu lực", ý đồ muốn tạo dư luận trên trường quốc tế và qua đó thăm dò phản ứng của Trung Quốc.

Khi cuộc hội đàm bắt đầu vào sáng ngày 24, Bà Thátchơ đã nói với Đặng Tiểu Bình bằng giọng kẻ cả rằng, nước Anh quản lý Hồng Kông là căn cứ vào các hiệp ước đã ký trước đây, những hiệp ước này vẫn có hiệu lực. Nếu muốn thay đổi các hiệp ước đó phải có một hiệp nghị khác thay thế chứ không thể đơn phương huỷ bỏ được.

Một vật chướng ngại to lớn đã được bày ra trước mắt, mà lại đề cập tới vấn đề căn bản nhất - vấn đề chủ quyền của Trung Quốc. Nếu vấn đề này được giải quyết thì các vấn đề khác cũng được giải quyết theo dễ dàng hơn; nhưng nếu thảo luận vấn đề này thì không biết phải tốn bao nhiêu lý lẽ.

Điểm thành công nhất trong lần đàm phán này là Đặng Tiểu Bình đã dùng phương thức giản tiện nhất, ít rắc rối nhất để giải quyết vấn đề khó khăn, cơ bản và then chốt nhất, buộc đối phương phải tôn trọng và không gây cản trở. Vậy là với thái độ rất nghiêm túc, Đặng Tiểu Bình nói với Thátchơ:

- Vấn đề chủ quyền không phải là vấn đề có thể mang ra thảo luận!

Lập trường nguyên tắc kiên định đầy chất trí tuệ và quyết đoán mà Đặng Tiểu Bình đưa ra đã thể hiện bản lĩnh, thái dộ cứng rắn của một "Công ty Gang thép"

Câu nói đó tuyệt nhiên không có chỗ dựa nào, nhưng nói ra là không thể phản bác được, vì nó phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực của luật pháp quốc tế. Đó là một luận thuyết mà Đặng Tiểu Bình rút ra được qua những kinh nghiệm lịch sử thực tế từ việc xử lý những vướng mắc trong quan hệ giữa các nước trên thế giới.

Câu nói của Đặng Tiểu Bình quả thật có sức nặng ngàn cân.

Chính câu nói đó đã đặt nền móng và tiền đề cho đàm phán thắng lợi.

Thử nghĩ xem, nếu vấn đề chủ quyền được đưa ra thảo luận thì không biết phải bàn cãi đến bao giờ?

Đặng Tiểu Bình nói, nay thời cơ đã chín muồi, cần khẳng định rõ rằng: Năm 1997, Trung Quốc sẽ thu hồi Hồng Kông. Nói cách khác, Trung Quốc thu hồi không chỉ Tân Giới mà bao gồm cả Hồng Kông và Cửu Long. Đặng Tiểu Bình biểu thị, trong vấn đề này, Trung Quốc không thể có con đường nào khác. Trung Quốc và Anh phải trên cơ sở tiền đề đó mà tiến hành đàm phán, tìm phương thức và biện pháp để giải quyết vấn đề Hồng Kông.

Ông nói một cách kiên quyết, nếu sau 48 năm nước Trung Hoa được thành lập mà vẫn chưa thu hồi được Hồng Kông thì bất kỳ nhà lãnh đạo nào của Trung Quốc cũng chẳng thể nói gì được với nhân dân Trung Quốc và cả nhân dân thế giới nữa. Nếu không thu hồi được thì có nghĩa là Chính phủ Trung Quốc cũng chỉ là chính phủ Mãn Thanh và các nhà lãnh đạo hiện nay của Trung Quốc cũng chỉ là Lý Hồng Chương mà thôi. Chúng ta chờ ngày này trên cơ sở sự tín nhiệm của nhân dân. Nếu sau 50 vẫn chưa thu hồi được Hồng Kông thì nhân dân chẳng có lý do gì để tin chúng ta, bất kỳ chính phủ nào cũng nên tự động rút khỏi vũ đài chính trị mà không có sự lựa chọn nào khác. Chúng ta có thể chờ thêm một hai năm, nhưng không thể kéo dài lâu hơn được.

Điều đó biểu thị nhân dân Trung Quốc quyết tâm thu hồi Hồng Kông, nhanh chóng kết thúc nỗi tủi nhục của dân tộc; nó cũng biểu thị thái độ kiên quyết của Chính phủ Trung Quốc, không có gì phải bàn cãi.

Thátchơ nói, nếu chính phủ hai nước ký kết được hiệp định về việc sắp xếp quản lý Hồng Kông trong tương lai, nếu như bà ta hài lòng về sự sắp xếp đó, có được niềm tin và được nhân dân Hồng Kông tiếp nhận và bà ta có thể thuyết phục Quốc hội Anh tin tưởng vào sự sắp xếp đó, trong tình hình như vậy, bà ta sẽ suy nghĩ về vấn đề chủ quyền. Cần phải ổn định đồng tiền, ổn định chế độ thu thuế và tiền tệ hiện hành; các thiết chế pháp luật, chính trị và kinh tế đều phải dựa vào sự quản lý của người Anh.

Tính toán của "Bà đầm thép" là nước Anh bàn giao chủ quyền cho Trung Quốc, còn Trung Quốc giao quyền cai trị cho Anh. Bà thậm chí rất kiêu ngạo cho rằng, chỉ có Anh quản lý thì Hồng Kông mới phồn vinh, thực tế đó chỉ là cái

cớ để giữ quyền thống trị mà thôi.

Đặng Tiểu Bình cương quyết từ chối yêu cầu của Anh. Ông nói: “Giữ cho Hồng Kông phồn vinh, chúng tôi hy vọng nhận được sự hợp tác của chính phủ Anh; nhưng không có nghĩa là Hồng Kông chỉ phồn vinh khi người Anh quản lý, mà điều này, về cơ bản là sau khi thu hồi, chính phủ Trung Quốc phải thi hành một chính sách quản lý thích hợp".

Bà Thátchơ lại đưa ra ý kiến, nếu tiến hành hoặc tuyên bố cải cách lớn đối với việc quản lý của người Anh thì những ảnh hưởng về lòng tin vào Hồng Kông sẽ mang tính tai hoạ, sẽ dẫn tới việc đồng tiền chảy ra nước ngoài, các trung tâm tiền tệ sẽ bị phá vỡ những thứ được xây dựng bao năm mang sẽ đổ vỡ hết, ngoài Anh ra, các nước khác như Mỹ, Nhật, Ôtxtrâylia sẽ không dám đầu tư vào Hồng Kông.

Về việc người ta sẽ rút tiền khỏi Hồng Kông, Đặng Tiểu Bình nói một cách rất tin tưởng rằng, chỉ cần chúng tôi có chính sách thích đáng thì người ta sẽ quay trở lại. Trung Quốc tuyên bố thu hồi Hồng Kông liệu có gây ra sóng gió không? Đặng Tiểu Bình cho rằng sẽ không tránh khỏi những xao động nhỏ. Nếu xảy ra sóng gió lớn thì sao? Đặng Tiểu Bình nói: tới lúc đó, chính phủ Trung Quốc sẽ suy nghĩ lại về phương thức và thời gian thu hồi. Ví dụ, nếu việc tuyên bố thu hồi sẽ gây ra ảnh hưởng xấu như lời bà Thátchơ nói, chúng tôi sẽ dũng cảm đưa ra những quyết sách giải quyết. Lời nói của ông mang hàm ý trả lời bà Thátchơ rằng, bất kỳ tình hình ra sao, quyết tâm thu hồi Hồng Kông của Trung Quốc không hề thay đổi và mong Anh cùng hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc, đừng làm người gây ra sóng gió, tai nạn; bằng không, chính phủ Trung Quốc cũng có cách đối phó..

Lần hội đàm này là để hai bên tạo dựng cơ sở cho lần sau. Những điều bàn tới đều là vấn đề nguyên tắc và căn bản. Khí phách và lòng quả cảm của Đặng Tiểu Bình thể hiện ở chỗ ông biết nắm vững mà bàn tới chuyện lớn và những vấn đề căn bản.

Trong cuốn sách hồi ký của mình, bà Thátchơ viết về lần gặp Đặng Tiểu Bình như sau:

"Tôi cho rằng những lời nói của mình rất có sức thuyết phục, nên cuối cùng

tôi muốn thuyết phục nhà lãnh đạo Trung Quốc đồng ý với tuyên bố chung trong nội dung phát biểu của chúng tôi không đề cập tới việc gánh vác trách nhiệm, tuyên bố mục tiêu chung của chúng ta là duy trì sự phồn vinh của Hồng Kông, sau đó mới tiến hành hội đàm thực chất.

Nhưng tôi nhanh chóng nhận ra rằng, những tính toán từ trước của tôi đều hỏng cả.

Từ lâu, tôi đã nghe nói Đặng Tiểu Bình là người thực sự cầu thị, tiếp xúc với ông ta, tôi còn phát hiện ông ta là người vô cùng cứng rắn, thái độ rất kiên quyết. Ông ta nói rằng, vấn đề chủ quyền Hồng Kông căn bản không phải là vấn đề cần thảo luận, sau đó ít lâu, Trung Quốc đã chính thức công bố quyết tâm thu Hồng Kông. Điểm này đúng như dự kiến của tôi.

Đàm phán với ông ta tương đối khó khăn, ngay cả những mục tiêu ban đầu của tôi cũng không đạt được, nhưng cũng không thất bại hoàn toàn. Cuối cùng tôi cũng thuyết phục được ông ta phát biểu một tuyên bố ngắn gọn rằng, hai nước đang khai triển đàm phán theo mục tiêu cùng duy trì sự ổn định và tình hình của Hồng Kông".

Xem ra, "Bà đầm thép" vốn nổi tiếng là rất lợi hại không thể thẳng thắn thừa nhận rằng, cuộc đàm phán của bà với Đặng Tiểu Bình đã gặp thất bại, mặc dù "không thất bại hoàn toàn".

Ngày 10 tháng 6 năm 1985, Tân Hoa xã phát đi một tin: Chủ tịch quân uỷ Trung ương Đặng Tiểu Bình đã tuyên bố trong hội quân uỷ mở rộng, Chính phủ Trung Quốc quyết định giảm một triệu quân. Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh tập trung lực lượng kinh tế là đại cục của chúng ta, tất cả đều phải phục tùng đại cục đó. Chính phủ Trung Quốc trước sau như một luôn mong muốn bảo vệ hoà bình thế giới, theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, kiên quyết đứng về phía lực lượng hoà bình. Quân đội Trung Quốc giảm đi một triệu quân là một biểu hiện sức mạnh chính phủ và nhân dân Trung Quốc; nó chứng tỏ rằng nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa với số dân một tỉ người, nguyện lấy hành động thực tế của mình cống hiến cho công cuộc bảo vệ hoà bình thế giới. Giảm một triệu quân, trên thực tế không làm sức chiến đấu của quân đội mà nó còn tăng cường lên. Cho dù tình hình quốc tế xấu đi, việc giảm này vẫn là cần thiết.

Một triệu không phải là một con số nhỏ. Đây là một lần giảm có qui mô lớn nhất và cũng hiếm có trong lịch sử quân đội Trung Quốc.

Khí phách và quyết tâm này cũng rất hiếm có trong lịch sử quân sự thế giới.

Tin Trung Quốc cắt giảm một triệu quân nhanh chóng truyền đi khắp thế giới và được dư luận thế giới đánh giá cao.

Báo Bình luận Bonn của Cộng hoà liên bang Đức chỉ ra rằng: Mọi người đều nói giảm quân, nhưng cho đến nay chỉ có Trung Quốc là nói đi đôi với làm". Báo "Bình minh" của Pakistan đăng Bình luận viết: "Quyết định giảm một triệu quân của Trung Quốc được toàn thế giới hoan nghênh. Đó thực sự là một hành động đơn phương".

Tổng thống Síp nói: "Chúng tôi tin rằng đây là một hành động tích cực. Trong thế giới ngày nay, chúng ta phải nhấn mạnh ngừng chạy đua vũ trang. Hãy đầu tư vào sự nghiệp hoà bình để tạo điều kiện nâng cao mức sống toàn nhân loại".

Cựu Thủ tướng Thuỷ Điển - Ôlốp Pammer nói: "Bảo vệ hoà bình là bảo vệ lợi ích của chính Trung Quốc - cũng là lợi ích chung của toàn thể nhân dân thế giới. Đương nhiên tác dụng của Trung Quốc rất quan trọng, quan trọng hơn các nước khác, vì Trung Quốc là một nước lớn có ảnh hưởng chính trị rất lớn ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương".

Trước toàn thế giới, Đặng Tiểu Bình đã chủ động cắt giảm một triệu quân. Vậy tầm nhìn chiến lược và dũng khí chính trị của ông lớn đến mức nào? Nguyên nhân của việc thực thi thành công việc giảm một triệu quân này là ở đâu?

Điều kiện tiền đề để ông giảm một triệu quân chính là những phán đoán chuẩn xác về xu thế phát triển của thế giới.

Tiền Kỳ Thâm - Phó Thủ tướng Quốc vụ viện và đã từng là Bộ trưởng Ngoại giao nói: "Vào những năm 80, tình thế thế giới đã có sự thay đổi mới, quan trọng. Lúc đó, nước ta và Mỹ đã thiết lập quan hệ ngoại giao, đồng thời cũng đang cải thiện quan hệ với Liên xô. Cũng cần có một môi trường quốc tế hoà bình. Nhân dân trong nước cũng như lực lượng yêu chuộng hòa bình cũng đều mong thế giới có thể hoà bình và yên ổn. Thêm nữa, trên thế giới đang xuất hiện

cao trào phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mới, địa vị kinh tế quốc tế cũ đang cản trở và làm tổn hại rất lớn đến sự phát triển kinh tế của các nước đang phát triển, rất nhiều nước đang gặp khó khăn lớn trong kinh tế, khoảng cách Nam-Bắc ngày càng mở rộng. Trong bối cảnh đó, Đặng Tiểu Bình căn cứ vào nguyên tắc thực sự cầu thị, xuất phát lợi ích căn bản của nhân dân Trung Quốc và nhân dân thế giới, đứng trên tầm cao của toàn cục, nắm chắc vấn đề chiến lược mang tính toàn cầu để đề ra một luận thuyết rất khoa học "Hoà bình và phát triển là hai chủ đề lớn của thế giới đương đại".

Tháng 3 năm 1985, Đặng Tiểu Bình nói với đoàn đại biểu Phòng Thương mại công nghiệp Nhật đến thăm Trung Quốc rằng: "Vấn đề thực sự của thế giới hiện nay là vấn đề hoà bình và vấn đề phát triển. Vấn đề hoà bình là vấn đề Đông - Tây, còn vấn đề phát triển là vấn đề Nam - Bắc, nói khái quát gồm bốn chữ: Đông-Tây-Nam-Bắc trong đó vấn đề Nam - Bắc là vấn đề cốt lõi.

Phó chủ tịch Nghị viện Cộng hoà liên bang Đức - ngài Han- xơ rất khâm phục luận thuyết của Đặng Tiểu Bình, ông nói: "Tôi cho rằng luận thuyết của Đặng Tiểu Bình là một trong những phương thức khái quát thiên tài đối với tình hình trước mắt của thế giới. Đặng Tiểu Bình có một năng lực nhận thức sự vật hơn người. Sự thực là, hai nhân tố lớn hoà bình và phát triển có liên quan đến nhau. Trên thế giới, nếu không có sự phát triển sẽ không thể có hoà bình, mặt khác, nếu hoà bình thế giới không đảm bảo thì cũng sẽ không có sự phát triển. Chiến tranh chỉ lại đau khổ, bần hàn và chết chóc.

Lưu Hoa Thanh - nguyên Uỷ viên thường vụ Bộ chính trị, Phó chủ tịch Quân uỷ Trung ương đã nói: "Cống hiến lớn đầu tiên trong kỳ hoà hình của Đặng Tiểu Bình chính là sự phân tích thấu đáo đối với tình thế quốc tế để phán đoán rằng, trong một thời gian tương đối dài chiến tranh thế giới không thể xảy ra, cho nên tư tưởng chỉ đạo chiến lược đối với quân đội ta đã có chuyển biến rất lớn theo hướng tiến quân vào thời kỳ xây dựng hoà bình".

Đặng Tiểu Bình đã nói trong Hội nghị mở rộng của Quân ủy Trung ương họp tháng 6 năm 1985 quyết định cắt giảm quân rằng: "Chúng ta đã thay đổi cách nhìn vốn cho rằng sự nguy hiểm của chiến tranh đang tới rất gần. Lực lượng bảo vệ hoà bình toàn thế giới đang từng bước phát triển, trong khoảng thời gian

tương đối dài rất có thể không xảy ra chiến tranh thế giới qui mô lớn, việc giữ gìn hoà bình thế giới rất có hy vọng. Chính sự phán đoán chính xác về tình hình thế giới nên việc cắt giảm một triệu quân là hoàn toàn có thể lý giải được.

Xây dựng quân đội phục tùng đại cục xây dựng đất nước là lý do mà Đặng Tiểu Bình thành công trong việc cắt giảm quân đội và được mọi người tin tưởng.

Trong Hội nghị quân uỷ mở rộng ngày 4 tháng 6 năm 1985, Đặng Tiểu Bình nói: "Mọi người rất quan tâm đến xây dựng quân đội và hiện đại hoá trang bị của quân đội, vấn đề này liên quan đến đại cục. Bốn hiện đại hoá, trong đó có hiện đại hoá quốc phòng, nếu không làm thì chẳng phải là chỉ còn ba hiện đại hoá thôi ư? Nhưng bốn hiện đại hoá cũng phải có cái trước, cái sau. Hiện đại hoá trang bị cho quân dội thực sự chỉ có thể có được trên cơ sở xây dựng nền kinh tế quốc dân tương đối tốt mà thôi. Cho nên chúng ta cần nhẫn nại một vài năm. Tôi thấy rằng, đến cuối thế kỷ này, chúng ta có thể khẳng định vượt qua được mục tiêu tăng trưởng gấp hai lần. Đến lúc đó, sức mạnh kinh tế của ta đã mạnh lên, sẽ có thể giành một khoản tiền tương đối lớn để đổi mới trang bị cho quân đội... Phải làm kinh tế trước thì tất cả sẽ làm được. Hiện ray chúng ta phải cố gắng làm tốt kinh tế, chỉ có một đại cục đó và tất cả đều phải phục tùng đại cục đó.

Cắt giảm một triệu quân có nghĩa là giảm bớt chi phí cho quân đội và lấy đó để xây dựng đất nước. Đối với bốn hiện đại hoá Đặng Tiểu Bình có quan điểm phải có trước có sau, đối với quan điểm quân đội phải nhẫn nại một vài năm cũng đều là vì bảo vệ trọng điểm xây dựng kinh tế đó. Ngược lại, về mặt kinh tế, lúc đó quân đội sẽ có được một cơ sở vật chất hùng hậu rồi.

Những quan điểm này của Đặng Tiểu Bình được sự ủng hộ và giúp đỡ của các tướng lĩnh cao cấp trong quân đội. Thượng tướng Trì Mạo Điền, Phó chủ tịch Quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Quốc phòng nói: "Phương hướng của quân đội chúng ta là phục tùng và phục vụ đại cục lớn: xây dựng kinh tế. Mọi người đều biết, năm 1984, 1985, đồng chí Đặng Tiểu Bình nói rất nhiều về vấn đề này, luôn nhấn mạnh quân đội phải hành động dưới đại cục đó. Nếu kinh tế không phát triển, đất nước sẽ không thể giàu mạnh, đời sống nhân dân không thể cải thiện được. Do vậy, các đồng chí công tác trong quân đội nhất định phải có quan niệm toàn cục. Theo yêu cầu này mà một loạt các công tác của quân đội đều phải

có quan niệm toàn cục và được xuyên suốt trong tất cả các hoạt động.

Tư tưởng của quân đội thống nhất, việc giảm quân sẽ thuận lợi. Cắt giảm một triệu quân thực sự có lợi cho việc khắc phục sai lầm tồn tại trong quân đội và nâng cao sức chiến đấu của quân đội.

Tất cả các nhà quân sự sáng suốt từ xưa đến nay đều biết, "quí hồ tinh bất quí hồ đa". Nhưng trong thập niên 70, quân lên tới 6,61 triệu người. Quân đông, nhiều cơ quan phình to cơ cấu chồng chéo nhau, người nhiều hơn việc, cán bộ bị lão hoá, quân đội thực sự rơi vào trạng thái ốm yếu. Từ năm 1975, Đặng Tiểu Bình nhiều lần nhắc tới vấn đề xử lý các ung nhọt trong quân đội. Ông chỉ ra rằng, trong rất nhiều vấn đề của quân đội vấn đề cốt lõi là cơ cấu cồng kềnh, người nhiều việc ít. "Nếu cơ cấu đó không được xử lý thì đừng nói tới chỉ huy tác chiến, mà ngay cả việc sơ tán đi cũng khó rồi". Sự cồng kềnh này lại chủ yếu ở cơ cấu chỉ huy các cấp.

Đặng Tiểu Bình nói: "Nếu phải đánh trận thật thì với cơ cấu chỉ huy như hiện nay, căn bản sẽ không chỉ huy được. Chúng ta mấy chục năm trong chiến tranh, lúc đánh trận phải dựa vào tài chỉ huy linh hoạt, gọn nhẹ, nay chúng ta còn được như vậy không?" "Nếu phải đánh trận thật thì chạy còn không kịp". Mục đích xử lý các ung nhọt nhằm thích ứng với yêu cầu chiến tranh hiện đại, nâng cao sức chiến đấu của quân đội lên. Đây cũng là cách nghĩ chung của nhiều tướng lĩnh.

Chí công vô tư cũng là nguyên nhân quan trọng để giảm quân thành công.

Giảm một triệu quân là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Nó liên quan đến việc xây dựng quân đội, liên quan tới rất nhiều đơn vị vốn có truyền thống lịch sử hào hùng và liên quan tới việc đi hay ở của hàng chục vạn cán bộ. Tính phức tạp của nó không sao nói hết được. Đặng Tiểu Bình nói: "Đó là một việc đắc tội với người khác? Tôi đành đắc tội vậy, không đẩy mâu thuẫn này cho đồng chí Chủ tịch quân uỷ mới".

Nghe nói trước khi phương án tinh giảm biên chế chính thức được công bố, rất nhiều người trong đó có cả viên tướng Trương Trất Tú, Tư lệnh quân khu Côn Minh đều cho rằng Quân khu Côn Minh không giải tán. Đó không chỉ là vì ban lãnh đạo Quân khu vốn là người thuộc Quân đoàn dã chiến 2, Đặng Tiểu Bình vốn là chính uỷ Quân đoàn dã chiến 2, không lẽ lại tự "làm thịt quân khu

Côn Minh. Khi Tư lệnh trưởng cắp cặp lên Bắc Kinh họp hội nghị Quân uỷ mở rộng, trong cặp vẫn còn mang theo phương án cụ thể về việc tiếp quản quân khu Thành Đô của quân khu Côn Minh. Nhưng hội nghị lại công bố phương án giải thể quân khu Côn Minh để sát nhập với quân khu Thành Đô. Việc này gây chấn động mạnh cả trong và ngoài quân đội. Mọi người nhìn vào khí phách và sự công tâm của Đặng Tiểu Bình như nhìn thấy sự hy vọng về việc thực sự đi lên con đường hiện đại hoá của quân đội Trung Quốc.

Tối ngày 30 tháng 1 năm 1979, Tổng thống Mỹ mở tiệc chiêu đãi trọng thể, chào đón Đặng Tiểu Bình cùng phu nhân tới thăm Mỹ. Nữ diễn viên Mỹ Xuli MacLaien được mời tham gia buổi tiệc rất hứng thú với Đặng Tiểu Bình, còn Đặng Tiểu Bình lại hóm hỉnh nói với cô ta rằng, nếu trong lĩnh vực chính trị có ai đó ở Đông Sơn đặt ra giải thưởng Olimpic thì ông đủ tư cách để đạt được huy chương vàng.

Trong lịch sử chính trị thế giới, những nhà chính trị kinh qua gian nan thử thách mà không hề bị khuất phục như Đặng Tiểu Bình e rằng rất hiếm.

Tuy vô cùng gian khổ nhưng ông vẫn hưởng thọ 93 tuổi, đó cũng coi như một kỳ tích, bởi trong những người cùng thời với ông, rất ít người sống tới 90 tuổi; những nhà chính trị đã đi qua máu lửa mất còn, vinh nhục, chìm nổi cũng ít người sống được thọ như vậy.

Sở dĩ Đặng Tiểu Bình bị đánh mà không đổ, ngã rồi lại dậy, ngoài ý chí và nghị lực kiên cường ra, ông còn có tính cách rất lạc quan cởi mở, thái độ nhân sinh rất trầm tĩnh, hóm hỉnh.

Bề ngoài trông ông rất nghiêm khắc, ngay Đặng Dung cũng nói, ở nhà ông rất ít nói, trước mặt cấp dưới cũng không nhiều lời nhưng lại rất có uy, đây chỉ là một mặt trong tính cách của ông; mặt khác ông lại rất lạc quan cởi mở. Lưu Anh, phu nhân của Trương Văn Thiên nhớ lại thời kỳ trường chinh cùng với Đặng Tiểu Bình: "Thời kỳ trường chinh cực kỳ gian khổ, không có gì ăn nên mọi người chỉ nói về cái ăn, về nơi nào đồ ăn ngon. Riêng ông lại nói thức ăn Tứ Xuyên ngon nhất. Chúng tôi nói thức ăn ở Hồ Nam cũng rất ngon, mọi người đều vui vẻ lạc quan. Chúng tôi rất thích nghe ông nói trạng, gọi ông là công ty nói trạng, luôn thích kể để mọi người cùng vui cười". Qua lời Lưu Anh, một

Đặng Tiểu Bình được mệnh danh là "Công ty nói trạng" hẳn là một người rất hoạt bát. Dù đời sống vật chất rất thiếu thốn nhưng đời sống tinh thần của ông thật phong phú.

Năm 1969, Đặng Tiểu Bình bị đưa đi Giang Tây lao động. Lúc ông phải mang cái mũ "Đầu sỏ thứ hai phái đi theo tư bản chủ nghĩa của Trung Quốc", xa rời người ruột thịt ra đi. Nhưng ông không hề khó chịu, không hề than vãn mà vẫn rất điềm tĩnh tăng cường rèn luyện hơn để giữ gìn sức khoẻ. Quãng đường đi và về từ chỗ ở đến chỗ lao động khoảng gần năm ngàn bước. Sau khi ngủ trưa dậy, ông xuống sân và đi vòng quanh nhà ba bốn chục vòng, mỗi vòng khoảng 130 bước, vị chi cả ngày đi khoảng một vạn bước. Mỗi khi bước đi, người ông nóng hẳn lên. Có lần ông đã nói với người quản lý bằng giọng hài hước rằng: đến đây lao động, trước tiên phải xây dựng một kế hoạch 5 năm, nếu không được cần phải năm năm nữa. Nói xong, ông khoát tay rồi tiếp: "với cơ thể của tôi, có thể kiên trì được chừng 10 năm, quyết không phải là xuống nông thôn để "trang trí". Nói xong ông cười ha hả, tràn đầy tinh thần lạc quan cách mạng.

Trong những lúc chịu oan khuất, ông thường lấy đọc sách, lao động để điều tiết cuộc sống, điều tiết tinh thần, biểu thị tính cương nghị và lạc quan. Trong những ngày ở Giang Tây, được sự cho phép của trên, ông được mang theo tất cả sách ở Bắc Kinh. Ngoài nửa ngày lao động ra, thời gian còn lại ông đều đọc sách thậm chí còn đọc rất khuya. Mấy năm ở Giang Tây, ông đọc một khối lượng lớn sách Mác - Lênin, sách lịch sử và các loại sách ở trong và ngoài nước. Khi đọc sách, ông thường suy nghĩ về vận mệnh của Trung Quốc và của Đảng. Tuy bản thân bị oan khuất giày vò nhưng ông không bao giờ nản chí, không để đầu óc trống rỗng. Ông nói với khách nước ngoài rằng: "Nỗi đau khổ nhất trong cuộc đời tôi chính là thời kỳ "cách mạng văn hoá vô sản" nhưng dù phải rơi vào tình cảnh ấy, tôi vẫn luôn luôn tin rằng vấn đề sẽ được giải quyết".

Ngày 15 tháng 7 năm 1985, tại Đại lễ đường Nhân dân, Đặng Tiểu Bình đã gặp Thủ tướng của Trinidad và Tobago, vị Thủ tướng này rất kinh ngạc trước một Đặng Tiểu Bình tuy đã 81 tuổi, nhưng cơ thể vẫn rắn chắc, tinh thần rất minh mẫn. Ông ta hỏi Đặng Tiểu Bình: "Tôi muốn thỉnh giáo Ngài một chút, bí quyết giữ gìn sức khoẻ của Ngài là gì vậy? "Đặng Tiểu Bình cười trả lời: "Rất

nhiều người đã hỏi tôi câu hỏi đó, câu trả lời của tôi chỉ gồm bốn chữ là "chủ nghĩa lạc quan". Trời dù có sập xuống cũng chẳng sao, sẽ có người chống", "Tôi là người ba lần xuống, ba lần lên, luôn luôn lạc quan trước mọi vấn đề, đinh ninh rằng lòng tin của mình sẽ thực hiện được. Nếu không có niềm tin đó thì tôi sẽ chẳng sống được tới ngày nay".

Bình thường không ít người có tinh thần lạc quan, nhưng có rất ít người trải qua gian khổ mà vẫn vươn lên được; người bị tấn công về mặt chính trị, bị phê phán về mặt tinh thần, nhưng càng bị giày vò lại càng phấn đấu vươn lên mạnh mẽ hơn thì càng hiếm hơn. Đặng Tiểu Bình là một trong số rất hiếm đó. Tố chất tâm lý kiên cường, phóng khoáng cởi mở đã giúp ông đạp bằng khó khăn hết lần này tới lần khác để vượt lên và chiến thắng.

Có thể với người nhà, ông là một người "tính cách hướng nội trầm tĩnh ít lời" (lời con gái ông), nhưng ở giữa đồng chí, đồng bào, ông lại rất bình đi, gần gũi; trước người nước ngoài ông rất đĩnh đạc, phong độ, hào hoa phong nhã.

Dáng ông thấp, khi đi với khách phương Tây cao to, nên nói gì thì nói cũng không có lợi thế. Một chính khách Đức nói: "Ông ấy người thấp bé, có thể là thấp bé nhất trong số các vị lãnh đạo Nhà nước. Nhưng nếu sắp hàng thì có thể khẳng định rằng ông ta không phải là người đứng cuối mà phải là người đứng đầu". Họ đã nhìn thấy thực lực của ông. Khi làm việc với người nước ngoài, ông luôn dùng sức mạnh của cá tính để thuyết phục họ, thể hiện phong độ tuyệt vời của một nước lớn có nền văn minh từ rất xa xưa và vì vậy mà đã làm cho Trung Quốc thêm được rất nhiều bạn bè.

Sáng 24 tháng 10 năm 1978, khi đi thăm chính thức Nhật Bản trong cuộc viếng thăm xã giao Quốc hội, ngay tại phòng khách Quốc hội, ông đã nói với các nhà lãnh đạo Quốc hội Nhật Bản rằng: "Xin cảm ơn sự đón tiếp nhiệt tình của các vị. Các vị là bạn cũ cả, đều là người quen biết cũ cả. Bầu không khí tốt đẹp hôm nay tượng trưng cho tương lai của hai nước chúng ta".

Tại đó, ông còn gặp gỡ lãnh đạo của sáu Đảng phái khác và nói chuyện rất thân mật với họ.

Ông cũng có cuộc nói chuyện rất thân thiết với vị đại biểu Câu lạc bộ Tự do mới Hayi Yangping: "Ngài còn nhớ lần chúng ta gặp nhau và nói chuyện ở Bắc

Kinh không? Vì mối quan hệ Trung - Nhật hữu hảo cần phải có sự ổn định của khu vực Thái Bình Dương nên tôi rất nhớ tên ngài (Dương Bình)", Ông còn nói: "Mong Ngài đừng bao giờ đổi tên" và giải thích thêm: "Thái Bình", "Dương" và "Bình" là điều hy vọng nhất của tôi". Câu nói này đã làm cho Hayi Yangping hiểu rõ ý tứ của Đặng Tiểu Bình (vốn là vào mùa thu năm trước, khi sang thăm Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã rất hóm hỉnh phân tích tên của ông ta theo tiếng Hán). Ông ta thấy Đặng Tiểu Bình tuy bận trăm công ngàn việc mà vẫn nhớ tới chuyện cũ nên tỏ ra rất cảm động. Sau sự việc đó, ông nói với các phóng viên: "một người lãnh đạo cao cấp mà rất biết đi vào lòng người". Trong lúc nói chuyện, Đặng Tiểu Bình nhớ lại chuyện cổ Từ Phúc phụng mệnh Tần Thuỷ Hoàng sang Tôkyô (Đông Kinh) tìm thuốc trường sinh liền lái câu chuyện sang hướng khác: "Nghe nói Nhật Bản có thuốc trường sinh bất lão. Mục đích chuyến thăm của tôi lần này, thứ nhất là trao đổi thư phê chuẩn; thứ hai là tỏ lòng cảm ơn về những cố gắng mà các bạn cũ Nhật Bản đã làm và thứ ba là tìm thuốc trường sinh bất lão". Ông vừa dứt lời thì cả phòng cười ồ lên. Sau đó, ông còn bổ sung thêm: "Cũng chính là cốt, để tìm kiếm những kinh nghiệm phong phú của Nhật Bản".

Lời nói của Đặng Tiểu Bình đã tạo ra cảm giác rất hài hước cho các vị lãnh đạo Nhật Bản, và thế là cả phòng khách đều cùng nói tới phương thuốc kia.

Người lãnh đạo Đảng Công Minh nói: Phương thuốc tốt nhất chính là Hiệp ước Trung - Nhật phải không?"

Vị chủ tịch Đảng Dân chủ xã hội tiếp lời: "Nhật Bản đang rơi vào tình trạng sợ thuốc, nhưng gần đây đánh giá rất cao loại thuốc Trung y bằng cây cỏ của Trung Quốc".

Chiều hôm sau, Đặng Tiểu Bình tham dự tiệc chiêu đãi hơn 400 phóng viên các nước. Sau khi trả lời vấn đề chủ quyền của đảo Điếu Ngư do một phóng viên Nhật đưa ra, ông trả lời sang vấn đề hiện đại hoá của Trung Quốc, ông nói, để thực hiện "hiện đại hoá "cần có chính sách đúng đắn, chính là phải biết học hỏi, phải lấy phương pháp quản lý tiên tiến và kỹ thuật tiên tiến của thế giới hiện nay làm khởi điểm phát triển. Trước tiên phải nhận mình lạc hậu, thành thực nhận mình lạc hậu, thì sẽ có hy vọng". Ông đột nhiên nói một câu rất hóm hỉnh rằng:

"Ai đó xấu xí lại muốn ăn mặc để trở thành người đẹp thì đâu có được". Tất cả các phóng viên đều cười ồ lên vì câu tự đánh giá mình của ông. Nhưng họ đều tin rằng, thái độ đó chính là niềm hy vọng để Trung Quốc đứng dậy, vươn lên.

Tháng 1 năm 1979, trong thời gian Đặng Tiểu Bình thăm Mỹ, ông đã nhận lời mời đến dự tiệc tại nhà riêng của Brêzinsky - cố Tổng thống Mỹ - chủ khách hoà vào nhau cười nói rất vui vẻ. Giữa bữa tiệc đang vui, ông cố vấn liền nói: "Người Trung Quốc người Pháp có một điểm chung là cho nền văn minh của mình hơn các nước khác". Đặng Tiểu Bình nghe xong liền trả lời rất tự tin: "Chúng tôi có thể nói như vậy vì ở khu vực Đông Á, thức ăn Trung Quốc là ngon nhất, còn ở Châu Âu, thức ăn của Pháp ngon nhất".

Câu trả lời đã được mọi người tán thành.

"Do quyết định bình thường hoá với Trung Quốc mà tổng thống Carter đã gặp phải một số khó khăn về chính trị ở trong nước. Ông cũng gặp rất nhiều khó khăn về chính trị phải không?”

Khi bàn về quan hệ Trung-Mỹ, cố vấn Brêzinsky đã đưa ra một vấn đề rất mẫn cảm mà gay gắt với Đặng Tiểu Bình, nó liên quan trực tiếp tới thái độ chính trị của tầng lớp lãnh đạo và nhân dân Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình cười lớn và trả lời rất khôn khéo: "Đúng vậy, tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn, ở tỉnh Đài Loan, một số người đã phản đối tôi" Ông rất khôn khéo mượn câu trả lời để nhắc lại Đài Loan là một phần lãnh thổ của Trung Quốc.

Brêzinsky nói: "Đặng Tiểu Bình tuy vóc dáng nhỏ bé nhưng khí phách lại thật lớn, khiến tôi khâm phục. Ông là người tài trí, nhanh nhạy, thông minh, lý giải vấn đề nhanh, rất hóm hỉnh, cứng rắn mà thẳng thắn... Nhưng điều quan trọng hơn là, cảm giác về mục đích và cố gắng của ông để lại ấn tượng rất sâu cho tôi. Ông là một lãnh tụ chính trị luôn biết mình cần gì và có thể quan hệ với ai".

Carter người đã nhiều lần gặp gỡ với Đặng Tiểu Bình, một cựu Tổng thống của Mỹ nói Đặng Tiểu Bình "cười nói rất thoải mái, làm bạn với ông khiến người ta thấy vui mừng". "Khi ông ta tới thăm Quốc hội, ông ta nói chuyện rất sinh động, hóm hỉnh, để lại ấn tượng rất tốt. Xem ra người Trung Quốc rất biết cần biểu hiện lòng tự tin trầm tĩnh của mình ra sao và lòng tự hào đối với đất nước của mình thế nào, nhưng lại không hề tỏ ra kiêu ngạo tự mãn". "Ông để lại

ấn tượng rất tốt cho tôi. Tuy ông ta thấp bé nhưng tính cách lại rất kiên cường, có tài năng, thẳng thắn, dũng cảm, tự tin, hữu hảo. Đàm phán với ông là một niềm vui...".Chính vì phong thái ngoại giao xuất sắc nên có người đã gọi ông là "một thiên tài ngoại giao", chính Đặng Tiểu Bình, một con người đầy phong thái, hóm hỉnh, kiên quyết tự tin trong ngoại giao nên đã có tác dụng rất tốt cho việc mở cửa và kết bạn của Trung Quốc.

Trong lịch sử trị quốc, Đặng Tiểu Bình là một nhân vật đầy sức nặng. Người Nhật cho rằng trong lịch sử Trung Quốc có bốn nhân vật vĩ đại: người đầu tiên là Tần Thuỷ Hoàng đã thống nhất được Trung Quốc; người thứ hai là Khổng Tử, do sự tồn tại của ông mà Trung Hoa mới có diện mạo của nền "văn minh Trung Hoa; người thứ ba là Mao Trạch Đông, ông là một nhân vật phấn đấu suốt đời cho một “thế giới Trung Hoa” và người thứ tư là Đặng Tiểu Bình, ông là người sáng tạo ra một sự nghiệp mà trước nay chưa ai làm được.

Ông Willi, Ojuerter (Nga) cho rằng, Đặng Tiểu Bình là một cái tên sáng chói nhất trong 25 năm của thế kỷ này. Trên đây chỉ là hai ví dụ đánh giá Đặng Tiểu Bình của người nước ngoài.

Dù là các yếu nhân chính khách nước ngoài hay các hãng thông tấn lớn, dù là các nhà lãnh đạo hoặc người công nhân, nông dân bình thường của Trung Quốc đều rất ca ngợi ông. Nhưng cũng như Hailissansubo một người Mỹ đã nói: "Ông không làm chuyện sùng bái cá nhân, đi khắp Trung Quốc không hề nhìn thấy ảnh hoặc tượng của ông". Ông "từ chối việc người khác viết truyện về mình. Ông không muốn làm người khác chú ý, không thích kiểu mọi người ca tụng như đối với Mao Trạch Đông. Ông là người bình dị, gần gũi với mọi người". Đặng Tiểu Bình vừa là một nhà cách mạng vĩ đại vừa là một ông già rất khiêm tốn, mực thước, bình dị và đôn hậu.

Cống hiến cho cách mạng Trung Quốc lớn như vậy, nhưng ông không bao giờ kể công hoặc kiêu ngạo. Sức mạnh to lớn của nhân cách và sự rực rỡ của tính cách đã truyền sang cho hàng trăm triệu người. Suốt đời ông không tranh giành quyền lực, không cần chức tước...24 tuổi ông đã làm Chánh văn phòng Trung ương Đảng; 52 tuổi là Bí thư ban Bí thư, Uỷ viên thường vụ, là hạt nhân trong thế hệ lãnh đạo thứ hai của Đảng, nhưng chưa bao giờ ông mưu cầu lan chức chủ

tịch hoặc Tổng Bí thư Đảng, hoặc Chủ tịch nước cả. Trong hội nghị Trung ương 6 khoá 11, Hoa Quốc Phong từ chức Chủ tịch Đảng, Chủ tịch Quân uỷ Trung ương, một người có trách nhiệm trong Trung ương đã kiến nghị ông đảm nhận chức Chủ tịch Đảng, nếu ông đồng ý sẽ chẳng có ai phản đối, nhưng ông đã từ chối và đề cử Hồ Diệu Bang vào chức vụ đó. Xét về công lực, tư cách và cống hiến, ông hoàn toàn có thể đảm nhiệm chức vụ đó. Nhưng xuất phát từ đại cục, suy nghĩ tới sự nghiệp của Đảng, ông đã để cho Hồ Diệu Bang - một người trẻ tuổi hơn đảm nhiệm để phát huy tác dụng tốt hơn.

Ngày 4 tháng 9 năm 1989, khi nói chuyện với các đồng chí trong Trung ương, ông nói: "Tôi đã nhiều lần từ chối người nước ngoài đề nghị tôi viết tự truyện. Nếu tự truyện chỉ viết về thành công mà không viết về sai lầm thì tôi sẽ trở thành người ca ngợi công đức, thổi phồng cá nhân, vậy có cần thiết không? Còn một số đồng chí viết hồi ký, đó là điều rất có ích. Những việc mà đồng chí Nhiếp Vĩnh Trăn viết ra rất chân thực; cũng có đồng chí viết về sai lầm của mình như đồng chí Lý Duy Hán chẳng hạn. Nhưng rất nhiều cuốn tự truyện viết ra để tuyên truyền cho mình, như vậy không đáng để ca ngợi. Nếu đánh giá tôi, xin chớ quá lời, phải cân nhắc". Đó là những lời nói tâm huyết của ông.

Tháng 9 năm 1988, Đặng Tiểu Bình nói với Tổng thống Tiệp Khắc (cũ) khi sang thăm Trung Quốc rằng: "Rất nhiều phóng viên nước ngoài muốn tới phỏng vấn và viết truyện về tôi, nhưng tôi đều khéo léo từ chối... Tôi cho rằng, quá cường điệu vai trò cá nhân là không đúng".

Đặng Tiểu Bình không tranh công đổ lỗi. Ông cũng chưa bao giờ che giấu khuyết điểm của mình, ông cũng không muốn nói về công lao của mình, về những cống hiến to lớn của mình, ông chỉ nói rất nhẹ nhàng: "Tôi đã là gì, tuy có làm được một chút công việc, nhưng là người cách mạng thì phải làm việc mà!”.

Đối với sai lầm của bản thân, ông luôn thừa nhận, đó cũng chính là một phẩm chất xuyên suốt của ông. Trong hội nghị Trung ương 4 khoá 7 họp năm 1954, ông đã tự kiểm điểm về những sai lầm trong công tác của mình và tự nhắc nhở: "Ví dụ như tôi, tuy cuộc đời có trải qua một chút sóng gió, nhưng gần 20 năm nay lại luôn thuận buồm xuôi gió thì cần phải tăng cường cảnh giác. Tôi cần phải cân nhắc thật tỉnh táo rằng, suy cho cùng, mình cống hiến được gì cho Đảng, cho

nhân dân. Tôi có làm việc gì một mình bao giờ chưa? Lẽ nào chúng ta tưởng rằng mình là người "thập toàn thập mỹ" không có chút sai lầm, khuyết điểm gì chăng? Riêng tôi có rất nhiều khuyết điểm, cũng thường xuyên phạm sai lầm, không nói đâu xa, sau khi vào Trung ương, tôi cũng là một người trong số theo chủ nghĩa phân tán; trong thời kỳ đó những vấn đề mà tôi giải quyết, dù là đối với người hay sự việc không phải tất cả đều thoả đáng cả. Còn trước kia, dù công tác ở Hoa Bắc, Trung Nguyên hay Tây nam, tôi đều có những khuyết điểm, sai lầm. Chớ có nghĩ rằng, với trình độ về chủ nghĩa Mác-lênin như chúng tôi, trong công tác sẽ không có sai lầm, khuyết điểm".

Hội nghị Trung ương 5 khoá 11 đã nói về một số sai lầm mà ông mắc phải trong "cách mạng văn hoá". Năm 1957 chống phái hữu, chúng ta là những phần tử tích cực, việc mở rộng chống hữu là có trách nhiệm của tôi vì tôi là Tổng Bí thư mà. Năm 1958 làm Đại nhảy vọt, đầu óc chúng ta quá nóng vội, nhiều đồng chí có tuổi đang ngồi ở đây chắc cũng vậy. Những vấn đề đó không phải là vấn đề cá nhân". Ông nói: "Trước cách mạng văn hoá, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm (như chuyện Đại nhảy vọt), tuy tôi không phải là người đề xướng, nhưng lại không thể phản đối nên rõ ràng trong cái sai đó có phần của mình". Tháng 8 năm 1980, ông nói với những phóng viên người Itaiia rằng: "Bạn nhất định phải nhớ lời tôi nói, tôi cũng mắc không ít sai lầm, bao gồm cả phần trong sai lầm mà Mao Trạch Đông mắc phải, chỉ có thể nói được là phạm sai lầm cũng do ý tốt mà thôi". Với mình, ông rất rạch ròi, ông thường nói với người khác: "Như chẳng hạn, nếu đạt tỉ lệ 4/6 là đã tốt lắm rồi (60% là việc tốt, 40% là việc chưa tốt". Ông đánh giá mình: "Bản thân tôi làm trước tỉ lệ 50/50 đã là quá tốt.

Tuy trong cách mạng văn hoá Mao Trạch Đông có điểm tới tên ông, bãi chức ông, nhưng ông không đẩy hết sai lầm cho Mao Trạch Đông. Ông thẳng thắn nói: "Không thể đổ sai lầm hết cho một cá nhân Mao Trạch Đông được". Thật là khí khái!

Sau khi bước vào thời kỳ lịch sử mới, Đặng nhiều lần nhấn mạnh phải tổng kết bài học kinh nghiệm của cải cách mở cửa. Ngày 23 tháng 3 năm 1989, trong khi hội đàm với Tổng thống Uganđa ông đã nói: Mười năm nay, Trung Quốc có sự phát triển đáng mừng, thành tựu là chủ yếu, nhưng cũng có một số sai lầm.

Sai lầm lớn nhất là giáo dục phát triển chưa đủ mạnh. "Trong tình hình kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, chúng ta lại không nói cho nhân dân (bao gồm cả đảng viên) biết cần phải giữ gìn truyền thống phấn đấu gian khổ". Ông nhớ lại quãng thời gian 10 năm gần đây: "Tuy không phạm sai lầm lớn nhưng sai lầm nhỏ thì mắc nhiều, bởi chúng ta không có kinh nghiệm nên hay bị vấp ngã, về sau cũng khó tránh khỏi". Ngày 8 tháng 4 năm 1989, khi tiếp khách nước ngoài, ông nói: "Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 năm 1978 của Đảng là một bước ngoặt, đề ra một loạt phương châm mới, chính sách mới, vài năm đầu phát triển rất thuận lợi. Nhưng rồi kinh tế phát triển quá nóng đặt ra một loạt vấn đề về cung cầu. Đối với hiện tượng này, nếu tỉnh táo một chút, quan tâm hơn một chút thì nay hẳn sẽ tốt hơn nhiều rồi". Năm 1992, Trong lần đi xuống phía Nam, ông đã thẳng thắn chỉ ra: "Nhìn lại những gì đã qua, sai lầm lớn của tôi là khi xây dựng bốn đặc khu kinh tế đã không đưa Thượng Hải vào, nếu không thì cục điện cải cách mở cửa từ tam giác Châu Trường Giang, cả lưu vực sông Trường Giang và toàn quốc sẽ khác".

Trên thế giới không có ai không phạm sai lầm, kể cả các bậc vĩ nhân cũng vậy. Cổ nhân nói: Sai lầm của người quân tử như ngọn nến của vầng nhật nguyệt, biết sửa chữa nó thật là tốt biết bao! Sai lầm của Đặng Tiểu Bình cũng vậy, nó không hề ảnh hưởng tới sự nghiệp rạng rỡ của ông, ngược lại nhân dân càng kính trọng ông hơn.

Đối với công lao, ông không bao giờ tính toán đến. Những thành tựu của cải cách mở cửa là do ông mang lại, các nhân sĩ trong và ngoài nước ai cũng ca ngợi vai trò mang tính quyết định của ông, nhưng ông lại luôn nói đó là công lao của tập thể.

Ông nói trong hội nghị Ban cố vấn Trung ương lần 3 rằng: Hiện báo chí nước ngoài đang nói về vai trò của tôi trong việc này. Quả là tôi cũng có đưa ra một số chủ ý, nhưng công tác chủ yếu, những việc nặng nề là do các đồng chí khác làm. Ví dụ như mấy ngày nay, dư luận trong và ngoài nước rất ủng hộ "Quyết định về cải cách thể chế kinh tế", đều nói đó là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử, nhưng văn kiện đó tôi chẳng viết một chữ nào, cũng chẳng sửa chữ nào, quả thực là nó rất tốt rồi. Tình hình thực tế là như vậy, cho nên đừng tuyên truyền vai trò cá

nhân của tôi là tài giỏi".

Ông cũng đã từng nói một câu như thế này với một vị khách quý: "Mãi mãi chớ nên làm quá nổi bật cá nhân mình, những việc làm cũng chỉ là phản ánh nguyện vọng của Đảng và nhân dân Trung Quốc, những chính sách của Đảng cũng là do tập thể quyết định", "Cá nhân chỉ là một phần tử của tập thể, bất kỳ việc nào đều không phải chỉ do cá nhân làm ra".

Với những đề nghị cần phải ghi công cho ông bởi những thành công đạt được trong cải cách mở cửa, không những ông không nhận mà còn kiên quyết phản đối. Ông nói với Chủ tịch Đảng xã hội Nhật Bản: "Báo cáo trong Đại hội 13 của Đảng chúng tôi là tập thể xây dựng lên, là sự tập trung trí tuệ của hàng mấy ngàn người, rất nhiều nội dung không phải do tôi đưa ra. Đương nhiên, trong đó có cách nhìn và ý kiến của tôi. Nhưng phần lớn là ý kiến tập thể. Việc quyết định đường lối, phương châm chính sách của Đảng từ hội nghị Trung ương ba khoá 11 đến nay, tôi cũng không bỏ ra nhiều công sức, nhưng không chỉ một mình tôi. Cho nên không thể mang những thành tích trong 9 năm qua ghi công cho tôi được. Có thể viết rằng tôi là một phần của tập thể. Quá khuếch trương tác dụng của một cá nhân là không có lợi".

Đặng Tiểu Bình luôn phản đối việc tuyên truyền làm nổi bật cá nhân, luôn nhấn mạnh tác dụng của tập thể. Ông có đủ tư cách để nhận sự sùng bái của mọi người, nhưng ông biết rõ, cả Staiin và Mao Trạch Đông, vì muốn được sùng bái cá nhân mình đã gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng, nên ông kiên quyết từ chối bất kỳ sự sùng bái cá nhân này. Ông chẳng những tôn trọng tập thể, qui công lao cho tập thể mà còn tôn trọng quần chúng, qui công lao về quần chúng. Ông khiêm tốn nói rằng: "Cá nhân tôi có làm được một chút việc, nhưng không thể nói tất cả ý tưởng đều là của tôi, mà là những đề xuất của người khác, tôi chẳng qua chỉ đúc kết lại rồi đề ra chính sách, phương châm thích hợp".

Báo cáo tại Đại hội 14 của Đảng đã khẳng định một cách đầy đủ công lao mang tính lịch sử của lý luận xây dựng xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc do Đặng Tiểu Bình sáng tạo nên. Sau khi đọc bản Dự thảo, ông đã nói: Rất nhiều điểm trong cải cách mở cửa là ý kiến của quần chúng đưa ra từ thực tiễn. Trong báo cáo, khi nói về thành tích của tôi, nhất định phải đặt trong phạm vi

lãnh đạo tập thể, đầu óc của một cá nhân thì tìm ra được cái gì mới nếu không dựa vào trí tuệ của quần chúng, của tập thể. Ví dụ như khoán sản ở nông thôn, sáng kiến này là của nông dân, công của tôi chỉ là đúc kết những ý tưởng mới đó lại rồi đề xướng những chính sách thích hợp. Còn đối với các xí nghiệp hương trấn, ông cũng coi đó là công lao của trung ương. "Nếu nói trong vấn đề này Trung ương có chút công lao thì chính là những chính sách rất linh hoạt do Trung ương đưa ra". Đặng Tiểu Bình thực sự là nhà chính trị đã biết xử lý rất tốt mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa lãnh tụ với quần chúng.

Lênin cho rằng, lãnh tụ không chỉ là một cá nhân mà là một tập thể. Ông luôn đặt mình vào vị trí những người lao động bình thường, vào trong quần chúng đảng viên, chứ không đứng trên tập thể.

Đặng Tiểu Bình còn dám thừa nhận mình lạc hậu. Trong một lần nói chuyện, ông nói: "một số người bạn nước ngoài nói với chúng tôi, Trung Quốc lạc hậu 20 năm so với các nước tiên tiến trên thế giới, ước đoán đó chỉ mang tính lịch sự ngoại giao mà thôi. Thực tế nhiều lĩnh vực ta còn lạc hậu hơn họ 30 đến 50 năm". Ông nói: "Cuối thế kỷ này, để Trung Quốc cần phải gần bằng hoặc đuổi kịp trình độ thế giới hoặc vượt qua trình độ tiên tiến của thế giới là việc rất khó, bởi chúng ta tách rời và tự đóng cửa lại với thế giới quá lâu. Trước kia chúng ta luôn tự đề cao mình. Giống như trước đây có một ông vua của một nước nhỏ nhưng lại tự cho mình là nhất thế giới, không thèm để ý tới các nước xung quanh, cuối cùng đã bị nước khác thôn tính". Chính vì dám thừa nhận lạc hậu, dám nhìn thẳng vào hiện thực, ông mới kích thích được nhân dân Trung Quốc nhiệt tình học tập khoa học kỹ thuật và cách quản lý giáo dục tiên tiến của thế giới.

Ông có tính nguyên tắc rất cao, ông phê bình không thương tiếc người và việc trái nguyên tắc, nhưng không tránh khỏi có lúc phê bình sai. Sáng ngày 24 tháng 5 năm 1984, trong buổi gặp gỡ phóng viên Hồng Kông và Áo Môn được mời tham dự Hội nghị Hiệp thương chính trị và Hội nghị lần thứ hai Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 6, sau khi chụp ảnh xong, ông nói rất trịnh trọng: về phát ngôn của trung ương với vấn đề Hồng Kông thì trừ ông và người có trách nhiệm là Cơ Bằng Phi ra, còn tất cả lời phát ngôn của những người khác đều

không có hiệu lực, đều không được coi là chính thức. Thứ hai là, tôi cần nói rõ, những lời phát biểu của Hoàng Hoa, Cảnh Đài về vấn đề đóng quân ở Hồng Kông đều không phải là ý kiến của trung ương, tin các bạn đưa là không chính xác; cần phải đóng quân ở Hồng Kông, vì Hồng Kông đã là lãnh thổ của Trung Quốc, vì sao không thể đóng quân được?

Khi hội đàm với Ngoại trưởng Anh, ông ta cũng nói: Đương nhiên hy vọng Trung Quốc không đóng quân ở đó mà dùng một hình thức khác; mặt khác ông cũng thừa nhận, chính phủ Trung Quốc đã thu hồi chủ quyền thì cũng có quyền đóng quân ở Hồng Kông. "Điều này rất rõ ràng, lẽ nào lại không có cả chút quyền nhỏ đó? Thế thì còn gọi gì là lãnh thổ Trung Quốc nữa?"

Nguyên nhân dẫn tới việc ông phê bình Hoàng Hoa và Cảnh Đài là một tờ báo của Hồng Kông mà ông xem được ngay trong buổi chiều, khi ông tiếp kiến đoàn Đại biểu nhân dân và Hội nghị chính trị hiệp thương Hồng Kông và Áo Môn. Bài báo đăng tin ngày 21 tháng 5, khi Bộ trưởng Quốc phòng Cảnh Đài tham gia hội nghị của tỉnh Hồ Nam đã nói về vấn đề Hồng Kông như sau: Quân đội Trung Quốc trong tương lai sẽ không đóng quân ở Hồng Kông và người Hồng Kông cũng không phải gánh vác các chi phí quân sự! Đồng thời có người nói với ông, Hoàng Hoa cũng được các phóng viên Hồng Kông tới phỏng vấn và đã phát biểu về vấn đề Hồng Kông. Trong khi giận dữ, ông cho rằng, điều mà Hoàng Hoa nói tới cũng là vấn đề đóng quân nên khi nói ông đã gộp cả hai lại.

Đóng quân là vấn đề chủ quyền, Trung Quốc hoàn toàn có thể đóng quân ở Hồng Kông.

Nhưng thực ra, Hoàng Hoa không hề đề cập tới vấn đề đó. Vì vậy ba ngày sau khi xảy ra sự việc trên, khi tiếp kiến "vua tàu biển" Hồng Kông Bao Ngọc Cương, ông đã thẳng thắn thừa nhận: "đồng chí Hoàng Hoa không hề nói tới vấn đề đóng quân, tôi không nên trách cứ đồng chí ấy. Biết rõ sai thì phải sửa, dũng cảm nhận lỗi, Đặng Tiểu Bình đã tự phê bình và Cảnh Đài cũng tự phê bình. Chỉ có người đảng viên cộng sản mới có đủ dũng khí để sửa chữa sai lầm của mình.

Đặng Tiểu Bình là người vừa có ý chí sắt đá, vừa có tính nguyên tắc kiên cường, lại là người có tấm lòng rộng mở và khiêm tốn, ông rất khoan dung với mọi người, ngay cả Mao Trạch Đông cũng rất ca ngợi đức tính đó của ông. Trên

chiến trường, tuy là người cực kỳ quyết đoán, nhưng ông đối xử với anh em lại rất khoáng đạt, nhân hậu, thân thiện; suốt đời ông chưa từng chỉnh" ai, mà ngược lại còn giải cứu cho nhiều người bị "chỉnh". Cho dù về sau ông bị chụp mũ là phần tử địa chủ, bị đấu tố là thuộc "phái hữu", để bị hàng ngàn hàng vạn thanh niên trí thức phản đối. Nói theo lời cổ nhân là "chính nhân; qua những điều đó có thể thấy được tấm lòng độ lượng của ông. Đặc biệt là đối với những người phạm sai lầm như Triệu Tử Dương, Hoa Quốc Phong đều được ông xử lý rất hợp tình hợp lý, càng thể hiện sự đối xử hoàn toàn công tâm của Đảng, không hề tồn. tại ân oán cá nhân. Do cách sống khoan dung độ lượng của mình, nên có thể nói rằng cả đời ông không hề có kẻ thù riêng.

CHƯƠNG 10

BẬC THẦY LỚN TRONG NGHỆ THUẬT LÃNH ĐẠO

Lãnh đạo là khoa học và cũng là nghệ thuật. Lãnh đạo một nước 1,2 tỉ dân tiến hành sự nghiệp cải cách mở cửa và xây xã hội chủ nghĩa càng là nghệ thuật cao siêu, phức tạp. Rất khó tưởng tượng được sự cao siêu và phức tạp của môn nghệ thuật. Chỉ có thể mang hết khả năng của mình ra để suy nghĩ cân nhắc và lĩnh hội nó.

Về Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông có một câu đánh giá được rất nhiều người biết đến "Trong nhu có cương, một cái kim trong bọc", vẻ bề ngoài ôn hoà, bên trong là một “công ty gang thép" Hai ông đã quen biết và cùng làm việc với nhau mấy chục năm trời, trong đó có cả một thời gian dài rất tin cậy và dựa vào nhau, nhưng cũng có lúc chia rẽ và phê phán nhau. Mao Trạch Đông là người đọc rất nhiều sách, kiến thức uyên thâm, văn võ song toàn, thống soái hàng ngàn binh mã, là một lãnh tụ lớn đã tiếp xúc với rất nhiều các nhà chính trị lớn trên thế giới, tuy cách dùng người có lúc thiếu kiểm tra đôn đốc, nhưng nhìn nhận về con người lại rất tinh tường, cách đánh giá Đặng Tiểu Bình của ông chắc chắn là xuất phát từ cách nhìn nhận con người đặc trưng cơ bản nhất đó. Tính cách là vận mệnh, là sự nghiệp. Tính cách của Đặng Tiểu Bình quyết định ông nhất định sẽ trở thành một nhà chính trị lớn, tài ba, được quần chúng yêu mến.

Cái "nhu” của ông thể hiện ở chỗ rất có tình sâu nghĩa nặng với quảng đại quần chúng nhân dân, với lãnh tụ, với người cùng trang lứa, với bạn bè và cả cấp dưới. Đúng như ông đã tự nói: "Tôi là người con của nhân dân Trung Quốc. Tôi vô cùng yêu mến Tổ quốc và nhân dân tôi".

Cái "cương" của ông thể hiện ở tính nguyên tắc kiên định những nỗ lực

không ngừng khi chưa đạt được mục đích và các biện pháp cứng rắn trong công tác của ông.

Những đồng chí đã từng cùng làm việc với ông đều thấy ông đối xử với mọi người rất hoà nhã, ở cùng với ông thấy dễ hoà hợp, ông đặc biệt quan tâm, yêu quý và rất thành tâm thành ý với mọi người. Cho nên, ông có một sức lôi cuốn, hướng tâm rất mạnh, có được uy tín rất cao với phần lớn cán bộ và quần chúng nhân dân, được sự ủng hộ và yêu mến rất mực trung thành của mọi người. Khi ông bị hiểu lầm và bị phê phán, người ta cảm thấy nghi hoặc và đau lòng. Khi ông được phục chức mọi người vui sướng thông báo cho nhau. Sở dĩ cuộc cải cách mở cửa vĩ đại giành được thắng lợi rực rỡ không tách rời với việc ông được lòng Đảng, lòng quân và lòng dân.

Nhung Tử Hoà, người đã từng làm Thứ trưởng Bộ Tài chính nhớ lại, mùa hè năm 1953, trong cuộc họp về tài chính, ông đã bị phê bình nên tinh thần rất nặng nề. Sau khi Đặng Tiểu Bình về làm Bộ trưởng Tài chính, ông đã nhìn ra vấn đề. Ông đã nói với Tử Hoà: Tôi thấy từ sau khi bị phê bình đồng chí có vẻ hơi tiêu cực, không ngẩng đầu lên, như vậy là không được. Phải đứng dậy mà tiếp tục làm việc, đừng có cúi đầu nhụt chí, tiêu cực là không tốt. Những lời khuyên nhủ cổ vũ đó đã khiến Tử Hoà vô cùng cảm động.

Hoàng Cập Thanh - một nhà địa chất nổi tiếng đã từng là Phó viện trưởng, Viện trưởng danh dự viện nghiên cứu khoa học địa chất nói về cảm xúc của mình khi gặp Đặng Tiểu Bình lúc Trùng Khánh vừa giải phóng, ông nói rằng trước lúc gặp Đặng Tiểu Bình, ông cho rằng thủ trưởng của "Quân đoàn Lưu, Đặng" hẳn là người vũ phu, thái độ nghiêm túc. Khi gặp mặt mới biết Lưu Bá Thừa nói năng rất hoà nhã, thái độ thân mật; còn Đặng Tiểu Bình càng là người thoải mái, nói năng rất phóng khoáng, thích nói chuyện với mọi người, lắng nghe ý kiến của người khác. Ông xử lý việc lớn với con mắt nhìn xa trông rộng, rất biết tiếp cận các phần tử trí thức. Đó là tác phong nhất quán của Đặng Tiểu Bình, cho nên khi được phục chức lần thứ hai, ông đã chủ động đề xuất để mình quản lý khoa học kỹ thuật vào giáo dục, ông muốn trở thành một "Bộ trưởng Hậu cần" tốt phục vụ nhân dân.

Mùa hè năm 1979, Đặng Tiểu Bình thăm Hoàng Sơn. Lúc đó, Hoàng Sơn

đang vào mùa du lịch, du khách đến rất đông. Trước khi leo núi, ông nói với đồng chí phụ trách tỉnh An Huy: thứ rất, không gây trở ngại cho du khách; thứ hai, các đồng chí tỉnh uỷ không cần phải cùng đi; thứ ba, không cho phép được ưu đãi đặc biệt. Mặc dù ông căn dặn nhiều lần, nhưng để đảm bảo an toàn, các nhân viên bảo vệ vẫn bí mật khống chế lượng du khách leo núi, nhưng cuối cùng đã bị ông phát hiện. Ông nói: "Hãy để cho mọi người cùng leo núi, đừng quá nghiêm ngặt như thế". Như vậy đủ thấy phong cách bình dị gần gũi của ông.

Rất nhiều du khách trong và ngoài nước biết tin Đặng Tiểu Bình lên Hoàng Sơn, người ta truyền tai nhau và đều mong được gặp con người mà họ sùng kính từ lâu, việc thăm quan thắng cảnh trở thành chuyện thứ yếu. Nhiều du khách đến được gần ông rồi không đi nữa mà cùng ông nói chuyện rất thân mật. Sự thân mật hoà nhã của ông làm du khách không cảm thấy gò bó. Trên đường đi hễ gặp những người gồng gánh nặng, ông đều nhường đường cho và nói cả những người cùng đi phải nhường đường.

Khi đoàn của Đặng gần tới động Con Trạch, một cô gái trẻ thở hổn hển từ sau chạy lên, đoàn của ông cho rằng cô vội lên núi nên nhường đường. Nhưng cô gái dừng ngay trước mặt Đặng Tiểu Bình, hổn hển nói: "Cháu chào Bác? Cháu là sinh viên đại học Phục Đán - Thượng Hải. Cháu đã xuống núi rồi nhưng nghe tin bác lên cháu đã vội chạy lên". Cô gái vừa lau mồ hôi vừa nói.

- Cháu học khoa nào? Thi đậu vào phải không? - Đặng Tiểu Bình thân mật hỏi.

- Dạ, cháu thi đậu vào khoa báo chí ạ - Cô gái đáp.

- Ồ, chả trách lại nhạy tin đến vậy - Câu nói hóm hỉnh của ông làm mọi người rất vui vẻ.

Lúc đó lại có hai cô gái nữa tới, Đặng Tiểu Bình nhiệt tình bắt tay họ chào: "chào các cháu".

- "Chúng cháu chào bác ạ!" Hai cô gái nắm chặt tay ông như không muốn rời xa.

Các cô gái lấy thẻ học sinh ra xin chữ ký của ông.

- Sao có ba cháu mà lại bốn thẻ? - Ông hỏi.

- Chúng cháu còn một bạn trai cùng lớp nhưng đã tình nguyện ở lại dưới kia trông đồ cho ba chúng cháu lên - Chiếc thẻ này là của bạn ấy gửi chúng cháu lên xin bác chữ ký, các cô gái vội nói.

Mọi người đều cùng cười rộ lên. Đặng Tiểu Bình vừa ký vừa thân mật nói: "Các cháu gái còn leo núi giỏi hơn các cháu trai?

Sau khi xin chữ ký, ba cô còn xin được chụp ảnh chung với ông. Ông vui vẻ đồng ý.

Tình cảm nồng ấm của ông với du khách ở Hoàng Sơn hoà với cảnh sắc tuyệt vời của khu du lịch trở thành một bức tranh tuyệt đẹp về tình cảm của lãnh tụ với quần chúng nhân dân. Những ví dụ về mối quan hệ tốt đẹp nhiều không kể xiết.

Mao Trạch Đông nói: Sức mạnh vĩ đại hùng hậu của chiến tranh tiềm ẩn trong quần chúng nhân dân. Người ta cũng nhận ra rằng, sức mình vĩ đại của cải cách cũng ở trong quần chúng nhân dân. Do tình thương rộng lớn của ông với quần chúng, nên quần chúng như một biển lớn đỡ con thuyền cải cách tiến lên phía trước.

Đặng Tiểu Bình còn nổi tiếng là người cứng rắn. Tính kiên định và tính nguyên tắc của ông hoà quyện với cái "nhu" làm một. Trong lần phục hồi thứ hai của mình, ông đã dùng "Bàn tay để chỉnh đốn toàn diện và phá tan bao trở lực to lớn. Sau khi phục hồi lần thứ ba, ông càng kiên trì tính nguyên tắc hơn, biện pháp càng cứng rắn hơn. Ông luôn phản đối "mềm", kiên trì biện pháp "cứng", nhiều lần đề xướng phải nắm chắc bằng cả hai tay, hai tay đều phải cứng. Ông cho rằng phát triển là một "đạo lý cứng". Đương nhiên "cương" là cái bên trong, còn "nhu" là cái bên ngoài. Tuy Đặng Tiểu Bình nổi tiếng là nghiêm khắc, nhưng ông không phải lúc nào cũng để lộ "Ngọn giáo sắc" ra để đe doạ người mà luôn giữ kín; cương ở trong nhu, cương nhu tương hợp. Ông lãnh đạo Đảng, lãnh đạo đất nước không chỉ thuần tuý từ những xung đột tình cảm đơn thuần, không giải quyết công việc chỉ bằng tình cảm mà bằng suy nghĩ rất thấu đáo, cẩn trọng, quyết phải đạt mục đích mới thôi.

Trong cuộc hội đàm về vấn đề thu hồi Hồng Kông giữa ông và bà Thátchơ, nhằm bảo vệ quyền lãnh đạo và chủ quyền đối với Hồng Kông của Trung Quốc nên tuy bầu không khí là hữu hảo nhưng đó lại thực sự là một cuộc đấu tranh và

giao đấu đầy trí tuệ. Về vấn đề nguyên tắc - vấn đề chủ quyền, hoàn toàn không có chỗ cho người Anh thảo luận. "Bà đầm thép" Thátchơ không thể làm gì được, buộc phải đồng ý.

Trong quá trình Hồng Kông trở về Trung Quốc, nhiều nghị sĩ chịu ảnh hưởng của Anh muốn làm đại biểu cho Hồng Kông cùng với đại biểu Trung Quốc, đại biểu Anh "hình thành thế chân kiềng". Chính phủ Trung Quốc cực lực phản đối. Có lần, một nghị sĩ đã sang Anh du thuyết, khi xuống sân bay đã phát biểu nhưng không phải đại diện cho lập trường của người Hồng Kông nên đã hạ thấp uy tín của chính mình và bị dư luận chê trách. Sau đó họ lại tổ chức một đoàn sang thăm Bắc Kinh, muốn làm đại diện cho lợi ích của nhân dân Hồng Kông sang đòi quyền lợi.

Đương nhiên, với những người này, Đặng Tiểu Bình sẽ không khách khí nhưng khi gặp họ, ông vẫn đón tiếp thân mật. Ông nói "Tôi hoan nghênh các bạn tới Bắc Kinh với tư cách cá nhân. Nghe các bạn có không ít ý kiến, chúng tôi muốn nghe các ý kiến đó".

Ông nói rất nghiêm túc, làm đối phương nhụt chí mà vội vàng chuyển giọng "Ba chúng tôi là nghị sĩ thuộc ngành lập pháp hành chính chứ không phải nhà chức trách của Hồng Kông, rất vinh dự được gặp Ngài và các nhà lãnh đạo Trung Quốc khác tại đây. Đây là lần đầu tiên chúng. tôi được đến Bắc Kinh thăm quan, chúng tôi cảm thấy rất vinh hạnh?"

Đặng Tiểu Bình nói: "Các bạn hãy tận dụng dịp này để tìm hiểu Bắc Kinh và Trung Quốc cũng như dân tộc Trung Hoa. Tôi tin rằng lập trường của ba người không hoàn toàn giống nhau. Chuyến đi Luân Đôn của các ngài tôi đã biết có ý kiến gì. Các Ngài cứ nói ra, nhưng tôi xin nói trước rằng: phương châm, lập trường và chính sách mà chính phủ Trung Quốc đưa ra là không thay đổi. Cho dù được bao nhiêu người tìm hiểu chăng nữa, chúng tôi vẫn tin rằng nó phù hợp với lợi ích của năm triệu người Hồng Kông. Chúng tôi cũng đã nghe nhiều ý kiến của những người khác quan điểm, nhưng chúng tôi không thừa nhận họ đại biểu cho nhân dân Hồng Kông. Cuộc đàm phán Trung-Anh hẳn các ngài đã rõ. Chúng tôi sẽ cùng phía Anh giải quyết và sẽ không chịu sự can thiệp của bất cứ ai. Chúng tôi không thừa nhận ba chân kiềng" mà chỉ thừa nhận "hai chân" mà

thôi.

Ông nói thẳng thắn, không cần giấu giếm quan điểm của mình. Sau việc này, Đặng Liên Như nói: "Ông rất chú ý lắng nghe họ nói chứ không như một số người, chỉ muốn nói ra mà không chú ý tới người khác". Với các vấn đề liên quan đến chủ quyền, ông đều rất cảnh giác, cương quyết không nhượng bộ.

Ngày 28 tháng 1 năm 1979, tức ngày mồng 1 Tết âm lịch, Đặng Tiểu Bình dẫn một phái đoàn đi thăm Mỹ. Đây là lần đầu tiên kể từ khi thành lập nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, có một nhà lãnh đạo Trung Quốc thăm Mỹ. Những nơi đoàn đến đều được tiếp đón rất long trọng. Tổng thống Carter mở tiệc chiêu đãi, đọc lời chào mừng, Đặng Tiểu Bình đáp từ rồi sau đó nói chuyện với nhau trong bầu không khí hữu hảo. Carter miêu tả lại:

"Trên bàn tiệc, ông ấy (Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình), là một người bạn rất được hoan nghênh - nói chuyện rất thoải mái tự nhiên, từ đầu chí cuối ông luôn giới thiệu về tình hình đời sống của nhân dân trong nước và bàn về việc ông cho là vì sao tình hình lại tiến triển tốt như vậy. Chúng tôi cùng nói về chuyện rất cảm phục kế hoạch truyền giáo của các giáo sĩ, trước đây. Ông ấy cũng thừa nhận đã có một số giáo sĩ tốt đã từng đến Trung Quốc, nhưng ông cũng kiên quyết nói rằng, có một số giáo sĩ sau khi đến Trung Quốc lại chỉ muốn thay đổi cách sống của người phương Đông nhằm tây phương hoá. Khi tôi nhắc tới chuyện một bệnh viện và trường học do các giáo sĩ xây dựng, ông nói những cái đó hiện nay vẫn còn. Nhưng ông cực lực phản đối việc phục hồi kế hoạch truyền giáo ra nước ngoài, các tín đồ cơ đốc giáo Trung Quốc cũng đồng ý như vậy".

Đặng Tiểu Bình là như vậy, bất kỳ lúc nào, trong hoàn cảnh nào đều nắm chắc lợi ích quốc gia. Ông hiểu rất rõ kiểu truyền giáo hiện nay của các giáo sĩ, ngoài việc tuyên truyền văn hoá tiên tiến và tôn giáo phương Tây ra, phần nhiều chỉ mượn việc truyền giáo để phục vụ cho chủ nghĩa đế quốc nước họ, tiến hành xâm lược văn hoá và tinh thần, những ví dụ đau đớn như vậy đã quá nhiều rồi. Do vậy ông đã cương quyết từ chối việc phục hồi kế hoạch truyền giáo mà Carter đưa ra.

Trong đời sống chính trị trong nước hay khi tiếp khách, ông rất linh hoạt nhưng cũng rất nguyên tắc, xử lý mọi việc rất khôn khéo.

Sau khi được phục chức lần thứ hai, ông chủ trì công tác hàng ngày của trung ương, tiến hành chỉnh đốn toàn diện, đề ra "lấy ba chỉ thị làm cương lĩnh", nắm chắc sản xuất và xây dựng kinh tế khiến cho "lũ bốn tên" tức tối tấn công hãm hại, cáo giác với Mao Trạch Đông. Tin lời họ, Mao Trạch Đông yêu cầu Bộ Chính trị họp mấy lần để đánh giá "cách mạng văn hoá", phê phán Đặng Tiểu Bình. Lúc đầu Mao Trạch Đông muốn hạn chế sẽ phê bình trong phạm vi nhỏ và hy vọng với việc đánh giá "cách mạng văn hoá" sẽ thống nhất được nhận thức, đưa ra một nghị quyết khẳng định về "cách mạng văn hoá" do Đặng Tiểu Bình chủ trì, đánh giá chung là "tỉ lệ 3/7, bảy phần thành tích ba phần sai lầm". Nhưng Đặng Tiểu Bình đã khéo léo từ chối. Ông nói, ông chủ trì viết nghị quyết là không thích hợp, ông chỉ là người trong "đào hoa nguyên" "không biết có Hán cũng chẳng bàn đến Nguỵ, Tấn". Chính vì điều đó mà về sau ông mới có thể phủ định triệt để "cách mạng văn hoá". Như vậy, ông vừa kiên trì bảo vệ được nguyên tắc lại từ chối rất có lý do.

Trong quá trình phê phán luận điệu sai lầm "hai phàm là "ông càng thể hiện rõ đặc trưng "Cái kim trong bọc" của mình. Sự phê phán này được triển khai từng bước. Đầu tiên gửi thư cho các đồng chí lãnh đạo chủ yếu, chủ trương "chúng ta mãi mãi dùng tư tưởng hoàn chỉnh, đúng đắn của Mao Trạch Đông để chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân và toàn dân". Trên thực tế, đó là sự phê phán đối với "hai phàm là" rất hàm xúc và sâu sắc. Sau nữa, khi đi thăm Triều Tiên trở về tỉnh uỷ Cát Lâm và Liêu Ninh báo cáo, ông đã thẳng thắn vạch rõ sự sai lầm của "hai phàm là".

Cuối cùng, Thường vụ Bộ Chính trị đã tiến hành phê bình tại chỗ đồng chí phụ trách trong Trung ương đã đưa ra luận điểm "hai phàm là".

Trong quá trình phê phán luận điểm "hai phàm là", ông phê bình rất nghiêm túc trên tinh thần đồng chí, mà không hề dùng các ngôn từ đao to búa lớn sặc mùi thuốc súng như cách mạng văn hoá đã dùng trước kia. Mặc dù là một cuộc đấu tranh lý luận, tư tưởng rất nghiêm túc (bao gồm cả cuộc thảo luận lớn về vấn đề tiêu chuẩn chân lý sau đó), nhưng lại hoàn toàn được tiến hành trên cơ sở lý tính. Với việc phê phán quan điểm sai lầm của "hai phàm là", ông đã xác lập được một dạng vận dụng biện luận phân tích quan điểm tư tưởng phi chính xác.

Nó hoàn toàn bác bỏ cách làm của phong trào chính trị qui mô lớn trước kia, rất thu phục lòng người. Chính các đồng chí vốn đề ra quan điểm sai lầm cũng không thể không nhận sai lầm. Thiết nghĩ, nếu như áp dụng phương thức của các phong trào chính trị trước kia, thì hẳn sẽ làm cho cục diện trong lĩnh vực chính trị tư tưởng càng hỗn loạn hơn.

"Trong nhu có cương, cái kim trong bọc" của Đặng Tiểu Bình vừa là tính cách, khí chất cá nhân của ông, lại vừa là niềm hạnh phúc của dân tộc Trung Hoa.

Tại Hội nghị Trung ương 1 khoá 8, trong lời phát biểu đề cử được đảm nhận chức Tổng Bí thư, Mao Trạch Đông đã khẳng định một lần nữa "Đặng Tiểu Bình một người tương đối công minh", "là một con người nhân hậu" "tương đối công bằng trong xử lý vấn đề", Đặng Tiểu Bình là người lãnh đạo cao cấp của quân đội trong một thời gian dài, làm công tác Đảng vụ cũng khá lâu, chủ trì công việc hàng ngày của Đảng, vài lần đảm nhiệm chức Phó Thủ tướng và còn là chủ tịch Hội nghị hiệp thương chính trị. Nhưng ông chưa bao giờ kéo bè kết phái, dù là xử lý việc quân sự, Đảng vụ hoặc công việc chính phủ, ông đều xuất phát từ lợi ích của Đảng, Nhà nước và dân tộc, luôn công tâm, tính trực, nên rất được sự giúp đỡ và ủng hộ về mọi mặt của mọi người. Dù là những nhà cách mạng lão thành đã kinh qua hàng trăm chiến trận hay những người bình thường, đều có thể thấy được khí phách của ông qua sự chí công vô tư của ông.

Sự công minh chính đại của ông hoàn toàn có thể được nhận thấy qua lời đánh giá của ông về Mao Trạch Đông.

Đánh giá về một con người, nhất lại là một nhân vật lịch sử, ông luôn dùng phép biện chứng, không hề thành kiến cá nhân, hoàn toàn căn cứ vào hiện thực khách quan nên những kết luận đều rất công minh.

Hẳn trước đó Đặng Tiểu Bình không sao nghĩ được rằng, hơn hai chục năm sau, chính ông lại gặp phải một vấn đề hóc búa là làm thế nào để đánh giá chính xác Mao Trạch Đông?

Một người Mỹ tên là Morris Macina đã nói:

"Cần phải có được sự đánh giá lịch sử và nghiêm túc về Mao Trạch Đông, nhưng đây là một sự kiện chính trị rất nguy hiểm". Bởi sự đánh giá Mao Trạch

Đông có ảnh hưởng đến sự ổn định của cục diện chính trị và sự thống nhất của tư tưởng chính trị. Nhưng rõ ràng là không thể không đánh giá về ông. Bởi vì, một mặt trong quá trình giải phóng tư tưởng từ sau Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, tư tưởng của không ít người vẫn chưa chuyển biến, vẫn tin vào lý luận "tả khuynh" của những năm cuối đời Mao Trạch Đông; mặt khác, trong quá trình sửa chữa sai lầm của "tả khuynh", vùng cấm của sự sùng bái cá nhân đã dần bị phá vỡ, việc đánh giá công, tội của Mao Trạch Đông đã làm rối trí một số người. Xuất phát từ sự căm ghét những sai lầm "tả khuynh", một số người đổ tất cả lỗi lầm cho Mao Trạch Đông, thậm chí qui tội một cách giản đơn vào phẩm chất cá nhân của Mao Trạch Đông. Cách nhìn sai lầm này lại bị một số rất ít người phản đối bốn nguyên tắc cơ bản lợi dụng, tiến tới phủ định sự lãnh đạo của Đảng và 30 năm chế độ xã hội chủ nghĩa, tạo nên sự hỗn loạn trong tư tưởng mọi người. Bởi vì đánh giá Mao Trạch Đông để triệt để sửa chữa sai lầm "tả khuynh", mà sự đánh giá đó có chính xác, công minh không sẽ được toàn thể nhân dân, bao gồm cả các nhân sĩ yêu đất nước Trung Hoa trên thế giới nhìn vào.

Đặng Tiểu Bình công khai tuyên bố. "Chúng tôi không đối xử với Mao Trạch Đông như Khorútxốp đối xử với Stalin". Đó không chỉ bởi hai con người này khác nhau ở rất nhiều mặt, mà điều chủ yếu hơn là Khorútxốp đối xử với Stalin có trái với sự thực lịch sử, có cái thiếu công minh.

Vậy Đặng Tiểu Bình làm thế nào để đánh giá đúng đắn, công minh khách quan về Mao Trạch Đông?

1 - Bắt đầu viết từ năm 1960: Viết về những vấn đề chỉ liên quan đến lịch sử 27 năm từ khi bắt đầu dựng nước. Trong 27 năm đó, đánh giá thật công bằng về Mao Trạch Đông thì chỉ có 7 năm dựng nước là chính xác; khoảng thời gian 10 năm trước cách mạng văn hoá thì đúng một nửa sai một nửa; 10 năm cách mạng văn hoá mắc sai lầm có tính toàn cục. Những sai lầm đó không thể không viết, nhưng viết như thế rất khó thể hiện sự đánh giá công trạng là thứ nhất, sai lầm là thứ hai của Mao Trạch Đông. Sau đó, Trần Vân kiến nghị viết thêm một đoạn về lịch sử Đảng trước giải phóng, liền 60 năm. Đặng Tiểu Bình cho đó là một ý kiến hay, tuy vượt qua giới hạn mà tiêu đề đặt ra là từ dựng nước đến nay", nhưng "công lao và cống hiến của đồng chí Mao Trạch Đông sẽ được khái quát

một cách toàn diện".

2 - Sai lầm cần viết khái quát, trọng điểm đặt vào phần đúng đắn 20 năm sau, đặc biệt là 10 năm "cách mạng văn hoá", sai lầm không thể nói là nhỏ. Nếu tất cả phải viết ra thì e rằng chưa thể hiện được sự đánh giá công trạng là thứ nhất, nhưng lại không thể không viết ra. Vậy là Đặng Tiểu Bình yêu cầu phải viết về sai lầm một cách khái quát, "Nội dung chủ yếu là nói về những quan điểm đúng đắn", "trọng điểm tư tưởng của Mao Trạch Đông là gì, những đúng đắn của Mao Trạch Đông là ở mặt nào".

3 - Sai lầm đâu phải chỉ là của cá nhân Mao Trạch Đông. "Nói về sai lầm, không nên chỉ nói tới một mình Mao Trạch Đông, rất nhiều đồng chí trong Trung ương cũng có sai lầm", "Không nên tạo thành ấn tượng, người khác đều đúng chỉ có cá nhân sai lầm. Điều này không phù hợp thực tế. Trung ương phạm sai lầm, không phải một cá nhân chịu trách nhiệm mà cả tập thể phải chịu trách nhiệm". Ông nêu ví dụ về việc "đại nhảy vọt", lẽ nào chỉ mình Mao Trạch Đông nóng vội còn chúng ta thì không? Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và cả tôi đều không phản đối, còn Trần Vân thì không nói gì.

4 - Mao Trạch Đông có sai lầm, nhưng những sai lầm đó đã bị tập đoàn phản cách mạng Lâm Bưu và "lũ bốn tên" lợi dụng. Để giành được quyền lực, bọn chúng đã lợi dụng những sai lầm đó theo hướng cực đoan hoặc lợi dụng danh nghĩa Mao Trạch Đông để làm nhiều việc xấu xa mới gây ra hậu quả vô cùng nghiêm trọng của "cách mạng văn hoá". Những hậu quả này đương nhiên Mao Trạch Đông phải chịu trách nhiệm, nhưng một số là do hai tập đoàn trên gây nên, một số khác là do chúng làm lén lút sau lưng Mao Trạch Đông". Ông cho rằng. "Không nên viết quá về những sai lầm của Mao Trạch Đông. Nếu không như thế thì sẽ bôi đen Mao Trạch Đông, đồng thời bôi đen cả Đảng và Nhà nước, phản bội lại sự thật lịch sử".

Không nên qui kết nhiều vấn đề vào phẩm chất cá nhân. "Hiện nay có một số đồng chí đã mang nhiều vấn đề qui kết vào phẩm chất cá nhân của đồng chí Mao Trạch Đông. Trên thực tế, nhiều vấn đề không thể dùng phẩm chất cá nhân giải thích được. Ngay cả người có phẩm chất cá nhân tốt, trong một số tình huống cũng không tránh khỏi phạm sai lầm", "Chúng ta nói, chế độ là nhân tố quyết

định, chế độ lúc đó là như vậy", "Sở dĩ Mao Trạch Đông trở thành lãnh tụ kiệt xuất được nhân dân Trung Quốc kính trọng, ngoài tài thao lược ra, chủ yếu là do sức mạnh cá tính của ông. Nếu qui những sai lầm của ông vào phẩm chất thì, một là không phù hợp thực tế, hai là sẽ không có lợi cho việc tổng kết, rút ra bài học. Nhìn từ góc độ chế độ, cần phải tìm tận gốc những nguyên nhân dẫn đến sai lầm của ông".

6 - Chỉ ra tính chất của sai lầm: "Đồng chí Mao Trạch Đông phạm sai lầm, đó là một nhà cách mạng vĩ đại phạm sai lầm, là một người Mác xít vĩ đại mắc sai lầm".

Dưới sự chỉ đạo rất tận tâm của Đặng Tiểu Bình, "Nghị quyết được viết ra rất công minh, điều đó biểu thị tấm lòng rộng mở của ông. Mặc dù bị Mao Trạch Đông xử lý tới hai lần, nhưng những đánh giá của ông về Mao Trạch Đông không hề mang chút hằn thù cá nhân, nhưng hoàn toàn khác với sự "trung thành ngu xuẩn" của các "tội thần". Đến như vấn đề này mà vẫn làm được công chính, không mang tính cá nhân, thiên lệch thì lo gì mà ông không trị vì được thiên hạ.

Sự công minh của ông còn thể hiện trong việc chỉ đạo giải quyết các vụ án oan sai của Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, Hạ Long, Trương Văn Thiên v. v... trả loại sự trong sạch cho lịch sử, sự chính nghĩa cho nhân dân, sự công bằng cho người bị oan ức.

Trong cuộc đời cách mạng gần 80 năm của mình, Đặng Tiểu Bình đã kinh qua biết bao gian khổ hiểm nguy, nhiều sóng to gió lớn. Khi hoạt động cách mạng ở Pháp, ông đã mưu trí trốn thoát sự lùng sục bắt bớ của cảnh sát Pháp; sau khi đại cách mạng bị thất bại, ông ở lại Thượng Hải, một nơi "hang hùm miệng sói". Ông là người rất cẩn thận, sau đó về Quảng Tây tổ chức khởi nghĩa, mãi đến lúc chỉ huy Quân đoàn, ông mới bước qua được cơn mưa bom bão đạn. Sự từng trải đó đã tôi luyện ông trở thành một con người, có phong độ của một vị tướng lạnh lùng, trầm tĩnh.

Chính phong độ này giúp ông nhiều lần biến nguy thành an, nắm chắc quyền chủ động vận mệnh của mình.

Tháng 7 năm 1947, Mao Trạch Đông đề ra sự bố trí chiến lược phái Quân đoàn Lưu, Đặng vào Đại Biệt Sơn nhằm thọc một lưỡi dao vào khu vực trung

tâm Quốc dân Đảng để thay đổi chiến lược của Quân giải phóng từ phòng ngự chiến lược chuyển sang phản công. Mao Trạch Đông chỉ ra rằng, đến Đại Biệt Sơn có thể xảy ra ba khả năng: Một là phải trả giá, không đứng chân được phải rút về; hai là cũng phải trả giá nhưng đứng chân được ổn định, kiên trì chiến đấu để có thể đứng vững, ba là cũng phải trả giá nhưng hoàn toàn đứng vững được.

Ngày 7 tháng 8, Đặng Tiểu Bình bắt đầu dẫn quân tiến vào Đại Biệt Sơn. Muốn vào Đại Biệt Sơn phải đi qua khu vực Hoàng Phiếm và hai con sông: Nhữ và Hoài. Đó là những cửa ải nguy hiểm nhất - Khi đi qua khu Hoàng Phiếm, Tưởng Giới Thạch đã điều 12 lữ tạo thành thê đội một và 8 lữ khác thành thế đội đuổi quân của Lưu, Đặng. Ngoài ra còn dùng 4 lữ khác tập kích hai bên sườn bố trí hai sư hoàn chỉnh và một tổng đội cảnh sát giao thông bố phòng ở Chá Thành, khu Lộc ấp với ý đồ bao vây tiêu diệt quân Lưu, Đặng ở khu Hoàng Phiếm. Đây là khu vực đầm lầy, có chỗ ngập quá đầu gối, có chỗ ngập quá bụng, không đường đi, cũng chẳng có người ở, đi lại rất khó khăn. Trước tình hình đó, Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình quyết định lập tức phải đi qua khu Hoàng Phiếm, hai ông cùng bước thấp bước cao lội với chiến sĩ, trải qua bao khó khăn, cuối cùng đã vượt qua được Hoàng Phiếm, đập tan ý đồ muốn tiêu diệt quân ta ở đây của Tưởng Giới Thạch.

Khi quân ta tới được bờ bắc sông Nhữ, tình hình rất nguy cấp. Lúc đó nước sông Nhữ đang dâng cao chảy rất xiết, đằng trước có ba quân đoàn địch chặn lối, đằng sau có ba sư đang đuổi theo, mà chúng chỉ còn cách sông Nhữ khoảng 50 dặm, chỉ một ngày là có thể đuổi kịp. Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình lập tức họp chỉ huy tiền phương ngay bên bờ sông Nhữ, sau khi nghe báo cáo tình hình mọi mặt, hai ông đã ra quyết định phải vượt sông. Đặng Tiểu Bình nói: "Hiện nay ngoài việc phải vượt sông ra không còn con đường nào khác. Nếu hôm nay không qua được sông Nhữ, ngày mai quân địch sẽ đuổi tới. Không qua được sẽ phải phân tán ra để đánh du kích hoặc là phải quay về. Như vậy thì không thể hoàn thành nhiệm vụ chiến lược mà Trung ương giao cho?"

Ông yêu cầu phải bằng mọi giá qua sông.

Hai ông đều rất lạnh lùng, trầm tĩnh, không hề bối rối khi gặp hiểm nguy, vững vàng chỉ huy quân đội. Cuối cùng quân ta đã vượt sông Nhữ, cắt đuổi được

hơn 20 vạn quân địch đang đuổi theo phía sau và vượt qua sông Hoài. Sau khi bộ đội vượt qua sông Hoài thì quân Tưởng cũng đuổi tới bờ sông, nhưng lúc đó nước sông Hoài đang dâng lên, đổ ầm ầm về xuôi rất hung dữ.

Do tài năng chỉ huy siêu việt của hai ông, do sự phân tích đúng đắn tình hình trong bất kỳ khó khăn nào và rất quyết đoán nên đã hoàn thành nhiệm vụ mà Trung ương Đảng giao cho, đứng vững ở Đại Biệt Sơn.

Chỉ huy chiến dịch Hoài Hải là do năm người trong Đảng uỷ tiền phương của chiến dịch gồm Lưu Bá Thừa, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình, Túc Dụ và Đàm Chấn Lâm. Dưới sự chỉ huy của Đảng uỷ tiền phương, trải qua 66 ngày chiến đấu, hai cánh quân chủ lực là Quân đoàn dã chiến Trung Nguyên và Hoa Đông bằng cái giá của hơn 13 vạn người bị thương đã tiêu diệt sào huyệt chỉ huy của Quốc dân Đảng, tiêu diệt 5 binh đoàn, 22 sư đoàn bộ, 56 sư đoàn, tổng cộng hơn 55 vạn 5 ngàn quân địch...

Chiến dịch Hoài Hải là một chiến dịch duy nhất trong ba chiến dịch lớn mà quân số của ta ít hơn quân địch: 60 vạn chiến thắng 80 vạn. Từ nước Nga xa xôi sau khi nghe được tin này, Staiin đã ghi vào nhật ký công tác rằng:

"60 vạn đánh thắng 80 vạn, kỳ tích! Thật là một kỳ tích!" Vị đại sứ của Liên Xô ở Trung Quốc Long Kinh đã nói: Chiến dịch Hoàn Hải đánh thật tuyệt, là một kỳ tích trong lịch sử chiến tranh cách mạng của Trung Quốc và cũng rất hiếm trong lịch sử chiến tranh thế giới. Sau này Mao Trạch Đông cũng đánh giá chiến dịch này đánh rất tốt. Hồi ký của tướng Lý Đạt người trực tiếp tham gia chiến dịch: "Chiến dịch Hoài Hải là một chiến dịch oanh liệt nhất trong chiến tranh giải phóng" mà người chỉ huy chính là Bí thư Đảng uỷ tiền phương Đặng Tiểu Bình. Lúc ấy, tổng binh lực mà Tưởng Giới Thạch sử dụng trên chiến trường Hoàn Hải là 20 quân đoàn, 70 sư đoàn. Trong đó binh đoàn Hoàng Duy, theo lời tướng Lý Đạt nói: "Là bộ đội tinh nhuệ hạng nhất của quân Tưởng". "Trang bị của nó tương đối hiện đại, độ vững chắc của công sự và sự kiên quyết trong chống trả của chúng cũng là số một".

Đứng trước một kẻ địch mạnh và đông như vậy, Mao Trạch Đông quyết định để bộ ba Đặng Tiểu Bình, Lưu Bá Thừa và Trần Nghị hợp lại chỉ huy và các ông đã thể hiện được tốt nhất nghệ thuật chỉ huy. Bởi cả ba ông đều là người rất trầm

tĩnh, biết đưa ra quyết sách đúng đắn trong tình thế thiên biến vạn hoá, vì vậy Trung ương Đảng và Mao Trạch Đông rất tín nhiệm họ và đã lần vài chỉ thị, trong tình trạng khẩn cấp, tất cả sẽ do họ tuỳ cơ mà xử trí không cần phải thỉnh thị. Giai đoạn hai của chiến dịch là tiêu diệt binh đoàn Hoàng Duy. Đây là giai đoạn căng thẳng và bận rộn nhất. Bởi vì trong ba người thì Đặng Tiểu Bình ít tuổi nhất, lúc đó vừa tròn 44 tuổi cho nên đã chủ động đảm nhiệm công tác tổ chức chỉ huy chiến dịch. Trong cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha của tôi", Mao Trạch Đông đã miêu tả tình hình lúc đó như sau: "Trong suốt quá trình tác chiến giai đoạn hai, tình hình chiến sự và quân đội rất căng thẳng. Chuông điện thoại réo không ngớt, điện báo viên chạy như con thoi. Đặng Tiểu Bình suốt ngày trong phòng tác chiến, trực đến tận đêm hoặc quá nửa đêm, khi chiến sự không có thay đổi gì lớn ông mới trở về. Phần lớn các quyết định của Đảng uỷ chỉ huy tiền phương đều do ông trực tiếp truyền đạt đến từng đơn vị, ông sẵn sàng nghe phòng tác chiến báo cáo tình hình chiến sự và trực tiếp điện thoại cho các chỉ huy cánh quân".

Đây thực sự là hình ảnh của một vị chỉ huy cao cấp, rất có đầu óc vận trù học, quyết chiến quyết thắng, gặp việc gấp không hoảng hốt, nóng nảy.

Đặng Tiểu Bình là một bậc thầy lớn, luôn bình tĩnh suy nghĩ để nắm bắt thời cơ trong tình thế vô cùng phức tạp đan xen nhau, và cũng là người thầy trong việc phát hiện những khuynh hướng tư tưởng lệch lạc.

Ngày 10 tháng 9 năm 1946, đúng ngày Tết Trung thu, một số tư lệnh cánh quân của hai quân đoàn dã chiến nhận được lệnh lên Sở chỉ huy họp. Họ cho rằng, có lẽ hai vị chỉ huy Lưu, Đặng muốn mượn dịp tết Trung thu để uý lạo mọi người. Bởi mấy tháng liền, bộ đội đã chiến đấu liên tục, liên tục chiến thắng, chỉ riêng chiến dịch Định Đào đã tiêu diệt 4 lữ hơn 17.000 quân địch, bắt sống Trung tướng sư trưởng Triệu Tích Điền. Suốt dọc đường đi, họ đều rất phấn khởi.

Khi các chỉ huy cấp dưới hớn hở bắt tay Đặng Tiểu Bình, ông vội xua tay: "Đây không phải là hội nghị bắt tay" Mọi người lập tức cảm thấy rất nghiêm túc.

Đặng Tiểu Bình tuyên bố mục đích cuộc họp: "Cuộc họp hôm nay không phải là cuộc họp bắt tay, chớ vì mới đánh thắng được hai trận mà đã quá vội mừng, đã

tự thoả mãn, đã chúc tụng bắt tay nhau, coi mọi thứ đều tốt. Cần phải nghĩ tới những điều chưa tốt của mình, chúng ta đã làm được những gì? Tác phong chỉ huy chiến đấu còn tồn tại vấn đề gì? các đồng chí hãy phát biểu"!

Tư lệnh Lưu Bá Thừa, Tham mưu trưởng Lý Đạt, Phó Chính uỷ Trương Tế Xuân lần lượt phát biểu, chỉ rõ những vấn đề còn đang tồn tại.

Nguyên nhân là do bộ đội liên tục chiến đấu thắng lợi, khí thế rất cao, tràn đầy lòng tin, nhưng một số ít cán bộ lãnh đạo trước thắng lợi đó đã tỏ ra kiêu ngạo, kỷ luật quân đội không được tốt lắm, sự đoàn kết giữa quân dân giữa cán bộ và chiến sĩ cũng nảy sinh một số vấn đề. Trong hội nghị, đồng thời với việc tổng kết kinh nghiệm tác chiến, Đặng Tiểu Bình còn nhấn mạnh, phải khắc phục ngay thói kiêu ngạo và khuynh hướng chỉ đánh mà không chú ý tới kỷ luật quần chúng ở một số cán bộ, bộ đội.

Sở dĩ bộ đội có thể đánh tốt trong chiến dịch Hoài Hải, chiến dịch vượt sông chính là do sự bồi dưỡng chỉ dẫn tận tình của hai ông.

Sau giải phóng, Đặng Tiểu Bình trở thành cán bộ lãnh đạo Trung ương, nhưng ông vẫn giữ được tác phong thực tế, bình tĩnh nhất quán của mình.

Trong thời kỳ đại nhảy vọt và ba năm vô vàn khó khăn gian khổ, ông đã sớm phát hiện ra một trong những người lãnh đạo có vấn đề. Nhất là trong thời kỳ lịch sử mới, ông vẫn như một người cầm lái cao siêu, dù cho sóng to gió lớn vẫn đưa con thuyền cách mạng vượt qua sóng gió tiến lên.

Khi bắt đầu nảy sinh tư tưởng "tả khuynh", ông nhấn mạnh chống "tả"; khi xuất hiện hiện tượng tự do hoá của giai cấp tư sản, ông lại nhấn mạnh phải kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, phải loại trừ sự ô nhiễm tinh thần. Khi ông phát hiện thấy nếu việc tự do quá trớn biến thành một phong trào, có thể ảnh hưởng đến nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng kinh tế, ông lại làm cho nó suy yếu đi. Khi tư tưởng cầu mong sự ổn định chiếm chủ đạo, tốc độ phát triển kinh tế quốc dân có cơ chậm lại thì ông lại hô hào cần phải mạnh dạn dám nghĩ, dám dàm.

Trong việc xử lý một số vấn đề ngoại giao quốc tế quan trọng thì sự bình tĩnh của ông càng có tác dụng then chốt ổn định lòng người ổn định đại cục

Năm 1991, Liên Xô giải thể, Đông Âu thay đổi lớn, vận mệnh của phong trào cộng sản quốc tế bị mây đen che phủ, một số người nhất thời lo lắng hoảng hốt.

Nhưng Đặng Tiểu Bình vẫn vững như núi Thái Sơn. Ông cảnh báo mọi người phải "Bình tĩnh quan sát, vững vàng sẵn sàng đối phó".

Việc Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu không tồn tại làm cho một số người nghi ngờ chủ nghĩa Mác và lo lắng cho tương lai. Đặng Tiểu Bình đã chỉ ra rằng: "Xã hội phong kiến thay thế xã hội nô lệ, xã hội tư bản thay thế xã hội phong kiến, do vậy xã hội chủ nghĩa sau khi trải qua một quá trình phát triển dài tất phải thay thế chế độ tư bản. Đó là một xu thế chung không thể đảo ngược được, nhưng đường đi rất khúc khuỷu. Trong mấy trăm năm chủ nghĩa tư bản thay thế chủ nghĩa phong kiến, đã xảy ra biết bao lần lên xuống của các vương triều? Cho nên, xét về mặt ý nghĩa nhất định mà nói, sự lên xuống tạm thời là hiện tượng mang tính qui luật khó tránh. Một số nước xuất hiện những khúc ngoặt rất nghiêm trọng, xã hội chủ nghĩa như bị yếu đi, nhưng trải qua rèn luyện, nhân dân đã học được bài học sẽ làm cho chủ nghĩa xã hội phát triển theo hướng lành mạnh hơn. Do đó chớ nên hoảng hốt, đừng cho rằng chủ nghĩa xã hội đã bị diệt vong, đã bị thất bại và không còn tác dụng gì nữa. Làm gì có chuyện đó. Sau sự kiện Đông Âu, ông vẫn điềm nhiên nói với người Mỹ: "Đừng vội mừng quá sớm. Vấn đề còn phức tạp hơn nhiều".

Sau khi Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, các nước đế quốc phương Tây đã thực hiện chế tài đối với nước ta. Phải làm thế nào để xử lý mối quan hệ ngoại giao với các nước đó, nhiều người trong nước không có chính kiến, người nước ngoài cũng tỏ thái độ bàng quan. Đặng Tiểu Bình đã chỉ ra: "Chúng ta không nên vội vã, cũng không nên bi quan, hãy bình tĩnh. Mặc dù Liên Xô, Đông Âu xảy ra vấn đề, mặc dù bảy nước phương Tây chế tài chúng ta, chúng ta vẫn kiên trì phương châm: tiếp tục quan hệ và quan hệ tốt với các nước thuộc Liên Xô cũ, Mỹ, Nhật Bản và các nước châu Âu. Phương châm này không bao giờ lay chuyển. Trung Quốc là nước rất đại lượng, một chút sóng gió không thể làm đổ chúng ta".

Sau sự sụp đổ của Liên Xô, một số nhà lãnh đạo của thế giới thứ ba yêu cầu Trung Quốc đứng ra thay thế đảm nhiệm vai trò đầu tàu. Làm đầu tàu hay không là việc rất quan trọng. Một lần, Đặng Tiểu Bình nhắc nhở một số đồng chí trong Đảng: "một số nước thế giới thứ ba hy vọng Trung Quốc đứng ra cầm lái, nhưng

chúng ta đừng bao giờ làm như vậy. Đây là một quốc sách cơ bản. Chúng ta không thể đứng đầu vì chưa đủ sức mạnh. Đứng đầu chẳng có gì tốt cả, nhiều quyền chủ động sẽ bị mất đi".

Đầu óc Đặng Tiểu Bình không hề nóng lên bởi những lời đề nghị đó, ông rất tỉnh táo và coi đó như một quốc sách căn bản. Vì sao chúng ta không đứng đầu".

Một là chúng ta không có sức mạnh của một đầu tàu. Trung Quốc vốn rất nghèo, chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc vẫn chưa phát triển, việc của mình còn làm chưa tốt, sao có đủ tư cách dẫn đầu? Làm đầu tàu là phải chịu trách nhiệm cả về kinh tế nữa.

Hai là, một khi làm đầu tàu sẽ mất đi rất nhiều quyền chủ động. Người ta yêu cầu chúng ta cầm lái thì những việc chúng ta nói và làm đều phải đại biểu cho lợi ích của họ do đó sẽ có rất nhiều sự trói buộc trong chính sách ngoại giao độc lập tự chủ của mình, như vậy chẳng khác gì tự trói chân tay mình lại.

Trong nhà Đặng Tiểu Bình treo một bức tranh "Hai con mèo trắng phía trước, mèo đen phía sau trông rất hấp dẫn. Phía trên bức tranh có một hàng chữ "Dù là mèo trắng hay mèo đen, biết bắt chuột đều là mèo tốt". Đây là một bức tranh do Trần Liên Thọ, "vua mèo Giang Nam", năm 1984 tròn 83 tuổi vẽ tặng Đặng Tiểu Bình. Ông rất thích bức tranh đó, con gái xin ông, nhưng ông không cho. Sau khi hoạ sĩ già biết tin, đã vẽ tặng con gái ông bức tranh khác chỉ có một con mèo.

"Luận điểm con mèo" gây ra sự tranh luận. Nghe nói, cuộc tranh luận đó là do Bạc Nhất Ba phản ánh lại cho Đặng Tiểu Bình biết, Đặng Tiểu Bình đã trả lời: Thứ nhất, tôi không thu hồi lại. Thứ hai, tôi nói thẳng vào tình hình lúc đó. Không bàn đến thực hư ra sao, cũng không xem giới lý luận và các giới khác bàn luận thế nào, nhưng đối với người dân Trung Quốc và các nhân sĩ nước ngoài mà nói, việc nhận thức về Đặng Tiểu Bình, khâm phục ông, có tình cảm thân thiết với ông về cơ bản đều bắt đầu từ luận điểm này. Cuni chuyên gia Trung Quốc học nổi tiếng của Nhật Bản nói: "Câu danh ngôn về mèo này đã được lưu truyền rất rộng rãi ở Nhật Bản". Các học giả nước ngoài khi bình luận về ông thì hầu hết đều nhắc "luật điểm con mèo". Luận điểm này là lời bạch thoại nhưng hàm ý rất sâu sắc.

Bài nói mang tính tổng quát về "luật điểm con mèo" của ông là bài phát biểu

ngày 7 tháng 7 năm 1962 "Về việc làm thế nào để phục hồi sản xuất nông nghiệp". Ông nói: "Suy cho cùng, quan hệ sản xuất lấy hình thức nào là tốt nhất thì cần phải áp dụng cách thức ấy, bất cứ hình thức nào, địa phương nào có thể khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp tương đối dễ và nhanh thì áp dụng hình thức đó; hình thức nào có thể động viên tính tích cực của quần chúng thì áp dụng hình thức đó. Cũng giống như đánh trận vậy, phải "căn cứ vào tình hình, đánh thắng mới coi là được". Cho nên, về căn bản, "luận điểm con mèo" hoàn toàn nhất trí với các luận điểm khác như phát triển và giải phóng sức sản xuất, thấy rõ bản chất của chủ nghĩa xã hội và bản chất của cách mạng và cải cách mở cửa của Đặng Tiểu Bình. Luận điểm này thuộc "Bản chất luận", cũng là luận điểm trọng tâm của việc xây dựng kinh tế, cũng chính là "Phát triển mới là lý lẽ cứng rắn" là "Học Mác-Lê phải học cái tinh tuý, phải biết áp dụng", là sự liên hệ lý luận với thực tiễn, chính là "Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý", chính là thực sự cầu thị. Mèo là loài sinh vật mà sự sinh tồn của chúng là bắt chuột, bắt được chuột hay không là điều chủ yếu nhất hoặc là bản chất đặc trưng duy nhất để phân biệt mèo tốt hay mèo xấu.

Thế nào là bản chất của sự vật? Nói ra được điểm này không phải dễ, làm được lại càng khó hơn. Một nhà triết học đã từng nói rằng: "Thiên tài cũng chẳng có nhiều "ánh sáng" hơn những người bình thường. Nhưng họ có một chiếc thấu kính đặc biệt, có thể hội tụ ánh sáng vào một tiêu điểm. Nói cách khác, mặc dù ai cũng nhìn nhận ra bản chất, nắm bắt được bản chất, nhưng trên thực tế, chỉ có những nhân tài hoặc nhân vật kiệt xuất mới thực sự nhận thức và nắm vững bản chất của sự vật.

Tố chất bẩm sinh của con người hơn kém nhau rất ít, số người ưu thế đặc biệt hoặc có trở ngại đặc biệt chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ (chừng 2-2,5 phần vạn), nhưng thành tựu của họ thì lại khác nhau rất lớn. Khoảng 20% trong số người nắm giữ gần 80% của cải vật chất, 80% số người còn lại chỉ nắm giữ 20% của cải mà thôi. Nguyên nhân cơ bản dẫn tới sự khác nhau đó là phần lớn người ta khó tập trung tinh lực để giải quyết một số vấn đề thực chất. Có người, giống như con mèo nhỏ miêu tả trong câu chuyện "Mèo con câu cá", luôn vứt cần câu đi bắt bướm. Có người lại nghĩ khác, vì cho rằng màu lộng tuy cũng có ảnh hưởng đến

việc bắt chuột, nhưng lại có quan hệ rất lớn đến chuyện bán được giá cao hay không. Do đó họ luôn dùng son phấn tu sửa bộ lộng để có thể đứng chân được trong thế giới này. Với họ việc bắt chuột, làm việc thực sự có hiệu quả không phải là chuyện dễ dàng, còn tô điểm hình thức bên ngoài rõ ràng dễ dàng hơn nhiều, thoải mái hơn nhiều, mà lại thăng quan phát tài nhanh hơn, hiệu quả lớn hơn. "Luận điểm con mèo" yêu cầu mọi người phải tập trung tinh lực và sự chú ý vào việc "bắt được chuột". Trong khi đó vấn đề giải phóng và phát triển sức sản xuất, giải quyết những vấn đề mang tính thực chất lại không khiến người ta thích và muốn tiếp thu, bởi có người "không biết bắt chuột", "không dám bắt chuột", nhưng lại muốn thông qua các phương thức khác để biến mình thành một con "mèo tốt".

"Luận điểm con mèo" được nhà quân sự lớn Lưu Bá Thừa phát hiện trong thời kỳ chiến tranh cách mạng một cách không ngẫu nhiên. Bởi vì trong những năm chiến tranh có không ít những người giáo điều, cho rằng chỉ có đánh như thế nào mới là “người Bôsêvích chân chính", dù thua trận, làm chết nhiều bộ đội, làm mất căn cứ cách mạng vẫn là "Bôsêvích chân chính". Nếu không đánh theo cách họ nói thì cho dù thắng lợi cũng không được, vẫn bị xử lý, thậm chí có người còn bị xử bắn vì trái lệnh. Lần bị đánh đổ thứ nhất của Đặng Tiểu Bình trên thực tế cũng chính là do chủ trương "đánh thắng là được” của ông, phản đối kiểu đánh "theo bài bản định sẵn". Về mặt đường lối tư tưởng cũng hoàn toàn giống với hai lần bị đánh đổ sau. Thực tế lịch sử này cho thấy rõ, "luật điểm con mèo" tuy chỉ là một câu nói bình thường, nhưng nó liên quan tới vấn đề lý luận, về nhận thức mang tính căn bản và là vấn đề về đường lối tư tưởng.

Luận điểm này không liên quan đến cuộc đấu tranh "chủ nghĩa" mà chỉ là một vấn đề hình thức, thủ đoạn và phương pháp, tức là chỉ cần có lợi cho phát triển kinh tế thì hình thức, thủ đoạn, phương pháp quan hệ sản xuất như thế nào đều có thể dùng được, cũng giống như việc bắt chuột vậy, chỉ cần bắt được chuột thì dù là mèo trắng, mèo đen, mèo vàng hay mèo hoa đều là mèo tốt cả. Đưa vấn đề hình thức lên thành vấn đề chủ nghĩa, về mặt nhận thức luận chính là dùng hình thức để phán đoán chủ nghĩa chứ không phải từ bản chất để phân biệt chủ nghĩa, cũng chính là không nắm chắc được vấn đề có tính thực chất. Nước Trung Quốc

mới trong 30 năm chưa giải quyết được vấn đề ấm no, nguồn gốc tư tưởng chính là ở đó, cải cách mở cửa gặp vô vàn trở ngại, nguồn gốc cũng ở đó. Sự thành công và vĩ đại của Đặng Tiểu Bình cũng chính là do ông nắm rất chắc vấn đề bản chất, vấn đề trung tâm là giải phóng sức sản sản xuất, phát triển sức sản xuất trong xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Giống như "luận điểm con mèo" luận thuyết "mò tìm những mỏm đá để qua sông" cũng được quần chúng và không ít các nhân sĩ nước ngoài yêu thích, các nhà lý luận không chuyên và các nhà tuyên truyền nghiệp dư khái quát nó là "Luận điểm mò mẫm".

Nó được Vạn Lý gọi là "thực tiễn luận", "Quần chúng luận". Vạn Lý - người có cống hiến to lớn trong cuộc chỉnh đốn năm 1975 và thời kỳ cải cách mở cửa - đã nói với sự cảm nhận sâu sắc rằng: "Xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc phải làm thế nào? Ai mà biết được. Vẫn phải "mò tìm đá để qua sông". Nhưng hòn đá đó là gì?. Đó chính là thực tiễn, là quần chúng; cần phải đi vào thực tiễn thăm dò nguyện vọng và yêu cầu của quần chúng, thấy được mạch đập và xu thế của lịch sử. Đó chính là của báu gia truyền của chúng ta. Nhưng trong một thời gian dài, chúng ta đã bị sai lầm "tả" "khuynh" làm cho mất đi. Trong cuộc cải cách nông thôn, nó đã được khôi phục và phát huy cho nên làm tương đối thành công. Đây là một kinh nghiệm rất quan trọng, từ nay về sau chớ để đánh mất. Có người cho rằng, luận điểm này là một loại nhận thức luận, phương pháp luận nằm giữa sự chỉ đạo lý luận và dò tìm thực tiễn. Bởi trong thực tế "hòn đá" nằm trong nước, không nhìn thấy, phải mò; nhưng nó nằm ở đâu, thì phải dựa vào lý luận vào kinh nghiệm để phán đoán.

Luận điểm này có rất nhiều điểm đặc sắc, nhưng trước tiên là ở chữ “dám". Có người hỏi: "Mò đá qua sông”, "Nhưng nếu không có đá thì làm sao? Nếu nước sông quá sâu không thể qua được thì làm thế nào?” Đại loại là vấn đề đó có rất nhiều, nhưng suy cho cùng cũng chỉ ở một chữ "dám".

“Mò đá qua sông" để thấy rằng thứ nhất là không có cầu, thứ hai là không có thuyền, thứ ba là nước tương đối sâu không thể lội qua được và cũng không thấy đá để đặt chân lên; thứ tư là không biết bơi. Tóm lại là không có đường và phương tiện sẵn, muốn qua sông phải mày mò. Do đó điểm chính của luận điểm

này là phải lấy chữ "dám" làm đầu.

Năm 1975, khi chủ trì "chỉnh đốn", Đặng Tiểu Bình đã nhiều lần kêu gọi cán bộ lãnh đạo phải đặt chữ "dám" lên đầu, không được sợ, phải vững tin, cố gắng phát triển nền kinh tế quốc dân. Trong không khí chính trị lúc đó, cái gọi là không sợ cũng có nghĩa là không sợ bị đánh đổ lần nữa, về ý nghĩa chính là đặt chữ "dám" lên đầu và cả trong thời kỳ cải cách mở cửa cũng như vậy, nhưng có phần mạo hiểm nhiều hơn.

Trước tiên vẫn là những rủi ro chính trị. Rủi ro chính trị trong cải cách mở cửa rất lớn, lớn hơn nhiều so với trước vì nó có thể gây ra động loạn lớn về chính trị. Thời cải cách mở cửa, rất nhiều người lo lắng như vậy, tiếng nói của họ cũng rất mạnh mẽ, nhất là từ sau sự kiện Liên Xô và Đông Âu sụp đổ thì càng mãnh liệt hơn.

Trên thực tế, ý thức về sự rủi ro chính trị của Đặng Tiểu Bình còn mạnh hơn bất kỳ người nào khác, nhưng ông hơn người ở chỗ chính vì lẽ đó mà ông càng dám thử hơn, dám làm, dám mạo hiểm, càng yêu cầu các đồng chí trong Đảng phải có tư tưởng khoáng đạt hơn, phải mạnh dạn hơn, bước đi phải lớn hơn.

Thứ hai là, rủi ro xã hội. Ngay từ lúc bắt đầu (tháng 12 năm 1978) ông đã dự tính được rằng, cải cách mở cửa sẽ liên quan đến quyền lợi thiết thân của vô số người. Ví dụ, việc cải tổ xí nghiệp sẽ làm cho công nhân dôi dư; cải cách cơ quan Nhà nước thì một phần cán bộ viên chức sẽ phải chuyển sang làm việc khác, một số sẽ phản đối v.v... Những vấn đề đó sẽ nhanh chóng xuất hiện, vì vậy chúng ta phải có sự chuẩn bị tư tưởng đầy đủ trước.

Thực tiễn từ trước tới nay chứng minh rằng: Đó là một loại rủi ro lớn có mức độ liên quan rất rộng, nó cũng là vấn đề khó khăn chính trong cải cách mở cửa và thời gian tới sẽ xuất hiện thêm nhiều khó khăn mới, điểm nóng mới và càng ngày càng trở thành sự thử thách khắc nghiệt hơn".

Điểm nổi bật và căn bản vẫn là rủi ro kinh tế. Năm 1991 khi đi thăm Thượng Hải, Đặng Tiểu Bình đã nói "Thượng Hải mở cửa muộn rồi". Năm 1992, khi đi thăm miền Nam, một lần nữa ông nhấn mạnh "Sai lầm lớn của tôi là khi làm bốn đặc khu kinh tế lại không cho Thượng Hải vào". Vì sao lại có sai lầm đó? Nguyên nhân chủ yếu chính là vấn đề rủi ro kinh tế, bởi dưới thể chế kinh tế kế

hoạch hoá, trong nền kinh tế quốc dân, tài chính nhà nước Thượng Hải chiếm một tỉ trọng khá lớn. Năm 1980 tổng về giá trị Thượng Hải chiếm 13% tổng giá trị sản lượng toàn quốc, lượng xếp dỡ hàng hoá qua cảng chiếm 39%, tài chính địa phương chiếm 16%, quan hệ chặt chẽ với kinh tế toàn quốc. Do vậy mà ngay cả một nhà chiến lược lớn như ông cũng không dễ dàng gì mà quyết ngay được. Mãi tới tháng 6 năm 1990, Trung ương mới chính thức phê chuẩn khu phố Đông mở cửa. Trong tầm vi mô, cải cách mở cửa có nghĩa như một cuộc cạnh tranh gay gắt, đó là một sự thách thức khốc liệt đối với các đơn vị kinh doanh và xí nghiệp Nhà nước. Về điểm này, Đặng Tiểu Bình, một người đã từng làm việc trong nhà máy ô tô của Pháp thời còn trẻ, hiểu rất rõ. Trước "cách mạng văn hoá", ông đã nghiêm khắc phê bình các xí nghiệp quốc doanh không bằng các xí nghiệp của Mỹ và Pháp, thậm chí còn kém hơn cả của Quốc dân Đảng.

Tháng 9 năm 1978, ông thị sát ba tỉnh miền Đông, đối tượng khảo sát trọng điểm là các xí nghiệp quốc doanh, ông từng đã phê bình một cách rất thẳng thắn, có lý lẽ và chừng mực: những xí nghiệp này quá bẩn, xí nghiệp quản lý kém, vì so với các nhà tư bản, có hai việc họ làm đầu tiên là vệ sinh và an toàn sản xuất, xí nghiệp nào bẩn, chắc chắn quản lý kém.

Trước vô vàn rủi ro và lớn như vậy, vì sao vẫn còn đề xướng chữ dám? Câu trả lời chính là: Không xông vào, không thử, không mạo hiểm thì rủi ro càng lớn, thậm chí còn không cứu vãn nổi. Tháng 9 năm 1978, sau khi nghe đồng chí Bí thư tỉnh uỷ Liên Ninh báo cáo, ông nói rất kiên định nhưng trầm tĩnh: "chúng ta quá nghèo, quá lạc hậu, thật có lỗi với nhân dân. Nhân dân ta quá tốt. Dư luận nước ngoài nói không biết người Trung Quốc còn chịu đựng được bao lâu nữa, điều này cần phải lưu ý. Nhân dân rất tốt nhưng đã chịu đựng đủ rồi, chúng ta phải phát triển sản xuất, cải thiện đời sống cho nhân dân. Sự cấp bách đó chính là cơ sở chính của tư tưởng cải cách mở cửa mà Đặng Tiểu Bình dứt khoát phải tiến hành và nó cũng là một bối cảnh quan trọng để chúng ta lý giải luận điểm này.

Một đặc điểm khác của luận điểm này đã được Vạn Lý nhắc đó là đường lối quần chúng và được Vạn Lý làm rõ trong câu nói trên. Về điểm này, trong quá trình cải cách mở cửa đường lối quần chúng đã được thể hiện rất rõ và đặc biệt

rất có hiệu quả. Rất nhiều biện pháp lớn của cải cách mở cửa là do quần chúng nhân dân và chính quyền địa phương mạnh dạn mò mẫm và thí nghiệm mà tìm ra. Chế độ khoán trong nông nghiệp, xí nghiệp hương trấn, cổ phiếu, chứng khoán, quyền chuyển nhượng đất đai... đều ở đó mà ra.

Đối với vấn đề này, ông đã từng nói một cách rất thẳng thắn khi tiếp một vị khách Đức: "Tối biết tri thức kinh tế của mình có hạn, tôi chỉ đề ra chú ý về tổng thể để chính sách linh hoạt một chút, còn việc thực hiện là của người khác, trong cải cách, họ được ủng hộ hoàn toàn.

Việc đại quân Lưu Đặng vượt sông Hoài tuy cực kỳ táo bạo, nhưng trước đó tự Lưu Bá Thừa đã đi đo đạc, dò xem độ nông sâu của nước. Rất có thể luận điểm này là do Lưu Bá Thừa khơi mào, đồng thời nó còn mang đặc điểm vừa táo bạo vừa ổn thỏa. Mò", dò tìm không phải là động tác quá lớn nhưng mang ý nghĩa thăm dò. Như Đặng Tiểu Bình đã nói: "chứng khoán, thị trường cổ phiếu, những thứ nay có tốt không, có nguy hiểm không, có phải là thứ mà chỉ có chủ nghĩa tư bản mới có không, chủ nghĩa xã hội có thể dùng được không? Cho phép quan sát và phải kiên quyết thử". Quan sát thấy đúng, làm thử một hai năm thấy đúng thì hãy mở rộng ra; nếu sai thì sửa hoặc đóng lại là được. Ngay cả việc đóng cũng có đóng nhanh hay đóng chậm, hoặc có thể để lại một chút. Không sợ gì cả, chỉ cần kiên trì, thái độ đó sẽ không sao, sẽ không phạm sai lầm lớn. Các vấn đề như khoán sản, đặc khu kinh tế, cải cách xí nghiệp Nhà nước, cải cách giá cả v.v... Cũng đều phải bắt đầu mò mẫm và thử làm như vậy, sau đó mới mạnh dạn xông tới. Nói chung đều tương đối ổn thoả, chỉ vì bị trói buộc quá lâu nên không ít người Trung Quốc nếu không có những chỉ dẫn, những chỉ thị, những sự sắp xếp sẵn thì không biết hành động thế nào, đến nghĩ cũng không dám nghĩ, thử cũng không dám thử. Điều này khiến cho việc "mò đá qua sông" phải cần một dũng khí rất lớn mới được. Đương nhiên việc này không dễ như qua sông bằng cầu hoặc bằng thuyền. Nhưng trên đời làm gì có chuyện nào lại quá dễ dàng như vậy, "Ai dám nói chắc rằng làm việc gì đều phải chắc chắn 100%, không để sơ sẩy?”

Đặng Tiểu Bình nói: "Tôi lo để mất cơ hội. Nếu không nắm lấy thì cơ hội sẽ qua đi, thời gian cũng sẽ qua đi". Muốn nắm bắt thời cơ, biết lợi dụng thời cơ,

trước tiên phải phán đoán chính xác thời cơ và nhận thức đúng đắn nó. Có thời cơ nào nắm thời cơ đó.

Năm 1979, Đặng Tiểu Bình rất kinh ngạc khi được đọc "một tài liệu thống kê, năm 1977, tổng giá trị sản xuất bình quân đầu người của Mỹ là 8700 USD, đứng hàng thứ năm trên thế giới; còn thứ nhất là nước Côoét với hơn 11.000 USD, sau đó là Thuỵ Sĩ 10.000 USD, Thuỷ Điển 9400 USD, Nauy 8800 USD, còn Trung Quốc năm 1980 chỉ có 250 USD. Sự chênh lệch quá lớn này cho thấy ngoài việc phải thực sự thừa nhận mình lạc hậu ra, còn phải thừa nhận một điều là không thể có cơ hội trong một vài chục năm có thể vượt qua được các nước phát triển. Từ giữa những năm 80 đến năm 1997 trước khi xảy ra khủng hoảng tiền tệ ở châu Á, thế giới có cách nói: "Thế kỷ 21 là thế kỷ của Thái Bình Dương, thế kỷ của châu Á và thế kỷ của Trung Quốc". Nhiều người Trung Quốc được khích lệ mạnh mẽ đã cho rằng Trung Quốc sẽ nhanh chóng trở thành một "Trung tâm" của thế giới một lần nữa. Đối với việc này, Đặng Tiểu Bình rất tỉnh táo, ngoài việc tiếp tục kiên trì "Ba bước đi" ra, ngày 21 tháng 12 năm 1988 ông còn công khai bày tỏ: "Tôi không đồng ý với cách nhìn cho thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á - Thái Bình Dương" việc không tán thành này rất quan trọng đối với Trung Quốc. Nếu chỉ nhìn thấy một vài hiện tượng thuận lợi mà đầu óc đã nóng lên thì sẽ nhanh chóng mắc phải sai lầm kiểu như "Hội quân ở Vũ Hán, ngựa uống nước Trường Giang", "Vượt Anh, đuổi kịp Mỹ", "Đại nhảy vọt" vượt qua phương Tây". Như vậy chẳng những thất bại nặng nề mà còn mất đi cơ hội phát triển mà ta có thể có được.

Vậy những thành công của cải cách mở cửa ở Trung Quốc có phải chủ yếu là do nắm được một số thời cơ đó không?

Trước tiên là nắm chắc thời cơ, đập tan "lũ bốn tên" để Đặng Tiểu Bình phục hồi lần thứ ba.

Đó không phải vì trên thế giới có một "chúa cứu thế", mà vì Đặng Tiểu Bình là đại diện cho tư tưởng chỉ đạo, một đường lối, một phương châm chính sách đúng đắn trong công cuộc xây dựng hiện đại hoá Trung Quốc. Do đó việc Đặng Tiểu Bình được phục hồi không chỉ là vấn đề cá nhân mà là một việc lớn có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc. Nếu cải

cách mở cửa không có Đặng Tiểu Bình thì sẽ giống như cách mạng Trung Quốc không có Mao Trạch Đông vậy, mọi thứ đều sẽ rất khó đoán được. Bởi vì không có nhiều nước giành được thắng lợi trong cách mạng. Các nước xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi trong cải cách mở cửa lại càng ít hơn nữa, vậy nên sẽ là không đúng nếu cho rằng thắng lợi, thành công là điều tất nhiên, không liên quan gì lớn đối với cá nhân.

Việc phục hồi Đặng Tiểu Bình cũng là kết quả của việc nắm bắt cơ hội. Trong ba lần lên xuống của ông, lần phục hồi thứ nhất chủ yếu là nhờ sự quan tâm và ủng hộ của Vương Gia Tường, Lý Phú Xuân, Trần Nghị, Thái Xướng... Bản thân ông không hề chủ động tranh giành. Lần phục hồi thứ hai, trước tiên là do bản thân ông nắm chắc cơ hội tập đoàn Lâm Bưu bị tiêu diệt, để viết một bức thư cho Mao Trạch Đông ngày 8 tháng 11 năm 1911, tức là hai ngày sau khi được tin tập đoàn Lâm Bưu bị đánh đổ, ông nắm rất chắc nhưng cũng đã có đủ thời gian suy nghĩ. Lúc đó, ông đã bị đánh 5 năm và cũng không hề liên hệ với Mao Trạch Đông trong thời gian đó. Đây cũng là một ý thức thời cơ rất quan trọng. Nếu Lâm Bưu chưa đổ thì dù có viết hàng ngàn bức thư cũng chẳng tác dụng gì, có khi còn bị vạ thêm. Ngày 25 tháng 10 năm 1966, Mao Trạch Đông đã từng phê phán Đặng Tiểu Bình, ông không chấp nhận, hễ vào cuộc họp là ngồi rất xa, cũng chẳng bao giờ tìm Mao Trạch Đông. Kể từ năm 1956, 6 năm liền ông không báo cáo công tác. Thời kỳ trước "cách mạng văn hoá", Mao Trạch Đông đã từng tìm ông nói chuyện, muốn ông quan hệ tốt với Lâm Bưu. Với bối cảnh như vậy, nếu ông không chủ động sẽ khó mà được phục hồi. Lần phục hồi thứ ba, trước tiên là được sự ủng hộ của Diệp Kiếm Anh, nhưng bản thân ông cũng vẫn phải chủ động và ngày 10 tháng 10 năm 1976, ông đã viết thư cho Hoa Quốc Phong, tuy không trực tiếp đề cập đến chuyện trở lại làm việc như lá thư trước gửi cho Mao Trạch Đông, nhưng trong bối cảnh lúc ấy cũng bao hàm nghĩa đó. Thứ hai, sau khi nắm chắc "cách mạng văn hoá" đã kết thúc, nhân dân Trung Quốc khẩn thiết mong muốn phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, tập trung tinh lực vào xây dựng kinh tế, một lòng một dạ xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa.

Có người cho rằng, nếu không xuất hiện cục diện cực đoan cách mạng văn

hoá" thì Trung Quốc chưa hẳn cải cách mở cửa. Nhưng lịch sử vẫn là lịch sử, không thể giả thiết được, quan điểm này không có cách gì chứng minh được.

Nhưng có một điểm có thể khẳng định được, đó là sự phá hoại trầm trọng mà “cách mạng văn hoá" và "lũ bốn tên" gây ra thực sự khiến nhân dân Trung Quốc hạ quyết tâm không thể theo con đường đấu tranh giai cấp cũ mà phải đi con đường mới, xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa. Sau khi đập tan "lũ bốn tên", nhân dân Trung Quốc đã hiểu rằng thời kỳ mới xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa đã đến, một cuộc "trường chinh mới" như Mao Trạch Đông nói đã bắt đầu. Cuộc chiến vượt qua phương Tây "hơn hai năm sau đó tuy sai lầm, nhưng đó chỉ là sai lầm trong vấn đề xây dựng kinh tế, không phải sai lầm đấu tranh giai cấp. Lúc đó, Trung Quốc với gần một tỉ dân yêu cầu mãnh liệt phải thoát khỏi nghèo nàn để lên giàu có, phát triển sản xuất, không tranh giành một cách mù quáng nữa, đó là một lúc lượng vô cùng to lớn, là một thời cơ phát triển vô cùng tốt đẹp không giống như những năm 50 có "đại nhảy vọt”, những năm 70 cố "vượt qua phương Tây", nguyện vọng tha thiết xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa phải được chỉ dẫn đúng đắn. Thành công cải cách mở cửa của Trung Quốc có một nguyên nhân cơ bản và sự dẫn dắt đúng đắn của đường lối tư tưởng thực sự cầu thị. Trong đó mặt quan trọng chính là cho mọi người thực sự thấy và thừa nhận Trung Quốc lạc hậu. Đối với người Trung Quốc có lòng tự tôn đặc biệt mạnh mẽ thì đó không phải là một chuyện dễ dàng, bản thân cũng cần phải có thời cơ. Ví dụ, tháng 7 năm 1980, một nhà kinh tế học, nhà ngoại giao có chức vụ lãnh đạo ở một cơ quan Trung ương đã phát biểu trong một khoá học rằng: "Thể chế quan liêu trong quản lý kinh tế ở Trung Quốc là xấu xa và lạc hậu nhất thế giới". Lời nói đó trước kia ai dám nói, nay cũng không thể nói được. Nhưng lúc đó không những đã nói rồi mà còn được đăng công khai trên những tạp chí chuyên ngành cao nhất và còn được đăng tải trong cuốn "Niên giám Kinh tế đầu tiên, kể từ ngày thành lập nước Trung Quốc mới. Cũng không nhất định phải nói như vậy, nhưng với người Trung Quốc, sự thừa nhận mình khiếm khuyết và lạc hậu như vậy mà được mọi người tiếp nhận, không cho là điều kỳ lạ lại là điều hiếm thấy, có thể còn là một việc chưa từng thấy bao giờ. Đặng Tiểu Bình luôn kêu gọi mọi người không nên sợ hãi, phải mạnh dạn hơn, tư tưởng phải giải phóng hơn nhưng nếu không có khí phách, một lời nói không cẩn thận

là mất chức, bị khai trừ, ngồi nhà đá, rồi còn bị gội rửa đầu óc thì người bình thường sao lại không sợ? Liệu có thể mạnh dạn được không? Tư tưởng có thể giải phóng được không?

Do đó, trong thời kỳ từ sau khi đập tan "lũ bốn tên" đến trước những năm 80, quảng đại quần chúng nhân dân mạnh mẽ yêu cầu cải cách mở cửa, giải phóng và phát triển sức sản xuất, dũng cảm thừa nhận mình lạc hậu, luôn tâm niệm phải thay đổi không khí xã hội lạc hậu chính là trọng tâm chuyển dịch, là thời cơ lớn nhất, tốt nhất của công cuộc cải cách mở cửa. Nếu bỏ lỡ sau sẽ không thể có lại được và có thể chuyển thành một thời cơ khác. Bởi Đặng Tiểu Bình đã nói trong tháng 9 năm 1978 "Chúng ta quá nghèo, quá lạc hậu rồi, thực rất có lỗi với nhân dân. Nhân dân ta quá tốt, người nước ngoài nói rằng, người Trung Quốc liệu còn chịu đựng được bao lâu nữa, điều này rất đáng chú ý. Nhân dân rất tốt, nhưng họ chịu đựng như vậy đã đủ rồi".

Thứ ba, nắm chắc thời cơ có lợi của sự thay đổi tình hình quốc tế. Phong trào chống Mỹ, chống Tây Âu ở những nước đạo Hồi bùng nổ với qui mô lớn. Những quốc gia với số dân đông, có tiềm lực lại là những nước xuất khẩu dầu mỏ nên uy hiếp mạnh đến các nước phương Tây. Ngược lại, do cuộc khủng hoảng dầu và thất bại sau chiến tranh ở Việt Nam nên Mỹ đã rơi vào thế thủ trong cuộc tranh giành địa vị thống trị thế giới.

Tình hình quốc tế lúc đó rất phức tạp, nhưng ít nhất có thêm một thuận lợi cho Trung Quốc, là Mỹ và phương Tây cầm đầu không áp dụng thái độ thù địch với công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc cũng như không thực hiện chính sách phong toả Trung Quốc. Ngược lại, nhân dân Trung Quốc yêu chuộng hoà bình và có lòng tự tôn dân tộc mạnh mẽ cũng không có thái độ thù địch với Mỹ và phương Tây. Đó là điều rất quan trọng, cả hai mặt đều rất quan trọng, là điều kiện cơ bản để thực hiện cải cách mở cửa. Ngày 16 tháng 9 năm 1978, Đặng Tiểu Bình nói: "Hiện nay chúng ta cần phải thực hiện bốn hiện đại hoá, rất nhiều điều kiện khi Mao Trạch Đông còn sống thì không có, nhưng nay lại có. Nếu Trung ương không căn cứ vào điều kiện hiện tại để giải quyết vấn đề, hạ quyết tâm thì rất nhiều vấn đề sẽ không đưa ra được và cũng không giải quyết được. Ví dụ, khi Mao Trạch Đông còn sống, chúng ta rất mong muốn mở rộng giao lưu

kinh tế kỹ thuật với nước ngoài bao gồm cả quan hệ mậu dịch với một số nước tư bản phát triển, thậm chí muốn hút đầu tư, hợp tác đầu tư v.v...

Nhưng trong điều kiện bấy giờ, nước ngoài đang phong tỏa chúng ta, về sau "lũ bốn tên" còn chụp mũ là "sùng ngoại", "chủ nghĩa bán nước"... Làm chúng ta càng cách biệt với thế giới hơn. Những điều đó chứng tỏ rằng nếu như không có sự thay đổi của tình hình quốc tế, mà vẫn như những năm 55, 60 thì vấn đề cải cách mở cửa căn bản sẽ không thể đề ra được hoặc có đề ra cũng không thể giải quyết được. Đương nhiên những thời cơ này phải để mình phát hiện và tự có chính sách tốt đẹp. Nếu làm như "lũ bốn tên" đã làm thì cho dù toàn thế giới có mở rộng cửa cho Trung Quốc, mọi người đều hy vọng tới Trung Quốc giao lưu thì Trung Quốc vẫn bị cách ly với thế giới.

Đặng Tiểu Bình chớp lấy thời cơ, quyết đoán thực hiện là điều cực kỳ then chốt để Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa vào cuối những năm 70 đến cuối những năm 80, đặc biệt là thời đại hoàng kim trong việc mở cửa đối ngoại.

Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc phần lớn là học tập phương Tây. Trên thế giới đã có người đi trước, nhưng với phe xã hội chủ nghĩa (cũ) thì Trung Quốc là người đi đầu. Đó không thể phải là vấn đề không quan trọng. Cuối những năm 80 đầu những năm 90, do sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu mà tình hình thế giới lại thay đổi lớn, môi trường quốc tế của Trung Quốc rõ ràng cũng khó khăn hơn. Ví dụ việc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, tính đến năm 2000 là đã qua 14 năm đàm phán, đến nỗi râu bạc trắng mà vẫn phải kiên nhẫn chờ đợi. Nhiều người nhận định, nếu Trung Quốc đưa đơn xin gia nhập vào những năm 70 sẽ được tiếp nhận ngay mà không cần phải đàm phán. Có người ở Mỹ đã tuyên truyền tổng kết về Trung Quốc bằng giọng điệu như những năm 70 sau 72 là "lãng mạn hoá”: những Cố cung, Trường thành, "Complex" xe đạp, Công xã nhân dân thật quá thần bí, quá thú vị. Những năm 80 thì lại là "Thiên sứ hoá", Disco, quần bò, cô ca cô la, rượu, đặc khu, người Trung Quốc, OK! Sau năm 1989 lại là "yêu ma hoá", nhân quyền, Đài Loan, Phong trào dân chủ, độc lập Tây Tạng, Pháp luận công, Trung Quốc trở thành một "Quốc gia có vấn đề” điển hình. Người Trung Quốc cảm thấy rất oan ức, vì sao người Mỹ lại thích tạo ra kẻ thù vậy? Sau khi Liên Xô giải thể, họ đã coi

Trung Quốc là kẻ thù chính. Người Mỹ lại cũng cho rằng, Trung Quốc "yêu ma hoá" cả nước Mỹ, làm thương tổn tình cảm của nhân dân Mỹ. Bình tâm lại mà nói, Trung Quốc ngày nay còn có rất nhiều vấn đề, nhưng cũng đã tiến bộ hơn nhiều so với trước kia. Cho nên, nếu sau khi xảy ra sự kiện Liên Xô và Đông Âu, Trung Quốc mới cải cách mở cửa thì sẽ gặp rất nhiều trở lực, kể cả "mở một đường máu cũng khó hơn nhiều, rất có thể không tiến hành cải cách mở cửa một cách bình thường, độc lập tự chủ được.

Trong những năm đó, đây là một thời cơ không thể bỏ lỡ, nếu bỏ lỡ sẽ không thể có nữa, đó là điều cực kỳ then chốt.

Đặng Tiểu Bình biết nắm lấy thời cơ và rất quyết đoán trong bối cảnh quốc tế như vậy, nổi bật nhất ở việc ông phán đoán về vấn đề hoà bình và phát triển. Theo thống kê, từ sau kết thúc chiến tranh thế giới II đến trước khi bùng nổ cuộc chiến tranh Iran và Irắc trên cả thế giới xảy ra 126 cuộc chiến lớn nhỏ, làm thương vong khoảng 30 triệu người, liên quan đến 90 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Trung Quốc cũng ở trong trạng thái luôn luôn bị chiến tranh, chỉ từ sau những năm 70 thì Trung Quốc mới bắt đầu cải thiện quan hệ với Mỹ và phương Tây, những sự cải thiện đó cũng chỉ nhằm chuẩn bị chiến tranh nên không có ý nghĩa gì lớn cho việc giao lưu kinh tế, văn hoá. Năm 1972, khi tổng thống Mỹ Nixon sang thăm Trung Quốc, người ta đoán rằng, hai nước sẽ đàm phán về kinh tế, nhưng sự thật không phải như vậy. Năm 1975, Thủ tướng Cộng hoà Liên bang Đức Helmut Kol dẫn một phái đoàn rất đông sang thăm Trung Quốc, trong đó có hai người là Tổng Giám đốc của những xí nghiệp lớn, bản thân Thủ tướng cũng là một chuyên gia kinh tế, nhưng lúc đó Trung Quốc chủ yếu coi các nước Tây Âu là "đối tượng trong mặt trận" chống bá quyền của hai nước lớn Xô - Mỹ, chứ không phải là đối tượng hợp tác kinh tế. Sau khi được phục hồi năm 1977, Đặng Tiểu Bình đã phán đoán mới về vấn đề chiến tranh, cuối những năm 70 ông nói rằng "chiến tranh không thể trì hoãn được"; thời kỳ đầu nhũng năm 80 ông lại cho rằng "Cần tranh thủ khoảng thời gian không có chiến tranh tương đối dài; tới cuối những năm 80, ông kết luận "chiến tranh có thể tránh được", sự hình thành hoà bình phát triển là hai "vấn đề lớn” thực sự, và là vấn đề chiến lược mang tính toàn cầu, trong đó "vấn đề cốt lõi" lại là "vấn đề phát triển", với nhận thức cơ

bản như vậy, khi xử lý các vấn đề quốc tế sẽ có sự chuyển dịch trọng tâm, nắm được thời cơ thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Cùng với sự phát triển của xu thế kinh tế toàn cầu hoá, vấn đề thời cơ càng ngày càng trở thành vấn đề quốc tế. Điều này không chỉ có tác dụng với các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước mà tác dụng ngay cả tới các chính quyền địa phương và nhiều người dân bình thường. Dù làm nghề gì, kinh doanh gì hay học gì đều phải nghĩ đến tính quốc tế. Ở mặt này, cơ hội giành cho những người lớn tuổi Trung Quốc bình thường, không có tài năng và thành tích đặc biệt là rất ít, lớp trẻ cần phải nắm bắt lấy. Nhưng mặt khác Trung Quốc là một lãnh thổ rộng, nên việc mở rộng tầm mắt, nắm bắt thời cơ cũng là trách nhiệm của mọi người.

Thứ tư, cần phải nắm chắc cơ hội phát triển cách mạng khoa học kỹ thuật mới.

Khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi lần thứ ba. Ông đã hăng hái đứng ra đảm nhận việc quản lý khoa học kỹ thuật, giáo dục, đưa ra luận điểm "Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất hàng đầu". Trong lần phát biểu công khai cuối cùng, phần về khoa học kỹ thuật cũng được ông nói một cách nhiệt tình, tha thiết cảm động và gửi gắm nhiều hy vọng nhất. Ông rất ít khi nói mình thấy vui vì vấn đề gì, năm 1992 khi đi thăm miền Nam, lúc nói về sự phát triển nhanh chóng của đặc khu, ông cũng chỉ nói "Phát triển nhanh như vậy tôi thật không ngờ, xem xong tôi càng vững tin hơn". Đó đương nhiên là một sự vui mừng, nhưng ông không hề dùng từ đó. Theo thói quen của ông, đó cũng chỉ thuộc cấp "hài lòng" mà thôi. Nhưng đối với khoa học kỹ thuật - ông lại dùng liên tục bốn lần từ "vui mừng" "Làm khoa học kỹ thuật, càng cao càng tốt, càng mới càng tốt, càng cao càng mới, chúng tôi càng vui mừng. Không chỉ chúng tôi vui mừng mà nhân dân cũng vui mừng, nhà nước cũng vui mừng". Khi thăm và nghe báo cáo về xí nghiệp kỹ thuật cao, ông luôn tỏ ra rất mừng. Chúng ta đều biết, để được ông dùng từ này đánh giá một sự việc thật không dễ, bởi ông có tiêu chuẩn đánh giá của riêng mình, tức là thứ nhất "tán thành", thứ hai "hài lòng", thứ ba "vui mừng", "vui mừng" là cấp cao nhất.

Tháng 10 năm 1984, Hội nghị Trung ương 3 khoá 12 thông qua một văn kiện mang tính cương lĩnh: "Quyết định của trung ương Đảng về cải cách thể chế

kinh tế". Đặng Tiểu Bình đánh giá: "Văn kiện này gồm 10 điều nhưng điều thứ 9 là quan trọng nhất, đương nhiên các điều khác cũng quan trọng; về điều 9, nói khái quát là 8 chữ: Tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, mấu chốt của sự thành bại là có thể phát hiện ra nhân tài và sử dụng được không".

Trong văn kiện này, điều 9 chỉ có một câu ngắn bằng 1 phần 1 của điều 2, 1 phần 17 điều 10 và 1 phần 14 của điều 1, nhưng Đặng Tiểu Bình lại rất coi trọng, đủ thấy tri thức và nhân tài chiếm một vị trí và sức nặng trong mắt ông như thế nào.

Ngày 24-5-1977, Đặng Tiểu Bình có cuộc nói chuyện quan trọng với hai đồng chí Trung ương, sau đó hai cuộc nói chuyện đó được chỉnh lý thành hai bài phát biểu: "Hai phàm là không phù hợp với chủ nghĩa Mác" và "Tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài. Đây là hai bài phát biểu đầu tiên của ông kể từ sau khi "lũ bốn tên" bị đập tan, mang ý nghĩa "thi hành cương lĩnh chính trị có mức độ rất lớn. Có thể thấy rằng, trước khi được phục hồi, suy nghĩ trọng điểm của ông chính là đường lối chính trị cùng trí thức và nhân tài. Trên cơ sở những suy nghĩ như vậy, ông đã mạnh dạn đề nghị được phân công quản lý công tác khoa học kỹ thuật và giáo dục.

Từ ngày 16 đến 21 -7-1977, Hội nghị Trung ương 3 khoá 10 họp, ông đã chính thức được phục hồi. Nửa tháng sau, tức là từ ngày 4 đến ngày 8-8, ông đã tham dự cuộc toạ đàm về công tác khoa học kỹ thuật và giáo dục do Trung ương tổ chức ở Đại lễ đường Nhân dân. Tham gia toạ đàm có 33 chuyên gia, giáo sư nổi tiếng. Trong ngày đầu tiên của cuộc toạ đàm, ông chỉ đọc một bài khai mạc ngắn gọn, còn thì ông đều hết sức lắng nghe, không ngắt lời diễn giả và cũng không chỉ thị gì. Hàng ngày, 8 giờ sáng bắt đầu họp, buổi trưa nghỉ rất ít rồi tiếp tục cho đến chiều tối. Bản thân việc đó cho thấy ông rất tôn trọng vấn đề này, rất ít lãnh đạo cấp cao làm được như vậy, những người kiên trì ngồi vài giờ liền để nghe thường được đánh giá là những lãnh đạo tốt. Đặc biệt ở thời điểm, các chuyên gia và giáo sư vẫn là đối tượng của chuyên chính của cải tạo, mà một vị "tiểu tướng" lại có thể mời họ tập trung lại để toạ đàm là một việc không nhỏ. Trung ương đứng ra tổ chức cuộc toạ đàm này, và thái độ hết sức chú ý lắng nghe của Đặng Tiểu Bình thực sự như một làn gió xuân cổ vũ, làm ấm lòng các

trí thức. Người viết cuốn sách này cho rằng "câu chuyện mùa xuân" đã bắt đầu mở màn từ lĩnh vực khoa học giáo dục, mà lời mở đầu chính là bài nói chuyện trong hội nghị của Đặng Tiểu Bình.

Ngày 8 - 8, ông đã phát biểu, căn cứ vào rất nhiều vấn đề mà cuộc toạ đàm nêu ra. Về sau bài này được chỉnh lý và đăng lại trong "Đặng Tiểu Bình văn tuyển" với độ dài hơn 6000 chữ và là một trong vài bài có độ dài từ 5000 chữ trở lên rất hiếm của ông. Ông đã tự đánh giá bài nói của mình như sau: "Đây là một bài nói mạnh đạn, đương nhiên cũng chiếu cố đến hiện thực một chút. Cũng có người phản đối nó, nhưng không sao cả. Một phương chân chính sách mới luôn có người phản đối và không đồng tình".

Đây là bài nói như thế nào?

Thời kỳ "cách mạng văn hoá" đã từng có "hai đánh giá: 17 năm trước "cách mạng văn hoá", trận tuyến giáo dục là giai cấp tư sản "chuyên" cái "chính" của giai cấp vô sản, và thế giới quan của phần lớn trí thức về cơ bản là thuộc giai cấp tư sản. "Hai đánh giá" này sau khi được Mao Trạch Đông đồng ý, đã được Trung ương phân phát ra toàn quốc vào ngày 13 tháng 8 năm 1971, với hình thức là một "Kỷ yếu của Hội nghì công tác giáo dục toàn quốc". Việc xem xét "hai đánh giá" đó cũng là một tiêu điểm của cuộc toạ đàm lần này. Theo lý luận về đấu tranh giai cấp, các phần tử trí thức tư sản chính là thế lực đối địch, là đối tượng của chuyên chính, là đối tượng cải tạo, chỉ có thể hết sức thành thực, không được phát biểu tự do, đánh đổ rồi còn phải giày xéo lên, mãi mãi không cho phép ngóc đầu dậy.

Trong điều kiện và trường hợp đó, trong cuộc nói chuyện ngày 8 tháng 8, Đặng Tiểu Bình không đề cập tới việc đánh đổ "hai đánh giá" kia, ông đưa ra đánh giá mới. Ông nói: "Tôi thấy rằng, về mặt chủ đạo là "tuyến đỏ" (chuyên chính của giai cấp tư sản và đường lối của chủ nghĩa tư bản là "tuyến đen)", "phần lớn các tri thức, dù là các nhà khoa học hay các nhà giáo dục, dưới ánh sáng của tư tưởng Mao Trạch Đông, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cần cù lao động, tích cực công tác, giành được thành công rất lớn". "Biểu hiện quan trọng của thế giới quan chính là vì ai mà phục vụ". Dùng chính diện khẳng định kết quả 17 năm và quy định lại thế giới quan của trí thức, trên thực tế chính là

đánh đổ "hai đánh giá" trên.

Sau hơn một tháng, trong quá trình phê phán "lũ bốn tên", qua tiết lộ của những người có liên quan, đã chứng minh "Kỷ yếu hội nghị công tác giáo dục toàn quốc" năm 1971 là do Diêu Văn Nguyên sửa chữa, Trương Xuân Kiều viết lại. Đặng Tiểu Bình tìm đến người phụ trách chính Bộ Giáo dục - người mà tư tưởng vẫn chưa chuyển biến để nói chuyện, chính thức chỉ tên kẻ phê phán "kỷ yếu" kia và nói, "những lời khuyên mà Mao Trạch Đông đưa ra, không có nghĩa là trong đó không có những vấn đề thị phi".

Ít lâu sau, cơ quan hữu quan đã tìm thấy những ghi chép mang bút tích của Mao Trạch Đông về những chỉ thị đối với công tác giáo dục năm 1971, trong đó có ghi hai điều như sau:

1 - Không nên đánh giá thái quá về thời kỳ 17 năm. Việc đi theo đường lối sai lầm không phải ở hầu hết mọi người mà chỉ ở một bộ phận nhỏ.

2 - Phần lớn giới trí thức vẫn ủng hộ chế độ xã hội chủ nghĩa, theo đường lối phong kiến, tư bản, xét lại rất ít.

Có được phát hiện quan trọng này "hai đánh giá" chẳng những bị đánh đổ hoàn toàn mà đã lật đổ âm mưu mà "lũ bốn tên" dùng để đàn áp tri thức - Và thế là bắt đầu từ tháng 11 năm 1977 báo chí đã chính thức phê phán "hai đánh giá" và từ đó bước đột phá "hai phàm là", giáng một đòn nặng nề vào những kẻ kiên trì "hai phàm là". Đồng thời cũng thức tỉnh quần chúng nhân dân cái gọi là "hai phàm là" không thực sự là "phàm là". Những chỉ thị phù hợp với ý đồ riêng và lợi ích của Mao Trạch Đông thì sẽ được "Phái phàm là" tuyên truyền, còn những gì không phù hợp sẽ bị họ giấu nhẹm hoặc sửa đổi. Sự thật về vấn đề này đã có tác dụng rất lớn trong việc lật đổ cái "hai phàm là" kia.

Bài nói ngày 8 tháng 8 của Đặng Tiểu Bình chẳng những trên thực tế đã đánh đổ "hai đánh giá", mà ở một phương diện cụ thể quan trọng đã mở được một cánh vào "hai phàm là", đồng thời đã tiến hành trình bày và phân tích rất nhiều mặt về công tác khoa học kỹ thuật và giáo dục, đã có sự sắp xếp, bố trí về nhiều mặt nhằm động viên tính tích cực của trí thức.

Ví dụ trong buổi toạ đàm, một nhà khoa học đã phản ánh, tại Viện Khoa học nông nghiệp, khi làm thí nghiệm gieo trồng cây đều không được coi là lao động,

chỉ có về nông thôn trồng trọt mới được gọi là lao động. Về việc này Đặng Tiểu Bình đã phải viết: "Đó thật là một việc kỳ quái", "Bản thân công việc tạo giống trồng nó làm sao lại không được tính là lao động. Thực nghiệm khoa học cũng là lao động, chẳng lẽ cứ nhất thiết phải dùng cuốc, cuốc đất mới là lao động, lái xe mới là lao động?",

Lao động trí óc cũng là lao động, dù làm công tác nghiên cứu khoa học hay công tác giáo dục đều là người lao động cả".

Một ví dụ khác, lúc đó phải học tập chính trị nhiều, hội nghị nhiều, các phong trào cũng nhiều, thời gian lao động cũng nhiều nên những nhà khoa học rất bực bội, do đó phải đề ra yêu cầu: các nhân viên nghiên cứu phải đảm bảo 5/6 thời gian trong tuần làm công tác nghiên cứu khoa học: có nghĩa là phải làm 6 ngày công trong một tuần, ngoài nửa ngày học tập, nửa ngày lao động ra, 5 ngày còn lại là làm công tác nghiên cứu khoa học. Đặng Tiểu Bình không những đồng ý mà còn thêm hai chữ "ít nhất" vào và nói: "Tôi thấy, nếu ai đó chuyên tâm vào nghiên cứu khoa học, cần phải cho phép họ làm, còn một người cả bảy ngày bảy đêm đều nghiên cứu khoa học thì sao lại không thể được".

Tất cả những vấn đề nói trên, nay xem ra vẫn chưa đủ, ít nhiều còn có chỗ đáng cười, nhưng lúc đó lại chính là những biện pháp và là sự giải phóng tư tưởng rất quan trọng. Hiện nay, "hai đánh giá", "lao động trí óc cũng là lao động", "5/6 thời gian”... là những vấn đề không còn tồn tại nữa. Nhưng những vấn đề sâu hơn trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, giáo dục, các vấn đề về quan niệm đầu tư, thể chế, cơ cấu, hậu cần, phong cách học tập…lại xuất hiện không ít và có vấn đề còn nghiêm trọng hơn trước. "Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài" nếu thực sự thực hiện sẽ liên quan đến rất nhiều vấn đề ở nhiều mặt như quan niệm tư tưởng, thể chế chính trị, quan hệ xã hội, thể chế kinh tế… Do đó, những vấn đề về mặt này, nếu giải quyết tốt thì chẳng những tạo điều kiện rất lớn cho việc nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật và giáo dục, cho sự phát triển kinh tế mà còn là một cuộc cải cách to lớn mang tính tổng hợp. Thực tiễn trong công tác quản lý khoa học kỹ thuật và giáo dục của Đặng Tiểu Bình chứng minh rằng, lấy trí thức và nhân tài làm trọng, là thêm xuất phát để giải quyết các vấn đề, bao gồm cả những vấn đề lớn về chính trị như vấn đề "hai đánh giá", vấn đề cụ thể

như vấn đề "5/6 thời gian" mới là đúng đắn. Còn nếu chỉ coi tư tưởng làm trọng, coi nhẹ tri thức, coi nhẹ nhân tài sẽ là sai lầm chết người. Trong thời đại kinh tế trí thức hiện nay, thời đại toàn cầu tranh cướp nhân tài thì càng đúng hơn bao giờ hết.

Lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm thì một điều không thể nghi ngờ là các nhân tài kinh tế sẽ quan trọng nhất, trong đó các nhân tài ở các doanh nghiệp càng đặc biệt quan trọng ở những nước phát triển, các doanh nghiệp thường là nơi tập trung nhất, yêu cầu lớn nhất các nhân tài, đồng thời cũng là khu vực sản sinh ra nhiều nhân tài nhất. Đầu thế kỷ XX, Lương Hải Siêu và một số người Trung Quốc đi du lịch sang châu Âu kinh ngạc phát hiện ra rằng, ở các nước phương Tây, nhân tài ưu tú nhất là nhân tài ở các công ty lớn, các nhân tài khác (kể cả lĩnh vực chính trị) còn phải xếp sau. Ở Trung Quốc, do một thời gian dài việc học chỉ nhằm làm lãnh đạo cùng với các kế hoạch kinh tế gò bó nên rất thiếu nhân tài, đến tận bây giờ vẫn chưa có ai có tầm cỡ quốc tế. Ngay cả trong 20 năm cải cách mở cửa, rất nhiều nhân vật có tiếng tăm về kinh tế cũng đã bị gục ngã, trong đó không ít người thuộc lớp "anh hùng đoản mệnh". Hiện nay, Tổng giá trị sản xuất của Trung Quốc chỉ tương đương với hơn chục công ty lớn nhất thế giới. Do vậy, nếu Trung Quốc không tôn trọng nhân tài trong lĩnh vực này, sẽ không sản sinh ra được các nhân tài doanh nghiệp, các nhà quản lý thì hiện đại hoá Trung Quốc khó giành được thành tựu lớn.

Trong lịch sử cận đại, Trung Quốc đã từng có hàng loạt các nhà doanh nghiệp lớn, nhưng phần lớn đều đã bỏ đi khi thành lập nước Trung Quốc mới, chỉ còn một số rất ít ở lại.

Tháng 2 năm 1978, Đặng Tiểu Bình lên làm chủ tịch Hội nghị chính trị hiệp thương toàn quốc khoá 5, trong số các phó chủ tịch mới được bầu, có một vài vị nguyên là nhân sĩ công thương rất được chú ý, trong đó nổi nhất là Vinh Nghị Nhân.

Những năm 50, Mao Trạch Đông đã từng yêu cầu Đặng Tiểu Bình - lúc đó làm Tổng Bí thư Đảng - lựa chọn một vài nhân sĩ ngoài Đảng vào chức vụ Bộ trưởng, Đặng Tiểu Bình đã chọn hai người, trong đó có Vinh Nghị Nhân. Được sự giới thiệu của ông. Vinh Nghị Nhân đã được làm Thứ trưởng Bộ Công nghiệp

dệt.

Ngày 17 tháng 1 năm 1979, Đặng Tiểu Bình cho mời năm người là Hồ Quyết Văn, Hồ Tử Ngang, Vinh Nghị Nhân, Cổ Canh Cánh, Chu Thúc Thao đến nói là để nói chuyện. Cả năm người đều là nhân vật lãnh đạo của giới công thương nên nói chuyện gì cũng không cần phải bàn đến nữa. Nhận được thông báo, cả năm người tập trung tại nhà Hồ Quyết Văn bàn bạc và viết một kiến thị. Gặp họ, Đặng Tiểu Bình nói, trung tâm công tác của Đảng và Nhà nước đã thay đổi, Trung Quốc cần cải cách, phải mở cửa với bên ngoài, thu hút đầu tư nước ngoài, hy vọng các nhân sĩ ngoài Đảng cũng cần hành động, Trung ương Đảng rất hy vọng ở các đồng chí. Nghe nói các đồng chí có nhiều ý kiến và kiến nghị rất tốt về xây dựng kinh tế, chúng tôi rất mừng. Hy vọng mọi người giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, có gì nói đấy, đưa ra nhiều chủ ý hơn...

Giống như giới trí thức, các nhân sĩ công thương cũng có vấn đề trong việc thực hiện chính sách. Đặng Tiểu Bình trả lời ngay tại chỗ, biểu thị cần thực hiện chính sách mới đối với những người nguyên thuộc giới công thương, bao gồm cả thế hệ con cháu của họ, gỡ chiếc mũ "nhà tư bản" cho họ. Lời hứa đó đã được Trung ương thực hiện vào tháng 11 năm 1979 trong "Quy định một số chính sách cụ thể đối với những người vốn là nhân sĩ công thương".

Lúc đó, về vấn đề sở hữu, Trung Quốc chỉ có ba loại là sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân và sở hữu cá thể, trong đó sở hữu cá thể đang trong giai đoạn phục hồi. Trong lần nói chuyện đó, Đặng Tiểu Bình nói: "Sau khi thực hiện chính sách, giới công thương sẽ còn có tiền, có người còn xây dựng được một vài xí nghiệp, cũng có thể đầu tư vào ngành du lịch để kiếm ngoại tệ, để tiền nhàn rỗi là không tốt. Các đồng chí có thể lựa chọn để làm. Tóm lại, tiền cũng phải được dùng, người cũng phải được dùng".

Đối với ý tưởng xây dựng Công ty tín thác của Vinh Nghị Nhân, Đặng Tiểu Bình nói: "Đồng chí Nghị Nhân nếu chủ trì Công ty tín thác phải qui định một điều: Nhiệm vụ giao cho đồng chí nếu thấy hợp lý thì nhận, không thì thôi, hoàn toàn do đồng chí xử lý, kể cả xử lý sai cũng không đáng trách. Phải dùng phương pháp kinh tế để quản lý kinh tế, phải suy nghĩ từ góc độ Thương mại mà ký kết hợp đồng, có lợi nhuận thì hãy ký. Cần phải loại trừ sự can thiệp từ phía

hành chính bao gồm cả việc dùng chức quyền. Chỉ cần làm tốt sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa thì không nên do dự".

Những người như Vinh Nghị Nhân có quan hệ với nước ngoài rất rộng. Riêng ông đã có hơn 400 thân nhân ở nước ngoài, không ít người là những nhân sĩ nổi tiếng trong giới khoa học kỹ thuật và thương mại. Đặng Tiểu Bình gợi ý: "Việc xây dựng hiện nay có rất nhiều con đường khác nhau, có thể lợi dụng tiền vốn và kỹ thuật từ nước ngoài của Hoa Kiều, những người gốc Hoa có thể trở về nước xây dựng nhà máy. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài có thể bằng cách áp dụng phương pháp đền bù hoặc hình thức hợp doanh".

Đặng Tiểu Bình còn mời năm người trên làm nhiều việc hơn, tiến cử nhân tài. Tiến cử "người thực tài có học, "người có năng lực", "người có bản lĩnh", "người có chuyên môn kỹ thuật", "người có kinh nghiệm quản lý", chỉ cần là người "yêu nước, yêu sự nghiệp, có năng lực" thì dù là trong và ngoài nước "đều có thể dùng". Cả năm người lúc đó tuổi đã tương đối lớn, có ba ông trên 80 tuổi. Sau buổi nói chuyện, Đặng Tiểu Bình bá vai họ như những người, bạn già thân thiết vào nhà ăn cùng ăn cơm với nhau.

Sau lần nói chuyện này, "Ngũ lão" một mặt tuyên truyền cho các nhân sĩ giới công thương, một mặt bắt tay ngay vào hành động. Vinh Nghị Nhân không do dự, sau khi bàn bạc với những người bạn già đã đích thân xây dựng phương án thành lập Công ty tín thác do vợ ông chấp bút, rồi báo cáo với Đặng Tiểu Bình, Trần Vân Lý Tiên Niệm... và được các vị lãnh đạo nhiệt liệt tán thành. Sau đó ông đã dẫn một đoàn đại biểu đi thăm hơn 20 thành phố và 50 xí nghiệp thuộc các nước Cộng hoà liên bang Đức, Thuỵ Sĩ, Pháp, tiết lộ thông tin Trung Quốc muốn tiến hành cách mở cửa với giới công thương quốc tế và tạo dựng mối liên hệ rộng rãi với họ. Ngày 4 tháng 10 năm 1979, Công ty đầu tư tín thác quốc tế Trung Quốc chính thức được thành lập. Trước và sau thời gian đó, Hồ Quyết Văn, Hồ Tử Ngang, Cổ Cạnh Cánh đã thành lập Công ty khai phát kinh tế công thương Trung Quốc tại Bắc Kinh, Chu Thúc Thao thành lập Công ty tư vấn kinh tế kỹ thuật Trung Hoa ở Thiên Tân. Bản thân những công ty này đạt được rất nhiều thành tựu, cống hiến lớn cho công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. Công ty tín thác nổi tiếng nhất, đến nay đã có tài sản hàng trăm tỉ Nhân dân tệ

với số nhân viên lên tới hàng vạn người. Điều quan trọng hơn là tin tức về cải cách mở cửa của Trung Quốc được truyền bá đã phản ánh được xu thế cải cách mở cửa tất yếu của Trung Quốc. Sau vài lần sóng gió, đến những năm 90 của thế kỷ XX, cuối cùng Trung Quốc đã xuất hiện “công ty nóng" - cao trào xây dựng các xí nghiệp hiện đại.

Coi trọng các nhà doanh nghiệp lớn, Đặng Tiểu Bình thể hiện sự tôn trọng của mình đối với các nhà doanh nghiệp nổi tiếng mang tầm cỡ thế giới.

Tháng 2 năm 1979, Đặng Tiểu Bình tới thăm bang Texat của Mỹ. Trong bữa tiệc chiêu đãi, có một người đến từ bang Caliphoocnia, tuy không có trong danh sách mời, vẫn cố tình đi lẫn vào đoàn khách vào tham dự. Đặng Tiểu Bình gặp ông ta vui mừng nói: "Hà tất phải giới thiệu Tiến sĩ Hame, chúng ta đều quen biết ông, ông chính là người đã giúp đỡ Lênin đúng lúc Lênin cần giúp đỡ nhất. Ông nên đến giúp Trung Quốc chúng tôi".

Năm 1921, Hame trở thành thương nhân đầu tiên thuê xí nghiệp Quốc hữu hoá của Liên Xô trên đất Liên Xô, sau đó ông trở lại Liên Xô 9 năm, có quan hệ qua lại với Lênin, đã từng được Lênin gọi là "đồng chí". Sau đó ông liên tục đầu tư vào Liên Xô, vì vậy mà trở thành một "nhân vật có vấn đề" ở Mỹ. Trong thời gian Đặng Tiểu Bình thăm Mỹ, Hame rất bận rộn nên không có dịp gặp được ông. Lần đó, một cấp dưới của ông ghi tên vào danh sách mời, nên ông đã lấy tên người đó để tham gia buổi tiệc và mới được gặp mặt Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình không để ý tới chuyện đó mà vẫn giới thiệu rất nhiệt tình. Ông còn mời Tiến sĩ đến ngồi cùng trò chuyện rất thân mật, hy vọng Tiến sỹ sẽ đầu tư vào Trung Quốc và tìm hiểu cách làm và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài của Lênin... Hame đồng ý sẽ vào Trung Quốc đầu tư, nhưng lúc đó ông ta đã 81 tuổi, đi lại không tiện nên muốn đáp máy bay riêng đến Trung Quốc, lúc đó ở Trung Quốc chưa có qui định về vấn đề này, nhưng Đặng Tiểu Bình đã trả lời ngay tại chỗ là đồng ý yêu cầu đó. Tháng 5 năm 1979, máy bay riêng chở Hame đã tới Bắc Kinh và ông ta đã ký được bốn hiệp nghị sơ bộ về kinh doanh hợp tác đầu tư trên các lĩnh vực than đá, dầu mỏ, giống lúa tạp giao và phân hoá học. Trong đó hạng mục lớn nhất là mỏ than An Thái Bảo ở Sơn Tây với tổng đầu tư 650 triệu USD (riêng Hame bỏ ra 200 triệu USD). Đây là mỏ than lộ thiên lớn nhất thế

giới lúc bấy giờ, cho đến đầu những năm 90 nó vẫn là một xí nghiệp lớn nhất trong các xí nghiệp hợp tác đầu tư và cũng là xí nghiệp đầu tiên hợp tác ba bên ở Trung Quốc. Sau đó, trong tháng 7 năm 1981, tháng 3 năm 1982 và tháng 6 năm 1985, Đặng Tiểu Bình đã gặp gỡ thân mật với Hame tại Bắc Kinh. Sự phá lệ trong quan hệ đối ngoại đó của Đặng Tiểu Bình khiến cho Hame rất tự hào và cảm động. Ông đã viết: "Mỗi khi tôi tới Trung Quốc, nhìn thấy cơ hội và nguồn tài nguyên vô hạn của nó, đã cảm thấy một bầu không khí mới bắt đầu, cảm giác tâm lý đó giống như khi tôi tới Liên Xô gặp Lênin lúc 23 tuổi vậy", "Có một con người đầy nhiệt huyết trong công việc, luôn bận rộn và khẩn trương làm việc để cải thiện đời sống cho dân tộc mình, dám vượt lên những lời gièm pha của nhiều người và những con số thống kê kinh tế khô khan, thì Trung Quốc sẽ nhất định sẽ khắc phục được mọi khó khăn và giành được thành công. Tôi không hề nghi ngờ gì về điều này".

Đặng Tiểu Bình nói: "Không tiến hành tranh luận là một phát minh của tôi.

Không tranh luận là để tranh thủ thời gian làm. Hễ tranh luận là nảy sinh phức tạp và làm mất thời gian, sẽ chẳng làm gì được, không tranh luận, mạnh dạn thử, mạnh dạn làm. Cải cách nông thôn cũng vậy, cải cách thành thị cũng cần phải như vậy.

Có người khi giới thiệu về "không tranh luận" của Đặng Tiểu Bình đã dẫn lời của Lão Tử: "Đạo lý của bậc thánh nhân là không cần tranh luận. Lấy cái không tranh luận đó làm thiên hạ không thể tranh luận với mình được". Câu nói này có giá trị tham khảo nhất định, tức là điều quan trọng là phải làm và cố gắng tránh hoặc giảm bớt sự phiền nhiễu. Nhưng về tính chất thì hai câu nói của hai ông hoàn toàn khác nhau. Đặng Tiểu Bình làm cách mạng hơn 70 năm, làm sao lại "không tranh luận" được! "Không tranh luận" thực sự là một biểu hiện trí tuệ tinh hoa nhất của Đặng Tiểu Bình, là một điểm cực kỳ sáng suốt trong nghệ thuật lãnh đạo của ông, nhưng cần được lý giải chính xác, tuyệt đối không nhìn từ góc độ của không ít người Trung Quốc chịu sự hồ đồ, tự cao tự đại, tôi làm tôi chịu... Sự sáng suốt và trí tuệ lớn đó được biểu hiện ở chỗ nào? Thứ nhất, là phản ánh sự mưu trí đặc biệt đối với bối cảnh rất phức tạp:

"Không tranh luận" của Đặng Tiểu Bình có bối cảnh hiện thực và lịch sử đặc

biệt. Thời kỳ "cách mạng văn hoá" thoạt đầu xuất hiện hiện tượng xã hội rất hoang đường như: "nói to, nói lớn, tranh cãi lớn, báo chữ to". Vì một quan điểm, một câu nói mà giữa phái A và phái B, giữa tốp người này với tốp người khác giữa nơi này với nơi kia, giữa bố con, vợ chồng, anh em xảy ra những cuộc tranh cãi nảy lửa, sôi sục. Trường học, cơ quan, nhà máy, nông thôn và gia đình, tất cả đều trở thành nơi tranh luận. Báo chí, đài truyền hình, đài truyền thanh, báo tường đều trở thành trận đại tranh luận. Khi mới bắt đầu cải cách mở cửa, hiện tượng đó lúc đầu vẫn còn, làm cho cả xã hội Trung Quốc không yên. Năm 1980, sau khi áp dụng những biện pháp quyết đoán sửa chữa, phương thức tư duy này vẫn còn ảnh hưởng rất lớn tới toàn Đảng và toàn dân Trung Quốc. Bước đầu tiên trong cải cách kinh tế Trung Quốc, ở nông thôn thực hiện khoán đến các hộ gia đình, lúc đầu tranh luận cũng gay gắt, áp lực và trở lực rất lớn. Đặc biệt là sau các đợt sóng gió của năm 1980, có người công khai tiến hành tranh luận về "tính xã hội chủ nghĩa, tính tư bản chủ nghĩa" trên những tờ báo có uy tín lớn, làm cho cải cách mở cửa của Trung Quốc nhất thời có thay đổi lớn. Những tranh luận này trong bối cảnh phức tạp, không thể xử lý đơn giản. Thực tiễn chứng minh, đối sách tốt nhất là không tranh luận.

Thứ hai, thử trước, làm trước, quan sát trước, để thời gian và thực tiễn lên tiếng.

Không tranh luận" của Đặng Tiểu Bình có một đặc điểm quan trọng là một số vấn đề gây tranh cãi tuy đã qua thực tiễn nhưng vì thời cơ, tình thế và đối tượng tranh luận mà còn phải chờ quan sát chờ độ chín, không thể đưa ra kết luận ngay nên đều không tranh luận. Điển hình nổi bật nhất là chế độ khoán ở nông thôn.

Chế độ này đã được lặng lẽ thí nghiệm ở tỉnh An Huy ngay từ trước khi họp Hội nghị Trung ương 3 khoá 10 của Đảng và đã có thành quả rõ ràng. Vạn Lý, Bí thư Tỉnh uỷ An Huy rất ủng hộ việc khoán sản và tranh thủ hợp pháp hoá nó. Điều này đã dẫn đến cuộc phê bình gay gắt, công khai trong Đảng và gây nên cuộc tranh luận rất lớn trong nội bộ. Văn kiện của trung ương đầu tiên có liên quan đến việc này từ sau hội nghị Trung ương 3 khoá 11 là văn kiện "Quyết định về một số vấn đề đẩy nhanh phát triển nông nghiệp" được Hội nghị Trung ương 4 khoá 11 thông qua vào tháng 9 năm 1979, trong nguyên bản có "Ba cái có thể

để xác định chế độ khoán sản và còn có "hai cái không cho phép đó là "không cho gò ép chia ruộng ra để làm", "không cho phép khoán sản đến hộ". Vạn Lý không đồng ý hai điều này, cũng có người ủng hộ, có người phản đối ông. Cuối cùng văn kiện sửa lại thành "một cái không cho phép" và "một cái không cần" đó là: "Không cho phép chia ruộng trừ một số nhu cầu đặc biệt của một vài nghề phụ hoặc những hộ đơn lẻ ở các vùng núi, biên giới xa xôi giao thông khó khăn và cũng được cần khoán sản tới hộ". Như vậy chế độ này tuy chưa được khẳng định nhưng cũng đã mở ra được một cửa nhỏ.

Lúc đầu Đặng Tiểu Bình chưa tỏ thái độ gì nhưng lại rất hứng thú theo dõi. Ngày 31 tháng 11 năm 1980, trong bài nói "Về vấn đề nông thôn", Đặng Tiểu Bình đã khẳng định việc khoán sản tới hộ đối với một số địa phương "thích hợp với khoán sản tới hộ" như Phí Tây, Phượng Dương thuộc tỉnh An Huy. Ông đã ca ngợi việc làm đó "hiệu quả tốt, thay đổi rất nhanh" "một năm đã trỗi dậy, thay đổi bộ mặt". Ông chỉ ra rằng: việc sợ khoán sản tới hộ sẽ ảnh hưởng tới kinh tế tập thể là không cần thiết, mấu chốt là phát triển sức sản suất, "vấn đề chủ yếu trong công tác nông thôn hiện nay là tư tưởng không được giải phóng triệt để", "có một số cán bộ còn chưa suy nghĩ nhiều đến việc làm thế nào cho thích hợp với tình hình địa phương mình, làm thêm kinh tế để có lợi ích lớn hơn, thu nhập của quần chúng tăng lên, họ vẫn làm theo nếp cũ, không hề giải phóng tư tưởng." Điều đó có nghĩa là hy vọng các đồng chí phụ trách công tác nông thôn phải "tranh thủ chủ động", mạnh dạn hơn, "làm việc phải nhanh, không được kéo dài".

Sau đó, tình hình đã chuyển biến tốt hơn, nhưng vẫn còn ồn ào, tranh luận rất gay gắt. Vạn Lý nhớ lại, tháng 9 năm 1984, Trung ương tổ chức cuộc toạ đàm với các Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ, số công khai tán thành khoán sản tới hộ gồm Trì Tất Khanh của Quý Châu, Chu Huệ của Nội Mông, Nhiệm Trọng Di của Liên Ninh, nhưng chỉ là số ít, còn đa số là không nói gì, có người còn quyết phản đối. Lúc đó, Vạn Lý đã ở trong Ban Bí thư Trung ương và được phân công quản lý công tác nông thôn kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban nông nghiệp, hội nghị này do ông phụ trách. Ý định của ông là thông qua cuộc toạ đàm này để thay đổi cái không cần khoán sản tới hộ", thành (có thể khoán sản tới hộ hoặc "ủng hộ khoán sản tới

hộ", nhưng do tranh cãi quá nhiều nên không thay đổi được. Tuy còn nhiều hạn chế ràng buộc, nhưng nói chung là tương đối rộng mở hơn, để cho quần chúng an tâm làm khoán sản tới hộ. Qua hơn một năm thực tiễn và thống nhất nhận thức, cuối cùng đã hình thành nên văn kiện số 1 (1982) nổi tiếng của Trung ương, chính thức khẳng định và gọi khoán sản tới hộ là "chế độ trách nhiệm khoán sản liên gia đình".

Thứ ba, "Cho phép nhìn, tốt hơn cưỡng chế nhiều". Một trong những ý nghĩa chủ yếu của "không tranh luận" là cho phép nhìn". Đặng Tiểu Bình nói: "Đối với cải cách mở cửa lúc đầu có những ý kiến khác. Đó là chuyện bình thường. Không chỉ là vấn đề đặc khu kinh tế vấn đề lớn hơn là cải cách nông thôn, làm khoán sản đến hộ, loại bỏ chế độ công xã nhân dân. Lúc đầu chỉ có một phần ba số tỉnh làm, năm thứ hai được hai phần ba, năm thứ ba mới gần như toàn bộ cùng làm, đó là nói trên phạm vi toàn quốc. Lúc bắt đầu không rầm rộ, rất nhiều người còn đứng xem. Chính sách của chúng ta là cho phép xem. Cho phép xem còn tốt hơn là cưỡng chế nhiều. Đường lối, phương châm chính sách thực hiện Hội nghị Trung ương 3 của chúng ta là không cưỡng bức, không vận động ai, muốn làm thì làm, làm bao nhiêu tốt bấy nhiêu, như vậy sẽ dần dần đuổi kịp nhau".

"Cho phép nhìn" là rất cần thiết lúc đó. Bởi vì trong những người phản đối hoặc không tán thành khoán sản đến hộ gia đình, có người suy nghĩ từ mặt chính trị hoặc từ mặt công tác. Ví dụ như Trung ương đã từng lên kế hoạch trong năm 1980 thực hiện cơ bản cơ giới hoá nông nghiệp, do đó, các cấp chính quyền đã phải cố gắng rất nhiều, làm rất nhiều việc, việc khoán sản tới hộ sẽ sinh ra những xung đột rất lớn trong tình thế lúc đó. Do vậy rất nhiều người tư tưởng chưa hẳn đã thông suốt. Sự không thông này khác biệt rất lớn với việc không thông của "hai phàm là", rõ ràng là cần phải cho phép nhìn. Còn một số địa phương cá biệt có nền kinh tế rất ổn định, trong điều kiện cơ bản không thay đổi cũng có thể sản sinh ra sức sống mới. Điều này chẳng những cần phải cho phép nhìn, mà còn cần cho phép họ xuất phát từ thực tế của địa phương mà quyết định nên làm ra sao. Ví dụ như Nam Cai ở Hà Nam, cho đến nay về cơ bản vẫn giữ cách làm như thời công xã nhân dân và làm vẫn rất tốt. Loại điển hình đặc thù cá biệt này cũng là

một thành quả của sự "cho phép nhìn". Về mặt "cho phép nhìn", ngoài chế độ khoán sản ra, kinh tế thị trường cũng là một ví dụ điển hình. Xem xét từ khoảng cách của thời gian và độ sâu của ảnh hưởng, vấn đề sau điển hình và nổi bật hơn vấn đề trước.

Trong khoảng thời gian rất dài, kinh tế xã hội chủ nghĩa bị lý giải là nền kinh tế kế hoạch hoá. Bản thân các đảng viên Cộng sản Trung Quốc vốn tương đối linh hoạt. Trong những năm 50 của thế kỷ đã đề ra các quan điểm "kế hoạch là chính, thị trường là phụ", về sau do cần phải "cắt đuôi" tư sản, nên ngay cả bao diêm, miếng xà phòng đều phải cung cấp, các chợ bán sản phẩm phụ nông nghiệp từ xa xưa cũng bị dẹp bỏ, về cơ bản thị trường bị biến mất. Từ tháng 7 đến tháng 9 năm 1978, Quốc vụ viện triệu tập một hội nghị "ảo" chuyên thăm dò về mối quan hệ giữa thị trường và kế hoạch và đưa ra tư tưởng "Kinh tế kế hoạch hoá kết hợp với kinh tế thị trường". Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 họp tháng 12 cùng năm đã đề ra việc cho phép sự tồn tại của mối quan hệ kinh tế hàng hoá. Hội nghị lần thứ hai Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 5 họp năm sau đã nhắc lại phương châm kế hoạch là chính, thị trường là phụ. Ngày 26 tháng 11 năm 1979, khi nói chuyện với khách nước ngoài, Đặng Tiểu Bình đề ra quan điểm "xã hội chủ nghĩa cũng có thể làm kinh tế thị trường", đồng thời bảo lưu "Thuyết chính phụ". Tháng 1 năm 1980, Đặng Tiểu Bình đã nói chuyện trong một hội nghị cán bộ do Trung ương triệu tập chỉ đưa ra luận điểm "điều tiết kinh tế kết hợp điều tiết thị trường" chứ không nhắc tới "Thuyết chính phụ". Sau bài phát biểu công khai đó, đã có nhiều phỏng đoán và lo lắng, do đó năm 1983, khi xuất bản quyển 2 "Đặng Tiểu Bình văn tuyển", câu nói này đã được sửa theo cách nói tiêu chuẩn lúc ấy thành "dưới sự chỉ đạo của kinh tế kế hoạch hoá, phát huy tác dụng bổ trợ của điều tiết thị trường, mãi tới lần xuất bản thứ hai, năm 1994 mới khôi phục lại cách nói lúc đầu, "thuyết chính phụ" từ năm 1984 đã có thay đổi rất lớn. Tháng 9 năm đó, trong bức thư của những người lãnh đạo chủ yếu của Quốc vụ viện gửi Bộ chính trị, Đặng Tiểu Bình đã phê duyệt đồng ý với cách đề cập mới là "kinh tế hàng hoá có kế hoạch" và chỉ một tháng sau, đã được công bố trước toàn thế giới dưới hình thức là quyết định của trung ương. Từ đó, "thuyết kết hợp" thay thế cho "thuyết chính phụ" trở thành một phương châm tiêu chuẩn. Ngày 6 tháng 2 năm 1987, khi nói chuyện với một số đồng chí trong

Trung ương, Đặng Tiểu Bình chỉ rõ rằng: "Kế hoạch và thị trường đều là phương pháp, chỉ cần tốt cho sự phát triển sức sản xuất thì đều có thể sử dụng", "trước kia chúng ta học Liên Xô làm kinh tế kế hoạch hoá. Sau lại nói kinh tế kế hoạch hoá là chính, nay không cần nói như vậy nữa." Sau bão táp năm 1989, kinh tế thị trường bị thách thức nghiêm trọng, ngoài việc bị chất vấn về lý luận ra, về chính trị thì vào tháng 12 năm 1990 cũng đã hình thành nên phương châm "hai chính", tức là trên toàn cục lấy kế hoạch hoá làm chính, trong các hoạt động kinh doanh thường ngày thì lấy điều tiết thị trường làm chính. Lúc đó tuy đã nghỉ hưu Đặng Tiểu Bình vẫn nhắc lại nhiều lần "Thuyết phương pháp" của ông, như vậy tới năm 1992, tại đại hội 14, mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mới được xái lập.

Thứ tư, "không tranh luận, tranh thủ thời gian làm" thực chất của "không tranh luận" là để tranh thủ thời gian làm. Hễ tranh luận là sẽ phức tạp, làm mất thời gian, sẽ chẳng làm việc gì được. Như trên cho thấy, những vấn đề liên quan đến kinh tế thị trường phải 14 năm (từ 1978 đến 1992) mới hình thành một nhận thức rõ ràng thống nhất, nhưng vẫn chưa có nghĩa là đã hoàn toàn giải quyết được vấn đề tư tưởng. Nếu dùng thời gian để tranh luận, thì thực sự sẽ chẳng làm được việc gì.

Tranh luận là việc trao đổi những ý kiến chưa đồng ý với nhau nói chung, nó là chuyện bình thường và rất cần thiết. "Trăm hoa đua nở" mới làm cho học thuật được phồn vinh, nghệ thuật được phát triển. Về chính trị, về các hành vi công cộng và hành vi mang tính xã hội, những ý kiến không đồng ý đều phải được trình bày ra hết, mới có thể hình thành những quyết sách đúng đắn, mới có hành động hợp lý được. Khi tham gia cách mạng, việc làm đầu tiên của Đặng Tiểu Bình là làm tạp chí, mà nội dung cơ bản là tranh luận với những người theo chủ nghĩa quốc gia bị ảnh hưởng bởi những người Hoa đi du lịch châu Âu trở về. Sau đó ông lại lần lượt đấu tranh với những người theo chủ nghĩa cơ hội, phái hữu phái tả, "lũ bốn tên". Nổi tiếng nhất là cuộc luận chiến mặt đối mặt với Khorútxốp và cuộc tranh luận giữa hai Đảng Cộng sản Trung-Xô do ông phụ trách. Cuộc thảo luận lớn về tiêu chuẩn chân lý năm 1978 cũng là một cuộc tranh luận lớn. Đặng Tiểu Bình rất ủng hộ và đánh giá cao cuộc tranh luận này. Ông

đích thân đề ra "không tranh luận" về vấn đề đặc khu kinh tế và vấn đề khoán sản bằng thái độ rất rõ ràng, phát hiểu rõ cách nhìn của mình và nói đi nói lại nhiều lần, trên thực tế đó cũng chính là tranh luận mà thôi. Do đó, "không tranh luận" không phải là tuyệt đối, nó tương phản với "nói suông", chỉ nói không làm, nói nhiều làm ít, hễ có tranh cãi là không dám hành động, hễ tranh luận là phức tạp, mà đã phức tạp thì không để hoạt động bình thường được. Nói tóm lại cũng chính là đối mặt với vấn đề hễ tranh luận là không làm (bao gồm không dám làm, không thể làm, không biết làm).

Đây là một hiện tượng không bình thường nhưng sẽ mất dần đi cùng với sự bình thường hoá của Đảng, Nhà nước và cuộc sống xã hội. Nhưng sự bình thường hoá này đối với Trung Quốc mà nói mà cả đối với các quốc gia có nhiều sự chuyển động xã hội không theo trật tự, thì phải cần một thời gian tương đối dài. Cho dù sự chuyển động xã hội có bình thường chăng nữa, những hỗn loạn trong lĩnh vực chính trị tư tưởng không có ảnh hưởng đến sự vận động bình thường của kinh tế và xã hội của một nước thì nước đó ông vẫn cần cố gắng không tranh luận. Nhà văn Canađa Ricác (1869 - 1944) đã đánh giá về người Mỹ như sau: "Người Mỹ thật kỳ quặc. Họ chẳng để ý tới gì cả. Cả thế giới phê phán họ, họ cũng không để ý. Cả thế giới viết bài châm biếm đả kích họ, họ cũng không để ý... Người ta bảo họ rằng: Họ không có nghệ thuật, không có văn học, không có linh hồn, họ cũng mặc kệ. Các nhà đạo đức lên tiếng, các nhà tội phạm học, nhà văn, các nhà chiêm tinh, người châu Âu đe doạ sẽ liên kết lại để chống họ... Người châu Phi xích đạo rất căm ghét họ... rồi cả người Trung Quốc, người Anh, người Scotland, người Itaiia, người Nga... Cũng vậy. Nhưng quả thật là người Mỹ chẳng để ý tới. Họ không cần và dứt khoát không cần những lời dị nghị đó. Chính điều đó đã khiến cho linh hồn họ được cứu rỗi". Ricác là người hoàn toàn không thân Mỹ, sùng bái Mỹ, nhưng ông quan sát rất sâu, thực sù cầu thị, hiện tượng mà ông miêu tả cho tới nay vẫn rất đặc biệt. Còn nổi bật hơn cả nửa thế kỷ trước, khi mà mọi người trên toàn thế giới, bao gồm cả bản thân người Mỹ đều phê phán nước Mỹ, phản đối nước Mỹ với ngôn từ ngày càng gay gắt hơn. Nếu người Mỹ thích tranh luận thì dù cho có tổng động viên tất cả mọi người dân Mỹ cầm bút làm vũ khí cũng không đủ người được. Đương nhiên người ta nhanh chóng thắng lợi, bởi vì chỉ cần tranh luận vài tháng, nước Mỹ sẽ

thực sự suy thoái, nếu tranh luận vài năm, Mỹ sẽ trở thành một nước chẳng có gì đáng kể, như vậy sẽ chẳng có ai tranh luận về nó nữa, chỉ còn người đồng tình với họ và ủng hộ họ theo chủ nghĩa nhân đạo mà thôi. Trung Quốc muốn mạnh lên cần phải ghi nhớ lời dạy của Đặng Tiểu Bình: "Không tranh luận".

Năm 1966, Mao Trạch Đông đã từng phê bình Đặng Tiểu Bình "tai điếc", quả thật thính lực của ông không thật tốt, nhưng ông vẫn nghe được câu nói trên. Năm 1976, trước khi công khai "Phê Đặng", một cán bộ tỉnh uỷ sau màn chào hỏi hội nghị đã thổ lộ với Đặng Tiểu Bình có thể phải công khai chỉ định người phê phán ông. Đặng Tiểu Bình cười nhạt nói: xin cứ việc, tôi đã nói trước là mình tai điếc nên không sợ sấm, lợn chết đâu còn sợ bị luộc nữa. Thời kỳ cải cách mở cửa, ông cũng đã từng cảnh báo cho một số người lãnh đạo Trung ương chớ có sợ bị mắng chửi. Chủ yếu là không sợ những chỉ trích ngang ngược của nước ngoài và dư luận bên ngoài, không sợ cả những lời dị nghị hàm hồ của một số người trong nước.

Đối với người lãnh đạo và những nhân vật quan trọng mà nói, không sợ những lời bàn tán, những lời phê bình không đúng chẳng những là một tính cách thiết yếu mà còn là một nghệ thuật lãnh đạo quan trọng. Tục ngữ có câu: "Không ngây ngô, không điếc, không thể làm ông chủ gia đình được". Làm một người chủ gia đình, khi cần thiết cũng phải làm một người điếc. Huống hồ là một vị lãnh đạo, một nhân vật quan trọng?"

Không sợ chửi cũng tức là phải có chủ kiến của mình.

Trung Quốc người đông, có nhiều tranh cãi, nhiều mâu thuẫn. Cải cách mở cửa, phong ba bão táp, nói một cách thực sự cầu thị, số người phản đối cũng không ít. Do đó phải kiên trì cải cách mở cửa, ngoài việc không tranh luận ra còn phải không sợ chửi mắng. Trung Quốc vốn nhiều vấn đề phức tạp, có một số việc phải xử lý quyết đoán. Sự xử lý này không nhất định phải vừa lòng tất cả. Có cả một số hành động quá khích là điều khó tránh khỏi. Cải cách mở cửa hơn 20 năm, những việc như vậy không phải là ít. Nói chung cải cách là phải "chảy máu", cải cách mở cửa của Trung Quốc cũng như vậy, nhưng nhìn chung là một cuộc "cải cách hoà bình". Đối chiếu giữa lịch sử và tình hình quốc tế, chúng ta sẽ biết điều đó rất không dễ. Do đó không sợ chửi mắng cũng không phải chỉ một

chiều, nó đồng nghĩa với việc cho phép người khác "chửi mắng". Ở Trung Quốc, điều này rất cần có dũng khí và trí tuệ.

Trung Quốc là một nước lớn, lại là nước xã hội chủ nghĩa. Nên dư luận quốc tế chỉ nặng về phê bình Trung Quốc, "ma quỉ hoá" Trung Quốc, trên thực tế chẳng có gì lạ cả.

Phê bình, tranh cãi, chửi mắng bao gồm đã phản đối công khai vừa có ý thù địch lại có cả thiện ý nữa; vừa có sự bịa đặt thổi phồng; sự thực lại có cả khách quan hoặc một phần khách quan. Tình hình rất phức tạp, cần phải phân biệt được để đối xử nhưng tóm lại là không sợ. Thù địch cũng không sợ, thiện ý càng không sợ. Ai nói là việc của họ, vấn đề mấu chốt là phải có chủ kiến và phải có định kiến đúng.

Điều này không có nghĩa là chỉ có sự sáng suốt, đúng đắn của chính mình mà phải hiểu là việc của mình chỉ có thể do mình chịu trách nhiệm. Do đó, không sợ chửi mắng cũng chính là dám chịu trách nhiệm. Thời kỳ chiến tranh cách mạng, trong một thời kỳ dài, Đặng Tiểu Bình và một vài đồng chí như Lưu Bá Thừa đã độc lập toàn quyền phụ trách một mặt công tác, có lúc còn mất quan hệ với cả Trung ương, có lúc không kịp thỉnh thị, có lúc Trung ương cho phép không phải báo cáo thỉnh thị mà từ đó tạo thành tác phong và thói quen dám chịu trách nhiệm. Đó là một nhân tố cơ bản những thành công của ông. Một đặc điểm nổi bật của việc dám chịu trách nhiệm chính là không sợ phạm sai lầm.

Ngày 23 tháng 1 năm 1992, Đặng Tiểu Bình rời Thâm Quyến tới Xà Khẩu thị sát tình hình. Trên xe, Lý Hạo - người phụ trách Thâm Quyến nhân cơ hội đó đã báo cáo Đặng Tiểu Bình một số ý tưởng phát triển Thâm Quyến trong thời gian gần đây. Nghe xong, Đặng Tiểu Bình nói: "Tôi hoàn toàn tán thành, phải mạnh dạn làm. Hàng năm, giới lãnh đạo phải tổng kết rút kinh nghiệm; cái nào đúng phải kiên trì, cái nào không đúng phải nhanh chóng sửa chữa, những vấn đề mới nảy sinh phải nắm chắc và giải quyết ngay. Liên tục tổng kết rút kinh nghiệm, ít nhất cũng sẽ không phạm sai lầm lớn".

Lý Hạo đáp: "Chúng tôi hết sức cố gắng phạm ít sai lầm không phạm sai lầm lớn".

Đặng Tiểu Bình nói ngay: "Tôi nói rằng, thứ nhất là không sợ phạm sai lầm,

thứ hai là nếu phát hiện ra sai lầm phải sửa ngay". Không sợ phạm sai lầm là một kinh nghiệm quan trọng trong hơn 70 năm làm việc của Đặng Tiểu Bình, đặc biệt là trong năm 1975, khi ông chủ trì công tác chỉnh đốn và từ năm 1977 đến nay, khi ông lãnh đạo cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.

Không sợ phạm sai lầm, điều chủ yếu nhất là phải mạnh dạn thực hiện cuộc cách mạng cải cách mở cửa của Trung Quốc là một sự nghiệp mà trước nay chưa ai làm, mà cho dù đã có người làm nhưng do tình hình mới, điều kiện mới nên cũng có sự thay đổi và phải dùng phương pháp mới để xử lý". Tóm lại, đều phải xuất phát từ thực tế hiện tại, căn cứ vào điều kiện hiện tại mà mạnh dạn đi vào thực tiễn. Thực tiễn là tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm chân lý và những điểm đúng sai. Do đó, trước tiên cần không sợ phạm sai lầm.

Không sợ phạm sai lầm không chỉ là vấn đề mạnh dạn đi vào thực tiễn mà nó còn liên quan đến kiến thức và một loạt vấn đề khác như sự mạnh dạn, nhân phẩm, tác phong tổ chức...

Trước tiên vẫn là vấn đề con người. Đặng Tiểu Bình ba lần bị phê phán và xử lý, một lần bị giáng cấp. Với người bình thường mà nói, nếu bị một hai lần như vậy hẳn rất sợ phạm sai lầm. Nhưng Đặng Tiểu Bình lại không sợ và chính vì thế mà ông mới là Đặng Tiểu Bình, nếu không ông sớm đã bị lịch sử loại bỏ. Đương nhiên đối với một tổ chức, một người lãnh đạo mà nói, phải cần cho phép người ta mắc sai lầm, nhưng nên khích lệ họ không sợ phạm sai lầm bởi vì phần lớn người ta đều sợ bị xử lý. Nhưng cũng chính vì vậy, không sợ phạm sai lầm lại trở thành một đặc điểm lớn của những người thành công.

"Phát hiện sai lầm nhanh chóng sửa chữa trên thực tế cũng là không sợ phạm sai lầm và là một điều quan trọng. Bởi khi chưa phát hiện ra sai lầm thì không sợ phạm sai lầm, không nhất thiết sẽ có sai lầm, rất có thể còn có công lao nữa. Mấy lần phạm sai lầm" của Đặng Tiểu Bình đều không phải là sai lầm mà là những cống hiến to lớn cho Đảng, cho dân. Mà "phát hiện sai lầm, nhanh chóng sửa chữa" tức là thừa nhận mình thực sự mắc sai lầm, với một số nhân vật quan trọng, làm được điều này không dễ. Cải cách mở cửa đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc mà nói, trên thực tế là thừa nhận sai lầm của "cách mạng văn hoá" và sai lầm của 17 năm trước đó nữa. Mười bảy năm trước "cách mạng văn hoá",

Đặng Tiểu Bình đã là một trong những nhà lãnh đạo chủ yếu của Đảng. Có một số sai lầm, ông không phản đối ngay lúc đó, một số sai lầm khác còn xuất hiện trong lĩnh vực quản lý của ông. Điều quan trọng và căn bản hơn là từ khi tham gia cách mạng (năm 1922) đến nay, ông luôn thuộc về Đảng, nên thừa nhận Đảng phạm sai lầm là một việc vô cùng khó khăn. Việc Đặng Tiểu Bình dũng cảm nhận sai lầm và sửa chữa sai lầm được coi là một biểu hiện quan trọng, vĩ đại của Đảng Cộng sản Trung Quốc và cũng là của riêng cá nhân ông. Ông nói về cải cách mở cửa "không phạm sai lầm lớn, nhưng sai lầm nhỏ thì liên tục". Ông thừa nhận quá thả nổi hàng hoá, kinh tế quá nóng, có không ít sai lầm. Nổi tiếng nhất là ông công khai thừa nhận hai sai lầm lớn", "sai lầm rất lớn: một là giáo dục và một là sự mở cửa Thượng Hải. Hai sai lầm này quả không phải là nhỏ. Sai lầm trong giáo dục, dù là xét về mặt ý nghĩa của giáo dục chính trị tư tưởng hay sự nghiệp giáo dục đều là sai lầm lớn. Thượng Hải mở cửa muộn cũng vậy. Đặng Tiểu Bình thường nói một cách rất hối tiếc rằng: "Nếu không thì ngày nay (1992) vùng tam giác Trường Giang, cả lưu vực sông Trường Giang cho tới toàn quốc, cục diện cải cách mở cửa sẽ khác". Điều đáng chú ý là, hai sai lầm lớn này được tổng kết sau khi ông đã nghỉ hoặc nửa nghỉ nửa làm việc. Đó cũng là thói quen tư duy chung của những nhân sĩ thành công, tức là thường xuyên suy nghĩ xem mình đã sai lầm ở những mặt nào. "Thất bại là mẹ thành công" muốn thành công thì chớ sợ thất bại đồng thời phải kịp thời phát hiện thất bại của mình, cứu lấy thất bại đó. Hiện nay, "thất bại học" đang trở thành một học thuyết nóng, bởi vì "thất bại học" và "thành công học" về bản chất là như nhau.

Đặng Tiểu Bình không sợ bị chửi mắng, không sợ phạm sai lầm còn không sợ thiệt thòi, không sợ rủi ro, không sợ các chế tài. Trong thời kỳ cải cách mở cửa, thực chất đó là đường lối cơ bản của Đảng không được dao động, phương châm và chính sách cơ bản từ Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 đến nay phải kiên trì không thay đổi. Ông nói: "Có được điều này Trung Quốc sẽ có hy vọng lớn".

Kiên trì một cách kiên định không thay đổi những vấn đề mang tính cơ bản như chế độ, đường lối, phương châm chính sách đã được thực tế kiểm nghiệm là đúng đắn, là mang tính căn bản, chính là một phong cách của một nước lớn, một

nhân vật lớn. Mỹ là một nước điển hình về việc tìm tòi cái mới và luôn thay đổi, nhưng có thể người bình thường không chú ý tới Hiến pháp của nước này (phần cơ bản của nó) vẫn là Hiến pháp Liên bang được viết năm 1887 và có hiệu lực năm 1889. Nhiều nước phát triển cũng có đặc điểm đó, một số vấn đề cơ bản rất ít thay đổi. Nếu có thay đổi cũng phải trải qua một thời gian rất dài với một trình tự rất phiền phức. Trung Quốc có được một lịch sử năm sáu ngàn năm rạng rỡ cũng là do một số đặc điểm cơ bản luôn được gìn giữ, ví dụ như chữ Hán, văn hoá truyền thống, những tập tục quan trọng, chế độ Trung ương tập quyền và chế độ quận huyện v. v. ..Ngạn ngữ có câu: "Dễ lên dễ xuống là nước trong khe, dễ phản dễ thật là lòng kẻ tiểu nhân". Một quốc gia, một tổ chức, một con người cố nhiên là cần đổi mới, cách một vài năm lại cần có một số thay đổi. Nhưng dù thay đổi thế nào cũng không được xa rời tôn chỉ của nó và không thể thay đổi đến mức làm người ta không biết bắt đầu từ đâu. Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình và tất cả các nhân sĩ có những thành công to lớn đều có một đặc điểm chung chính là thân phận và địa vị của họ. Dù có những thay đổi rất to lớn, nhưng những đặc trưng cơ bản như: Tính cách, hành vi, thói quen sống v.v.... đều thay đổi rất ít. Ngược lại, một số người nổi lên nhất thời, có chút thành tích thì lại thay đổi nhanh đến mức làm người ta khó nhận ra được.

Nổi bật nhất là chính sách cải cách mở cửa, bởi đó là một sự việc mới nảy sinh, có thể tiếp tục kiên trì được không là điều mà mọi người đặc biệt chú ý tới. Doanh nhân Mỹ Hame đã làm ăn ở Liên Xô từ thời kỳ Lênin viết rằng: "Những nhân sĩ trong giới thương mại phương Tây rất phấn chấn trước chính sách buôn bán mà Đặng cổ vũ. Nhưng khi họ nói chuyện với tôi lại luôn lo lắng hỏi về chuyện nếu sau khi ông ta qua đời thì cách làm thị trường tự do của ông liệu có tiếp tục tồn tại được không, liệu có bị người kế thừa lật đổ không?". Khi gặp mặt các nhân sĩ nước ngoài (chủ yếu là người phương Tây), vấn đề mà Đặng Tiểu Bình đều phải trả lời là: liệu chính sách cải cách mở cửa của Trung Quốc có thay đổi hay không? Ví dụ vào ngày 2 tháng 9 năm 1986, chủ tịch hãng truyền hình Mỹ khi đến thăm Đặng Tiểu Bình đã hỏi: "Ai cũng đều muốn hỏi một vấn đề: Mấy năm trước, Đặng Tiểu Bình làm rất tuyệt, đã tiến hành hiện đại hoá, kinh tế đang phát triển, người ta không lo lắng sợ hãi như trước kia nữa, nhưng tình hình sau Đặng Tiểu Bình ra sao? Liệu có quay lại tình trạng trước kia không?" Nhưng

lo lắng đó không phải là chuyện vô căn cứ, bởi trước Đại hội 14 (Đại hội xác nhận thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và triển khai qui mô lớn trong thực tiễn) thì chẳng ai có thể làm cho các nhà đầu tư yên tâm được.

Đối với Đảng và Chính phủ Trung Quốc, việc kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản là điều cần phải làm, nhưng để làm được tốt là việc khó. Một mặt, làm thế nào để hoà hợp với quá trình cải cách mở cửa, cần phải có một thời gian. Bởi vì bốn nguyên tắc cơ bản là một tư tưởng đã có từ khi thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1921, kể từ khi thành lập nước năm 1949 đến nay đã được dựa vào thực tiễn một cách toàn diện, mà cải cách mở cửa lại mới chỉ bắt đầu từ năm 1978. Hai đời Tổng Bí thư không đứng vững được vì vấn đề này, điều đó đủ thấy nó không hề đơn giản. Mặt khác, kiên trì giữ vững những điểm cơ bản đó lại gặp phải sự nhiễu nhương rất lớn từ phái tả và phái hữu. Phái tả thâm căn cố đế xem ra "kiên trì" một cách kiên quyết hơn, triệt để hơn, nhưng thực tế thì chôn vùi chủ nghĩa xã hội, chôn vùi chuyên chính vô sản, sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa Mác và tư tưởng Mao Trạch Đông; còn phái hữu do thế lực không lớn lắm nhưng mạnh về cổ động, dễ gây ra sóng gió và động loạn, thành công thì ít, thất bại lại quá nhiều cho nên cũng không thể lơ là coi nhẹ được. Trong quyển ba "Đặng Tiểu Bình văn tuyển", bài "Kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản" là bài dài nhất với 16000 chữ, hoàn toàn là "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước", là một bài mang ý nghĩa bước ngoặt của lịch sử. Không chỉ là vấn đề trọng đại, mà đó còn là vấn đề phức tạp nhất.

Hai điểm cơ bản nói trên nếu không thể kiên trì tốt được thì việc lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm cũng không được đảm bảo. Trên thực tế trong khoảng từ 1989 đến 1992, Trung Quốc cũng đã xuất hiện "Luận thuyết hai trung tâm" là xây dựng kinh tế và chống diễn biến hoà bình.

Trong một lần nói chuyện, Đặng Tiểu Bình đã bộc bạch: năm 1983 ông chỉ làm được một việc là chống lại những phần tử phạm tội hình sự; năm 1994 làm được hai việc, một là mở cửa 14 thành phố ven biển và hai là dùng phương thức "một nước hai chế độ" để giải quyết vấn đề Hồng Kông, Áo Môn và Đài Loan. Điều này cho thấy, ngay từ lúc đó ông đã bắt đầu từng bước sắp xếp để rút dần ra. Nhưng sự lãnh đạo trực tiếp của ông trên thực tế còn kéo dài tới khi ông đi

thăm miền Nam và Đại hội 14 của Đảng. Một trong những điều kỳ diệu là một câu nói của ông khi ông đi thăm miền Nam, đã được báo chí giới thiệu: "Dụng công chủ yếu của tôi chính là không dao động".

Thời kỳ cải cách mở cửa, Đặng Tiểu Bình đã áp dụng một số biện pháp quyết đoán quan trọng để duy trì sự ổn định của Trung Quốc, điều này chủ yếu gồm hai mặt: một là kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, chống tự do tư sản hoá và hai là kiên trì cải cách mở cửa.

Điều này cần phải lý giải một cách toàn diện, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, chống tự do hoá cố nhiên là để duy trì sự ổn định của Trung Quốc, điều đó thật rõ ràng, người ta cũng thường liên hệ hai mặt đó làm một. Nhưng kiên trì cải cách mở cửa cũng là để ổn định Trung Quốc, thì lại rất ít người có thể thực sự lý giải và liên hệ hai sự việc đó lại một cách tự nhiên, và người có thể hiểu sự liên hệ mật thiết giữa chống tự do hoá và cải cách mở cửa cũng không phải là nhiều.

Trong hơn 10 năm trước cải cách mở cửa, người ta dễ nhìn thấy tình cảnh như thế này: Mỗi khi Đặng Tiểu Bình áp dụng những biện pháp quan trọng và nghiêm khắc để chống lại tự do hoá tư sản thì rất nhiều người đều cho rằng chính sách cải cách mở cửa phải thay đổi. Người tích cực hoạt động thì cho rằng thời kỳ khôi phục "tả" đã đến; có người lại do dự trước cải cách mở cửa, những biện pháp cải cách sắp đưa ra thì tạm thời gác lại, còn biện pháp nào đã thi hành thì cũng tạm ngừng thực hiện. Ngay cả những người kiên trì cải cách mở cửa cũng cho rằng "đèn đỏ đã bật sáng rồi, có điều khác là "đèn đỏ sáng phải đi vòng". Nhịp độ cải cách mở cửa của nhiều tỉnh nội địa thời kỳ trước 1992 chậm hơn vài nhịp so với các tỉnh duyên hải, mà một nguyên nhân quan trọng là họ luôn nhìn thấy "đèn đỏ" và hễ thấy "đèn đỏ" là phải "phanh gấp", sau đó mới quan sát chờ chuyển sang đèn vàng, rồi xanh thì mới đi tiếp. Do vậy, kiểu "ngừng lại, quan sát và đi tiếp" này so với một số tỉnh ven biển "nhìn thấy đèn đỏ thì đi vòng, đèn vàng đã cố vượt lên và đèn xanh thì tăng tốc độ rõ ràng là bị chậm vài nhịp. Trên thực tế, Đặng Tiểu Bình chưa hề bật "đèn đỏ" cho cải cách mở cửa, mỗi khi áp dụng các hành động để chống lại tự do tư sản hóa, ông đều lên tiếng cần phải kiên trì cải cách mở cửa và thường là đồng thời hoặc sau đó ít lâu, đều đưa ra các biện pháp cải cách mở cửa mới quan trọng.

Sau sự kiện "Bức tường Tây Đơn" năm 1979, văn kiện số 1 của trung ương Đảng năm 1980 đã chính thức khẳng định và thi hành chế độ khoán sản trong nông nghiệp. Năm 1989 là năm bão táp thì tháng 7 cùng năm đã tuyên bố, mặc dù có tranh cãi và sóng gió, nhưng kế hoạch mở cửa Dương Phố - Hải Nam vẫn không thay đổi và phải khởi động lại; năm 1990, Phố Đông mở cửa. Sự kiên trì cải cách mở cửa, đó cũng là nhằm ổn định Trung Quốc. Đặng Tiểu Bình chỉ rõ rằng: "Vì sao sau "Sáu tư" nước ta vẫn rất ổn định. Chính vì chúng ta thực hiện cải cách mở cửa, thúc đẩy kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện".

Ổn định áp đảo tất cả bao gồm áp dụng một số biện pháp cứng rắn và chuyên chính. Đặng Tiểu Bình không sợ người khác chửi mắng, chẳng ai thích người khác chửi mắng mình cả, nhưng vì sự ổn định của Trung Quốc mà phải cắn răng chịu đựng. Bởi nghe lời mắng chửi cũng chẳng thoải mái chút nào, nhưng nếu Trung Quốc một khi đã loạn thì đó mới là đáng sợ nhất. Trên thực tế, Trung Quốc vẫn là một đất nước dễ loạn khó trị, Xuân Thu chiến quốc, Nguỵ Tấn nam bắc triều, Ngũ đại thập quốc, Tống Liên Kim Hạ hễ loạn là kéo dài hàng vài trăm năm; rồi cuối các đời Tần, Tây Hán, Tuỳ, Đường, Tống, Nguyên, Thanh, Quốc dân Đảng cũng đánh nhau từ vài chục đến trên một trăm năm. Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa cũng đã có 10 trong 28 năm trị loạn.

Sự loạn đó vô cùng ghê gớm, nên các mặt như kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hoá, đời sống nhân dân bị phá hoại, ngừng trệ, lạc hậu, bần cùng không thể ngóc đầu lên được. Tổn thất về người càng kinh hoàng hơn. Ví dụ như năm 1968, vụ án do Khang Sinh tạo ra nhằm chống lại Bí thư Tỉnh uỷ Vân Nam Triệu Kiến Dân, con số người chết khiến người ta giật mình: 14.000 người; trong khi đó, Đặng Tiểu Bình chỉ huy "trăm vạn hùng binh vượt sông lớn" tuy bị máy bay và các loại vũ khí của địch tấn công, nhưng quân giải phóng cũng chỉ thương vong tất cả là 8.000 người. Trần Bá Đạt - một con người trông rất thư sinh, nhưng vào tháng 12 năm 1967, ông ta phỏng đoán trong tổ chức Đảng của khu Ký Đông "có thể đã hợp tác với Quốc dân Đảng, trên thực tế, khả năng là Quốc dân Đảng ở đây đã hoạt động và bọn phản bội cũng đang hoạt động chỉ với "hai khả năng này"mà đã có tổng cộng hơn 84.000 người bị hại, trong đó 2955 người bị bức hại đến chết. Những người bị coi là "phản bội" "đặc vụ" "Hán

gian", "đi theo tư bản" "phần tử xét lại", "kẻ tư thông với ngoại quốc", "những kẻ có mưu ma chước quỉ", "những kẻ thối tha… bị bức hại không thể tính nổi, cả số bị giết hại cũng không thể tính được, có người phỏng đoán vào khoảng 100 triệu người.

"Phái cách mạng" cũng chịu thiệt thòi không ít. Cuộc "đấu võ" là hoàn toàn có thật, quân đội với súng đạn, vũ khí tốt hơn nhiều so với Hồng quân, Bát lộ quân dã chiếm Sán Đầu, xây dựng công sự, tấn công các toà nhà lớn, đánh rất bài bản, và số người chết và bị thương trong vụ này cũng không tính được, nhưng cũng không ít hơn số người chết vì bị bức hại. Các "tiểu tướng" trong "cách mạng văn hoá" đã từng làm loạn một thời, vì đủ các phong trào, và những tưởng sẽ học được chút gì, làm được chút gì, nhưng thực tế lại bỏ lỡ chuyện học hành, bỏ phí cả tuổi thanh xuân. Ổn định áp đảo tất cả thật vô cùng đúng đắn! Đương nhiên, dù ổn định thực sự, an toàn dài lâu thì vẫn cần phải kiên trì một cách toàn diện đường lối cơ bản của Đảng, trong đó đặc biệt quan trọng là lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm. Nhân dân cả nước toàn tâm toàn ý xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa, một nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa giàu mạnh phồn vinh thì ai có thể làm loạn được? Kinh tế phát triển, đời sống cải thiện, mọi người đều làm việc có lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội và đều mong mỏi được hưởng thụ cuộc sống tốt đẹp, hưởng thụ cuộc đời hạnh phúc thì dù ai đó muốn làm loạn cũng không thể làm được.

Do đó muốn "trị loạn cứu ổn", duy trì đoàn kết yên ổn cho Trung Quốc, điều căn bản nhất là kiên trì một cách toàn diện đường lối của Đảng, không dao động, cũng không thay đổi.

Thắng lợi của cách mạng và thành tựu trong xây dựng của Trung Quốc là một kỳ tích, Khởi đầu khi thành lập Đảng chỉ có 53 người, trải qua bao phen thử thách, chết đi sống lại, mà 28 năm sau đã giành được chính quyền, trong toàn quốc. Tới nay, trải qua hơn 50 năm cầm quyền, tuy gặp không ít phong ba bão táp và vấp ngã, nhưng con đường đi tới càng ngày càng rộng mở, thành tựu đạt được ngày càng lớn. Người nghi ngờ và chống lại Đảng, muốn làm lung lay sự lãnh đạo của Đảng không phải là không có, nhưng e rằng ngay bản thân họ cũng cảm thấy việc thay thế đó là không thể có hy vọng.

Kỳ tích này trên thực tế cũng không phải là quá thần kỳ. Nước Trung Quốc cũ chia năm xẻ bảy, ai có thể tự đoàn kết và đoàn kết được nhiều người, có tổ chức chặt chẽ nhất, có sức sống nhất sẽ giành thắng lợi. Đảng Cộng sản Trung Quốc có lý tưởng, có trách nhiệm, kỷ luật nghiêm minh vì nhân dân phục vụ, đoàn kết năm châu bốn biển, khẩn trương nghiêm túc, sống động, không sợ khổ, không sợ chết, thực sự cầu thị, có quyết tâm đạp bằng mọi khó khăn hiểm nguy, tất nhiên cũng sẽ giành được thắng lợi cuối cùng. Nước Trung Quốc mới thành lập, toàn dân hy vọng an cư lạc nghiệp, giàu có, dân tộc đoàn kết, tổ quốc thống nhất, giàu mạnh văn minh, dân chủ, dựa vào luật pháp…tất cả đều trông mong vào Đảng Cộng sản. Đặng Tiểu Bình nói rất tự tin rằng: "ở một nước lớn như Trung Quốc, muốn thống nhất tư tưởng và sức mạnh của vài trăm triệu người lại để xây dựng xã hội chủ nghĩa, nếu không có được một Đảng do những đảng viên có tính tự giác cao độ, tính kỷ luật và tinh thần tự hy sinh tổ chức nên, có thể thực sự đại diện cho khối đoàn kết nhân dân và nếu không có được sự lãnh đạo thống nhất của một Đảng như vậy thì hoàn toàn không thể làm được và đất nước sẽ bị chia năm xẻ bảy ngay". "Sự đoàn kết của nhân dân, sự ổn định của xã hội, sự phát triển của dân chủ, sự thống nhất của đất nước đều phải dựa vào sự lãnh đạo của Đảng". Đồng thời, ông cũng tỉnh táo nhận ra rằng giữa việc xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa và cách mạng vũ trang cướp chính quyền khác nhau rất lớn, do đó ông đã nói: "Vấn đề là Đảng phải biết lãnh đạo, không ngừng hoàn thiện sự lãnh đạo mới có thể tăng cường lãnh đạo được".

Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình và bất kỳ ai đều không phải là thần thánh. Tác dụng của họ chỉ thông qua Đảng mới phát huy được; lòng tin, lý tưởng, trách nhiệm, trí tuệ, tài năng và thành công của họ đều phải thông qua Đảng mới thực hiện được. Nguyên lý thành công của họ, về căn bản và lớn nhất là phải nắm vững và xây dựng Đảng cho thật tốt, phát huy tốt nhất tác dụng lãnh đạo của Đảng. Ông trích dẫn lời Lưu Bá Thừa nói năm 1942: "Xa rời Đảng thì những người như chúng ta sẽ chẳng làm được gì". Đặng Tiểu Bình còn nói:

Những việc của Trung Quốc có làm tốt được không, xã hội chủ nghĩa và cải cách mở cửa có kiên trì được không, kinh tế có phát triển nhanh hơn được không, nhà nước có yên ổn lâu dài được không xét về mặt ý nghĩa nhất định thì

mấu chốt là ở con người. Trung Quốc nếu xảy ra vấn đề thì sẽ xảy ra chính trong nội bộ Đảng. Phải tỉnh táo đối với vấn đề này, cần chú ý bồi dưỡng con người, cần lựa chọn người tài đức theo tiêu chuẩn: "Cách mạng hoá, trẻ hoá, trí thức hoá, chuyên nghiệp hoá" vào các vị trí. "Chúng ta nói phải quản lý đường lối cơ bản của Đảng trong hàng trăm năm, muốn ổn định lâu dài phải dựa vào điều này, thực sự liên quan đến đại cục cũng chính là việc này". "Nay cần phải tiếp tục chọn người, chọn các đồng chí trẻ hơn để bồi dưỡng". "Khi họ trưởng thành, chúng ta sẽ yên tâm. Hiện nay (1992) vẫn chưa yên tâm. Nói cho cùng, mấu chốt là nội bộ Đảng phải làm tốt không để xảy ra việc thì có thể ngủ ngon được".

Có thể nói, việc Đặng Tiểu Bình cho rằng "việc thực sự liên quan đến đại cục" chính là việc ông quan tâm nhất trong những năm cuối đời.

Năm 1975, Chu Ân Lai, khi đang bị bệnh nặng đã đề cử Đặng Tiểu Bình 71 tuổi thay ông giải quyết công việc hàng ngày của Đảng, đã được Mao Trạch Đông phê chuẩn. Vương Hồng Văn người 40 tuổi liên tục chờ đợi để làm người kế tục, đã căm giận nói: "10 năm sau hãy xem". Câu nói này đã gây cho Đặng Tiểu Bình chấn động rất lớn. Lúc ấy, ông đã nói chuyện này với Lý Tiên Niệm: 10 năm sau chúng ta sẽ trở thành người như thế nào đây? Về tuổi tác mà nói, chúng ta không thể đấu lại với họ được nên câu trả lời duy nhất là phải xây dựng được đội ngũ kế tiếp. Do vậy ông đã nói: Trách nhiệm đầu tiên của các đồng chí già là gì? Đó là phải lựa chọn cẩn thận lớp người kế tiếp. Chọn đúng chọn tốt người kế tiếp, chúng ta sẽ trao cho họ, công việc của cả đời coi như tương đối ổn rồi. Các công việc hàng ngày khác đều xếp sau nó. Việc đầu tiên là lựa chọn được lớp kế tiếp".

Đặng Tiểu Bình đã tập trung tinh lực rất lớn, vận dụng trí tuệ cao độ cho việc chọn người, dùng người, bồi dưỡng người kế cận và có những cống hiến to lớn cho việc "cách mạng hoá, trẻ hoá, trí thức hoá, chuyên nghiệp hoá" đội ngũ cán bộ của Trung Quốc. Ông cũng đóng góp to lớn vào việc giữ ổn định lâu dài và kiên trì sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc.

Những người trẻ tuổi hôm nay và ngày mai có lẽ rất khó hiểu được việc: một ông già hơn 80 tuổi tự rút lui khỏi cương vị lãnh đạo và cương vị công tác lại là một việc rất khó khăn và có lực ảnh hưởng cực kỳ sâu xa.

Sau Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 tháng 12 năm 1978 Đặng Tiểu Bình trở thành hạt nhân của thế hệ lãnh đạo thứ hai. Ngày 5 tháng 9 năm 1988 ông thổ lộ: "Sau Hội nghị Trung ương 3 khoá 11, mọi người hy vọng tôi làm Tổng Bí thư và Chủ tịch nước, nhưng tôi đều từ chối". Vì sao và hạt nhân mà lại từ chối các chức vụ lãnh đạo cao nhất? Ngày 16 tháng 6 năm 1989, trong một lần ông nói chuyện về việc xây dựng tập thể lãnh đạo mới trong Hội nghị Trung ương 3 khoá 11: "Tôi luôn luôn suy nghĩ tới vấn đề sắp xếp người kế cận".

Đặng Tiểu Bình sinh năm 1904, trong vấn đề trên, xét từ góc độ tuổi tác là hợp tình hợp lý. Nhưng sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc lúc đó mới bắt đầu, một hạt nhân lãnh đạo, một nhà sáng tạo như ông nói tới chuyện đó đâu có dễ!

Vạn Lý nhớ lại. Trước khi họp Hội nghị Trung ương 3 khoá 11 lúc đó "khoán sản tới hộ" và việc chia ruộng đều được coi là "thụt lùi" và văn kiện của trung ương quy định rõ ràng là: "không cho phép". Lúc đó, Bí thư thứ nhất Tỉnh uỷ An Huy là Vạn Lý muốn trong Hội nghị Trung ương 4 bỏ cụm từ "Hai không cho phép" trong văn kiện của trung ương. Đầu tiên, ông đến gặp những đồng chí chịu trách nhiệm thảo văn kiện, nhưng không được họ đồng ý. Ông đến gặp Hồ Diệu Bang và trịnh trọng nêu vấn đề: "Trong văn kiện không nên viết không cho phép "khoán sản tới hộ?". Hồ Diệu Bang nói: "Các đồng chí viết văn kiện không đồng ý để tôi đi xem sao". Căn cứ vào những điều được biết sau đó, trước khi văn kiện được công bố chính thức, đồng chí Triệu Tử Dương đã căn cứ vào ý kiến của tôi và tham khảo các ý kiến phản đối đã sửa "hai không cho phép thành "một không cho phép" và "một không cần". Khoán sản tới hộ" từ chỗ "không cho phép" đến "không cần phải". Vạn Lý nói, điều đó đã mở hé ra cho "khoán sản tới hộ" một lối đi nhỏ, thế "Nhưng mâu thuẫn chưa hoàn toàn được giải quyết" Năm 1980, Vạn lý được điều về Trung ương công tác, phụ trách nông nghiệp. Ông nói với Hồ Diệu Bang: "Trung ương quyết định quy định không cần phải khoán sản tới hộ, chúng tôi ủng hộ yêu cầu chính đáng của nông dân, nhưng luôn bị coi là "vi phạm kỷ luật, phạm pháp", như vậy là không được?". Sau đó, tháng 5 năm 1980, Đặng Tiểu Bình đã phát biểu nhiệt tình ca ngợi việc khoán sản tới hộ ở Phò Tây và Phượng Dương của An Huy. Vạn Lý nhớ lại: "Tình hình sau đó có chuyển

biến tốt, nhưng vẫn còn nhiều điều ong tiếng ve, cuộc tranh luận mang tính toàn quốc vẫn diễn ra không ngừng; một số người phản đối lại là người có quyền lực, nếu họ không đồng ý thì ta không thể làm được. Vậy là lại hội họp, lại thảo luận, "không tranh luận, cho phép nhìn", cũng là cho phép làm, "lối đi nhỏ" đã được mở thành "lối đi lớn". Cuối cùng, đến đầu năm 1982, việc khoán sản tới hộ mới chính thức hợp pháp hoá. Từ đó có thể suy ra rằng, khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa, dù cho họ đứng vững được, hoàn toàn hợp pháp và rất ưu tú thì những người kế cận đó trong ba bốn năm, thậm chí bảy tám năm, hoặc mười năm sau cũng khó mà kế tục được.

Đặng Tiểu Bình vẫn quyết tâm giải quyết nhanh chóng nhất vấn đề người kế cận. Tháng 11 năm 1979, trong Hội nghị từ cấp thứ trưởng trở lên thuộc các cơ quan Quân chính Đảng, ông nói: "Nếu trong ba hoặc năm năm tới, chúng ta không giải quyết được vấn đề này thì 10 năm sau không biết chuyện gì sẽ xảy ra, là cán bộ già chúng ta sẽ mắc nợ Đảng và nhân dân".

Năm 1980, Đặng Tiểu Bình từ chức Phó Thủ tướng Quốc vụ viện, và tiết lộ kế hoạch từ năm 1985 sẽ chỉ làm cố vấn. Ông nói với một phóng viên nước ngoài: "Xin phóng viên hãy lưu ý cho, tôi năm nay 76 tuổi, tới năm 1985 sẽ 81 tuổi, bộ óc của người ngoài 80 tuổi sẽ không hoạt động như trước nữa; ngoài ra, người già hay bảo thủ, cho nên tốt nhất là hãy để chúng tôi phát huy tác dụng trong vai trò cố vấn". Đương nhiên đó chỉ là nguyện vọng, thực hiện được hay không còn tuỳ tình hình. Ngoài ra ông còn nói: "Tôi có và người bạn cùng thời với nhau, vì họ không muốn tôi từ chức, nên tôi nói rằng thế cũng được, để xem xem khi tôi 81 tuổi sẽ ra sao. Nhưng tôi nói thêm rằng, nếu nghỉ trước 81 tuổi tốt hơn. Cần phải xuất phát từ điểm này, muốn làm gương được, tôi cũng cần phải làm như vậy". Ông còn căn cứ vào bài học lịch sử và xã hội quốc tế mà sáng suốt nói: "Người ta thường phát chán những người già mà tới khi sắp chết vẫn còn ở yên vị trí và cả những người lãnh đạo theo chế độ làm việc suốt đời! Chẳng cuốn sách nào viết phải cho người già lãnh đạo và người lãnh đạo phải lãnh đạo suối đời cả".

Từ sau đó, Đặng Tiểu Bình đã bắt đầu "cố gắng làm ít việc đi" Về việc này, ông đã nói trong Hội nghị uỷ ban cố vấn Trung ương ngày 22 tháng 10 năm

1984: "Phương pháp của tôi là cố gắng làm ít việc thôi, nó có mấy điểm lợi sau: một là có thể sống thêm được vài tuổi, hai là để cho các đồng chí trẻ hơn làm nhiều việc hơn bởi họ tinh lực dồi dào, làm tốt hơn tôi. Tôi muốn dần dần rút ra, tới lúc hoàn toàn không phải làm việc nữa nhưng sức khoẻ vẫn tốt, như vậy là đã hoàn thành nhiệm vụ rồi. Nay xem ra vẫn còn phải làm một chút việc nữa. Năm ngoái tôi chỉ làm có một việc: Chống lại các phần tử phạm tội hình sự. Năm nay lại phải làm hai việc, một là từng bước mở cửa l4 thành phố ven biển và hai là dùng phượng thức "một nước hai chế độ" để giải quyết vấn đề Hồng Kông. Những việc khác là do người khác làm".

Năm 1987, Đặng Tiểu Bình rút khỏi chức uỷ viên Trung ương Đảng, Uỷ viên ban Cố vấn, chỉ làm Chủ tịch Quân uỷ Trung ương. Tháng 11 năm 1989 ông rút khỏi nốt chức vụ này. Cuối cùng, ông đã thực hiện được nguyện vọng của mình.

Rút lui khỏi cương vị lãnh đạo khi còn khoẻ mạnh, nhưng không hoàn toàn rút ra khỏi sự nghiệp của Đảng và nhân dân. Hơn hai năm sau, ông lại viết nên một chương sử mùa xuân huy hoàng trong lịch sử Trung Quốc: Nếu không có những nét bút vô cùng sắc sảo của ông thì sự nghiệp lớn cải cách mở cửa của Trung Quốc khó có thể coi là đã định hình được cục diện, và cuộc đời ông cũng chưa thể tròn vẹn được.

Người ta ai cũng phải nghỉ, sự sáng suốt của ông không phải ở chỗ lui ra mà là ở chỗ lui ra nghỉ một cách thành công, thuận lợi. Sau mỗi bước rút lui của ông thì sự nghiệp do ông sáng tạo lại tiến lên thêm một bước. Trí tuệ thật uyên thâm, chất nghệ thuật thật tuyệt diệu.

Nói tóm lại, ông lui để tiến, để thúc đẩy tốt hơn sự nghiệp cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc, cũng là vì sự ổn định lâu dài và nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa ngàn năm của Trung Quốc. Chiến lược lui để tiến này khác xa với cái lui để tiến trong võ thuật, nó có lợi cho Đảng, cho nước, cho dân và đã được lịch sử kiểm nghiệm. Không ít nhà chính trị cũng đã luyện được bài võ đó, nhưng là để đạt tới mục đích nắm giữ quyền lực suốt đời. Chính những người đó đã gây hại lớn cho dân cho nước và cho tổ chức mà họ đại điện, đồng thời cũng tổn hại đến thanh danh của họ. Tưởng Giới Thạch là một người như vậy, cuối cùng ông ta phải chạy ra Đài Loan.

Sự rút lui thành công của Đặng Tiểu Bình còn ở chỗ, ông thực sự rút lui từ "cố gắng làm ít việc một chút" "từng bước quá độ đến hoàn toàn không làm việc nữa". Từ năm 1983 đến 1985 là cao trào thứ hai của cải cách mở cửa, tức là cải cách từ nông thôn đến thành thị, tiến hành một loạt cải cách trên các mặt công nghiệp thương nghiệp và thể chế quản lý kế hoạch hoá, người ta gọi là cách mạng đô thị". Đặng Tiểu Bình nói: trong hai năm 1983 và 1984 ông chỉ làm ba việc, còn những việc khác là do người khác làm, có một nhà văn đã cho rằng: "trong việc cải cách đô thị, Đặng Tiểu Bình chẳng có tác dụng là bao". Năm 1992, sau chuyến đi thăm miền Nam, Đặng Tiểu Bình còn xuất hiện hai lần vào Tết năm 1993 và 1994. Mọi người hỏi thăm sức khoẻ, mong ông nói thêm một chút gì đó, nhưng quả thực trong 5 năm cuối đời của mình, ông không hề làm gì cả. Với người thường thì việc đó cũng rất bình thường. Nhưng trong đất nước xã hội chủ nghĩa, một nhà lãnh đạo cao nhất có hơn 70 năm công tác lại nhiều năm ở địa vị tột đỉnh mà cuối đời có 8 năm hoàn toàn rút lui khỏi mọi chức vụ và 5 năm hoàn toàn không quản lý bất kỳ việc gì, thì Đặng Tiểu Bình quả là người số một! Điều này tưởng đơn giản nhưng ý nghĩa lại vô cùng sâu xa. Đặng Tiểu Bình đã nói: "Nếu không nghỉ hưu, mà cứ để đến tận khi mất vẫn còn ở cương vị công tác thì thế giới sẽ bình luận, thật khó mà ai biết được. Nếu như tôi nghỉ hưu, thực sự không làm việc, người vẫn còn đó sẽ lại có thể có chút tác dụng. "Thực sự không làm việc", thì đường lối cơ bản của Đảng, sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc cuối cùng ra sao, cuối cùng phải làm thế nào mới nhìn rõ được, tất cả những điều đó là nhờ ở sự tự giác chấp hành đường lối cơ bản của Đảng chứ không phải được xây dựng trên quyền lực của cá nhân. "một chút tác dụng" đó thật không nhỏ chút nào!"

Sự rút lui thành công của Đặng Tiểu Bình đương nhiên còn có liên quan đến nghệ thuật chính trị mà rất nhiều người có thể không biết được.

Vấn đề thời cơ. Ngày 4 tháng 9 năm 1989 là ngày Đặng Tiểu bình chính thực đệ đơn xin từ chức lên Bộ Chính trị. Ông nói: "Tôi đã hạ quyết tâm nghỉ mấy năm nay rồi. Tôi đã mấy năm đề nghị và rất thật lòng. Nay xem ra phải chờ tới lúc thích hợp mới nghỉ được, mà chờ mãi không được vì mỗi lần đều có một nhân tố mới để nói không thể rút ra được. Đại hội 13 tôi đã rút ra được một nửa,

nhưng tôi cho rằng nếu rút ra hoàn toàn thì tốt nhất". Hiện nay, đối với các đồng chí mới được bầu trong Hội nghị Trung ương 4 và những hoạt động trong giai đoạn này của Ban lãnh đạo mới, tình hình trong và ngoài nước ít nhất là cũng rất bình ổn, điều đó đã chứng minh rằng Ban lãnh đạo mới của chúng ta đã có thể đủ khả năng giành được tín nhiệm của nhân dân và quốc tế... Đây là một thời cơ".

Về các bước đi: Bắt đầu từ khi từ chức Phó Thủ tướng năm 1980 đến khi thăm miền Nam năm 1992 và tiếp kiến các đại biểu của Đại hội 14, Đặng Tiểu Bình đã phải chờ tới 12 năm trời mới có thể rút ra hoàn toàn. Điều này hiển nhiên là phải làm từng bước và thu xếp rất ổn thoả. Ví dụ, ngày 4 tháng 9 năm 1989, khi chính thức đệ đơn xin nghỉ, ông đã thẳng thắn nói "Những vấn đề đặc biệt lớn" ông vẫn phải quản. "Vấn đề đặc biệt lớn" qua các tư liệu công khai cho thấy, đó là những vấn đề đường lối cơ bản của Đảng các kế hoạch 5 năm, 10 năm v.v... Mở cửa Phố Đông và đặc khu kinh tế, báo cáo chính trị trong Đại hội 14, các uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị, vấn đề Đài Loan, các vấn đề quốc tế quan trọng và đặc biệt là vấn đề quan hệ Trung - Mỹ. Ông cũng rất quan tâm đến tốc độ phát triển kinh tế và đã theo dõi từng bước rất chặt chẽ. Trong các bài nói chuyện khi đi thăm miền Nam, phần chủ yếu là ông nhắc tới tốc độ phát triển. Đó cũng là một biểu hiện nổi bật của tinh thần làm việc thực sự, ý thức về thời cơ, ý thức lấy kinh tế làm trung tâm mà tiêu chuẩn là sức sản xuất, ý thức về tiến bộ khoa học kỹ thuật của ông.

Thực sự cầu thị, không cầu hư danh. Trong văn hoá truyền thống của Trung Quốc, rút lui cũng là một đạo đức đẹp, một thanh danh tốt. Trên thực tế, Đặng Tiểu Bình vẫn lãnh đạo liên tục đến tận Đại hội 14, điều này không thể nói là không có điều tiếng gì, cũng không loại trừ có người không vui, và thực tế có người còn công khai kháng nghị nữa. Nhưng cũng giống như trong thời gian chiến tranh "Trăm vạn hùng binh vượt sông lớn", theo quy luật tự nhiên, ông rất có thể không nhìn thấy được việc thực hiện mục tiêu chiến lược của bước thứ ba, nhưng ông vẫn quyết tâm làm, vận dụng mọi khả năng để làm cho sự nghiệp lớn cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc ổn định hơn. Thực tiễn cho tới nay đã chứng minh rằng, nếu như năm 1989 và 1992

Đặng Tiểu Bình không quyết đoán đứng ra nắm việc này thì tình hình Trung Quốc thực sự cũng rất khó hình dung. Cả cuộc đời ông, từ năm 1925, khi ở nước Pháp được biết "Đoàn thể không có tổ chức Trung ương" đã dũng cảm đứng ra, cho tới cuộc khảo sát miền Nam có phần nằm ngoài dự tính của nhiều người năm 1992, tinh thần tích cực chủ động và dám chịu trách nhiệm đã thể hiện không biết bao nhiêu lần. Điều này đã khiến ông phải "Ba lần lên" "Ba lần xuống" để cuối cùng trở thành con người vĩ đại, người khổng lồ một thời.

Đặng Tiểu Bình thực sự cầu thị, không cần hư danh, không bao giờ khoe khoang về mình mà có ý thức chỉ hơn "bình thường chút ít". Đó cũng là bí quyết thành công của ông.

Từ sau khi được phục hồi năm 1977, ở Trung Quốc người ta luôn coi ông là người số 1. Năm 1975 thăm Nhật, năm 1979 thăm Liên Xô, ông đều đi với tư cách chính thức là Phó Thủ tướng, nhưng cả hai nước vẫn tiếp đón ông như một nguyên thủ quốc gia. Năm 1992, khi tới miền Nam, ông không hề có nhiệm vụ gì cả cũng không có đồng chí Trung ương nào đi cùng, mãi năm hôm sau, Chủ tịch nước Dương Thượng Côn mới gặp ông ở Thâm Quyến và cùng đi với ông với tư cách một người bạn già đã hơn 60 năm làm việc với nhau. Nhưng nhân dân và Trung ương Đảng, đứng đầu là Giang Trạch Dân đã hành động ngay, đưa tinh thần những bài nói chuyện cuối cùng của ông vào ngay Đại hội 14 của Đảng.

Khác với rất nhiều các bậc vĩ nhân đức cao vọng trọng, được sử xanh ghi lại mãi không phai mờ, Đặng Tiểu Bình lại vô cùng lo lắng vì vai trò quá lớn của mình trong cải cách mở cửa, ông hy vọng mình có thể "từ từ biến mất" và thành khẩn nói: "Biến mất là tốt!"

Đặng Tiểu Bình vốn còn được gọi bằng các tên khác như "Tiên thánh Duy Hiền" hoặc "Đặng Bân" văn võ song toàn, rất phi phàm. Nhưng cuối cùng vẫn là cái tên ông tự đặt "Tiểu Bình". Nói chung trừ một lần được gọi là "Sự kiện Đặng, Mao, Tạ, Cổ" tên ông được xếp đầu tiên ra, còn phần lớn tên ông luôn được xếp ở vị trí thứ hai, thứ ba hoặc dưới nữa. Ông đã phát biểu quan điểm của mình về vấn đề này: "Tôi có một quan điểm, nếu có một Đảng, một nước chỉ gửi gắm hy vọng vào danh tiếng của một hai người điều đó thật không lành mạnh.

Như vậy chỉ cần người đó có biến động sẽ xuất hiện mất ổn định ngay. "Người ta ai cũng phải chết". Một ngày nào đó tôi không còn nữa, Trung Quốc sẽ tự mất linh hồn. Cách nhìn nhận như vậy là không tốt". "Đó không phải là do tôi khiêm tốn hay vì một lý do gì khác. Nay xem ra vai trò của tôi nặng nề quá sẽ không lợi cho đất nước, cho Đảng, sẽ có ngày trở nên rất nguy hiểm, trên thế giới rất nhiều nước đã đặt chính sách đối với Trung Quốc vào việc tôi ốm hoặc chết đi. Nhiều năm nay, tôi đã ý thức được điều đó. Vận mệnh một nước được xây dựng trên tiếng tăm của một, hai người là rất không lành mạnh, rất nguy hiểm; không có việc xảy ra thì không sao, nếu có thì khó có thể dẹp nổi". Để giải quyết lo lắng trên, ông không chỉ nói mà đã dùng tới một loạt các biện pháp thiết thực và đạt được hiệu quả rất rõ ràng. Từ sau cải cách mở cửa, người ta tôn trọng ông, nhưng cũng có người chửi bới, chế nhạo ông, nhưng nói chung, thái độ đối với ông vẫn tương đối "Bình". Trong lịch sử Đảng, "Lưu Đặng đại quân" vẫn là "Lưu Đặng đại quân", "Đường lối Lưu Đặng" vẫn là "Đường lối Lưu Đặng", "Mao - Chu- Đặng vẫn là "Mao - Chu - Đặng. Trong thời kỳ mới, người ta lớn tiếng chào: "Tiểu Bình. Xin chào ông", lời bài hát cũng được viết "Có một ông già", tên gọi tôn trọng là "Tổng công trình sư". Như vậy, ông không hề mất đi, mãi mãi không mất đi, nhưng khi xa ông, mọi người đều rất bình tĩnh, mấy năm qua rồi mà vẫn rất yên ả. Trước khi Đặng Tiểu Bình rút ra hoàn toàn, hầu như mọi người đều hỏi, sau Đặng Tiểu Bình liệu chính sách cải cách mở cửa của Trung Quốc có thay đổi không? Sau khi ông nghỉ, hầu như ai cũng đều nghĩ, biện pháp cải cách mở cửa trong bước tiếp sau của Trung Quốc sẽ là gì? Điều này đã có hết rồi, "Có được đều này, Trung Quốc sẽ có hy vọng lớn".

CHƯƠNG 11

CÁNH TAY VÀ ĐÔI VAI CỦA NGƯỜI KHỔNG LỒ

Rất khó có người được như Đặng Tiểu Bình, đã từng sánh vai với rất nhiều người khổng lồ, nhưng bất kỳ ai đều có thể tiếp thu trí tuệ của họ, đều cần biết học tập, biết hợp tác, nhất là học tập những người ưu tú cạnh mình và hợp tác thật tốt với họ. "Cổ phần". Bavet đã từng nói với sinh viên đại học Washington rằng, cần phải có "người khâm phục nhất" của mình và cần biết vì sao là khâm phục họ. Khi ra trường tham gia công tác "cần làm việc"trong một tổ chức mà ở đó có người bạn rất khâm phục, vì như vậy sẽ làm bạn phấn khởi". Ông còn nói rất hóm hỉnh khi "lựa chọn" người mà mình khâm phục nhất, thì "chớ nên ghi tên mình vào đó". Đây có lẽ là một sách lược cơ bản chung của những người thành công.

Chu Ân Lai là người dẫn đường cho Đặng Tiểu Bình tham gia cách mạng. Cuối năm 1921, Chu Ân Lai, Triệu Thế Viêm cùng một số người khác đã bắt đầu sáng lập tổ chức thanh niên cộng sản tại Pháp. Mãi tới tháng 2 năm 1922, tổ chức này mới chính chức thành lập tại một bãi trống trong khu rừng ngoại ô phía tây thủ đô Pa-ri của Pháp và Chu Ân Lai là một trong số các lãnh tụ chủ yếu (Tổ chức này lúc đó được gọi là "Tổ chức Cộng sản của những thiếu niên Trung Quốc ở Châu Âu" gọi tắt là "Thiếu cộng". Ít lâu sau, Đặng Tiểu Bình chịu ảnh hưởng của những người lãnh đạo "Thiếu Cộng" đi trước, như Bí thư Triệu Thế Viên và Vương Nhược Phi, đã tham gia vào "Thiếu Cộng".

Công việc đầu tiên sau khi tham gia cách mạng của ông là ở Ban biên tập báo "Thiếu niên", tờ báo của cơ quan "Thiếu Cộng năm 1924 đổi tên thành "Xích quang" - đặt tại nhà số 17 đường Gautefuoa khu 13 của Pa-ri, lúc đầu ông phụ trách khắc chữ và in, năm 1924 phụ trách biên tập. Người phụ trách biên tập đầu

tiên là Chu Ân Lai, còn Đặng Tiểu Bình trong thời gian đó chủ yếu là người viết bản thảo. Ví dụ như từ kỳ 1 đến kỳ 10, trên "Xích quang" đã đăng hơn 30 bài phát biểu nổi tiếng của Chu Ân Lai. Trong thời kỳ này, ông và Chu Ân Lai cùng ở trong một gian phòng nhỏ, ông vừa khắc chữ, in và biên tập những bài viết của Chu Ân Lai, sự ảnh hưởng thời trai trẻ thật khó có thể đo được. Thật may cho ông, vừa mới tham gia cách mạng đã được bắt tay với một người khổng lồ và sống cùng ông ấy một thời gian tương đối dài, luôn gắn với ông ấy. Sự may mắn đó giúp ích rất lớn cho sự trưởng thành của ông. Ngày nay người ta rất trọng những trường học danh tiếng, mà một nguyên nhân quan trọng là ở đó tập trung rất nhiều nhân tài ưu tú, nên những ảnh hưởng của họ có tác dụng thúc đẩy quan trọng cho thành công của con người. Mặt khác, cũng còn thấy rằng, đây vừa là vận may lại vừa là thử thách khắc nghiệt. Vì ở bên cạnh người khổng lồ hay những người tài năng ưu tú, nếu mình bất tài, bình thường, hoặc chỉ có chút tài mọn, chút thông minh thì rất dễ bị che lấp. Cho nên không phải ai vào được trong vòng của những tài năng là đã thành công. Nơi nào càng nhiều người tài thì sự thách thức càng lớn, sự đào thải càng mạnh hơn. Lần đầu tiên khi tới với Chu Ân Lai, ông đã được gọi bằng cái tên đẹp là "Tiến sĩ in lito", sau đó mới trở thành một trong những người lãnh đạo của tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản. Như vậy chứng tỏ rằng, ông đã trải qua thử thách một cách thuận lợi, đứng được và đứng vững bên cạnh người khổng lồ.

Một thời kỳ quan trọng khác mà ông được gần với Chu Ân Lai từ tháng 1 năm 1928 đến tháng 7 năm 1929. Tháng 12 năm 1927 Đặng Tiểu Bình nhận chức Chánh Văn phòng Trung ương Đảng. Về sau khi khuyên các cán bộ già cần tin và khuyến khích lớp trẻ mạnh dạn làm, ông đã nhiều lần lấy việc này ra làm ví dụ, ông nói: khi mình mới 23 tuổi đã làm "quan lớn", chẳng hiểu nhiều mà vẫn làm tốt. Từ tháng 1 năm 1928, lãnh đạo vị "quan lớn" này là một vị “quan” còn lớn hơn, đó chính là Chu Ân Lai. Lúc ấy, Chu Ân Lai là Uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị Trung ương Đảng kiêm chủ nhiệm Ban Tổ chức, chủ trì công việc hàng ngày của trung ương. Lúc đó các sự vụ ở Trung ương không nhiều lắm, nhưng rất phức tạp và đặc biệt nguy hiểm. Công tác, sự an toàn của các đồng chí lãnh đạo và các đồng chí trong Đảng, các đồng chí trong khu Xô viết, trong khu trắng, các đồng chí trong hàng ngũ địch, các văn kiện, điện báo và các mặt khác

như giao thông, kinh phí, nơi ở, điểm liên lạc... vốn đã cực kỳ phức tạp, cộng với vấn đề an toàn là khâu quan trọng nhất thì một người bình thường khó mà ứng phó nổi. Về sau, hoạt động của cơ quan Trung ương bị phá hoại nghiêm trọng, buộc phải chuyển về các khu xô viết, mà nguyên nhân chủ yếu là xuất hiện sự phản bội trong tầng lớp lãnh đạo và đường lối tả khuynh. Đặng Tiểu Bình, một người còn rất trẻ, không những giải quyết công việc rất ổn thoả mà còn thường xuyên chuyện trò với các đồng chí khác, và kết hôn với một em gái rất xinh đẹp. Ông đã được Chu Ân Lai và các đồng chí có tuổi rất yêu quí và tin tưởng, trên cương vị đó đã kết giao được với rất nhiều các nhân vật quan trọng trong Đảng.

Hạ tuần tháng 10 năm 1975, trước khi lên bàn mổ, Chu Ân Lai hỏi: "Đặng Tiểu Bình đã tới chưa?" Đặng Tiểu Bình vội đến bên Thủ tướng. Chu Ân Lai nắm tay ông và nói: "Năm nay đồng chí làm rất tốt, tốt hơn tôi nhiều...". Hai ông có mối quan hệ kế thừa sâu sắc. Nhưng ở một số mặt, Đặng Tiểu Bình lại khác xa với Chu Ân Lai. Chu Ân Lai rất cầu toàn, còn Đặng Tiểu Bình lại có cốt cách ngược", mỗi cốt cách có một tác dụng của nó, vì không cầu toàn nên ông mới chịu "Ba lần lên" ba lần xuống", nếu không có cốt cách đó thì đường lối sai lầm khó có thể sửa chữa được. Sự khác nhau giữa hai ông còn có một nguyên nhân quan trọng là Chu Ân Lai liên tục công tác ở cơ quan, còn Đặng Tiểu Bình độc lập công tác trong thời gian dài ở ngoài. Đặng Tiểu Bình từ một chánh văn phòng đã được Chu Ân Lai đề cử trở thành một vị tướng. Khoảng tháng 7, 8 năm 1929, đích thân Chu Ân Lai chọn và quyết định Đặng Tiểu Bình đại diện cho Trung ương tới Quảng Tây lãnh đạo công tác quân sự, để từ đó ông bước những bước đi đầu tiên trong công tác quan trọng nhất lúc bấy giờ: Công tác quân sự.

Không đầy nửa năm, ông trở về Thượng Hải, vào tháng 1 năm 1930, ông đã giao cho Trung ương và Chu Ân Lai một phương án khiến mọi người kinh ngạc: Quyết định thành lập Quân đoàn 7 Hồng quân từ các lực lượng vũ trang đã có từ trước. Lúc đó, Chu Ân Lai chủ trì công tác Quân uỷ Trung ương đã chỉ ra rằng, tình thế của Quảng Tây thích hợp cho cách mạng phát triển nhưng cũng là nơi cho lực lượng phản cách mạng tồn tại, "tình hình không được lạc quan lắm" và đã ra một số chỉ thị cụ thể cho Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình quay lại Quảng

Tây đảm nhận chức Chính uỷ Quân đoàn 7 và sau đó là Tổng chính uỷ của Quân đoàn 7 và 8. Một lần nữa, cánh tay của người khổng lồ lại đưa ông đến một cương vị lãnh đạo then chốt quan trọng. Việc sáng lập và lãnh đạo Quân đoàn 7 Hồng quân vượt hơn một vạn dặm đường từ Quảng Tây chuyển tới khu Xô viết Trung ương là bước quan trọng nhất trong cuộc đời cách mạng của ông. Nếu không có bước đi này thì việc ông có trở thành chính uỷ Sư 129 và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên cương vị đó hay không cũng rất khó đoán.

Tháng 5 năm 1933, Đặng Tiểu Bình bị "hạ bệ lần thứ nhất", nhưng nhờ sự can thiệp mạnh mẽ của Vương Gia Tường, lúc đó là Phó Chủ tịch Quân uỷ Trung ương kiêm Chủ nhiệm Tổng bộ chính trị, ông mới được từ nơi "rèn luyện lao động" trở về công tác ở Tổng bộ. Sự can thiệp thành công của Vương Gia Tường chủ yếu không phải ở quyền lực của ông, mà là do ông với Bác Cổ - người chủ trì công tác Trung ương lúc đó là bạn học cũ với nhau, nên Đặng Tiểu Bình không phải "rèn luyện lao động" mà vẫn được trọng dụng. Mãi tới tháng 1 năm 1935 trước khi có hội nghị Tuân Nghĩa, Đặng Tiểu Bình mới được trọng dụng trở lại và một lần nữa trở thành Chánh Văn phòng Trung ương. Trong ban lãnh đạo được hình thành từ Hội nghị Tuân Nghĩa, quan trọng nhất và tổ lãnh đạo quân sự, gồm ba người và Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Vương Gia Tường, đứng đầu là Mao Trạch Đông lập ra. Lúc đó, Mao Trạch Đông rất ít trực tiếp quan hệ với Đặng Tiểu Bình. Khi Đặng Tiểu Bình được tiếp tục trọng dụng và trở thành một trong những vị thống soái ba đại quân chủ lực của Bát lộ quân, thì đương nhiên quyết định cuối cùng chính là ở sự phán đoán và quyết sách của Mao Trạch Đông, nhưng sự đề cử của Chu Ân Lai và Vương Gia Tường cũng có tác động rõ rệt.

Trời đất xoay vần, khi Đặng Tiểu Bình chấm dứt giai đoạn "chư hầu" của mình, một lần nữa khi ông trở về bên Chu Ân Lai, cũng chính là lúc nước cộng hoà nhân dân Trung Hoa kết thúc thời kỳ khôi phục, để bắt đầu tiến hành xây dựng kinh tế qui mô lớn vào năm 1952.

Ngày 10 tháng 7 năm 1952, Chu Ân Lai - Thủ tướng Quốc vụ viện đã gửi thư cho Mao Trạch Đông và Trung ương "đề nghị Đặng Tiểu Bình đảm nhiệm chức Phó Thủ tướng và trong tháng 8 sẽ trở về Bắc Kinh để chủ trì công tác của Quốc

vụ viện trong một thời gian". Ngày 7 tháng 8 cùng năm, Đặng Tiểu Bình được bầu làm Phó Thủ tướng Quốc vụ viện kiêm phó chủ nhiệm uỷ ban kinh tài trung ương. Chu Ân Lại đã tuyên bố trong Hội nghị lần thứ 148 của Quốc vụ viện họp trong tháng 7 rằng: "Trong thời kỳ tôi nhận lệnh của Mao Chủ tịch sang thăm Liên Xô, đồng chí Đặng Tiểu Bình thay tôi làm Quyền Thủ tướng". Sau đó, ông lần lượt được phân công phụ trách rất nhiều công tác như đường sắt, giao thông, bưu điện, tài chính, thuế vụ, tiền tệ, mậu dịch, quản lý công thương, ngoại thương, thu mua lương thực. Sau khi trở thành Chánh Văn phòng Trung ương, ông được Bộ Chính trị giao phụ trách bốn phần việc là: giao thông công chính, tài chính mậu dịch, văn hoá giáo dục và pháp luật. Lúc trở thành Tổng Bí thư và thường vụ Bộ Chính trị, phạm vi công tác của ông mở rộng lớn hơn. Trong lịch sử Đảng Cộng sản Trung Quốc, không nghi ngờ gì nữa, ông chỉ đứng thứ hai sau Chu Ân Lai về việc đảm nhận lãnh đạo rất nhiều phần việc khác nhau. Trước "cách mạng văn hoá", trừ ngoại giao ra, còn hầu như các công việc quan trọng khác ông đều đã kinh qua, đến khi phục hồi vào năm 1973, ông lại đảm nhận nốt cả công tác ngoại giao.

Ảnh hưởng nổi bật nhất, quan trọng nhất, then chốt nhất của Chu Ân Lai đối với Đặng Tiểu Bình đương nhiên không thể vượt ra ngoài ảnh hưởng của thời kỳ "cách mạng văn hoá".

Trong "cách mạng văn hoá", Chu Ân Lai vẫn giữ được nguyên vị trí của mình. Đó là một may mắn lớn trong cuộc đại nạn ở Trung Quốc, cũng là một may mắn lớn trong những đại nạn của Đặng Tiểu Bình.

Đặng Tiểu Bình là "một cô gái dân tộc Duy Ngô Nhĩ - nhiều "Bím tóc". Sau khi phê phán Đặng Tiểu Bình trong "cách mạng văn hoá", "Tổ chuyên án về Đặng Tiểu Bình" đã nhanh chóng soạn ra mười tập tài liệu lớn. Nhưng Giang Thanh, Khang Sinh... vẫn chưa hài lòng, họ cảm thấy chưa đủ sức nặng, bởi đều là những vấn đề dạng "luận thuyết con mèo" nên khó khép tội chết cho Đặng Tiểu Bình được, nhất thiết phải biến ông thành một kẻ phản bội kiểu Lưu Thiếu Kỳ mới làm cho ông mãi mãi không ngóc đầu dậy được. Ngày 18 tháng 6 năm 1968, Giang Thanh chỉ thị rõ: "Con người này (Đặng Tiểu Bình) rất có thể là kẻ phản bội". Tổ chuyên án đã vắt óc, phân tích đi phân tích lại và cho rằng chỉ có

thể lấy vấn đề "lính đào ngũ" trong thời kỳ ở Quân đoàn 7 Hồng quân, tức là thời kỳ ông lãnh đạo đơn vị này đã hai lần về Thượng Hải báo cáo Trung ương, mới có thể thực hiện được chỉ thị của Giang Thanh. Lúc đó, Đặng Tiểu Bình trực tiếp do Chu Ân Lai lãnh đạo, nên tổ chuyên án đã mời Chu Ân Lai "giúp đỡ chỉ đạo" và đã báo cáo chuyện "đào Ngũ" lên Hoàng Vĩnh Thắng, Diệp Quần, Ngô Pháp Hiến, Lý Tác Bằng, Khang Sinh... xin chỉ thị thêm để buộc Chu Ân Lại phải tỏ thái độ. Chu Ân Lai không để ý tới chuyện đó, nên tất cả các báo cáo sau khi đến chỗ ông đều chìm nghỉm như hòn đá rơi xuống biển sâu, bặt vô âm tín. Tổ chuyên án còn nghi ngờ vấn đề vào Đoàn, chuyển Đảng của Đặng Tiểu Bình, vì Đặng Tiểu Bình nói người giới thiệu ông vào Đảng lúc đó đã chết. Về vấn đề này, Chu Ân Lại đã chỉ rõ: "Đặng Tiểu Bình vào Đoàn rồi chuyển Đảng khi ông đang chăm chỉ học tập và cần mẫn làm việc tại Pháp, tôi và các đồng chí Lý Phú Xuân, Thái Sương đều biết việc này".

Sau khi Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ, theo sự sắp xếp của Mao Trạch Đông, việc liên hệ giữa Trung ương và bản thân Mao Trạch Đông với Đặng Tiểu Bình đều do Uông Đông Hưng phụ trách, cũng có nghĩa là mọi sự vụ hàng ngày của Đặng Tiểu Bình đều do ông ta xử lý, còn về mặt chính trị đã có tổ chuyên án. Do vậy, trước cách mạng văn hoá, Chu Ân Lai cũng không với tay đến được các việc liên quan đến Đặng Tiểu Bình và chỉ có thể nói được những lời trên. Điều này không phải là chuyện dễ, mà đòi hỏi phải rất có trí tuệ. Bởi vì đây là hai vấn đề có tính then chốt, nếu không kiên trì tốt thì rất có thể Đặng Tiểu Bình bị biến thành "kẻ phản bội" chui vào hàng ngũ của Đảng, và tính chất vấn đề sẽ khác đi.

Tháng 10 năm 1960, dưới sự hoạch định của Lâm Bưu, Chu Đức, Lưu Thiếu Kỳ và một loạt các đồng chí già, những "Người theo tư bản" đều bị "sơ tán" đi khắp nơi, trong đó, vợ chồng Đặng Tiểu Bình phải về Giang Tây. Cuộc "đại sơ tán" do Chu Ân Lai phụ trách. Điều này tạo cơ hội cho ông có thể hỏi han sự việc của Đặng Tiểu Bình. Ngày 18 tháng 10 năm 1960, Chu Ân Lai gọi điện cho uỷ ban cách mạng tỉnh Giang Tây, nói một cách rất xã giao rằng: "Trung ương quyết định một số thủ trưởng của trung ương phải xuống cơ sở để tiếp xúc thực tế, có tham gia thích đáng lao động, học tập quần chúng. Số người đến Giang Tây có Trần Vân, Vương Chấn vợ chồng Đặng Tiểu Bình. Chẳng phải Mao chủ

tịch đã nói ở Đại hội 9 rồi sao, vấn đề của Đặng Tiểu Bình không giống với người khác. Đồng chí ấy đi lao động rèn luyện. Đương nhiên những người này không thể suốt ngày lao động được, họ đều dưới trên 60 tuổi và sức khoẻ cũng kém rồi... Cuối cùng tôi cũng muốn nhấn mạnh khi các thủ trưởng này xuống, các đồng chỉ cần giúp đỡ họ nhiều hơn và cần có người "chăm sóc họ". Tuy một vài người lãnh đạo chủ yếu của Giang Tây lúc đó thuộc "Phái tạo phản", nhưng cũng không dám làm trái chỉ thị của Thủ tướng, nên sau khi nhận được điện thoại, ngay trong đêm đó đã họp thảo luận về việc sắp xếp và tỏ thái độ là: "kiên quyết quán triệt thực hiện chỉ thị của Thủ tướng, hoan nghênh các đồng chí Trần Vân, Vương Chấn và vợ chồng Đặng Tiểu Bình đến Giang Tây". Lúc đầu họ sắp xếp Đặng Tiểu Bình ở Cán Châu, nhưng sau khi nghe báo cáo, ngày 19 tháng 10, Chu Ân Lại đã gọi điện tới và chỉ thị: "Nơi đó cách thành phố Nam Xương quá xa, lại là vùng núi, giao thông khó khăn, điều kiện rất kém. Đồng chí Bình đã ngoài 60 tuổi, nếu bị bệnh thì làm thế nào? Ý kiến của tôi là nên sắp xếp cho đồng chí đó ở gần Nam Xương để dễ chăm sóc hơn. Tốt nhất là để vợ chồng đồng chí ấy ở trong một ngôi nhà hai tầng nhỏ, tầng trên hai vợ chồng ông ấy ở, còn các nhân viên công tác ở tầng dưới. Đương nhiên tốt nhất là để họ ở cho độc lập, vừa tiện cho hoạt động của họ lại an toàn hơn". Chu Ân Lai thực sự là một "Thủ tướng", ông rất quan tâm đến mọi mặt đời sống của Đặng Tiểu Bình. Sau khi nhận được hai cuộc điện thoại đó, đích thân chủ nhiệm Văn phòng uỷ ban cách mạng Giang Tây đã ra tận sân bay đón vợ chồng Đặng Tiểu Bình, chủ động bắt tay Đặng Tiểu Bình, mỉm cười tự giới thiệu: "Đồng chí Đặng Tiểu Bình, Mao Chủ tịch cử đồng chí tới Giang Tây, chúng tôi rất hoan nghênh". Cách gọi "đồng chí" lúc ấy rất có sức nặng!

Tháng 12 năm 1970, Chu Ân Lai phát hiện "tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình" vẫn tiếp tục điều tra vấn đề gọi là "Ba tội chống đối và "dung nạp người làm phản" nên đã phê trong một báo cáo rằng: "Đồng chí Đông Hưng... tôi còn nhớ khi Đặng Tiểu Bình, Đàm Chấn Lâm hạ phóng, tổ chuyên án đã bãi bỏ việc theo dõi hai người hơn một năm rồi, sao đồng chí vẫn còn bận rộn về họ làm gì?" Ngày 24 tháng 12, Ngô Pháp Hiến - phụ trách "tổ chuyên án" đã cử thư ký đến tuyên bố với toàn thể tổ chuyên án: Thủ trưởng muốn nói với các đồng chí không cần gửi báo cáo lên nữa, vụ án Đặng Tiểu Bình không phải làm nữa".

Ngày 13 tháng 9 năm 1971, tập đoàn chống Đảng Lâm Bưu bị đập tan; ngày 6 tháng 11, Đặng Tiểu Bình và cán bộ công nhân viên thuộc nhà máy sở tại đã được nghe truyền đạt văn kiện Trung ương về việc này. Hai ngày sau, ông viết thư cho Mao Trạch Đông trình bày cách nhìn nhận của mình đối với việc đó và yêu cầu được công tác trở lại và còn nói thêm về vấn đề con cái của mình. Bức thư này sau đó đã được Mao Trạch Đông gửi cho các thành viên Bộ Chính trị.

Ngày 10 tháng 1 năm 1972, Mao Trạch Đông tham dự lễ truy điệu Trần Nghị, khi an ủi phu nhân Trần Nghị, ông nói vấn đề Đặng Tiểu Bình là mâu thuẫn nội bộ. Chu Ân Lai có mặt tại đó đã ngầm chỉ thị cho gia quyến Trần Nghị loan tin này ra. Hạ tuần tháng 1, khi tiếp kiến một đoàn đại biểu địa phương, trước mặt Giang Thanh, Diêu Văn Nguyên và một số người khác, ông đã nêu rõ rằng: việc Đặng Tiểu Bình thuộc mâu thuẫn nội bộ, bè lũ Lâm Bưu biến Đặng Tiểu Bình thành mâu thuẫn địch ta là không đúng ý của Chủ tịch. Tháng 2 cùng năm, Ban lãnh đạo mới của Giang Tây đến thăm Đặng Tiểu Bình và truyền đạt thông tri của trung ương về việc khôi phục sinh hoạt Đảng cho Đặng Tiểu Bình. Tháng 4, hai người con của Đặng Tiểu Bình vào học đại học. Tháng 6, vợ chồng Đặng Tiểu Bình được cấp lương theo (tiêu chuẩn sinh hoạt phí mỗi đứa con được 25 đồng).

Ngày 3 tháng 8 năm 1972, hai ngày trước khi được nghe truyền đạt văn kiện về tập đoàn Lâm Bưu, ông đã viết thư cho Mao Trạch Đông, ngoài việc tiếp tục phê phán Lâm Bưu ra. Còn thừa nhận một số "sai lầm" của mình và hy vọng thông qua bảy, tám năm công tác cho Đảng để bổ khuyết những sai lầm đó. Ngày 14 tháng 8, Mao Trạch Đông phê vào bức thư đó, câu đầu tiên là: "Yêu cầu Thủ tướng sau khi duyệt chuyển cho chủ nhiệm Uông...". Như vậy, một lần nữa, Chu Ân Lai lại có dịp nói tới chuyện của Đặng Tiểu Bình. Sau một thời gian, đến tháng 1 năm 1973, cuối cùng Đặng Tiểu Bình đã nhận được thông tri chuẩn bị trở về Bắc Kinh. Ngày 22 tháng 2, ông đã trở lại Bắc Kinh.

Lúc ấy, Chu Ân Lại đã được xác nhận là mắc ung thư, một người toàn tài về mọi mặt như ông, cả về Đảng, chính quyền, quân đội, ngoại giao, kinh tế, văn hoá khoa học... thì ngoài Đặng Tiểu Bình ra thực sự chẳng còn ai nữa. Cuối tháng 2 đầu tháng 3 năm 1973, mặc dù bị bệnh nhưng Chu Ân Lại vẫn chủ trì

mấy cuộc họp Bộ Chính trị, thảo luận chuyên đề phục hồi cho Đặng Tiểu Bình, kiên trì việc phục hồi chức Phó Thủ tướng và một số chức vụ khác cho Đặng Tiểu Bình. Ngày 10 tháng 3, cuối cùng Trung ương Đảng đã công bố "Quyết định về việc phục hồi sinh hoạt Đảng và chức Phó Thủ tướng cho đồng chí Đặng Tiểu Bình". Chu Ân Lại như trút được gánh nặng, ngay hôm đó đã xin Trung ương nghỉ hai tuần chữa bệnh. Ngày 28 tháng 3, sau 7 năm xa cách, Đặng Tiểu Bình được gặp lại Chu Ân Lai, Mao Trạch Đông và cùng tham gia hội nghị Bộ Chính trị. Ngày 9 tháng 4, với tư cách cá nhân, vợ chồng Đặng Tiểu Bình đã tới núi Ngọc Tuyền, ngoại ô phía tây Bắc Kinh thăm Chu Ân Lai đang điều trị tại đó.

Nhiều năm sau, ông nói về lần thăm đó như sau: "Nhìn thấy Chu Ân Lai thân hình quá gầy yếu mà chúng tôi không nói lên lời". Trong lần thăm viếng đó, Chu Ân Lại đã nói một số tình hình tuyệt mật: "Trương Xuân Kiều là kẻ phản bội, nhưng Chủ tịch lại không cho điều tra". Nhưng điều ông quan tâm hơn là sức khoẻ của Đặng Tiểu Bình, ông rất trịnh trọng nói: "Về việc giữ gìn sức khoẻ, hai người nên chọn một trong hai anh em nhà họ Ngô (hai anh em Ngô Giai Bình và Ngô Uý Nhiên đều là các chuyên gia y tế nổi tiếng).

Tháng 3 năm 1974, lần đầu tiên nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa tổ chức một đoàn tham gia cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Chu Ân Lai ốm nặng không thể tới được, Mao Trạch Đông đã đề xuất Đặng Tiểu Bình. Đây không phải là chuyện nhỏ, phe do Giang Thanh cầm đầu gây khó dễ nên Bộ Chính trị họp mấy lần mà chưa quyết định được. Mao Trạch Đông nói với Chu Ân Lai: “cử đồng chí Đặng Tiểu Bình đi là ý kiến của tôi, nếu các đồng chí Bộ Chính trị không đồng ý thì thôi". Chu Ân Lai lập tức nói: "Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của Chủ tịch" và khéo léo sắp xếp cho Vương Hồng Văn truyền đạt ý kiến của Mao Trạch Đông tới Giang Thanh và một số người khác. Vậy là ngày 10 tháng 4 năm 1974, Đặng Tiểu Bình đã xuất hiện tại Hội nghị đặc biệt lần thứ sáu của Liên hợp quốc, và đã đọc một bài phát biểu quan trọng đầu tiên của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Chính việc này, về cơ bản đã xác định được chức vị và người kế thừa Chu Ân Lai của ông. Từ đó về sau, ông đã nhiều lần đi thăm các nước và tiếp khách nước ngoài tới thăm Trung Quốc và đảm nhận công tác

ngoại giao. Trong thế giới đương đại, ngoại giao là một trong những công việc quan trọng nhất của một quốc gia, nhưng với ông lại là một việc lớn mà từ trước đến nay ông chưa hề chủ trì bao giờ. Sau khi chủ trì công tác ngoại giao, trong nhiều mặt công tác cụ thể khác, ngoại trừ mặt trận thống nhất ra, trên thực tế ông là người kế tục xuất sắc của Chu Ân Lai. Ngày 23 tháng 12 năm 1974, tại Trường Sa, Mao Trạch Đông đã nói với Chu Ân Lai: "Sức khoẻ đồng chí không tốt, sau Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 4, đồng chí yên tâm dưỡng bệnh. Công việc của Quốc vụ Viện để đồng chí Đặng Tiểu Bình đảm nhiệm". Ngày 1 tháng 2 năm 1975, Chu Ân Lai chủ trì cuộc họp Quốc vụ Viện đã tuyên bố rõ ràng: "Sức khoẻ của tôi kém lắm rồi, công việc của Quốc vụ Viện từ nay về sau sẽ do đồng chí Đặng Tiểu Bình chủ trì". Hôm sau, Chu Ân Lại đã báo cáo Mao Trạch Đông bằng hình thức văn bản và được phê chuẩn. Từ hôm đó trở đi, Đặng Tiểu Bình chính thức thay Chu Ân Lai điều hành Quốc vụ Viện và bắt đầu tiến hành cuộc chỉnh đốn trong toàn Trung Quốc. Tuy sóng gió rất nhiều, nhưng Chu Ân Lại đã mang hết sức lực cuối cùng của mình ủng hộ và động viên Đặng Tiểu Bình. Bắt đầu từ tháng 11 năm 1975, Đặng Tiểu Bình bị coi là thuộc trào lưu "lật lại các vụ án phái hữu" "Tổng đoàn trưởng đoàn hạ phóng xuống nông thôn" và liên tục bị phê phán trong hội nghị Bộ Chính trị.

Ngày 8 tháng 12, Chu Ân Lai mời riêng ông tới bệnh viện rất trịnh trọng hỏi: "Thái độ liệu có thay đổi không?" "Đặng trả lời rành mạch: "Mãi mãi không thay đổi?" Chu Ân Lai vui mừng nói: "Vậy thì tôi yên tâm rồi!

Ngày 8 tháng 1 năm 1976, Chu Ân Lai qua đời. Đặng Tiểu Bình đứng ra chủ trì tang lễ, các hoạt động "Phê Đặng" tạm thời dừng lại. Ngày 15 tháng 1, tại lễ truy điệu Chu Ân Lai, Phó chủ tịch Đảng, Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện, Phó Chủ tịch Quân uỷ Trung ương Đặng Tiểu Bình đã thay mặt Trung ương, Quốc vụ Viện và Quân uỷ Trung ương đọc điếu văn. Đây là lần cuối cùng ông xuất hiện trên truyền hình trước khi bị đánh đổ một lần nữa. Ngày 20 tháng 1, ông bị "kiểm thảo" lần thứ ba trong hội nghị Bộ Chính trị. Tối hôm đó, sau khi chỉnh lại, ông đã nộp bản "kiểm thảo" cho Mao Trạch Đông và đề nghị "thôi gánh vác trách nhiệm chủ trì công việc hàng ngày của trung ương". Ngày 31 tháng 1, Trung ương quyết định hội nghị trao đổi về "trào lưu lật án chống hữu khuynh,

phê phán Đặng". Ngày 2 tháng 2, Hoa Quốc Phong lên làm quyền Thủ tướng, với danh nghĩa là người chuyên quản các công việc bên ngoài" một lần nữa ông lại bị đình chỉ công tác. Trước, sau tết Thanh Minh đã xuất hiện cao trào của quần chúng về các hoạt động truy điệu Chu Ân Lai một cách tự phát. Đúng ngày Thanh Minh (4 tháng 4), hơn hai triệu người tụ tập ở Quảng trường Thiên An Môn rồi biến thành "sự kiện 4.5", hơn một vạn dân binh và ba ngàn cảnh sát được huy động đến giải tán đám đông đó. Vào khoảng 3 giờ chiều ngày 7 tháng 4, Đặng Tiểu Bình bị người của Cục Cảnh vệ mời tới gặp Uông Đông Hưng "nói chuyện". Gần chục người già trẻ trong gia đình gạt nước mắt tiễn đưa ông. Con cái ông cảm thấy đây có lẽ là lần vĩnh biệt cha nên có người đã khóc nức nở. Tám giờ tối hôm đó Đài phát thanh phát đi bản quyết nghị của Bộ Chính trị, tuyên bố. "Bộ Chính trị đã thảo luận về sự kiện phản cách mạng xảy ra ở Quảng trường Thiên An Môn và những biểu hiện gần đây của Đặng Tiểu Bình, và cho rằng tính chất của vấn đề Đặng Tiểu Bình đã biến thành mâu thuẫn đối kháng.

Căn cứ vào đề nghị của lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông, Bộ Chính trị nhất trí thông qua bãi bỏ tất cả mọi chức vụ của Đặng Tiểu Bình, bảo lưu Đảng tịch để xem xét sau".

Người khổng lồ Chu Ân Lai cả lúc còn sống và khi đã chết có ảnh hưởng lớn lao đến Đặng Tiểu Bình như vậy đó. Người dân Trung Quốc đã gọi hai ông theo lối cổ là "Chu Công" và "Đặng Công" để biểu thị cách nhìn nhận về mối quan hệ giữa hai ông. Còn Đặng Tiểu Bình, người luôn gọi Chu Ân Lai bằng "đồng chí” hay gọi theo chức vụ trong mọi trường hợp chính thức, cũng đã công khai bày tỏ: "Với tôi mà nói, từ đầu đến cuối Chu Ân Lai luôn là bậc huynh trưởng".

Quyển ba "Đặng Tiểu Bình văn tập" có hơn 500 bài, chỉ có hai bài chuyên viết về cá nhân mà lại về Lưu Bá Thừa. Một bài viết ngày 15 tháng 12 năm 1945 "Chúc mừng đồng chí Lưu Bá Thừa tròn 50 tuổi" và một bài viết ngày 21 tháng 10 năm 1986 "Lời điếu Lưu Bá Thừa". Trong bài sau, ông viết: "Người ta quen gọi Lưu Đặng làm một, trong tâm trí chúng tôi cũng cảm thấy khó tách rời ra".

Khác với Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai, Lưu Bá Thừa chỉ là đồng sự của ông. Do Lưu Bá Thừa bị đau ốm lâu ngày nên sau 13 năm cùng làm việc, hai ông ít đi lại với nhau. Nhưng cho tới nay, người ta vẫn quen gọi ghép hai ông lại

với nhau. Điều này ngoài sự trùng hợp khéo léo trong thời kỳ lịch sử huy hoàng và "đường lối Lưu Đặng" xuất hiện trong "cách mạng văn hoá" ra, còn bởi một thời kỳ huy hoàng khác, với "Đại quân Lưu Đặng" và chắc chỉ đứng thứ hai sau cải cách mở cửa mà thôi. Trang sử cải cách mở cửa huy hoàng đó về nhiều mặt cũng có quan hệ rất mật thiết với thời kỳ "Đại quân Lưu Đặng".

Trong quá trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc, người ta đặc biệt yêu thích và hứng thú với ba luận thuyết của ông, đó là "Luận thuyết con mèo" "Luận thuyết tìm kiếm" và "Không tranh luận". Dù các nhà lý luận có nói gì chăng nữa thì đối với quảng đại quần chúng mà nói, ảnh hưởng nhất cũng chính là ba luận thuyết trên, trong đó "không tranh luận" là do ông phát minh ra, vậy còn hai luận thuyết kia thì sao?

Đối với "Luận thuyết con mèo", trong bài nói "Làm thế nào để khôi phục sản xuất nông nghiệp" ngày 7 tháng 7 năm 1962, ông đã nói: "Đồng chí Lưu Bá Thừa nói một câu tiếng Tứ Xuyên rằng Mèo vàng, mèo đen, chỉ cần bắt được chuột đều là mèo tốt". Đó là nói trong khi đánh trận. Sở dĩ chúng ta đánh bại được Tưởng Giới Thạch, vì chúng ta không đánh theo nguyên tắc cũ, theo đường cũ, tất cả phải nhìn vào tình hình thực tế, miễn đánh thắng là được".

"Mò đá qua sông" cũng là câu mà Lưu Bá Thừa đã nói. Thời kỳ thành lập nước Trung Quốc mới, tướng Lưu Ái Bình nhận lệnh xây dựng trường quân sự, trước khi đi đã đến thỉnh giáo Lưu Bá Thừa. Lưu Bá Thừa nói: "Tôi cho đồng chí sáu chữ và cần phải ghi nhớ: "Hãy mò đá để qua sông".

Thời kỳ cải cách mở cửa, Đặng Tiểu Bình có một câu nói nổi tiếng, đó chính là câu nói khích lệ những người tham gia huấn tạo đặc khu kinh tế "Hãy mở một con đường máu". Tối ngày 24 tháng 8 năm 1947, Đại quân Lưu Đặng cướp thời gian vượt sông Nhữ. Lúc đó, phía trước mặt có quân địch ngăn chặn, phía sau có quân địch đang đuổi theo, lực lượng địch đông tới 3 sư đoàn, chỉ cách quân ta 50 dặm. Lưu lập tức ra lệnh, bất kỳ trong tình hình nào, bộ đội cũng phải liên tục qua sông. Phong cách của Lưu Bá Thừa đã không còn hóm hỉnh như trước nữa, ông hét lớn: "Ai dũng cảm người đó sẽ thắng! Phải dũng cảm! Phải mạnh mẽ!" Phải lấy tiến công để đối phó với tiến công của địch. Hãy mở một đường máu qua trận địa của địch. Tiến lên!

Lưu Bá Thừa là một trí thức lớn của Đảng Cộng sản và Quân giải phóng, đồng thời là một nhà quân sự lớn. Trong thắng lợi của chiến tranh cách mạng, sự hình thành và phát triển của tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông, sự giáo dục quân sự, việc dịch các lý luận quân sự của nước ngoài, nghiên cứu quân sự và hiện đại hoá, chính quy hoá quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, ông đều có những cống hiến rất to lớn. Ông rất sớm nổi tiếng, ngay từ năm 1926, đã được gọi là "thần quân" trước khi vào Đảng Cộng sản. Ông là người đạo đức cao thượng, đối xử với mọi người rất tốt, danh vọng rất cao. Mặc dù ngay từ những năm 60, sức khoẻ đã kém (bị mù hoàn toàn) ông vẫn tiếp tục công tác. Nhưng trong những năm 70, khi Mao Trạch Đông nói tới các nhân vật lãnh đạo của Đảng - ông đã nhiều lần nhắc tới Lưu Bá Thừa mặc dù ông đang bệnh nặng. Trong 13 năm cùng làm việc, Đặng Tiểu Bình rất tôn trọng Lưu Bá Thừa, hết sức cố gắng tránh để những sự vụ lặt vặt gây phiền nhiễu ông. Quá trình đó đương nhiên ảnh hưởng tới sự hình thành tính cá tính kiên định và sự hình thành về tư tưởng "tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài" của Đặng Tiểu Bình.

Lưu Bá Thừa là một vị tướng "Nho giáo", tính cách và phong cách cơ bản của ông khác với Đặng Tiểu Bình, nhưng ở một số mặt khác không thể không nói là không có ảnh hưởng tới Đặng Tiểu Bình.

Khi bàn về tính cách của Đặng Tiểu Bình, người ta có ấn tượng rất sâu sắc về sức tự kiềm chế, tính nhẫn nại, sự kiên trì, không bộc lộ sự bực tức ra ngoài của ông. Đó không phải do bẩm sinh, mà là được nuôi dưỡng từ trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và từ đời sống chính trị của ông mà ra, trong đó bao gồm cả nhân tố ảnh hưởng của Lưu Bá Thừa.

Lúc mới tới Sư 129, một người cần vụ của ông cưỡi ngựa xô ngã một người dân, bị thương nhẹ, bản thân ông ta cũng không cảm thấy. Khi Đặng Tiểu Bình biết tin, mặt ông biến sắc và phê bình đồng chỉ cần vụ một trận ra trò. Vài chục năm sau, người lĩnh già này mới kể lại câu chuyện "Chính uỷ Đặng tức giận trong hồi ký của mình". Năm 1948, khi ở Đại Biệt Sơn, Đặng Tiểu Bình phát hiện một chiến sĩ quân giải phóng vi phạm kỷ luật, sau đó tuy phải xử bắn theo quân lệnh, nhưng ngay lập tức, ông đã ra lệnh phải điều tra cho rõ sự việc và thân phận người lính đó.

Tháng 2 năm 1940, một thợ ảnh từ Diên An tới chụp ảnh làm hồ sơ, anh ta bắt mọi người (cả Đặng Tiểu Bình) chuyển đi chuyển lại để sắp xếp làm cho mọi người cảm thấy rất phiền phức, mà chụp vẫn chẳng xong. Vì mất quá nhiều thời gian nên Đặng Tiểu Bình phát cáu, ông nói bình thường thế nào thì cứ thế mà chụp có phải tốt hơn không, thật quá hình thức chủ nghĩa, khiến cho không khí trở nên căng thẳng. Lưu Bá Thừa là người rất trung hậu và nhanh trí vội nói: "Phải thật tự nhiên, tự nhiên cho". Mọi người nghe xong đều cười, biết rằng phải để cho tự nhiên, chớ có làm bộ làm dạng để mất tự nhiên. Việc chụp ảnh nhanh chóng hoàn thành thuận lợi.

Trong "Ba lần lên xuống" của ông, sự biểu hiện trong "lần xuống" đầu tiên, người ta cho rằng là do tuổi trẻ, cương trực quá. Trong đó có một bản gọi là "kiểm tra" thực ra là một bản trình bày sự kiên trì quan điểm của mình phải viết ba lần. Còn "lần xuống" sau, ông lại rất tự nhiên vì ông biết rằng càng tự nhiên bao nhiêu sẽ càng không tự nhiên bấy nhiêu. Lưu Bá Thừa cũng đã bị phê phán sai lầm, nhưng ông không hề bị kỷ luật bao giờ. Khi đánh giá Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông có một câu để lại ấn tượng sâu sắc cho mọi người: "Tương đối có đạo đức, mà người có đạo đức nhất trong các tướng soái già có lẽ là Chu Đức và Lưu Bá Thừa.

Hai ông Lưu và Đặng chênh nhau 12 tuổi "tính cách và sở thích không hoàn toàn giống nhau", nhưng điều đó không ảnh hưởng tới sự hợp tác của hai ông.

Chu Ân Lai cũng có một câu đánh giá nổi tiếng: Lưu Bá Thừa giơ thấp đánh mạnh, Đặng Tiểu Bình giơ cao đánh khẽ, hai người hợp lại thật tốt". Lưu Bá Thừa là một chuyên gia quân sự tài năng, tính toán chính xác từng giây từng phút, từng người lính, từng viên đạn, từng đường tơ kẽ tóc, từng quả núi, con đường, cái cây…bởi vì nếu qua loa đại khái sẽ làm chết cả trăm ngàn người.

Có lúc còn liên quan đến cả chuyện thành bại của chiến tranh. Ví như trong chiến dịch vượt sông Hoài, nếu không phải ông đích thân lội xuống tìm đường thì đại quân của hai ông chưa hẳn đã qua được sông và sẽ không thể hoàn thành nhiệm vụ chiến lược vào Đại Biệt Sơn được. Như vậy đủ để thấy rằng: cây sào tre mà ông dùng để đo mực nước nông sâu thật có sức nặng biết bao. Ngoài ra, ông còn là người rất hài hước, hóm hỉnh, ngay cả khi người phụ trách đến thỉnh

giáo ông về việc duyệt binh trong ngày thành lập nước, ông cũng dùng một câu so sánh rất hài hước rằng phía ngoài cục phân ngựa phải cho bóng bẩy". Ý là chủ yếu sao cho hình thức phải thật đẹp là được. Phong cách của ông rất giống với Lincôn trong lời nhận xét của Mác: "Cả những hành động trọng đại nhất ông ấy (Lin côn) cũng luôn biến nó thành có hình thức bình dị nhất", cũng như "luận thuyết con mèo" của ông đã được Đặng Tiểu Bình đưa lên một tầm cao mới, là nguyên nhân mà quân ta đã đánh bại được Tưởng Giới Thạch. Phong cách lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình lại khác, rất nghiêm túc, rất chặt chẽ, nhưng lại đặc biệt thực sự cầu thị, không hà khắc, mù quáng, không sáo rỗng. Mặt khác, dù trọng trách nặng nề thế nào chăng nữa. Đặng Tiểu Bình vẫn dám gánh vác và hoàn thành thoả đáng.

Nhưng cả hai ông đều không phải là tuyệt đối. Lúc Đặng Tiểu Bình còn trẻ, trong các bài luận chiến với những người theo chủ nghĩa quốc gia, ông thường viết rất nghịch ngợm, hóm hỉnh, châm biếm những kẻ đã cho mình là "siêu phàm", nhưng khi nước nhà lâm nguy lại rút về "ca múa ở đô thành" "dạo những bản nhạc du dương" "diễn những vai rất tuyệt, nhảy những điệu rất đẹp". Nhưng về sau tính cách ông cũng có thay đổi lớn, nghiêm túc và cương nghị hơn nhiều. Những năm cuối đời lại trở thành một "Tiểu Bình", trở thành một "người già" thích "kể chuyện", "tán chuyện", thích "vẽ vòng", nhưng tất cả những điểm đó, nhân dân Trung Quốc mãi mãi không quên, nhân dân thế giới với cũng luôn chú ý tới.

Nếu nghiên cứu sâu những ảnh hưởng tới Đặng Tiểu Bình thì còn rất nhiều. Nhưng đặc điểm chủ yếu nhất, theo những người viết chúng tôi thì đó chính là sự giao lưu và tác động lẫn nhau của trí tuệ. Đương nhiên rất nhiều người ý thức được rằng, trí tuệ phải được kết hợp với tiền bạc, quyền lực, địa vị, tri thức mới có thể phát huy tác dụng, mới có thể duy trì và phát triển được.

Không có đủ trí tuệ, tất cả dần sẽ trở thành con số không. Thời kỳ hai ông làm việc với nhau có thể nói là thời kỳ chín muồi của Đặng Tiểu Bình. Để trở thành một con người vĩ đại, sự giao lưu và tác động trí tuệ giữa ông và Lưu Bá Thừa là không thể thiếu được Nếu như nói Đặng Tiểu Bình vì đứng trên vai những người khổng lồ mới trở thành một người khổng lồ vĩ đại, thì Lưu Bá Thừa

sẽ là một trong những nhân vật có ảnh hưởng nhất trong hàng ngũ những người khổng lồ đó.

Lưu Thiếu Kỳ vốn cũng là bạn học với Đặng Tiểu Bình. Tháng 9 năm 1919, ông và Đặng Tiểu Bình cùng tham gia lớp học dự bị cho lưu học sinh đi Pháp ở Trung Quốc nhưng khác trường, đó là trường Trung học Bảo Định Dục Đức. Lý Phú Xuân và Lý Duy Hán là hai bạn thân của Đặng Tiểu Bình cũng đi Pháp học từ trường đó, nhưng trước Lưu Thiếu Kỳ một khoá. Tháng 6 năm 1920, Lưu Thiếu Kỳ về nhà chuẩn bị tiền để đi Pháp, nhưng do cuộc chiến hỗn loạn, tuyến đường sắt Kinh - Hán bị cắt đứt hai tháng trời nên ông phải ở lại Bắc Kinh và lỡ Một trí tuệ siêu việt dịp đi Pháp học. Thế là tháng 5 năm 1921, ông cùng Nhiệm Bật Thời và một số người khác từ Thượng Hải sang Nga vào học Trường Đại học Phương Đông Matxcơva. Trong thời gian đó, năm 1920, Lưu Thiếu Kỳ gia nhập Đoàn Thanh niên xã hội chủ nghĩa, mùa đông năm 1921 trở thành đảng viên cộng sản. Mùa xuân 1922 thì trở về nước.

Sau tháng 2, 3 năm 1936, Lưu Thiếu Kỳ lãnh đạo Cục Phương Bắc Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây vốn lại là một dịp để ông làm việc với Đặng Tiểu Bình vì khu vực tác chiến của Sư 129 thuộc Cục Phương Bắc lãnh đạo, hai bên sẽ có nhiều mối quan hệ trong quân sự và địa phương. Nhưng tháng 3 năm 1938, tức là hai tháng sau khi Đặng Tiểu Bình trở thành chính uỷ Sư 129, Lưu Thiếu Kỳ được điều tới Diên An, tuy vẫn tiếp tục phụ trách công tác Đảng của Hoa Bắc, nhưng người chủ trì công tác thực tế ở đó lại là Dương Thượng Côn. Tháng 11 cùng năm, Lưu Hiếu Kỳ được chuyển sang làm Bí thư Cục Trung Nguyên, lãnh đạo công tác Đảng ở tất cả các khu vực phía Bắc Trường Giang như Hà Nam, Hồ Bắc, An Huy, Giang Tô.

Năm 1942, một lần nữa Lưu Thiếu Kỳ lại được điều về Trung ương, trên đường về Diêm An. Ông đã vào sư đoàn bộ Sư 129 gặp Đặng Tiểu Bình ở đó và hai ông cùng ăn cơm. Đặng Tiểu Bình nói: "Bữa ăn hôm đó chỉ có món thịt dê khô là món ngon nhất lúc bấy giờ và ngay cả chúng tôi cũng rất ít khi được ăn. Đây có lẽ là lần duy nhất hai ông được ngồi với nhau. Tháng 3 năm 1943, Trung ương Đảng lập ra Ban Bí thư gồm Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Nhiệm Bật Thời để giải quyết công việc hàng ngày của Trung ương, do Mao Trạch

Đông làm chủ tịch, hai ông Kỳ và Thời làm Bí thư. Lưu Thiếu Kỳ còn ở trong Quân uỷ Trung ương, giữ chức Phó Chủ tịch, và từ đó ông được đứng trong hàng ngũ hạt nhân lãnh đạo của Đảng. Sau đó, với chức vụ như vậy trong Đảng. Năm 1959 khi Mao Trạch Đông giới thiệu ông làm chủ tịch nước đã nói: "... Tôi là một người chủ trì công tác Đảng nhưng không quản lý công tác hàng ngày được, người đảm nhận công việc này là đồng chí Lưu Thiếu Kỳ. Nếu tôi đi vắng, đồng chí sẽ thay tôi. Việc này đã làm nhiều năm rồi, từ khi ở Diên An đã bắt đầu như vậy và hiện ở Bắc Kinh đã làm như vậy hai chục năm rồi.

Từ sau tháng 4, 5 năm 1948, trong các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của trung ương, Lưu Thiếu Kỳ được phân công chủ yếu vạch kế hoạch xây dựng đất nước, lãnh đạo xây dựng kinh tế khu giải phóng và một số công tác khác.

Ngày 26 tháng 7 năm 1948 trong Hội nghị Trung ương, Lưu Thiếu Kỳ yêu cầu công tác của các cơ quan Trung ương phải "chính qui" "hoạch định lâu dài". Ông nói "Chúng ta có thể bắt đầu xây dựng được rồi?" Tháng 6 năm 1949, ông trịnh trọng đề ra trước Trung ương: "Vấn đề trọng tâm từ nay về sau là làm thế nào để phát triển và khôi phục kinh tế Trung Quốc". Năm 1950, ông nhấn mạnh, cần phải làm tốt hai việc cơ bản nhất. Thứ nhất là phải triệt để lật đổ chế độ cũ để giải phóng sức lao động cả ở thành thị và nông thôn; thứ hai là phải phát triển sản xuất và phát triển sức sản xuất và các sự nghiệp kinh tế khác. Thời kỳ viện Triều chống Mỹ ông chỉ ra rằng: xây dựng kinh tế nay đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của Nhà nước và nhân dân ta". Chỉ cần không xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ ba thì nhiệm vụ xây dựng kinh tế sẽ không thay đổi, trong 20 hoặc 30 năm không có chiến tranh thì nhiệm vụ của chúng ta vẫn là xây dựng kinh tế". "Tất cả lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm".

Căn cứ vào tư tưởng chỉ đạo "tất cả lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm", "giải phóng sức sản xuất", "Phát triển sức sản xuất trước và sau khi dựng nước, Lưu Thiếu Kỳ đã có rất nhiều bài nói về việc xây dựng nước Trung Quốc mới.

Về việc này, trong cuốn "Hồi ức về những sự kiện và một số chính sách lớn" xuất bản năm 1991, Bạc Nhất Ba đã bình luận rằng "Những ý tưởng đó đều bắt nguồn từ lý luận về chủ nghĩa dân chủ mới của Mao Chủ tịch, nhưng có những điểm khác biệt nhỏ".

Trong những vấn đề lớn, về cơ bản nhất trí với nhau. Ví dụ tiền đồ của cách mạng dân chủ mới của Trung Quốc là xã hội chủ nghĩa… cách mạng Trung Quốc nhất thiết phải đi theo hai bước, bước đầu là xây dựng xã hội dân chủ mới,... thời kỳ dân chủ mới nhất thiết phải lấy xây dựng kinh tế làm trọng tâm... Dân chủ mới có 5 thành phần kinh tế..."

Những điểm khác" xảy ra trong những vấn đề cụ thể, ví dụ đối với công thương nghiệp tư doanh, Mao Trạch Đông nhấn mạnh phải lợi dụng nó đồng thời còn nhấn mạnh tới sự hạn chế nó, còn Lưu Thiếu Kỳ lại tán thành với sự hạn chế đồng thời nhấn mạnh hơn tới sự phát triển và lợi dụng nó; trong vấn đề nông dân, Mao Trạch Đông nhấn mạnh tổ chức hợp tác hoá, còn Lưu Thiếu Kỳ chủ trương phát triển trước, tổ chức sau, không sợ nông dân giàu lên, đảng viên cũng có thể trở thành hộ nông dân giàu, về công nghiệp hoá, phương châm của Mao Trạch Đông là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trước, còn Lưu Thiếu Kỳ lại chủ trương trước tiên phải giải quyết vấn đề ăn (nông nghiệp). Về thời gian của giai đoạn dân chủ mới, Mao Trạch Đông chủ trương từ năm 1952 bắt đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Lưu Thiếu Kỳ lại chủ trương kéo dài thêm thời gian cho thời kỳ này...

Trong các bài nói chuyện lúc ấy và sau đó ít lâu Lưu Thiếu Kỳ đã sớm nhận thức được tác dụng của quy luật hoá thị trường và giá cả, rất chú trọng điều chỉnh quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tiến hành suy nghĩ và thăm dò cẩn thận việc cải cách thể chế kinh tế.

Ngay từ năm 1948, Lưu Thiếu Kỳ đã nhận ra "Ai lãnh đạo được thị trường thì người đó sẽ lãnh đạo kinh tế quốc gia". Với các mặt khác, trong bài viết Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh đồng chí Lưu Thiếu Kỳ", Giang Trạch Dân chỉ ra rằng "Giữa những năm 50, ông đã chỉ ra rằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vừa có tính kế hoạch lại có tính linh hoạt rất đa dạng, cần phải lợi dụng đầy đủ thị trường tự do, lợi dụng qụy luật giá cả để điều tiết sản xuất" Những năm 60, ông còn tiến thêm một bước khi đưa ra "cần phải dùng biện pháp kinh tế để quản lý kinh tế".,. Những tư tưởng và thực tiễn này của ông đã đưa ra được những tấm gương có lợi cho việc cải cách thể chế kinh tế sau Hội nghị Trung ương 3 khoá 11.

Ông đã phát biểu một số cách nhìn nhận của mình trong vấn đề xây dựng

kinh tế, mà phần lớn đó là những vấn đề mà Mao Trạch Đông chưa có ý kiến gì, hoặc khi Mao Trạch Đông đã phát biểu cách nhìn của mình thì ông vẫn đưa ra cách nhìn nhận khác, đó cũng là điều bình thường và rất cần thiết khi chưa hình thành nghị quyết chính thức. Việc thảo luận và tranh luận về những ý kiến khác nhau đó cũng là chuyện bình thường trong sinh hoạt Đảng, kể từ hội nghị Tuân Nghĩa đến nay. Ví dụ, tháng 8 năm 1938, trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng ở Lạc Xuyên, khi thảo luận phương châm tác chiến chống Nhật, cuộc tranh luận rất gay gắt chứ không phải chỉ một người nói là xong. Trong chiến dịch Hoài Hải, Mao Trạch Đông cho đây chỉ là một chiến dịch "tiểu Hoài Hải" nhưng Lưu Bá Thừa, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình lại dựa vào "đại Hoài Hải". Về sau, Mao Trạch Đông nói đó là "một nồi cơm chưa chín hẳn", nói cách khác là lúc đó ông cho rằng điều kiện của "đại Hoài Hải" chưa chín muồi, nhưng ông cũng rất vui mừng và hết sức ủng hộ "đại Hoài Hải", càng tin tưởng và trọng dụng ông hơn. Với những cách nhìn trên của Lưu Thiếu Kỳ, Mao Trạch Đông nói có cái rất tốt, có cái "đáng để suy nghĩ", có cái cần phê phán và có cái không hài lòng. Đây vốn là một sự trao đổi bàn bạc và phản ứng rất bình thường trong công việc, nhưng nó đã thu hút sự chú ý của một số kẻ có dã tâm trong thời kỳ đầu dựng nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa; kẻ đầu tiên có ý đồ lợi dụng sự khác nhau đó để đạt mục đích cá nhân là Cao Cương.

Thời kỳ đầu dựng nước, Cao Cương đã từng là Phó Chủ tịch Chính phủ nhân dân Trung ương, Chủ tịch uỷ ban kế hoạch Nhà nước, Bí thư thứ nhất Cục Đông Bắc, Chủ tịch Chính phủ nhân dân Đông Bắc. Để lật đổ Lưu Thiếu Kỳ, Cao Cương đã tuyên truyền quan điểm chia rẽ Đảng, nói Đảng có hai phe, một là "Đảng khu trắng" mà đại biểu là Lưu Thiếu Kỳ, một là "Đảng khu đỏ" hoặc "Đảng quân đội" mà đại biểu là Mao Trạch Đông. Do đó trong âm mưu Cao Cương lấy những người thuộc "Đảng quân đội" làm đối tượng hoạt động chủ yếu của mình, Đặng Tiểu Bình đương nhiên cũng trở thành một trong những đối tượng chủ yếu mà ông ta lôi kéo. Sau này, Đặng Tiểu Bình nhớ lại: "Tôi biết rất rõ việc đó. Cuối năm 1953, sau khi Mao Trạch Đông đưa ra việc Trung ương phân ra làm tuyến một, tuyến hai, hoạt động của Cao Cương càng tích cực hơn. Lúc đầu, ông ta được Lâm Bưu ủng hộ nên mới dám làm mạnh tay. Lúc ấy, Đông Bắc là do ông ta quản lý, Trung Nam là do Lâm Bưu, Hoa Đông là do

Nhiêu Tấu Thạch. Đối với Tây Nam, ông ta dùng biện pháp lôi kéo, chính thức đàm phán với tôi, nói rằng đồng chí Lưu Thiếu Kỳ chưa đủ độ chín, tranh thủ tôi vào cùng với ông ấy để đánh đổ Lưu Thiếu Kỳ.

Tôi tỏ rõ thái độ nói rằng: vị trí trong Đảng của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ là do lịch sử hình thành nên, xét một cách toàn diện, đồng chí ấy là một người tốt, thay đổi vị trí của đồng chí ấy là một việc không thoả đáng. Cao Cương cũng tìm gặp Trần Vân đàm phán, ông ta nói: Chỉ cần hai phó Chủ tịch là tôi (Cao Cương, và đồng chí là được. Như vậy, Trần Vân và tôi đã thấy vấn đề đã rất nghiêm trọng, liền phản ánh lại với Mao Trạch Đông để chủ tịch lưu ý tới vấn đề này".

Mối liên hệ trong công tác giữa Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình ngày càng được tăng cường chính là bắt đầu từ vấn đề xử lý Cao Cương.

Sau khi biết chuyện bị bại lộ, Cao Cương định giải thích với Mao Trạch Đông khi ông đang nghỉ ở Hàng Châu. Ngày 22 tháng 1 năm 1954, Mao Trạch Đông gửi điện cho Lưu Thiếu Kỳ nói rõ Cao Cương không cần đến Hàng Châu gặp ông, "Vấn đề mà Cao Cương muốn bàn bạc có thể bàn với đồng chí và Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình là được rồi". Trước đó, ngày l6 tháng 1, Lưu Thiếu Kỳ lúc đó đang chủ trì công tác Trung ương đã gửi bản “kiểm thảo" cho Chu Ân Lai, Trần Vân, Bành Đức Hoài, Đặng Tiểu Bình để xem xét. Căn cứ vào chỉ thị này, ngày 25 tháng 1 và 5 tháng 2, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình đã hai lần gặp Cao Cương nói chuyện và ngày 3 tháng 2, Chu Đức, Trần Vân và Đặng Tiểu Bình đã gặp Nhiêu Tấn Thạch nói chuyện. Sau đó, Hội nghị Trung ương 4 khoá 7 ở Bắc Kinh đã chính thức phê bình Cao Cương và Nhiêu Tấn Thạch. Vì Mao Trạch Đông vẫn đang nghỉ ở Hàng Châu nên Lưu Thiếu Kỳ chủ trì hội nghị, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình được phân công phê bình Cao Cương và Nhiêu Tấn Thạch. Ngày 6 tháng 2 năm 1954, Đặng Tiểu Bình phát biểu trong hội nghị trong đó có nói tới "bài phát biểu tại Thiên Tân" đầu năm 1949 của Lưu Thiếu Kỳ, đó là một trong những phát đạn mà Cao Cương dùng đánh Lưu Thiếu Kỳ và sau đó cũng là của Lâm Bưu dùng đánh đổ ông trong "cách mạng văn hoá". Về bài nói chuyện đó, Đặng Tiểu Bình nói rõ rằng: "Tôi cho rằng những lời nói đó của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ là nói theo tinh thần của trung ương Đảng. Những lời nói đó trong lúc chúng ta vượt sông xuống phía

nam để giải phóng toàn Trung Quốc không hề phạm sai lầm, mà có tác dụng rất lớn và rất tốt. Tuy trong bài nói có một vài câu chữ mắc lỗi, nhưng chủ nếu là có tác dụng tốt. Tình hình lúc đó ra sao? Lúc đó thiên hạ chưa ổn định, nửa nước Trung Quốc chưa được giải phóng. Chúng ta vừa tiến vào thành phố nên sợ nhất là quá "tả" mà thực sự lúc đó đã có khuynh hướng tả xuất hiện rồi. Trong tình hình đó Trung ương có thái độ kiên quyết sửa chữa và phòng chống "tả khuynh" là hoàn toàn chính xác. Sau khi chúng vượt sông, theo tinh thần Trung ương, chúng ta tiếp quản thành phố bằng thái độ thà “hữu" chứ không thể "tả" được, bởi "tả” sẽ gây nên tổn thất khó lường và cũng khó mà sửa được. Còn Cao Cương và Nhiêu Tấn Thạch chủ yếu và do có dã tâm, có âm mưu chia rẽ nghiêm trọng. Tháng 5 năm 1949, Lưu Thiếu Kỳ thảo điện Cục Đông Bắc do Cao Cương lãnh đạo đã quá "tả" trong vấn đề chủ nghĩa tư bản tư nhân và giai cấp tư sản dân tộc, Mao Trạch Đông đã duyệt và ký gửi bức điện đó, còn tự tay thảo thông tri yêu cầu các địa phương "Căn cứ vào kiểm tra công tác của mình, tích cực khắc phục những sai lầm của chủ nghĩa cơ hội tả khuynh trong việc đối xử với giai cấp tư sản dân tộc. Nếu không khắc phục những sai lầm đó sẽ phạm phải sai lầm về đường lối. Mùa xuân năng 1950 Lưu Thiếu Kỳ lai phê bình Cục Đông Bắc về tư tưởng tả khuynh, vội vã đưa ngay nông thôn bước vào giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hạn chế việc làm cá thể và thuê mướn nhân công, yêu cầu Cục Đông Bắc phải phòng ngừa bệnh cấp tính"... Trên thực tế, Cao Cương và Nhiêu Tấn Thạch chính là nhân vật đại diện cho phái tả đầu tiên xuất hiện trong nước Trung Quốc mới, chống lại hai người này thực tế cũng là "chống tả!".

Năm 1954 Đặng Tiểu Bình trở thành Bộ trưởng Bộ Tổ chức Trung ương, chánh thư ký Trung ương, Năm 1956, ông được vào Thường vụ bộ Chính trị và là Tổng Bí thư Ban Bí thư. Tuy vẫn đảm nhiệm chức Phó Thủ tướng, nhưng trọng tâm công tác là công tác Đảng. Từ đó đến "cách mạng văn hoá" Lưu Thiếu Kỳ chủ trì công tác hàng ngày của Đảng. Sự mật thiết trong quan hệ công tác giữa hai người là điều hiển nhiên.

Ngày 5 tháng 11 năm 1967, khi nói chuyện với các thành viên cách mạng văn hoá Trung ương, Mao Trạch Đông nói: "Lưu Đặng cùng nhau hợp tác" và điểm lại hai ví dụ điển hình, một là nghị quyết Đại hội 8 và hai là "Mười điều sau".

Nghị quyết Đại hội 8 do Mao Trạch Đông trực tiếp chỉ đạo thông qua. Mao Trạch Đông chủ trì 19 lần họp thảo luận Báo cáo Chính trị Đại hội 8, mỗi lần dự thảo hầu như đều gửi Mao Trạch Đông thẩm định, rất nhiều vấn đề đều do Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ sau khi cùng nhau bàn bạc thống nhất cuối cùng mới xác định. Quyết nghị thông qua báo cáo chính trị được phân phát cho Đại hội sau khi Mao Trạch Đông và các uỷ viên thường vụ thảo luận thông qua vào ngày 26 tháng 9 năm 1956. Đương nhiên là Lưu Thiếu Kỳ chủ trì khởi thảo và thay mặt Trung ương trình bày trước Đại hội, còn Đặng Tiểu Bình chỉ là một thành viên chủ yếu của Ban soạn thảo, đứng thứ ba sau Lưu Thiếu Kỳ và Trần Vân. Lúc đó Đặng Tiểu Bình vẫn còn là Chánh Văn phòng chủ trì công tác tổ chức Đại hội, và trong Đại hội này ông mới được bầu làm uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng. Do vậy, trong công tác thực tế, sự phối hợp giữa hai ông có nhiều hơn là điều đương nhiên.

Nghị quyết Đại hội 8 về sau trở thành một "vấn đề", chủ yếu là vấn đề phán đoán về mâu thuẫn chủ yếu.

Báo cáo chính trị Đại hội 8 cho rằng: "Mâu thuẫn chủ yếu trong nước ta đã là mâu thuẫn giữa yêu cầu xây dựng một nước công nghiệp tiên tiến với hiện thực là một nước nông nghiệp lạc hậu, giữa nhu cầu phát triển nhanh kinh tế văn hoá với tình trạng kinh tế văn hoá không thoả mãn nhu cầu của nhân dân hiện nay". Cùng với nó là nhiệm vụ chủ yếu, chính và xây dựng kinh tế văn hoá và xây dựng hiện đại hoá. Đó chính là việc trọng tâm của thời kỳ cải cách mở cửa của Trung Quốc và tiền thân của chỗ dựa chính trị của nó là hoàn toàn chính xác và cực kỳ quan trọng. Nhưng chỉ qua một năm đã bị sửa đổi một cách rất đáng tiếc. Sự sửa đổi này đương nhiên là tập thể chịu trách nhiệm, nhưng hiển nhiên không phù hợp với tư tưởng của Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình lúc bấy giờ.

Tháng 4 năm 1957, "Mâu thuẫn nội bộ nhân dân" căng thẳng. Đảng đã nhanh chóng chuyển thành phong trào chỉnh phong “chống hữu". Nhưng khi nói chuyện ở Tây An, Đặng Tiểu Bình đã chỉ rõ: "Nhiệm vụ từ nay về sau là gì? Nhiệm vụ của cách mạng vẫn còn một bộ phận nhưng không nhiều lắm. Nhiệm vụ chủ yếu từ nay về sau chính là xây dựng". Trong khi nói chuyện, ông còn liên hệ giữa việc chúng "phản ứng" với phát triển kinh tế và nâng cao trình độ lãnh

đạo của Đảng. Ông thẳng thắn nói: "Có một số học sinh và công nhân trẻ còn phản ứng, vì họ luôn cho rằng Nhà nước cho họ quá ít, không thoả mãn yêu cầu của họ, Nhà nước có lỗi với họ", "Hiện nay, Đảng Cộng sản không thể lãnh đạo được trường học và khoa học. Việc này quá lớn!" Cách nhìn của Lưu Thiếu Kỳ lúc đó cũng gần giống như vậy, nhưng ông đã lý luận hoá nó và cho rằng, việc quần chúng "Phản ứng về cơ bản mà nói, là do trong quan hệ sản xuất và sức sản xuất, kiến trúc thượng tầng và cơ sở kinh tế còn tồn tại rất nhiều chỗ không hợp lý hoặc không thật hoàn thiện. Xây dựng rất nhiều công xã lớn, kinh tế xã hội quá đơn giản, quá cứng nhắc, học lên cũng khó, ở lại làm cũng khó, phân phối không hợp lý, cộng thêm chủ nghĩa quan liêu, quần chúng khó tránh khỏi "phản ứng". Tư duy của Lưu và Đặng rất rõ ràng, "phản ứng" cũng là phản ánh của "mâu thuẫn chủ yếu", muốn ngăn chặn ngay từ gốc và phòng chống "phản ứng" thì càng phải kiên trì tốt hơn đường lối của Đại hội 8 của Đảng.

Nhưng từ ngày 20 tháng 9 đến ngày 9 tháng 10 năm 1957, trong Hội nghị Trung ương 3 khoá 8, nhận thức chung trong Đảng đã xuất hiện những sai lệch nghiêm trọng, sau một hồi tranh luận rất gay gắt, "mâu thuẫn chủ yếu" được sửa thành mâu thuẫn giữa hai giai cấp vô sản và tư sản, giữa hai con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa...

Căn cứ vào yêu cầu của Hội nghị Trung ương 3 khoá 8 và đích thân bố trí của Mao Trạch Đông, lý luận về mâu thuẫn chủ yếu mới chỉ được công khai tuyên truyền là mâu thuẫn giữa hai con đường. Nhưng chẳng bao lâu, "Nhân dân nhật báo" số ra ngày 28 tháng 12 năm 1957 và ngày 25 tháng 1 năm 1958 đã lần lượt đăng báo cáo của Giang Hoa và Kha Khánh Thi phát biểu tại Đại hội Đảng ở Thiết Giang và Thượng Hải. Nguyên văn báo cáo của Giang Hoa giống như báo cáo ở Hội nghị Trung ương 3 khoá 8, khi phát biểu về phần mâu thuẫn chủ yếu đã bị sửa đổi rất lớn, cho cuộc đấu tranh giữa hai giai cấp, hai con đường là mâu thuẫn chủ yếu. Tháng 5 năm 1958, trong Đại hội đại biểu nhân dân lần thứ hai khoá 8, Lưu Thiếu Kỳ đã rất khôn khéo sửa lại rằng: "Nhưng trong điều kiện cụ thể trước mắt của nước ta, mâu thuẫn giữa hai giai cấp, hai con đường nói trên trong phần lớn tình huống đã biểu hiện thành mâu thuẫn nội bộ nhân dân". Do đó, trong thời kỳ sau đó, sự ảnh hưởng của "đấu tranh giai cấp" cũng chưa thật

rõ, mà điều ảnh hưởng rất rõ rệt lại chính là "Đại nhảy vọt".

"Đại nhảy vọt" tạo ra nạn đói lớn, như vậy thì làm sao mà phục hồi được sản xuất nông nghiệp. Ngoài Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình ra, còn nhiều đồng chí khác như Đặng Tử Khôi, Điền Gia Anh... đã có sự "phối hợp lớn" bằng cách áp dụng nhiều phương thức trong việc ủng hộ quần chúng tự phát làm "khoán sản tới hộ lao động". Lưu Thiếu Kỳ cho rằng: cần phải đưa việc này thành hợp pháp. Đặng Tiểu Bình nói rõ ý kiến của mình với một số đồng chí đến thỉnh thị rằng ông tán thành và phát biểu "luận thuyết con mèo" nổi tiếng.

Cuối năm 1962, Hội nghị Trung ương 10 khoá 8 họp, thông qua công bố nhấn mạnh đấu tranh giai cấp. Sau đó, phong trào giáo dục xã hội chủ nghĩa đã được triển khai rất rầm rộ. Ngày 9 tháng 5 năm 1963, Trung ương công bố một đề án về quyết định giáo dục xã hội nông thôn gồm 10 điều, sử sách gọi là "mười điều trước". Những điều này nhấn mạnh "đấu tranh giai cấp, đã làm phải làm tốt". Và thế mà khắp nơi ở nông thôn "đấu tố" nổi lên, làm chết rất nhiều người. Tháng 9, dưới sự chủ trì của Đặng Tiểu Bình, Đàm Chấn Lâm, Trung ương đã xây dựng một số chính sách. Sau khi báo cáo Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông đã tự thảo thông tri, yêu cầu đưa các chính sách đó ra tuyên truyền trong toàn quốc. Tiếp đó, dưới sự chủ trì của Lưu Thiếu Kỳ và được Bộ Chính trị thông qua, do Mao Trạch Đông phê chuẩn, tháng 11 năm 1963, các chính sách này đã chính thức trở thành văn kiện và cũng gồm 10 điều, nhưng được gọi là "Mười điều sau". "Mười điều sau" nhấn mạnh phải đoàn kết được trên 95% cán bộ và quần chúng, quy định số cán bộ phải xử lý không được quá 2%, sau sửa thành không quá 1%, nhiều nhất không quá 2%. Ngày 3 tháng 1 năm 1965, trong một hội nghị nội bộ, Mao Trạch Đông đã phê bình đích danh Lưu Thiếu Kỳ và phê bình "Mười điều sau", cho rằng một số cách nói, cách làm của Lưu Thiếu Kỳ và "Mười điều sau" là "một thứ triết học lôi thôi", làm cho phong trào "nguội lạnh".

Từ sau Đại hội 8, công tác lãnh đạo hàng ngày của Đảng và Nhà nước đều do Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình chủ trì. Ngày 28 tháng 5 năm 1966 thành lập mới "Tổ cách mạng văn hoá Trung ương" do Trần Bá Đạt làm tổ trưởng, Khang Sinh làm cố vấn, Giang Thanh, Trương Xuân Kiều làm tổ phó, các thành viên gồm Vương Lực, Quan Phong, Thích Bản Vũ và Diêu Văn

Nguyên. Trước đó, năm 1964 theo đề nghị của Mao Trạch Đông, Ban Bí thư Trung ương đã thành lập một tổ cách mạng văn hoá có 5 người là Bành Trân, Lục Định Nhất, Khang Sinh, Chu Dương, Ngô Lãnh Tây lần lượt thay nhau phụ trách cơ quan tuyên truyền của Đảng và tờ Nhân dân nhật báo. Tổ này do Tổng Bí thư Đặng Tiểu Bình lãnh đạo. Theo quy định thì nó cũng phải lệ thuộc Thường vụ Bộ Chính trị". Nhưng vừa mới thành lập, nó đã độc đoán chuyên quyền rồi.

Ngày 1 tháng 6 năm 1966, Tân Hoa Xã và các cơ quan thông tấn đã phát đi lời ủng hộ của Mao Trạch Đông với "Tờ báo chữ to chủ nghĩa Mác - Lênin đầu tiên trong toàn quốc", đó là tờ báo chữ to do Khang Sinh với danh nghĩa là Nhiếp Nguyên Tử tạo dựng, được dán lên trong khuôn viên trường Đại học Bắc Kinh ngày 25 tháng 5, với nội dung chủ yếu là phê bình Đảng uỷ nhà trường và Thị uỷ Bắc Kinh. Trần Bá Đạt nắm giữ Nhân dân nhật báo, ông không báo cáo Trung ương mà đã tự viết và đăng xã luận "Quét sạch hết bọn ma quỷ" kêu gọi quần chúng đứng dậy đánh gục tất cả gọi là các "chuyên gia, học giả, quyền uy, tổ sư..." đang thống lĩnh mặt trận văn hoá tư tưởng, quét sạch uy phong của chúng". Mấy ngày sau, "Nhân dân nhật báo" do Trần Bá Đạt chủ trì đã liên tiếp đăng xã luận và các bài viết mang tính kích động. Một cuộc "đại cách mạng văn hoá" đã được triển khai rầm rộ và nhanh chóng trong cả nước".

Sự thay đổi đột ngột đó nằm ngoài dự tính của ba ông Lưu, Chu và Đặng, các ông đã triệu tập khẩn cấp hội nghị Bộ Chính trị mở rộng và đưa ra tám điều quy định như: không dán báo chữ to, trên phố, không cho phép đánh người v.v... và quyết định phái tổ công tác đi khống chế tình hình, yêu cầu tổ này "Phải khẩn trương như cứu hoả" vậy. Ngày 9 tháng 6, ba người tới Hàng Châu báo cáo Mao Trạch Đông. Từ ngày 10 đến 12 tháng 6, Mao Trạch Đông chủ trì hội nghị kiểu "mạn đàm" với ba ông ở Hàng Châu, nhưng không thông báo cho các uỷ viên Thường vụ khác là Chu Đức, Trần Vân tham dự, riêng Lâm Bưu xin nghỉ. Tham gia hội nghị còn có các Bí thư Trung ương Cục như Uông Đông Hưng như Trần Bá Đạt... Cả thảy gồm 6 người. Khang Sinh đang đi cùng đoàn khách nước ngoài ở Hàng Châu cũng có mặt tham dự. Trong hội nghị, Mao Trạch Đông nói, việc phái tổ công tác đi quá nhanh cũng không tốt vì họ chưa được chuẩn bị, chẳng

thà cứ để tình hình loạn lên một chút, khi đã rõ ràng sẽ cử tổ công tác đi. Sau hội nghị, từ 16 đến 28 tháng 6, Chu Ân Lai dẫn đầu đoàn đi thăm Rumani và Anbani, cộng với thời gian chuẩn bị và thời gian đi và về nên trong khoảng thời gian ngắn ông không chủ trì các công tác khác của trung ương. Như vậy, các mâu thuẫn của cuộc hỗn chiến" đều tập trung vào Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình. Vậy là sau "Đại Quân Lưu - Đặng" nay lại xuất hiện một "đường lối Lưu - Đặng". Ngày 12 tháng 11 năm 1969, Lưu Thiếu Kỳ ôm nỗi oan ức tạ thế, thọ 71 tuổi.

"Điều tốt và ở chỗ lịch sử do nhân dân viết ra", ngày 17 tháng 5 năm 1980, Đặng Tiểu Bình đọc điếu văn trong lễ truy điệu Lưu Thiếu Kỳ: "Đối với mỗi một nhà sáng lập và lãnh đạo nước Trung Quốc mới, lịch sử đều rất công bằng, không bao giờ quên công lao của bất kỳ ai, cũng giống như các đồng chí Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Chu Đức, đồng chí Lưu Thiếu Kỳ mãi mãi sống trong lòng nhân dân các dân tộc nước ta". Nhân dân Trung Quốc ngày càng cảm nhận sâu sắc rằng, trong sự nghiệp lớn cải cách mở cửa của Trung Quốc, có rất nhiều mặt đều in dấu ấn của Lưu Thiếu Kỳ. Tuy Đặng Tiểu Bình cũng phải đổ theo Lưu Thiếu Kỳ, nhưng chính vì vậy mà khi đứng lên, ông đã có một tư thế và phong thái mới.

Cả cuộc đời rực rỡ của Đặng Tiểu Bình, xét từ bất kỳ mặt nào thì ảnh hưởng lớn nhất tới ông vẫn là Mao Trạch Đông.

Đặng Tiểu Bình "Ba lần lên, ba lần xuống", trong đó có "một lần xuống" không hề có liên quan trực tiếp tới Mao Trạch Đông, nhưng nguyên nhân căn bản là do chủ trương kiến giải và cách làm lúc đó của ông giống như Mao Trạch Đông, nên bị đánh đổ vì bị coi là "đầu sỏ phái Mao", còn bản thân Mao lúc đó cũng bị tước hết quyền lực, chỉ còn lại một chức hư danh là Chủ tịch nước mà thôi. Khi ông "lên lần thứ nhất", "xuống lần thứ hai", "lên lần thứ hai" và "xuống lần thứ ba" đều có liên quan trực tiếp đến Mao Trạch Đông. Cả lên và xuống đều ở trong tay của Mao Trạch Đông. Nhưng nói chung, mỗi lần "lên" đều lên cao hơn trước, còn xuống" tuy phải xuống rất sâu, nhưng về mặt an toàn, đảm bảo cuộc sống, tinh thần đều được sắp xếp tương đối ổn thoả và về mặt chính trị vẫn còn chừa lại "một mảnh đất" cho ông. Khi ông lên lần thứ ba" thì Mao Trạch

Đông đã qua đời, nhưng từ đầu đến cuối vẫn là bốn chữ "thực sự cầu thị" mà Mao Trạch Đông đưa ra, chỉ đạo ông sáng tạo sự nghiệp vĩ đại cải cách mở cửa, cơ sở mà Mao Trạch Đông tạo dựng và những lời giáo huấn của Mao cũng là tiền đề cơ bản để cải cách mở cửa giành được thắng lợi to lớn.

Trong Đảng, Đặng Tiểu Bình vốn từ lâu đã thuộc "phái trẻ khoẻ", 23 tuổi đã làm chánh Văn phòng Trung ương, 25 tuổi tới Quảng Tây trấn giữ một phương, sau trở thành chính uỷ chung của hai Quân đoàn 7 và 8. Nhưng năm 27 tuổi, đầu tiên bị dựa vào "lãnh cung" treo nửa năm, rồi sau biến thành "Quan thất phẩm" - Bí thư huyện uỷ, sau được lên cao hơn một chút là Bí thư huyện uỷ trung tâm. Tiếp đó được lên làm cục trưởng tuyên truyền trong tỉnh uỷ, chưa phục hồi lại chức vụ cũ thì tháng 5 năm 1933 chính thức bị đánh đổ lần thứ nhất. Sau lần lên thứ nhất" được làm chánh thư ký Tổng bộ Chính trị nhưng cũng chỉ ngang cấp cục tuyên truyền trong Tỉnh uỷ mà lại chẳng có việc. Hai ba tháng sau, ông đề nghị làm việc khác và được giao làm cán sự trong bộ phận tuyên truyền, biên tập cho tờ "Sao đỏ" của cơ quan Quân uỷ Trung ương, trở lại chính nghề cũ mà ông đã làm hàng chục năm trời khi còn ở Pháp trước kia. Về mặt danh nghĩa, tờ báo này tương đương với tờ "Báo Quân giải phóng" hiện nay, nhưng lúc đó, trong một thời gian dài chỉ có 3 người làm. Lúc đầu là in chì, nhưng qua cuộc trường chinh, dụng cụ in bị mất phải chuyển sang in bằng khắc gỗ và in dấu, một lần nữa, ông lại trở thành "Tiến sĩ in lito". Vì vậy, khi con gái chuẩn bị viết cuốn "Đặng Tiểu Bình - cha tôi" đã hỏi ông trong cuộc trường chinh ông làm gì, ông chỉ trả lời có ba chữ "cùng đi theo"!

Tháng 1 năm 1935, sau khi bị "xuống" lần thứ nhất, ông thực sự được "lên" lần thứ nhất, khôi phục lại chức chánh Văn phòng Trung ương Đảng, do trước khi đến hội nghị Tuân Nghĩa. Phần lớn cán bộ cao cấp của Đảng và quân đội đến bất mãn với sự lãnh đạo sai lầm của "tả khuynh", tình trạng Mao Trạch Đông bị bài xích đã bắt đầu có chuyển biến. Lúc ấy, rất nhiều cán bộ cao cấp tới chỗ Mao Trạch Đông phản ánh tình hình và trao đổi ý kiến. Ảnh hưởng của Mao Trạch Đông trong Đảng và quân đội ngày càng tăng. Sau khi Mao Trạch Đông có được quyền phát ngôn, thì dưới ảnh hưởng của ông mà Đặng Tiểu Bình mới được khôi phục lại chức vụ.

Từ 15 đến l7 tháng 1 năm 1935, hội nghị Tuân Nghĩa có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử đã được triệu tập, Đặng Tiểu Bình cũng được tham gia hội nghị này. Tại hội nghị, Ban lãnh đạo Đảng mà Mao Trạch Đông là hạt nhân đã thực sự hình thành. Tổ lãnh đạo gồm ba người Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Vương Gia Tường phụ trách các hoạt động quân sự của toàn quân, một lần nữa, Đặng Tiểu Bình lại bước vào quân đội, lần lượt qua các chức vụ khác nhau để cuối cùng, vào tháng 1 năm 1938 trở thành Chính uỷ Sư đoàn 129. Lưu Anh, người thay chức chánh Văn phòng của Đặng Tiểu Bình nhớ lại: Khi bà nhận được thông báo đến Trung ương, Mao Trạch Đông nói với bà: "Đồng chí Đặng Tiểu Bình phải lên tiền tuyến, tôi đề cử đồng chí thay thế Đặng Tiểu Bình". Lưu Anh trả lời: "Đồng chí Đặng Tiểu Bình văn võ song toàn, tôi sợ không làm nổi". Mao Trạch Đông cười nói: "Sẽ làm được!", ông giới thiệu thêm: "Phía trước yêu cầu phải tăng cường, đồng chí Đặng rất có tài năng, nên điều đồng chí ấy đi để phát huy tác dụng tốt hơn".

Mọi người đều biết, Sư trưởng, Chính uỷ và Sư phó của ba sư thuộc Bát lộ quân đều là những chức vụ quan trọng nhất, những người được lựa chọn lúc đó là: Sư 115 có Lâm Bưu, La Vĩnh Hằng, Nhiếp Vĩnh Trăn, Sư 120 có Hạ Long, Quan Hướng Ứng và Sư 129 có Lưu Bá Thừa, Đặng Tiểu Bình, Từ Hướng Tiền, đều là những nhân tài ưu tú nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vì sao Đặng Tiểu Bình lại được giữ trọng trách đó? Ta có thể suy đoán từ cách nhìn nhận về ông của Mao Trạch Đông bắt đầu từ thời kỳ "cách mạng văn hoá".

Tháng 5 năm 1967, Mao Trạch Đông đã nói chuyện với Đặng Tiểu Bình, đó là lần nói chuyện đầu tiên kể từ sau khi ông chính thức bị phê phán và cũng là lần nói chuyện cuối cùng của Mao Trạch Đông với ông trước khi ông được phục hồi vào năm 1973.

Theo lời giới thiệu trong cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - người cha tôi thì cuộc nói chuyện đó bắt đầu từ rất khuya đến tận gần sáng hôm sau, trong đó vấn đề chủ yếu được nói tới là vấn đề trong những năm 80, Đặng Tiểu Bình từ Quân đoàn 7 Hồng quân đến Thượng Hải để báo cáo công tác với trung ương. Vấn đề này chính là then chốt của việc lúc đó ông "có vấn đề lịch sử hay không, đồng thời cũng là vấn đề lịch sử mà "tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình" muốn thẩm tra.

Mao Trạch Đông đã trực tiếp nói vấn đề này với ông hiển nhiên là để bản thân ông tính toán. Những năm 70, khi Đặng Tiểu Bình được phục hồi, Mao Trạch Đông đã vài lần nói với ông rằng: "Quân đoàn 7 rất biết đánh giặc". Lịch sử của quân đoàn này Mao Trạch Đông hiểu rất rõ, tháng 11 năm 1931, tự tay Mao Trạch Đông đã giao lá cờ gấm có thêu bốn chữ "chuyển chiến thiên lý" cho đơn vị, mà lúc đó, đơn vị này là đơn vị bị Trung ương phê bình gay gắt, Quân đoàn trưởng Lý Minh Thuỵ, chủ nhiệm chính trị Hứa Tiến và một số đồng chí khác đã bị quân của Vương Minh bắn chết trong khoảng tháng 10 năm 1931. Trước khi nhận chức Chính uỷ sư 129, chính Đặng Tiểu Bình đã ở đơn vị đó. Về cách nhìn nhận Đặng Tiểu Bình là người "biết đánh giặc" của Mao Trạch Đông, có lẽ bắt đầu được hình thành ngay từ đầu những năm 30, khi ông ở Quân đoàn 7.

Ông được phục hồi trong những năm 70, một vấn đề mà ai cũng biết chính là "Sự kiện Đặng - Mao - Tạ - Cổ". Ngày 14 tháng 8 năm 1972, Mao Trạch Đông đã có một đoạn phê rất dài hiếm thấy lúc đó, điều này cho thấy, sự kiện này để lại cho ông ấn tượng rất mạnh. Mặt khác, "Mao" trong bốn người trên là Mao Trạch Đàm, em ruột Mao Trạch Đông. Trong bốn người này, trừ Đặng Tiểu Bình ở bộ đội tham gia cuộc trường chinh ra còn ba người kia đều là "có vấn đề", được giữ lại khu Xô viết rồi lần lượt bị hy sinh. Về việc này, Mao Trạch Đông rất đau khổ, ông đã từng nói trong hội nghị mở rộng Bộ Chính trị rằng; chống Đặng, Mao, Tạ, Cổ chính là chửi gà mắng chó, ba trong bốn người đó đã chết, mong rằng Đặng Tiểu Bình cố gắng vì Đảng vì dân, niềm hy vọng lớn lao đó như là niềm hy vọng của một người anh đối với đàn em. Đương nhiên, cái quan trọng hơn của sự kiện này đã cho thấy rõ, dưới áp lực chính trị rất lớn đó, Đặng Tiểu Bình vẫn kiên trì thực hiện phương châm đường lối thực sự cầu thị không hề thay đổi, và trong thời điểm đó là quan trọng và căn bản nhất. Lúc đó, một số vấn đề trong Đảng chưa hoàn toàn được giải quyết, lại phải kết hợp với Quốc dân Đảng thành một mặt trận thống nhất dân tộc chống Nhật, vấn đề về chính trị hết sức phức tạp. Nếu người lãnh đạo một đội quân lớn mà không cứng rắn, “nghe gió thành mưa" tư tưởng chính trị không vững vàng thì dù sức chiến đấu của bộ đội có mạnh đến mấy cũng sớm bị tiêu diệt. Về mặt này, Hồng quân đã có một bài học vô cùng đau xót.

Mao Trạch Đông trọng dụng Đặng Tiểu Bình hơn chính là từ chiến dịch Hoài Hải và chiến dịch vượt sông.

Chiến dịch Hoài Hải vốn có qui mô tương đối nhỏ, về sau gọi là "tiểu Hoài Hải" do đích thân Mao Trạch Đông bố trí. Trong quá trình thực hiện, ba ông Lưu, Trần, Đặng căn cứ vào sự thay đổi của tình hình, nên ngày 5 tháng 11 năm 1948 đã đề xuất Quân uỷ Trung ương phương án tác chiến khu vực huyện Túc, Bang Phụ: tiến công đánh chiếm huyện Túc đoạn giữa Từ Châu và Bang Phụ, cắt đứt tuyến Tân Phố, ngăn chặn địch rút về hướng Nam theo tuyến này. Phương án này có nghĩa là mở rộng kế hoạch cũ là chỉ tiêu diệt một phần quân chủ lực của tập đoàn Lưu Trĩ thành tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn này.

Tập đoàn này cộng với binh đoàn tăng viện của Hoàng Duy có tới hơn 70 vạn quân, lớn hơn đại quân Lưu - Đặng (chỉ có 60 vạn). Đây là một phương án đi ngược lại với qui tắc thông thường trong quân sự cho nên ngay cả Mao Trạch Đông - Một người rất mạnh dạn, trong bức điện gửi ngày 23 tháng 11 cũng phải thừa nhận chưa dám tính toán đến như vậy". Phương án này đầu tiên do Lưu Bá Thừa đưa ra ngày 3 tháng 11, Trần Nghị và Đặng Tiểu Bình hiểu rõ ông là người "túc trí đa mưu" "cẩn thận đến từng chân tơ kẽ tóc", nên rất quyết đoán khởi thảo phương án và báo cáo Quân uỷ. Phương án này có ý nghĩa chiến lược to lớn, được Mao Trạch Đông và Quân uỷ Trung ương rất coi trọng. Trong các ngày 9 đến 11 tháng l1, đã liên tục gửi điện cho ba ông yêu cầu dốc toàn lực đánh chiếm huyện Túc, khống chế đường rút lui của địch càng nhanh càng tốt", đồng thời còn đề ra được phương châm tiêu diệt chủ lực của Hữu Trĩ. Như vậy, "tiểu Hoài Hải" đã trở thành "đại Hoài Hải".

Do sự thay đổi như vậy, nên nhiệm vụ, ý nghĩa và sự gian khó cũng có những thay đổi rất lớn. Ngày 16 tháng 11 năm 1948 chính là ngày tiến công tiêu diệt và chiếm huyện Túc, đồng thời khống chế tuyến đường sắt dài 200 dặm và khu vực tiền duyên, Quân uỷ Trung ương ra lệnh: Thành lập Đảng uỷ tiền phương chiến dịch Hoài Hải gồm 5 người là: Lưu Bá Thừa, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình, Túc Dụ và Đàm Chấn Lâm; do Đặng Tiểu Bình làm Bí thư, Lưu Bá Thừa, Trần Nghị và Đặng Tiểu Bình làm uỷ viên thường vụ, Đảng uỷ thống soái lãnh đạo, xử lý tất cả mọi việc liên quan tới chiến dịch. Trung ương còn đặc biệt chỉ thị, trong

tình trạng khẩn cấp, ba đồng chí thường vụ được toàn quyền giải quyết không phải thỉnh thị. Mao Trạch Đông trực tiếp nói với Đặng Tiểu Bình: "Giao cho đồng chí chỉ huy. Trước khi chiến dịch giành thắng lợi, Đảng uỷ tiền phương còn nhận lệnh chuẩn bị chiến dịch vượt sông, cũng là trận quyết chiến cuối cùng để giành thắng lợi trong toàn quốc, Mao Trạch Đông lại nói một lần nữa với Đặng Tiểu Bình "giao cho đồng chí chỉ huy". Chiến dịch Liêu Thẩm trước đó và trước chiến dịch Hoài Hải mười ngày chưa thành lập Đảng uỷ tiền phương, nên việc thành lập Đảng uỷ tiền phương do Đặng Tiểu Bình làm Bí thư rõ ràng là một sự tín nhiệm rất lớn với ông.

"Trị quốc phải lấy việc xử lý tài chính làm đầu". Thời kỳ mới thành lập nước Trung Quốc mới, Đảng Cộng sản chưa có kinh nghiệm trong công tác tài chính thu thuế. Chế độ thuế mới công bố năm 1952, chỉ thực hiện được nửa năm rồi do vấn đề quá nổi cộm, đích thân Mao Trạch Đông xem xét và quyết định ngừng thực hiện. Trong khi làm lai chế độ mới, trong Trung ương đã có sự chia rẽ, Cao Cương - người có quyền thế rất lớn lúc đó đã lợi dụng sự chia rẽ này thổi bùng lên ngọn lửa làm cho vấn đề trở nên hết sức nghiêm trọng. Chu Ân Lai không thể giải quyết ngay được liền thỉnh thị Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông đã đích thân đứng ra "chọn tướng", điều Trần Vân và Đặng Tiểu Bình về. Ngày 18 tháng 9 năm 1958, Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình đã phải kiêm nhiệm chức Phó chủ nhiệm Uỷ ban tài chính Trung ương và Bộ trưởng Tài chính. Như vậy, sau khi đã kinh qua các công tác tuyên truyền, Đảng vụ, chính quyền và quân sự, ông lại bắt đầu đứng mũi chịu sào làm công tác chuyên môn đặc biệt quan trọng trong thời kỳ xây dựng đất nước. Dưới sự chủ trì của ông, tài chính nhà nước trong năm 1954 đã có số dư là 1,6 tỉ đồng, là một năm có tình trạng tài chính tốt nhất trong 5 năm dựng nước.

Do vậy mà một con người tài năng khó kiếm như ông phải gánh vác công việc ngày càng nhiều hơn. Ngoài những chức vụ nói trên, ông vẫn là Bí thư thứ nhất Cục Tây Nam, (cho đến năm 1954 ông vẫn giữ cương vị đó) ngoài ra còn kiêm Trưởng ban tổ chức Trung ương, Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện, Phó Chủ tịch uỷ ban Quốc phòng, Thường vụ Hội nghị hiệp thương chính trị toàn quốc khoá 2 và cả chức chánh Văn phòng Trung ương Đảng nữa. Như vậy, ông trở

thành người phụ trách xử lý công tác hàng ngày một cách toàn diện của cả Đảng, chính quyền, Quân đội và Mặt trận thống nhất. Tháng 9 năm 1956, trong Hội nghị Trung ương 1 khoá 8 ông được bầu là Tổng Bí thư, vào Thường vụ Bộ Chính trị, cùng sát cánh với những nhân vật khổng lồ như Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Trần Vân...

Với Ban Thường vụ mới này, Mao Trạch Đông đã nói rõ, một số người chúng tôi, cả bản thân tôi, đồng chí Tổng Tư lệnh, đồng chí Lưu Thiếu Kỳ không thể lên sân khấu đóng vai chính được, không có tư cách làm việc đó. Các đồng chí Chu Ân Lai, Trần Vân, Đặng Tiểu Bình đều là những người trẻ khoẻ.

Riêng đối với Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông nói: Tôi thấy đồng chí Đặng là người công tâm. Cũng như tôi, đồng chí ấy không phải là không có khuyết điểm, nhưng tương đối công tâm. Đồng chí ấy tương đối có tài cán, tương đối biết làm việc. Ai nói việc gì đồng chí ấy cũng làm tốt là không phải; cũng như tôi, có rất nhiều việc làm sai, có việc nói sai, nhưng nếu mang ra so sánh thì đồng chí ấy là người biết làm việc; tương đối chu đáo, công tâm, là người có đức độ, không làm người khác sợ. Hôm nay tôi tuyên truyền cho đồng chí ấy vài câu, đồng chí ấy nói không làm được, tôi thấy đồng chí ấy làm được. Thuận hay không phải xem dư luận của mọi người ra sao, tôi thấy là tương đối thuận. Người không hài lòng với đồng chí ấy cũng có, cũng như có người không hài lòng với tôi, tôi đắc tội với rất nhiều người, hôm nay, những người này bầu tôi là vì họ quan tâm tới đại cục. Ai nói Đặng Tiểu Bình không đắc tội với người khác? Tôi không tin chuyện đó. Nhưng đại thể mà nói, đồng chí ấy là người tương đối quan tâm tới đại cục, tương đối đạo đức, xử lý vấn đề tương đối công minh, rất nghiêm khắc với khuyết điểm của mình. Đồng chí ấy nói, mình có một chút lo thật, nhưng đồng chí ấy đã trải qua đấu tranh trong Đảng.

Sự tín nhiệm và trọng dụng của Mao Trạch Đông đối với Đặng Tiểu Bình đã đạt tới đỉnh cao.

Năm 1958, Mao Trạch Đông khi nói với Khơ-rút-xốp về một vài người kế cận, ông tiếp Đặng Tiểu Bình đứng thứ hai sau Lưu Thiếu Kỳ, trước Chu Ân Lai. Theo ông: Đặng Tiểu Bình là một người không đơn giản, vừa có tính nguyên tắc lại có tính linh hoạt, là một nhân tài khó kiếm.

Tháng 4 năm 1959, trong Hội nghị Trung ương 7 khoá 8, Mao Trạch Đông đã nói một vài câu khiến mọi người phải giật mình; ông nói ông là chủ soái tức là Đại Nguyên soái, Đặng Tiểu Bình là Phó Tổng tư lệnh, tức là Phó Nguyên soái, hai người chúng tôi một chủ một phó. Đồng chỉ Đặng Tiểu Bình, đồng chí đã lên soái, khi có quyền lực trong tay, phải thi hành mệnh lệnh, đồng chí có dám không? Đồng chí là Tổng Bí thư của Ban Bí thư, cũng là Tổng Bí thư của Thường vụ, của Bộ Chính trị và Tổng Bí thư của Ban Chấp hành Trung ương, còn là Tổng Bí thư của tôi.

Rất nhiều sách báo coi câu nói này là sự đánh giá cao độ của Mao Trạch Đông đối với ông, và hầu như công khai chỉ định ông là người kế cận. Nhưng chúng tôi cho rằng, những câu nói đó có chút gì như thể thăm dò, nhưng cũng khiến cho người ta có một cảm giác phải cẩn thận và chú ý, còn xa mới có lợi với Đặng Tiểu Bình vì những câu "tương đối thế này, tương đối thế kia" đã nói trên. Bởi sau khi Lâm Bưu vào thường vụ thì trong Đảng, Đặng Tiểu Bình chỉ xếp hàng thứ bảy, tức là vị trí cuối cùng trong tập thể lãnh đạo cao nhất, sự khác nhau giữa "một đầu một cuối" với "một chính một phụ" thật quá lớn.

Ngày 25 tháng 10 năm 1966, sau khi nghe Hội nghị công tác Trung ương báo cáo về việc phê phán Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông đã nói:

"Đặng nặng tai", vào cuộc họp luôn ngồi ở chỗ cách ông rất xa, ông ta (Đặng) là người "kính nhi viễn chi" với ông. Ông ta không bao giờ tìm đến tôi, từ năm 1959 đến nay, 6 năm không báo cáo công tác gì với tôi cả. Điều này cho thấy rằng, Mao Trạch Đông không hài lòng với Đặng Tiểu Bình bắt đầu từ năm 1959.

Từ ngày 2 tháng 7 đến ngày 1 tháng 8 năm 1959, tại Lư Sơn, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần cuối cùng về việc Bành Đức Hoài và một số người bị qui là "Tập đoàn phản Đảng". Rất may cho Đặng Tiểu Bình là do ông chơi bóng bàn bị ngã gãy xương chân nên phải ở lại Bắc Kinh, không tham gia hội nghị được. Nhưng thái độ của ông rất rõ ràng, phương pháp đưa ra ý kiến của Bành Đức Hoài có vấn đề, nhưng bản thân ý kiến là chính xác, còn về "Phản Đảng" hay tập đoàn" gì đó thì tuyệt đối không hề có.

Ở một khía cạnh khác, sự chia rẽ Mao Trạch Đông cũng bắt đầu nảy sinh.

Tháng 8 năm 1961, Hội nghị công tác Trung ương lại được tổ chức ở Lư Sơn.

Trước hội nghị, Trác Lâm - phu nhân Đặng Tiểu Bình nhẹ nhàng đóng chặt cửa lại đi tới bên ông, nói bằng giọng đầy lo lắng và cảnh giác: "Tôi có một vài điều không biết có nên nói cho ông biết không?

- Bà không nói tôi cũng đã biết bà định nói gì rồi. Chắc bà lo tôi đi theo con đường của Bành Đức Hoài và sẽ bị chụp mũ phê bình chứ gì?" - Đặng Tiểu Bình thẳng thắn nói.

- Tránh voi chẳng xấu mặt nào, ông đừng nói quá thẳng thắn kẻo lại phải bị chụp mũ mà quay về Bắc Kinh".

Đặng Tiểu Bình cười nói: "Lần ấy, nghe nói có người đến Lư Sơn mang trong cặp hai bài nói, một bài dùng khi Bành Đức Hoài giành được lợi thế, một bài dùng khi Mao Trạch Đông giành thắng lợi. Tôi không là loại người hai mặt đó. Người cộng sản sẽ phải nói thật, cái gì cần nói tôi sẽ nói, "đại nhảy vọt" thật quá đáng, phản lại qui luật khách quan".

Hội nghị Lư Sơn lần này chủ yếu thảo luận bản "dự thảo" về "Bảy mươi điều trong công nghiệp do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo soạn thảo khi thảo luận, bản dự thảo đã bị phê phán gay gắt về mặt nguyên tắc, chủ yếu là: Có điểm mạo phạm, hầu như xoá bỏ mọi thứ của đại nhảy vọt; chế độ trách nhiệm của Xưởng trưởng quá nổi bật mà hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng, quá đề cao nhấn mạnh mặt tôn trọng khoa học mà không làm nổi bật tư tưởng dám nghĩ dám làm; quá nhấn mạnh khâu quản lý mà không làm nổi bật phát động phong trào quần chúng v.v... Trước tình hình đó, Điền Gia Anh đưa ra kiến nghị Ban Bí thư cần thảo một bức thư chỉ thị. Ban Bí thư đồng ý; giao cho Điền Gia Anh viết. Bức thư chỉ thị này được viết theo ngôn ngữ chính trị tiêu chuẩn lúc đó, trên thực tế không thống nhất với dự thảo "Bẩy mươi điều". Ngày 17 tháng 9, Mao Trạch Đông phê trên bản dự thảo “Chỉ thị và nguyên tắc chung đã duyệt, rất tốt". Về sau Đặng Tiểu Bình nói: "Lúc đó, Mao Trạch Đông rất hài lòng với bản dự thảo và rất tán thành. Ông nói chúng tôi phải thảo ra một số qui tắc mới được" Về mặt chữ nghĩa thì lời phê đó cũng chỉ là khẳng định "Chỉ thị và nguyên tắc chung" chứ chưa làm cụ thể từng điều. Do đó, trong "cách mạng văn hoá nó đã trở thành" cương lĩnh đen phục hồi tư bản chủ nghĩa" "dám cô độc của chủ nghĩa xét lại”.

Đặng Tiểu Bình cảm thấy được an ủi phần nào chính là việc Mao Trạch Đông chưa hề phê bình bản dự thảo đó, và tới tận phút lâm chung, văn kiện đó vẫn được đặt bên gối của ông.

Theo Đặng Tiểu Bình vấn đề công nghiệp lúc đó không có gì nhưng về nông nghiệp thì có vấn đề. Tháng 7 năm 1962, trong đại hội của Đoàn thanh niên Cộng sản, ông đã phát biểu một bài nói có mang một chút "luận thuyết con mèo". Ít lâu sau, khi Mao Trạch Đông phê bình việc khoán sản tới hộ lao động, có hỏi tới bài nói trên của ông.

Tháng 1 năm 1965, trong hội nghị các Bí thư đại khu, Mao Trạch Đông đã phê bình việc Bắc Kinh có hai "vương quốc độc lập, một là Ban Bí thư do Đặng Tiểu Bình lãnh đạo và một là uỷ ban kế hoạch Nhà nước do Lý Phú Xuân lãnh đạo.

Tháng 3 năm 1965, Đặng Tiểu Bình nói thẳng: Hiện nay có người không dám viết nữa, mỗi ngày Tân Hoa Xã chỉ nhận được có hai bài, sân khấu cũng chỉ diễn cảnh binh lính đánh nhau, điện ảnh đâu có hoàn thiện gì? Cái này không cho diễn cái kia cũng không cho diễn. Có thể diễn về các đế vương khanh tướng, viết kịch lịch sử để biểu hiện trí tuệ của họ.

Đến cuối năm 1965, mâu thuẫn Mao - Đặng càng nhiều hơn.

Trước tiên là việc phê Ngô Hàm (vốn là Phó Thị trưởng Bắc Kinh, một nhà sử học).

Tháng 11 năm 1965, "Báo Văn Hối" của Thượng Hải đã phê phán Ngô Hàm. Bành Chân báo cáo Đặng Tiểu Bình tâm lý của Ngô Hàm có vấn đề. Đặng Tiểu Bình trả lời: "Tôi đã xem vở kịch Hải Thuỵ do Mã Liên Lương diễn, thấy chẳng có gì sai cả... Đồng chí nói với giáo sư (Ngô Hàm), chẳng có gì tài giỏi cả, chúng ta cứ đánh bài đi. Chính trị và học thuật nhất định phải tách bạch ra, lẫn lộn vào nhau rất nguy hiểm, sẽ làm tắc nghẽn con đường ngôn luận". Đúng là ông và Ngô Hàm tiếp tục đánh bài thật, ông còn nói: Xin giáo sư chớ thở ngắn than dài, đâu phải việc gì cũng vui vẻ cả "sợ gì"!

Trời có thể sập xuống chăng? Tôi năm nay đã 61 tuổi rồi, từ khi tham gia cách mạng đến nay đã phải chịu bao sóng gió rồi. Tôi chỉ có hai kinh nghiệm, thứ nhất không sợ, thứ hai lạc quan, nhìn xa, nhìn lên phía trước, tất cả sẽ làm

được hết. Có chúng tôi đứng mũi chịu sào giáo sư có thể yên tâm!" Sau đó, Đặng Tiểu Bình chống đỡ không nổi, nhưng nếu giáo sư nghe theo lời khuyên của Đặng Tiểu Bình thì quả thật cũng là "chẳng có gì tài giỏi cả".

Đồng thời, người bị đưa ra có vấn đề lại là Dương Thượng Côn, ông này là người bạn già đã quen biết từ năm 1932 của Đặng Tiểu Bình, đã cùng công tác với nhau rất lâu; khi ông nhận chức Bí thư dự khuyết Ban Bí thư chủ nhiệm Văn phòng Trung ương thì ông là cấp dưới chủ yếu của Đặng Tiểu Bình, khi ấy làm Tổng Bí thư. Ông đã bị bãi chức vì bị tố giác là "đặt máy nghe trộm". Về sau, trong "kiểm thảo" Đặng Tiểu Bình nói, ông không nhận thức được đó là việc gì. Sau khi bị miễn chức, Dương Thượng Côn bị điều xuống Quảng Đông, Đặng Tiểu Bình đã đón con gái ông ta về nhà ở một thời gian, khi cô lên Bắc Kinh học.

Ít lâu sau lại xuất hiện vấn đề của La Thuỵ Khanh.

La Thuỵ Khanh là Bí thư Ban Bí thư, Tổng Tham mưu trưởng Quân giải phóng, tháng 12 năm 1965 bị tố cáo là "cướp xe", trong hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, do đích thân Mao Trạch Đông chủ trì, ông đã bị phê bình. Trong thời gian hội nghị, Đặng Tiểu Bình suốt ngày đăm chiêu chẳng nói gì cả. Trác Lâm không biết xảy ra chuyện gì lớn nhưng lại không dám hỏi. Ngày 10 tháng 12 Mao Trạch Đông sắp xếp cho Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình gặp La Thuỵ Khanh.

Đặng Tiểu Bình đưa cả phu nhân đi cùng nói là đi thăm La Thuỵ Khanh để bà khuyên nhủ Hách Trị Bình - phu nhân La Thuỵ Khanh. Lúc ngồi trên xe, bà thấy vẻ mặt hai ông nặng nề nên rất sợ. Vừa gặp phu nhân Hách Trị Bình bà chỉ nói một câu: "Bà hãy thư thái một chút" rồi oà lên khóc. Mao Trạch Đông chỉ định Đặng Tiểu Bình chủ trì việc phê bình La Thuỵ Khanh, nhưng ông lại giao nhiệm vụ đó cho Bành Chân, còn bản thân lại đi khảo sát ba tuyến Đông Bắc. Về sau, Đặng Tiểu Bình làm “kiểm thảo", thừa nhận bản thân không tích cực, không nhiệt tình đối với việc phê bình La Thuỵ Khanh.

Lúc đó, ông chưa ý thức hết tính nghiêm trọng của vấn đề, nên vẫn rất tích cực tới Đông Bắc khảo sát. Các vị lãnh đạo cùng đi với ông còn có Lý Phú Xuân, Uỷ viên Bộ chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện kiêm Chủ nhiệm Uỷ ban kế hoạch Nhà nước; Bạc Nhất Ba, Uỷ viên dự khuyết

Bộ Chính trị Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện kiêm Chủ nhiệm uỷ ban kinh tế Nhà nước và một số lãnh đạo cấp Bộ, uỷ ban của Chính phủ. Mục đích của chuyến khảo sát này là xác định qui hoạch tổng thể việc xây dựng ba tuyến Đông Bắc và thực hiện chỉ thị của Mao Trạch Đông làm gang thép. Đoàn đi với số lượng lớn, thời gian làm việc dài, cần tới nhiều nơi, tiếp xúc với các lãnh đạo địa phương cũng nhiều, lại đang trong thời kỳ mẫn cảm, về sau bị vu cho là một phần của cuộc "Binh biến tháng hai". Ngày 8 tháng 4 năm 1966, Đặng Tiểu Bình bị triệu hồi khẩn cấp về Bắc Kinh, vì Bành Chân, vốn là Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Bí thư thứ nhất thị uỷ Bắc Kinh Thị trưởng thành phố Bắc Ninh lại trở thành nhân vật "Phản Đảng" làm cho Mao Trạch Đông vô cùng tức giận, cuối cùng sự kiện này đã biến thành "Thông tri năm một sáu" đánh dấu sự bắt đầu của "cách mạng văn hoá". Sau khi tìm hiểu tình hình, Đặng Tiểu Bình cho rằng "vấn đề Bành Chân vốn không lớn", ông "không phù hoạ" với việc phê bình Bành Chân, còn ghi cho Bành Chân một thúng quýt để "tỏ rõ thái độ".

Hạ tuần tháng 7 năm 1966, Mao Trạch Đông sau khi bơi ở sông Trường Giang đã quay về Bắc Kinh. Ngay sau đó, Lưu Thiếu Kỳ chủ trì mở hội nghị "Hội báo về Đại cách mạng văn hoá", Mao Trạch Đông nói trong hội nghị rằng, sau khi về Bắc Kinh, ông cảm thấy rất khó, thậm chí có người trấn áp phong trào học sinh lại chỉ cho rằng là phương hướng sai lầm, phải nhanh chóng xoay chuyển. Ngày 24 tháng 7, trong hội nghị Thường vụ và hội nghị các thành viên tổ cách mạng văn hoá Trung ương do Mao Trạch Đông chủ trì, ông đã phê bình Lưu và Đặng, nói rằng việc tổ công tác mà họ phái đi có tác dụng xấu, gây cản trở cho phong trào và chỉ thị phải lập tức giải tán ngay.

Tháng 8 năm 1966, hai ông đã bị phê phán trong Hội nghị Trung ương 11 khoá 8 và thực tế là phải rút ra khỏi công tác lãnh đạo Trung ương. Tháng 10 hội nghị công tác Trung ương tiếp tục phê phán Lưu - Đặng, hai ông đã phải kiểm điểm trước hội nghị. Trong Hội nghị lần đó, Mao Trạch Đông nói, vấn đề của Lưu - Đặng và một số cán bộ là mâu thuẫn nội bộ nhân dân. Cũng không thể hoàn toàn trách cứ đồng chí Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình, họ phạm sai lầm là có nguyên nhân của nó. Mao Trạch Đông còn đưa lại cho Đặng Tiểu Bình bản kiểm tra mà ông đã duyệt và có lời phê của ông trên đó: "Hàng thứ nhất từ sau

chữ "Bổ sung tự đổi mới" liệu có thể thêm một vài câu tích cực vào không, nói ví dụ "Bằng sự cố gắng của bản thân và sự tích cực giúp đỡ của các đồng chí, tôi tin rằng sai lầm sẽ được sửa chữa kịp thời, đề nghị các đồng chí cho tôi thời gian, tôi sẽ đứng lên được, nửa đời làm cách mạng, ngã một lần lẽ nào lại không đứng dậy được!

Tháng 11 việc phê bình đã mở rộng ra toàn xã hội. Ngày 11 tháng 1 năm 1967, Hội nghị Bộ Chính trị chính thức quyết định truất bỏ tư cách tham gia hội nghị của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Đào Chú, Trần Vân và Hạ Long. Ngày 1 tháng 4 cùng năm, "Nhân dân nhật báo", "Tạp chí Hồng Kỳ" đăng bài viết của Thích Bản Vũ liệt Đặng Tiểu Bình vào "Phái đương quyền đi theo con đường tư bản chủ nghĩa lớn nhất trong Đảng", tiến hành phê bình công khai.

Ngày 3 tháng 4 năm 1967 Đặng Tiểu Bình gửi thư cho Mao Trạch Đông: "Bắt đầu từ ngày 12 tháng 1, tôi luôn muốn được gặp Chủ tịch để xin thỉnh giáo, nhưng lại cảm thấy trong lúc quần chúng đang gay gắt phê phán đường lối phản động của chúng tôi và hậu quả xấu mà nó đem lại, mà đi gặp Chủ tịch không hiểu có thích đáng không nên cứ do dự mãi. Gần đây, đọc bài viết của Thích Bản Vũ, tôi cảm thấy tính chất của sai lầm mà tôi phạm phải đã được xác định. Trong tình hình đó, tôi cầu kiến được gặp Chủ tịch để bày tỏ ý nguyện của tôi, nếu Chủ tịch cho là thích đáng, xin thông báo cho tôi biết". Tháng 5, Mao Trạch Đông, Uông Đông Hưng chánh Văn phòng Trung ương đến nhà và truyền đạt ba ý cho Đặng Tiểu Bình: Thứ nhất, phải nhẫn nại, chớ sốt ruột; thứ hai, Lưu và Đặng có thể tách ra; thứ ba, nếu có việc có thể viết thư cho Chủ tịch. Đặng Tiểu Bình lại xin gặp Chủ tịch. Ít lâu sau, vào đêm khuya ông đã tới gặp cho tới tận sáng mới về nhà. Ông nói với vợ rằng, Chủ tịch chủ yếu hỏi tới vấn đề hồi còn ở Quân đoàn 7 Hồng quân, phê bình chuyện cử tổ công tác đi, nhưng thái độ ôn tồn phê bình không gay gắt lắm.

Việc phê bình vẫn tiếp tục. Tháng 7, gia đình ông bị lục soát và "quần chúng cách mạng" bắt đầu đấu tố ông và phu nhân. Tháng 9, con cái ông bị đuổi ra khỏi nhà, còn hai vợ chồng bị quản thúc tại nhà trong Trung Nam Hải. Sau đó, Trung ương thành lập "Tổ chuyên án Đặng Tiểu Bình" và thẩm tra vấn đề của ông.

Tháng 10 năm 1969, tổ chuyên án đã đưa ông đi sơ tán ở Giang Tây. Trước khi tổ quay về Bắc Kinh, họ hỏi ông có yêu cầu gì không, ông trả lời khiến người ta phải kinh ngạc: "Tôi sẽ còn ra công tác nữa, còn công tác cho Đảng 10 năm nữa".

Tháng 2 năm 1973, cuối cùng ông đã trở về Bắc Kinh, rồi ít lâu sau được phục hồi chức Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện.

Nguyên nhân trực tiếp của việc phục hồi này là Chu Ân Lại đã được chẩn đoán là bị ung thư nên muốn đề cử một nhân tài hiếm hoi như Đặng Tiểu Bình ra lãnh đạo Quốc vụ Viện. "Lũ bốn tên" rất muốn không chế Quốc vụ Viện, nhưng ở đó có quá nhiều việc quan trọng mà có người trong số họ còn chưa nghe thấy bao giờ, thậm chí có người được dạy mà vẫn không học nổi, vậy mà còn kiêu ngạo, rất không được lòng người... Chu Ân Lai hiểu rõ điều đó, nên ngay từ năm 1952 ông đã sắp xếp Đặng Tiểu Bình là người kế thừa lãnh đạo Quốc vụ Viện.

Tháng 8 năm 1973, Đại hội 10 Đảng Cộng sản Trung Quốc tiến hành trước thời hạn, Đặng Tiểu Bình vào uỷ viên Trung ương, nhưng không lọt vào tốp 5 Phó Chủ tịch cũng như 9 uỷ viên Thường vụ và 21 Uỷ viên Bộ Chính trị, thậm chí cả 4 uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị cũng không. Vậy mà "lũ bốn tên" đều là Uỷ viên Bộ Chính trị, trong đó Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều là uỷ viên thường vụ, Vương Hồng Văn là Phó Chủ tịch chỉ đứng sau Chu Ân Lai. Trong hàng ngũ Phó Chủ tịch còn có cả Khang Sinh, một con người rất tàn bạo, độc ác, giảo hoạt, vì vậy xem ra ông chưa thể có hy vọng lọt vào hàng ngũ hạt nhân lãnh đạo.

Tháng 11 năm 1973, "Lũ bốn tên" lợi dụng việc Kitxinger sang thăm Trung Quốc và sự hiểu lầm của Mao Trạch Đông đối với Chu Ân Lai để phát động cuộc biến "lật đổ Chu". Đặng Tiểu Bình tham gia Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng "Phê Chu, đánh đổ Chu". Trước đó vài hôm, ông luôn giữ thái độ im lặng. Về sau, thông qua Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh, Mao Trạch Đông muốn Đặng Tiểu Bình phát biểu ý kiến. Vào ngày cuối cùng, Đặng mới phát biểu, ông cũng phê bình vài câu rồi chuyển đề tài nói về vấn đề chiến lược quốc tế như vấn đề mối quan hệ giữa ba nước Trung - Xô - Mỹ. Mao Trạch Đông nghe báo cáo lại cảm thấy rất vui, lúc ấy đã mời Đặng Tiểu Bình tới nói chuyện, lúc đó lại đã

là 3 giờ sáng không ai biết ông ở đâu nên việc đó không thực hiện được. Ngày 18 tháng 12, Chu Ân Lai tuyên bố trong Hội nghị Bộ Chính trị, căn cứ vào đề nghị của Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình đảm nhiệm chức Uỷ viên Bộ Chính trị, uỷ viên Quân uỷ Trung ương.

Điều khiến cả Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình và mọi người cảm thấy ngạc nhiên là: Tháng 1 năm 1975, Đặng Tiểu Bình được nhậm chức Phó Chủ tịch Quân uỷ Trung ương kiêm Tổng Tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, đồng thời trong Hội nghị Trung ương 2 khoá 10 được bầu bổ sung làm Uỷ viên Bộ Chính trị Uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Đảng; trong Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 4 được bầu làm Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện và là Phó Thủ tướng thứ nhất. Tháng 5, sau khi thăm Pháp trở về, Mao Trạch Đông cùng Chu Ân Lai bàn bạc và quyết định để ông chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị và chủ trì công tác hàng ngày của trung ương.

Tháng 6, Mao Trạch Đông nói chuyện với ông, lúc đó Bộ Chính trị đang phê phán "lũ bốn tên", Mao Trạch Đông nói: "Tôi đang định nói chuyện với Vương Hồng Văn, bảo Vương tìm đồng chí và phải nghe lời đồng chí" "Đồng chỉ cần phải làm tốt công tác". Mao Trạch Đông còn nhắc: "Gỗ tốt phải ở trong rừng nếu không gió sẽ quật đổ" Đó là lúc Mao Trạch Đông trọng dụng ông nhất. Khí phách Mao Trạch Đông thật lớn, việc nào đã nhận định chắc chắn thì lúc thực hiện sẽ làm cho người ta không thể tưởng tượng nổi. Đặng Tiểu Bình trở thành một con người vĩ đại, những điều ảnh hưởng đến ông mà nói thì tài chủ yếu là từ Chu Ân Lai, trí từ Lưu Bá Thừa, còn khí phách lại là từ Mao Trạch Đông.

Ngày 24 tháng 9 năm 1975, khi gặp các nhà lãnh đạo Việt Nam, Mao Trạch Đông nói: hiện nay nghèo nhất thiên hạ không phải là các đồng chí mà là chúng tôi. Chúng tôi có 800 triệu người, hiện lại đang khủng hoảng lãnh đạo. Thủ tướng sức khoẻ yếu, một năm. phải mổ 4 lần rất nguy hiểm. Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh đều yếu cả; tôi đã 82 tuổi lại có bệnh. Chỉ tay vào Đặng Tiểu Bình, ông nói: Chỉ có đồng chí này là còn khoẻ mạnh. Có thể nói, cho tới lúc đó, Mao Trạch Đông vẫn đặt hy vọng vào Đặng Tiểu Bình.

Năm 1975, Đặng Tiểu Bình trống giong cờ mở tiến hành chỉnh đốn, bắt đầu từ quân đội và các ngành kinh tế, rồi đến Ban lãnh đạo và Đảng, tiếp theo là lĩnh

vực khoa học kỹ thuật và cuối cùng là các mặt khác. Trong cuộc hội nghị họp ngày 27 tháng 9 năm 1975, ông nói: "Nông nghiệp, công nghiệp cần chỉnh đốn, chính sách văn nghệ phải điều chỉnh, điều chỉnh thực ra cũng là chỉnh đốn. Cần thông qua chỉnh đốn để giải quyết vấn đề nông thôn, nhà máy và khoa học kỹ thuật và các vấn đề khác. Trong Bộ Chính trị cũng cần chỉnh đốn một số mặt, tôi đã báo cáo đồng chí Mao Trạch Đông và đồng chí ấy đã tán thành. Chỉnh đốn càng sâu rộng, đương nhiên phải tiến tới chỉnh đốn cả "cách mạng văn hoá", như vậy Mao Trạch Đông sẽ khó chịu nổi. Ngày 2 tháng 11, Đặng Tiểu Bình, Trần Tích Liên, Uông Đông Hưng và một số người được triệu tập đến họp. Mao Viễn Tân, "liên lạc viên" của Mao Trạch Đông và Bộ Chính trị căn cứ vào chỉ định của Mao Trạch Đông đưa ra ý kiến: "Không được vội vã, phải khai môn kiến sơn", có ý kiến phải nói hết ra", đã không hề lo lắng mà phê bình một chập những công tác của trung ương.

Đặng Tiểu Bình lạnh lùng ngồi nghe hết "ý kiến", rồi lập tức phát biểu phản bác lại rất gay gắt. "Như lời đồng chí thì cả Trung ương đều đi theo đường lối chủ nghĩa xét lại. Nói trung ương do Mao Trạch Đông đứng đầu theo đường lối xét lại là không được". Về bản thân, bắt đầu chủ trì công tác Trung ương từ tháng 3 năm 1975, ông cũng chỉ trả lời vắn tắt: trong thời kỳ này, tình hình cả nước có cái tốt, cái xấu là điều dễ hiểu", "tốt hay xấu thực tiễn sẽ chứng minh". Sau khi nghe báo cáo lại, Mao Trạch Đông nổi giận, chỉ thị cho Mao Viễn Tân tiếp tục họp, ngoài ba người trên còn mời thêm cả Lý Tiên Niệm, Kỷ Đăng Khuê, Hoa Quốc Phong, Trương Xuân Kiều và Mao Viễn Tân, tất cả là 8 người. Mặt khác, vào ngày 3 tháng 11, Đại học Thanh Hoa truyền đạt chỉ thị của riêng Mao Trạch Đông cho rằng, Lưu Băng - người lãnh đạo trường viết thư cáo giác Trì Quần, Tạ Tĩnh Nghị là chĩa mũi nhọn vào ông và còn nói: "Tôi ở Bắc Kinh sao không viết thư trực tiếp cho tôi mà lại phải qua Đặng Tiểu Bình chuyển. Đặng Tiểu Bình thiên vị Lưu Băng. Vấn đề mà Thanh Hoa đề cập không phải là cô lập mà là sự phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai con đường hiện nay. Như vậy, trên thực tế, Đặng Tiểu Bình đã bị coi là phạm sai lầm "đường lối".

Mao Trạch Đông hy vọng qua đó Đặng Tiểu Bình kịp thời sửa chữa "sai lầm", yêu cầu ông chủ trì xây dựng nghị quyết khẳng định "cách mạng văn hoá".

Đặng Tiểu Bình từ chối, nói rằng ông chủ trì là không thích hợp, ông chỉ ở trong "Đào Hoa nguyên không biết có Hán, làm sao mà luận bàn Ngụy Tấn" được. Trong những hội nghị phê phán ông, ông luôn tỏ rõ tư thế không thoả hiệp, mỗi lần ông chỉ nói đúng hai câu: "Bắt đầu" và "giải tán". Đến ngày 20 tháng 12, ông mới đọc một bản kiểm thảo" không được chuẩn bị sẵn, nhưng sau hội nghị Ban kỷ luật lại đánh giá tốt bản kiểm thảo", báo cáo Mao Trạch Đông và "hy vọng chủ tịch giáo huấn". Mao Trạch Đông gửi hai bản "kiểm thảo" của ông cho Bộ Chính trị thảo luận nhưng không sắp xếp gặp Đặng Tiểu Bình. Ngày 20 tháng 1, Đặng Tiểu Bình chính thức đề nghị xin "miễn trách nhiệm gánh vác công việc hàng ngày của trung ương" - Ngày 21 tháng 1, Mao Trạch Đông chỉ thị: (Đặng Tiểu Bình) vẫn là vấn đề nội bộ nhân dân, nếu dẫn dắt tốt có thể sẽ không chuyển sang đối kháng, cũng như Lưu Thiếu Kỳ và Lâm Bưu vậy. Nhưng giữa Đặng với Lưu và Lâm có một số khác biệt, Đặng tình nguyện tự phê bình, còn hai người kia không tự nguyện. Vấn đề công tác của Đặng Tiểu Bình sẽ bàn sau - ý tôi là có thể giảm bớt công việc, nhưng không được tách rời công việc, tức là không nên "một gậy đánh chết" ngay. Về việc ai thay thế Đặng, Mao Trạch Đông chỉ thị mời Hoa Quốc Phong, đồng chí ấy tự nhận là người trình độ chính trị không cao, Đặng Tiểu Bình, chuyên quản ngoại sự.

Sau đó, "lũ bốn tên" đã làm xấu đi vấn đề Đặng Tiểu Bình, và cuối cùng lợi dụng "Sự kiện Thiên An Môn" để đánh đổ ông một lần nữa. Trong lần xử lý cuối cùng này, sức khoẻ của Mao Trạch Đông rất yếu nhưng vẫn còn tỉnh táo, ông đã chỉ thị rõ rằng: "Bảo lưu Đảng tịch xem kết quả sau ra sao". Không thể lại xung đột, không thể bắt đi", và yêu cầu Uông Đông Hưng tìm biện pháp. Căn cứ vào chỉ thị của Mao Trạch Đông, Uông Đông Hưng bí mật chuyển Đặng Tiểu Bình đi mà không báo cho ai biết. Sau khi tình hình lắng dịu, qua lời thỉnh cầu của Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông khi tỉnh táo đã đồng ý và ngày 19 tháng 7 năm 1976, ông đã được đoàn tụ với cả gia đình. Ngày 9 tháng 9 Mao Trạch Đông vĩ đại qua đời.

Mao Trạch Đông, Hoa Quốc Phong và Uông Đông Hưng đã từng đề ra "hai phàm là". Đúng như khi phê phán "hai phàm là", người ta đã chỉ ra rằng, cả Hoa lẫn Uông, những nhân vật quyền lực của Đảng và Nhà nước trên thực tế không

thực sự thuộc "phái phàm là", mà giống như hai phái được lập ra trong "cách mạng văn hoá chuyên đánh trận giấy, cái nào lợi cho mình thì chính là "phàm là", không lợi cho mình là "không phàm là". Thời kỳ "cách mạng văn hoá", Uông Đông Hưng luôn ở cạnh Mao Trạch Đông, Mao nói gì chỉ mình ông ta là rõ nhất, "phàm là" không "phàm là" trên thực tế quyết định ở thái độ của bản thân ông ta.

Trong lĩnh vực chính trị cũng chẳng có gì thực sự "hai phàm là" cả, nhưng trong đời sống xã hội, "phàm là" thực sự có tính phổ biến. Trong một tiểu phẩm vui có viết rằng: "Mọi người nói "Anh là thùng nước gạo", anh nói "Vâng; mọi người lại nói: "Anh là đồ con chó", anh cũng nói "Vâng, vâng" mọi người nói, "anh là đồ thối tha", anh cũng nói: "Vâng? Vâng? Vâng?". Người tinh thông lý lẽ "phàm là", không thể nói là không có nghệ thuật sinh tồn, rất nhiều người dựa vào đó mà có cơm ăn, có người còn rất giỏi trong việc đó nữa. Đương nhiên điều đó cũng không dễ dàng, một mặt phải có tinh thần hy sinh rất lớn, dám hi sinh cả nhân cách, lương tâm, trách nhiệm, lý tưởng sự nghiệp, bạn bè và gia đình; mặt khác lại phải có năng lực biểu diễn, lý giải, làm việc; phải tinh thông "tâm lý học" "triết học đối nhân xử thế, quyền thuật", nếu không bạn càng muốn "là" lại càng "không là" được, chẳng những mọi người chê cười mà còn coi thường nữa. Tóm lại, lấy "phàm là" làm thủ đoạn, cái giá của thành công không thấp, mà cơ hội thành công cũng không nhiều.

Còn có một loại khác là "phái phàm là", tức phàm là những vĩ nhân, danh nhân, ông chủ, ông lớn... đều đối kháng với họ. Nhưng điều này khó thành; cũng có người vì vậy mà trở thành "anh hùng", trở thành người có vẻ "vĩ đại" nổi tiếng hơn. Nhưng thực tế, nếu đối kháng với họ chẳng khác nào "châu chấu đá xe", không biết lượng sức mình. Ngay cả khi không nảy sinh xung đột "phái phàm là" cũng không thể lợi dụng trí tuệ của những người đó được, những tài năng, tri thức của họ càng không lợi dụng được, và cuối cùng phải sống một cuộc đời cô độc. Mặt khác, "phái phàm là" thường là các tuyển thủ trong nghệ thuật chửi người", là tín đồ của những trò mờ ám, nên nhân dân cũng coi thường họ.

Sau khi đánh đổ "hai phàm là", loại "phàm là" sau, một thời rất có ảnh hưởng

ở Trung Quốc, nếu để nó phát triển thì hậu quả thật khó lường. Đặng Tiểu Bình, một người rất coi trọng thực tế, trong thời kỳ cải cách mở cửa mới bắt đầu vô cùng bận rộn, đã giành nhiều sức lực tự mình khởi thảo "Nghị quyết về một số vấn đề lịch sử của Đảng từ khi dựng nước tới nay" mà thực chất là việc phê bình Mao Trạch Đông như thế nào. Đây là một công việc trách nhiệm lịch sử và cũng là công tác chính trị có ý nghĩa hiện thực rất to lớn. Đặng Tiểu Bình nói rất rõ rằng: "Đánh giá công tội của Mao Trạch Đông nếu không xác đáng thì mọi người, từ công nhân, nông dân, cán bộ đều sẽ "không thông" được. "Đây không chỉ là vấn đề lý luận mà còn là vấn đề chính trị, một vấn đề chính trị lớn trong và ngoài nước".

Đặng Tiểu Bình làm việc dứt khoát, mạnh me, luôn nhấn mạnh chữ "nhanh". Khi khởi thảo "Nghị quyết" này lúc đầu yêu cầu phải "Có bản dự thảo nhanh nhất" "Đối với vấn đề lịch sử cần viết khái quát một chút, tổng quát, không cần quá chi tiết, phải cứng rắn với những sai lầm về một số mặt của một số đồng chí". Bản dự thảo lần một hoàn thành sau ba tháng, Đặng Tiểu Bình nói thẳng: "Dự thảo chưa được, phải viết lại". Sau đó, cũng vì việc này mà Trung ương đã phải tổ chức một Đại hội với 4000 người tham dự, hơn 40 bản tham luận, rồi hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, hội nghị vòng 4 trù bị v.v... Đặng Tiểu Bình phát biểu rất nhiều lần nhưng chỉ 9 lần công khai, còn đều áp dụng các hình thức khác như trao đổi, toạ đàm... Cuối cùng, từ tháng 11 năm 1979 bắt đầu viết, sau một năm tám tháng, ngày 22 tháng 6 năm 1981 đã được Đặng Tiểu Bình thông qua. Ông nói: "Tóm lại, Nghị quyết này là một Nghị quyết tốt" và cho thêm một số ý kiến. Từ ngày 27 đến 29 tháng 6, Hội nghị Trung ương 6 khoá 11 đã thông qua Nghị quyết này. Nghị quyết đã đánh giá công tội và vị trí lịch sử của Mao Trạch Đông một cách thực sự cầu thị, làm người ta tin tưởng, đánh dấu sự hoàn thành thắng lợi trong công tác chỉ đạo tư tưởng của Đảng.

Đặng Tiểu Bình được phục hồi năm 1973 cũng có nguyên nhân là sự qua đời của Trần Nghị. Cái chết của Trần Nghị làm Mao Trạch Đông nghĩ tới Đặng Tiểu Bình. Con gái Đặng Tiểu Bình nhớ lại: "Trong lần nói chuyện đó (Mao Trạch Đông nói chuyện cùng gia quyến Trần Nghị, Chu Ân Lai và Diệp Kiếm Anh có mặt), Mao Trạch Đông nhắc tới Đặng Tiểu Bình, coi ông ngang với Lưu Bá

Thừa (lúc đó đang là uỷ viên Bộ Chính trị), nói Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình có khác nhau, là mâu thuẫn nội bộ nhân dân". Đây là lần đầu tiên kể từ khi bị đánh đổ, Mao Trạch Đông công khai trước công chúng định tính cho Đặng Tiểu Bình là "mâu thuẫn nội bộ nhân dân", trước đó, ông chỉ nói Lưu, Đặng có điểm khác, phải tách rời họ ra.

Trần Nghị đã từng dẫn quân từ Vũ Hán tới Nam Xương tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Xương, nhưng giữa đường bị ngăn chặn nên không đến được, sau đó mới hội với quân khởi nghĩa tại Lâm Xuyên. Sau ông cùng Chu Đức mang quân đi chiến đấu ở vùng biên giới Việt - Cán - Tương phát động cuộc khởi nghĩa Tương Nam, đến tháng 4 năm 1928 cùng Mao Trạch Đông hợp quân tại núi Tỉnh Cương, giữ chức Sư trưởng, Bí thư Đảng uỷ Sư đoàn. Thời gian này, ông đã từng về Thượng Hải báo cáo tình hình công tác với trung ương nên mới nắm được rất nhiều tình hình. Về sau, Đặng Tiểu Bình nói với con gái: "Khi cha mới tới Quân đoàn 7 chưa hề biết gì cả, không biết gì về quân sự. Chỉ khi Trần Nghị về báo cáo cha mới nắm được nhiều tình hình. Đó cũng là một dịp học tập!" Đặng Tiểu Bình nói với con gái Trần Nghị: "Tôi biết được nhiều thứ từ cha cháu, để rồi sau đó vận dụng vào Quân đoàn 7".

Đối với Mao Trạch Đông mà nói, từ Trần Nghị liên tưởng tới Đặng Tiểu Bình, từ "Lưu Đặng này" tới "Lưu Đặng kia" chủ yếu có thể là do chiến dịch Hoài Hải và chiến dịch vượt sông.

Năm 1948, dã chiến quân số 2 và 3 kết hợp tác chiến lần lượt đánh chiến dịch Hoài Hải và chiến dịch vượt sông chính là một phép dùng người, dùng binh tuyệt vời của ông. Những năm cuối đời, Đặng Tiểu Bình đã mấy lần nói rằng: "Nói theo lời Mao Trạch Đông, sự phối hợp tác chiến của hai đơn vị không chỉ là tăng gấp đôi, gấp ba sức mạnh, số lượng thay đổi thì chất lượng cũng thay đổi, đó là một sự biến đổi về chất".

Sự phối hợp tác chiến này lúc đầu rất có thể là do "đã chiến quân số 2" xuống phía Nam trước, thẳng tiến vào Đại Biệt Sơn, cuộc chiến rất gian khổ, thực lực lại tương đối mỏng, nếu một mình vượt qua Trung Nguyên nhất định sẽ khó khăn. Do vậy, ngày 9 tháng 5 năm 1948 khi xây dựng lại Quân khu Trung Nguyên và tổ chức Quân đoàn dã chiến Trung Nguyên, đã điều tư lệnh Quân khu

Hoa Đông, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Quân đoàn dã chiến Hoa Đông về làm Phó Tư lệnh Quân khu Trung Nguyên và Phó Tư lệnh Quân đoàn dã chiến Trung Nguyên, chức vụ cũ vẫn được bảo lưu. Lúc đó cánh quân số 7 đã chiến Trung Nguyên, cánh quân 12 đã chiến Hoa Đông vũ khí khá hơn. "Đồng chí Trần Nghị là một đồng chí tốt". Sau khi được bổ nhiệm Tư lệnh quân dã chiến Trung Nguyên đã phấn khởi mang theo một thư ký đến đơn vị ngay, khi thấy cả hai ông Lưu và Đặng đều không có thư ký riêng đã lập tức điều người thư ký của mình về phòng Tác chiến và bỏ chức danh thư ký.

Theo hồi tưởng của một cán bộ tham mưu, Trần Nghị đã từng gửi một bức điện cho Trung ương và Mao Trạch Đông với danh nghĩa cá nhân phản ánh những khó khăn thực tại của đơn vị và nói rằng nếu không có sự bổ sung lớn ngay, cứ để như vậy thì dễ “thương tổn nguyên khí", ảnh hưởng tới việc chấp hành nhiệm vụ về sau. Theo hồi tưởng này, trước đó, trong một bức điện rất hàm xúc đầu năm 1948, Lưu - Đặng nói, cuộc chiến đấu vào Đại Biệt Sơn tuy có một số thương vong nhưng tinh thần bộ đội rất tốt, chỉ cần nghỉ ngơi chỉnh quân sẽ có thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được. Sau khi Trần Nghị gửi điện đi, Mao Trạch Đông gửi điện trả lời rằng, đại quân địch ở trước mặt, quá nhấn mạnh khó khăn đương nhiên là không tốt, nhưng nếu không phản ánh đúng sự thật làm Trung ương không nắm được thực chất tình hình sẽ không thể ra các quyết sách chính xác được, cách làm đó cũng sai lầm và ra chỉ thị cụ thể về việc bổ sung cho bộ đội của Lưu - Đặng. Người cán bộ tham mưu này nói: "Hai thủ trưởng xem xong bức điện có cảm giác gì thì chẳng ai biết. Chúng tôi là cán bộ tham mưu, sau khi đọc điện mà nước mắt lưng tròng.

Hai đơn vị lớn phối hợp tác chiến với nhau, nói chung trong thể chế lãnh đạo đều nảy sinh một số vấn đề. Nhưng Lưu Đặng" được người ta viết liền không có dấu cách ở giữa và cả Lưu Trần Đặng" cũng vậy. Có người nhớ lại: "Trong cơ quan ở Trung Nguyên, sau khi các đồng chí lãnh đạo báo cáo, Lưu Đặng đều có bổ sung hoặc phát biểu tổng kết lại. Sau khi tới Trung Nguyên công tác, khi Trần Nghị làm xong báo cáo mang tới thỉnh thị Lưu Đặng, hai ông luôn tuyên bố. Hãy làm theo lời Tư lệnh.

Tính cách Trần Nghị rất khoáng đạt, ông đến làm cho cơ quan Bộ Tư lệnh rất

sôi nổi. Con gái Đặng Tiểu Bình - lúc nhỏ thường xuyên đến chơi nhà Trần Nghị nói, chỉ cần Trần Nghị có ở nhà thì nhà ông như là tăng gấp đôi số người lên vậy (Cả nhà ông gồm bố mẹ ông, hai vợ chồng, ba người con và một số nhân viên công tác), tất nhiên nói như vậy cũng hơi quá. Nhưng cấp dưới của Lưu Trần Đặng còn nói rộng hơn, họ gắn cho ông những tên khác: "Trung đội 1" (Lưu); "Trung đội 2" (Trần), "Trung đội 3 (Đặng), "Nhân khẩu" đã tăng lên mấy chục lần. Sự vui vẻ của ba người hợp lại thật khó mà tưởng tượng nổi.

Sự phối hợp tác chiến này gây ảnh hưởng tâm lý rất lớn cho địch. Một viên chỉ huy thuộc binh đoàn Hoàng Duy khi tiến quân thuận lợi đã nói với Hoàng Duy rằng: "Cộng quân tác chiến từ trước đến nay đều mỗi đơn vị một chiến trường, nay Lưu - Trần liên kết lại, mà quân ta lại tiến quân như vào chỗ không người, liệu có mắc bẫy của chúng không? "Trong chiến dịch Hoài Hải, 60 vạn quân của Lưu Trần Đặng đã tiêu diệt 55,5 vạn trong số 70 vạn quân của tập đoàn Lưu Trĩ có binh đoàn Hoàng Duy tăng cường. Theo một qui tắc cơ bản trong tư tưởng quân sự của Mao Trạch Đông: Phải tập trung ưu thế binh lực gấp ba lần quân địch mới có thể đánh tiêu diệt được. (Có nghĩa là nếu địch có 70 vạn thì ta phải 210 vạn). Do đó, trận chiến này làm cho Mao Trạch Đông rất phấn khởi và kinh động tới cả Staiin. Staiin đã viết rằng: "60 vạn chiến thắng 80 vạn. Kỳ tích, thật là kỳ tích!". Sau khi nước Trung Quốc mới thành lập, Stalin vẫn chỉ thị cho Đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc phải tìm hiểu và học tập nguyên nhân thắng lợi của chiến dịch Hoài Hải và bày tỏ với Trung Quốc, chiến dịch Hoài Hải đánh rất tuyệt, là một kỳ tích trong lịch sử chiến tranh cách mạng của Trung Quốc, cũng hiếm thấy trong lịch sử chiến tranh thế giới.

Sau khi Mao Trạch Đông công khai thừa nhận vấn đề Đặng Tiểu Bình thuộc về mâu thuẫn nội bộ nhân dân, Chu Ân Lai nắm chắc thời cơ, tích cực hoạt động. Trước tiên là cải thiện hoàn cảnh sống của ông và cả gia đình, cuối cùng phục hồi cho ông chức vụ cũ là Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện. Về sau Đặng Tiểu Bình tham gia lãnh đạo công tác Quân uỷ, tức là công tác của Diệp Kiếm Anh lúc đầu.

Sau khi tập đoàn Lâm Bưu bị tiêu diệt, Diệp Kiếm Anh chủ trì công tác hàng ngày của Quân uỷ Trung ương.

Giống như Chu Ân Lai, từ sau khi Lâm Bưu bị diệt, Diệp Kiếm Anh đã vì chuyện Đặng được phục hồi mà hoạt động tích cực hơn. Sau khi Đặng Tiểu Bình quay về Bắc Kinh, Diệp Kiếm Anh đã đến thăm ngay và giới thiệu tình hình quân đội, trưng cầu ý kiến của ông đối với công tác hàng ngày của Quân uỷ, đồng thời viết thư cho Mao Trạch Đông kiến nghị: "Đồng chí Tiểu Bình quay về rồi, tôi yêu cầu để cho đồng chí ấy tham gia và chủ trì công tác hàng ngày của Quân uỷ Trung ương".

Tháng 8 năm 1973, Đại hội X của Đảng Cộng sản Trung Quốc được tổ chức, Trung Quốc đột nhiên mọc ra một Vương Hồng Văn. Người này tham gia quân đội năm 1950, tham gia viện Triều chống Mỹ. Sau khi phục viên đến trước cách mạng văn hoá làm cán sự khoa học bảo vệ môi trường. Thời kỳ "cách mạng văn hoá" tổ chức "một tháng cướp quyền" ở Thượng Hải, dẫn tới trở thành "một tháng bão táp" cướp chính quyền mang tính toàn quốc, sản sinh ra một "quái thai" - "uỷ ban cách mạng văn hoá trong lịch sử xây dựng chính quyền Trung Quốc. Tiếp đó, trong tháng 8 năm 1967, lại phát động "cuộc chiến đấu ở nhà máy động cơ điêzen Thượng Hải" cuộc "đại chiến" này, Vương Hồng Văn đã điều động 24 vạn người "Tổng công ty" cùng với hai máy bay trực thăng tiến công bằng vũ lực qui mô rất lớn vào phái đối lập Liên Công ty" đóng căn cứ trong nhà máy kia. Bằng việc này, Vương Hồng Văn đã trở thành Phó Chủ nhiệm Uỷ ban cách mạng Thượng Hải, năm 1968 leo lên ghế Bí thư thứ ba thành uỷ Thượng Hải, uỷ viên chính trị khu cảnh bị Thượng Hải, năm 1969 thành uỷ viên Trung ương, năm 1973 vọt lên thành Phó Chủ tịch Đảng chỉ đứng sau Chu Ân Lai, đứng trước Khang Sinh, Diệp Kiếm Anh, và vào cả thường vụ Quân uỷ Trung ương. Còn Đặng Tiểu Bình cũng chỉ là uỷ viên Trung ương bình thường mà thôi. Với một nhân vật tạo phản cướp quyền như Vương Hồng Văn, tất cả lớp cán bộ già không thể không đề cao cảnh giác. Diệp Kiếm Anh một lần nữa lai đề nghị Mao Trạch Đông để Đặng Tiểu Bình tham gia và chủ trì công tác Quân uỷ Trung ương.

Ngày 12 tháng 12 năm 1973, Mao Trạch Đông nói trong Hội nghị Bộ Chính trị, tôi và Diệp Kiếm Anh mời Đặng Tiểu Bình tham gia Quân uỷ, làm uỷ viên.

Ngày 14, Mao Trạch Đông lại nói, mời Đặng Tiểu Bình làm quân sự. Ngày

15 trong thư phòng của mình, Mao Trạch Đông đã có cuộc trao đổi với các uỷ viên Bộ Chính trị và các Tư lệnh Đại Quân khu, nói rằng để Đặng Tiểu Bình làm Tham mưu trưởng vì ông là người làm việc tương đối quyết đoán, rạch ròi, cuối cùng ông đã nói với Đặng Tiểu Bình câu nói nổi tiếng "Trong nhu có cương, cái kim giấu trong bọc".

Thượng tuần tháng 1 năm 1974, tức là nửa tháng sau khi ông giữ cương vị Uỷ viên Quân uỷ và được chỉ định "làm Tham mưu trưởng" Giang Thanh đang tổ chức "Phê Lâm, phê Khổng" trong Quân đội, "Phóng lửa đốt đồng" "chấn chỉnh lại quân đội", còn điên cuồng chỉ tên phê phán Diệp Kiếm Anh. Ngày 30 tháng 1, Diệp Kiếm Anh - con người túc trí đa mưu đã viết thư cho Mao Trạch Đông, "kiểm thảo" với Mao và dùng hình thức đó để vạch trần những việc làm xấu xa của Giang Thanh trong quân đội. Ngày 15 tháng 2, Mao Trạch Đông phê trên lá thư của Diệp Kiếm Anh, cần phải phê bình thật mạnh Giang Thanh. Sau đó, Mao Trạch Đông đã nhiều lần phê phán bè lũ Giang Thanh, gọi họ là "phái Thượng Hải" "phái bốn người". Ông còn tuyên bố: "Bà ta (Giang Thanh) không phải đại biểu cho tôi, bà ta chỉ đại biểu cho chính bà ta mà thôi". Về sau "lũ bốn tên" cơ bản bị thất sủng, Vương Hồng Văn bị đưa về Thượng Hải "chỉ đạo công tác; tháng 3 năm 1975, Đặng Tiểu Bình bắt đầu chủ trì công tác hàng ngày của trung ương. Tháng 6, trong buổi nói chuyện quan trọng, Mao Trạch Đông hy vọng Đặng Tiểu Bình giúp đỡ Vương Hồng Văn, khích lệ Đặng làm tốt hơn, Mao đã nhắc lại một lần nữa việc Đặng Tiểu Bình nhậm chức Tổng tham mưu trưởng là đề nghị của Diệp Kiếm Anh và bản thân ông tán thành.

Nửa cuối năm 1975, Mao Viễn Tân đảm nhiệm "liên lạc viên" giữa Mao Trạch Đông và Bộ Chính trị. "Lũ bốn tên" bắt đầu phản công; tháng 11, một lần nữa Đặng Tiểu Bình lại bị phê bình. Ngày 8 tháng 12, Chu Ân Lai tuy bệnh tình đã rất nguy kịch nhưng ông vẫn khích lệ Đặng Tiểu Bình đừng bao giờ thay đổi thái độ. Hạ tuần tháng 12, Chu Ân Lai lợi dụng lúc còn tỉnh táo đã trao đổi lần cuối cùng với Diệp Kiếm Anh, yêu cầu ông lưu ý tới phương pháp đấu tranh, dù thế nào cũng đừng để quyền lực rơi vào tay "lũ bốn tên".

Trong bối cảnh đó, Diệp Kiếm Anh đã từng tới chỗ Đặng Tiểu Bình bàn bạc đối sách.

Diệp Kiếm Anh nói, bọn họ thừa cơ chủ tịch ốm càng làm ghê gớm hơn, không hiểu sắp tới còn đi tới đâu nữa chúng ta phải nhanh chóng có đối sách.

Đặng Tiểu Bình nói không có gì đáng sợ cả, tôi đã sớm chuẩn bị tư tưởng rồi, cùng lắm là bị đánh đổ lần nữa là cùng. Chỉ tiếc là còn nhiều việc chưa làm xong, kinh tế cơ bản chưa có chuyển biến tốt, nhiều đồng chí già chưa được giải cứu. Ông còn nói, trên thực tế là đã bị đình chỉ công tác, tôi tính, Chủ tịch đã hạ quyết tâm rồi cần phải "thay ngựa" thôi.

Diệp Kiếm Anh trở nên trầm tư, ông nói chuyện "thay ngựa" không hề đơn giản. Nói cách khác có hai con đường, một là bị hạ bệ, hai là phê phán nhưng giữ lại tiếp tục một thời gian vì có một số việc Chủ tịch không giao cho họ.

Đặng Tiểu Bình nói đã chuẩn bị cho tình huống xấu nhất, nhưng ông tin rằng, sự nghiệp của chúng ta sẽ có người kế tục, Đảng ta còn hy vọng. Việc tôi không còn chức tước không quan trọng, chỉ cần đồng chí và một số đồng chí già khác còn thì sợ gì mà không vượt qua được.

Diệp Kiếm Anh nói, xem ra tôi cũng không giữ được nữa! Nhưng cho dù thế nào, chúng ta cũng đấu tranh đến hơi thở cuối cùng!

Sau đó, Diệp Kiếm Anh giành được một thành công quan trọng, bằng chủ trương của mình, Đặng Tiểu Bình đã đọc điếu văn truy điệu Chu Ân Lai. Điều này dù là trong mắt quần chúng nhân dân hay trong cộng đồng Quốc tế đều có ý nghĩa rất sâu xa, đồng thời cũng là trách nhiệm đối với lịch sử.

Ngày 2 tháng 2 năm 1976, do Diệp Kiếm Anh bị "bệnh" nên Hội nghị Bộ Chính trị quyết định ông không chủ trì công tác Quân uỷ Trung ương nữa, Trần Tích Liên - một cấp dưới của Đặng Tiểu Bình đã phụ trách việc này. Từ năm 1937, Trần Tích Liên làm trung đoàn trưởng trung đoàn 769, Sư 129 đến thị trưởng Trùng Khánh và Tư lệnh Quân khu Xuyên Đông, ông luôn là một vị chủ tướng chỉ đứng sau Trần Canh trong đại quân của Đặng Tiểu Bình và phần lớn thời gian đều ở bên cạnh Lưu - Đặng. Năm 1980, ông bị miễn chức, sau năm 1980, lại được làm uỷ viên thường vụ uỷ ban cố vấn Trung ương, năm 1988, ông được tặng thưởng Huân chương Sao đỏ hạng nhất. Việc ông chủ trì Quân uỷ Trung ương cũng như việc Hoa Quốc Phong chủ trì công tác Trung ương lại là một "vạn hạnh" trong bất hạnh. Điều may mắn nhất là sau cuộc chiến ác liệt,

Diệp Kiếm Anh liên tục bị ốm" nên mọi chức vụ đều được giữ nguyên như: Phó Chủ tịch Đảng, Uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quân ủy, Bộ trưởng Quốc phòng, đồng thời vẫn tham gia hội nghị của thường vụ và Bộ Chính trị. Do đó, khi Chu Ân Lai, Chu Đức - Mao Trạch Đông lần lượt qua đời và sau khi Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ một lần nữa, các vị tướng soái, lãnh đạo già đều đặt hy vọng vào cả Diệp Kiếm Anh. Trần Vân, Đặng Dĩnh Siêu, Từ Hướng Tiền, Nhiếp Vĩnh Trăn, Vương Chấn đều lần lượt tới gặp Diệp Kiếm Anh, hy vọng ông cứu vãn tình thế. Đặng Tiểu Bình rất chú ý tới động thái của Diệp Kiếm Anh. Theo hồi ức của Vương Chân, sau khi Mao Trạch Đông qua đời, một hôm ông tới thăm Đặng Tiểu Bình. Đặng rất vui vẻ ra tận cổng đón. Khi nói chuyện, Đặng Tiểu Bình hỏi: "Gần đây đồng chí có tới chỗ Diệp Kiếm Anh không? "Vương Chấn đáp: "Vẫn thường xuyên tới". Đặng Tiểu Bình im lặng một lát rồi hỏi cặn kẽ tình hình sức khoẻ của Diệp Kiếm Anh, việc ăn ở, đi lại ra sao? Hôm sau, ông bất chấp nguy hiểm, cũng không hề báo trước, lặng lẽ tới gặp Diệp Kiếm Anh.

Vương Chấn là một dũng tướng trong việc chống "Phê Đặng" và chống "lũ bốn tên". Khi "Phê Đặng", Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện Vương Chấn đang nằm viện, ông luôn tức giận nói với các đồng chí già đến thăm hoặc được mời đến rằng: "Tôi muốn lên núi đánh du kích! các đồng chí có dám đi cùng tôi không?" "Các đồng chí có thể mang theo bao nhiêu quân? Bao nhiêu súng". Ông còn tính "sau mùa thu sẽ tính sổ", phải thống kê xem bao nhiêu bộ phê phán Đặng Tiểu Bình, bao nhiêu bộ không phê, bao nhiêu bộ ghi tên, bao nhiêu không ghi, bao nhiêu bộ ghi chữ đồng chí" và bao nhiêu không ghi từ đó. Có một lần, ông phát hiện trên một tờ báo của Văn phòng Quốc vụ Viện trước chữ Đặng Tiểu Bình không ghi từ "đồng chí", ông lớn tiếng gọi người phụ trách văn phòng tới và giận dữ nói: "Các bộ phận khác không hiểu hết tình hình, lẽ nào các anh cũng không hiểu nốt". Trong thời gian Mao Trạch Đông bị bệnh nặng, Vương Chấn đã nói với Diệp Kiếm Anh: "Vì sao lai để chúng điên cuồng như vậy, bắt họ lại liệu không giải quyết được vấn đề ư?" Diệp Kiếm Anh biểu thị, khi Chủ tịch còn sống, không được manh động, và yêu cầu Vương Chấn cần giữ liên hệ với Uông Đông Hưng. Vương Chấn đồng ý làm "tham mưu liên lạc" cho ông. Sau đó, Vương Chấn thường xuyên đi lại với các tướng soái và các lão đồng chí, trong

đó có cả dũng tướng đang bị giam lỏng Đặng Tiểu Bình.

Diệp Kiếm Anh biết rõ thế của mình bèn tìm đến Hoa Quốc Phong và thẳng thắn nói: "Hiện nay, họ không phục, đang chờ đợi để cướp lai quyền lực. Chủ tịch đã mất rồi, đồng chí phải đứng ra chiến đấu với họ?". Lúc đó, Hoa Quốc Phong không tỏ thái độ gì cả, nhưng xem ra ông đồng ý phải có hành động với "Lũ bốn tên". Ông lại đến gặp Uông Đông Hưng, do ông này phụ trách bộ đội cảnh vệ Trung ương, việc giải quyết "lũ bốn tên" có thuận lợi hay không, ông ấy là một trong những nhân vật chủ chốt. Uông Đông Hưng tỏ rõ thái độ: "Tôi nghe lời Hoa Thủ tướng và Phó Chủ tịch Diệp".

"Lũ bốn tên" cũng ráo riết chuẩn bị cả "văn" và "võ", một mặt tạo dư luận, một mặt phân phát 74.000 khẩu súng, hơn 10 triệu viên đạn cho dân binh ở Thượng Hải. Chúng còn gây rối làm cho hội nghị Bộ Chính trị cũng không họp nổi. Trong tình hình đó, Hoa Quốc Phong thông qua Lý Tiên Niệm yêu cầu Diệp Kiếm Anh tìm biện pháp. Sau đó, ba người Hoa, Diệp, Uống cùng thảo luận biện pháp dùng Cục Cảnh vệ Trung ương tung một mẻ lưới, tóm sạch "lũ bốn tên".

Sau khi đập tan "lũ bốn tên", Diệp Kiếm Anh lập tức phục hồi cho Đặng Tiểu Bình. Ngày 9 tháng 10, ông nói với Hoa Quốc Phong: "Nhanh chóng để đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác, khôi phục nguyên chức vụ cũ của đồng chí đó". Ngày 10 tháng 10, Đặng Tiểu Bình - người vẫn đang công khai bị phê phán viết thư cho Hoa Quốc Phong và Trung ương chúc mừng việc đập tan "lũ bốn tên" và biểu thị hy vọng vào thời kỳ mới.

Trong hội nghị Bộ Chính trị sau đó không lâu, Diệp Kiếm Anh lại nhắc lại đề nghị khôi phục Đặng Tiểu Bình và nói với giọng xúc động: "Tôi kiến nghị để đồng chí Đặng Tiểu Bình trở lại công tác, các đồng chí có mặt ở đây hẳn không sợ đồng chí đó chứ? Việc tham gia Bộ Chính trị và phục hồi công tác của đồng chí ấy chẳng thách thức gì chúng ta cả". Lý Tiên Niệm lập tức biểu thị hoàn toàn đồng ý. Trước khi chưa được thông báo, Diệp Kiếm Anh còn đưa ra ý kiến, trong báo cáo của trung ương cần viết về đồng chí ấy tốt hơn một chút để sớm được ra công tác hơn.

Tháng 3 năm 1977, trong thời gian họp hội nghị công tác Trung ương, Trần Vân và Vương Chấn khảng khái trình bày việc phục hồi công tác đối với Đặng

Tiểu Bình. Trần Vân nói: "Theo nhu cầu của Đảng và cách mạng, việc đồng chí Bình tham gia công tác lãnh đạo Trung ương là đúng đắn và cần thiết". Vương Chấn nói: "Chính trị tư tưởng của Đặng Tiểu Bình rất vững, là một nhân tài hiếm có, đó là Mao Chủ tịch nói và Thủ tướng truyền đạt lại. Năm 1975, đồng chí ấy có được những thành tích vĩ đại trong lãnh đạo Trung ương Đảng và Quốc vụ Viện; đồng chí ấy là người đi tiên phong trong chống "lũ bốn tên". Ý kiến đó đã được hội nghị hoan nghênh nhiệt liệt. Trước tình hình đó, Hoa Quốc Phong biểu thị "Cần phải để đồng chí ấy ra công tác vào dịp thích hợp". Nhưng phải mãi tới Hội nghị Trung ương 3 khoá 10 họp tháng 7 năm 1977 mới thông qua quyết nghị phục hồi các chức vụ cho Đặng Tiểu Bình là uỷ viên Trung ương, Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Đảng, Phó Thủ tướng Quốc vụ Viện, Tổng Tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.

Sự thành công của ông có một nhân tố không thể bỏ qua là vận may. Trong lịch sử bản thân, hai lần thoát không bị địch bắt mà lần nào cũng chỉ nhanh trước một phút mà thôi. Ông còn bị địch bao vây hai lần, một lần giữa đêm tối, bên ta chỉ có một trung đội, còn địch thì không rõ có bao nhiêu, chúng bao vây cả thôn, nhưng nhờ đội tự vệ đỏ thôn giúp đỡ, nửa đêm đã đột phá vòng vây thoát ra ngoài. Một lần khác, ông cùng La Vĩnh Hằng và một vài người đi quan sát trận địa từ một đỉnh núi thì đột nhiên bị địch tập kích. Khi địch sắp lên đến nơi thì một đại đội quân ta vừa kịp tới giải vây. Lần ấy, trên chiếc áo khoác da của ông còn dính mấy viên đạn. Ông còn bị ốm suýt chết hai lần, một lần ở Pháp, nhưng may là y học Pháp rất tốt, lại được chữa miễn phí nên thoát nạn; một lần vào trước khi xảy ra sự kiện Tây An, lần này ông đã hôn mê bất tỉnh, không ăn được gì chỉ húp tí cháo. Trong lúc nguy cấp như vậy, may nhờ có một số sữa là quà úy lạo của đồng bào nên ông đã thoát chết.

Để thành công, may mắn hơn là trong mọi thời kỳ, ông luôn được sống giữa rất nhiều nhân tài.

Thời kỳ ở Pháp có Triệu Thế Đán, Thái Hoà Thâm, Hướng Cảnh Dữ, Chu Ân Lai, Từ Đặc Lập, Vương Nhược Phi, Nhiếp Vĩnh Chăn, Lý Phú Xuân, Trần Nghị, Lý Lập Tam, Lý Duy Hán, Lưu Bá Thừa, Trần Diên Niên v.v...

Thời kỳ ở Matxcơva còn có thêm Stalin, Bukhalin, Cù Thu Bạch, Tưởng

Kinh Quốc, Cổ Chính Cương, Đặng Văn Nghị, Khuất Vũ...

Thời kỳ ở Tây An có Phùng Ngọc Tường, Vu Hữu Nhiệm...

Thời kỳ ở Vũ Hán có Trần Độc Tú, Đặng Trung Hạ, Trương Đại Lôi, Nhiệm Bật Thời, Tô Diêu Chinh, La Diệc Nông, Mao Trạch Đông.

Thời kỳ ở Thượng Hải có Trần Vân, Đặng Dĩnh Siêu, Uẩn Đại Anh, Trần Canh, La Diệc Nông, Quan Hướng Ứng, Khang Sinh...

Thời kỳ ở Quân đoàn 7 có Lý Minh Thuỵ, Vi Bạt Quần, Du Tác Dự, Vi Quốc Thanh, La Thuỵ Khanh, Dương Thượng Côn v.v...

Thời kỳ ở Sư 129 có Chu Đức, Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa, Tả Quyền, Hạ Long, Từ Hướng Tiền...

Trừ những tình huống đột xuất đặc biệt ra, bất kỳ những người thành công nào đều không thể tách rời với những nhân tài xung quanh, nhất là lĩnh vực chính trị. Sự nghiệp của Đặng Tiểu Bình là sự nghiệp của một đất nước đông dân nhất thế giới, nhất thiết phải dựa vào sức mạnh tập thể và trí tuệ tập thể mới có thể tiến hành và giành thắng lợi được, mà tập thể đó được tổ chức theo hình một kim tự tháp, dưới cùng là hàng vài trăm triệu người, lên cao dần tới đỉnh chỉ gồm một vài người nhân tài kiệt xuất. Đặng Tiểu Bình tham gia cách mạng đã sánh vai cùng với các nhân vật kiệt xuất, bước khởi điểm của ông rất cao nên trưởng thành nhanh hơn, cơ sở cũng chắc chắn hơn. Đặc điểm này cũng rất có ý nghĩa đối với những nhân sĩ có chí hướng ngày nay. Không nắm được thời cơ, chỉ luẩn quẩn trong lớp người bình dân thì muốn có được thành tựu quả thật là rất khó. Trong thế giới toàn cầu hoá hiện nay càng là như vậy.

CHƯƠNG 12

ĐẶNG TIỂU BÌNH - MỘT NGƯỜI BÌNH DÂN

Năm 1984, trong ngày lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, khi đoàn diễu hành đi qua trước Thiên An Môn, đoàn sinh viên lớp 81 khoa Vật lý trường Đại học Bắc Kinh đột nhiên giương cao một tấm biểu ngữ trên có dòng chữ lớn: Xin chào Đặng Tiểu Bình!

Đây là một hành vi rất mạo phạm, nhưng do buổi lễ được truyền hình trực tiếp nên tất cả mọi người ngồi trước máy thu hình đều nhìn thấy dòng chữ đó. Nói một cách thực sự cầu thị, ảnh hưởng của dòng chữ đó trong quần chúng nhân dân rất khác nhau.

Có một số người Trung Quốc khi sống ở thành phố rất dễ bị Tây hoá", "Năm đầu còn là người Trung Quốc, năm thứ hai đã là người Tây, năm thứ ba đã không nhận cha mẹ nữa"; những người ra nước ngoài càng đáng sợ hơn, chỉ cần nửa năm đã trở thành "Tây giả cầy" rồi. Làm quan cũng dễ bị "quan hoá", làm quan ở một cơ quan lớn (cho dù chỉ là một viên chức nhỏ) càng dễ sợ hơn, chẳng những quần chúng sợ, mà cả các bà, các cô khi thấy các vị quan huyện, quan tỉnh tới quan cấp trên cũng đều sợ cả. Kinh nghiệm cho thấy, loại người này rất khó làm việc gì ra hồn, họ thường chỉ giả bộ này nọ để doạ người (bao gồm cả cơ quan cấp dưới và lãnh đạo các khu vực nghèo khó).

Bản thân của "khí phách nhà quan" không có gì xấu cả, mà vì quan niệm của giá trị người theo đuổi những thứ đó có vấn đề nhất định, sức chú ý cũng bị phân tán, định tính không tốt lắm, dễ bị ảnh hưởng từ bên ngoài và từ người khác. Mà một người muốn thành tài hoặc đại tài phải tập trung tinh lực vào các vấn đề có tính thực chất, then chốt, phải kiểm định, hàng chục hàng trăm năm không thay đổi. Do vậy, các danh nhân lớn từ xưa tới nay đều có một đặc điểm chung là tính

cách đạo đức phẩm chất, tác phong sinh hoạt và thói quen sống lúc nhỏ thế nào tới khi thành đạt vẫn thế không thay đổi. Dù họ có là nhà quí tộc, thân sĩ hay một người bình dân, nói chung họ vẫn trước sau như một, không biến thành người để người khác không nhận ra được.

Đặng Tiểu Bình 15 tuổi đã lên thành phố (Trùng Khánh), 16 tuổi đi nước ngoài và sống ở nước ngoài hơn 6 năm. Về nước đã là cán bộ cấp Cục, Bí thư Đảng uỷ Trường Quân sự Trung Sơn và nhanh chóng trở thành thư ký duy nhất của Thường vụ Bộ Chính trị; 23 tuổi làm "quan lớn" của Thượng Hải - Chánh thư ký Trung ương Đảng, về sau trở thành một trong những nhà chính trị có ảnh hưởng nhất trên thế giới. Nhưng tác phong của ông trước sau đều là của một người dân bình thường của Trung Quốc, không bị "Tây hoá" và "quan hoá". Về điểm này, các lãnh tụ Đảng của Trung Quốc tương đối giống nhau, mặc dù phong độ mỗi người có khác, nhưng trước họ thế nào, sau họ vẫn thế nói chung là họ rất "bình dân hoá".

Đối với những người tham gia sự nghiệp cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo mà nói, "Tây" không "Tây", "quan" không "quan" không hoàn toàn là vấn đề cá nhân. Đảng Cộng sản Trung Quốc tiến hành cách mạng lâu dài ở nông thôn, yêu cầu cán bộ của Đảng phải đồng cam cộng khổ, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, người nào "quá Tây", "quá quan" nói chung lúc đó đều không được hoan nghênh, nếu làm việc gì mang tính chuyên nghiệp còn được, làm lãnh đạo thì không thể. Điều này được tạo thành từ sự tôi luyện trong điều kiện hiện thực của cách mạng Trung Quốc, được mài giũa trong những ngày khó khăn gian khổ, và được bồi dưỡng nên trong tư tưởng đồng cam cộng khổ với nhân dân và binh sĩ.

Con gái Đặng Tiểu Bình đã từng hỏi ông rằng, sau khi các vị lãnh đạo như Bành Đức Hoài, Lưu Bá Thừa đi Diên An "lúc đó một mình cha ở tiền phương, chắc không phải là chuyện dễ dàng!". Đặng Tiểu Bình cười trả lời: "Cha chẳng làm việc gì khác ngoài việc phải chịu khổ cả". Điều này không chỉ trong thời kỳ ở Thái Hàng Sơn mà suốt thời kỳ chiến tranh cách mạng đều như vậy.

Cuối năm 1926, trên đường về nước, Đặng Tiểu Bình đã phải nếm trải những gian khổ của cuộc đời cách mạng. Đường về nước thật khó khăn. Trước tiên phải đi ô tô qua hoang mạc, mà trên hoang mạc lại không hề có đường; nói là đi ô tô,

nhưng phải thường xuyên xuống đẩy, có lúc cả ngày chỉ đi được vài dặm đường. Tuyết rơi đầy trời, gió rét cắt da, ăn lương khô, ngủ lều bạt, vô cùng gian khổ. Khổ nhất là phải cưỡi lạc đà qua sa mạc. Sa mạc mà các ông phải đi qua cứ vào sau tháng 9 là "mùa gió chướng", "lữ khách không thể qua được", phải chờ mùa xuân năm sau mới qua được. Nhưng để nhanh chóng trở về nước tham gia cách mạng, họ vẫn quyết tâm đối đầu với nguy hiểm. Trong 8 ngày 8 đêm, mặt trời, chói chang trên đầu, bão cát vỗ thẳng vào mặt, giá buốt cắt da cắt thịt, cái chết luôn rình rập và phải mất hơn một tháng trời mặt không hề rửa, không tắm giặt, quần áo rách tả tơi, đói khát, họ đã qua được sa mạc.

Đặng Tiểu Bình đã từng cảnh báo bộ đội rằng: "Cách mạng khó khăn và sẽ ngày càng khó khăn hơn, càng gần thắng lợi càng gian khổ hơn", "muốn thắng lợi phải chịu gian khổ". Đó là vào ngày 25 tháng 4 năm 1948, ông nói câu đó trước tình hình Đại Biệt Sơn. Thời kỳ Đại Biệt Sơn là thời kỳ "khổ" nổi tiếng.

Khi ở Đại Biệt Sơn, có một lần, Lưu - Đặng được xếp vào nghỉ ở một gian phòng rất hẹp, một bà già 60, 70 tuổi đang nấu cháo. Nhìn thấy hai ông, bà đã tự động bưng nửa bát cháo đến cho Lưu Bá Thừa và nói: "Ăn cháo đi, hai mắt trũng sâu quá rồi, sao tuổi cao vậy mà vẫn còn đi lính!

Không có ăn, không có mặc. Mùa đông, cả Lưu - Đặng và tướng sĩ đều như nhau, phải tự khâu lấy áo bông để mặc. Những người đàn ông có tuổi chân tay lóng ngóng, quần áo khâu ra làm người ta dở khóc dở cười, không thể mặc được. Vị tướng tài ba Lưu Bá Thừa phải vận dụng trí tuệ tài năng của mình để nghĩ ra một cách khâu đơn giản rồi phổ biến cho mọi người. Lấy một chiếc bát úp lên miếng vải rồi cắt theo vành tròn miệng bát làm cổ, ở giữa cắt thẳng một nhát chia ra làm hai vạt áo, bên cạnh được khâu lại thành một chiếc áo. Có người đưa biếu ông quần áo rét kiểu Tây, ông không nhận và nói: "Mặc quần áo tự khâu lấy để đồng cam cộng khổ với bộ đội sẽ đánh càng thắng hơn". Còn Đặng Tiểu Bình vung vung hai ống tay áo cười nói: "Chẳng phải áo của tôi rất đẹp sao? Thật là một sản phẩm thủ công mỹ nghệ tuyệt đẹp của Trung Quốc".

Ngày 30 tết năm 1948, tổ chức Đảng địa phương gửi cho Đặng Tiểu Bình bánh gai, lạc, thịt dê và một con gà.

Đặng Tiểu Bình hỏi: "Những thứ này từ đâu mà có được vậy?"

Lãnh đạo địa phương trả lời: "Hôm nay là ngày cuối năm, đây là quà của nhân dân tặng".

"Nhân dân vùng núi sống khổ sở quanh năm, mau đem trả lại họ đi" - Đặng Tiểu Bình có ý phê bình nói.

Mọi người kiến nghị, cả địa chủ và nhân dân ở đây đều chạy cả rồi, những nhu yếu phẩm thiết yếu có tiền cũng không mua được, liệu có thể giữ lại những thứ đó được không? Ta sẽ tính thành tiền rồi trả cho bà con. Đặng Tiểu Bình kiên quyết nói: "không được! Vì ngày Tết nên nhân dân cũng phải cần những thứ đó. Phải trả lại tất cả không được giữ lại bất cứ thứ gì".

Đội trưởng bảo vệ vẻ không vui: "Không mua lại những thứ này thì đêm 30 Tết ngay cả cơm cũng không có ăn đâu ạ".

Đặng Tiểu Bình cười: "Không sao cả? Làm gì có chuyện dùng tiền để mua lại quà biếu. Còn cái gì chúng ta ăn cái đó". Sau khi biết còn một số bánh lúa mạch và một ít táo, ông hóm hỉnh nói: "Cháo mang ra ăn thôi. Bánh mang nướng lên, táo làm thức ăn, bữa cơm tất niên ra trò rồi còn gì". Trong bữa tất niên đơn sơ đó, Đặng Tiểu Bình vốn rất ít lời nhưng hôm đó đã vui vẻ kể lại cuộc trở về nước vào cuối năm 1926.

Điều đó cho thấy rằng, trải qua hơn 20 năm tôi luyện như vậy, cho dù là một bậc đế vương hay công chúa cũng đã biết bình dân hoá rồi.

So với những người vì điều kiện thực tế không thể không chịu khổ, tinh thần chịu đựng gian khổ của người cộng sản Trung Quốc đã có sự chỉ đạo tư tưởng rõ ràng, đó chính là hai tác phong được coi trọng nhất của Đặng Tiểu Bình mà Mao Trạch Đông đã nhiều lần đề xướng: "Đường lối quần chúng và thực sự cầu thị. Đời sống nhân dân quá khổ rồi" "Người lính - con em của nhân dân phải đồng cam cộng khổ với nhân dân; "Bộ đội khổ, thủ trưởng cũng phải đồng cam cộng khổ với bộ đội", có như vậy mới “càng đánh thắng hơn", "muốn thắng lợi thì phải chịu khổ".

Ngoài ra, trong điều kiện lúc bấy giờ, vật chất thiếu thốn, tài lực mỏng, tiết kiệm từng lá đồng để dùng cho chiến tranh cách mạng cũng là một tinh thần thực sự cầu thị.

Ngày nay điều kiện đã khác xưa, mức sống có thể cao hơn nhưng cũng vẫn cần phải kích thích sự phát triển kinh tế cao hơn, đó cũng là làm cách mạng, thực hiện mục tiêu cuối cùng xây dựng hiện đại hoá. Tác phong nói trên phản ánh: trước tiên phải nghĩ tới nhu cầu của quần chúng, đó cũng chính là tác phong của đường lối quần chúng và thực sự cầu thị, là điều mà người lãnh đạo luôn luôn phải nghĩ tới. Do vậy, chúng ta không khó khăn gì mà không nhận ra, tác phong bình dân của Đặng Tiểu Bình trên thực tế cũng chính là điểm xuất phát cơ bản của cải cách mở cửa của Trung Quốc và là một đặc điểm cơ bản. Mục tiêu trước mắt là thực hiện ấm no và mục tiêu tiếp theo sẽ là thực hiện cơ bản hiện đại hoá, đạt tới trình độ các quốc gia phát triển trung bình cũng đều phải như vậy.

Từ giữa thế kỷ 20 tới nay, sự bình dân hoá của các nhà chính trị đã trở thành một xu thế, và xu thế này đang được rõ ràng hoá, phổ biến hoá. Không những vậy, các nhà khoa học, các doanh nhân, các nhà nghệ thuật cũng đã bắt đầu bình dân hoá. Đó là một biểu hiện của xã hội tiến bộ; xã hội tiến bộ, người dân có cơm ăn áo mặc, người người có thể tự lực cánh sinh, chỉ một số ít người ở trên nếu tác oai tác quái thì xã hội và mọi người đều không thể chấp nhận và chịu đựng được, họ chắc chắn sẽ bị đổ. Do vậy, trong thế giới đương đại, đặc biệt ở những nước trình độ tiến bộ xã hội tương đối cao, người thông minh đều xem mình như một người bình dân và biểu hiện thành người bình dân, cho dù họ là người đứng đầu nhà nước, đứng đầu các ngành, các thủ trưởng, đều phải như vậy. Đương nhiên, nếu ai đó giả làm như vậy cũng không thể được, chỉ những người vốn có bản sắc như vậy mới có thể tự nhiên bình dân được. Người ta dễ dàng phát hiện ra ngày càng nhiều những nhân vật nổi tiếng lại không giống những nhân vật lớn, mà xem ra cũng chỉ như những người bình thường. Trên thực tế, người làm quan quá giống quan sẽ không là quan tốt được và cũng không thể làm quan to được. Người phát tài quá giống tài chủ thì thật đáng cười, cho nên không phát nổi tài, không phát tài lớn. Người có học vấn lại quá trí thức hoá cũng dễ hỏng, học vấn sẽ không phát triển được v.v...

Do vậy, những người viết chúng tôi có thể rút ra một kết luận: Bản sắc bình dân là cái gốc của thành công, hoặc đang trở thành gốc của thành công. Sự thành công này quan trọng nhất, bởi nó được sự hoan nghênh của đa số, phù hợp với

lợi ích của số đông, càng có lợi cho tiến bộ xã hội.

Người bình dân đều phải có một gia đình, sau khi sinh ra được gia đình nuôi dưỡng; đi nhà trẻ được đưa đi đón về; khi đi học, tan học xong đều phải trở về nhà. Lúc công tác, phải nuôi dưỡng con cái, chăm lo việc nhà...

Người anh hùng coi bốn biển là nhà, người hào kiệt lấy sự nghiệp là nhà, người ta sùng bái anh hùng hào kiệt, do đó trong thời gian rất dài họ có nhà mà như không, họ không biết và không hỏi tới việc nhà, không định hướng giá trị cùng với người nhà.

Thời đại thay đổi, thay đi đổi lại, một lớp người mới ra đời, trong những điểm nóng mà người ta chú ý tới, họ luôn có đề tài gia đình. Gia đình tốt thì được điểm và ngược lại, không tốt sẽ mất điểm. Thủ tướng Anh Tony Ble đã vì cuộc "chiến tranh Côsôvô"làm cho đau đầu, danh tiếng bị giảm sút. Nhưng sau đó, khi trở thành cha của bốn đứa trẻ, là Thủ tướng đầu tiên của nước Anh sinh con trong thời gian nhậm chức, thì danh tiếng của ông lại lên cao và giành được thiện ý của nhân dân Anh và thế giới.

Quan hệ giữa gia đình và đất nước, giữa gia đình và sự nghiệp rất phức tạp. Quan niệm "Tề gia Trị quốc", "Thành gia lập nghiệp" trong văn hoá truyền thống của Trung Quốc không còn chuẩn xác nữa, bởi đây là hai việc khác nhau; không thể ghép lại để bàn được. "Gia pháp" không thể trị quốc, "Quốc pháp" cũng không dễ trị nhà, đạo vợ chồng, cha mẹ, con cái và thành công của sự nghiệp cũng không thể dùng lẫn lộn. Nhưng dù thế nào chăng nữa, nếu có một gia đình hạnh phúc thì luôn được hâm mộ, còn có thể giúp cho sự nghiệp thành công mà bản thân họ cũng là một thành công, một thành công tốt nhất đối với con người.

Năm 11 tuổi, Đặng Tiểu Bình xa nhà lên học nội trú ở huyện lỵ Quảng An, mỗi tuần về nhà một lần, 15 tuổi lên Trùng Khánh học lớp dự bị du học Pháp nên rất ít về nhà, 16 tuổi sang Pháp học, hoàn toàn xa nhà.

Năm 1928, ông kết hôn với Trương Tích Ái và có một gia đình. Lúc đó ông rất trẻ, hoạt bát, thích nói thích cười, rất thoải mái. Vợ ông là "người đẹp hiếm có, tính cách rất tốt, rất hoạt bát, tính tình ôn hoà, rất đáng yêu". Hai vợ chồng ông ở tầng trên, còn lại vợ chồng Chu Ân Lai ở tầng dưới trong một ngôi nhà thuê ở Thượng Hải. Đặng Dĩnh Siêu nói, lúc đó thường nghe thấy tiếng nói cười

của hai vợ chồng Đặng. Đặng Tiểu Bình cũng thừa nhận: "Lúc đó còn trẻ, đương nhiên là thích nói cười rồi".

Khoảng tháng 7, 8 năm 1929, Đặng Tiểu Bình đi Quảng Tây công tác, phải xa rời một gia đình hạnh phúc nhỏ vừa được xây dựng một năm rưỡi trời. Tháng 1 năm 1930 ông trở về Thượng Hải báo cáo công tác. Trong thời gian chờ chỉ thị của trung ương, ông thường xuyên tới thăm người vợ trẻ đang nằm chờ sinh con ở bệnh viện. Nhưng thật bất hạnh, do đẻ khó nên vợ ông đã qua đời Sau khi nhận chỉ thị của trung ương, ông không kịp mai táng vợ, phải vội vã quay lái Quảng Tây ngay. Khi tới Hồng Kông, ông mới kịp uỷ thác cho Lý Cường, người phụ trách đài phát thanh, lo giúp việc hậu sự cho vợ mình. Lý Cường nhận được chỉ thị của trung ương, tới Thượng Hải tổ chức mai táng Trương Tích Ái tại nghĩa trang chung Gian Vịnh - Thượng Hải. Tháng 5 năm 1931, Đặng Tiểu Bình mới tới thăm mộ được. Năm 1949, Thượng Hải được giải phóng, ông lại tới thăm mộ vợ lần nữa.

Do quân Nhật đã động thổ xây dựng sân bay ở khu nghĩa trang này, mà bia mộ lại phải dùng tên giả nên không tìm thấy. Lý Cường có trí nhớ rất tốt, cuối cùng đã tìm được mộ (lúc đó đã ngập nước). Đặng Tiểu Bình cho người đưa hài cốt của Thương Tích Ái vào một chiếc quan tài nhỏ, đặt vào ngôi nhà mà hai vợ chồng đã ở trước kia. Năm 1960 hài cất mới được mai táng ở nghĩa trang liệt sĩ Thượng Hải (nay là nghĩa trang cách mạng Long Hoa).

Tháng 7 năm 1931, Đặng Tiểu Bình từ Thượng Hải đi qua Quảng Đông về Giang Tây công tác. Cùng đi có một đồng chí nữ cùng tuổi với ông tên là Kim Duy Ánh. Hai người quen nhau từ trước, trên đường công tác tình cảm nảy nở, rồi hai người cưới nhau. Đặng Tiểu Bình lại có một gia đình. Nhưng gia đình đó duy trì không được bao lâu, khoảng tháng 4, 5 năm 1933, trong thời gian bị quản thúc tại nơi tạm giữ, ông đã ký vào đơn ly hôn do Kim Duy Ánh đưa tới. Sau đó, vào năm 1941, Duy Ánh bị chết trong cuộc loạn chiến khi đang điều trị bệnh tại Matxcơva. Đặng Tiểu Bình là người rất có khí phách, ông chẳng oán giận gì Duy Ánh. Tháng 12 năm 1972, sau khi thôi bị giam lỏng ông được phép đi lại Giang Tây. Giang Tây có một huyện gọi là Vu Đô, Kim Duy Ánh đã từng là Bí thư Huyện uỷ huyện này. Khi đến thăm huyện Vu Đô, ông đã hỏi người phụ trách:

"Đồng chí có biết huyện nhà trước kia có một Bí thư là nữ không?"

Trong những nhân vật lãnh đạo Trung ương Đảng thời kỳ đầu có một người tính cách hoạt bát gần giống như Trần Nghị và Trần Canh, tên là Đặng Phát, đã từng là Uỷ viên dự khuyết Bộ Chính trị, Cục trưởng Cục Bảo vệ Nhà nước, Hiệu trưởng Trường Đảng Trung ương. Trong cuộc trường chinh, khi tới Diên An, ông và Đặng Tiểu Bình cùng ở trong một nhà hầm. Hai người rất hợp nhau, thường cùng nhau dạo chơi rất khuya. Ông ta hứa sẽ tìm cho Đặng Tiểu Bình một "đối tượng". Với sự tác hợp của ông và các đồng chí khác, Đặng Tiểu Bình đã kết hôn cùng Trác Lâm - một người xuất thân từ một gia đình danh giá đã tốt nghiệp khoa vật lý Đại học Bắc Kinh, là người Vân Nam đầu tiên thi đỗ vào Đại học Bắc Kinh và lúc đó đang được học tập ở lớp huấn luyện đặc biệt thuộc Sở bảo an đặc khu Thiểm - Cam - Ninh. Đặng Phát rất tinh nghịch, khi hai người cưới nhau, Trác Lâm chỉ biết chồng là một lão đồng chí hồng quân, một vị tướng của tiền tuyến, còn chức vụ và các tình hình khác hầu như không hề biết gì cả. Hôn lễ được cử hành trước nhà ở của Mao Trạch Đông ở Diên An, vợ chồng Mao Trạch Đông, Lưu Hiếu Kỳ cùng vợ chồng Trương Văn Thiên, Bác Cổ, vợ chồng Lý Phú Xuân... đều tham dự, chỉ có vợ chồng Chu Ân Lai đang chữa bệnh ở Liên Xô là vắng mặt. Trong lễ cưới, ông uống hết chén này tới chén khác nhưng không hề say, nhưng sau đó mới biết chai rượu đó toàn là nước lã do Đặng Phát và Lý Phú Xuân đã bố trí từ trước. Trác Lâm vốn được bố trí về hoạt động bí mật trong lòng địch, nhưng sau khi cưới đã được đi cùng ông tới Thái Hành Sơn. Suốt 60 năm sau đó, trừ thời kỳ chiến tranh giải phóng khi ông vào Trung Nguyên, hai người phải xa nhau ra, còn bà luôn bên cạnh ông, trở thành chỗ dựa tinh thần và một nửa cuộc sống của ông. Thời kỳ "cách mạng văn hoá", mấy lần ông phải xa con cái, nhưng luôn ở với bà. Khi phải tới Giang Tây, những người phái tả của Giang Tây đã từng thỉnh thị Chu Ân Lai, cho rằng hai vợ chồng ở với nhau là không thích hợp, Chu Ân Lai không trả lời thẳng thắn mà chỉ nói: "Tốt nhất là cho vợ chồng họ ở một ngôi nhà hai tầng, họ ở tầng trên còn các nhân viên công tác ở tầng dưới". Ngày 7 tháng 4 năm 1976, ngày ông chính thức bị đánh đổ một lần nữa không khí rất căng thẳng. Đầu tiên, một mình ông bị gọi đi "nói chuyện". Hơn mười người trong gia đình đau khổ đưa tiễn ông với cảm giác "sinh ly tử biệt". Nhưng khoảng hai giờ sau, người của Cục Cảnh

vệ lại quay lại đón vợ ông đến để hai vợ chồng được sống chung với nhau. Vợ ông không giỏi việc nhà, sức khoẻ lại kém, mắt rất kém, bị bệnh cao huyết áp nặng, lúc ở nhà, ông phải chăm sóc bà nhiều hơn là bà chăm sóc ông. Nhưng bà là người rất biết điều, rất hiểu lòng người, luôn lo lắng tới sự an nguy và sức khoẻ của ông, luôn là chỗ dựa của ông.

Rất nhiều các bậc vĩ nhân thường đau đầu về vấn đề vợ con. Những người này không sợ trời, không sợ đất, nhưng khi vợ có chuyện lại không có biện pháp gì cả. Đương nhiên một vĩ nhân có một bà vợ tốt đâu phải là chuyện dễ, bởi vì họ rất không tầm thường, thực sự có chút gì đó làm cho người ta không thể phục tùng được. Ở nước ngoài, khi lựa chọn các cương vị như Thị trưởng chẳng hạn thì phu nhân của họ là một nhân tố quan trọng, xem ra có vẻ lạ lùng nhưng lại rất có lý.

Giống như rất nhiều các bậc vĩ nhân, danh nhân cách mạng già, Đặng Tiểu Bình cũng không quản được con cái mà giao toàn quyền cho các phu nhân. Cuộc "cách mạng văn hoá" gây ra rất nhiều khó khăn, con cái cũng phải chịu liên luỵ, trong đó người con cả của ông là Đặng Phác Phương suốt đời bị liệt. Ông đã từng nói với vợ rằng trong "cách mạng văn hoá" con cái chúng ta đều biểu hiện rất tốt, chúng chịu nhiều đau khổ vì vậy chúng ta nên cần đối xử với chúng tốt hơn".

Trước "cách mạng văn hoá", hai vợ chồng ông phải xa con trong hai năm.: Ngày 3 tháng 5 năm 1969, ông đã viết thư cho Trung ương, biểu thị sự ủng hộ việc Đại hội 9 vừa kết thúc nên cuối cùng ông đã có quyền được liên lạc với con cái mình. Đương nhiên thủ tục để được gặp con rất phức tạp, phải báo cáo từ cấp tổ chức cơ sở, nơi con cái đang sống, lên hết cấp này tới cấp khác, cuối cùng qua Trung ương phê chuẩn và còn phải được sự đồng ý của tổ chức nơi ông đang ở mới có thể được. Mãi tới tháng 12 năm 1969 và tháng 1 năm 1970, một người con gái (Mao Mao) và một người con trai (Phi Pha) mới lần lượt được gặp hai vợ chồng ông, còn Đặng Lâm và Đặng Nam không được phép, Đặng Phác Phương đang nằm viện. Tháng 1 năm 1970, tổng lương của hai người là 524 đồng (Đặng Tiểu Bình 404 đồng, vợ ông 120 đồng), nhưng chỉ nhận được 205 đồng sinh hoạt phí. Điều này khiến cho ông lo lắng vì một phần gia đình được đoàn tụ, sinh hoạt

gia đình sẽ rất khó khăn. Tuy những thử thách về chính trị là chủ yếu, song vấn đề kinh tế cũng không phải chuyện nhỏ. Gia đình ông có 9 người (hai vợ chồng, năm đứa con, một mẹ kế, một cháu ngoại), chi phí lớn, khi phái tạo phản lục soát nhà đã kinh ngạc phát hiện ra rằng, nhà ông không có một xu tiền tiết kiệm nào, mà còn nợ tiền công tới 200 đồng. Với 205 đồng một tháng thì phải làm sao đây? Trong tình trạng đó, một người như ông đã là Tổng Bí thư, Phó Thủ tướng không thể không quản cả việc nhà. Tháng 2 năm 1970, sau khi nhận được 205 đồng sinh hoạt phí, ông đã viết cho Uông Đông Hưng một bức thư dài chủ yếu nói về chuyện nhà. Mãi tới tháng 6 năm 1972, hai vợ chồng ông mới được nhận lương theo tiêu chuẩn cũ. Sự bất hạnh đó lại là một hạnh phúc của hàng trăm triệu nhân dân lao động. Bởi vì lúc đó, rất ít gia đình có mức thu nhập 200 đồng một tháng, mà số gia đình có 9 khẩu lại không ít. Ở nông thôn thu nhập lại càng thấp hơn, một lao động khoẻ thu nhập một ngày chỉ được một hai hào là chuyện phổ biến và đã được coi là giàu rồi. Con cái ông đến đội sản xuất làm việc chỉ được một hào hai, một hào ba đã là tốt rồi. Sự gian khổ trong cuộc sống thực sự là một thử thách lâu dài. Nhưng nếu không có sự thử thách đó có thể sẽ không thể có "một quyết tâm lớn để tiến hành cải cách mở cửa tìm một cuộc sống ấm no hạnh phúc. Khi cuộc sống căng thẳng, ông lại phát huy tinh thần tự lực cánh sinh như thời chiến tranh chống Nhật, ngay cả cơm thiu vẫn cứ ăn, ông còn đùa: "Đun nóng lên là vi trùng sẽ chết hết, bụng dạ tôi tốt lắm, chẳng việc gì đâu!", rồi lại khai hoang trồng rau, nuôi gà... thật khiến người ta đau lòng.

Trước "cách mạng văn hoá", trong năm người con của ông đã có một người con là Đặng Lâm đang học ở Đại học Mỹ thuật Trung ương, Đặng Phác Phương và Đặng Nam học Đại học Bắc Kinh, còn Mao Mao và Phi Phi đang học trung học. Sau khi "Cách mạng văn hoá" bắt đầu, Đặng Lâm và Đặng Phác Phương bị phái tạo phản bắt giam đấu tố, mất quyền tự do, Đặng Nam cũng bị bắt giữ. Tháng 8 năm 1968, Đặng Phác Phương 24 tuổi, đảng viên cộng sản dự bị, Bí thư chi đoàn, sinh viên năm thứ tư khoa vật lý kỹ thuật Đại học Bắt Kinh trong quá trình đấu tố, thẩm vấn, bức cung đã nhảy lầu tự tử; anh bị thương rất nặng phải đưa đi cấp cứu, nhưng nhiều bệnh viện từ chối không nhận nên đã bị lỡ cơ hội chữa trị và phải hơn 10 ngày sau mới thoát khỏi cơn hiểm nghèo. Đặng Phác Phương nằm viện, nhưng Đặng Lâm vẫn bị đấu tố và buộc phải lao động cải tạo,

Mao Mao và Phi Phi phải về nông thôn. Đặng Nam được điều đi làm việc ở Thiểm Tây. Vận mệnh của cả năm người thay đổi lớn do có liên quan tới Đặng Tiểu Bình. Do đó ông cảm thấy bản thân mình phải có trách nhiệm lớn. Tháng 2 năm 1970, trong thư gửi Uông Đông Hưng, một trong những vấn đề chủ yếu mà ông nói tới là vấn đề công tác của Đặng Lâm. Ông viết: "Cháu đã 28 tuổi, sức khoẻ lại không được tốt lắm, đến bây giờ vẫn chưa có đối tượng nào. Cháu vốn ốm yếu, điều kiện ở nông thôn rất khó khăn, nếu làm việc trong nhà máy 8 tháng một ngày cũng khó khăn như vậy, nếu phân cho cháu làm công tác gì có tính kỹ thuật đơn giản như thu phát công văn, văn thư, giữ thư viện... sẽ hợp với cháu hơn. Tôi đã nói việc này với đồng chí hồi còn ở Bắc Kinh, nếu có thể xin đồng chí giúp đỡ cho, tôi vô cùng cảm kích".

Tháng 9 năm 1970, vấn đề "Tổ lãnh đạo cách mạng văn hoá do Trần Bá Đạt làm tổ trưởng đã được công khai hoá. Đặng Tiểu Bình lập tức viết hai bức thư cho Trung ương, một bức tỏ thái độ ủng hộ phê phán và nói về Hội nghị Trung ương 2 khoá 9 mà Trần Bá Đạt tuyên bố tiến hành thẩm tra lại và một bức nói về việc gia đình ông, mà chủ yếu là vấn đề của Đặng Phác Phương và Đặng Lâm. Ông biểu thị "vui mừng" về việc bệnh tình của Đặng Phác Phương có chuyển biến tốt và sự chăm lo tới cuộc sống gia đình ông của Văn phòng Trung ương Đảng, một lần nữa ông nhắc lại đề nghị phân công công tác cho Đặng Lâm, "Nhờ giúp đỡ".

Sau khi "hạ phóng" xuống Giang Tây, cứ khoảng nửa năm ông lại viết một bức thư cho Trung ương. Những bức thư nói trên sau khi gửi đi được một tháng, ông lại viết một bức thư khác cho Trung ương chuyên nói về chuyện của Đặng Phác Phương, bởi lúc đó ông nhận được tin, Phương đã liệt hoàn toàn nửa người trước, đại tiểu tiện rất khó khăn nên sẽ đưa về Giang Tây cho vợ chồng ông chăm sóc, do đó ông "hết sức mong muốn rằng hãy để cháu ở bệnh viện hiện nay tiếp tục điều trị. Yêu cầu này nhanh chóng được chấp thuận, cả nhà ông thở phào nhẹ nhõm. Nhưng điều làm người ta khó tưởng tượng là, sau đó, vào ngày 27 tháng 1 năm 1971 - tức ngày mồng một Tết âm lịch, Phương bị chuyển tới một Viện cứu tế xã hội nơi điều kiện rất kém. Ngày 3 tháng 2, Đặng Tiểu Bình biết được việc đó đã viết thư ngay cho Uông Đông Hưng kèm theo bức thư của Đặng

Phác Phương nói về điều kiện bi thảm ở Viện cứu tế và yêu cầu đưa Phương về Nam Xương.

Đây là một đòn nặng nề giáng vào đầu ông, nhưng nặng hơn là sau đó, người ở Giang Tây thông báo cho ông biết từ nay về sau không được viết thư cho Trung ương nữa. Điều này đối với một người có 50 năm hoạt động cách mạng, cống hiến tất cả cho Đảng, đã từng có hơn 10 năm nằm trong Ban lãnh đạo hạt nhân của trung ương như ông quả là một đòn sét đánh. Đương nhiên, người thông báo tin này không cho biết đó là chủ trương của ai, nên Đặng Tiểu Bình vẫn còn một chút hy vọng.

Bị chuyển tới Viện cứu tế, Đặng Phác Phương rất phẫn nộ. Lúc đó, Phương không những không làm chủ được việc đại tiểu tiện mà còn không có cả quần áo lót để mặc nữa. Cô và cậu tới thăm, có đưa quần áo đến nhưng anh cũng từ chối và luôn tỏ ra tức giận. Tháng 5 năm 1971, trong lúc tuyệt vọng, anh bất chấp mọi nguy hiểm cho sinh mạng của mình, đã vào tận Trung Nam Hải yêu cầu được điều trị, nhưng chẳng ai ra tiếp anh mà còn cưỡng bức anh buộc phải về Viện Cứu tế. Nhưng có thể việc này đã làm kinh động tới những người có liên quan, cuối cùng anh được đưa về Nam Xương theo đề nghị của Đặng Tiểu Bình hai tháng trước đó, (là nơi Đặng Tiểu Bình đang ở). Hai cha con 5 năm chưa gặp nhau, lần gặp này nhìn nhau rơi nước mắt. Lúc ấy sức khoẻ Đặng Tiểu Bình đã sút kém. Lao động trong nhà máy, mồ hôi chảy đầm đìa, vợ ông khuyên nên ngồi nghỉ một lát, ông nói rất muốn nghỉ, nhưng nếu ngồi nghỉ sẽ không thể đứng dậy được nữa. Sức khoẻ của Trác Lâm càng sút hơn, huyết áp thường tăng cao, nhưng cả hai ông bà vẫn hàng ngày phải lau người, tắm rửa cho con một vài lần đề phòng bị nhiễm trùng da, rồi còn phải đưa cơm, nước, trở mình cho con, đổ bô, giặt giũ, cả một đống việc, quả là một bi kịch lớn hơn cả bi kịch của cuộc "cách mạng văn hoá" mà ông phải gánh chịu.

Giống như thời chiến tranh cách mạng "càng gần thắng lợi thì đấu tranh càng gian khổ", ngày 13 tháng 9 năm 1971, sự kiện Lâm Bưu bùng nổ, ngày hôm sau, qua đài nước ngoài, Đặng Phác Phương nghe được tin có một máy bay Trung Quốc bị rơi ở Mông Cổ, đài này phỏng đoán nội bộ Trung Quốc có thể xảy ra sự kiện lớn. ít lâu sau là ngày Quốc khánh, không hề có mít tinh tuần hành như

trước, cũng không có tin tức gì về Phó Thống soái Lâm Bưu cả.

Đặng Phương phấn khởi suy luận: Lâm Bưu chắc có chuyện rồi. Đương nhiên Đặng Tiểu Bình chẳng biết nói gì cả, nhưng có thể đoán rằng ông đã biết trước cả Đặng Phác Phương. Ngày 6 tháng 11, vấn đề Lâm Bưu chính thức được công bố cho quần chúng. Ngày 8, bất chấp lời công báo không được viết thư cho Trung ương trước đó 2 tháng của những người ở Giang Tây, ông đã viết một bức thư gửi Mao Trạch Đông (là bức thư đầu tiên kể từ khi ông và Mao Trạch Đông hội đàm với nhau vào tháng 5 năm 1967). Bức thư mang tính chính trị, yêu cầu được trở lại công tác và còn thêm cả việc của con cái ông, yêu cầu cho Mao Mao trở về chăm sóc anh - một đứa con tàn phế của mình; hy vọng Mao Mao và Phi Phi "được phân về công tác gần tôi, tốt nhất là làm công nhân trong nhà máy, có thu nhập ổn định, nếu Mao Mao được học ngành y thì càng tốt". Bức thư còn nói, đầu năm, có đồng chí cảnh báo tôi là không được viết thư nên 11 tháng nay tôi không hề viết. Không biết sau này nếu có việc có thể viết thư cho đồng chí Uông Đông Hưng được không?" Nhận được thư, Mao Trạch Đông hỏi thẳng Uông Đông Hưng: "Đồng chí có quản lý Đặng Tiểu Bình không? "Uông Đông Hưng ngạc nhiên: "Sao lại không? "Ngừng một lát như chợt tỉnh rồi nói tiếp: "Tôi với Chủ tịch đi công tác, không ở Bắc Kinh, giao cho Phó Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Vương Lương Ân quản lý". Mao Trạch Đông nói việc của Đặng Tiểu Bình vẫn phải do Uông Đông Hưng quản lý rồi phê trên bức thư của Đặng Tiểu Bình gửi cho ông rằng: "Sao gửi Bộ Chính trị. Việc nhà của đồng chí ấy do Uông Đông Hưng giải quyết".

Việc chính trị phức tạp, việc gia đình đơn giản. Tháng 4 năm 1972, Mao Mao được sắp xếp vào học Đại học Y Giang Tây, còn Phi Phi học ở Đại học kỹ thuật Giang Tây. Đó thực sự là một niềm vui quá lớn lao đối với Đặng Tiểu Bình - Ông đã liên lạc được với Mao Trạch Đông và Trung ương Đảng? Mao Chủ tịch và Trung ương vẫn quan tâm tới ông và đã thoả mãn yêu cầu về con cái của ông. Trong những năm tháng tất cả đều bị chính trị hoá đó, thì đối với một nhân vật chính trị như ông, việc nhà cũng là chính trị, vấn đề con cái cũng là vấn đề chính trị. Sau đó mọi việc đều có chuyển biến tốt, tin vui đến dồn dập. Tháng 2 năm 1973, sau khi cả nhà ăn một cái tết cuối cùng ở Giang Tây, Đặng Tiểu Bình trở

lại Bắc Kinh và ít lâu sau đã được phục hồi chức Phó Thủ tướng.

Các bậc vĩ nhân, những người khổng lồ do quá chú ý tới sự nghiệp, danh vọng ảnh hưởng lại lớn, vấn đề con cái cũng giống như vấn đề của người vợ, có rất nhiều phiền hà. Trong thời kỳ “cách mạng văn hoá", Đặng Tiểu Bình đã nhiều lần tự mình viết thư gửi trung ương đề nghị giải quyết cho con cái, làm con cái ông rất cảm động. Những năm cuối đời, ông giống như những người bình thường phúc đức khác, thường xuyên sống cùng với một đàn con cháu đông đúc, có đi đâu ra ngoài cũng chủ yếu là do con cái chăm sóc. Đối với một nhân vật lãnh tụ chính trị mà nói, điều này thật khó mà có được. Đó cũng là một thành công - một thành công to lớn.

Để có sự thành công, bất kỳ ai cũng đều phải có sức khoẻ đảm bảo. Đương nhiên cũng có không ít người bệnh tật tàn phế mà vẫn đạt được nhiều thành tựu, đó cũng là do họ có một bộ óc minh mẫn, tố chất tâm lý tương đối mạnh mẽ, suy cho cùng sức khoẻ vẫn là cơ sở.

Với một nhân vật chính trị và nhà cách mạng như Đặng Tiểu Bình mà nói, sức khoẻ cực kỳ quan trọng, nếu sức khoẻ không tốt sẽ sớm bị đào thải một cách tự nhiên trong một thời kỳ chiến tranh cách mạng. Tháng 7 năm 1938, Đại tá Karlson - Tham tán Sứ quán Mỹ tại Trung Quốc khi phỏng vấn Đặng Tiểu Bình và Từ Hướng Tiền, ông ta đã ghi lại như sau: "Ông ta (tức Đặng Tiểu Bình) lùn mà béo, người rất chắc, đầu óc lại rất linh hoạt". Năm 1975, khi Đặng Tiểu Bình chủ trì công tác Trung ương, ông đã 71 tuổi, nhưng Mao Trạch Đông lại nói ông là một "Tráng đinh". Năm 1988, ông 88 tuổi, sức khoẻ đã giảm sút nhưng tư duy vẫn sáng suốt, nhìn nhận vấn đề vẫn nhạy bén, cống hiến mang tính lịch sử cho sự ổn định của sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc bước vào giai đoạn mới. Tố chất cơ thể của ông rất mạnh là một điều cực kỳ hiếm thấy trong những người đang gánh vác trọng trách lớn, trong đội ngũ lớp cách mạng lão thành của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông xứng đáng là người khoẻ nhất.

Đặng Tiểu Bình khoẻ mạnh sống lâu do rất nhiều nhân tố tạo nên, trong đó có một nhân tố không được bỏ qua đó là có một niềm ham sống. Sự yêu thích đó về nhiều mặt như tâm lý, sinh lý và sự nghiệp giúp ông mạnh khoẻ sống lâu hơn.

Đặng Tiểu Bình rất thích nói chuyện về ăn.

Lâm Nguyệt Cầm - Phu nhân của La Vĩnh Hằng nói với con gái ông rằng: "Bác La và bố cháu trong cuộc trường chinh năm 1935, mỗi người một ngựa luôn đi bên nhau. Hồi đó phải hành quân liên tục. Bác La là người không thích nói chuyện, còn bố cháu suốt ngày cười nói. Họ đi với nhau, suốt ngày kể chuyện tếu, toàn những chuyện món ăn nào ngon. Họ nói ớt ăn rất ngon mà hễ nói tới ớt là lại chảy nước miếng. Nói về thịt, người thì nói thịt nấu hai lần của Tứ Xuyên ngon, người thì nói của Hồ Nam ngon. Tuy chẳng có ăn nhưng tinh thần đã phấn chấn rồi!

Năm 1992, Đặng Tiểu Bình thăm miền Nam, khi một người đi cùng giới thiệu quả vải ở địa phương nọ là loại ngon nhất thế giới, con gái ông liền xen vào, vậy loại bưởi nào ngon nhất thế giới? Những người biết chuyện đều cười ồ cả lên. Hoá ra là, mỗi năm khi ăn trái bưởi đầu tiên, ông đều nói bưởi quê hương Tứ Xuyên ngon nhất, còn con cái ông lại nói bưởi Quảng Tây ngon nhất. Đặng Tiểu Bình biết họ đang cười cái gì bèn thú vị nói: "Bưởi Tứ Xuyên ngon nhất, chẳng qua là do nhận thức không thống nhất được mà thôi". Mọi người càng cười to hơn, rất vui vẻ.

Đặng Tiểu Bình có không ít "bạn ăn" có nhiều dịp cùng "ăn với ông, trong đó nổi tiếng nhất có lẽ là Trần Nghị.

Tháng 6 năm 1933, khi Đặng Tiểu Bình vừa mới được "lên" sau lần "xuống" đầu tiên, Trần Nghị, vợ chồng Lý Phú Xuân được mấy vị lãnh đạo chủ chốt của Giang Tây đón tiếp. Sau khi chào hỏi một hồi, Trần Nghị nói: "Tôi chi ra hai đồng, cử liên lạc đi mua vài cân thịt lợn, một ít ớt, tỏi, xào một nửa, nướng một nửa, kiếm ít rượu nữa.

Đêm ngày 6 tháng 5 năm 1949, Đặng Tiểu Bình từ Nam Kinh trở về Đảng uỷ Tiền phương ở Đan Dương, Trần Nghị đã đến đó trước ba ngày. Khi gặp nhau, hai ông kéo nhau ra phố ăn đêm. Tiếc rằng lúc đó đã quá nửa đêm, hàng quán đóng cửa cả, tìm mãi mới thấy một gánh hàng rong bán bánh, hai ông đã mua tất cả số bánh còn lại rồi ăn hết ngon lành.

Từ sau năm 1957 đến "cách mạng văn hoá", Đặng Tiểu Bình. Trần Nghị, Lý Phú Xuân, Đàm Chấn Lâm, cả bốn nhà đều ở chung một khu trong Trung Nam Hải, mỗi nhà đều có sân riêng. Về cái "ăn" trong thời kỳ này, con gái Đặng Tiểu

Bình nói: "Bố tôi và Bác Trần đều là người Tứ Xuyên, mà người Tứ Xuyên lại "mắc bệnh" luôn mồm nhai", Bác Trần thích nhất sầu riêng. Cha tôi biết bác Trần thích loại quả có hương vị đặc biệt này của vùng Đông Nam Á, nên mỗi khi có bạn ở nước ngoài đến biếu sầu riêng, ông thường xẻ hơn một nửa mang biếu bác Trần. Mỗi lần như thế, bác Trần lai mời một người bạn tâm giao (tức Thừa Chỉ) đến cùng thưởng thức. có lúc cha tôi có được một ít nho cũng đem biếu bác".

Nhiếp Vĩnh Trăn cũng là một trong những "Bạn ăn" của Đặng Tiểu Bình. Con gái Đặng Tiểu Bình nói: "Cha tôi thường đưa cả nhà tới chỗ bác Trăn cùng ăn món Hoa đậu Tứ Xuyên, ông nói món đó chỉ nhà bác Trăn làm ngon nhất.

Về mặt "ăn" thì quan hệ giữa lý Phú Xuân, vợ chồng Thái Sướng với Đặng Tiểu Bình lại tương đối phức tạp.

Thời kỳ ở Pháp, Đặng Tiểu Bình thường tới nhà Lý Phú Xuân và vợ chồng Thái Sương ăn cơm, giống như đứa em trai đến nhà anh chị ăn cơm vậy. Năm 1933, Đặng Tiểu Bình bị đánh đổ và bị đưa về nông thôn lao động. Lúc đó, Lý Phú Xuân và vợ chồng Thái Sướng chỉ là lãnh đạo Tỉnh uỷ nên chỉ có thể quan tâm và bảo vệ ông một cách bí mật. Ngay hôm biết được địa điểm mà Đặng Tiểu Bình phải đến lao động, Thái Sướng phái ngay một cán bộ mà Đặng Tiểu Bình đã quen biết tên là Nguy Tú Anh đến “kiểm tra công tác" ở nơi mà Đặng Tiểu Bình phải đến, Tú Anh gặp được ông, ông biết rõ ý định liền hỏi ngay "kiểm tra gì, có phải chị Thái Sướng bảo cô đến thăm tôi không?" Hai người chuyện trò mãi tới khi chia tay ông mới nói: "Các khó khăn khác chẳng nói làm gì, chỉ có điều ở đây lao động nặng quá, cơm không đủ ăn, đói lắm". Biết được tin đó, Thái Sướng đã sắp xếp một bữa ăn thịnh soạn đãi Đặng Tiểu Bình - một người mấy tháng trời chưa biết mùi thịt cá là gì; trước khi chia tay còn tặng ông hai hộp thịt hộp to và một ít cá khô nữa.

Về mặt "ăn" uống, ông còn là một người "đông tây kết hợp".

Tháng 4 năm 1974, sau khi ông họp Đại hội đồng Liên hợp quốc trở về có ghé qua Pháp. Đại sứ Trung Quốc tại Pháp hỏi ông cần quà gì mang về nước, ông nghĩ một lúc rồi bảo mua cho 200 chiếc bánh sừng bò và pho mát. Đại sứ mua 200 chiếc bánh và cả một đống pho mát. Sau khi về nước, tự tay ông mang

quà đến cho Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Nhiếp Vĩnh Trăn, Thái Sướng là những người bạn già cùng học với nhau ở Pháp ngày trước. Năm 1975, ông đi thăm Pháp, quà biếu mang về vẫn là hai thứ trên nhưng chỉ tiếc rằng số người nhận quà đã ít đi một người, đó là Lý Phú Xuân.

Đặng Tiểu Bình còn nói chuyện ăn uống với cả người nước ngoài. Ngày 28 tháng 1 năm 1979 (theo giờ miền đông nước Mỹ), Đặng Tiểu Bình tham dự bữa tiệc tại nhà riêng của Cố vấn an ninh Quốc gia Mỹ Brêzinsky. Trong bữa tiệc, vị cố vấn đang cao giọng giảng giải về những điểm giống nhau giữa người Pháp và người Trung Quốc và luôn cho rằng họ văn minh hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Đặng Tiểu Bình rất nhanh trí trả lời rằng: "chúng tôi có thể nói rằng, ở Đông Á, thức ăn của Trung Quốc là ngon nhất, còn ở Châu Âu, thức ăn của Pháp ngon nhất".

2- Uống:

Năm 1974, trong thời gian lưu lại tại Pháp, Đặng Tiểu Bình nghĩ tới cà phê mà ông đã uống trong một quán cà phê nhỏ 50 năm về trước. Vậy là, cứ sáng sớm, nhân viên phục vụ lại xách hai chiếc phích nước đi mua cà phê cho ông. Các quán cà phê nhỏ ở Pháp thường bán từng tách một, mà làm như vậy để cho đầy cả hai phích thật chẳng dễ chút nào. Ông chủ quán hiếu kỳ hỏi: "Các ngài có một tiểu đoàn hay một trung đoàn?"

Từ tháng 1 năm 1971 đến tháng 6 năm 1972, vợ chồng ông được thay đổi tiền sinh hoạt phí, cả nhà 9 khẩu một tháng được cấp 205 đồng. Ông đã gặp phải vấn đề mới trong việc chi tiêu cho chè, rượu, thuốc hàng tháng. Trước đây, riêng chi cho khoản này mỗi tháng phải mất 100 đồng, là một khoản rất lớn lúc bấy giờ.

Mao Mao nói: "Chè đắt quá, sau không uống nữa". Cách nói này thực ra có vấn đề của nó. Chè thường dùng không đáng bao nhiêu, dù giá có cao cũng chẳng tốn kém lắm. Nếu không uống có lẽ là do ông chưa phải là người nghiện chè. Nhưng Đặng Lâm nói, bố cô sáng nào ngủ dậy cũng uống một tách trà đặc, ông thích loại chè xanh Tứ Xuyên hoặc An Huy và còn thích chè Long Tỉnh của Tây Hồ. Thế mới biết, lúc ấy họ phải tiết kiệm từng xu một.

Rượu ông vẫn uống, nhưng bắt đầu giảm, loại rượu cũng thay đổi, trước kia thường uống Mao Đài, sau uống loại rượu Tam Hoa rẻ hơn và chỉ uống một chén

vào bữa trưa khi đi lao động về. Vợ ông rất áy náy, bèn cùng người phục vụ và Trình Hồng Hạnh ngâm rượu thuốc và làm rượu gạo nếp cho ông uống.

Ông còn nổi tiếng trong việc hút thuốc và có rất nhiều chuyện thú vị quanh vấn đề này.

Thời gian trường chinh, thuốc rất thiếu. Dương Thượng Côn kiếm được ít thuốc ngon, nhưng một điếu thuốc phải hai ba người cùng nhau hút, trước khi hút còn đánh dấu trên điếu thuốc để cho công bằng hơn. Lần đó, Đặng Tiểu Bình ốm nặng, nằm mê man trên cáng, số người hút giảm đi được một. Một trong những tuyệt chiêu của ông là dùng lá cây thay cho thuốc lá và còn đùa rằng, "Tôi là một nhà máy sản xuất thuốc lá thơm".

Ông còn là người biết "kiếm" ra thuốc. Trong một lần liên hoan, ông bí mật kéo tay sư trưởng Lý Tụ Khuê ra nói nhỏ: "Anh cho tôi chiếc lá, tôi sẽ nói cho anh một bí mật". Lúc ấy, vị sư trưởng này còn có một ít thuốc, "tin có thuốc" đó không hiểu sao lại đến tai ông. Lý Tụ Khuê trịnh trọng đưa hộp thuốc ra nói: "Quá đơn giản. Mời anh hút đi". Ông vừa cuốn điếu thuốc vừa cười nói: "Anh được thăng quan tiến chức rồi. Quân uỷ Trung ương quyết định điều anh về phương diện quân thứ tư làm tham mưu trưởng Quân đoàn 312, quyết định đã đưa xuống rồi".

Sau khi thành lập nước, ông trở thành người nghiện thuốc nặng, mỗi ngày hút hết hai bao thuốc thơm loại gấu mèo. Đây là loại thuốc ngon nhất của Trung Quốc mà thị trường không có bán. Do đó, sau khi đến Giang Tây, ông phải chuyển sang hút loại Đại Tiền Môn, cũng vẫn một ngày hai bao. Sau do sinh hoạt phí thay đổi, không thể hút nhiều được nữa nên một ngày chỉ hút một bao. Lúc thiếu thốn nhất chỉ hạn chế ngày 5 điếu vào lúc trước khi đi làm, đi làm về, buổi chiều, sau khi ăn cơm tối và trước khi đi ngủ.

Sau cải cách mở cửa, thuốc lá có rất nhiều nhưng lại sinh ra phiền phức mới. Rất nhiều quy định và dư luận xã hội không đồng tình với người hút thuốc, nhưng nhiều khi nếu họ không hút thuốc, nhiều việc sẽ không làm được, rõ ràng là càng phiền phức hơn. Nhưng ông đã tự mình hoá giải vấn đề này. Trong các cuộc hội đàm, gặp gỡ, hội nghị, ông đã cho thêm một nội dung là nói chuyện về vấn đề thuốc lá. Vì việc này mà rất nhiều người không hút thuốc đã được ông

biểu đương là "Người tốt". Năm 1979, trong thời gian thăm Mỹ, ông đã hỏi Carter: "Quốc hội Mỹ có thông qua điều luật nào cấm hút thuốc trong hội đàm không?" Carter trả lời: "Không có. Chỉ cần tôi lên làm Tổng thống, họ sẽ không thể thông qua được một luật thư vậy. Ngài biết bang của tôi là nơi có sản lượng thuốc lá rất lớn rồi đấy!

Đặng Tiểu Bình cười vui vẻ rồi rút một điếu thuốc ra châm.

Ngày 2 tháng 9 năm 1986, Hwaiaishi, người phụ trách truyền hình nổi tiếng của Mỹ đến Bắc Kinh thăm Đặng Tiểu Bình. Theo thói quen, ông rút thuốc ra mời. Vị khách nọ vốn không hút thuốc nhưng cũng xin một điếu làm kỷ niệm và phát hiện ra một điều rất lạ là điếu thuốc rất ngắn mà phần đầu lọc lại rất dài. Đặng Tiểu Bình cười và nói: "Đây là loại thuốc sản xuất riêng cho tôi, thói quen xấu này của tôi không sửa được. Ông nói rằng "Tôi cũng chỉ là một người rất bình thường". "Tôi nói chuyện rất thoải mái vì tôi nói những điều tôi muốn nói, tất cả đều rất chân thực. Trong nước, tôi đề xướng đừng có nói sáo rỗng". Những lời nói của ông càng chân thực hơn và làm người nghe cảm thấy thân thiết hơn. "Thói xấu" hút thuốc biến ông trở thành người bị "quản chế". Thường vụ của "Uỷ ban quản chế" này đương nhiên là vợ con và bác sĩ của ông, và còn không ít "người tình nguyện" nữa. Một lần, một phóng viên Hồng Kông trong cuộc gặp gỡ nói chuyện với ông thấy ông hút thuốc quá nhiều, đã bỏ ý định nói về việc thu hồi Hồng Kông mà chuyển sang đề tài thuốc lá, ông ta trịnh trọng nói với Đặng Tiểu Bình rằng, giới y học đã xác nhận thuốc lá có hại cho sức khoẻ con người, do đó trên vỏ bao thuốc đều có in lời cảnh báo đó. Đặng Tiểu Bình thành thực nói, những người như ông, chẳng có nghiện ngập gì khác ngoài thuốc lá cả. Mà tôi đã cao tuổi rồi, cai mà làm gì? Nếu vì hút thuốc mà chết sớm thì cũng đành chịu. Mọi người có mặt đều cười ồ cả lên, người phóng viên nọ thực sự cảm động về lời bộc bạch của ông. Một lần khác, một hội nghị ở Đại lễ đường nhân dân, diễn viên nổi tiếng "Hồng Tuyến Nữ" cũng mạnh dạn nhắc tới việc này: "Đề nghị đồng chí Đặng Tiểu Bình không hút thuốc ở trên Đoàn Chủ tịch". Đặng Tiểu Bình nhận được mảnh giấy đề nghị đó đã cười và tắt ngay điếu thuốc, ông còn đưa mảnh giấy đó cho đồng chí lãnh đạo ngồi cạnh xem. Cũng từ đó, ông không bao giờ hút thuốc khi ngồi ghế Đoàn Chủ tịch nữa. Phạm vi "quản

chế" và tính hiệu quả ngày càng được mở rộng. Năm 1989, ông đã chính thức cai được thuốc sau nhiều năm nghiện nặng.

3 -Giải trí

Cuộc sống của ông có nhiều điều rất thú vị. Thú chơi bài của ông cũng nổi tiếng như việc hút thuốc vậy và nhất là kiểu chơi tú lơ khơ bốn người là một dạng "tạo hình điển hình". Đây là một kiểu chơi bài của phương Tây, nên có người đoán rằng có lẽ là ông học được từ khi còn học ở Pháp. Nhưng điều đó không đúng, mà ông chơi loại bài này bắt đầu từ hồi ở Trùng Khánh.

Lịch sử chơi bài tú lơ khơ của ông tương đối dài. Có người ghi chép lại thời kỳ ông tham gia chiến dịch Hoài Hải rằng: "Việc ông chơi bài tú lơ khơ mọi người đều biết cả. Lúc đầu, khi đại quân tiến qua Khai Phong, do tình hình quân sự quá khẩn cấp Trần Nghị rất tiếc vì không tiến vào Biện Kinh được, nhưng Đặng Tiểu Bình lại chỉ cười mà chẳng nói gì cả. Ông đã cho y tá vào thành mua một bộ bài tú lơ khơ mới, lúc ông rảnh rỗi thường mang ra chơi. Mấy ngày trước, khi Hoàng Duy lệnh cho bốn sư đoàn làm quân tiên phong đột phá vòng vây, Liêu Vận Chu quyết định khởi nghĩa tại chiến trường, Đặng Tiểu Bình có chút lo lắng về tình hình chiến trường, ông đã lấy bộ bài ra, xếp trên bếp lò sưởi ngồi chơi chờ đợi. Đây thực sự là một môn nghệ thuật, với 54 quân bài trong tay, biến đổi rất mau lẹ thật điệu nghệ, Trần Nghị nằm cạnh lò sưởi nhìn ông chơi rất thán phục... Ông rất thích chơi bài một mình và chơi rất giỏi.

Kiểu đánh bài một mình của ông lại được phát huy tác dụng khi ông bị đánh đổ một lần nữa vào năm 1976. Ngày 7 tháng 4 năm 1976, ông được gọi đi "Nói chuyện". Khi tiễn đưa ông đi, Đặng Nam đã nhanh trí cho bộ bài vào túi ông. Bộ bài này sau đó được ông chơi đến mức rất cũ, các góc quân bài đều mờ cả đi.

Đương nhiên, ông không phải thích chơi bài một mình, mà trong những năm tháng chiến tranh hoặc thời kỳ đặc biệt, ông không tìm được nhiều đối thủ thích hợp. Việc ông mê chơi bài hiển nhiên là thời kỳ cải cách mở cửa. Theo lời Đặng Lâm, mỗi tuần ông thường chơi bài tú lơ khơ hai ba lần, mỗi lần chơi cả buổi tối đến tận 11 giờ. Trong các lần chơi nổi tiếng nhất là chơi với “Hoàng hậu tú lơ khơ" Dương Tiểu Yến.

Tháng 3 năm 1981, Thượng Hải tổ chức một cuộc thi đấu bài tây hữu nghị

quốc tế, nước Mỹ cử bốn đội tham dự, tổng đội trưởng là Dương Tiểu Yến, một người Mỹ gốc Hoa. Đặng Tiểu Bình là người ham thích môn này và năm 1981 đã từng được Hiệp hội Phóng viên về bài tây Quốc tế tặng thưởng huy chương danh dự. Sau khi tới Thượng Hải, Tiểu Yến rất muốn gặp ông và được thi đấu với ông một lần. Yêu cầu đó được chuyển tới Đặng Tiểu Bình và ông đã chấp nhận. Bởi vì ông rất thích chơi với các cao thủ nên đã từng nói: "Được chơi với các cao thủ, thua cũng đáng?". Và thế là tối ngày 4 tháng 3, ông và Tiểu Yến thành một cặp đấu với cặp tuyển thủ Đinh Quan Căn và Ông Tâm Tử (là người Hoa quốc tịch Mỹ, cháu của Ông Văn Hào - một vị nguyền lão Quốc dân Đảng), ván bài chơi hơn 3 giờ liền. Trước khi thi đấu, ông khiêm tốn nói: "Các bạn là những danh tướng của thế giới, được chơi với các bạn, giá của tôi cũng được nâng cao hơn". Khi Dương Tiểu Yến đề xuất được chơi cặp với ông, ông rất vui mừng nói: "Tốt quá! Như vậy càng nâng cao khả năng cho tôi". Dương Tiểu Yến đánh giá, đường lối tư duy của Đặng Tiểu Bình rất rõ ràng, phong cách ổn định, tỏ rõ có trí tuệ hơn người, ngang với trình độ của những người chuyên nghiệp, thật là đáng kinh ngạc với một người ở độ tuổi 80. Bản thân ông cũng tự nhận xét: "Tôi chơi không đến nỗi tồi".

Đặng Tiểu Bình rất thích chơi bài, con gái ông cũng thường xem ông chơi và thích làm tham mưu và thỉnh thoảng bình một vài câu Cũng có lúc ông tiếp thu những ý kiến đó, nhưng hầu hết là ông không nghe theo mà thích tự mình suy ngẫm quyết định. Cũng có lúc cùng nhau tranh luận, nhưng ông thường rất lâu sau mới nói quân bài đó cần phải đánh như vậy. Ông có trí nhớ rất tốt, có lúc tranh chấp nhau, ông ngửa cả bài ra và nói vẻ không phục: "Các con xem, ai thắng ai thua đây!"

Về việc đánh bài ông có một lý luận: Thứ nhất, "Phải nghỉ ngơi thoải mái". Ông nói "Duy chỉ khi chơi bài tú lơ khơ một mình tôi không nghĩ gì cả, chỉ chú ý vào con bài, đầu óc có thể được nghỉ ngơi thoải mái". Thứ hai, huấn luyện và kiểm nghiệm năng lực của bộ não. Ông nói: "Tôi lấy bơi lội để rèn luyện sức khoẻ, lấy chơi bài để huấn luyện đầu óc", "Tôi biết bơi và rất thích bơi ở biển để chứng tỏ cơ thể mình vẫn còn khá; tôi chơi bài để chứng minh đầu óc mình vẫn sáng suốt". Vào những năm cuối đời, ông lo nhất là bản thân trở nên "hồ đồ" "cố

chấp" "phạm sai lầm cuối cùng", những cái đáng quản lại không quản nổi. Ông đã tính toán sẵn đối với việc đầu óc mình có sáng suốt hay không, vì nó có quan hệ rất lớn tới Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc. Nếu "đầu óc" có vấn đề, cải cách mở cửa giữa đường đứt gánh hoặc tạo ra sự hỗn loạn lớn thì ông làm sao chịu nổi!

Ngày 16 tháng 9 năm 1989, Đặng Tiểu Bình nói với Lý Chính Đạo: "Tôi vẫn còn khoẻ, đầu óc còn sáng suốt, trí nhớ vẫn tốt. Ở Bắc Đới Hà mỗi ngày tôi bơi một giờ, tôi không thích bể bơi trong nhà, thích bơi ngoài tự nhiên hơn, tự do thoải mái thật là không gì bằng .

Đặng Tiểu Bình còn thích leo núi.

Năm 1959, khi chơi bóng bàn ông bị ngã gãy chân, điều này khiến ông tránh được những rắc rối của hội nghị Lư Sơn năm đó, nhưng để lại khuyết tật trên cơ thể ông. Tháng 11 năm 1972, khi leo lên qua ranh giới Hoàng Dương của Tỉnh Cương Sơn, ông nói: "Cả người tôi, ngoài chiếc chân này ra, tất cả còn lại đều tốt".

Ông vốn là người rất thích leo núi, trước chiến dịch vượt sông, ông và Trần Nghị tranh thủ thời gian rảnh, trên đường từ đồi Tây Bá trở về tiền tuyến, hai ông đã đi chơi núi Thái Sơn, để một mình Lưu Bá Thừa chuẩn bị công việc tác chiến. Sau khi bị gãy chân, để tăng cường rèn luyện và kiểm nghiệm tình trạng vết thương, hàng ngày ngoài việc tập đi bộ ra, ông còn tập leo núi và không bỏ qua những dịp leo lên những ngọn núi nổi tiếng.

Thời kỳ đầu cải cách mở cửa có một câu nói: "Muốn ăn cơm, tìm Vạn Lý". Năm 1975, lúc chỉnh đốn, Vạn Lý là Bộ trưởng đường sắt, là ngành có hiệu quả nhất trong dịp chỉnh đốn đó. Hiện nay, vấn đề "cơm ăn" đã có hiệu quả rất lớn; tháng 7 năm 1979, Đặng Tiểu Bình đến gặp Vạn Lý, lúc đó là Bí thư thứ nhất tỉnh uỷ An Huy. Lần gặp gỡ đó chắc chắn có liên quan đến vấn đề khoán sản đến hộ gia đình đang được tranh luận rất gay gắt; nhưng việc được rất nhiều người biết đến là việc ông leo núi Hoàng Sơn. Hôm trước đó, Đặng Nam chỉ lên ngọn núi cao vời vợi nói: "Thưa cha, ngọn núi cao như vậy liệu chúng ta có leo nổi không ạ? "Đặng Tiểu Bình nói: "Phải cố gắng, không được nhụt chí. Ngày mai chúng ta nhất định phải leo lên".

Hơn 7 giờ sáng hôm sau, tất cả cùng xuất phát, sau khi xe tới Từ Quang Các - cửa ngõ của con đường lên ngọn Ngọc Bính, tất cả xuống xe bắt đầu leo núi. Một đoàn người tự động tới cổ vũ, ông nói một cách rất vui vẻ.

Cảm ơn sự cổ vũ của các đồng chí. Tôi nhất định phải leo bằng được lên ngọn núi này?" Rồi ông chống gậy bắt đầu leo lên.

Đi được một đoạn thì gặp một con đường rất dốc, mọi người đã chuẩn bị sẵn kiệu nên đã mời ông lên để khiêng đi nhưng ông kiên quyết từ chối. Ông bước một mạch hơn 30 bậc, bỏ lại đoàn người đi cùng ở mãi phía sau, ông còn quay lại vẫy họ và nhắc phải đi cẩn thận. Mọi người vội nhắc ông đường núi cần đi chậm một chút. Đặng Tiểu Bình cười nói: "Việc này không cần phải dạy tôi, tôi còn có kinh nghiệm hơn các đồng chí. Thời kỳ trường chinh, nhiều đồng chí đã bị ngã, tôi càng đi càng khoẻ". Rồi ông còn truyền đạt kinh nghiệm cho mọi người rằng phải xắn quần lên cao quá đầu gối và đừng bước dài quá mới dễ đi. Hôm đó, ông đã leo lên tận đỉnh Ngọc Bính và ngủ lại trên đó; tính ra trong một ngày ông đã đi được 60 dặm đường núi, thật đáng kinh ngạc biết bao.

Ngày thứ ba ông lại phấn khởi leo tiếp lên ngọn Quang Minh. Trên đường đi, ông gặp và nói chuyện với ba nữ sinh viên khoa báo chí Đại học Phục Đán, cùng họ chụp ảnh và ký lưu niệm. Sau khi lên tới đỉnh Quang Minh, bất chấp cả mệt mỏi, ông đã tới thăm Trạm khí tượng Hoàng Sơn và Đài 70 xây dựng trên đỉnh núi, cùng chụp ảnh lưu niệm với họ.

Ngày thứ tư ông leo tiếp đỉnh Thuỷ Tín.

Ngày thứ năm bắt đầu xuống núi. Khi trở về chỗ ở ông vui mừng nói: "Bài học Hoàng Sơn hôm nay chứng minh rằng tôi hoàn toàn đủ tư cách".

Ngày hôm sau ông nghe báo cáo, tham dự hội họp. Ông đã ra những chỉ thị quan trọng cho ngành du lịch, kinh tế miền núi và các chế độ trách nhiệm.

Lúc đó, mọi người còn rất lạ lẫm với ngành du lịch. Ngành du lịch của Trung Quốc có thể nói là chưa được thành lập, về cơ bản nó là một phần của công tác tiếp đón, ngoại giao và mậu dịch kinh tế đối ngoại. Ngoài việc tiếp đón khách nước ngoài, kiều bào ở nước ngoài, đồng bào ở Đài Loan, Hồng Kông, Áo Môn ra, du lịch trong nước vẫn chưa được đưa vào hoạt động. Khách nước ngoài lại không nhiều. Khách du lịch nước ngoài (không tính kiều bào ở nước ngoài) cả

năm 1978 chỉ có 12,1 vạn người, vượt quá tổng lượng khách trong 20 năm kể từ năm 1971 trở về trước. Đến năm 1979 đã có hơn 36 vạn người, năm 1980 lên gần 53 vạn. Miền đất Hoàng Sơn phong thuỷ quý giá đến vậy mà suốt trong 30 năm, kể từ năm 1979 trở về trước, lượng khách đến đây chỉ có hơn 1 triệu người, bình quân mỗi năm chỉ vài vạn. Nhưng đến năm 1980, số người đến Hoàng Sơn đã vượt con số 40 vạn, nhưng do khâu phục vụ không theo kịp, thiếu nơi ăn nghỉ đã phát sinh ra nhiều vấn đề. Tình hình này còn xảy ra cả ở các nơi khác như Hoa Sơn, Thái Sơn, Lư Sơn... và nhiều nơi khác. Việc Đặng Tiểu Bình lên Hoàng Sơn đã mở ra một trang mới cho lịch sử ngành du lịch của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Thời còn trẻ, Đặng Tiểu Bình là người rất vui vẻ, thích nói, thích cười, rất hoạt bát. Vào khoảng bắt đầu cuộc kháng chiến chống Nhật, trách nhiệm lãnh đạo rất nặng nề đã khiến ông trầm tư ít nói. Nhưng ông vẫn là người rất vui vẻ. Ngoài niềm vui trong công tác, sự nghiệp, tình bạn bè và chuyện ăn, uống, vui chơi nói trên ra, ông còn một số niềm vui khá nổi tiếng khác là:

Niềm vui xem bóng đá: Ông từng nói: "Cả đời tôi thích xem bóng đá nhất và đã xem mấy chục năm rồi". Trong Worl cup 1990, tổng cộng có tất cả 52 trận, ông đã xem phát trực tiếp và qua băng tới 50 trận, thật là người mê bóng đá siêu hạng.

Niềm yêu thích này được hình thành từ thời kỳ ông học ở Pháp. Có một lần, để được xem một trận đấu trong thế vận hội Olimpic. Ông đã phải gán cả chiếc áo khoác để lấy một chiếc vé. Trước "cách mạng văn hoá", lúc ở Bắc Kinh, hễ có bóng đá là ông phải xem bằng được, kể cả cuộc thi đấu của trẻ em trên sân vận động Tiên Nông Đàn - Bắc Kinh ông cũng đi xem. Thời kỳ cải cách mở cửa, cũng như bao người Trung Quốc mê bóng đá khác mỗi khi nhìn thấy đội bóng đá của Trung Quốc, ông lại cảm thấy một nỗi buồn không thổ lộ ra được", nhưng đồng thời ông cũng lý giải rằng: "Điều đó đâu có gì đáng trách. Bóng đá, tố chất sức khoẻ là rất then chốt nó khác hẳn với các môn bóng khác".

Năm 1973, ông đã trở về Bắc Kinh, nhưng chưa chính thức được phục hồi công tác, có một đội bóng nước ngoài tới Bắc Kinh thi đấu. Niềm đam mê bùng bên, ông đã cùng người nhà lặng lẽ đi vòng phía sau đài Chủ tịch để vào sân

xem. Không ngờ, vừa vào đã bị quần chúng phát hiện. Hơn 1 vạn khán giả nhất loạt đứng dậy hoan hô nhiệt liệt và ông buộc phải ngồi lên hàng ghế trước. Bóng đá, chẳng những về mặt tâm lý mà ngay cả trên sân bãi, đã gắn ông với quần chúng nhân dân lại rất chặt chẽ.

Cũng giống như mọi người dân Trung Quốc, ông cũng rất thích xem những môn thể thao mà Trung Quốc có ưu thế trong các cuộc đua tài trên thế giới. Nếu đội nhà thắng được một điểm ông lập tức vỗ tay và động viên người bên cạnh cùng vỗ tay cổ vũ.

Đối với một số môn do trọng tài chấm điểm như thể dục dụng cụ bơi lội, ông thích tự chấm điểm cho các vận động viên Trung Quốc, điểm mà ông chấm thường cao hơn điểm của các trọng tài.

Một trong các niềm vui nổi tiếng khác là niềm vui gia đình.

Cuốn sách "Đặng Tiểu Bình - cha tôi: Những năm tháng trong "cách mạng văn hoá "xuất bản tháng 6 năm 2000 viết: "Tất cả mọi người trong nhà tôi đều rất yêu quí gia đình mình, luôn muốn được ở bên nhau. Cho tới tận bây giờ, mỗi người chúng tôi đều trên 50 tuổi cả, mười mấy con người vẫn ở cùng với nhau, vẫn luôn "dựa" vào người mẹ già của mình".

Tình yêu gia đình của những người con của ông đã mang lại cho ông niềm vui gia đình, mà những nhà chính trị lớn cả trong và ngoài nước khó có được.

Giống như hầu hết các nhà chính trị, nhà cách mạng chuyên nghiệp khác, trong những năm tháng chiến tranh hầu như không được hưởng niềm vui gia đình, phải từ sau khi thành lập nước Trung Quốc mới, Đặng Tiểu Bình về mới được sống cùng con cái. Đặng Tiểu Bình có 5 người con, 3 người sinh ra ở khu Thái Hành Sơn. Một người sau khi sinh được ít lâu đã được đưa về qua khu nuôi dưỡng. Đặng Lâm con gái lớn của ông kể lại: "Tôi là con gái cả trong nhà, sinh ngày 11 tháng 9 năm 1941 tại Thái Hành Sơn. Tôi vốn phải được cha mẹ hết sức yêu chiều. Nhưng tròn 7 ngày sau khi ra đời đã được gửi nhờ một người nông dân nghèo nuôi nấng. Hai năm sau, khi tôi được trở về bên cha mẹ, tôi đã là một đứa trẻ ốm yếu, thiếu dinh dưỡng với đủ mọi thứ bệnh tật, yếu đến nỗi đuổi ruồi không nổi. Cha mẹ rất đau lòng, nhưng vẫn buộc phải dựa vào nhà trẻ ở Diên An...

Do vậy, Đặng Tiểu Bình đặc biệt yêu quý con cái. Ông không thích chụp ảnh, nhưng từ lâu vẫn giữ một bức ảnh rất quý, đó là bức ảnh hai vợ chồng ông bế đứa con chụp chung với hai vợ chồng Lưu Bá Thừa, trên tay Lưu Bá Thừa cũng bế một đứa trẻ. Đây có thể là một ngày hạnh phúc rất hiếm hoi. Năm 1949, sau khi Thượng Hải được giải phóng, cả 5 người nhà ông lại chụp chung một bức ảnh với 4 người nhà Lưu Bá Thừa. Sau đó, hai chiếc ô tô, một chở 5 người nhà Đặng Tiểu Bình và một chở 6 người nhà Lưu Bá Thừa đã tới Trùng Khánh vào tháng 12 năm 1949. Từ đó ông được sống tương đối yên ổn với cả gia đình mình. Lúc đầu hai gia đình ở chung một ngôi nhà, về sau Lưu Bá Thừa chuyển đi Nam Kinh, gia đình Hạ Long chuyển tới thế chỗ ở đó. Tại Trùng Khánh, hai vợ chồng ông sinh thêm hai người con. Con gái Đặng Tiểu Bình viết về hai gia đình như sau: "ở Tây Nam, hai gia đình chúng tôi một ở tầng trên, một ở tầng dưới, bọn trẻ chúng tôi tuổi sàn sàn như nhau, cùng chơi với nhau, đánh lộn nhau. Sau giải phóng, cha tôi thường dẫn chúng tôi tới chơi nhà Bác Lưu Bá Thừa, người lớn ngồi nói chuyện, còn chúng tôi thì chơi đùa với nhau, người ngoài không biết tưởng chúng tôi là người một nhà".

Trong 5 người con, hai đứa con nhỏ của ông có "đặc quyền" rất lớn, được chơi đùa thoải mái ngay cả trong phòng làm việc của ông. Ông còn thích đưa con cái đi xem những trận bóng đá mà ông thích, nhưng bọn trẻ chẳng thiết gì bóng đá, mà chỉ chạy đi chơi và uống nước ngọt trong phòng nghỉ. Khi con cái đã trưởng thành, ông lại lần lượt nuôi những đứa trẻ của bà con thân thích cho tới khi chúng trưởng thành. Đối với những đứa trẻ này, Đặng Lâm nói: "Cha tôi nói chúng là những đứa trẻ rất ngoan, cả nhà chúng tôi đều yêu quý chúng".

Tháng 11 năm 1972, người cháu đầu tiên của Đặng Tiểu Bình chào đời khiến ông rất phấn khởi. Thời kỳ Đặng Nam còn đang mang thai, ông đã bắt đầu thực hiện trách nhiệm của người ông, chủ yếu là cùng con gái đi dạo. Khi đứa cháu được sinh ra, ông đang đi thăm lại khu căn cứ cách mạng cũ ở Giang Tây. Đây là lần đầu tiên ông được ra ngoài sau 5 năm bị cầm cố, cũng có nghĩa là sắp được "giải phóng", nên ông vui mừng khôn xiết. Đứa cháu đầu tiên tên là Miên Miên đã mang lại cho ông niềm vui gấp bội, ông chỉ vào các con nói rằng: "Nay đã có Miên Miên rồi, các con đều ra rìa nhé!" .

Tháng 4 năm 1974, Đặng Lâm sinh Manh Manh. Chính trong tháng đó, ông thay mặt Chính phủ Trung Quốc phát biểu tại Đại hội đồng Liên Hợp quốc, điều này chứng tỏ Mao Trạch Đông đã sắp xếp để ông là người kế tục Chu Ân Lai. Có hai cháu, ông càng vui hơn và luôn nói: "Nhà có trẻ con mới có sức sống". Năm đó, ông tròn 70 tuổi, cả nhà lại chụp chung một bức ảnh kỷ niệm. Sau đó còn thêm cháu gái Dương Dương con của Mao Mao và một cháu trai con của Phi Phi nữa.

Trong một bài viết tháng 2 năm 1998, Đặng Lâm giới thiệu: "Bốn đứa cháu mang lại cho ông một niềm vui vô tận!"

Đến tận bây giờ, trên bàn làm việc của cha tôi vẫn còn bày rất nhiều đồ chơi bằng sứ do các cháu tặng ông. Bốn con vật nhỏ là bốn con vật mà các cháu cầm tinh: Miên Miên là con chuột, Manh Manh là con hổ, Dương Dương là con dê, còn cháu trai bé nhất là con trâu. Ngoài ra còn có một chiếc lán đựng bảy con lợn béo múp míp trắng tinh. Năm con tượng trưng cho 5 anh chị em chúng tôi, còn hai con lớn hơn có đeo kính tượng trưng cho cha mẹ tôi. Một đại gia đình thật đáng yêu biết bao!

Ông rất yêu quý các cháu, thiếu đứa nào là ông hỏi và đi tìm ngay. Gần mấy chục năm trời, ông không hề đi cửa hàng. Năm 1992, khi ở Thượng Hải, cả nhà sắp xếp cho ông đi xem, đột nhiên ông đưa ra ý kiến muốn mua đồ. Ông mua bốn hộp bút chì, bốn cục tẩy tặng cho bốn cháu. Chúng tôi hỏi chúng điều đó có ý nghĩa gì, chúng nói, đó là ông muốn chúng "cố gắng học tập, sửa chữa khuyết điểm".

Đứa cháu trai nhỏ nhất là đứa được ông cưng chiều nhất. Trong các bức ảnh chụp, thường hai ông cháu xuất hiện nhiều nhất. Ông là người rất nhân từ, đôn hậu. Ông thường kể chuyện cho cháu bé nghe, đút cho cháu ăn và cùng chơi đùa với cháu. Được vui chơi với cháu bé, một ông già 89 tuổi như Đặng Tiểu Bình cảm thấy thư thái, đắm chìm trong tình cảm ngây thơ, trong sáng mà quên đi tất cả.

Ngày 9 tháng 11 năm 1989, Đặng Tiểu Bình nghỉ hưu. Trong bữa cơm trưa hôm đó, ông nói: "Sau khi tôi nghỉ, nguyện vọng cuối cùng của tôi là được sống một cuộc sống thực sự bình dân, đơn giản hơn, có thể dạo phố và thăm thú các

nơi". Miên Miên cười nói: "Ông thật là người lý tưởng chủ nghĩa".

Thời gian trôi đi, Miên Miên đã 17 tuổi, đã có thể biết bình luận sự việc và bình luận khá sắc sảo. Từ bình dân đến vĩ đại hiển nhiên là không dễ dàng, nhưng từ vĩ đại trở về bình dân càng khó hơn, "lý tưởng" này của Đặng Tiểu Bình nếu Trung Quốc thực hiện được sẽ là một bước rất lớn đánh dấu sự phát triển của xã hội Trung Quốc.

Bữa cơm tối hôm đó, cả nhà đoàn tụ nhiệt liệt chúc mừng ông. Đứa nhỏ nhất thay mặt cho bốn đứa cháu đã tặng ông một tấm thiếp chúc mừng do chính tay cháu thiết kế. Trên tấm thiếp có in dòng chữ: "Mong ông mãi mãi trẻ như chúng cháu!" Bốn đứa cháu lần lượt ôm hôn ông, cả nhà cùng cười vui vẻ. Năm 1992, Đặng Tiểu Bình đi thăm miền Nam, đứa cháu nhỏ nhất cũng đi cùng, có lúc nó còn ôm hôn ông trước mặt mọi người, cùng ông trồng cây và xách thùng đi tưới cây, lòng ông lúc đó thật vô cùng sung sướng.

Tháng 6 và tháng 10 năm 1992, Hội phát triển nguồn vốn thanh thiếu niên Trung Quốc nhận được hai khoản quyên góp cho "công trình hy vọng" với số tiền là 5000 đồng dưới cái tên là "một người cộng sản già". "Công trình hy vọng" là một công trình nhằm cứu trợ những thiếu niên nghèo thất học để giúp các em quay trở lại trường học, được thành lập tháng 10 năm 1989. Do mức thu nhập của người Trung Quốc lúc đó chưa cao, nên tới năm 1992 mới chỉ quyên góp được hơn 50 triệu đồng. Vì vậy số tiền 5000 đồng không phải là nhỏ, nên hội nhất thiết phải tìm bằng được tên thật của người quyên góp.

Thật không ngờ, cuối cùng tìm ra được "Người cộng sản già" chính là Đặng Tiểu Bình. Ông nói rằng: "Tôi là con em của nhân dân Trung Quốc. Tôi vô cùng yêu mến Tổ quốc và nhân dân tôi". "Trong đó tôi yêu quý nhất có lẽ là các cháu bé. Các cháu trong cả nước chính là những đoá hoa của Tổ quốc, là mặt trời của ngày mai".

Chiều ngày 19 tháng 10 năm 1992, sau khi chụp ảnh chung với các đại biểu của Đại hội Đảng lần thứ 14, ông không hề công khai xuất hiện trên chính trường nữa. Nhưng cả hai cái Tết năm 1993 và 1994 ông đều xuất hiện trên truyền hình để chúc Tết nhân dân cả nước: "Chúc nhân dân cả nước ăn Tết vui vẻ, gia đình hạnh phúc, nhân dân đoàn kết, năm mới giành thắng lợi càng lớn

hơn".

Một con người vĩ đại đã dùng một phương thức truyền thống nhất - phương thức mà mọi người Trung Quốc thường dùng để biểu thị lời chúc phúc cuối cùng của ông tới một tỉ hai triệu người Trung Quốc...

Sau đó, ông vẫn luôn hưởng mềm vui gia đình. Đặng Lâm viết: "Các cháu đều yêu quý và kính trọng ông. Chúng đều biết ông là người tốt rất vĩ đại. Ông đã làm được rất nhiều việc cho nhân dân Trung Quốc và cũng phải trải qua biết bao nỗi oan ức khổ sở. Chúng đều muốn ông sống thật vui vẻ những năm cuối đời, được đi cùng ông là trách nhiệm cao nhất của chúng.

Điều làm cho chúng hăng hái, nhiệt tình nhất chính là ngày sinh nhật ông.

Tất cả quà tặng ông trong dịp này của cả nhà đều không phải mua mà do tự tay các cháu làm để biểu thị lòng kính yêu đối với ông.

Ba lần tổ chức sinh nhật ông ở Bắc Đới Hà, các cháu đều tặng ông những bức tranh vẽ bằng phấn, diện tích bức tranh tới hai ba chục mét vuông!

Ông đón nhận tranh mà lòng vô cùng vui sướng. Chúng tôi hỏi ông tranh các cháu vẽ thế nào, ông luôn nói: "Vẽ đẹp lắm, đẹp lắm!"

Vài năm sau đó, quà mừng sinh nhật ông của các cháu toàn là đồ thủ công mỹ nghệ. Sinh nhật lần thứ 90 của ông, chúng dùng giấy màu gấp thành 90 con gà con đủ màu sặc sỡ rồi dùng một sợi chỉ xuyên qua để tượng trưng cho sự may mắn. Sinh nhật lần thứ 91, chúng cũng dùng giấy màu gấp 91 cỗ xe (xe gió). Năm 1996 sinh nhật lần thứ 92 của ông, chúng mua các sợi nhung đủ màu về tết thành những chiếc bánh chưng lớn nhỏ. Ông nhìn quà tặng này nở nụ cười vui vẻ.

Ngày 19 tháng 2 năm 1997, Đặng Tiểu Bình ung dung, bình tĩnh, khoan thai, mỉm cười từ biệt thế giới này.

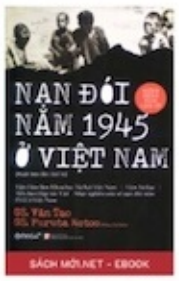

THƯ VIỆN EBOOK

SÁCH MỚI.NET

HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN

WWW.SACHMOI.NET